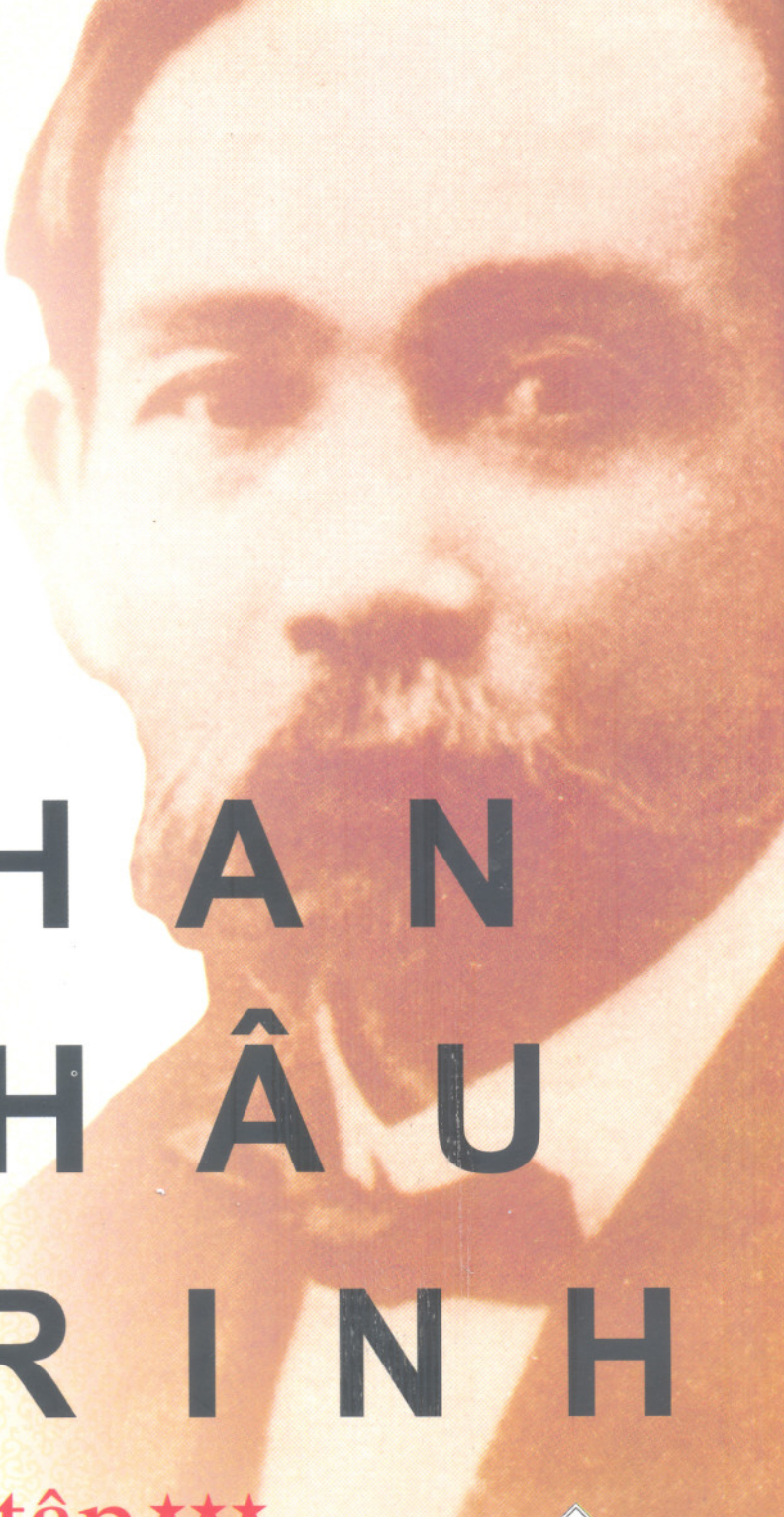


PHAN CHÂU TRINH

Toàn tập ★★★

NHÀ XUẤT BẢN
ĐÀ NẴNG

PHAN CHÂU TRINH TOÀN TẬP

Tập III

PHAN CHÂU TRINH
TOÀN TẬP

Tập III

NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG
2005

LỜI NÓI ĐẦU

Tập III của PHAN CHÂU TRINH - TOÀN TẬP gồm hai bộ phận:

- VĂN XUÔI với số lượng khoảng 250 trang. Trong đó có 3 tác phẩm tương đối dài dịch từ nguyên văn chữ Hán: *Đại Việt sử ký toàn thư* (25 trang), *Pháp - Việt liên hiệp hậu chi tân Việt Nam* (40 trang), *Thất điều thư* (20 trang) và 2 bài diễn thuyết tiếng Việt: *Đạo đức và Luân lý Đông Tây* (22 trang), *Quân trị chủ nghĩa và Dân trị chủ nghĩa* (20 trang). Còn lại là văn bài thuộc các loại: *Thư từ trao đổi* (có thư, bài dịch từ nguyên bản chữ Hán), *Báo cáo tình hình, Trả lời phỏng vấn, Truyện ngắn v.v...* có độ dài từ một vài trang đến dăm bảy trang.

Đó là số tác phẩm của Phan Châu Trinh mà chúng tôi đã cố gắng sưu tập, khai thác được từ nhiều nguồn, nhất là từ Khối lượng *Di cảo của Cụ* do gia đình lưu giữ được, để biên soạn và đưa vào tập III.

Qua đây chúng ta thấy giá trị của các văn phẩm không tùy thuộc ở độ dài ngắn, ở vấn đề lớn nhỏ ở trong cuộc sống đời thường hay ở trong chủ thuyết chính kiến và cả trong tiến trình tư tưởng của tác giả... đều có tính chiến đấu cao của lối *văn chính luận* điển hình cho thời đại đầu thế kỷ XX.

- PHỤ LỤC, chúng tôi đưa vào tập III 9 phụ lục khác nhau nhằm giúp bạn đọc có thêm những "tư liệu" liên quan, để bạn đọc tiện tham khảo, đặng có thể tìm hiểu, nghiên cứu nhận định, đánh giá đúng đắn hơn về thân thế - sự nghiệp của nhà chí sĩ yêu nước khả kính này.

Cũng như hai tập I và tập II, ở tập III, chúng tôi vẫn cho in kèm theo phần "nguyên văn chữ Hán" của các tác phẩm đã được dịch ở phần tiếng Việt, để bạn đọc tiện đối chiếu và hy vọng sẽ có bản dịch khác chuẩn xác hơn chăng.

Đặc biệt ở phần nguyên văn chữ Hán, chúng tôi cũng đưa vào thêm 2 tập *Phụ lục* các *đối liễn phúng điếu* Tây Hồ *tiên sinh* trong dịp lễ tang của Cụ. Hai tập sách chép hàng mấy trăm câu đối chữ Nho đã được Ban tổ chức lễ tang và nhất là ông Thượng Giới Thị Trần Tiêu - người đệ tử vô cùng kính mộ Cụ - đã chép lại với "thư pháp" rất tài hoa. Chúng tôi cho rằng, ngoài số *Di cảo gốc* (thủ bút của cụ Phan) thì 2 tập "Đối Liễn khấp điếu Phan Tây Hồ tiên sinh" này là một "văn hóa vật thể" vô giá cần phải được trân trọng bảo tồn để cho các thế hệ con cháu tiếp tục khai thác phát huy truyền thống lịch sử tốt đẹp của cha ông chúng ta.

Cuối cùng, một lần nữa những người biên soạn xin chân thành cảm ơn thân nhân gia đình cụ Phan, những nhà nghiên cứu đi trước, những bạn đồng nghiệp và người thân cùng lãnh đạo Thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam, Nhà xuất bản, Hội Sử học Việt Nam đã giúp chúng tôi hoàn thành biên soạn bộ sách PHAN CHÂU TRINH TOÀN TẬP này. Bộ sách này chắc chắn có nhiều điều bất cập, khiếm khuyết. Rất mong được bạn đọc góp cho những ý kiến phê bình xây dựng, để bổ sung sửa chữa tốt hơn trong lần tái bản.

Hà Nội, ngày đầu năm 2005
NHÓM BIÊN SOẠN

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TOÀN THƯ

(Bản khắc in ở Nhật Bản)

Tiểu dẫn: Bộ *Đại Việt sử ký toàn thư*, từng được Trần Hữu Độ lúc ông này giữ chức Kinh lược Bắc Kỳ, thay mặt vua nhà Nguyễn tặng cho Chính phủ Nhật Bản khoảng năm 1880-1883(?). Sau đó, các học giả Nhật Bản thấy rằng đây là một bộ *Lịch sử An Nam* có giá trị đã cho khắc in lại, viết thêm *Lời tựa thứ nhất* và *Lời tựa thứ hai* cùng với *Phàm lệ*.

Phan Châu Trinh trong chuyến đi Nhật Bản năm 1906, chắc là đã có được bộ sách khắc in này, và đọc qua thấy hai *Bài tựa* có ý nghĩa nên Cụ đã *sao chép* lại. Đồng thời, nhân đọc lại nội dung sách, Cụ cũng *ghi lại* một số "sự kiện lịch sử" và một số "mệnh đề", một số "câu thơ"... đáng ghi mà Cụ viết là "Tuỳ bút".

Thời gian Phan Châu Trinh đọc bộ sách này chưa xác định được, chúng tôi tạm xếp ở Tập này và chia làm 2 phần: I. Các *Lời tựa* và *Phàm lệ*; II. *Tùy bút sao lục*.

NBS

Phần I

BÀI TỰA ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TOÀN THƯ

Nước An Nam với nước Tiêm La (Xiêm) đất đai gần nhau, phong thổ giống nhau, bờ cõi nhân khẩu tương tự; thế mà nước An Nam hèn yếu, bị người Pháp cai trị, mà nước Tiêm La thì sản vật nhiều, chính sách tốt, đang đi đến chỗ giàu có. Người bình luận tìm nguyên cớ không được, liền nói rằng: do nước An Nam dùng chữ Hán, xem khắp thế giới, phàm những nước dùng chữ Hán thì uỷ mỵ, không chấn hưng được. Than ôi! Quả như lời nói đó, thì nước Ấn Độ đã mất, sao nước Tiêm La lại dùng chữ ấy; nước La Mã đã mất, Âu Mỹ sao cũng dùng chữ ấy? Trước nay, qua việc khảo cứu thì thấy thế nước chấn hưng hay không chấn hưng là ở chỗ tự cường hay ỷ lại vào người! Biết tự cường thì tích của, luyện quân, mọi việc cốt lấy hiệu quả thiết thực. Ỷ lại vào nước ngoài là chỉ biết dựa vào sức họ..., chăm chăm hư trương thanh thế.

Nước An Nam xưa gọi là Giao Chỉ, dựng nước đã lâu, mà qua hai triều Hán đều phải đến triều cống, chịu nhận sách phong, đã thành lệ sẵn. Thời đại gần đây, người Pháp đến thông thương đòi làm ăn ở Hải Phòng, rồi đến một hôm gây hấn, kêu gọi chiến binh, đánh một trận chiếm Đông Kinh (Hà Nội), đánh trận nữa chiếm Lạng Sơn, ngôi vua truất phế, quyền nắm trong tay! Ngoại viện không thể cậy nhờ được như thế...

Ngày xưa, người Mạc Phủ ta[1] cùng với người An Nam, Tiêm La thư từ qua lại, dân buôn dời sang ở Tiêm La, dần dần nơi ở đông đúc, gọi là Phố Nhật Bản (Nhật Bản nhai). Có ông Sơn Điền Trường Chính tài trí mưu lược hơn người. Đến khi nước Tiêm La

---

[1] Tức là người Nhật dưới thời Mạc Phủ.

bị giặc cướp, xin cứu viện, ông đốc suất mọi người dốc sức tiến đánh, lập được công trạng, bèn chiếm cứ luôn đất đai. Đương lúc đó, nước ấy không dùng chữ Hán mà lại hèn yếu hơn nước An Nam là tại sao? Cũng là do trông cậy vào sự giúp đỡ bên ngoài mà không biết tự cường vậy! Đức Kim thượng mở cuộc trung hưng, sửa sang ngoại giao, chỉnh đốn võ bị, càng lưu ý tới nguyên do trị loạn, hưng phế của các nước châu Á. Năm vừa qua, sai quan tứ đẳng ở bộ công là Đại Điểu Khuê Giới đến nước Tiêm La. Khuê Giới viết hai quyển *Kỷ hành* (ghi chép trên đường đi) ghi chép đầy đủ về chính sách cai trị, quá trình phát triển và biến đổi đất nước; còn đối với nước An Nam thì chưa làm được.

Gần đây, vị Trợ giáo trường Đại học Lục quân là ngài Dẫn Điền Lợi Chương khắc in bộ *Đại Việt sử ký* hai mươi bốn quyển. Đại Việt tức là nước An Nam. Sách này do Sử quan nước An Nam là nhóm các ông Ngô Sĩ Liên biên soạn, bắt đầu từ thời thái cổ, dừng bút ở thời vua Gia Tôn đời thứ hai mươi triều Lê. Vua Lê Gia Tôn đồng thời với vua Khang Hy nhà Thanh, tương đương khoảng những năm Diên Bảo, Thiên Hoà thuộc Linh Nguyên Thiên hoàng.

Từ đấy về sau, thời vận biến thiên, dẫu không thể lấy cái xưa chọn cái nay, nhưng việc nhờ dựa vào sức nước lớn, không biết tự cường đã cho thấy cái triệu chứng suy thoái. Đối với vài trăm năm trước đây, tham khảo sách *Tiêm La Kỷ hành* thì việc đó đây, được mất không phải là khó phân biệt. Người bình luận không nên kết tội cho chữ Hán là phải.

Niên hiệu *Minh Trị, trung tuần tháng Chạp, mùa đông năm Giáp Thân.*

Quan Giáo thụ tòng ngũ vị Cung trung văn học kiêm Đông Kinh đại học Nhật Bản.

XUYÊN ĐIỀN CƯƠNG soạn

BÀI TỰA THỨ HAI

Trong khoảng trời đất, đại dương bao quanh, vạn quốc rải rắc khắp nơi, con người chim thú khác biệt, chủng loại thật không có hạn. Trâu Diễn bảo rằng, ngoài chín châu ra còn có chín châu nữa, thời trước cho là lời nói bừa, ngày nay thì tàu xe thông suốt, sách báo lan truyền, về nhân tình, phong tục, thế đại, quá trình phát triển và biến đổi có thể thấy được. Các học giả đều có thể làm nên sự nghiệp, từ chế độ, văn vật, điển lễ, võ bị, cho đến đất nước với cây cối gì, loài vật quí hiếm nào đều có thể khảo sát lựa chọn, bởi vì sự học vấn sâu rộng chưa từng bao giờ được như ngày nay.

Nước Nhật Bản ta cùng với các nước đồng văn là Chi Na, là Triều Tiên, là An Nam. Chi Na với Triều Tiên đối với nước ta có sự giao hiếu từ trước. Còn nước An Nam xưa, có đôi khi tàu thuyền nước ta đến nước đó vì buôn bán với phía tây để trao đổi hàng hoá qua lại mà thôi. Chưa từng nghe nói có vị trí thức nào đến nước đó nhằm khảo sát phong thổ của vùng ấy. Chỉ có một chuyện A Bội Trọng Ma Lã bị bão trôi dạt vào đó mà thôi. Sau việc ấy bặt tăm không nghe có chuyện gì, bởi thế học giả nước ta cũng chẳng ai thông hiểu về sử của họ.

Ta được bộ *Đại Việt sử ký toàn thư*, đọc thấy từ họ Hồng Bàng bắt đầu dựng nước, trải qua Triệu Đà nhân loạn thời Tần có được đất Lĩnh Nam (Lĩnh Biểu), trước sau trên bốn ngàn năm. Trong thời gian đó, về trị loạn, hưng phế, chính sự, nhân vật... hết thảy không vấn đề nào không ghi chép đầy đủ. Nhờ thế mới bắt đầu biết nước An Nam có lịch sử trọn vẹn (toàn sử). Thời nay các học giả đều chăm lo cấp thiết mở rộng hiểu biết, ai

mà không trân trọng bộ sách này. Huống chi gần đây nước Pháp (Phật Lan Tây) thường giao thiệp về việc nước An Nam. Kết cục đã cùng với Chi Na gây hấn dụng binh liên tục mà không giải quyết được. Đối với bộ sách này, tôi trộm có lòng cảm khái, liền sai in lối sắp chữ (hoạt loát) để phân phát cho đồng chí.

Tháng mười, mùa đông, năm thứ mười bảy, niên hiệu Minh Trị Liễu Âm Dẫn Điền Lợi Chương ghi ở Điền Sơn thảo đường.

Bình Nguyên A Bộ Quang Trung chép lại.

PHÀM LỆ

VỀ VIỆC KHẮC IN BỘ ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TOÀN THƯ

- Sử của nước An Nam không có bộ nào đầy đủ hơn bộ sách này, cho nên mới có tên là *Toàn thư*. Tháng Bảy năm ngoái, tướng hiệu tham mưu bản bộ phụng mệnh đến nước An Nam, được Ngài Hà Nội phủ sự Nguyễn Hữu Độ tặng cho bộ sách này. Ông Tiều (có lẽ là tên vị tướng hiệu?) về trình bày với tôi, cho nên có việc khắc in này.

- Nguyên bản bộ sách mất lẫn lộn khá nhiều, chỗ nào không thể khảo đính được, đều thay bằng dấu□.

- *Kỷ nguyên Lê Thái Tổ* do sử quan Ngô Sĩ Liên biên soạn và Đại học sĩ Phạm Công Trứ tục biên tiếp vào *Bản Kỷ toàn thư*. Về sau nhóm các ông Lê Hy lại tiến hành biên soạn tiếp, đưa vào *Thực lục* ngày nay theo bản của nhóm ông Lê.

- *Bản Kỷ thực lục* từ *Kỷ Lê Thái Tông* về sau bị mất, nhóm các ông Phạm Công Trứ thu thập các sử tản mạn trước đây làm thành *Toàn thư*.

Tháng mười, mùa đông, năm thứ mười bảy niên hiệu Minh Trị

Dẫn Điền Lợi Chương ghi

Trên đây sao lục những *bài tựa* và *phàm lệ* người Nhật Bản khắc in bộ *Đại Việt sử ký toàn thư* nước Đại Việt ta.

Phan Châu Trinh.

Phần II
TUỲ BÚT SAO LỤC TRONG BỘ *ĐẠI VIỆT SỬ KÝ* KHẮC IN TẠI NHẬT BẢN

- Trần Thái Tông sai Lê Văn Hưu biên soạn bộ *Đại Việt sử ký* từ thời Triệu Vũ Đế đến Lý Chiêu Hoàng.

- Lê Nhân Tông sai tu soạn sử quan là Phan Phu Tiên biên soạn nối tiếp từ thời Trần Thái Tông đến thời kỳ người Minh về nước.

- Lê Thánh Tông sai Ngô Sĩ Liên toản tu bộ *Đại Việt sử ký toàn thư.*

- Lê Tương Dực Đế (Hồng Thuận năm thứ ba) sai Vũ Quỳnh soạn bộ *Đại Việt thông giám* chép từ thời Hồng Bàng đến mười hai sứ quân gọi riêng là *Ngoại kỷ*, từ Đinh Tiên Hoàng đến Lê Thái Tổ gọi là *Bản kỷ.*

- Năm Hồng Thuận thứ sáu sai Lê Tung soạn *Đại Việt thông giám tổng luận.*

- Năm Quang Thiệu thứ năm sai Đặng Minh Khiêm làm *Vịnh Sử thi tập.*

- Quốc sử đến niên hiệu Chính Hoà thứ mười tám, năm Đinh Sửu mới bắt đầu ấn hành (trước đó chỉ sao lục lại; điều này thấy ghi ở bài Tựa sách *Tục biên*). Hồ Tông Thốc làm bộ *Việt Sử cương mục*, ghi chép sự việc thận trọng mà có phương pháp, bình luận sự việc thiết đáng mà không rườm ra. Nhưng sau việc binh lửa, sách ấy bị thất truyền.

- Cuối thời Hùng Vương tương đương với thời Chu Noãn Vương năm thứ năm mươi bảy là năm Quí Mão, cộng hai nghìn hai mươi hai năm. Hùng Vương đóng đô ở Phong Châu, nay là huyện Bạch Hạc.

- Thục An Dương Vương đóng đô ở Phong Khê, nay là thành Cổ Loa (đắp thành ở Việt Thường, rộng nghìn trượng, xoáy vòng tròn như hình con ốc, còn gọi là thành Tư Long, người Đường gọi là thành Côn Luân).

Vương được móng chân rùa vàng, sai bầy tôi là Cao Lỗ làm nỏ thần, lấy móng rùa làm lẫy nỏ, gọi là Linh Quang Kim trảo thần nỗ.

- Đường Cao Vương (Cao Biền) nằm mộng thấy Cao Lỗ nói: "Ngày xưa giúp An Dương Vương có công lớn đánh lui giặc, bị Lạc hầu gièm pha, phải bỏ đi. Sau Thượng đế thương vì không có tội, ban cho một dải núi sông, giữ chức quản lĩnh, đánh dẹp giặc giã và làm chủ cả việc mùa màng gieo cấy. Nay theo Minh Công dẹp giặc dữ, lại trở về bản bộ, không có lời cáo biệt, thì không phải lễ. Cao Vương thức dậy, có làm bài thơ rằng:

Mỹ hỹ Giao Châu địa
Du du vạn tải lai
Cổ hiền năng đắc kiến
Chung bất phụ linh đài.

(Dịch: Đẹp thay đất Giao Châu.
Dằng dặc trải muôn thâu.
Người xưa nay được thấy.
Hả tấm lòng bấy lâu.)

- Thời Tần Thuỷ Hoàng, Lý Ông Trọng, người Từ Liêm, người cao hai trượng ba thước, lúc ít tuổi phải đi làm lao dịch, bị Trưởng quan đánh, liền bỏ sang nước Tần làm quan đến chức Tư lệ Hiệu úy, sai đi trấn thủ Lâm Thao, tiếng tăm lừng lẫy đến rợ Hung Nô. Sau khi mất, Thuỷ Hoàng đúc tượng đồng đặt ở ngoài cửa Tư Mã Cương thành Hàm Dương, trong bụng chứa được vài chục người, ngầm làm cho động đậy, rợ Hung Nô cứ tưởng là còn sống.

Về sau, Triệu Xương nhà Đường sang làm Đô hộ đất Giao Châu, nằm mơ cùng với Ông Trọng bàn giảng sách *Tả Thị Xuân Thu*, nhân hỏi thăm nơi ở cũ, lập đền thờ cúng (sau này, Cao Biền tạc gỗ tô tượng, gọi là Lý Hiệu uý. Thần quê xã Thuỵ Hương, huyện Từ Liêm).

- Tần Thuỷ Hoàng năm thứ ba mươi ba, đi sâu vào vùng

Lĩnh Nam, chiếm đất Lục Lương, đặt ra ba quận là: Quế Lâm, Nam Hải và Tượng Quận.

- An Dương Vương đem con gái là Mỵ Châu gả cho con Triệu Đà là Trọng Thuỷ. Trọng Thuỷ xem trộm nỏ thiêng, ngầm phá huỷ lấy nỏ. Đệm gấm lông ngỗng đi đến đâu nhổ lông ngỗng rắc chỗ đường rẽ.

- Đồ châu báu cho vào bao của Lục Giả giá đáng nghìn vàng.

- Miếu Trưng Nữ Vương ở xã Hát Giang, huyện Phúc Lộc (thành cũ đất Phiên Ngung cũng có).

- Tích Quang (người Hán Trung, cuối thời Tây Hán) ở đất Giao Châu, dạy dân lễ nghĩa.

- Nhâm Diên (người Uyển Thành) ở đất Cửu Chân, dạy dân khai khẩn, cày cấy. Khuyên lại thuộc bớt bổng lộc ra giúp đỡ dân nghèo không có sính lễ, khi đó có đến hai nghìn người cưới vợ một lúc. Văn phong ở đất Lĩnh Nam bắt đầu từ hai quan Thái thú này.

- Mã Viện dựng cột đồng có câu thề rằng: "Đồng trụ chiết, Giao Chỉ diệt" nghĩa là Cột đồng gẫy thì đất Giao Chỉ bị diệt. Người nước ta sợ cột đồng gẫy khi đi qua dưới cột, thường lấy đá chất vào, nên thành như gò đống.

- Thời Minh Đế nhà Hán, Lý Thiện là Thái thú Nhật Nam, làm chính sự có ân huệ yêu dân.

- Niên hiệu Vĩnh Hoà năm thứ ba nhà Hán bàn việc sai tướng phát bốn vạn quân các châu Kinh, Dương, Duyên, Dự đánh Nhật Nam, Tượng Lâm. Lý Cố bác đi.

Sỹ Nhiếp người thời Tam Quốc (quê vùng Quảng Tín, Thương Ngô, tổ tiên là người nước Lỗ) hồi loạn Vương Mãng tránh sang ở nước ta, đến Vương là bảy đời (Ngô Sĩ Liên viết: nước ta thông suốt thi thư, tập quen lễ nhạc bắt đầu từ Sĩ Vương).

- Thời vua Hiến Đế nhà Hán, thứ sử Lý Tiến, người nước ta thỉnh cầu: "Sử dụng người nước ta cũng cùng với người Trung Châu (Trung Quốc)".

- Lý Cầm (người Giao Châu) làm túc vệ ở đài, rủ người cùng làng là bọn Bốc Long năm, sáu người, kêu: "Không dùng người nước ta làm quan lại Trung Quốc". Lý Cầm làm quan đến Tự lệ Hiệu uý.

- Trương Trọng làm Thái thú Kim Thành (Trọng người

Nhật Nam)

- Thời Tam Quốc (người nước Ngô) thứ sử Chu Phù phần nhiều lấy người làng như bọn Lư Bao, Lưu Ngạn chia nhau làm Trưởng lại vơ vét của trăm họ, một con cá vàng thu một hộc thóc.

- Thời kỳ lệ thuộc những năm cuối nhà Ngô, quận Cửu Chân có người con gái là Triệu Ẩu vú dài ba thước, vắt ra sau lưng, không lấy chồng, thường mặc áo ngắn màu vàng, đi guốc đánh nhau, sau chết làm thần (Theo sách *Giao Chỉ chí*).

- Nhà Tấn (niên hiệu Nghĩa Hy năm thứ bảy) Lư Tuần bị Đỗ Tuệ Độ đánh cho tan vỡ, hắn bỏ thuốc độc cho vợ con chết trước, sau lại giết những con hát, nàng hầu không chịu chết theo.

- Đỗ Tuệ Độ (người Châu Diên nước ta) ở Giao Châu, mặc áo vải, ăn cơm rau, cấm các đền thờ dâm thần, sửa sang nhà học, năm đói kém lấy lộc riêng đem chẩn cấp.

Nhà Lưu Tống (niên hiệu Nguyên Gia năm thứ chín) Vua Lâm Ấp là Phạm Dương Mại xin quản lĩnh đất Giao Châu.

- Nhà Tề (niên hiệu Vĩnh Minh năm thứ tám) Thứ sử Phòng Pháp Thặng chỉ thích đọc sách, bỏ bễ việc cai trị trong châu, sau bị trưởng lại là Phục Đăng Chi bắt giam, cũng chỉ xin đọc sách.

- Tiền Lý Nam Đế (Lý Bí, người Long Hưng, Thái Bình) làm quan nhà Lương, sau gặp loạn, trở về Thái Bình, dấy binh giành độc lập, đặt quốc hiệu là Vạn Xuân.

- Tinh Thiều là người giỏi từ chương, đến nhà Lương để xin được làm quan, nhà Lương cho giữ chức Quảng môn lang, lấy làm sỉ nhục, trở về làng, theo Lý Nam Đế dấy binh.

- Triệu Quang Phục đóng giữ đầm Dạ Trạch, người trong nước gọi là Dạ Trạch Vương.

- Người quận Cửu Chân là Khương Công Phụ làm quan nhà Đường, đậu Tiến sĩ, bổ làm Hiệu thư lang. Vì có bài *chế sách* hơn mọi người, cho làm Hữu thập di Hàn lâm học sĩ, kiêm chức Kinh Triệu hộ tào tham quân. Về sau được thăng đến chức Gián nghị đại phu, đồng Trung thư môn hạ Bình chương sự.

- Thời nhà Đường (niên hiệu Thái Trung năm thứ mười hai) Đô hộ là Lý Trác làm chính sự tham lam tàn bạo, mua hiếp bò ngựa của người Man, mỗi con chỉ trả cho một hộc muối.

- Đinh Tiên Hoàng quy định về quân lính mười đạo: mỗi đạo

có mười quân, mỗi quân mười lữ, mỗi lữ mười tốt, mỗi tốt mười ngũ, mỗi ngũ mười người, đầu đội mũ bình đính (phẳng đầu) vuông bốn góc. (Về sau Lê Thái Tổ vẫn còn dùng).

- Lê Đại Hành hoàng đế đúc tiền Thiên Phúc.

Dựng điện Bách thảo thiên tuế ở núi Đại Vân, cột dát vàng bạc

Dựng điện Long Lục, lợp bằng ngói bạc.

- Lý Giác nhà Tống sang sứ nước ta, vịnh hai con ngỗng những câu sau:

Nga nga lưỡng nga nga
Ngưỡng diện hướng thiên nha
(Ngỗng, ngỗng hai con ngỗng
Ngửa mặt nhìn chân trời)

Lúc đó pháp sư Như Thuận đương cầm chèo, theo vần làm nối như sau:

Bạch mao phô lục thuỷ
Hồng trạo bãi thanh ba.
(Nước biếc phô lông trắng
Chèo hồng sóng xanh bơi).

Lý Giác đưa thơ tặng:

Hạnh tế minh thời tán thịnh du
Nhất thân lưỡng độ sứ Giao Châu
Đông Đô lưỡng biệt tâm vưu luyến
Nam Việt thiên trùng vọng vị hưu
Mã đạp yên vân xuyên lãng thạch
Xa từ thanh chướng phiếm trường lưu
Thiên ngoại hữu thiên ưng viễn chiếu
Khê đàm ba tĩnh kiến thiềm thu.
(May gặp thời bình được giúp mưu,
Một mình hai lượt sứ Giao Châu.
Đông Đô mấy độ còn lưu luyến,
Nam Việt nghìn trùng vẫn ước cầu.
Ngựa vượt khó mây xuyên đá chởm,
Xe qua rừng biếc vượt dòng sâu.
Ngoài trời lại có trời soi nữa,

Sóng lặng khe đầm bóng nguyệt thâu.)

Vua lại sai nhà sư Ngô Khuông Việt làm bài hát để tiễn Lý Giác về Tàu:

Tường quang phong hảo cẩm phàm trương
Dao vọng thần tiên phục đế hương
Vạn trùng sơn thuỷ thiệp thương lang
Cửu thiên quy lộ trường
Tinh thảm thiết, đối ly trường
Phan luyến sứ tinh lang
Nguyện tương thâm ý vị biên cương
Phân minh tấu ngã hoàng.
(Trời đẹp gió lành cánh buồm giương.
Xa ngóng thần tiên lại đế hương.
Vượt sóng xanh muôn trùng non nước,
Về phương trời, đường trường.
Tình thắm thiết, chén ly biệt.
Vin xe sứ vấn vương.
Xin đem thâm ý vì biên giới
Tâu Vua thật tỏ tường.)

- Vua Tiền Lê không lạy chế thư nhà Tống, nói dối là bị đau chân.

- Hoàng đế có biết đó không phải là quân của Giao Châu không? Nếu Giao Châu có làm phản thì đầu tiên đánh vào Phiên Ngung, thứ đến đánh Mâu Việt, há chỉ dừng ở trấn Như Hồng mà thôi?

- Lê Ngoạ Triều đổi lại quan chế và triều phục theo đúng như nhà Tống. Vui sai kép hát người nước Tống là Liêu Thủ Tâm cầm dao nhụt xẻo thịt người, người bị xẻo đau đớn kêu gào thì Thủ Tâm nói: "Không quen chịu chết".

- Vua Lý lập sáu hoàng hậu, duy có Đích phu nhân gọi là Lập giáo hoàng hậu, qui chế xe kiệu và y phục khác hẳn các cung khác. Lý Thái Tổ bắt đầu dời đô ra thành Đại La, đổi tên là thành Thăng Long.

- Lý Thái Tổ năm thứ tư mới định các thứ thuế: 1/ ao hồ ruộng đất. 2/ tiền và thóc về bãi dâu. 3/ Sản vật ở núi, nguồn các

phiên trấn. 4/ Các quan ải xét hỏi về mắm muối. 5/ Sừng tê, ngà voi, hương liệu của người Man Lão. 6/ Các thứ gỗ và hoa quả đầu nguồn. Cho các vương hầu, công chúa được quản các thứ thuế theo thứ bậc khác nhau.

- Thời Lý có người con hát là Đào Thị, giỏi nghề hát, thường được ban thưởng, người thời bấy giờ hâm mộ, phàm các con hát đều gọi là Đào Nương.

- Lê Phụng Hiểu nói "đem thanh gươm này để dâng" rồi xông thẳng đến chỗ ngựa của Vũ Đức Vương.

Phụng Hiểu người hương Băng Sơn ở Ái Châu, lúc nhỏ đã hùng dũng. Hai thôn Cổ Bi và Đàm Xá tranh nhau địa giới, đem người nhằm đánh nhau. Phụng Hiểu bảo người thôn Cổ Bi rằng: "Tôi có thể một mình đánh được bọn họ". Các phụ lão làm cơm rượu thết đãi. Phụng Hiểu ăn một bữa mấy đấu gạo, ăn uống no nê rồi đi khiêu chiến. Hiểu nhổ cây, cầm đánh phạt ngang làm bị thương nhiều người. Lý Thái Tổ nghe tiếng dũng mãnh, cho làm tướng. Sau theo Lý Thái Tông đi đánh ở miền Nam, danh tiếng chấn động nước phiên. Khi thắng trận trở về xét định công trạng. Hiểu nói: "Không muốn thưởng tước, xin được đứng trên núi Băng Sơn ném đại đao đi xa, đao rơi xuống chỗ nào, thì xin ban cho làm sản nghiệp". Vua nghe theo Hiểu lên núi, ném đao xa đến hơn mười dặm, đao rơi xuống hương Đa Mi. Vua bèn ban cho số ruộng ấy và tha thóc thuế cho ruộng ném đao. Vì vậy châu Ái gọi thưởng công là ném đao.

- Lý Thái Tông bảo các quan lúc tâu vua, gọi vua là "triều đình".

Lý Thái Tông dạy cung nữ dệt được gấm vóc.

Lý Thái Tông xuống chiếu: các quan chức ai bỏ trốn thì phạt đánh một trăm trượng, thích vào mặt 50 chữ và xử tội đồ. Các quân sĩ trốn vào núi rừng đồng nội cướp của người thì phạt đánh một trăm trượng, thích vào mặt ba mươi chữ. Người coi trấn trại mà bỏ trốn cũng phải tội như thế.

Người ăn trộm trâu của công thì phải phạt đánh một trăm trượng, một con phạt thành hai con.

Những người vắng mặt trong buổi hội thề đều phải phạt đánh năm mươi trượng.

Đêm vào nhà người giam dâm vợ người ta, lúc bấy giờ đánh chết ngay thì không bị tội.

- Về việc *phú thuế,* cho quan thu thuế ngoài mười phần được lấy thêm một phần, gọi là "hoành đầu", lấy quá thì xử theo tội ăn trộm. Người tố cáo được tha *phú dịch* cho cả nhà trong ba năm, người ở kinh thành cáo giác thì thưởng cho bằng hiện vật.

Quản giáp, chủ đô và người thu thuế thu quá lệ, thời gian thu thuế tuy xảy ra đã lâu, nhưng có người tố cáo thì người thu quá đều phải chịu tội nặng.

- Lý Thái Tông đầu tiên biên soạn sách *Hình thư.*

Cấm bán người làm gia nô, nếu phạm phải bị đánh một trăm trượng, thích vào mặt hai mươi chữ.

- Người giữ trại Bố chính của nước Chiêm Thành là Bố Linh, Bố Kha, Lan Đà Tinh đem bộ thuộc sang quy phụ.

- Phi của vua nước Chiêm Sạ Đẩu là Mị Ê không chịu sang hầu thuyền vua, lấy chăn quấn vào mình, nhảy xuống sông chết. Phong là Hiệp chính hữu thiện phu nhân.

- Nùng Trí Cao vây hãm các châu: Ung, Hoành, Quý, Đằng, Ngô, Khang, Đoan, Củng, Tầm. Vây thành Quảng Châu đến năm tuần không hạ được. Giết tướng tá nhà Tống hơn ba nghìn người.

- Lý Thánh Tông làm Văn Miếu, đắp tượng Khổng Tử, Chu Công.

- Chế Củ nước Chiêm Thành dâng ba châu: Địa Lý (tức Quảng Nam), Ma Linh, Bố Chính để chuộc tội. Tha cho về nước.

- Thời Lý Nhân Tông, Lý Thường Kiệt chống cự với quân Tống Quách Quỳ, ban đêm nghe thấy trong đền Trương tướng quân có tiếng ngâm:

Nam quốc sơn hà Nam đế cư
Tiệt nhiên định phận hữu thiên thư
Như hà nghịch lỗ lại xâm phạm
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.
(Sông núi nước Nam, Nam đế ở.
Sách trời phân định tự lâu rồi.
Giặc kia sao dám liều xâm phạm.
Bay cứ chờ xem chuốc bại thôi!)

(Trương Tướng quân có hai anh em. Anh là Khiếu, em là Hát, là dinh tướng của Triệu Việt Vương. Triệu Việt Vương bị Lý Nam Đế đánh bại. Lý Nam Đế muốn kêu gọi dùng hai người làm quan, hai tướng không chịu. Sau đó, vua truyền mua đầu hai người với giá nghìn lạng vàng, hai người bèn uống thuốc độc chết. Sau đều được phong làm thần, đền thờ anh ở cửa sông Như Nguyệt, đền thờ em ở cửa sông Nam Quân).

- Chuông Quy Điền.

- Thời Lý Nhân Tông xuống chiếu khuyên nhân dân làm nhà ngói.

- Vì tham voi Giao Chỉ, bỏ mất vàng Quảng Nguyên.

- Đặt chức thư gia mười hoả(?).

- Họp quân nhân trong thiên hạ hội thề ở điện Long Trì

- Lý Thần Tông quan sát người trong nước hội thề ở Long Trì.

"Điện tiền Vũ Cứt chứ không phải Đái" (câu nói của Nguyễn Dương)

- Nhà sư Tây Vực trả lời là có tài phục được hổ, bảo làm thử, không hiệu nghiệm.

- Chùa Phù Đổng có thần nhân đề thơ rằng:

Nhất bát công đức thuỷ
Tuỳ duyên hoá thế gian
Quang quang trùng chúc chiếu
Một ảnh nhật đăng san
(Một bát nước công đức,
Hoá sinh chốn thế gian;
Sáng ngời hai đuốc rọi,
Gác núi, ánh trời tàn)

- Trần Thái Tông năm thứ sáu, làm lễ điếu Khuất Nguyên tết Đoan Ngọ và làm lễ điếu Giới Tử Thôi tiết Hàn thực.

- Năm thứ mười. Xét án cho lấy tiền bình bạc (bình tức là xét *ĐVSKT thư*)

- Năm thứ mười một, đặt chức *xã tư* (đại xã tư từ ngũ phẩm trở lên, tiểu xã tư từ lục phẩm trở xuống) hoặc kiêm hai ba bốn xã, cùng *xã chính, sử, giám* gọi là *xã quan*.

- Con trai lớn gọi là đại hoàng nam, nhỏ gọi là tiểu hoàng nam. Sáu mươi tuổi gọi là lão (già lắm thì gọi là long lão).

- Nhân đinh có ruộng đất thì nộp tiền thóc, người không có ruộng đất thì miễn cả. Có một hai mẫu ruộng thì nộp một quan tiền, có ba bốn mẫu thì nộp hai quan tiền, có từ năm mẫu trở lên thì nộp ba quan tiền. Tô ruộng mỗi mẫu nộp một trăm thăng thóc.

- Trần Thái Tông năm thứ mười sáu, mới đặt danh hiệu Tam Khôi (Tam Khôi là Trạng nguyên, Bảng nhỡn, Thám hoa).

- Năm thứ mười bảy, đắp đê sông, gọi là đê quai vạc, đê sông bắt đầu từ đó.

- Năm thứ mười chín, xuống chiếu gọi vua là "quốc gia".

- Tiểu hiệu Hoàng Cự Đà giận vì không được ăn xoài, đến khi quân Nguyên đến Đông Bộ Đầu, quan quân hỏi: "Quân Nguyên ở đâu?". Đà trả lời: "Các người đi mà hỏi những ai ăn xoài ấy".

- Quân Nguyên vào xâm lược, vua hỏi Trần Nhật Hiệu. Hiệu lấy ngón tay chấm nước viết hai chữ "Nhập Tống" lên mạn thuyền. (Nhập Tống nghĩa là chạy vào đất Tống).

Vua dời thuyền đến hỏi Thủ Độ, Độ trả lời: "Đầu thần chưa rơi xuống đất, bệ hạ đừng lo gì khác".

- Người vợ Thủ Độ xin riêng cho một người làm câu đương, Thủ Độ nhận lời. Sau Độ bảo phải chặt một ngón chân câu đương để phân biệt với người khác.

- Người Tống đem ba mươi chiếc thuyền biển sang qui phục, cho ở phường Nhai Tuân (?) gọi là người Hồi Kê, bởi vì nước ta gọi nước Tống là Kê quốc, vì người Tống có các hàng vải lụa, dược phẩm bày hàng mở chợ buôn bán.

- Thời Trần Thánh Tông, Trạng Nguyên người Nghệ An là Bạch Liêu đọc sách ngàn dòng một mạch.

- Trần Uy Văn Vương, tự hiệu là Sầm Lâu, có câu:

"Thoa lạp ngũ hồ vinh bội ấn,
Tang ma mãn dã thắng phong hầu"
(Tơi nón năm hồ hơn giữ ấn,
Dâu gai đầy nội vượt phong hầu).

- Thời Trần Nhân Tông ban thước gỗ, thước lụa cùng một kiểu.

- Quân áo xanh được làm việc kiểm pháp bắt đầu từ Hùng

Thao (áo xanh tức quan hoạn).

- Thời Trần Nhân Tông, Hình bộ Thượng thư Nguyễn Thuyên (được ban họ Hàn) giỏi làm thơ phú quốc ngữ. Thơ phú nước ta dùng quốc ngữ bắt đầu từ đây.

- Quản Nguyên vào xâm lấn, Hoài Văn hầu Quốc Toản còn trẻ tuổi không được dự bàn, trong lòng hổ thẹn phấn kích, tay cầm quả cam, bóp nát lúc nào không biết. Sau về đốc suất hơn một nghìn người, viết lên cờ sáu chữ: "Phá cường lỗ, báo hoàng ân" (Phá giặc mạnh, báo ơn vua).

- Trần Nhân Tông năm thứ sáu, triệu tập phụ lão trong nước họp ở thần điện Diên Hồng, ban yến và hỏi kế đánh giặc. Các phụ lão đều nói: "*Đánh*!".

- Vua Nhân Tông làm thơ để ở đuôi thuyền:

"Cối Kê cựu sự quân tu ký
Hoan Diễn do tồn thập vạn binh"
(Cối Kê chuyện cũ người nên nhớ,
Hoan Diễn còn kia chục vạn quân).

- Dã Tượng và Yết Kiêu là gia nô của Hưng Đạo Vương.

- Hưng Đạo Vương rút bỏ đầu sắt nhọn, chống gậy không mà đi.

- Trần Quang Khải làm thơ rằng:

"Đoạt sáo Chương Dương độ
Cầm Hồ Hàm Tử quan
Thái bình tu trí lực
Vạn cổ thử gian san".
(Bến Chương Dương cướp giáo,
Cửa Hàm Tử bắt thù.
Thái bình nên gắng sức.
Non nước ấy ngàn thu)
- "Xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã;
Sơn hà thiên cổ điện kim âu"
(Xã tắc hai phen chồn ngựa đá;
Non sông ngàn thuở vững âu vàng).

- Phí Mạnh là An phủ sứ Diễn Châu, có tin là tham ô, vua triệu về phạt đánh. Về sau lại có tiếng thanh liêm, lúc đó có câu

nói rằng: *"Diễn Châu An phủ thanh như thuỷ"* (An phủ Diễn Châu trong tựa nước).

- Thời vua Trần Thánh Tông, Nhật Duật thông hiểu tiếng nói của các rợ, vào gặp Trịnh Giác Mật cùng ăn trực tiếp bằng tay (ăn bốc), uống qua mũi.

- Quang Khải thông hiểu tiếng nói các vùng phiên thuộc.

- "Tướng là chim ưng, quân dân là vịt, lấy vịt nuôi chim ưng, sao lại cho là lạ" (câu nói của Trần Khánh Dư).

- Thời nhà Trần thấy có chuyện móc họng cho nôn ra thức ăn.

- Tự hoàng không có văn bễ (?) bắt đầu từ vua Anh Tông.

- "Trước hãy chém đầu thần, rồi sau hãy hàng" (câu nói của Quốc Tuấn).

- Thời Trần Anh Tông, có người đạo sĩ phương Bắc là Hứa Tông Đạo sang nước ta, ở bến sông Yên Hoa. Phép phù thuỷ, đàn chay bắt đầu từ đó.

- Trần Cụ giỏi chơi cầu, khi làm cầu thì cân các múi da, cho mười hai múi cân nhau, duy ba múi ở miệng cầu là chỗ bỏ bong bóng lợn vào thì hơi mỏng và nhẹ, để cân với sức nặng ở đầu bong bóng, cho nên quả cầu khi đá, múi nào ở trên đến lúc rơi xuống lại như cũ, không bao giờ chuyển khác. (Cụ người Liên Cứu (?) có hận với làng, thề chân không giẫm lên đất ấy nữa).

- Gả công chúa Huyền Trân cho chúa Chiêm Thành là Chế Mân. Các văn sĩ trong triều ngoại nội nhiều người mượn chuyện Vua Hán đem Chiêu Quân gả cho Hung Nô (Chiêu Quân xuất tái) làm thơ bằng quốc ngữ châm biếm việc đó.

- Thời vua Trần Anh Tông, Nguyễn Sĩ Cố giỏi khôi hài, hay làm phú quốc ngữ.

- Thời gian Mạc Đĩnh Chi sang sứ nhà Nguyên, gặp lúc nước ngoài dâng quạt, vua Nguyên sai làm bài minh. Lời như sau:

"Lưu kim thước thạch,
Thiên địa vi lô,
Nhĩ ư tư thì hề;
Y Chu cự nho.
Bắc phong kỳ lương,
Vũ tuyết thái đồ,

Nhĩ ư tư thì hề;
Di Tề ngạ phu.
Y! dụng chi tắc hành,
Xả chi tắc tàng,
Duy ngã dữ nhĩ hữu thị phù!"
(Chảy vàng tan đá,
Trời đất như lò,
Ngươi bây giờ là Y,
Chu đại nho.
Gió bấc căm căm,
Mưa tuyết mịt mù,
Ngươi bấy giờ là Di,
Tề đói xo. Ôi!
Được dùng thì làm,
Bị bỏ thì nằm co,
Chỉ ta cùng người là như thế ru!).

- Trịnh Thận Trọng tử nhiều tài nghệ, có thể cưỡi được ngựa lạ. Lại giỏi nghề thuốc, đựng vị Xuyên Khung trong túi vải cho gia đồng đeo. Lại giỏi chơi cờ, thường vẽ bàn cờ và quân cờ lên trần nhà, nhìn lên suy tính kỹ càng. Lại lấy những lời dặn về cách đi hay nghỉ, dàn hàng dọc, hàng ngang, phổ vào khúc hát Long Ngâm, sai mọi người lúc rước linh cữu thì hát lên để nhắc bảo nhau.

- Nguyễn Trung Ngạn người Thanh Hoá rất tự phụ, có câu rằng:

"Giới Hiên tiên sinh lang miếu khí
Diệu linh dĩ hữu thôn Ngưu khí
Niên phương thập nhị Thái học sinh
Tài đăng thập lục sung Đình thí
Nhị thập hữu tứ nhập Gián quan
Nhị thập hữu lục Yên Kinh sứ".
(Giới Hiên tiên sinh tài lang miếu,
Có chí nuốt Sao từ niên thiếu.
Tuổi mới mười hai Thái học sinh,
Vừa đến mười sáu dự thi Đình,
Hai mươi bốn tuổi làm quan Gián.
Hai mươi sáu tuổi sứ Yên Kinh).

- Trần Minh Tông bảo với Hiệu Khả rằng: *"Ai mà khen người khác giỏi hơn cha, thì người ấy hẳn là bất hiếu với cha mẹ"*. Nên Vua răn đe y.

- Trần Anh Tông đánh nước Chiêm, đến cửa biển Càn Hải (sau tránh tên huý, đổi là Cờn) đóng quân lại, nằm mộng thấy thần nữ khóc nói: "Thiếp là cung phi nhà Triệu Tống, bị giặc bức bách, chết vì sóng gió, trôi dạt đến đây. Thượng đế phong làm thần biển đã lâu". Sau đánh Chiêm Thành thắng lợi, lệnh cho Hữu ty lập đền, bốn mùa cúng tế.

- Lý Thánh Tông đánh Chiêm Thành, bắt được người Chiêm cho cư trú, gọi tên là Đa Gia Li, đó là tiếng Chiêm Thành, sau nói chệch là Bà Già. Về sau Trần Nhật Duật thường cưỡi voi đến chơi thôn này, ba bốn ngày mới quay về.

- Thời Trần Nhân Tông, nước Sách Mĩ Tích lại cống, tìm người biết tiếng nói của họ, chỉ có Nhật Duật là biết. Có người hỏi sao biết được? Ông trả lời: "Thời vua Thái Tông, sứ phương Bắc sang, cùng họ giao du, cho nên hiểu chút ít tiếng nói mà thôi". Vua Nhân Tông thường nói: "Chú Chiêu Văn (tức Nhật Duật) là hậu thân của người Phiên lạc cho nên giỏi tiếng nước họ".

- Chuyện cũ: mỗi khi sứ phương Bắc đến hẳn phải khiến người biết tiếng làm phiên dịch. Chỉ có Nhật Duật tiếp sứ nhà Nguyên, mỗi khi cùng họ trao đổi là không cần phiên dịch.

- Nhật Duật giỏi âm nhạc tiết tấu ca vũ, khúc điệu đều tự sáng tác.

- Trong nhà Nhật Duật chưa bao giờ chứa roi vọt để đánh đầy tớ. Nếu họ có lỗi thì cũng kể lỗi rồi sau mới đánh.

- Trần Khắc Chung thường đánh bạc với Nguyễn Sĩ Cố thâu đêm suốt sáng, chỉ ngồi ngay ở giường mà húp cháo, không nghỉ một chút. Được thua chỉ một hai quan tiền mà dụng tâm khổ sở đến như vậy.

- Trần Hiếu Tông nói: "Lễ cát, lễ hung phải chọn ngày là vì coi trọng việc đó thôi, chứ đâu phải như các nhà âm dương câu nệ hoạ phúc".

- Đỗ Thiên Thứ thà chết ở ngoài cửa quân doanh, chứ không chết ở trong giường đệm.

- Người huyện Sơn Minh làm Hậu Nghi lang thái sử cục lệnh tên là Đặng Lộ làm "Linh lung nghi" để khảo nghiệm thiên văn, nhiều việc khớp đúng.

- Thời Trần Dụ Tông, thuyền buôn nước Tống sang dâng

người nước Tiểu nhân, thân dài bảy tấc, tiếng như ruồi nhặng, không thông ngôn ngữ. Lại dâng một tấm vải hoả hoán, giá mỗi thước ba trăm quan tiền, lưu truyền làm của quý.

- Thuyền buôn phương Bắc sang cống bát Diêu biến.

- Người Nguyên là Đinh Bàng Đức, nhân nước có loạn, đem cả nhà chạy sang ta. Bàng Đức giỏi leo dây, làm trò ca múa. Người nước ta bắt chước làm trò múa leo dây. Xiếc leo dây bắt đầu có từ đó.

- Nước Chiêm Thành dâng một con kiến lớn, dài một thước chín tấc.

- Người họ vua Chiêm là Chế *Mỗ* nói chuyện cũ nuôi khỉ: Ngày xưa có ông vua nuôi một con khỉ lớn, rất yêu quý nó, muốn cho nó biết nói. Tìm khắp nơi xem ai nuôi được thế thì cho một vạn lạng vàng. Có một người nói sẽ dạy được. Vua mừng lắm, sai hắn nuôi khỉ. Người ấy nói: "Hàng tháng dùng thuốc phí tổn đến trăm lạng vàng, sau ba năm mới có hiệu quả". Vua nghe theo. Ý hắn nghĩ rằng quốc vương với mình cùng con khỉ, trong khoảng ba năm, nhất định có một kẻ chết.

- Con của Ích Tắc là Trần Hữu Lượng dấy binh ở nước Tàu, sai người sang xin hòa thân.

- Lê Cư Nhãn coi Trương Hán Siêu là chân đá cầu nhà quê.

- Bà Thứ phi Tĩnh Huệ là con gái Phạm Ngũ Lão. Sau khi vua Anh Tông mất, bà trở về quê hương. Một hôm lên chùa Bảo Sơn, xã Phù Ủng, than rằng: "Chùa này do Tiên quân ta xây dựng. Ta tuổi đã cao, làm nhà ở đây, vừa có thể thờ vua, vừa có thể thờ cúng tổ tiên, trung hiếu vẹn cả đôi đường". Sửa lại chùa đó, làm nhà điện ở phía đông chùa, làm nhà đằng sau để làm nơi thờ phụng tổ tiên.

- Trần Minh Tông dạy con rằng: "Dốc sức mưu tính sản nghiệp, keo sẻn làm giàu thì không phải là con ta. Nếu quả làm chuyện đó, thì chẳng thà phân tán của cải cho nghèo đi còn hơn. Dẫu không tránh khỏi túng thiếu, nhưng không làm mất đức hạnh của bậc quí nhân".

- Lúc vua Minh Tông bị bệnh, Thái hậu Hiến Từ phóng sinh các giống súc vật để cầu khỏi bệnh. Vua bảo: "Thân ta không thể lấy con lợn, con dê mà đổi được."

- Lúc bệnh nặng, vua ứng khẩu một bài thơ nhỏ để nhắc quan thày thuốc là Trâu Canh rằng:

"Chẩn mạch lưu luân phiền muộn đa
Trâu công lương để yếu điều hoà
Nhược ngôn phiền muộn vô hưu yết
Chỉ khủng trùng chiêu phiền muộn gia".
(Xem mạch chớ bàn nhiều muộn phiền
Ông Trâu thuốc tốt điều hoà thêm.
Nếu còn nói mãi phiền cùng muộn,
Chỉ sợ càng tăng phiền muộn lên).

- Lúc Lê Bá Quát, Phạm Sư Mạnh muốn thay đổi chế độ, Vua nói: "Nam Bắc khác nhau, nhà nước đã có phép tắc riêng, Nam Bắc khác nhau, nếu nghe kế cầu tiến thân của bọn thư sinh mặt trắng thì sinh ra loạn".

- Thời Trần, khi đánh Toa Đô nhà Nguyên, bắt được người phường hát là Lý Nguyên Cát giỏi hát, sáng tác các vở tuồng truyện cổ có tích Tây phương Vương mẫu hiến đào. Trong tuồng có các vai Quan nhân, Chu tử, Đán nương, Câu nô gồm mười hai người mặc bào gấm, áo vóc, đánh trống, thổi sáo, gảy đàn, vỗ tay, thay đổi nhau ra vào làm trò khiến người xúc động vui buồn. Nước ta có tuồng truyện bắt đầu từ đấy.

- Thiều Thốn, người Thanh Hoá làm quan, được quân dân ưa thích. Khi mất chức, trong quân làm câu ca rằng:

"Thiên bất tri oan,
Thiều công thất quan"
(Trời chẳng thấu oan,
Ông Thiều mất quan.)
Khi ông ra về chúng lại làm câu ca:
"Thiều công chi quy,
Sử ngã tâm bi"
(Ông Thiều đi về,
Lòng ta tái tê).
Khi ông được phục chức, lại có câu ca:
"Thiên tri kỳ oan,
Thiều công đắc quan".
(Trời đã thấu oan,
Ông Thiều lại làm quan).

- Ông Lê Quát, người Thanh Hoá, hồi trẻ ra chơi kinh sư, tiễn bạn sang sứ phương Bắc, có thơ rằng:

"Dịch lộ tam thiên quân cứ an
Hải môn thập nhị ngã hoàn san
Trung triều sứ giả yên ba khách
Quân đắc công danh ngã đắc nhân."
(Đường trạm ba ngàn, anh ruổi ngựa,
Mười hai cửa biển, tớ về ngàn.
Kẻ sang xứ Bắc, người mây nước,
Anh được công danh, tớ được nhàn).

- Sứ nhà Minh chưa được gặp thì vua Dụ Tông đã mất. Chánh sứ là Ngưu Lượng làm bài thơ viếng rằng:

"Nam phục thương sinh điện chẩn an
Long Biên khai quốc khống chư man
Bao mao sạ hỷ thông vương cống
Đới lộ minh kỳ biệt thứ quan
Đan chiếu viễn ban kim ấn trọng
Hoàng trường tân bí ngọc y hàn
Thương tâm tối thị thiên triều sứ
Dục kiến vô do lệ mãn an".
(Dân cõi Nam xa được trị an,
Long Biên mở nước giữ trăm man.
Vừa mừng lễ vật sang dâng cống,
Đâu ngỡ bi ca bỏ các quan.
Chiếu đỏ xa ban kim ấn nặng,
Chén vàng mới đậy ngọc y hàn.
Sứ trời là kẻ đau lòng nhất.
Muốn gặp còn đâu, lệ ứa tràn.)

Cung Định Vương là Phủ (tức vua Nghệ Tông) làm thơ tiễn rằng:

"An Nam lão Tể bất năng thi
Không bả trà âu tống khách quy
Viên Tản sơn thanh Lô thuỷ bích
Tuỳ phong trực nhập ngũ vân phi".
(An Nam Tể tướng chẳng thơ hay,
Chỉ có bình trà tiễn khách đây.
Viên Tản non xanh, Lô nước biếc
Xin bay theo gió tới năm mây).

- Cung Định Vương gửi cho em là Kính bài thơ rằng:

"Vị cực sàm thâm tiện khứ quan
Trắc thân độ lĩnh nhập sơn man
Thất lăng hồi thủ thiên hàng lệ
Vạn lý môn tâm lưỡng mấn ban
Khứ Vũ đồ tồn Đường xã tắc
An Lưu phục đổ Hán y quan
Minh Tông sự nghiệp quân tu ký
Khôi phục thần châu chỉ nhật hoàn".
(Ngôi cả, gièm nhiều, mới bỏ quan.
Né thân, vượt núi, tới sơn man.
Bảy lăng bỏ lại, châu tuôn chảy,
Muôn dặm đau lòng, tóc bạc lan.
Diệt Vũ, giữ gìn Đường xã tắc,
Phò Lưu, lại thấy Hán y quan.
Minh Tông sự nghiệp em nên nhớ,
Thu phục thần kinh sắp khải hoàn).

- Trần Duệ Tông (Kính) đánh Chiêm Thành bị chết trong trận.

- Thời Trần Phế Đế, nước Chiêm Thành thường vào cướp phá (niên hiệu Xương Phù năm thứ hai, tháng Năm) giặc đánh vào sông Đại Hoàng, vây hãm Kinh sư, bắt được An Phủ sứ Lê Giốc, giết ông.

Năm thứ bảy, đánh bại quan quân ta ở Quảng Oai, bắt được tướng quân Lê Ôn Mật.

Chiêm Thành từ thời Lê, Lý tới đây, quân lính hèn nhát, hễ quân ta đến là đem cả nhà chạy trốn hoặc họp nhau xin hàng. Đến Bồng Nga, La Ngai mới tập hợp dân họ, bảo ban dạy dỗ, thay đổi dần thói cũ, trở nên can đảm hăng hái, chịu được gian khổ, thường hay sang cướp phá, thành tai hoạ của nước ta.

- Thượng hoàng Nghệ Tông ngự sang Đông Ngàn để tránh giặc. Người học trò là Nguyễn Mộng Hoa để cả áo mũ lội xuống nước kéo thuyền ngự lại, nhưng không nghe.

- Trần Công Niếu Bộ người Chiêm Thành đuổi, vọt ngựa nhảy qua con ngòi rộng đến một trượng, thoát được, bèn đặt tên cho ngựa là "Tử bất đề".

- Nghệ Tông ban gươm và cờ cho Quý Ly. Quý Ly làm thơ quốc ngữ tạ ơn... (*Di Cảo đến đây, còn bỏ dở. Xin xem ở phần nguyên văn chữ Hán*).

CHƯƠNG THÂU dịch

TOÀN VĂN MẬT BÁO CỦA CHỈ ĐIỂM EDOUARD VỀ CUỘC THẢO LUẬN TỐI 19-12-1919 TẠI 6 VILLA DES GOBELINS

Toàn văn mật báo:

"Tối hôm qua, thứ sáu, lúc 9 giờ tối tôi đã gặp Nguyễn Ái Quốc tại nơi anh ta ở 6 Villa des Gobelins, có cả Lê Văn Xao ở đấy.

Sau khi trò chuyện gần nửa giờ với Quốc, tôi thích thú gặp Phan Châu Trinh từ Bordeaux trở về, mà không báo trước với bạn bè. Trước đó Khánh Ký cũng đã đến.

Cuộc trò chuyện với Quốc trước khi Khánh Ký và Phan Châu Trinh về được xoay quanh ông Sarraut và ông Maurice Long người kế tục chức Toàn quyền Đông Dương.

Quốc tán thành phần lớn chính sách của ông Sarraut ở Đông Dương, nhất là về phát triển dạy Pháp ngữ và mở rộng đường sắt cho phép khai thác tài nguyên rừng ở Trung Kỳ và Ai Lao, và tìm kiếm các sản vật quý hiếm trong khu vực trên. Anh ta trách cứ Chính quyền Đông Dương đã không quan tâm đến giáo dục suốt trong 57 - 58 năm trước khi ông Sarraut sang.

Anh ta công nhận là ông Beau có mở cho Đông Dương được một trường Y rất có lợi cho dân nhưng trường ấy chỉ đào tạo những y sĩ với trình độ thấp, không bằng các bác sĩ y khoa ở Pháp. Hơn nữa, cả Đông Dương hơn 20 triệu dân mà chỉ có một trường là không đủ.

Quốc nói thêm: "Albert Sarraut đã lập một trường trung học (Lycée) ở Hà Nội và một trường đại học. Như vậy là rất tốt nhưng đó mới chỉ là sự khởi đầu của một sự nghiệp rất lớn phải làm. Với

20 triệu dân Đông Dương thì phải có tới 20 hoặc 30 trường trung học hay hơn nữa.

Cần có giáo dục sơ cấp bắt buộc để mở mang kiến thức nhanh chóng cho quảng đại dân chúng, vì chính quảng đại dân chúng mới làm thành nhân dân chứ không phải chỉ có tầng lớp ưu tú.

Học vấn và giáo dục cho quảng đại dân chúng cấp bách hơn việc đào tạo tầng lớp ưu tú. Người kế tục ông Sarraut có nghĩ đến phải làm việc đó không? Tôi không tin lắm! Vì nếu ông ta chọn ngay các cộng tác viên của mình thì ông ta sẽ bị bao quanh bởi một đám người chưa hề làm việc ở Đông Dương và không có những suy nghĩ rộng rãi, những quan điểm thông thoáng hơn. Những người ở thuộc địa thường chống lại việc đẩy mạnh phát triển giáo dục tiểu học kiểu Pháp ở Đông Dương và chỉ muốn duy trì dân chúng trong tình trạng hoàn toàn mù đặc về các tư tưởng phương Tây để có thể đè nén và bóc lột họ tuỳ thích. Theo tôi, nếu những công chức người Pháp ở Đông Dương không thay đổi đầu óc hẹp hòi ti tiện, thì các vị Toàn quyền dù có tốt mấy cũng không thể một mình thực hiện mục tiêu thực sự của công cuộc chinh phục thuộc địa rất cao quí mà nước Pháp theo đuổi.

Người ta luôn đem sự thiếu hụt ngân sách để chống lại sự phát triển giáo dục ở Đông Dương. Người ta sẽ dựng lý do đó để ngăn cản những người kế tục ông Sarraut tiếp tục công việc mà ông này đã bắt đầu.

Nghĩ đến các điều đó tôi cay đắng thương cho đồng bào tội nghiệp của chúng ta, tuồng như phải vĩnh viễn chịu ách áp bức của cường quyền trong khi nhiều dân tộc láng giềng, kể cả những dân tộc yếu kém hơn chúng ta nhiều cách đây dăm chục năm như dân Xiêm hay dân Phi Luật Tân đã được hưởng những quyền tự do cho phép họ nhanh chóng tiến lên con đường văn minh hiện đại.

Ở Pháp người ta luôn nói đến luật pháp và công lý nhưng luật pháp và công lý không được áp dụng ở thuộc địa. Người bản xứ ở Đông Dương chỉ được biết đến quyền hành của kẻ mạnh.

Theo tôi, trong khi quảng đại dân chúng không được hưởng giáo dục bắt buộc và báo chữ An Nam không được hưởng quyền viết ra những điều họ suy nghĩ, thì giáo dục không thể được thực

hiện có kết quả nhanh chóng và số phận của dân chúng không được cải thiện. Nhất định phải có giáo dục sơ cấp bắt buộc...".

Edouard: Tôi nhắc là anh ta quá trẻ khi rời nước vì vậy anh ta không xáp được giới công chức (Pháp) và không có cơ hội để đánh giá họ một cách công bằng. Thực ra có nhiều người rất quí người An Nam, thành thực muốn họ đi lên con đường tiến bộ và làm đủ cách để giúp họ. Sẽ không công bằng nếu căn cứ vào những trường hợp riêng lẻ để đánh giá đồng loạt...

Tôi công nhận là giáo dục bậc tiểu học bắt buộc là cần thiết cho sự phát triển trí tuệ của dân chúng nhưng vấn đề tài chính là trở ngại lớn nhất cho yêu cầu này. Tuy chương trình của ông Sarraut cho giáo dục Đông Dương năm 1917 chưa đề cập giáo dục tiểu học bắt buộc nhưng nó đã mở ra con đường vững chắc để đến đó.

Quốc đáp: "Tôi công nhận là tôi đã không thể xáp được các công chức Pháp ở thuộc địa để đánh giá họ như anh nói. Nhưng tôi khẳng định là trước khi rời nước tôi đã đủ lớn để nghe đồng bào kể về vô vàn những sự lạm dụng và những nhiễu của họ, ăn cánh với các quan lại An Nam. Tôi không biết là ở Nam Kỳ đồng bào có được đối xử tốt hơn ở Bắc và Trung không, nhưng thực sự là đồng bào ở Bắc và Trung quá khổ cực. Trong công chức Pháp cũng có vài ba người muốn tốt cho dân Nam nhưng hành động của họ bị xoá đi bởi đa số người Pháp xấu trong xứ. *Tôi e rằng vì là công chức chính phủ Pháp* nên sự đánh giá của anh về mặt này không thực thẳng thắn và công bằng. (Người sưu tầm gạch dưới để lưu ý về nhân thân của Edouard P.T.M).

Phần tôi, tôi dựa vào lời của bà con ở thôn quê, họ thật không biết làm sao và kêu van với ai nữa... Họ kêu ca không những về công chức Pháp mà còn cả về các quan lại An Nam, bọn này do được lựa chọn không đúng đắn, hoàn toàn không có lương tri về bổn phận và danh dự. Chúng để cho các công chức Pháp dẫn dắt một cách tuỳ tiện. Bần tiện và tham lam vô độ, chúng bị dân chúng căm ghét, chỉ gây khiếp sợ chứ không hề được kính trọng. Chúng đồng tình với công chức Pháp muốn kìm hãm dân chúng trong dốt nát để dễ lừa bịp và bóc lột.

Còn về nguồn tài chính để mở trường học, nếu chính phủ

muốn có thì sẽ có. Cho đến bây giờ người ta chưa hề hỏi dân chúng có muốn đóng một khoản đặc biệt để phát triển mạnh giáo dục trong xứ không. Dân chúng cứ đóng thuế rất nặng mà không hề được biết và được kiểm tra xem tiền được sử dụng vào đâu... Khi nào chính phủ nói: "Đấy, chính phủ cần ngần ấy tiền để mở trường ở các xã, các tổng trong nước để tiến đến dạy tiểu học bắt buộc cho con em các người, các người có đồng ý đóng góp không? Chính phủ cam kết chắc chắn chỉ dùng tiền đó cho phát triển giáo dục và cho dân được có những đại diện của mình và có những phương tiện có hiệu lực để kiểm soát... thì ta sẽ có đủ nguồn tiền để thực hiện đề án đó...".

Quốc tiếp tục phê phán cách sử dụng ngân sách không hợp lý ở Đông Dương, đặc biệt để làm những công trình tốn kém mà không mang lại lợi ích cho dân. ..

"Ngoài ra chính phủ không hề cố gắng thay thế các quan lại già cỗi bằng những công chức trẻ, hiện đại và tìm dần người thay cho các viên chức Pháp ở chức vụ thấp. Ngược lại, chính phủ cứ lo gửi sang cho chúng ta vô vàn công chức mà lương và phụ cấp các loại của họ ngốn hết phần lớn ngân sách. Và khi nói đến thầy giáo và trường học thì người ta lại lôi chuyện tiền ra để bịt miệng những người khởi xướng những vấn đề quan trọng này: Thực đáng buồn phải nói ra, nhưng đó là sự thật, toàn bộ sự thật!

Tất cả các vị lãnh đạo xứ này đã phạm hết sai lầm này đến sai lầm khác nhưng họ không bao giờ chịu thừa nhận, và để giấu sai lầm trước thì họ lại tạo ra sai lầm mới. Cuối cùng là các sai lầm đó ngày càng đè nặng lên số phận người dân. *Anh là công chức anh không thể xét đoán tình hình một cách vô tư...*" (Người sưu tầm xin lưu ý về nhân thân Edouard P.T.M).

Khánh Ký đến và sau đó là Phan Bội Châu vào. Sau khi chào hỏi, chúng tôi tiếp tục trò chuyện về chính sách chung của nước Nam.

Ông Trinh hỏi tôi: thấy Toàn quyền mới thế nào, chính sách của ông ta sẽ ra sao?

Tôi đáp chưa rõ vì chưa được gặp ông Maurice Long. Tôi chờ được ông ta tiếp để theo đoàn đến gặp, nhưng tôi hy vọng là sẽ không thay đổi chính sách mở rộng của ông Sarraut và ông ta sẽ

tiếp tục sự nghiệp ông này đã bắt đầu ở Đông Dương.

Ông Trinh tiếp tục hỏi tôi: "Người An Nam có nên bày tỏ gì với ông Long không?". Tôi đáp là lúc này đồng bào ta chỉ có thể yêu cầu tân Toàn quyền tiếp tục chính sách của ông Sarraut mà chương trình rõ ràng và cụ thể đã được trình bày trong nhiều diễn văn, đặc biệt trong các bài phát biểu trước khi rời Đông Dương vào tháng tư và năm, năm 1919.

Nguyễn Ái Quốc nói chen vào: "Hai vị đều lớn tuổi hơn và nhiều kinh nghiệm hơn tôi[1]. Hai vị đều nghĩ là người An Nam có thể yêu cầu và đạt được điều gì đó từ Toàn quyền ư?. Chắc hai vị sẽ bảo là học vấn! Từ 60 năm nay đồng bào ta đã đòi hỏi, và đã đạt được gì rồi? Sự tham gia của người An Nam vào quản lý đất nước chăng? Người ta sẽ trả lời là hiện nay người An Nam đang quản lý đất nước rồi đấy! Sự thụ hưởng quyền công dân chăng? Người ta sẽ nói là ta chưa đủ sức sử dụng nó!

Vậy thì còn đòi gì nữa?

Vì sao 20 triệu đồng bào ta không làm gì để buộc chính phủ phải trả lại cho chúng ta quyền làm người? Chúng ta là người, chúng ta phải được cư xử như những con người. Tất cả ai không coi chúng ta là đồng loại, là bình đẳng, sẽ là kẻ thù của chúng ta. Chúng ta không thể đội trời chung với họ". Phan Châu Trinh: "Xin cho tôi được nhận xét là anh quá trẻ và có bầu máu quá nóng. Anh muốn 20 triệu đồng bào ta tay không phải làm gì để chống lại súng ống của phương Tây?

Tại sao phải hy sinh vô ích để chẳng đi đến kết quả gì? Nên chăng cứ phải đòi hỏi một cách mềm mỏng nhưng rất kiên quyết với lòng kiên trì to lớn tất cả các quyền mà danh hiệu làm người cho phép chúng ta đòi hỏi?

Điều đầu tiên mà chúng ta đòi hỏi ở chính phủ là một nền giáo dục mạnh mẽ lên trình độ cao nhất (bao gồm nền giáo dục sơ đẳng bắt buộc), vì chỉ riêng giáo dục đã có thể cho phép chúng ta vươn lên nhanh chóng ngang trình độ văn minh của các dân tộc phương Tây. Tấm gương Nhật Bản còn đó để làm hậu thuẫn cho yêu cầu của chúng ta. Trước khi người Pháp

---

[1] Lưu ý Edouard là người trạc tuổi Phan Châu Trinh - PTM.

chiếm đóng nước ta, chúng ta chẳng kém học thức, kém văn minh hơn người Nhật Bản. Vậy tại sao họ có thể đạt tới trình độ hùng cường đó để đặt nước Nhật ngang hàng với những cường quốc lớn nhất Châu Âu? Thật là đơn giản, vì những người cầm đầu nước họ đã làm những việc họ cho là ích lợi để đẩy họ đi tới một cách tích cực trên bước đường tiến bộ. Và biện pháp họ dùng chủ yếu là phát triển nền giáo dục của dân chúng và khai hoá xã hội bằng tự do báo chí. Nhờ giáo dục cùng với tự do báo chí như ở Pháp, như nhiều nước trên thế giới, bộ phận ưu tú trong nước sẽ có thể khai hoá cho dân chúng và sẽ từng bước làm cho dân chúng biết quyền lợi và chủ quyền của mình.

Thứ hai là dân An Nam yêu cầu nhà cầm quyền Pháp, yêu cầu Chính phủ bảo hộ giúp chúng ta cải tiến càng nhanh càng tốt cách thức cai trị trên toàn cõi An Nam. Tại sao, để bắt đầu, người ta lại không thể làm cho Trung Kỳ và Bắc Kỳ những gì họ đã làm cho Nam Kỳ? Nghĩa là tuyên bố có thể áp dụng trong toàn đất nước bộ luật hình của Pháp có sửa đổi, ban bố chế độ phân quyền để cứu vớt dân chúng ra khỏi sự lộng hành và lạm quyền do sự chuyên chế của quan lại và của cả các viên chức Pháp. Lại phải cải tổ thôn xã làm sao ngăn ngừa được các hào lý lộng hành và lạm quyền trên lưng người dân.

Cuối cùng là thay thế tất cả các quan lại già bằng những người trẻ từng được tiếp thu học vấn trong các nhà trường Pháp, đồng thời lại biết chữ Nho. Muốn có thể chuyển đổi tư tưởng của dân chúng, trước hết bằng bất cứ giá nào phải thức tỉnh đầu óc những người cầm đầu xứ này. Những người này phải có những tư tưởng mới mẻ sâu rộng và tự do..."

Edouard nhắc: "Phần lớn quan lại và triều đình sẽ chống vì quyền lực bị giảm và dân chúng vì dốt nát cũng sẽ chẳng quan tâm..."

Phan Châu Trinh: "Tất nhiên nhà vua và triều đình cũng như các quan lại chắc hẳn là sẽ phản đối những cải cách đề ra. Nhưng dân chúng thì không phải như vậy, và chính dân chúng mới cần được Chính phủ dân chủ của nước Pháp quan tâm hơn, chứ không phải là những người cầm đầu trong nước. Chính

phủ cần hỏi ý kiến dân chúng về vấn đề này. Nếu người ta bảo rằng dân An Nam từ chối mọi cải cách thì *tôi xin tự mình đi khắp nước trong một năm để tổ chức những cuộc nói chuyện, diễn thuyết về vấn đề này. Sau một năm, nếu người ta còn thấy những chướng ngại do dân chúng cản trở việc cải cách, thì tôi sẽ xin lấy đầu tôi ra để đánh cuộc* (nhấn mạnh trong bản gốc).

Có thể để phản đối những cải cách nêu ra, người ta lại viện dẫn lý do Chính phủ Pháp thấy không thể áp dụng trong các xứ bảo hộ chế độ trực trị của Nam Kỳ. Về sự phản đối này, tôi xin trả lời rằng: Không phải là áp dụng chế độ trực trị vào Trung Kỳ và Bắc Kỳ. Những cải cách đề ra sẽ không thay đổi gì hết, nếu như các chức năng cai trị và tư pháp vẫn tiếp tục để cho quan lại An Nam đảm nhận. Trong mỗi tỉnh hay trong nhiều tỉnh hợp lại, người ta thích có một quan chức Pháp đứng đầu bộ máy cai trị, với tư cách là thanh tra cố vấn, có nhiệm vụ hướng dẫn quan chức An Nam quản lý công việc mình. Như vậy sẽ giảm bớt quan chức người Pháp và người ta sẽ trả lương cho họ tốt hơn và tuyển dụng họ cẩn thận hơn. Chỉ trong những điều kiện như vậy họ mới có thể được ưu đãi hơn quan chức An Nam. Còn đối với những quan chức này (quan chức An Nam), phải trả lương khá cho họ để họ có thể giữ được tính liêm khiết và trung thực trong khi thực hiện chức năng của mình. Lương bổng chết đói mà người ta cấp cho họ buộc họ phải ngửa tay nhận quà cáp của kẻ bị trị. Đó là gánh nặng thật sự đang tàn hại xứ sở và phải khẩn cấp xoá bỏ nó đi. Phương thuốc duy nhất để chữa ung nhọt này là phải tăng lương bổng trên quy mô lớn, làm sao có thể cho phép đương sự giữ vị trí của họ một cách thoả đáng, nuôi sống những gia đình (thường là rất đông) và cho họ chút ít dành dụm cho những người già. Ngược lại sẽ trừng phạt thật nghiêm khắc những kẻ vi phạm trong việc nhận quà cáp của kẻ bị trị. Ngoài điều đó, cần thiết phải thông báo rộng rãi cho dân chúng biết rằng họ không phải biếu xén gì hết cho các đại diện của nhà chức tránh đã được Chính phủ trả lương để làm việc cho dân không lấy tiền. Đây là những cải cách cần thực hiện khẩn cấp nhất...

Tôi không phải là nhà tiên tri. Nhưng tôi dám khẳng định rằng nếu Chính phủ không thay đổi chính sách trong xứ và

không tiến hành các cải cách này, thì dân chúng Đông Dương, nhất là dân An Nam ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ đã mệt mỏi vì chế độ hiện hành, chắc chắn sẽ dùng bạo lực để buộc nhà đương cục cao cấp phải thay đổi cách cai trị trong xứ. Tôi không hề mong ước có sự cố khốn khổ đó. Nhưng tôi tiên đoán điều đó. Máu sẽ chảy. Dân sẽ chết, tôi cầm chắc điều đó và tôi sẽ đau xót nếu tôi còn sống đến ngày ấy. Trái lại, chắc chắn tôi sẽ vui mừng được trông thấy một cuộc thay đổi có lợi cho dân chúng...

Mọi tiến triển cần có cách mạng. Chính phủ biết lo xa sẽ thực hiện các việc để ngăn chặn cái bất lợi hơn là để nó tự đến. Vì dân An Nam cần tiến lên nhanh chóng nên họ cần có một sự thay đổi lớn trong tổ chức chính trị, cai trị và xã hội trong nước..."

Nguyễn Ái Quốc nhận xét: "Từ 60 năm qua dân An Nam đã chờ đợi sự thay đổi. Chính phủ chưa làm gì đáng kể để đáp ứng. Nếu trong dân có mấy người lên tiếng để làm cho nhà cầm quyền cấp trên biết các điều khẩn cầu và tình cảnh khốn đốn của họ để yêu cầu các biện pháp khắc phục thì người ta trả lời họ bằng lao tù, lưu đày hay án tử hình...

Nếu ta chỉ trông chờ vào lòng tốt của Chính phủ để thay đổi tình trạng hiện nay thì phải trông đợi không biết đến bao giờ! Tôi không hiểu dân Nam vì sao không thể làm như dân Ai Cập hay Ấn Độ? Họ không muốn coi ta là giống người. Sống bị nhục mạ và bạc đãi trên trái đất này thì thật là vô ích. Hễ người ta còn tước đoạt của chúng ta các công quyền và quyền chính trị thì người ta sẽ còn coi chúng ta như những kẻ thù, như những nô lệ.

Làm cho chúng ta có thể thương yêu và kính trọng những kẻ khinh miệt chúng ta và coi chúng ta như kẻ thù?

Nếu Chính phủ Pháp chấp nhận vào Quốc hội Pháp dăm ba người An Nam thì phải nghe rất nhiều lời than từ các đại biểu của họ ở thuộc địa. Họ sẽ không muốn làm dân. Vì thế tôi kêu than về tình cảm đó là đúng đấy chứ!". Nghe đến đây, Phan Châu Trinh đề nghị chấm dứt cuộc trò chuyện vì đồng hồ vừa điểm 11 giờ khuya...

Lê Văn Sao chỉ dự mà không phát biểu câu nào. Phần

Nguyễn Đình Khánh thì chia sẻ ý kiến Phan Châu Trinh và chống lại ý kiến Quốc mà anh ta cho là quá khích và không thực hiện được, anh ta tán thành các phương pháp ôn hoà. Anh ta nói muốn về Đông Dương trong mấy tháng tới để lo phát triển buôn bán và công kỹ nghệ trong nước. Anh ta quan tâm đến các dịch vụ ngân hàng mà anh ta đang hăng hái nghiên cứu. Anh ta hoan nghênh dự án thành lập một ngân hàng ở Nam Kỳ do người An Nam.

11h15 tôi rời nhóm Quốc và đồng bọn.

Paris, ngày 20-12-1919

Edouard ký tên

Paul Arnoux cho y sao

(Theo Lê Thị Kinh - SĐD)

KÍNH GỬI TÂN ẤP TƯỚNG CÔNG HOÀNG ĐẠI NHÂN[1]

Cách đây chín năm, Trinh tôi rời xa Tổ quốc, mất mọi tin tức về cố nhân. Nhớ lại 9 năm về trước, đại nhân có gọi tới dự tiệc rượu, cũng không biết lượng sức mình, nên đã khảng khái bàn việc nước, tự cho là việc trong thiên hạ không gì không làm được. Đại nhân chắc không khỏi cười cho tuổi trẻ không trải việc vậy sao?

Năm 1910, khi Trinh ở Nam kỳ từng được ngài tham biện tỉnh Mỹ Tho đem cho cuốn *Việt Sử Kính* của ngài soạn. Đọc xong dấy lên nhiều điều cảm xúc. Tuy việc lập ý dùng từ gãy gọn nhẹ nhàng, không thể khiến cho người tuổi trẻ tân tiến hoan nghênh hết được, nhưng trong đó với sự nhìn nay nhớ xưa, xét việc đã qua biết điều sắp tới về tiền đồ thành bại mất còn của Tổ quốc chúng ta, một lời ca thán ba lần thở dài, trước sự chỉ dẫn ra con đường mê lộ của người nước ta, chưa từng không lưu ý đến nhiều lần vậy. Qua đó, Trinh biết là Tướng công tuy cấp lưu dũng thoái (chảy gấp lui mau) vui thú điền viên, mắt thờ ơ, nhưng lòng nóng hổi chưa từng có một ngày quên Tổ quốc.

Mấy năm gần đây, các hiền nhân chí sĩ và những người đương công cự khanh và các đại thần của chính phủ Đại Pháp nhìn thấy sự thay đổi của đại thế thế giới và hiện trạng của Viễn Đông, đều có thực tâm lo đến phương châm chính trị để cải cách nước ta, chiến sự nổ ra việc tạm đình lại. Nay tuy đương buổi tiến hành chiến tranh, nhưng các nhà đương cục chưa từng một ngày

---

[1] Bấy giờ Hoàng Cao Khải vừa mới lập ra ấp Thái Hà (ở Hà Nội), nên Phan Châu Trinh đề là "Tân ấp tướng công".

quên ý đồ lớn lao này, cho nên đại thần tổng thống toàn quyền Đông Dương suy xét cẩn thận. Cũng vì lẽ đó, nguyên tổng thống toàn quyền đại thần ngài Sarraut lại sang thăm Đông Thổ, đó là một cơ hội lớn rất có hy vọng cho tiền đồ của nước ta, xin đại nhân đừng quên. Ngài Sarraut là danh nhân của nước Đại Pháp (ông là người của Đảng xã hội, lại còn là người trong Hội bảo hộ nhân quyền. Tôi mong Đại nhân hãy xét sâu về việc hai lần tôi mang ơn cứu mạng trong dịp này).

Nay nhân ông vâng mệnh sang thăm các nước Viễn Đông, tiện đường dừng lại ở An Nam trước, để xem xét tình thế hiện tại. Ông ta muốn nhận được thư của Trinh để gián tiếp cho biết nhiệt tâm của các danh công chí sĩ, và nắm rõ nội tình nước ta cũng như đại thế trong ngoài để tiện cho việc viếng thăm và dự tính phương châm cải cách. Trinh nghĩ việc này rất có ích cho tiền đồ nước ta, nên không dám từ chối.

Song nghĩ đi nghĩ lại thực là một việc khó. Khi Trinh còn ở trong nước, bôn tẩu Nam Bắc, giao du khắp nơi. Nhưng nay nghĩ lại họ đều là những người khí phách có thừa, kiến thức chưa đủ (Đó là vì phong khí nước ta mới mở, giao du chưa rộng, phàm nhân tài ở thời quá độ các nước cũng thế, không riêng gì nước ta). Vả lại, vì cớ hiềm nghi mấy năm nay, hoặc chết trong tù, gần hết, hoặc có sót lại thì cũng như bị bỏng sợ nóng, giấu kín tấm thân, quyết không dám dễ dàng buông lời bàn việc nước. Nhưng ngày nay trong nước ta, tìm chọn đâu ra người như thế, nếu không phải Tướng công ta, hỏi ai đương nổi. Vậy nên không từ đường đột, thư của Trinh bỗng đến với Tướng công. Rất mong khi ngài Sarraut đến thăm, Tướng công đem hết hoài bão trước đây, lòng thành cởi mở, nêu lên những gì nước ta cần cải cách, không chút kiêng dè, thế thì Tướng công ta đã làm phúc cho Tổ quốc này, giúp cho đồng bào ta, thì công đức thực là vô cùng vậy. Tướng công ta phỏng không có ý vậy sao? Trinh tôi vốn tính gàn bướng, không tự ghìm được, luôn bị bầu máu nóng sai khiến, không biết đâu là sống chết, may nhờ có ơn cứu mạng của chí sĩ hai nước, nên được sống sót đến nay, luôn nghĩ đến việc mạo hiểm muốn lao về nước nhà may ra có báo đền được mảy may cho nước, nếu không may gặp bất trắc vẫn còn hơn chết già ở quê người. Nhưng vì thân ở Pháp đô, lâu ngày ăn ngủ trong bầu không khí rực rỡ văn minh, phong

khí này đã ngấm vào cân não, gần như là cố tật, rất sợ khí hậu thời trước của nước ta, đôi bên mạo phạm, gây thành nguy chứng, bị chết vô ích vậy nên nấn ná không quả quyết.

Tuy nhiên, Trinh tuy sẩy chân lỡ bước, nhưng ý chí vẫn chưa nguôi, giá như trong trường cải cách cần đến kiện tướng, thì 10 năm nghiêng ngả cũng không làm nhụt cái dùi của Mạo Toại, bay xa vạn dặm đâu dám tiếc ngòi bút của Ban Siêu. Trinh xin phất cờ đi trước người trăm bước, may để báo được ơn hai nước. Đây là nỗi lòng canh cánh, Tướng công nghe rồi lại không khỏi cười cho cái thói ngu cuồng chưa giảm so với trước kia.

Giấy ngắn lời dài, khó mà kể hết. Biển trời vạn dặm, kính chúc toàn an[1].

PHAN CHÂU TRINH
Chương Thâu dịch từ *Di cảo*

[1] Về bức thư gửi Hoàng Cao Khải này, trong *Di cảo Phan Châu Trinh* còn có một bản "nháp" nữa, tựa đề là *Tướng công Hoàng Đại Nhân các hạ* (không có 2 chữ Tân ấp) và nội dung có ngắn gọn hơn. (Xem nguyên văn ở phần chữ Hán ở sau tập sách). Chúng tôi chọn dịch bản này. NBS.

THƯ GỬI NGUYỄN ÁI QUỐC

Chartres ngày 16-9-1920

Anh Nguyễn,

Tôi không biết ngày chủ nhật đến có về Paris được không. Nếu tôi không về và ngày thứ hai thứ ba anh về đây thì mua cho tôi nửa ký agar.

Tôi thấy anh không cần đem theo giá vẽ làm gì vì chủ rất khó tính. Các tay thợ khác không chịu nổi và bỏ đi hết, nhưng tôi cũng ngang sức nó nên nó phải chịu tôi. Nó bảo tôi là rất "ma lanh" (tinh khôn) và luôn gọi tôi là Bôn-sê-vích. Nếu anh mang giá vẽ đến nó tưởng là anh đã tìm tôi ra chỗ làm khác và sẽ cáu lên đấy. Chỉ cần đem một tấm bìa là đủ.

Ký tên: Phan Châu Trinh

(Theo Lê Thị Kinh (tức Phan Thị Minh):
Phan Châu Trinh qua những tài liệu mới - Tập II.
Nxb Đà Nẵng - 2003).

PHÁP VIỆT LIÊN HIỆP HẬU CHI TÂN VIỆT NAM

(Nước Việt Nam Mới sau khi Pháp - Việt liên hiệp)

Tiểu dẫn: Tác phẩm *Pháp Việt liên hiệp hậu chi tân Việt Nam* còn ở dạng *một tập bản thảo* (nháp) chưa hoàn chỉnh. Gồm có tám đoạn như sau:

1 - Lịch sử giao thiệp của dân tộc Việt Nam và Trung Quốc.

2 - Lịch sử giao thiệp giữa nước Nam và nước Pháp.

3 - Đặc tính tự tôn và tự ti - Đặc tính ỷ ngoại và bài ngoại.

4 - So sánh chỗ mạnh yếu, được mất, đồng dị giữa dân tộc Việt Nam và dân tộc Trung Quốc.

5 - Luận về phong trào chống Pháp.

6 - Chân tướng của hai đảng.

7 - Lịch sử dân tộc Việt Nam.

8 - Nguyên nhân sa sút của người nước ta. Nguyên nhân phát khởi của người nước ta.

Đúng như Nguyễn Văn Dương viết trong *Lời giới thiệu* tác phẩm này in trong *Tuyển tập Phan Châu Trinh* (Nxb Đà Nẵng, 1995): "Nhìn lại *Di cảo*, ta nhận thấy *Pháp Việt liên hiệp hậu chi tân Việt Nam* gồm nhiều đoạn đang được viết dở dang, thứ tự các đoạn cũng chưa được sắp xếp ổn thỏa. Ngoài ra, theo yêu cầu của nhan đề tác phẩm, thì những đoạn đã viết xem ra chỉ mới nói được trên dưới một nửa nội dung của tác phẩm, vì ta chưa thấy được đâu là hình dạng nước Việt Nam mới sau khi Pháp - Việt liên hiệp".

Trong tác phẩm này, ở nhiều đoạn và nhiều tiểu mục, Phan Châu Trinh phê phán Phan Bội Châu rất dữ - cả về chủ trương bạo động lẫn tư cách cá nhân. Nhưng phải chăng chúng ta cũng có thể "thể tất" được như ý kiến Nguyễn Văn Dương (cũng ở *Lời giới thiệu* đã dẫn): "Ta phải biết rằng những điều Phan Châu Trinh viết trong tác phẩm này, phần lớn là để gửi cho Mét-xi-mi và Xa-rô. Ông đang đối thoại với hai tay đầu sỏ thực dân cầm vận mệnh năm xứ Đông Dương, ông đang tranh thủ chúng với một thái độ có lợi cho hoạt động chính trị của ông. Ông chỉ trích Phan Bội Châu ở nơi này, nhưng ông lại bênh vực Phan Bội Châu và chủ trương bạo động của Phan Bội Châu ở nơi khác. Trong sách tuy có vẻ nói nhiều, nhưng ông đâu đã nói điều gì thật quan yếu với thực dân? Phan Châu Trinh vốn tự hào về "ba tấc lưỡi" của mình, muốn đem tài du thuyết để xoay chuyển cơ đồ. Ta không thể chỉ căn cứ vào một tác phẩm, thậm chí một vài đoạn văn, một vài câu nói để phê phán Phan Châu Trinh. Muốn tìm hiểu, giải thích, phê phán tư tưởng chính trị của ông một cách đúng đắn, thiết tưởng ta cần phải nghiên cứu toàn bộ tác phẩm của ông".

NBS

PHÁP - VIỆT LIÊN HIỆP HẬU CHI TÂN VIỆT NAM

1. LỊCH SỬ GIAO THIỆP CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM[1] VỚI TRUNG QUỐC

Nước Việt Nam ta ở hơi về phía nam của Á Đông. Địa hình một dải hơi dài. Lấy toàn hình thế của Á đông mà nói thì Trung Quốc là nửa trên của thân người, còn Việt Nam thì như tay mặt buông xuống. Dân tộc ta, vài ngàn năm trước, tự sinh tự nảy nở ở lưu vực hai bên Tản Viên Nhĩ Hà[2], như người trong nguồn đào[3], không biết có đời Hạ đời Thương, không kể tới nước Đường, nước Lô[4][5].

---

[1] *Việt Nam*: Trong di cảo, tác giả dùng từ *Việt Nam*, không dùng từ An-nam. Có nơi dùng từ *Nam quốc* (thay cho Việt Nam) thì chúng tôi dịch là "nước Nam", hoặc dùng từ *Nam Việt* để Việt Nam thời cổ (Triệu Đà hoặc sau đó).

[2] *Tản Viên Nhĩ Hà*: "Tản Viên" : Ngọn núi cao ở Bắc Bộ, thuộc tỉnh Sơn Tây, tục gọi là núi Ba Vì: "Nhĩ Hà": cũng gọi Nhị Hà, tức sông Hồng, con sông lớn nhất Bắc Bộ.

[3] *Nguồn đào*: Đời Tấn, tại huyện Vũ Lăng, có ông chài chèo thuyền dọc theo khe, thấy có hoa đào trôi trên mặt nước, nghĩ thầm chắc ở đây có dân cư. Thuyền đi mãi, qua đến một nơi có người ở khá đông, ăn mặc theo lối đời nhà Tần. Hỏi thì họ bảo lánh nạn hà khắc của Tần Thủy Hoàng di cư đến đây đã được mấy đời rồi. Ngư phủ chèo thuyền về thuật chuyện lại với mọi người, nhưng sau trở vào tìm lại chốn cũ không được nữa. Người ta ngỡ ông chài ấy đã lạc vào cảnh tiên.

[4] *Nc*: "Xét người nước ta, tuy cùng là giống da vàng, nhưng tự sinh tự phát triển riêng ở phía nam Á Đông, giao thiệp gần gũi với Trung Quốc, thật từ đời Tần, Hán. Từ đó hai giống giao dịch, mới trở thành dân tộc hiện nay nhưng nói rút lại một thứ tình đặc biệt phát hiện trên lịch sử không thể tiêu diệt. Riêng với các sử gia hàng ngàn năm sùng bái Trung Quốc vàng thau lẫn lộn, phụ hội vá víu mà phát biểu đặc tính của dân ta, gây ra tính căn ỷ lại, thì nước ta không thể làm được. Xem Trung Quốc là cha, cam chịu làm con, đọc lên khiến người chìm đắm tính linh, nuôi thành thói quen ỷ lại. Nếu không lấy con mắt sáng suốt mà xem, thì không thấy từ nay về sau phải đem những sự vẽ vời vô vị ấy mà xóa sạch đi". (Chú thích của tác giả (Phan Châu Trinh) trước có đề chữ *NC* và đặt ở tầng trên)

[5] *Nước Đường, nước Lô:* Di cảo chép "bất tri hữu Hạ Thương, vô luận Đường Lô", chúng tôi dịch như trên. "Đường" là tên một triều đại trong sử Trung Quốc, nhưng cũng chỉ nước Trung Quốc. "Lô": chúng tôi chưa hiểu tác giả chỉ nước nào.

Từ khi Tần Thủy Hoàng[1] lấy cái chí bao quát vũ trụ, cái dư oai thống nhất sáu nước, cuộc chiến mở rộng, trời long đất lở, mới đem đất đai, nhân dân xưa gọi là Giao Chỉ[2], nay gọi là năm tỉnh Bắc Kỳ do tổ tiên xa xưa của dân tộc ta đã tất bật lam lũ, gian nan cùng quẫn để xây dựng, mở mang, lấy làm căn cứ, mà đặt dưới quyền lực thống trị của Trung Quốc. Từ đó, đã được hơn một ngàn năm trăm năm.

Cảm tình, thủ đoạn của dân tộc ta đối với thời bấy giờ thì như thế nào? Tuy từ lúc bấy giờ dân tộc ta vừa thoát khỏi trình độ dã man, mới dựng hình thức sơ khai của quốc gia, chẳng biết cái chủ nghĩa dân tộc mà ngày nay châu Âu nói nhiều, nhưng cái chủ nghĩa dân tộc vốn có gốc ở tính Trời, không kể là dã man, là bán khai, là văn minh, nói chung đều có đặc tính ấy. [Tổ tiên ta, không biết mấy ngàn, trăm năm nay đã tất bật lam lũ gian nan cùng quẫn để xây dựng, mở mang, lấy làm căn cứ cho có nơi trú ẩn. Cũng là muốn ta tự sinh tự nẩy nở cho tới con tới cháu; rồi con cháu cũng làm như vậy; rồi từ nay về sau con cháu ta được ca ở đó, khóc ở đó, tụ tập ở đó, sinh trưởng ở đó. Nhưng do ý nào, từ hai bên lưu vực sông Hoàng Hà, Dương Tử][3] Trung Quốc đã lấy không biết dân tộc nào mà cậy mạnh hiếp yếu, tham lam không chán, vô cớ mà xâm chiếm đất nước người ta, vô cớ mà tàn sát sinh mạng người ta, vô cớ mà trói buộc nhân dân người ta, vô cớ mà bóc lột máu mỡ người ta[4]. Ví như trong một nhà, bọn người tham lam cậy sức mạnh đoạt bát canh chén cơm của người nghèo yếu, ăn tươi nuốt sống, nhậu nhẹt no nê, ngất ngưởng ngồi cao, hát ca phè phỡn; mà con em trong nhà thì ru rú ở một góc, đặt giấu ở trong ngôi nhà tối, roi vọt không đoái, hát khóc không nghe, đói lạnh không hỏi. Than ôi! Con người không phải là gỗ đá, tình ấy

---

[1] *Tần Thủy Hoàng*: Ông vua nhà Tần (cuối thế kỷ thứ III trước CN) đánh đổ sáu nước đời Chiến Quốc mà thống nhất Trung Hoa, bỏ chế độ phong kiến, xây Vạn lý trường thành, làm ông tổ chuyên chế ở Đông phương.

[2] *Giao Chỉ*: Tên cũ của nước Việt Nam , phần Bắc Bộ bây giờ.

[3] *Sông Hoàng Hà, Dương Tử*: Hai con sông lớn nhất ở Trung Quốc, Hoàng Hà ở miền bắc, Dương Tử giang ở miền nam.

[4] *Nc*: "Xét của cải mà lúc bấy giờ Trung Quốc lấy của nước ta, đều là đem về làm của riêng cho bọn quân chủ. Không như các nước văn minh châu Âu bấy giờ, lấy của cải nước ấy để sắp đặt việc nước ấy; nếu không đủ thì tăng tiền vay của cái nước mẹ để giúp thêm cho. Người đọc chớ có lầm".

làm sao chịu nổi?[1].

Dân đời trước của Tổ quốc ta lúc bấy giờ cũng quật cường vĩ đại, trăm lần bẻ không cong, chẳng như một động vật ngu si không xương, không máu, không não, khí, gân. Cho nên các thủ đoạn đối đãi cũng rất kịch liệt: Hoặc khi nó lành thì ta phục tùng, hoặc khi nó dữ thì ta phản đối; khi ta thua thì nó ra tay chém giết chẳng chịu buông ta, khi ta thắng thì máu sông xương núi lấy đó báo phục. Tuy nó từ cao xuống thấp như thế vạc ba chân, lấy lớn hiếp nhỏ như hình đá chọi trứng, khiến ta không thể thoát ngay sự ràng buộc, và nó lấy cớ lớn mạnh trị ta quá dữ, kềm ta quá gắt, cách mệnh nổi lên luôn, giết hại quá nhiều, mà cảm tình oán hận được nung đúc trong não quốc dân không thể phá được, càng truyền càng lớn, càng thịnh. Nhưng dân tộc ta cũng càng lấy đó mà khuyến khích đặc tính, nuôi dưỡng tinh thần, ngầm dựng thế lực, không chịu khuất phục, càng thêm gắng gổ, thề lấy mạng sống lấp nơi đồng ruộng, lấy máu đỏ bôi cả núi sông, để bày ra cái cảnh đau buồn sống động rất thảm rất mạnh, với dân tộc Trung Quốc ngàn trăm lần to lớn không thể sánh, cùng nhau xung đột đua tranh trong cảnh thiên diễn ưu thắng liệt bại này. Nó chết ta sống; nó tiến ta lùi. Kể từ sau trước được trên ngàn năm, nó cũng không làm gì được ta là vì sao? Rốt cuộc do cái loạn thời Ngũ quý[2], lúc giao thời của Chu Tống[3], binh lực không sửa sang, roi dài chẳng với tới, mà quân cách mệnh của Đinh Tiên Hoàng, với trống tự do, cờ độc lập, bỗng nhiên xuất hiện ở động Hoa Lư. Và cùng với đặc tính và giá trị dân tộc của Nam Việt ta, vào lúc ấy đã xuất hiện khẩu hiệu ngàn năm trước đây.

Ôi! Xứ Giao Chỉ con con, một vùng đất nhỏ không bằng một huyện lớn, mà xem nó ngang hàng, muốn đuổi nó đi. Mấy vạn của dân tộc hùm sói Trung Quốc, không đoái đến văn minh hay dã man, không kể mạnh yếu, liều chết mà giành, không chịu lùi một chút, cuối cùng có thể thắng được, giành giật sinh tồn cho đến

---

[1] *Nc*: "Xét Trung Quốc lấy nước ta, không như châu Âu bây giờ, nhân sự nghiệp thực dân mà dấy lên, chẳng qua là do dã tâm của bọn quân chủ".

[2] *Ngũ quý*: "Quý": cuối: năm đời cuối. Thời kỳ trong lịch sử Trung Quốc, ở vào tiền bán thế kỷ thứ X, tiếp sau triều đại nhà Đường. Gồm năm đời cuối là Hậu Lương, Hậu Đường, Hậu Tấn, Hậu Hán, Hậu Chu.

[3] *Lúc giao thời của Chu Tống*: Lúc giao thời của nhà Hậu Chu và triều đại Tống (960-1278).

ngày nay, ngang nhiên là một nước lớn ở phương nam! Than ôi! Trời thương chăng?Thần giúp cho chăng? Không thể bàn bạc được, không thể quy công cho ai. Thì lớn lời nói: Đó chỉ là đặc tính trầm nghị kiên nhẫn, độc lập bất khuất của dân tộc đời trước của Tổ quốc ta mà thôi[1].

Dân tộc ta, ngàn năm trước đây đã có cái đặc tính vĩ đại kia, như lấy học thuyết hoạt bát ngày nay của châu Âu phê bình khuyến khích làm cho lớn mạnh, mở mang tìm tòi làm cho rạng rỡ, thì tiền đồ dân tộc ta tốt lắm thay! Chẳng ngờ từ đó càng về sau lại càng quá lắm, càng diễn ra lại càng sai. Đã lầm ở thuật cai trị, lại lầm về văn học, về ngoại giao, chìm chìm đắm đắm cho đến ngày nay rơi xuống vực, không thể tự kéo lên. Ôi! Đó là lỗi của ai? Lỗi của ai?

Đinh Tiên Hoàng đã sáng lập sự nghiệp vĩ đại muôn đời nghìn thuở kia, bên trong chỉ trông vào thế lực nước mình làm chính. Như bọn nó cuốn đất mà lại, thế của ta không có gì mà chống, do đó mới có thủ đoạn ngoại giao để làm phương châm đối phó: giáo mác vừa yên, ngọc lụa lại tới. Một là để gỡ mối nhục của kẻ kia mất đất, hai là để giấu cái oai đắc thắng của ta, khiến cho cảm tình được mất của dân tộc hai nước đều tiêu tan trong cảnh vuông tròn của nơi hội họp thề bồi; khiến cho ta có thể thung dung ngày tháng kết hợp đoàn thể, sửa sang binh bị, thi hành thuật trị dân, sắp đặt chính phủ để xác định cơ sở dựng nước. Than ôi! Dân đời trước của Tổ quốc ta có bàn tay khéo léo, nhãn quan sâu sắc, quy mô xa rộng, thật là đáng ca, đáng thán, đáng kính, đáng yêu, đáng sùng bái, chẳng có gì hơn thế nữa. Những điều ấy thật là nhà bát cổ[2] đời sau đi đứng theo phép tắc, giá áo túi cơm, khó mà mơ thấy được. Thế thì phải chăng dân đời trước lấy đó làm công tích mà đời sau lại lấy

---

[1] *Nc*: "Xét nước ta thời xưa cùng với Quảng Đông, Quảng Tây hợp làm một nước. Có tên Việt Nam là từ sau khi bị Trung Quốc chinh phục. Hai tỉnh kia mất vào tay Trung Quốc, dân tộc ta chỉ lấy một dải đất Giao Chỉ trước sau chống lại Trung Quốc, cuối cùng tự lập riêng thành một nước. Ta không thể bàn bạc được, tìm nguyên nhân độc lập thì rất nhiều".

[2] *Nhà bát cổ*: "Bát cổ": tám vế, tám đoạn: là lối văn có tám đoạn đốinhau, dùng trong thời khoa cử, để làm các bài *kinh nghĩa*. Ở đây các nhà bát cổ chỉ các nhà nho hủ lậu, gò bó chỉ biết theo khuôn phép xưa cũ.

đó làm bại vong, thì thật buồn lắm thay[1]..

Từ đó mà Tiền Lê, mà Lý, Trần, Lê cho tới triều ta[2], đều lấy chính sách đó để đối phó với Trung Quốc, tức là kế viễn giao cận công[3].Cho nên không có mối lo ngóng về phương bắc, nhân đó lấy binh lực làm việc ở phương nam và diệt Chiêm Thành[4], lấy Chân-Lạp[5]. Dân tộc ta lấy sức bên trong mà bành trướng, mới sinh sôi nảy nở ở một vùng duyên hải phía nam, mà Cao Miên, Ai Lao[6] đều ở dưới thế lực của dân tộc ta, đến nay chiếm được một mảnh quốc thổ trên bản đồ địa cầu, đều nhờ vào chính sách ngoại giao ấy[7].

Không ngờ đời sau lầm điều quan sát ấy, chỉ cậy bên ngoài, binh bị không giảng, nội chính không sửa sang, cho ngọc lụa quý hơn thành trì, lấy ỷ lại làm điều phải của nước; còn Trung Quốc nhân đó mà tới, mang bộ mặt giả dối để thầm lén làm điều âm hiểm. Cho nên bọn Minh lúc đầu thì lấy tiếng khôi phục nhà Trần để biến nước ta thành một huyện, cuối cùng thì giúp Mạc làm loạn, ủng hộ bề tôi giặc của người; Thanh thì giả đò giúp Lê mà thầm làm việc chiếm cứ, binh thua xấu hổ, bắt giam vua tôi ép buộc cắt tóc, chẳng có lương tâm gì. Trên dưới một ngàn năm, khiến người nổi giận khôn cùng. Đến thời cuối triều ta, nhìn kỹ chẳng thấy, còn theo vết xe đổ, không nghĩ đến tự lập, gặp gỡ Bắc

---

[1] *Nc*: "Xét nước ta các đời thụ phong với Trung Quốc chỉ là chính sách ngoại giao, cho nên coi là trò chơi, không coi là vẻ vang. Kẻ lấy Trung Quốc làm ỷ lại, ắt là vào thời cuối: vua nhác, tôi nịnh, binh bị không sửa sang, coi như cha mà quên điều nanh ác. Thời cuối đời Trần, Lê đều có, mà triều ta lại càng nhiều. Cho nên sứ thần ngày xưa phần lớn lấy việc làm nhục người Trung Quốc làm vinh dự. Những kẻ đi việc sứ đời sau lấy việc được một bài thơ, bài văn, một lời than, tiếng cười của sĩ phu Trung Quốc trở về để khoe khoang với bạn bè làm vẻ vang. Mặt này lại là một điều suy sút của sĩ phu nước ta".

[2] *Triều ta*: Di cảo chép "bản triều", chỉ triều Nguyễn.

[3] *Viễn giao cận công*: Xa thì giao thiệp gần thì đánh.

[4] *Chiêm Thành*: Một nước xưa ở suốt dọc các tỉnh miền Trung ngày nay, sau bị nước ta tiêu diệt, nay chỉ còn sót ít làng ở tỉnh Bình Thuận mà thôi.

[5] *Chân Lạp*: Một nước xưa ở phía nam tỉnh Bình Thuận, phía giáp bể gọi là Thuỷ Chân Lạp, tức là Nam Bộ bây giờ, phía tiếp núi gọi là Lục Chân Lạp tức Cam-pu-chia bây giờ.

[6] *Cao Miên, Ai Lao*: Tức Cam-pu-chia và Lào bây giờ.

[7] Đó là Phan Châu Trinh nhìn theo quan điểm bành trướng lãnh thổ của các vua chúa phong kiến thời trước. Quan điểm bành trướng lỗi thời này, hiện nay chúng ta không chấp nhận.

triều, kêu gào chạy vạy, cậy vào như non Thái; bỗng gặp giặc Pháp mạnh, phải vứt khí giới mà trở về. Không như vậy, lại sợ hùm nịnh sói, bị người chà đạp còn dâng thịt cho ăn, nói mà đau lòng.

Ngày nay, có kẻ danh sĩ trong nước , tự phu yêu nước, chẳng biết đem hết sức ở trong mà đề xướng quốc dân, không có phương châm gì, chạy bậy ra nước ngoài, như sử tử ngủ mê không có sức, tô vẽ non sông để theo kẻ quyền mạnh, nói năng bậy bạ, không để ý tới lợi hại, kíp muốn mời một nước thứ ba miệng Phật lòng rắn, chẳng có đạo người, đem cả tính mệnh mà giao kết cho thì sau mới thấy làm thích[1]. Chẳng biết rằng nước kia đã không có sức thì để đó không hỏi, còn nếu nó đã có sức thì đợi gì ta cầu. Thử xem Triều Tiên, liên Nga liên Nhật, đảng phái rộn rịp, rốt đến ngay nay giết hoàng hậu cầm ngục vua, tù tội liên miên, chém giết không thôi[2]. Cầu đã được đó, lợi thì ở đâu? Lại không như dân trí nước ta chưa mở mang, ỷ lại thành tính, anh chột xướng lên, anh mù hưởng ứng như sấm, khác nào những con ngài bay vào lửa, vứt bỏ cả tính mạng, thành cháy vạ lây, người trong nước vì tội gì mà chịu sự thảm độc ấy?

Than ôi! Tính căn ỷ lại mấy trăm năm chưa phá bỏ, thì tính mạng của hai mươi triệu người ngu dại làm sao còn đến ngày nay? Thế mà còn chẳng xác định đem hết sức mưu sự sống còn, còn phân vân chưa quyết, thúc giục mà không đi tới. Tôi sợ vài chục năm sau, ắt có kẻ bát cổ biến tướng[3] tự gọi là yêu nước, nắm lấy cái thuyết Trung Quốc từng bảo hộ nước ta dựng nên bức tường thành, lấy làm tiền đề để kêu gọi quốc dân. Mà quốc dân ta chìm đắm đã sâu, mê mộng chưa tỉnh, nghe thuyết ấy thì liều chết khôi phục. Nhưng hai kẻ thua đều bị thương, chỉ khiến cho người khác ngồi hưởng cái lợi của ngư ông. Ngoái nhìn về sau vời vợi, sống chết như treo trên sợi tóc. Cơ hội một khi đã qua đi, thì không trở lại.

Hỡi người nước Đại Pháp, là dân tộc lớn tiên tiến của châu

---

[1] Tác giả ám chỉ đến việc Phan Bội Châu sang cầu viện Nhật Bản.

[2] Sau chiến thắng Nhật – Trung ở Triều Tiên (1896) Nhật Bản đặt Triều Tiên *dưới quyền bảo hộ của mình*. Sau chiến thắng Nhật – Nga ở Lữ Thuận (1905). Nhật Bản sáp nhập Triều Tiên, coi như một nước thuộc địa: đến năm 1945, Triều Tiên mới được độc lập.

[3] *Kẻ bát cổ biến tướng*: Kẻ học khoa cử bị biến chất.

Âu! Thương ghét không chừng, dễ như trở bàn tay, các người có thể suy tấm lòng nghĩa hiệp bác ái kia mà cho người Nam chúng tôi một nẻo đường sống hay không? Hỡi người nước Nam ta, cần phải bỏ cái tính căn ỷ lại Trung Quốc mới có thể sống còn trên thế giới của thế kỷ hai mươi. Trầm ngâm thờ thẫn, râu tóc thưa dần. Than ôi! Tuy muốn không nói nhưng không nói làm sao được?[1]

2. LỊCH SỬ GIAO THIỆP GIỮA NƯỚC NAM VÀ NƯỚC PHÁP

Nước Pháp từ khi bắt đầu giao thiệp với nước Nam cho đến hiện nay đã trên 60 năm. Tựu trung chia làm hai thời kỳ: một là thời kỳ thế lực phạm vi, hai là thời kỳ thế lực xác định[2]... Và chính sách, phương châm cũng tùy lúc mà thay đổi.

Thời kỳ trước thì dùng chính sách nâng đỡ mở mang; thời kỳ sau thì dùng chính sách thống trị chuyên chế[3]...

3. ĐẶC TÍNH TỰ TÔN VÀ TỰ TI ĐẶC TÍNH Ỷ NGOẠI VÀ BÀI NGOẠI

Có người hỏi tôi rằng: "Cuộc dân biến của Trung Kỳ năm Mậu Thân[4] và binh biến ở Bắc Kỳ do đâu mà có?"

Xin nói: Nước Pháp từ khi đến nước Nam tới nay đã hơn sáu mươi năm. Trước khi thế lực của họ chưa xác định, trên thì có sự chống đối của triều đình, giữa thì sau khi thế lực cần vương của các tỉnh đã xác định, ngoài thì Thiên-binh của Bắc-kỳ, trong thì nổi dậy của Quảng Nghĩa, giặc Liêm ở Bình Định, Nguyễn Trứ ở Phú Yên, tuy danh có chính và bất chính, việc có lớn nhỏ, người phát khởi có phân biệt học thức và ngu xuẩn, kết cuộc có phân biệt

---

[1] *Nc*: "Xét đoạn này nên đưa thêm vào hai nghĩa về học thuyết chính thuật mới đủ. Nhưng vì điều đó người trong nước phần nhiều có thể hiểu cho nên không nói làm gì".

[2] *Thế lực phạm vi, thế lực xác định*: Ta có thể hiểu "thế lực phạm vi" là thế lực chưa xác định.

[3] Trong *di cảo*, phần này dừng ở đây. Nguyên văn chỉ có 3 dòng.

[4] *Cuộc dân biến của Trung Kỳ năm Mậu Thân*: Tức là vụ nhân dân 11 tỉnh Trung Kỳ nổi lên xin xâu kháng thuế năm 1908 được Phan Châu Trinh kêu oan trong tập *Trung Kỳ dân biến tụng oan thủy mạt ký*.

kéo dài hay mau định, nhưng nói tóm lại việc lợi hại không liên quan tới đại cuộc, không đủ để bàn sâu.

Đến như việc ngày nay, tuy tư tưởng rất đơn giản, kiến thức rất non nớt, thủ đoạn rất dã man, trạng thái rất đáng giận đáng ghét, mà nguyên do được mất ly hợp của Pháp, Việt chỉ do đó mà ra. Lặng nhớ cái đã qua, xét kỹ cái sắp tới, ngoài thì trông xu thế của Á đông, trong thì xét tiền đồ của dân tộc, hang kiến làm vỡ đê, góp lông làm gãy trục, xem cái nhỏ mà biết cái lớn, nắm cái một mà quán xuyến tất cả, đó là vấn đề rất thú vị, rất có giá trị để nghiên cứu[1]. Chớ có thấy nhỏ nhặt mà khinh, chớ có thấy không đủ khinh trọng mà coi làm dễ. Khách có thích nghe tôi, thì xin mời ngồi.

Phát khởi việc này, có nguyên nhân xa, nguyên nhân gần, nguyên nhân chung, nguyên nhân riêng, nội dung rất phức tạp, hiện tượng rất mờ ảo, nếu không lấy cái thân hiếu sự, cái tính mạo hiểm, không kể sống chết đem thân vào đó mà xét rõ bên trong, thì cũng không biết được. Nếu không lấy con mắt sắc bén, cái lòng công bình, xa thì xem lịch sử của dân tộc, gần thì xét thời cuộc hiện nay, cũng không biết được. Nếu chỉ xem hiện tượng, không xét nội dung, nhận nguyên nhân gần thành nguyên nhân xa, lầm nguyên nhân riêng thành nguyên nhân chung, nắm cái nhỏ bỏ cái lớn, nhận hình thức không cầu cái tinh thần để rồi thung dung nói là biết; lấy đó mà xét việc biến, thì không những dối người mà lại là tự dối mình; lấy đó mà đối phó, không những vô ích mà hại rất nhiều.

Tục ngữ nói: "Cởi chuông lại là người buộc chuông"[2]. Tôi là người trong cuộc, xin nói về việc trong cuộc.

Nguyên nhân xa, nguyên nhân chung. Dân tộc nước Nam, trên lịch sử, có hai đặc tính cực đoan phản đối nhau: một là đặc tính bài ngoại và ỷ ngoại; hai là đặc tính tự tôn và tự ti.

---

[1] *Đó là vấn đề rất thú vị, rất có giá trị để nghiên cứu*: *Di cảo* chép" *thử vi tối hữu thú vị chi vấn đề dã, tối hữu nghiên cứu chi giá trị dã*". Nếu theo từng chữ, thì phải dịch là: đó là vấn đề rất có thú vị, là *rất có giá trị nghiên cứu*. Chúng tôi chọn cách hiểu như trên.

[2] *"Cởi chuông lại là người buộc chuông*: Ngày kia sư Pháp Nhẫn hỏi đồ đệ: "Ai có thể cởi cái chuông nơi có con cọp được?" Ai nấy đều làm thinh, không thể trả lời.Vừa thấy Thanh Lương đến, Pháp Nhẫn lại hỏi câu ấy, Thanh Lương đáp: "Chỉ có người buộc chuông cởi được". (*Chí nguyệt lục*)..

Hai đặc tính đó có sẵn ở quốc dân, trong não mọi người. Mỗi cái nhân thời thế, địa vị của nó mà phát hiện, rồi trong khi phát hiện lại đều đi tới cực đoan, lại khi đã tới cực đoan, mỗi cái đều giữ lý do, chuyên cậy vào tập quán, lợi hại đều bị che lấp không thấy.

Lịch sử của việc này, thật là lịch sử nguy hiểm gian nan của một đời tôi, cũng là cái công án về công hay tội, thành hay bại của đời tôi. Tự chạm vào kỵ huý, chẳng ngại hiềm nghi rất nhiều. Được người trong nước hoan nghênh cùng thóa mạ cũng rất gắt. Tự tin rất sâu, tự gắng sức rất nhiều. Nhưng tự đưa thân vào lưới bẫy cũng rất dữ. Bởi vì tôi thật là người có quan hệ nhất với đầu đuôi việc ấy. Nhưng nói tóm lại, những người yêu tôi, ghét tôi, nghi tôi, tin tôi, muốn tôi chết, cho tôi sống đều là không biết tôi. Than ôi! Tuy chẳng nói, nhưng làm sao không nói được!

Quan lớn hai nước thẩm xét nguyên nhân việc này và cách xử trí. Việc dân vừa mới nổi lên. Việc xảy ra, thì hoảng hốt vội vàng không kịp lo toan. Nước bảo hộ một mặt lấy binh lực đàn áp, một mặt hễ người nào bị nghi có thuộc vào án đó, thì đều đem xử tử hoặc đem đi đày, không bỏ sót một ai. Đó cũng là xử trí trong khi nguy cấp, là biện pháp bất đắc dĩ. Sau khi việc đã yên, quan lớn hai nước hội nghị, xét nguyên nhân gây nên việc biến ấy, đại lược nói: Dân nước Nam là dân rất thuần phục, rất dễ trị; cũng là kẻ yêu nước Pháp. Người gây ra, chẳng qua là một vài thân sĩ bất đắc chí khiêu khích mà nên. Còn về thủ đoạn bố trí, thì như trong sách *Việt sử giám* Hoàng tướng công[1] gọi là bố trí bên ngoài và bố trí bên trong. Do điều quan sát đó, cho nên phương pháp đối đãi đều dựa vào đó mà lấy phương châm xử trí.

Chính sách của đảng xử trí ở ngoài nước. Người đại biểu cho sự bố trí đảng ngoài nước là Phan Bội Châu.Ông ấy ôm lấy chủ nghĩa phục thù cực đoan, to gan lớn mật đứng ở địa vị phản đối nước Pháp[2]...

---

[1] *Hoàng tướng công:* Tức Hoàng Cao Khải, tác giả sách *Gương sử Nam* bằng chữ Nôm mà Phan Châu Trinh dịch là *Việt sử giám* trên đây.

[2] Trong *di cảo*, đoạn này dừng ở đây. Nguyên văn chỉ có một dòng.

4. SO SÁNH CHỖ MẠNH YẾU, ĐƯỢC MẤT, ĐỒNG DỊ GIỮA DÂN TỘC TA VÀ DÂN TỘC TRUNG QUỐC

Chỗ đồng dị, được mất về ngoại hoạn[1] của Việt Nam và Trung Quốc cùng chính sách đối phó. Trung Quốc ở vào phía giữa Á đông. Bọc quanh phía nam đều là các nước nhỏ. Tuy có sự nổi loạn, nhưng không đủ là mối lo; ngoại hoạn thường nổi lên ở phía bắc. Ấy là Hiểm Doãn đời Chu, Hung Nô đời Tần Hán, Đột Quyết đời Đường, Khiết Doãn đời Ngũ quý, Liêu, Kim, Nguyên đời Lưỡng Tống, tiên Mông Cổ đời Minh. Cho nên từ đầu cho đến cuối dân tộc Trung Quốc đều lấy việc đối phó với kẻ địch phương bắc làm vấn đề lớn nhất xưa nay.

Nước Nam ở vào phía nam Á đông. Bọc quanh phía Nam đều là các nước nhỏ. Tuy có sự nổi loạn nhưng không đủ là mối lo; ngoại hoạn thường nổi lên ở phía bắc. Như từ Đinh Tiên Hoàng về trước đều bị Trung Quốc chinh phục; và Ô Mã Nhi của quân Nguyên vào cuối Trần, Tôn Sĩ Nghị của quân Thanh vào cuối Lê. Cho nên dân tộc nước ta từ đầu đến cuối lấy việc đối phó với nước phương bắc làm vấn đề lớn nhất xưa nay. Đó là chỗ giống nhau.

Riêng Trung Quốc đánh nhau với các rợ phương bắc, thì từ đời Đường về trước, Trung Quốc thường thắng mà các rợ phương bắc thường bại; còn từ đời Ngũ-quý về sau, Trung Quốc thường bại mà các rợ phương bắc thường thắng; Bắc Kinh bị tàn phá trên một ngàn năm là vốn như vậy đó[2]. Rồi trước thì bị Nguyên chinh phục trên một trăm năm, nay thì bị Thanh chinh phục trên hai trăm năm, ấy là chỗ yếu của họ.

Nước ta, thì từ Ngũ-quý về trước[3] , nam thường bại mà bắc thường thắng; từ Tống về sau, bắc thường bại mà nam thường thắng; Đinh Tiên Hoàng chỉ một đạo quân mà giành độc lập, Lý Thường Kiệt sang lấy châu Khâm, châu Liêm là vốn như vậy đó. Rồi trận đánh ở sông Bạch Đằng của Trần Quốc Tuấn, quân ở

---

[1] *Ngoại hoạn*: những mối lo về giặc ngoại xâm.

[2] *Bắc Kinh bị tàn phá trên một ngàn năm là vốn như vậy đó*: Di cảo chép "U-yên luôn một thiên dư niên cố dã". Theo *Mathewws Chinese-English Dictionary*. thì "U Yên" là tên cũ của Bắc Kinh.

[3] *Từ Ngũ-quý về trước*: "Ngũ-quý": thời kỳ vào tiền bán thế kỷ thứ X, tiếp sau đời Đường. *Di cảo* vốn chép "thiên niên tiền" (một ngàn năm trước), sau ghi thêm bên cạnh "Ngũ quý dĩ tiền": chúng tôi dịch bốn chữ sau.

Chi-Lăng của Lê Thái Tổ, thắng trận của Nguyễn Quang Trung ở Đống Đa, ấy là chỗ mạnh của ta. Đó lại là chỗ khác nhau.

Trung Quốc trên dưới ba nghìn năm, đã lấy việc ngoái về phía bắc làm một vấn đề lớn, cho nên chính sách đối phó của họ, từ Hán, Đường về sau đều lấy sự hòa thuận kết thân, lấy vàng lụa làm biện pháp chính của ngoại giao[1]. Rồi họ Thạch đời Tấn cắt đất xưng làm con. Nam Tống cắt đất thờ người Kim. Xưng làm tôi, làm con, ấy là chỗ yếu của họ.

Nước ta cũng lấy việc ngoái về phía bắc làm một vấn đề lớn, cho nên chính sách đối phó từ Đinh, Lê về sau là lấy việc nạp cống, thụ phong làm biện pháp chính của ngoại giao[2]. Như Trung Quốc xưa nay gọi ta là phiên thuộc[3], là bề tôi nước ngoài là vậy. Tuy nhiên vua của các triều đều không lấy việc Trung Quốc sách phong làm vẻ vang, chỉ vào thời suy vong mới coi làm trọng, ấy là chỗ mạnh của ta[4].

Riêng Trung Quốc là nước lớn thường khổ vì các rợ phương bắc, không biết tự cường, yếu hèn không sửa sang lại được, lấy hòa thân, vàng lụa làm biện pháp chính, hàng năm phí tổn hơn một tỉ [lạng], mà Trung Quốc đến nay rốt cuộc vẫn chìm đắm, đó là chỗ mất của họ.

Nước ta vốn là nước nhỏ thường khổ vì phương bắc. Khổ thì phải tự cường, gắng gổ độc lập. Tuy nạp cống thụ phong, là biện pháp chính, nhưng chưa từng xưng cháu xưng con với Trung Quốc, sở phí hàng năm không quá trên dưới vài vạn. Quăng đi số ít ấy, để làm kế viễn giao cận công, được đem hết sức ở phía nam mà diệt Chiêm Thành, lấy Chân Lạp, mở đất mấy ngàn dặm, đến nay ngang nhiên là một nước lớn ở phương nam, đó là chỗ được của ta, đồng thời cũng là chỗ khác nhau.

Xét thêm: Những điểm giống nhau giữa nước ta và Trung Quốc khá nhiều. Nhưng trong chỗ giống có chỗ khác, trong chỗ khác có chỗ

---

[1] *Nc*: Trung Quốc tuy cũng có lấy binh đánh dẹp, nhưng đều là đương nhiên của thời thế, không phải là sự thường".

[2] *Nc*: "Nước ta cũng có lấy binh đánh dẹp, nhưng đều là đương nhiên của thời thế, không phải là sự thường".

[3] *Phiên thuộc*: Nước chư hầu, nước bảo hộ hoặc thuộc địa của một nước lớn.

[4] Sau câu này, *trong di cảo, Phan Châu Trinh có viết thêm một câu* nhưng lại đặt trong dấu [ ] như muốn bỏ đi.Câu ấy dịch như sau: "Việc cắt các châu đất của gian thần Hồ Hán Thương, việc hối lộ mờ ám để cầu phong của lộng thần họ Trịnh là chỗ không thường, vốn như vậy đó".

giống, nếu không lấy lòng tinh tế mà tìm thì không thấy. Như ở Trung Quốc, sự nghiệp thống nhất của các đế vương đều nổi lên ở bắc, không có ai nổi lên ở nam. Riêng Hạng Vũ đem ba ngàn đệ tử nổi lên ở Cối Kê[1], hoành hành ở Trung Quốc, thống nhất chư hầu, chưa đến một đời mà đã thua. Minh Thái Tổ nổi lên ở nam, thống nhất Trung Quốc, làm nên nghiệp đế, chưa được hai trăm năm mà Trung Quốc đã mất vào tay nhà Thanh. Nước ta, xưa nay sự nghiệp nhất thống của các đế vương đều nổi lên ở bắc không có ai nổi lên ở nam. Riêng vua Quang Trung lấy áo vải nổi lên ở Quảng Ngãi[2], thống nhất nước ta, chưa đến hai đời thì mất. Đến vua Thế Tổ triều ta nổi lên ở Nam, thống nhất nước ta, làm nên nghiệp đế chưa đến một trăm năm, thì nước ta bị Pháp lấy. Đó là nhìn chung. Xét nước ta học văn học của Trung Quốc cho nên sùng bái quá sâu, bắt chước quá nhiều có khi mất cả chân tướng của mình. Như triều Thanh nổi lên ở các rợ phía bắc, mà có sự phân biệt trọng khinh giữa người Mãn với người Hán; triều ta nổi lên ở phía nam, mà có điều lầm là xem nam bắc khác nhau. Đó là cái ngu quá sức của kẻ bắt chước Tây tử nhăn mày[3].

[Chỗ dị đồng, được mất giữa bài ngoại và ỷ ngoại của Trung Quốc cùng nước ta.] Trung Quốc có đất nước muôn dặm, có mấy trăm triệu dân, khổ vì các rợ ở phương bắc, không biết làm sao, đến nỗi phải đem gả công chúa cho chúng[4]. Mỗi năm đem cống cho người phương bắc, tốn hàng năm về vàng lụa tới hơn một tỉ lạng[5], sau rốt cuộc cũng bị Kim, Nguyên, Thanh lấy. Triều Tống bị rợ bắt áp bức: Khấu Chuẩn tại Thiền Uyển, Khánh Nguyên tại Thái Thạch, Nhạc Phi say mèm ở Hoàng Long... xem với sự thắng trận ở Bạch Đằng của Trần Hưng Đạo Vương, với chiến công ở Chi Lăng

---

[1] *Cối Kê*: Tên huyện: từ đời Tần về sau cho đến nay thuộc vùng tỉnh Chiết Giang và Giang Tô là hai tỉnh ở đông nam Trung Quốc.

[2] *Quảng Ngãi*: ở đây, Phan Châu Trinh có sự lầm lẫn, vì anh em nhà Tây-Sơn nổi lên ở tỉnh Bình Định, chứ không phải ở Quảng Ngãi.

[3] *Bắt chước Tây tử nhăn mày*: *Di cảo* chép "hiệu tần Tây tử", chỉ sự bắt chước vô ý thức. Thiên "Thiên vận" sách *Trang tử* kể rằng khi có điều phiền muộn thì Tây Thi (người con gái đẹp) nhăn mày lại, trông càng đẹp thêm. Có người đàn bà xấu xí bắt chước nhăn mày khi phiền muộn thì người cùng làng hoặc trốn trong nhà, hoặc kéo nhau bỏ chạy.

[4] *Nc*: "Xét nước ta triều Trần cũng đem công chúa gả cho chúa Chiêm Thành. Nhưng đó là muốn được đất, không phải là bất đắc dĩ."

[5] *Hơn một tỉ lạng*: *Di cảo* chép "Thiên bách dư vạn lạng" (hơn một ngàn trăm vạn lạng): đoạn trước cũng dùng con số này, nhưng không có chữ "lạng".

của vua Lê Thái Tổ, với chiến tích ở Đống Đa của vua Nguyễn Quang Trung, thì như thế nào? Phú Bật vốn là sứ giả nước lớn, không biết thừa cái oai của chiến thắng lại để bị chịu thua, đến nỗi mất vàng lụa hàng vạn, chỉ biết giành hai chữ *hiến nạp* mà về, cái ngu của ngoại giao thật là quá lắm. Xem với Mạc Đĩnh Chi của ta phá màn để đáp lại, làm nhục người Tàu, thì như thế nào?

Xem vào đó, thì dân tộc nước ta với dân tộc Trung Quốc ai hơn ai kém, ai thắng ai bại cũng rõ lắm vậy.

Không như nước ta, từ khi hấp thụ văn minh Trung Quốc, không phân biệt tốt xấu, cái gì cũng thâu vào, lựa chọn không tinh, được không bù mất. Thậm chí trong phép lấy kẻ sĩ, về nghề riêng của kinh truyện thì không nói, ngay về *văn sách*[1], cả một bài lớn đều hỏi những việc trong sử Trung Quốc, đến như sử nước ta, chẳng qua chỉ hỏi sơ vài câu mà thôi. Cho nên sĩ phu đua nhau học sử Tàu, không ngó gì đến sử nước nhà. Lầm lạc đã lắm, chìm đắm càng sâu, đến nỗi khiến cho sĩ phu của nước, đối với những việc, những người không đáng gì trong sử Tàu, cho đến tên người, tên đất, núi sông, làng xóm, đều sao chép nhớ đọc, lượm lặt không sót; còn hỏi đến tên tuổi vĩ nhân, núi cao sông rộng của nước nhà, thì trương mắt mà ngó, không thể đối đáp, rốt cuộc mất hẳn tướng mạo xưa nay, có khi tự coi là người Trung Quốc, là người văn minh, lừa đội lốt hổ, hiêu hiêu tự cho là lớn, vàng thau lẫn lộn, bơ vơ không chỗ mà nương.

5. LUẬN VỀ PHONG TRÀO CHỐNG PHÁP

Từ thời kỳ nước Nam giao thiệp với nước Pháp, đến thời kỳ chịu sự bảo hộ cho đến nay, trên dưới hơn sáu mươi năm. Mà học giới trên dưới trong cả nước sa đoạ đạt tới cực điểm, quốc dân căm ghét cũng đạt tới cực điểm.

Sự thế nguy ngập, đợi lúc nổ ra. Người có chí lớn sớm lo lắng, nghĩ đến việc cứu giúp, nhưng mê vì thời thế, bế tắc về học thuật mà không tìm thấy đường.

Từ khi *sách mới* (tân thư) dịch của châu Âu du nhập, mới hiểu rõ tiền đồ sống chết của dân tộc ở trong cái đại thế mạnh yếu của năm châu. Cái đặc tính vĩ đại của dân tộc ngàn năm, cái linh chất sáng suốt, vì học thuyết của khoa cử che lấp, mà bị chìm đắm

---

[1] *Văn sách*: Tên một loại bài thi ngày xưa, theo những câu hỏi trong đầu bài mà trả lời, như bài văn nghị luận ngày nay.

ẩn nấp ở bên trong, không thể tự trở thành phát đạt để mưu sự sống còn, đến nỗi gần như mất, chết mà không tự biết. Một sớm kia bỗng nhiên mê mộng mới bị phá, như vén mây mù mà thấy trời xanh, như ra khỏi nhà tối mà thấy mặt trời mặt trăng. Lấy đó mà suy nghĩ, thì có thể biết vậy.

Nhưng lầm lạc đã lắm, chìm đắm đã sâu, vừa mới thoát khỏi chín lần vực thẳm, thần hồn chưa định. Như người tù bị trói buộc lâu ngày vừa rời nhà ngục, chân run rẩy chưa đi được, phải dựa người bên phải bên trái; như kẻ dân ngu ở hương thôn vừa bước vào thành thị, miệng ngập ngừng không nói được, thật giả phải hỏi khách, chợt vui chợt buồn, vừa nghi vừa tin, suy thầm nghĩ lặng. Trạng thái tinh thần của quốc dân thời ấy thật không thể dùng bút mực, ngôn ngữ mà có thể hình dung ra được.

Thời ấy thế ấy, sống chết trọng hệ, được thua còn mất, cách nhau một sợi tóc, phải cậy vào một vài chí sĩ hiểu rõ thời cuộc, định trước phương châm, làm kẻ chỉ đường cho dân. Không như buổi giao thời giữa cũ và mới, kẻ thông đạt thì ít, kẻ ngoan cố thì nhiều, cái sai lầm ác độc của nhà bát cổ chưa gột sạch trong não, cảnh lạ lùng quái gở của năm đại châu, chợt đã biến huyễn ở trước mắt, hiện hình biến tướng, chẳng khôn chẳng ngu, say sưa hô bậy, chẳng mới chẳng cũ.

Bỗng nhiên một tiếng sét nổ ra, trời long đất lở, dư ba của chiến tranh Nhật – Nga, động lực của duy tân Trung Quốc vang dội bốn phía, lay động cả nước. Do đó, các cử động, các đảng phái trong nước cũng theo đó mà nổi lên.

Cho nên đầu thì là một đảng[1], tiếp đó lại chia làm hai đảng;

---

[1] *Nc*: "Phan Bội Châu lúc đầu chủ trương chủ nghĩa bạo động. Đến năm Quý Mão [1903] tại Kinh, lúc cùng gặp nhau, thì bị tôi bác. Lúc đầu cùng nhau mưu họp các cống sĩ dâng thư xin bỏ khoa cử, sửa đổi chính sách, chế độ cai trị. Tôi cùng Vũ Phương Trứ chạy vạy mấy ngày. Lúc bấy giờ, sĩ phu mê mộng vì khoa cử chưa tỉnh, ít có người theo. Bội Châu nhân thi hỏng không chịu ghi tên, việc mới thôi. Ông bèn bỏ mà đi Nhật Bản. Từ đó về sau mới chia làm hai đảng. Tôi cùng Bội Châu biết nhau bắt đầu từ đó. Vì tôi thấy BộiChâu, thì biết học thức chưa đủ, có chí khí, sức tự tin rất vững mạnh, dũng cảm; rất có tiếng vào thời đại bát cổ, được sĩ phu trong nước sùng bái. Nếu được hợp sức ở trong nước mà kêu gọi quốc dân thì việc ắt phải nên. Nếu ông ấy ra nước ngoài, thì sức có thể phá chủ nghĩa của tôi, cho nên tôi hết sức liên hợp với ông ấy. Bội Châu cũng biết cái chủ nghĩa mà ông ấy chủ trương, sức tôi đủ phá được, cho nên cũng hết sức dụ tôi.Sự giao thiệp của hai người bắt đầu từ đó. Sau, tôi không từ hiểm nghi, không kể hiểm trở, lúc thì đi xa ra nước ngoài, lúc thì giải tán đảng ở trong nước, trước là bạn, sau là kẻ địch. Hoặc lúc thì vào trong đảng ông ấy, lúc thì ra ngoài đảng, ngàn biến trăm hóa, không thể phân biệt. Ngu cuồng của tôi ở tại đó; tôi bị thất lại vùi trong đất, chẳng còn được chút gì cũng là do đó".

một đảng chủ trương cách mệnh, một đảng chủ trương tự trị.

Người trong hai đảng, lại ra lại vào, trước là chủ sau là tớ, giới hạn khó phân, tranh biện không thôi. Phàm trăm cử động giáo mác đụng nhau, phàm trăm thi thố mọi việc tranh tới trước. Cho nên tin tức trong đó, không phải là người có lòng tinh mắt sáng, thì khó mà phân biệt. Đến nay, việc dân biến, binh biến, bị tù bị chết không dứt. Phàm tôi bị thất bại vùi trong đất, mà quan lớn của hai nước quan sát đã cùng, cầu ở chỗ này không được, cầu ở chỗ khác không được, một tấm lòng nghi, không do đâu mà phá bỏ. Không lạ gì một mẻ lưới bắt sạch, vơ vét chẳng còn ai, mà lao ngục vì hiềm nghi, thảm khốc vì bắt bớ, đến nay còn thêu dệt liên miên, chưa chịu thôi cho.

Nay việc biến đã định, công án đã rõ, chính sách cải lương cho tốt đã thi hành, mà chủ nghĩa của hai đảng, ai phải ai trái, người của hai đảng, ai công ai tội, ai đáng ai oan, chưa thể chỉ định, đen trắng đều là không, hoặc quy cho là thuộc bọn bất đắc chí, hoặc gán chung cho là thuộc về vận động bên trong và vận động bên ngoài; ở nơi núi hoang đảo biển, các chí sĩ gần như mất cả, nặng thì bị chết, nhẹ thì bị tù, dân ngu nuốt nước mắt.

Tôi tuy đội ơn phóng thích, đem ở một nơi, cử động bị nghi ngờ, tâm sự không nói được, lặng lẽ mà hổ thẹn vì người bạn bị chết[1]. Rõ ràng là không biết lấy gì để đáp lại với người trong nước[2] , trong thì bị các quan của hai nước nghi[3], ngoài thì bị đảng phản đối cười[4], cúi ngửa trong trời đất, không thể tự bao bọc thui thủi một mình, tuy sống nhưng có ích gì!

Than ôi! Một tấm lòng khổ, biết nói cùng ai, dưới có suối vàng trên có trời. Biết được tôi, có phải là những dân tộc tiên tiến, ở châu Âu chăng? Có phải là người nước Pháp dũng cảm, nghĩa

---

[1] *Nc*: "Người bạn bị chết của tôi, tiến sĩ Trần Quý Cáp, học thức rất sâu, chủ nghĩa rất rõ, phản đối chủ nghĩa bạo động cũng hết sức. Từng viết bài "Tự trị luận" để bác Phan Bội Châu. Không hiểu vì cớ gì mà bị giết ở Khánh Hòa. Than ôi, thương thay!".

[2] *Nc*: "Tôi khuyên người trong tỉnh lập nhiều trường tiểu học, lập hội nông phố. Nghe nói sau khi dân biến nổi lên, hễ nơi nào có trường học, có hội nông đều có lính tập đóng giữ, phần lớn bị hành hạ".

[3] *Nc*: "Quan Pháp quan Nam cho đảng tôi là giặc chống lại nhà nước".

[4] *Nc*: "Tôi từ Hương Cảng trở về, chủ trì chủ nghĩa tự trị: Bội Châu đưa thư về, nói: Ngày sau nếu thất bại, hãy nghĩ đến lời tôi".

hiệp, bác ái, bình đẳng chăng? Tôi không muốn nói, nhưng làm sao không nói được?

6. CHÂN TƯỚNG CỦA HAI ĐẢNG

Nay bàn về đảng phái nước Nam, thì đều lấy việc vận động trong nước và ngoài nước làm chân tướng, mà người vận động đều bị gom chung là bọn bất đắc chí. Họ làm hàng ngày, nói về việc, thì coi là việc không đáng quan tâm; nói về người, thì coi là người không đáng quan tâm. Cho nên không lưu ý mà xem xét, không lấy công tâm mà phân biệt, gọi chung bằng những lời bao quát mông lung, coi là những người vô sỉ không đáng gì. Không lấy làm lạ khi đem ra bắt bớ chém giết, khiến cho không thể nương tựa vào đâu. Tuy nhiên, hang kiến làm vỡ đê, góp lông làm gãy trục, việc ấy tuy nhỏ, nhưng quan hệ không thể khinh, cái cơ hội Pháp Việt ly hợp, dân tộc nước Nam sống chết dứt nối, việc xử trí ngày nay và ngày sau được hay mất, lợi hay hại, đều dựa vào đó mà sinh.

Nếu lại gia thêm nghiêm cấm, không ít người buông tay chuyên uỷ cho quan lại, chẳng kể đến sĩ phu, trong khoảng ân oán lại kềm chế quá lắm, làm cho phải chạy xa trốn hiểm, phân tán bốn bên, gốc rễ chưa nhổ, thì lông cánh của đảng ngày càng nhiều[1] . Nguyên nhân tạo ra đã sâu, nhưng gặt quả đang còn ít[2]. Ngoài đầy trong khô kiệt, có chỗ hở thì vào[3]. Rình mò chỗ hở, bị uốn lâu thì duỗi, tuy ngày nay đem người trong nước làm thịt đi một nửa, nhưng lửa ngoài đồng cháy chưa hết, gió xuân thổi lại bùng lên, mối lo ngày sau, sẽ không biết dựa vào đâu.

Lặng nhớ cái đã qua, phỏng xét cái sắp tới, ngóng đường trước thăm thẳm, sợ việc đời nguy ngập, nhỏ như tơ tóc, kẻ trí xét xem, lòng nói là nguy, không thể không bảo cho biết. Nay xin đem bày tỏ tường tận nội dung cùng phương châm bố trí của hai chủ nghĩa, cùng phẩm cách của người phát khởi, lý do mà họ chủ trì,

---

[1] *Nc*: "Nghe nói việc biến lần này, vì có bị tù bị giết, trong nước chạy ra nước ngoài rất nhiều, nhưng chưa biết hết con số".

[2] *Nc*: "Lần biến này là nhỏ đó".

[3] *Nc*: "Nghe nói lần biến này, sĩ phu đều bị bịt miệng, còn đảng ở nước ngoài, nhờ được nghị luận tự do, lại trở về trong nước, thế họ rất rõ".

và lịch sử đầu đuôi cái gọi là bố trí trong và ngoài nước, để bày tỏ cho nhà đương cuộc xem xét.

Nay đem trong cả nước giả chia làm hai đảng; một là đảng cách mệnh, là hai đảng tự trị[1]. Người phát khởi đảng cách mệnh là Phan Bội Châu, người phát khởi đảng tự trị là Phan Châu Trinh. Phan Bội Châu lấy cách mệnh nổi bật ở nước ngoài, cho nên đảng cách mệnh có trong và ngoài;nhưng đảng tự trị không có trong và ngoài[2].

Căn bản của hai đảng đều có chủ nghĩa. Lại sinh cành từ hai đảng, một là đảng cách mệnh phụ hội, hai là đảng tự trị phụ hội. Hai đảng này không có chủ nghĩa, không có bố trí. Nhưng nói về việc lừa người lấy của, làm hại cho người nhiều, thì đảng cách mệnh phụ hội là hơn cả; còn đảng tự trị phụ hội chẳng qua là nói cười mua vui, vô cớ mà mang họa. Tuy nhiên, do nay mà xét, thì việc dân và binh biến lần này đều chịu tác động của sách Phan Bội Châu; có thể nói làm hết chủ nghĩa của ông ấy không sót điều gì. Tôi cũng là một người phát khởi ở trong nước[3].

Về sự xử trí của hai nước, thì đảng trong nước bị bắt không sót một ai, không cần chú ý lắm; còn ở tại nước ngoài thì roi dài không với tới, không biết làm sao.Cho nên Phan Bội Châu vẫn là nhân vật tối quan yếu của nguyên động lực lần này. Và ngày nay xử trí Phan Bội Châu cũng là vấn đề quan trọng hơn cả. Xin nói về Phan Bội Châu cùng cách xem xét, phương châm bố trí của ông ấy.

Phan Bội Châu là người rất có chí khí, có nghị lực, nhẫn nhục, dám làm; có điều tin vào thì không chịu bỏ, dẫu có sấm sét cũng không đổi[1]. Nay sĩ phu khắp nước chưa ai có thể ví với ông ấy. Tiếc thay học thuật không rành, thời thế không rõ, thích dùng

---

[1] *Nc*: "Lúc bấy giờ thực sự chưa thành đảng, chỉ là hai chủ nghĩa tranh nhau mà thôi".

[2] *Nc*: "Tôi là người Quảng Nam. Tỉnh tôi do tôi chủ trì, cho nên không có ai ra nước ngoài. Nghe nói việc biến lần này nổi lên. Trần Quý Cáp đã chết, cho nên học trò mới bắt đầu chạy ra nước ngoài".

[3] *Nc*: *Dụ lính tập*, xem *Vong quốc sử*. Dụ lính và dân khiến phản đối, xem *Hải ngoại huyết thư*.

[1] *Nc*: "Chủ nghĩa bạo động do ông ấy chủ trương nhiều lần bị tôi bác bỏ, cho nên không thích đi lại với tôi. Năm Quý Mão [1903] gặp nhau hai lần tại Kinh, sau tìm tôi tại nhà không gặp. Lúc tôi với ông ấy biện luận với nhau ở Hương Cảng, ông ấy đã cạn lời, chỉ biết khóc mà thôi. Tôi yêu ông ấy là bởi đó".

quyền thuật, tự dối mình dối người, ngoan cố không đổi[1]. Lớn lời không ai bì, hãm quốc dân vào đất chết, cam chịu tiếng ác mà không tự biết[2]. Tuy nhiên, ông ấy vừa hiêu hiêu tự cho là người yêu quốc dân, từ nay về sau ông ấy càng hăng hái nói ra.

Lần này Phan Châu Trinh trước sau bị nghi, cũng là do lịch sử giao thiệp với Phan Bội Châu. Nay xin đem những lý do mà ông ấy căn cứ và thủ đoạn bố trí của Phan Bội Châu cùng lý do mà tôi chủ trương và những cách bố trí để phản đối chủ nghĩa của ông ấy thuật lại từng điểm như sau.

Chủ nghĩa phục thù cực đoan mà Phan Bội Châu chủ trương thật là hết sức sai lầm, chỉ hãm quốc dân vào chỗ chết, không hợp thời thế, không sát với lý luận. Tuy nhiên, nếu không biết nhân cách ông ấy cùng những cớ vì sao ông ấy lợi dụng quốc dân, thì cuối cùng cũng không rõ ý kiến mà tôi phản đối ông ấy. Bởi vì ông ấy là người đại biểu cho thói quen trên lịch sử ngàn năm của dân tộc nước Nam. Không biết chân tướng của người nước Nam, xem ông ấy thì biết được. Dân nước Nam rất giàu tính bài ngoại, thì bài ngoại của ông ấy đến chỗ cực đoan. Người nước Nam rất thích dựa người ngoài, ông ấy lại ỷ ngoại đến chỗ cực đoan. Dân Nam rất thiếu tính tự lập, ông ấy lại càng hơn nữa. Tính chất, trình độ của ông ấy đều cùng hợp với tính chất, trình độ của quốc dân. Cho nên nhân chỗ hơn chỗ kém của quốc dân mà lợi dụng; đó là điều mà thầy thuốc gọi là thuật tắc nhân tắc dụng.

Cho nên điều mà ông ấy lo, là quốc dân oán nước Pháp không sâu. Những sách ông ấy viết ra, không bàn thời thế, không nói lợi hại, dựa vào chỗ không mà biên soạn, tự dối mình, dối người[3]. Nói tóm lại, đều là kêu gọi lòng thù ghét của quốc dân mà thôi. Đợi

---

[1] *Nc*: "Ông ấy thủ cựu quá lắm. *Sách mới* (tân thư) đều không xem. Cho nên những sách ông viết ra, không dựa vào lý luận, không xét thời thế, lúc thì chửi tràn, lúc thì khóc rống, xét thật mà xem, toàn là văn chương biến tướng của nhà bát cổ, không có một chút giá trị, riêng thích hợp với trình độ, tính cách của quốc dân, cho nên bị ngu theo".

[2] *Nc*: "Nghe nói việc dân và binh biến lần này thật chẳng khác gì việc tự sát của ông ấy.Chẳng những nước Pháp coi ông ấy là giặc nghịch, mà dân luật nước Nam xét công tội cũng thêm cho ông ấy tiếng giặc nghịch. Ông ấy cũng *không từ chối*, cho là đúng, nhưng vẫn hiêu hiêu cho là ta yêu nước. Thật là ngu quá lắm".

[3] *Nc*: "Như sách *Vong quốc* nói việc bán trời. Sách của ông ấy toàn nghị luận theo kiểu đó".

đến khi lòng thù ghét đã sâu, phản loạn nổi lên bốn phía, ông ấy mới nhân đó mà vào, để thỏa cái lòng phá hoại. Không phải là không biết cách mệnh không thể làm, nhưng lợi dụng cái ngu của dân – tức tính bài ngoại, không làm thì không chịu. Không phải là không biết Nhật Bản chẳng làm gì được, nhưng lợi dụng cái yếu của dân – tức tính ỷ ngoại, không làm thì không chịu. Mà quốc dân sở dĩ mù quáng nghe theo chạy theo, đến chết chưa tỉnh, ấy là vì tính chất gần nhau, cho nên thâm nhập khá sâu.

Đó là ý kiến và thủ đoạn của Phan Bội Châu mà thôi. Cho nên người không biết ông ấy, thì bảo đó là người hết sức ngu lầm, chứ không biết ông ấy lợi dụng cái ngu của quốc dân để khoe trí mình, lợi dụng chỗ kém của quốc dân để làm rõ cái hay của mình. Than ôi! Không biết cái ngu, cái kém mà làm thì cũng có thể thứ cho. Biết cái ngu, cái kém, cái không địch lại mà cứ muốn lợi dụng để thực hành chí mình, thì ta không biết ông ấy đã cư xử theo cách nào[1]. Than ôi! Từ nay về sau ta mới biết cái độc ác của bát cổ - Ông ấy chưa hoàn toàn thoát khỏi mặt mũi của bát cổ, không chỉ đủ làm mất nhà, nước của người, mà còn hiện hình biến tướng đến giết hết cả giống nòi mà chưa thôi. Nếu không vậy thì sao có kẻ tự xưng là chí sĩ, tự xưng là tiên giác[2] của người trong nước, nhưng mình thì đứng ở nơi an toàn không lo gì, mà quăng bậy vô số thuốc nổ cháy mạnh trước những kẻ đui mù, lìa chân đứt gối chẳng chút động lòng thương xót?

Nhưng vì sao tôi làm bạn với ông ấy? Bởi vì vào thời đại bát cổ, ông ấy rất nổi tiếng, được người trong nước phần nhiều sùng bái[3]. Vả ông ấy là người can đảm dám làm, không tiếc thân mình. Cho nên tôi muốn cùng hợp nhau hết lòng đề xướng việc trong nước, mong có thành chăng. Trong khi nghị luận, chủ nghĩa mà ông ấy chủ trương, tôi đã đem sự lợi hại, được mất phân tích không sót chút nào; lúc bấy giờ ông ấy cũng nhận là phải thay đổi chính sách và đòi tự trị.

Nhưng vì sao tôi làm bạn với ông ấy? Bởi vì ông ấy là người khẳng khái dám làm, không tiếc thân mình, sức tự tin rất sâu. Người nước Nam chưa thấy ai có thể sánh với ông ấy, đó là chỗ

---

[1] *Nc*: "Nhưng ông ấy cũng có chỗ không làm".

[2] *Tiên giác*: Người tỉnh thức trước ở trong đám mê mộng.

[3] *Nc*: "Tôi với ông ấy quen nhau tại khoa thi hội năm Quý Mão [1903)."

hơn của ông ấy. Nhưng lòng dạ quật cường, thung dung tự đắc, mờ vì thời thế, dám giết người, xem người không ai bằng mình. Đó là chỗ kém của ông ấy. Vả lại ông ấy rất nổi tiếng vào thời khoa cử, nhưng lúc bấy giờ tôi đều coi ông ấy là ngu cuồng, mà không người nào biết. Vả lại, giữa chủ nghĩa bạo động mà ông ấy chủ trì, cùng chủ nghĩa cậy Pháp tự lập mà tôi chủ trì, khi cùng đem ra nghị luận, phân tích lợi hại được mất không sót chút nào, chính ông ấy cũng xem chủnghĩa của tôi là đúng[1]. Cho nên muốn làm bạn với ông ấy, mượn tên ông ấy, lợi dụng chỗ hơn, bẻ gãy chỗ kém, cùng nhau bày tỏ với chính phủ Pháp để đề xướng việc quốc dân, hoặc có thành chăng. Vả lại ông ấy tự biết chủ nghĩa của ông ấy riêng tôi đủ sức để phá, cho nên hết sức liên hiệp. Tôi cũng biết chủ nghĩa của tôi đủ sức để phá, cho nên hết sức liên hiệp. Đó là bắt đầu làm bạn, tiếp đó lại là thù.

Nhưng vì sao ông ấy ra nước ngoài? Theo lời ông ấy nói thì: Lúc bấy giờ thật chưa có chủ nghĩa[2]. Đến khi nghe quan Pháp sắp bắt mà trị tội[3], ông ấy tự biết khẳng khái không chịu nhục được ắt chết, phải tránh đi, nhưng chưa biết đi đến đâu. Đến khi nghe chiến tranh Nga – Nhật, thì đặc tính bài ngoại và ỷ ngoại của ông ấy mới bồng bột vùng dậy. Vừa gặp lúc Tăng Bạt Hổ từ nước ngoài về, dắt ông ấy cùng đi. Ông ấy bèn hết sức khuấy rối Pháp, không từ việc gì[4].

Nhưng vì sao tôi đuổi theo ông ấy ở nước ngoài? Lúc đầu tôi nghe ông ấy đi, thì tin rằng tấm lòng ông ấy là do bất đắc dĩ, vì cớ

---

[1] *Nc*: "Tôi và ông ấy quen nhau bắt đầu vào năm thi hội Quý Mão. Khi thấy thì biết ngay là kẻ sĩ có thể làm được việc. Đến khi cùng nhau nghị luận, mới biết chỗ gãy của ông ấy là từ đó. Cho nên tôi muốn cùng ông ấy hợp với các sĩ phu dâng thư xin bỏ khoa cử, ông ấy cũng cho là phải. Tôi và Vũ Phương Trứ chạy vạy mấy ngày, việc sắp thành. Đến khi ông ấy thi hỏng, thì không chịu đứng tên, sĩ phu cũng không chịu, vì lúc bấy giờ sĩ phu rất tin ông ấy. Vũ Phương Trứ cũng hỏng thi".

[2] *Nc*: "Ông ấy cho rằng chủ trương chủ nghĩa chống lại Pháp, sức ắt không chống lại, mà phải chết; muốn chủ trương cậy Pháp tự lập, thì lại không được Pháp chịu. Đời chết, chi bằng hãy làm điều mà lòng mình tin. Do đó ông ấy hết sức xướng bạo động mà không hối".

[3] *Nc:* "năm Quý Mão hai lần bị theo bắt; lần trước bị hỏi rồi thả ra, lần sau theo bắt không được, đó là sự thật".

[4] *Nc*: "Ông ấy ra nước ngoài thật là vào tháng tư năm Giáp Thìn [1904], ông ấy tự nói".

trong nước không có nơi dung thân mà chạy ra nước khác, đó là thế tất nhiên. Thế nhưng, ở nước ngoài và xướng du học thì được; ở nước ngoài mà xướng cậy Pháp tự lập thì được, nhưng cần gì có việc bạo động ấy? Đến khi được thấy sách *Vong quốc sử* do ông ấy viết, điên lầm vô lý, sau đó mới biết tấm lòng cuồng bạo lúc ban đầu của ông ấy rốt cuộc chưa chết. Nhưng lại nghĩ rằng ông ấy lúc ở trong nước bị cái học khoa cử lừa dối, cho nên hết sức chủ trương bạo động, nay đã ra nước ngoài kiến thức ngày càng rộng, học vấn ngày càng sâu, thấy rõ đại thế của thế giới, thì cũng bỏ cái mê mộng về bài ngoại và ỷ ngoại đi mà nghĩ chuyện trở về. Đến khi thấy rất nhiều sách sai lầm được đưa về trong nước truyền bá ý kiến của ông ấy, nói rõ lòng dạ của ông ấy, thực hành cái chí ông ấy, người nước Nam không ai là không theo. Tôi tự biết những lý do mà chủ nghĩa của ông ấy nêu ra thì rất yếu, nhưng đem thi hành với đặc tính người nước Nam thì rất mạnh. Còn chủ nghĩa của tôi, lý do nêu ra thì rất mạnh, nhưng đem ra thi hành với đặc tính người nước Nam cùng trong thời thế hiện tại của nước Nam thì rất yếu.

Chủ nghĩa của ông ấy rất hợp với tính chất trình độ của quốc dân, nhân chỗ mạnh mà lợi dụng, nhờ ở nước ngoài ngôn luận tự do, người nghe theo cũng dễ, cho nên chủ nghĩa ông ấy ắt thắng. Chủ nghĩa của tôi tương phản với tính chất trình độ của quốc dân, nhân chỗ kém mà cứu, lại vì ở trong nước, vì thế lực đè ép, nghi kỵ dồn vào, cử động ngôn luận đều không được tự do, người theo cũng khó, cho nên chủ nghĩa tôi ắt bại. Ấy sở dĩ tôi bỏ chết quên sống trốn ra nước ngoài lý luận với ông ấy bác cái ngu, phá cái lầm lạc, lấy cái khổ của quốc dân phải từ vong, mong cho ông ấy thương xót quốc dân mà thay đổi hẳn đi; lấy tình bạn ngày xưa để làm động lòng, mong ông ấy vì yêu tôi mà không đến nỗi chủ trương phản đối để làm hỏng chủ nghĩa của tôi. Không ngờ ông ấy ngoan cố không chịu phục, giữ vững chí mình, không chút động lòng nhân, tôi từ đó mới chia tay quay mặt nơi chân trời. Không nghĩ đến trở về trong nước, ông ấy thi hành chí ông ấy, tôi thi hành chí mình. Rốt cuộc, hai chủ nghĩa phản đối nhau cũng theo đó mà nổi lên.

Nhưng vì sao tôi không ở nước ngoài mà xướng du học? Chí của tôi là liên hiệp với Pháp. Khuyên người ta ra nước ngoài du học, trở về mà nước Pháp không dùng, thì học tuy nên mà không

bổ ích cho nước. Đó là một lẽ. Vả lại, nước Nam vừa mới tỉnh mộng trí dân chưa mở mang, người có của chưa hẳn có chí, mà người có chí chưa hẳn có của. Nếu muốn khiến người có chí cùng người có của liên hiệp mà giúp vào, không kể người có của ắt chẳng chịu đưa ra, ắt không dám đưa ra. Phải đưa của ra, một khi việc xảy đến, hoạ sẽ tới với người có của, người kia đã mất của lại mang họa. Làm việc mà lụy đến người, tôi tuy chết cũng không làm. Đó là hai lẽ. Cho nên không phải là không chủ trương việc du học, mà ắt phải đợi sau khi Pháp – Việt liên hiệp đã. Đó là cái chí của tôi.

Nhưng vì sao tôi không ở nước ngoài mà xướng Pháp Việt liên hiệp? Đã gọi là chí sĩ thì không sợ chết. Tôi có chủ nghĩa, thì phải thực hành, sống chết vì nó. Nay vì có sợ chết, trốn ra nước ngoài, sau đó mới xướng ra, thì ai chịu tin mà theo? Đó là một lẽ. Đã xướng liên hiệp với Pháp, mà tôi vì có sợ chết trốn ra nước ngoài, ắt những kẻ tự gọi là chí sĩ trong nước đều bắt chước việc làm của tôi, đều ra cả ở nước ngoài, thì còn ai ở trong nước mưu việc liên hiệp? Đó là hai lẽ. Vả lại, vì nước Pháp có lòng nghi kỵ rất sâu, ở trong nước còn muốn giết hết, huống hồ ở nước ngoài mà xướng, nước Pháp lẽ nào tin lòng mà chịu nhận cho? Đó là ba lẽ. Đó là vì sao tôi phải trở về trong nước, không ở ngoài nước.

Lại có một vấn đề quan yếu, không thể không làm sáng tỏ ở đây. Đó là vấn đề tôi đắc chí hay bất đắc chí. Phan Bội Châu vì hỏng thi mà chạy sang Nhật Bản, cho nên kẻ bàn luận cho là người bất đắc chí[1]. Vì tôi từ quan tại Kinh mà xướng tân học, thì tôi cũng là một trong những người bất đắc chí. Vì tôi từ nhỏ đến lớn, từ khi vào học cho đến khi thi đậu, làm quan, không có ai biết mình, mà cũng không có lúc nào đắc chí. Ấy là nhỏ ở nhà, nói ra những lời bi thời mẫn thế, anh em cho là ngu cuồng, hơi lớn đi học, làm văn bi thời mẫn thế[2], thầy học cho là ngu cuồng. Đến khi thi đậu ra làm quan, thường thốt ra những lời than bi thời mẫn thế, quan bộ trưởng và các bạn làm quan cho là cuồng ngu hoặc hỏi cớ

---

[1] *Nc*: "Người ta đều bảo Bội Châu vì bất đắc chí mà xướng cách mệnh, là sai. Tức như nước Pháp có dùng ông ấy làm lớn, chưa chắc ông ấy đã phục tòng, vì đặc tính của ông ấy là thế". *Sách mới*: dịch chữ *Tân thư*, tức những *sách của phương Tây mang tư tưởng Dân chủ tư sản như Khế ước xã hội* (Contrat social) v.v...

[2] *Nc*: "Phàm văn mà tôi làm ngày thường, không câu nệ bát cổ; thơ phú đều do từ những lời buồn thương".

sao lại ngu cuồng như thế, mà tôi cũng không tự biết, chỉ cười và vui vẻ nhận lấy mà thôi.

Đó là chân tướng của tôi vào thời đại khoa cử vậy. Đến ngày kia có *sách mới* mà đọc[1], thì thích lắm, nói: "Đây chính là thời hữu dụng của kẻ ngu cuồng. Ta đem cái chí cuồng ngu của ta, thi hành kiến thức ngu cuồng của ta, chưa hẳn không ít có ích cho quốc dân". Mặt khác, kẻ đắc chí ngày nay, không phải là cái học chuyên môn, không phải là cái có cái tài chính trị pháp luật, mà họ đắc chí như vậy. Vả lại, tôi ở hai năm tại bộ Lễ, cái thuật đắc chí, cái tài đắc chí, cái vinh đắc chí của người khác tôi đều biết cả và không phải là không bắt chước được. Nhưng chí của tôi không ở đó. Vả lại cũng không phải riêng không thích làm quan mà thích bị tù, thà bị trói buộc nơi hải đảo, làm người lìa làng xa xóm, bị người ta đánh đập chửi bới, chứ không muốn ngồi ngựa xe, dắt thê thiếp, khoe khoang với bè bạn để tự nói mình đắc chí. Cho nên nay người Nam đều cho tôi là ngu cuồng, nhưng nếu lấy người Pháp bác ái bình đẳng mà xem, hoặc không đến nỗi người ta nói thì mình cũng nói thế. Tuy nhiên, nay những người định án đều lấy đắc chí và bất đắc chí để định ai công ai tội, thì không lạ gì kẻ đắc chí được đưa lên chín tầng trời, còn kẻ bất đắc chí bị rơi xuống chín lần vực thẳm, mà đến nay còn chưa chịu cứu vớt. Đó là điều tôi muốn nói không thôi.

Nhưng Bội Châu đưa ra những lời lẽ nào mà xướng cách mệnh? Lời ông ấy nói: Nay nước Pháp chuyên chế ta quá lắm, khinh nhục ta quá lắm, nhân cái ngu của dân ta mà lợi dụng. Ta nay chỉ có chết mà thôi. Nay ta chống Pháp làm cách mệnh, thì nước Pháp không tha, sức ắt không địch nổi, không địch nổi ắt chết. Ta có xướng cậy Pháp tự lập chăng, cũng không hẳn nước Pháp vui lòng nghe theo, lại còn áp chế. Ta không chịu khuất ắt chết... Đợi chết, ta không thà bạo động để thi hành chí ta, cũng thỏa cái tức giận một thời. May mà nên, thì cũng được. Không nên mà hỏng, thì không khỏi chết.

Nhưng ông ấy không biết cái ngu của dân, không đoái đến cái chết của dân hay sao? Ông ấy sẽ nói: Dân ta vốn ngu. Nước Pháp lại theo đó mà làm cho ngu. Thế giới ngày nay, ngu ắt phải chết. Nếu ngồi nhìn nước Pháp lợi dụng cái ngu của ta mà gieo

---

[1] *Nc*: "Do Đào Nguyên Phổ tặng năm Nhâm Dần [1902]."

họa cho ta, không bằng ta trở lại lấy cái thuật của nó mà dùng, cũng lợi dụng cái ngu của dân ta mà gieo họa cho nước Pháp. Dân ta nếu chịu cái ngu của nước Pháp mà chết, không thà chịu cái ngu của ông ấy mà chết ở dưới tay ông ấy thì hơn!

Than ôi! Đó là cái chí của ông ấy, cái thủ đoạn của ông ấy mà thôi. Đó là không kể mạnh yếu, không kể khôn ngu, không xem thời thế, không xét lợi hại, mà trăm mưu nghìn kế gây loạn với Pháp, ném vô số thuốc nổ trước những kẻ đui mù, rơi đầu chảy máu, chém cẳng chặt lưng, người chết chất chồng, mà ông ấy còn tự giận bạo liệt còn ít, chết chóc chưa nhiều, từ nay về sau mỗi ngày ông ấy gieo cái độc ác chưa thôi.

Nhưng tôi không biết xướng cậy Pháp tự lập là mang hoạ ắt là phải chết hay sao? Tôi vốn biết rõ, nhớ kỹ. Vì sao tôi không thung dung bày tỏ với quan Nam, cầu lòng tin nơi quan Pháp, rồi sau mới xướng? Tôi vốn đã trình bày với quan Nam, thì họ cho là ngu. Cũng đã gặp quan Pháp. Nhưng từ vài chục năm nay, Pháp sở dĩ không chủ trương chủ nghĩa khai hóa, ấy đều do nước Nam thích cái ngu, yên lòng với cái họa, lợi dụng cái nguy[1], chứ không phải người nước Pháp muốn vậy. Chẳng qua là nhân cái họ thích, họ lợi, họ yên mà thuận nghe theo, chứ không phải muốn đặt vào chỗ chết. Nay một ngày kia xướng lên, may mà nước Pháp suy lòng bác ái bình đẳng mà giúp đỡ, thì không chỉ không có hại cho Pháp, mà lợi cũng rất nhiều, mà người Nam cũng ít mang họa. Nếu nước Pháp chẳng chịu nới tay một chút, thì chỉ chết một mình mà thôi, hoàn toàn không có hại gì cho người trong nước.

Cho nên không phải không biết bị người Pháp không ưa, không phải không biết bị quan Nam ghét, không phải không biết bị Bội Châu oán, không phải không biết bị quốc dân chửi[2], nhưng sở dĩ không tránh hiềm nghi, không kể hiểm trở, chạy vạy ra nước ngoài, hát khóc với người trong nước, đứng ở chỗ bốn phía đều là địch, để cố giành cái thế nghìn cân treo sợi tóc, hy sinh tính mạng, làm cái đích cho mọi mũi tên, để cầu cái cơ hội sống trong cảnh chết, đến gần chết mà vẫn không hối. Còn nhớ trước đây đã từng

---

[1] *Thích cái ngu, yên lòng với cái họa, lợi dụng cái nguy*: *Di cảo* chép "lạc kỳ ngu, an kỳ tại, lợi kỳ nguy".

[2] *Không phải không biết bị quốc dân chửi*: *Di cảo* chép "phi bất quốc dân chi kiến mạ dã", thiếu chữ *tri* sau chữ "bất".

nói cái chí ấy với người bạn đã mất là tiến sĩ Trần Quý Cáp. Ông ấy bảo tôi rằng: "Nay tôi với anh không tự lượng sức xướng việc tốt này. May mà nên, thì cùng vui với người trong nước; không may mà hỏng, thì bị dẫn đến chợ cùng nhìn nhau bị giết, vui biết dường nào". Chẳng ngờ ngày nay anh lại mắc phải lời của mình, ngậm cười nơi chín suối. Tôi đã không được cùng người bạn hết sức thân ái trong đời nắm tay nhau lên đoạn đầu đài[1], lại không được lạy trước mộ để tạ cái tội phụ phàng mà nhịn nhục sống còn để mong làm rõ chút ít chí mình, chứ không phải chui vào một xó không làm được gì. Đó thật đã làm cho tôi ăn không ngon; ngủ không yên, đau đớn không nguôi.

Trên đây tôi đã nói rõ lịch sử giao thiệp qua ý kiến trao đổi nhau giữa tôi và Phan Bội Châu. Sau đây là những thủ đoạn tôi bố trí trong nước để phản đối Phan Bội Châu[2]:

- dâng thư chính phủ Pháp để công kích quan Nam,
- lập hội buôn,
- lập trường tiểu học phổ thông ở hương thôn,
- lập hội tân học,
- lập hội diễn thuyết,
- lập hội trồng cây,
- lập hội cắt tóc, mặc áo ngắn.

Đó là những hội đã lập.

- hội cải lương tơ tằm,
- hội cải lương vải Nam.

Đó là lập mà chưa thành.

Đầu Pháp chính phủ thư, vì sao viết ra? Bởi vì chủ nghĩa của Phan Bội Châu là lợi dụng lòng dân oán nước Pháp, cho nên sách *Vong quốc sử* của ông ấy đều dồn lòng căm ghét vào nước Pháp, khiến người trong nước mong tố cáo với nước khác. Tôi cũng biết lòng dân oán Pháp đã sâu, bèn dời lý do lòng căm ghét nước Pháp vào quan lại không nói tới người nào, cho nên công kích quan lại,

---

[1] *Đoạn đầu đài*: Cái đài dùng để chém kẻ bị tử hình. *Di cảo* chép như vậy.

[2] Mục đích chính của Phan Châu Trinh khi gửi thư cho chính phủ Pháp và lập các hội buôn, hội diễn thuyết... là đòi hỏi thực dân phải thay đổi chính sách cai trị, đồng thời vận động đồng bào hãy tự mình làm cho dân giàu mạnh trên cơ sở vật chất cũng như tinh thần. Nhưng ông lại nói thác đi là để phản đối Phan Bội Châu!

khiến mọng tố cáo với nước Pháp. Vả lại người ta hễ có sự căm ghét trong lòng thì dễ bạo động, dẫu có lời nói tốt, họ cũng không nghe. Nếu có người thay họ nói lên nỗi cùng khổ, nỗi bị đè nén, thì tuy chưa hẳn có lợi cho họ, nhưng tình căm ghét cũng vơi bớt đi. Rồi dần dần bảo tới con đường khai trí trị sinh, thì họ mới thích nghe. Cho nên tôi mới không kể lợi hại, đụng chạm, kiêng kị, được mất, đem từng điểm ra trình bày; thành bại, an nguy nơm nớp nói hết. Nhưng lòng thương dân của quan Pháp không thắng được lòng họ thương quan Nam, không những không xét chút gì tới nỗi khổ đau, mà áp chế lại càng thêm. Lần dân biến này, một đằng cũng là do quan Nam cưỡng chế[1]. Than ôi! Khi không có việc gì thì trọng quan, nghe theo quan mà băm vằm dân, đến khi có việc thì dùng dân, khiến đem hết sức mà liều chết. Như thế nước Nam mới bị nước Pháp bảo hộ. Nay nước Pháp vẫn y theo mà dùng, không biết họ ăn nói ra sao?

Nay xin đem lịch sử giao thiệp giữa tôi với ông ấy cùng lý do nêu ra về ý kiến dị đồng và lời biện bác [trình bày] như sau:

Lịch sử Phan Bội Châu là một lịch sử buồn rầu ảm đạm, là một lịch sử khó khăn vất vả. Lịch sử của ông ấy cũng là lịch sử một đời tôi. Tính chất giống nhau, chí khí giống nhau, cảnh ngộ giống nhau; riêng ý kiến không giống nhau, chủ nghĩa mới khác. Cho nên đầu thì thương nhau nhưng cuối thì xa nhau, trước là bạn sau là thù. Tôi sở dĩ không tránh hiềm nghi, không kể vất vả, đuổi theo tận nước ngoài, là vì ông ấy; tôi sở dĩ không kể sống chết, động chạm, kiêng kỵ, hô hào ở trong nước, là vì ông ấy; tôi một lần thất bại vùi trong đất, chẳng còn chút gì, đồng chí bạn bè tù, chết đầy dẫy, đến nay nghi kỵ chưa hết, tâm sự không được nói rõ, là vì ông ấy. Việc bây giờ cũng là mở đầu cho sự thành bại, được mất của chủ nghĩa của tôi và chủ nghĩa của ông ấy. Cho nên không biết ông ấy thì không biết được tôi. Xin nói lịch sử ông ấy.

Chỗ giống và khác nhau về tính chất, chí khí, cảnh ngộ. Phan Bội Châu là người khẳng khái, dám làm, không kể thân mình, sức tự tin rất sâu; không kể chủ nghĩa gì, hễ cho là phải thì sống chết không đổi. Tôi cũng vậy. Ông ấy từ nhỏ đến lớn

---

[1] *Nc*: "Nghe nói lần này cấm diễn thuyết, cấm cắt tóc, hễ ai cắt tóc thì bị tù bị giam. Lại viên quan của huyện Đại Lộc nhân đó lạm tăng số dân đi phu đến gấp năm lần. Dân đến cửa quan tố cáo, thì cho là làm giặc, báo với công sứ tỉnh, dân biến mới nổi lên".

khẳng khái bất khuất, nhưng trước sau người khác đều cho là ngu cuồng, muốn đưa vào chỗ chết[1]. Nhờ quan dạy học yêu văn của ông ấy mà giải thoát cho, sau mới thi đậu một khoa. Tôi cũng vậy[2]. Ông ấy đi dự thi hội không cầu đậu, mà muốn lấy tiếng đỗ đầu cho quan Nam biết, để truyền bá thuyết của mình[3]. Đến khi không đậu, bị nghi, sợ bị bắt, bèn bỏ trốn. Tôi cũng đến kinh đô, cũng không phải mong làm quan, mà muốn cầu được quan lớn hai nước tin, để nói rõ chí mình. Đến khi không được biết, thì từ quan mà về, đó là chỗ giống nhau[4]. Nhưng ông ấy cậy sức làm bậy, sẵn lòng giết người, cố chấp theo ý mình, xem người đều không bằng ta. Như vậy là khác với tôi. Học thức đã khác, cho nên kiến giải không giống nhau, chủ nghĩa nêu ra cũng khác.

Nay thử đem trong nước giả chia làm hai đảng: một là đảng chủ trương chủ nghĩa bài Pháp độc lập, hai là đảng chủ trương chủ nghĩa cậy Pháp tự trị; nhưng tóm lại lúc bấy giờ thật chưa thành hình thức đảng phái. Vì lúc bấy giờ thật là thời hai chủ nghĩa cùng tranh chiến; mà trước khi vụ biến này xảy ra, thật là thời mà chủ nghĩa cậy Pháp sắp chiến thắng chủ nghĩa bài Pháp. Cho nên người trong hai đảng hoặc ra hoặc vào, trước chủ sau tớ; nhất thiết cử động, các mũi nhọn đều đối nhau; nhất thiết bố trí, các mặt đều tranh nhau. Tin tức trong đó, nếu không có lòng tinh mắt sáng, thì không dễ gì phân biệt được.

Chủ trương chủ nghĩa bài Pháp là Phan Bội Châu, chủ trương chủ nghĩa cậy Pháp là tôi; thật là những người quan yếu phát khởi ra hai chủ nghĩa. Bội Châu đã chủ trương độc lập, thế ắt bài Pháp. Đã chủ trương bài Pháp, ắt lợi dụng lòng dân oán Pháp. Cho nên các điều nghị luận đều đổ tội cho nước Pháp, lấy nước Pháp làm nơi trút lòng oán, hết sức công kích, làm điều kiện bài Pháp. Đã chủ trương bài Pháp mà tự biết sức không địch lại, thế ắt cậy ngoài, đã muốn cậyngoài, thì không thể không chạy ra nước

---

[1] *Nc*: "Châu trước bị án, không được dự thi".

[2] *Nc*: "Tôi lúc trẻ bị quan huấn đạo ở trong huyện ghét muốn hại, khiến cho không được dự thi, nhờ quan đốc học Trần Đình Phong cứu cho".

[3] *Nc*: "Ông ấy đã từng viết một *bài về trị nước*, đưa cho thượng thư Bộ hình là Hồ Lệ. Trong sách luận bàn nhiều chỗ sai lầm vu khoát, không sát thời thế, ý chủ bạo động, nhưng không dám nói rõ, bày ra lời nói của chí sĩ nước *Lưu Cầu*".

[4] *Nc*: "Điều này làm tôi yêu ông ấy".

ngoài để làm điều kiện cậy ngoài. Đó là cái thế cùng do nhau mà ra.

Tôi đã chủ trương tự trị, thế ắt cậy Pháp. Đã muốn cậy Pháp ắt không lợi dụng lòng dân oán Pháp[1]. Mà lại biết dân oán đã sâu, cho nên mọi nghị luận đều đổ tội cho quan Nam, lấy quan Nam làm nơi trút lòng oán, hết sức bài xích, để giải thoát cho nước Pháp, làm điều kiện cậy Pháp. Đã công kích quan Nam mà tự biết thế ắt báo oán, thì không thể không kết giao với người Pháp để làm điều kiện liên lạc cho hai nước[2]. Đó cũng là cái thế cùng do nhau mà ra.

Bội Châu không xét thời thế, không kể lợi hại mà chủ trương bài Pháp, thì thủ đoạn không thể không do bạo động mà ra. Bạo động ắt thất bại và ắt chết. Dân biết cái thế ắt thất bại, ắt chết, thì ắt không theo. Cho nên lợi dụng cái ngu của dân, lợi dụng dân không có đường sống[3]. Đã lợi dụng dân ngu, không có đường sống, cho nên không nói khai trí trị sinh; cho nên hội học, hội diễn thuyết, hội buôn không cần lập, sợ rằng dân khôn, dân có đường sống thì ắt không nghe theo lời ông ấy. Đã chủ trương bạo động, thì cái thế lợi dụng phải mờ ám[4], cho nên sự vận động của đảng ấy đều là làm giấu, là rủ rê các kẻ ngu trong dân để lấy tiền, mà người và việc đều không xuất hiện, cho nên xét nó khó. Vả lại đảng ấy đã lợi dụng cái ngu của dân, mà thủ đoạn lợi dụng mờ ám, cho nên kẻ theo phần nhiều đều là bọn du đãng, thấy lợi quên chết. Còn trung lưu trong xã hội thì không có một vài người, mà đều là người ngoan cố, vô học, mờ ám vì thời cuộc, không đáng đếm xỉa đến. Đó cũng là cái thế cùng do nhau mà ra.

---

[1] *Ắt không lợi dụng lòng dân oán Pháp*: Di cảo chép "tất bất *lợi* dân chi oán Pháp".

[2] *Nc*: "Tôi lúc đầu từng gặp Công sứ tỉnh nhà, muốn bày tỏ chí mình, xét ý ông ta, ông ta không cho lời tôi là phải. Cho nên đi Bắc Kỳ gặp khắp các quan Nam cùng chí sĩ nước Pháp để làm kẻ liên lạc. Đó là chí của tôi. Lại các quan ở Bắc Kỳ hiểu biết thời thế, lưu tâm đến việc dân thì nhiều, thật hơn các quan ở Trung Kỳ gấp mấy lần. Bởi vì, chí sĩ Bắc Kỳ còn nhiều người ra làm quan; còn chí sĩ Trung Kỳ thì đều ẩn náu không ra".

[3] *Cho nên lợi dụng cái ngu của dân, lợi dụng dân không có đường sống*: *Di cảo chép "cố lợi* dân chi ngu, *lợi* dân vô sinh lộ". "Lợi" trong *di cảo* ở câu này cũng cón ghĩa là lợi dụng. "Lợi" trong câu *di cảo* tiếp theo cũng vậy.

[4] *Thì cái thế lợi dụng phải mờ ám*: *Di cảo* chép "tắc thế *lợi dụng* ám". "Thủ đoạn lợi dụng" ở câu dịch sau, di cảo cũng chép "thủ đoạn lợi dụng".

Tôi đã chủ trương cậy Pháp, thì thủ đoạn không thể không do tự trị mà ra. Tự trị cũng chẳng là việc dễ lắm đâu, việc hỏng ắt cũng chết. Nếu không phải là kẻ chí sĩ yêu nước, không kể sống chết, lại hiểu rõ thời thế, thì không dám theo. Cho nên lợi cho trí dân, lợi dân có đường sống[1]. Đã lợi trí, lợi có đường sống, cho nên không thể không nói khai trí trị sinh; cho nên cái thế là không thể không lập nhiều hội học, hội diễn thuyết, hội buôn. Bởi vì trông dân có trí, dân có đường sống, sau đó tôi có nói ra, họ mới nghe theo. Cho nên cái chủ nghĩa kia đã chủ trương tự trị, thì thế lợi dụng phải rõ ràng, cho nên sự vận động của đảng tôi, toàn là tụ tập dân chúng đường đường chính chính, diễn thuyết, họp chí sĩ, khảo cứu chính trị thời thế, ăn to nói lớn, người và việc ai nấy đều thấy, cho nên xét nó rất dễ. Chủ nghĩa của tôi đã lợi dụng dân trí[2], thủ đoạn lợi dụng rõ ràng, cho nên những kẻ nghe theo đều là người đọc sách biết lẽ, vì nước quên mình. Cho nên có một vài người trước bị đảng ấy lừa dối, đến khi sự thế đã rõ, thì đều bỏ mà theo đảng tôi. Đó cũng là cái thế cùng do nhau mà ra.

Nhưng dân biến vì sao mà nổi dậy? Việc dân biến ở Trung Kỳ thật là do sự tranh nhau giữa hai đảng cậy Pháp và đảng bài Pháp làm nguyên động lực, mà quan hai nước Pháp, Nam ra sức áp chế là phản động lực. Sự bài xích quan Nam của tôi là nói rõ lòng oán của dân, muốn lấy lòng tin của quan Pháp, là điều kiện của việc cậy Pháp, lại muốn lấy lòng tin của dân, làm thủ đoạn dập tắt chủ nghĩa bạo động. Cho nên quan Nam oán đảng tôi rất nhiều, và quan Pháp nghi kỵ đảng tôi càng nhiều, càng ra sức dập tắt đảng tôi. Mà đảng bài Pháp ở nước ngoài cũng muốn phá chủ nghĩa của tôi để đạt mục đích của họ. Cho nên các loại sách sai lầm của họ đều hết sức kêu gọi bạo động để phản đối. Cho nên chủ nghĩa của tôi lúc bấy giờ thật là đứng ở chỗ bốn mặt đều có địch.

Đảng bài Pháp đã lợi dụng cái ngu của dân để truyền bá thuyết mình; quan Pháp quan Nam cũng không thích dân có trí. Còn chủ nghĩa của đảng tôi, thì ngoài việc khai trí, trị sinh, không có con đường nào khác để đạt mục đích tự trị, thì hội diễn thuyết,

---

[1] *Cho nên lợi cho trí dân, lợi dân có đường sống*: *Di cảo* chép "Cố *lợi* dân chi trí, *lợi* dân chi hữu sinh lộ". "Lợi" *trong di cảo ở đây có nghĩa là lợi, có ích* cho.

[2] *Đã lợi dụng dân trí*: *Di cảo* vốn chép "Ký *lợi* dân trí", sau viết thêm chữ "dụng" giữa chữ "lợi" và chữ "dân".

hội học là phương thuốc hay cho bệnh khai trí. Nay bỗng cấm các hội, chẳng khác nào người mắc bệnh lâu chợt được thuốc hay, vô cớ lại cướp mà quăng đi, không cho nuốt xuống, thì lòng oán càng nhiều. Bỗng nhiên được các sách sai lầm của Phan Bội Châu xúi lời bậy không nạp thuế, không đi xâu, thừa chỗ hở mà đưa, lại càng dễ vào[1]. Vả lại quan Nam lại tìm việc mà trêu chọc thêm[2]. Cho nên việc dân biến lần này thật do ba loại chủ nghĩa bài Pháp, cậy Pháp tự trị, chủ nghĩa chuyên dùng áp chế xung đột nhau, kích bác nhau mà gây nên kết quả xấu.

Nhưng binh biến lại vì sao mà nổi dậy? Binh biến vốn thật do dân biến mà nên. Không có dân biến thì không có binh biến. Bởi vì trong nước lúc bấy giờ chỉ có hai đảng, ra bên này thì vào bên kia. Nếu chủ nghĩa tự trị nhờ cậy Pháp mà có chỗ đứng, không đến nỗi một lần hỏng là hết, thì mọi người đều giành nhau tìm đến chủ nghĩa tự trị và đảng bài Pháp cũng không có chỗ mà đứng. Nay chủ nghĩa tự trị đã bị chủ nghĩa áp chế đánh bại, bị tù bị chết đầy dẫy, những người kia biết chủ nghĩa cậy Pháp ắt không thành công, thì cái thế là ắt không thể không chạy đến dưới cờ của đảng bài Pháp. Và nghĩ đến bạo động cũng là cái thế phải đến, cái lẽ tất nhiên.

Nhưng việc của ngày nay, thì ai là thắng ai là bại? Lấy hiện trạng ngày nay mà xem, thì đảng quan thắng mà đảng dân toàn bại, đảng bài Pháp thắng mà đảng ỷ Pháp toàn bại, còn người Pháp thì ở khoảng giữa thắng và bại.

7. LỊCH SỬ DÂN TỘC NƯỚC NAM

Bàn về đầu đuôi thời kỳ Trung Quốc chinh phục cùng những lợi hại được mất. Nước Nam cùng với Trung Quốc, đất ở tiếp nhau bị chinh phục đã lâu. Về sau tuy thoát sự ràng buộc, là một nước độc lập, nhưng vì cùng một dân tộc, cùng một thuật cai trị, cùng một học thuyết, cho nên chỗ giao thông mật thiết rất nhiều, mà chỗ lợi hại được mất nhân đó mà sinh, nguyên nhân cũng rất phức tạp. Mà xét đầu tìm cuối, thì lịch sử của dân tộc

---

[1] *Nc*: "*Hải ngoại huyết thư*".

[2] *Nc*: "Nhân huyện Đại Lộc tăng gấp mấy lần số đi xâu, gây mầm cho dân biến. Dân nổi biến là ắt thế".

nước Nam cũng là lịch sử của dân tộc Trung Quốc. Cho nên người muốn cai trị nước Nam, thì không thể không biết đặc tính, tìm hiểu khuyết điểm, dẫn dắt cho thích hợp rồi bù đắp vào, mới có công hiệu. Mà muốn biết đặc tính cùng khuyết điểm ở chỗ nào, thì đầu đuôi lịch sử giao thiệp giữa nước Nam và Trung Quốc là một cái gương sáng.

Dân tộc nước Nam ta, vài nghìn năm trước đây, sinh sôi nảy nở ở lưu vực hai bên Tản Viên, Nhĩ Hà. Tự sinh tự lớn lên như người trong nguồn đào, chẳng biết có đời Hạ đời Thương, không kể tới nước Đường nước Lô[1]. Có ai giao thiệp với người Trung Quốc[2], chẳng qua là lấy tư nhân qua lại trao đổi mà thôi. Còn lấy tư cách quốc gia xung đột nhau, dính dấp với nhau, thực sự là bắt đầu từ đời Tần[3].

Tần Thủy Hoàng lấy cái chí bao quát khắp cõi, lấy cái dư oai nhất thống sáu nước, mở rộng cuộc chiến, trời long đất lở, mới đem đất Giao Chỉ mà dân tộc ta xưa căn cứ – tức Bắc Kỳ bây giờ, nhẹ nhàng đặt dưới sự thống trị của Trung Quốc hơn một nghìn năm. Rồi từ đó về sau dần dà mở mang, Cửu Chân (Thanh Hoá), Hoan Ái (Nghệ An) cũng nhân đó mà thuộc hết vào bản đồ Trung Quốc[4].

Chính sách Trung Quốc thống trị Nam - Việt và thủ đoạn đối phó của dân tộc ta. Trung Quốc đánh lấy nước ta, không giống với các nước châu Âu ngày nay, vì những lý do về nghề buôn, nghề thực dân, rồi sau mới lấy nước người. Thoạt đầu, phần lớn do dã tâm của một người quân chủ cùng vài ba cận tướng, đi xâm lược chinh phục để thỏa chí ham lớn thích công mà thôi, chứ không có lợi cho đất, lợi cho nhân dân[5].

---

[1] Hai câu này đã được Phan Châu Trinh viết ở đoạn đầu tập *Pháp Việt liên hiệp hậu...* này

[2] *Nc*: "Nói về Lưỡng Quảng, không phải nội địa Trung Quốc".

[3] *Nc*: "Từ Tần về trước, sử có nhiều lời phụ bội, sợ không đáng tin".

[4] *Nc*: "Đề này cốt bàn về được mất lợi hại, không chú trọng vào sự thật. Lại vì tôi chỉ biết đại lược về sử nước nhà, ở nơi xa xôi không có các bộ sử mà tra cứu, cho nên nói sơ qua."

[5] Trong bản thảo, phần này dừng tại đây. Nguyên văn đoạn nhỏ này chiếm 3 dòng đầu trang 33: 3/4 trang còn lại để trống. Trang tiếp theo là hai đoạn bản thảo không quan trọng.

8. NGUYÊN NHÂN SA SÚT CỦA NGƯỜI NƯỚC TA, NGUYÊN NHÂN PHÁT KHỞI CỦA NGƯỜI NƯỚC TA

Người nước ta từ trước tới nay chìm chìm đắm đắm, ngủ một giấc dài trăm năm. Ngước mắt không thấy các dân tộc của toàn địa cầu; nghiêng tai không nghe phong trào của năm đại dương. Bỗng nhiên mộng lớn chợt tỉnh, chạy vạy trong ngoài, khóc lóc kêu gào, xung đột bốn phía, nước chảy gió bay, không kể chết sống; như con ngài nhảy vào lửa, đứt đầu lìa cổ, tù tội dẫy đầy. Than ôi! Thương thay! Do đâu mà nên nỗi? [Tôi vốn người trong cuộc, xin nói việc trong cuộc.][1].

Do ở Phan Bội Châu. Sau khi lần dân biến này đã yên, quan lớn hai nước tìm nguyên nhân phát khởi, nói: Dân nước Nam rất dễ thuần phục; chẳng qua một vài người bất đắc chí khiêu khích mà nên[2]. Còn như thủ đoạn bố trí thì nói: bố trí ở trong và bố trí ở ngoài.

Nay đem người cả nước Nam gom chung vào hai hạng đắc chí và bất đắc chí, mà phân biệt kỹ xếp thành một bảng, thì toàn là bất đắc chí mà thôi. Tuy nói là đắc chí, thì hoặc là đắc chí ở chỗ này mà không đắc chí ở chỗ kia, hoặc đắc chí ở trước mà không đắc chí ở sau, hoặc đắc chí ở việc nhỏ mà không đắc chí ở việc lớn, hoặc đắc chí ở ngoài mà không đắc chí ở trong. Nghìn vạn cách khác nhau, nghìn ức vẻ khác nhau. Tuy có nhà toán học giỏi, cũng không thể kể hết con số; tuy có nhà chính trị lớn, cũng không thỏa mãn sự đòi hỏi. Nói tóm lại kẻ đắc chí rất ít, mà kẻ bất đắc chí thì rất nhiều.

Tuy nhiên, bố trí ở bên ngoài là Phan Bội Châu. Ông ấy đã to gan lớn mật viết sách lập ngôn, trăm phương ngàn kế kêu gọi quốc dân độc lập, ở vào địa vị phản đối. Ông ấy cũng tự nhận không kiêng, và nay người hai nước Pháp Việt đều biết, không bàn luận gì cũng tự rõ. Ông ấy lại đi thi hội không đậu, bèn chạy ra nước ngoài. Cho nên tìm trong bọn người bất đắc chí, hay nhất là Phan Bội Châu.

Nhân phẩm Phan Bội Châu. Phan Bội Châu là người như thế nào? Nay người trong nước ta, kẻ ghét ông ấy thì nói là nghịch tặc; kẻ yêu ông ấy thì nói là chí sĩ yêu nước; kẻ không yêu không

---

[1] Câu này tác giả đặt trong dấu móc[ ] như có ý bỏ đi.

[2] *Nc*: "Xem trong tập diễn thuyết của quan Toàn quyền".

ghét, phân biệt thuyết ông ấy, thì nói ông ấy là giặc của nước Pháp nhưng không phải là giặc của nước Nam. Nói tóm lại, hoặc yêu, hoặc ghét, không yêu không ghét, đều là không hiểu ông ấy.

Còn tôi sở dĩ không tránh hiềm nghi, không kể vất vả, chạy vạy ở nước ngoài, hát khóc với người trong nước, đứng ở trong cảnh bốn mặt đều là địch để cố sức giành cái thế ngàn cân treo sợi tóc, hy sinh tính mạng, làm đích cho các mũi tên để cầu cơ hội tìm cái sống trong cái chết, rốt cuộc thân bại danh liệt, trăm điều chẳng còn một, đều là vì ông ấy. Phan Bội Châu là bạn của tôi lại chính là kẻ địch của tôi. Hiểu ông ấy càng sâu, thì nắm ông ấy càng mạnh. Nay xin bàn về nhân phẩm của ông ấy.

Phan Bội Châu là người thiếu học thức, mờ ám về thời thế, là người có lòng yêu nước nhưng không biết đường yêu nước như thế nào; là người khẳng khái, khinh người, thích dùng quyền thuật, dám làm, nói lớn lối[1].

Cho nên tôi nói ông ấy là người yêu nước của cái học bát cổ biến tướng. Ông ấy là sản vật chung đúc từ các loại tập quán rất tốt đẹp, rất kém cỏi, rất thiếu thốn trên lịch sử mấy nghìn năm của dân tộc ta.

Vì sao nói thế? Nay trong những người của nước ta, tìm kẻ sĩ có chí vốn đã khó, mà tìm kẻ sĩ có chí lớn lại càng khó lắm. [Bởi vì cái quý ở người có chí khí là được một đời an thân an mệnh, không bị thói đời làm cho xao động; còn cái quý ở người có chí lớn là lấy lợi hại của người cả nước làm lợi hại của mình, lấy sự an nguy của hàng nghìn hàng trăm năm làm an nguy của mình; thấy việc nghĩa thì mạnh bạo làm, trăm lần gãy không thối lui, thân có thể bị giết mà chí không thể đoạt. Nếu cứ quật cường ngoan cố, ỷ

---

[1] *Nc*: "Ông ấy thường nói với tôi: "Cái học trong đời tôi, sơ đắc ở *Luận ngữ*, cái học về đức nhân là nhiều hơn cả". Tôi nói đùa: "Cái học của anh hình như sơ đắc ở *Chiến quốc sách*. Như quả ở đắc ở *Luận ngữ*, thì tôi sợ anh đem nửa bộ để giết người trong nước, còn nửa bộ thì để giết thân anh" Ông ấy rất ghét tôi. Những sách Phan Bội Châu viết ra đều là không bệnh mà khóc than, nói phụ hội ở chỗ trống không, buông lời chửi bới không có căn cứ vào đâu, phô trương đầy mặt giấy, chẳng có lý lẽ gì mà làm ồn lên, không có câu nào gắn với thời thế: lập luận làm người dẫn đường cho dân chẳng qua là chủ trương chủ nghĩa phục thù cực đoan, kêu gọi người trong nước để thỏa lòng phá hoại, đọc lên chẳng thấy một chút gì giá trị. Riêng xem trình độ, tính cách của ông ấy, thì tương đương với trình độ, tính cách của người trong nước, cho nên mê mà không tỉnh, vui mà quên chết. Dân biến lần này, chẳng khác gì ông ấy nắm cổ họng dân mà giết".

mạnh không sợ chết, không xét lợi hại của toàn thể, không xem an nguy của toàn cuộc, mà vội hớn hở tự đắc nói: có chí, có chí, thì kẻ cướp bóc hung tàn còn làm hơn thế, đợi gì là người có học!][1]

Tuy nhiên, đã quý có chí, thì càng quý sự hiểu thời biết thế. Trong thì xem địa vị của nước nhà như thế nào, trình độ đạo đức của quốc dân như thế nào; ngoài thì xem địa vị các nước mạnh như thế nào, thế lực, trình độ trí thức, đạo đức các nước mạnh như thế nào; thế nước, trí thức, đạo đức của nước đến lấy nước ta như thế nào. Trên thì tìm ở cái đã qua của lịch sử, dưới thì xét xu thế của tương lai. Tính toán rạch ròi, tơ hào không sót; lợi hại đã rõ, mục đích đã định, cứ do đó mà tiến hành, không nao không núng. May mà nên, thì người người được hưởng phúc; chẳng may mà hỏng, thì thân ta mang họa, không than không tiếc, sống chết như không. Cho nên quý kẻ có chí lớn là như vậy.

Nếu cứ quật cường ngoan cố, tự dối mình dối người, trí ta thì tự cho là cao, cử động liều lĩnh, ỷ mạnh không sợ chết, không xét đến sự an nguy của toàn cuộc, không hỏi đến lợi hại của toàn thể, xua người chạy vào lửa cháy, còn ta thì đứng ở nơi an toàn, mà vội hớn hở tự đắc nói: có chí, có chí, thì bọn cướp bóc hung tàn còn làm hơn thế nữa, đợi gì người có học hay sao" Bội Châu không xét điều ấy, cho nên mọi cử động sai lầm đều do đó mà ra. Tuy nhiên, trong khi muôn người đang ngủ mê, mà có quan niệm ấy, cũng là có chí đó. Cho nên bảo là người có chí, nhưng không hiểu thời thế[2].

Yêu nước là tính trời. Đã không biết có nước thì thôi, khi đã biết tới, thì không ai là không yêu. Nếu làm trái tính đi, khiến cho không yêu, thì tuy mỗi ngày giết một người, ắt biết vẫn yêu như cũ, yêu lại càng nhiều, riêng tình yêu, thì ẩn giấu, không phát bên ngoài. Nay người kia có một quan một tiền, đem ra đếm cũng chẳng là bao. Một khi vô ý làm mất đi, thì loay hoay tìm kiếm; tìm không được, có lúc nói bỏ đi, nhưng tình luyến tiếc vẫn đeo đẳng mãi. Nếu có người chỉ rõ cớ sao mà mất, nơi tìm được tiền, thì người kia ắt nhảy nhót chạy tới[3]. Huống chi lớn như một nước, đã có thì tự yêu lấy, cũng không phải là điều cấm bởi nước lớn văn

---

[1] Đoạn này tác giả đặt trong dấu móc [ ] như có ý bỏ đi.

[2] *Để thuyết phục thực dân ủng hộ đường lối chính trị của mình, ở đây* Phan Châu Trinh nêu ra một số khuyết điểm của Phan Bội Châu.

[3] (a) *Nc:* "Xét đây người Pháp thì tiền không nhiều, nhưng người Nam có nhiều hay ít thì như vậy".

minh, bởi dân tộc bác ái[1].

Gọi là nước, thì phải có đất đai, có nhân dân. Yêu nước cũng phải biết đường. Xét nguyên nhân của sự sa đọa, xem chỗ thiếu sót mà bù đắp; kẻ ngu thì nghĩ đến làm cho khôn, kẻ bị hại thì nghĩ đến làm cho lợi, kẻ chết thì nghĩ đến làm cho sống, kẻ mất thì nghĩ đến làm cho còn, thì tại sao không thể bày tỏ lòng yêu của ta? Như điều ông ấy làm, là giết cho hết mấy chục triệu nhân dân này để giành một mảnh đất trống, thì để làm gì? Than ôi! Xưa nay cảnh chiến trường, muôn dặm nhà không có! Trong muôn một, trời cho giành mà được, nếu không trở thành hồn thiêng tử sĩ[2] thì cũng làm mồi cho ruồi bọ, chồn cáo. Không thế, thì cũng là nuôi ong tay áo, chứa quỷ trong nhà, nào có liên quan gì tới sự được mất, lợi hại của quốc dân ta? Huống chi lấy trứng chọi đá, nếu

---

[1] (b) *Nc*: "Xét nay người nước Nam rất kiêng nói hai chữ yêu nước; hễ có ai nói lên thì hùa nhau chê bảo là người đại nghịch bất đạo, thật là sai lầm lắm. Vì yêu nước là tính trời, không kể là văn minh, bán khai, dã man, rất dã man, đều có đặc tính ấy. Cho nên người nước Pháp yêu nước Pháp, muốn đặt nước mình vào nơi an toàn; cho nên suy lòng yêu nước Pháp của mình mà yêu nước Nam. Người nước Nam yêu nước Nam, cũng muốn đặt nước mình vào nơi an toàn, suy lòng yêu nước Nam yêu người nước Pháp. Như thế thì yêu mới là yêu thật, có thể lâu có thể dài, tuy có người khác, vẫn không thể làm thay đổi tình thân ái giữa hai nước. Nay cấm yêu nước Nam mà khiến gượng yêu nước Pháp, thì tình yêu kia do đâu mà sinh? Ắt nói: Yêu thế lực và lợi lộc. Than ôi! Yêu thế lực và lợi lộc phải chăng là có lòng yêu thật? Lại xét quốc dân không những không thể cấm, không hẳn phải cấm; vả chăng nên theo đó mà mở mang, khuyến khích, chỉ rõ để có thể thấy cái có đáng yêu, chỉ cho thấy đường lối mà yêu, khiến cho lòng yêu phát triển trọn vẹn. Sau đó lấy điều lợi hại, được mất mà bảo rõ, khiến cho người kia thấy rõ theo nước này, thì lợi như thế, có thể sống, có thể còn như thế; theo nước kia thì hại như kia, đến nỗi chết, đến nỗi mất như kia; lại còn thành thật chỉ cho nơi có thể sống, có thể còn, bảo cho cái thuật có thể sống ,có thể còn. Như vậy thì kẻ kia sẽ nhảy múa, hát ca, chạy tìm đến không dứt, thì tuy không khiến yêu nước Pháp cũng tranh nhau mà yêu. Có thể, tình yêu thật giữa hai nước mới rõ vậy. Nếu không chăm vào đó, mà lúc thì bảo ban, lúc thì che giấu, tình yêu ấy sẽ ẩn nấp bên trong chưa dứt gốc rễ. Sự biến một khi xảy ra, thì tình ấy bỗng nhiên phát động, như vừa tỉnh mộng, lợi hại chẳng rõ, không biết đường nào mà theo, rồi bọn ong kiến xuẩn động được thể mà khêu dậy, mà chỉ huy; tuy có dùng hình pháp nghiêm nhặt mà giết hết cũng là vô ích. Lần biến này chỉ là việc nhỏ mà thôi".

[2] *Hồn thiêng tử sĩ*: Dịch bốn chữ "viên hạc sa trùng". Sách *Bảo phác tử* chép: "Mục vương đời Chu đi đánh giặc phía nam bị thua trận, cả đạo quân chết hết; người quân tử thì hóa ra vượn và hạc, kẻ tiểu nhân thì hóa ra hạt cát và con sâu".

trong muôn phần không được một, do những việc đã làm, ghét dân thì dân còn có đường sống, còn hơi thở tàn, nay muốn bóp cổ, chặt đầu, đâm dao vào bụng, giết cho hết, diệt cho hết thì mới thỏa lòng! Tôi không biết khi những kẻ chết kia hiện về khóc tỉ tê vây quanh mà đòi mạng, thì ông ấy ăn nói làm sao?

Than ôi! Nay tôi mới biết cái độc hại của văn bát cổ, không những đủ làm cho mất nhà mất nước, mà còn hiện hình biến tướng để giết hết cả nòi giống mới thôi. Ông ấy hoàn toàn là một nhà bát cổ, đọc sách ông ấy thì biết. Bệnh của Phan Bội Châu chính là ở đó, tội lỗi gì cũng do đó mà ra. Tuy nhiên, phạt vì tội, nhưng cũng tha vì tình. Bởi vì ông ấy có lòng yêu nước nhưng không biết đường yêu.

Nay những người bàn về Phan Bội Châu, đều nói ông ấy là nghịch tặc, không phải riêng ông ấy phản đối nước Pháp mà gọi là nghịch tặc. Còn ông ấy thì ung dung tự gọi là người yêu nước Nam. Nhưng nay mọi người nước Nam đều lấy danh hiệu nghịch tặc trao cho ông ấy, tôi không biết ông ấy sẽ ăn nói làm sao? Tuy nhiên, ông ấy sở dĩ cam làm tiếng ác ấy mà không từ, thì khó nói vậy. Ôi! Ông ấy đã cho cách mệnh là việc nên làm, thì tự mình đứng lên mà làm thì được. Nay đã biết không thể làm mà cầu ở Trung Quốc[1], mà cầu ở Nhật Bản, thì rõ ràng là ông ấy tự biết người nước ta không phải là kẻ địch nước người Pháp. Sinh trong thế giới ngày nay, mà không biết Trung Quốc tự cứu chưa xong, Nhật Bản sức không làm được, thì cái trí của người ấy so với Võ Trứ ở Phú Yên, thiên binh ở Bắc-kỳ mấy năm trước đây ở nước ta, kiến thức cũng không khác nhau mấy.

Nay nếu cầu mà được,Trung Quốc có thể cậy, Nhật Bản sẽ tới, thì rước hùm beo vào giành giật nhau trong nhà cho là vui, đem rắn rết vào chiếm cứ trong nhà cho là tốt, thì kế cũng dở vậy. Huống chi cầu mà không được, thì cũng biết kế sẽ thay đổi. Làm sao lúc đầu thì khuyên du học, sau đó lại vội khuyên làm cách mạng? Há lấy hai ba học sinh xuất dương vài tháng, trí thức mới cao, trình độ mới khá có thể chống lại một nước văn minh bậc nhất hay không? Lại há lấy vài người ra nước ngoài nói khắp cho cả hơn mấy chục triệu người nghe mà biết chăng? Trí thức, trình độ

---

[1] *Nc*: "Có bức thư gửi Sầm Đốc ở Quảng Đông" (tức thư của Phan Bội Châu gửi Sầm Xuân Thuyên, Tổng đốc tỉnh Quảng Đông).

họ có thể tranh với người Pháp chăng?

Đã gọi là chủ nghĩa, đã quyết không chịu nghe theo người, thì lại trở về nước mà tự làm lấy, thành bại sống chết mình làm mình chịu, không để hoạ đến quốc dân, chết theo cái chí của mình để làm cho nên điều mình tin, làm một chàng Vĩ ôm chân cầu[1] thì được. Lẽ nào mình thì đứng riêng ở một nơi an toàn hết sức, quăng vô số thuốc nổ trước kẻ đui mù, sống chết không hỏi, lợi hại không đoái, thì để làm gì? Hoặc ông ấy nói thác đi: "Tôi khuyên du học. Trong sách tôi, chẳng qua được làm vua thua làm giặc, chưa từng nói bạo động". Vậy lính tập có tội gì mà đưa vào chỗ chết, đứa làm giặc có đức gì mà tôn lên như trời[2]?

Vân Nam có ơn gì mà nhận là cùng giống? Quảng Đông có oán gì mà chửi là phi nhân? Vả lại ông ấy bảo dân không đi lính, không nạp thuế, không đi xâu[3], tức là ông ấy đã mạo nhận là kẻ tỉnh mộng trước của quốc dân, vậy sao không trở về nước để thử làm đi, vì quốc dân mà dẫn đường, lại ung dung tự đắc mà làm gì?

Nhân phẩm, đặc tính và học thức của Phan Bội Châu. Ông ấy tư chất hết sức thông minh, chí khí hết sức vĩ đại, có quan niệm về quốc gia cũng hết sức sớm. Trong thời đại khoa cử, học thuật ngu lầm ở nước Nam, ông ấy dụng công rất siêng, chìm đắm

---

[1] *Chàng Vĩ ôm chân cầu*: Do chữ "Vĩ sinh bão kiều", nói người si tình đáng cười. Sách *Trang tử* chép: Vĩ sinh là người hay giữ chữ tín: có hẹn với một người con gái sẽ gặp nhau ở dưới cầu: người con gái không đến, nước lớn lên anh vẫn không chịu đi, đành ôm lấy chân cầu mà chết đuối.

[2] *Nc*: "Xét Hoàng Phan Thái giết vua Tự Đức, việc làm ấy lại đem tôn chuộng trong quốc dân! Nay các đảng chống vua ở châu Âu, nếu không có lòng làm lợi cho nước, pháp luật văn minh còn cho là giặc nghịch đem ra trị tội, huống gì ở nước ta? Như cho là thần không lạy, lại đem Đoàn Trưng, Đoàn Trực ra tôn sùng. Lại xét ông ấy cho rằng nước ta mất là do Tự Đức, thì thật là ngu lầm. Vì nước ta lúc bấy giờ học giới suy sút tới cực điểm, trên dưới vua tôi đều ngủ giấc ngủ vạn năm; đến như ngày nay bắt đầu có sách mới du nhập, rõ như trỏ vào bàn tay, mà còn có người ngoan cố giữ cái cũ không chịu rời một ly! Lúc bấy giờ dẫu cho Minh Trị của Nhật, Bi Đắc của Nga mà sinh vào nước ta thì cũng bó tay, huống gì là vua Tự Đức? Ngày nay chỉ một cách là mọi người trên dưới đều tự gắng gỏ để chuộc lỗi trước. Như Trung Quốc bảy lần mất mới biết hối; riêng nước ta mới một lần mất mà nay đã biết, đã gắng gỏ, thì cũng đáng *mừng* vậy. Và Phan Bội Châu sinh vào ngày nay mà kiến thức sai lầm còn như vậy, nếu vào thời thế kia, ắt ông ấy chủ chiến, sao chịu cúi mình thờ Pháp làm thầy để duy tân, biến pháp?'

[3] *Nc*: "Xem *Hải ngoại huyết thư*".

rất sâu, mà sức tự tin cũng rất mạnh. Cho nên hễ chỗ mạnh, chỗ yếu trên lịch sử của dân tộc nước Nam cùng nhất thiết những cái ngu cái xấu trong tập quán, ông ấy đều thâu nhận, chung đúc vào trong não làm thành nét cực đoan sâu sắc.

Cho nên ông ấy là người đại biểu cho tính tình tập quán của người nước Nam, không biết chân tướng của người nước Nam, nhìn ông ấy thì có thể biết. Người nước Nam ngu yếu mà thích tự cho là lớn, lại coi người khác là ngu, cho nên thích bài ngoại, thì ông ấy bài ngoại đạt tới cực đoan. Người nước Nam ngu yếu, mà không biết sửa sang bên trong, phần nhiều cậy sức người khác để được mạnh, cho nên thích ỷ ngoại, thì ông ấy ỷ ngoại đạt tới cực đoan. Bởi vì tính chất, trình độ của ông ấy hoàn toàn hợp với tính chất, trình độ của quốc dân hiện nay, rồi thêm vào đó cái tài thông minh, gộp vào đó cái khí dám làm, phụ vào đó cái học ngu lầm...[1]

NGUYỄN VĂN DƯƠNG dịch

[1] Di cảo *Pháp Việt liên hiệp hậu chi tân Việt Nam*, chấm dứt ở đây.

THƯ GỬI TOÀN QUYỀN CHÂTEL XIN VỀ NƯỚC
(Ông Babut đã sửa chữa và gửi trả lại)

Tháng 6 năm 1921

Ngài kính mến,

Qua hai lần được thăm Ngài ở Paris, sự đón tiếp rất tử tế của Ngài đã làm cho tôi hy vọng rằng Ngài sẽ dành sự quan tâm tốt nhất cho lá thư này.

Trải qua 10 năm sống ở Pháp, biết bao thay đổi đã diễn ra trong đầu óc tôi. Nhiều chân trời mới đã mở ra ở trước mắt. Suốt đời, tôi chẳng có suy nghĩ nào khác ngoài điều tốt lành cho đất nước tôi. Ngày nay tôi đã có niềm tin chắc chắn rằng điều này chỉ có được khi người Nam đạt được sự tiến bộ và văn minh hiện đại, nhờ có nước Pháp tạo cho điều kiện dễ dàng, vì rằng đó là cách duy nhất cho phép hai dân tộc chúng ta sát cánh nhau mà không phải e dè. Vấn đề thật gay go khó khăn, tôi đồng ý điều đó, nhưng tôi đã bao lần suy nghĩ về nó nên tôi tin chắc đã tìm ra giải pháp mà không sợ quá tự phụ.

Bây giờ nhiệm vụ của tôi đã hoàn thành, và như một người mệt mỏi sau một cuộc hành trình, tôi khao khát sự yên tĩnh, thanh thản và sự nghỉ ngơi ở quê hương, gần gũi hai đứa con còn lại của tôi. Vậy là sự ước ao mong muốn của tôi là được trở về Đông Dương nội trong năm nay. Nhưng trước hết, tôi phải tìm được phương tiện vật chất để thực hiện mong muốn này, và vì thế cho nên được khích lệ bởi thiện cảm mà Ngài đã thể hiện, tôi xin gửi thư này đến Ngài.

Chắc Ngài đã biết rõ rằng khi tôi sang Pháp, chính là

Chính phủ Đông Dương đã trả mọi chi phí cho chuyến đi. Không hiểu đến nay chính phủ có sẵn sàng cho tôi cái đặc ân như vậy không. Ngoài chi phí đi đường, chính phủ sẽ cho tôi bao nhiêu nữa để chi tiêu mọi khoản? Chỉ 4000 hay 5000 quan (francs Pháp) là đủ đối với tôi. Tôi chưa giải tỏ với Ngài rằng từ năm 1915, vì những lý do mà tôi nghĩ rằng tốt hơn là nên quên đi, tiền trợ cấp mà chính phủ cấp cho tôi đã bị hủy bỏ. Để sinh sống, tôi phải làm việc, nhưng không có nghề, nên trước hết tôi phải học một nghề. Đó là một cố gắng mà tôi tự hào đã làm được ở lứa tuổi tôi. Nhưng dù sao tôi cũng phải thú thật với Ngài rằng các điều kiện sinh hoạt ở Pháp ngày càng trở nên đắt đỏ, tốn kém và mặt khác tình trạng sức khỏe của tôi không phải lúc nào cũng tốt, lao động của tôi không phải lúc nào cũng đủ nuôi thân và tôi nhiều lần bắt buộc phải kêu gọi vài người bạn khẳng khái giúp đỡ tiền bạc. Tôi không muốn rời nước Pháp mà chưa trả được nợ cho bạn bè. Rồi thì để ra đi, tôi phải sắm lại quần áo, ngoài ra tôi sẽ rất sung sướng là có thể mang vài vật kỉ niệm cho hai con gái mà tôi phải xa cách từ lâu.

Xin Ngài thứ lỗi cho tôi là đã nêu lên với Ngài những chi tiết sâu kín, riêng tư này, nhưng Ngài đã làm cho tôi thoải mái bao nhiêu thì tôi cảm thấy lúng túng phải thổ lộ với Ngài bấy nhiêu.

Và vì tôi đã nói với Ngài về các con gái tôi, xin Ngài cho phép tôi nhắc lại lời hứa của Ngài về vấn đề đối với cháu nhỏ nhất hiện nay đang còn theo học ở trường nữ sinh Huế: Tôi đã xin Ngài dùng ảnh hưởng cao cả của Ngài để cháu được nhận vào trường nữ trung học Hà Nội, ở đó tôi tin rằng trẻ em nhận được một nền học vấn cao hơn. Vả chăng, tôi phó thác hoàn toàn cho Ngài để chọn trường học thích hợp nhất cho con tôi và tôi chắc rằng Ngài sẽ vui lòng bảo trợ cho đứa con nhỏ tội nghiệp này.

Cuối cùng, xin phép Ngài một lần nữa nhắc lại lời Ngài đã hứa là giúp tôi trong chừng mực có thể được trong các dự án mà tôi đã hân hạnh trình bày với Ngài, các dự án mà việc thực hiện rất quý báu đối với tôi!

Không dám lạm dụng nhiều hơn nữa thì giờ quý báu của

Ngài, tôi xin phép sẽ viết cho Ngài một lần khác và trong lúc chờ đợi sự trả lời mà hẳn Ngài cũng sẵn lòng, xin gửi đến Ngài những tình cảm biết ơn và sự kính trọng rất cao cả.

*Ký tên:*Phan Châu Trinh

Sao nguyên văn
DEVEZE
Phần viết tay cuối thư của mật thám:
Thư gửi Châtel, Phan Châu Trinh đã chuyển cho Babut nhờ chữa hộ. Babut đã gửi trả sau khi chữa xong, thư đã được Beveze sao.
Gửi đi 232 SR - Paris 30-6-1921. Tài liệu số 50

(Theo Lê Thị Kinh - Sđd)

PHAN CHÂU TRINH PHÚC THƯ KHÂM SỨ PASQUIER

Paris ngày 9 tháng 10 năm 1921

Thưa Ngài Khâm sứ.

Tôi xin hân hạnh báo đã nhận được thư ngày 4 tháng 10 của Ngài và cả thư của Ngài Châtel và mong Ngài Khâm sứ tiếp nhận những tình cảm tốt đẹp của tôi[1].

Ký tên: Phan Châu Trinh

(Theo Lê Thị Kinh - Sđd)

[1] Đây là thư Phan Châu Trinh gửi Khâm sứ Trung Kỳ Pasquier. Phan Châu Trinh đã gửi thư dài cho Toàn quyền Đông Dương để xin về nước. Ông ta đã gợi ý cho Châtel trả lời Phan. Không được biết nội dung trả lời ngày 4 tháng 10 của Pasquier nhưng thư phúc đáp này của Phan Châu Trinh tỏ ra khá nhạt nhẽo.

KÍNH GỬI: NGÀI KHÂM SỨ TỔNG ĐẠI DIỆN ĐÔNG DƯƠNG TẠI TRIỂN LÃM THUỘC ĐỊA - PARIS

Marseille, ngày 10 tháng 1 năm 1922

Thưa ngài Khâm sứ,

Tôi xin chân thành cảm ơn Ngài vì sự quan tâm của Ngài đã dành cho tôi và nhờ đó mà đến nay tôi còn lưu lại ở đất Pháp.

Tuy nhiên khi rời Paris thì ông Babut cho tôi hay là lương hàng tháng của tôi sẽ là 650 francs. Chỉ khi đến Sở quản lý Đông Dương ở số 5 đường Noailles ở Marseille thì tôi mới được biết theo quyết định thu nhận tôi vào làm việc, lương của tôi chỉ được 500 francs mới có thể tạm đủ sống.

Tôi kính xin Ngài Khâm sứ xem xét khả năng gia ân cho tôi được nhận mức lương 800francs cho đến khi tôi được gặp Ngài Bộ trưởng Bộ Thuộc địa.

Tôi sẽ và rất vinh hạnh nếu được Ngài sớm trả lời duyệt y và xin kính cẩn cảm ơn Ngài.

Ký tên: Phan Châu Trinh
15 Đại lộ Dugommier - Marseille

(Theo Lê Thị Kinh (tức Phan Thị Minh):
Phan Châu Trinh qua những tài liệu mới. Tập II.
Nxb. Đà Nẵng - 2003)

HAI BÀI BÁO VIẾT VỀ CHUYẾN ĐI CỦA KHẢI ĐỊNH ĐẾN PHÁP

(Do Josseleme chuyển về Bộ Thuộc địa)

Bài 1: MỘT SỰ KIỆN THUỘC ĐỊA RẤT NGUY HIỂM

Nhân chuyến đến Pháp sắp tới của Hoàng đế An Nam, chúng tôi may mắn được ban lãnh đạo của L'Oeuvre *(Sự nghiệp) giúp đỡ để bày tỏ vài ý kiến về chính sách đang được thực hiện ở Đông Dương.*

Hôm nay chúng tôi xin được trình bày với độc giả chính quốc: Một mặt những lợi ích mà chính phủ thuộc địa tưởng thu được ở chuyến đi vương giả này, mặt khác những trở ngại, những hiểm nguy có thật và không thể tránh được mà nó sẽ đem lại. Chúng ta sẽ thấy cuối cùng cán cân ngả về bên nào.

Người ta muốn đưa ngài Khải Định, "vị Thiên tử", sang chính quốc để làm gì vậy? Trước tiên là để tự đề cao: Ngài Toàn quyền trù tính dùng hành động này để có chút tự hào nói với nước Pháp: "Tôi đã cai trị thuộc địa như thế đó. Ảnh hưởng của tôi đã mạnh đến mức tôi đã đào bật gốc được các tập quán muôn đời..."

Sau đó là do tư tưởng phô trương: Trình diễn với nước Pháp, với những kẻ tò mò ở chính quốc, nhất là sau chiến thắng, nhân một triển lãm, một Hoàng đế da vàng, có bộ mặt được hóa trang, có 8 ngón tay đầy nhẫn kim cương (ông ta có thể đeo cả vào ngón cái nếu thói quen cho phép), mặc một bộ y phục tiền sử với các thứ trang trí đủ màu sắc (y phục mà người ta giữ để làm cổ vật). Bao quanh là một bầy quan lại với những móng tay dài hình xoắn ốc, tự xưng là những người bạn của nước Pháp, với những bước đi uể oải, ăn mặc kỳ quặc, luôn sẵn sàng cúi mình trước mặt mọi người

để làm điệu bộ như trò khỉ. Đó là những thú vui mà sự có mặt của triều đình An Nam đem lại cho nước Pháp.

Trò phô trương có tính toán, sự thỏa mãn tò mò ở chính quốc, mối lợi như chúng tôi đã chứng minh trên đây.

Trò phô trương có tính toán, sự thỏa mãn tò mò ở chính quốc, mối lợi trông đợi... chỉ toàn là những lợi lộc không đáng kể, nhưng nó sẽ tạo ra một lỗ hổng sâu trong ngân sách Đông Dương. Lỗ hổng ấy đáng lẽ có thể đem lại những lợi ích to lớn hơn nhiều cho những kẻ đóng thuế nghèo khổ của nước Nam. Lập một trường học, một thư viện, cấp các học bổng, xây dựng một bệnh viện, một nhà hộ sinh, trợ cấp cho một doanh nghiệp của người An Nam, biết bao nhiêu việc công ích có thể dùng khoản tiền dành cho chuyến di chuyển của cái thây ma đế vương đó. Đó là cái dở thứ nhất.

Cái dở thứ hai là: được đưa đến Pháp, được bợ đỡ, o bế với một mức mà ông ta không hề xứng đáng, Hoàng đế An Nam được tôn lên trong con mắt thần dân, ông ta sẽ quên mất là mình không có thực quyền, sẽ tưởng mình luôn thực sự là Con Trời chính hiệu. Ông ta sẽ cho mình là đối tượng của một sự tôn thờ bắt buộc và vĩnh viễn. Ông ta sẽ nghĩ mình có quyền làm tất cả mọi thứ, và với quyền lực sẵn có đó ông ta sẽ tha hồ tự tung tự tác để làm bậy bạ. Và như vậy càng khổ cho những người dân An Nam tội nghiệp.

Cái dở thứ ba và cũng là cuối cùng, đó không chỉ là một trở ngại đơn thuần mà là một mối hiểm họa thực sự. Trong khoảng 20 năm qua, dân chúng An Nam đã hiện đại hóa dưới ảnh hưởng của Pháp, qua tiếp xúc với một chính quyền Cộng hòa, đã ly dị với những quan điểm cũ kỹ về quyền vua ngày xưa, và không còn không hợp lý, hơn nữa những con người nắm giữ nó lâu nay đều là những con người thiếu học thức, thiếu giá trị, mà họ xem là không xứng đáng làm chủ số phận của họ.

Không hề có chút tự hào về đấng quân vương của mình như các dân chúng khác có lý do để làm như vậy, người dân Nam bây giờ hầu như đã Âu hóa thấy xấu hổ về Hoàng đế của mình, đến nỗi khi nghe nhắc đến họ thấy bị xúc phạm như là bị bới ra những nhược điểm mà họ muốn giấu đi. Thậm chí họ còn ngạc nhiên thấy chính quyền thuộc địa còn giữ trên ngôi vua một hình nộm vô

ích, và đôi lúc còn nguy hiểm. Như thế việc cho đi diễu qua trước mắt mọi người cái hình nộm mà dân Nam không muốn nữa, mà dân Nam đã ghét từ khi nó chưa thành hình nộm, sẽ là xúc phạm lòng tự tôn của dân Nam, là làm thức tỉnh mối hận của kẻ thua trận là làm cho họ thêm xa rời nước Pháp!!!

Chuyến đi của Hoàng đế rõ ràng là một trong những khinh suất rất trầm trọng mà chính quyền thuộc địa đã phạm phải, nhất là vào một lúc mà quanh nước Nam, từ Nhật, từ Trung Hoa, từ Triều Tiên, từ Phi Luật Tân, vang lên những lời kêu gọi tự do, tự chủ, cộng hòa. Gây rối phỏng có ích gì? Ngài Maurice Long, nếu chúng tôi không nhầm, đã quá đủ chất cộng hòa để tìm cách khuyến khích một cử chỉ như chuyến đi của Hoàng đế An Nam.

Mong Hoàng đế Khải Định ở đâu cứ ở đấy, dân chúng An Nam sẽ vui sướng hơn. Họ còn vui sướng hơn nếu Ngài Ngự không còn nữa!!!

Ký tên: Phan Châu Trinh

BÀI 2: HOÀNG ĐẾ AN NAM Ở PHÁP

"Biến cố thuộc địa lớn trong mùa hè năm này là chuyến sang Pháp của Hoàng đế An Nam Khải Định. Từ lâu đã không còn cái nhãn hiệu cổ truyền "Vị chủ soái vô hình", nhưng đây là lần đầu tiên "vị Thiên tử" ra khỏi đất nước mình. Chuyến đi này có ý nghĩa như ông Maurice Long đã nói: "Những sự kiện như thế tô đậm thêm giá trị cho hoạt động của chúng ta và tầm cỡ của ảnh hưởng chúng ta".

Trích từ bài viết của một nhà báo Pháp được đăng trang trọng trên hai cột đầu của tờ "Petit Journal" *ngày 23-1-1922, mấy dòng trên chứa đựng nhiều điều và thật đáng cho chúng ta lưu ý. Trừ trường hợp chúng ta không hiểu đúng tiếng Pháp, thì mấy dòng đó đã tóm tắt đường lối chính trị của nước Pháp ở Đông Dương hiện nay. Nó là lời lẽ của vị sếp tối cao của Đông Dương và là đại diện cao nhất của nước Pháp. Đó là lý do và là lý do mạnh nhất để xác định đúng mức tầm quan trọng của những dòng đó.*

Nhờ ảnh hưởng của chính phủ bảo hộ, "đấng Thiên tử" cuối cùng đã phải chịu dứt bỏ tập quán cổ truyền không cho phép một Hoàng đế An Nam rời khỏi đất nước. Ảnh hưởng của Pháp đã lớn đến mức lần đầu tiên đưa được Hoàng đế Khải Định đến một quyết định như thế. Đạt được điều đó, chính phủ có quyền khoe khoang giá trị của hoạt động của mình ở Đông Dương.

Đó là ý nghĩa chúng tôi ngẫm ra từ lời nói của quan Toàn quyền ở nước chúng tôi. Vì người ta có vẻ quan tâm đến một việc nhỏ mọn đến thế, nên chúng tôi xin được làm cho dư luận ở chính quốc phải đề phòng một sai lầm người ta tìm cách gieo cho họ. Chúng tôi thấy cần làm cho họ rõ, vì người ta luôn giấu họ sự thật về vai trò của vua An Nam ở Đông Dương: Triều đình Huế (thủ đô của nước Nam) đã chết

sau ngày bị chiếm đóng và chỉ tồn tại trên hình thức. Đó là một thây ma mà Chính phủ Pháp đã không chịu để cho thối rữa, mà đã đem ướp xác đi vì họ biết rõ tâm lý người An Nam, nhằm để tạo thành một con bù nhìn và một kẻ thừa hành cho họ. Hoàng đế bị cấm không được trị vì, mà chỉ được làm một hình nộm ăn mặc đẹp, ngồi trên một "cái ngai để nghỉ ngơi triền miên, bảo gì làm nấy "bảo ký thì ký". Tuy vậy, người ta vẫn thận trọng, mỗi khi phế truất ngôi của một Hoàng đế có vướng víu gì thì phải tìm một kẻ kế vị đạt cả hai điều kiện trên, vừa lười vừa dễ bảo.

Trong những điều kiện đó, có gì khó khăn trong việc đưa vua Khải Định đi Pháp không? Trái lại ông ta không đòi gì hơn qua chuyến đi, mà chắc ông ta thấy quá ngắn, là đạt được một chút tự do giả tạo mà ông ta không hề có từ lâu, và chắc ông ta sẽ không bao giờ có lại trong suốt cả cuộc đời!

Vì vậy, không nên coi chuyến đi của Hoàng đế An Nam đến Pháp là thành quả hoạt động của Pháp ở Đông Dương như là Toàn quyền đã cố làm cho bạn tưởng. Nên thấy ở đó có một sự phô diễn, hay đúng hơn nữa một sự đầu cơ có tính toán: "Chúng ta đưa Ngài Ngự đến Pháp dạo chơi, chúng ta đã dành cho Ngài một sự đón tiếp xứng đáng với cương vị. Chúng ta đã nâng cao uy thế của Ngài trước thần dân. Để đáp lại những tôn kính trọng vọng đó, thật công bằng là Ngài sẽ làm cái này cái nọ cho chúng ta...". Chắc chắn đó là những lời lẽ Hoàng đế sẽ được nghe sau chuyến đi. Chúng tôi xin được để các bạn tự đoán ra hồi sau...

Quả là chúng tôi đã bị lầm trong hy vọng của mình.

Chúng tôi những tưởng rằng sau 5 năm mẫu quốc đã có nhiều cơ hội thử thách lòng trung thành và sự gắn bó của chúng tôi với lợi ích của nước Pháp: người Đông Dương chúng tôi đã lũ lượt sang xếp hàng vào các chiến hào tử địa bên cạnh anh em người Pháp, đã tỏ ra xứng đáng với tư cách là những đứa con nuôi; máu người An Nam đã chảy, của cải người An Nam đã được hy sinh...; những tưởng rằng một sự thay đổi về chính trị sẽ là phần thưởng cho các cố gắng đó của chúng tôi.

Chán ngán thay! Chúng tôi thấy đâu vẫn hoàn đấy mặc dù những lời nói đẹp đẽ của một vị quan lớn "rất yêu mến người

Nam"[1] *còn vang lên trong tai chúng tôi, nhưng than ôi, hành động còn rất xa những điều đã được hứa hẹn.*

Không phải bằng chuyến đi của Hoàng đế An Nam mà nước Cộng hòa này sẽ chiếm được quả tim của dân Nam. Hoàng đế An Nam không phải là dân Nam, những gì ông ta nói khi đến đây hoàn toàn không thể hiện ý nghĩ thật của dân Nam.

Sáu mươi năm đã trôi qua, dân Nam đã tiếp xúc với nước Pháp, với nền văn minh Pháp, họ cũng đã biến đổi, không còn ở thời buổi coi vua như "hiện thân của quốc gia" nữa. Chúng ta đã qua cuộc chiến tranh thế giới, cuộc chiến tranh cho nhân quyền và tự do, là những người có đóng góp vào thắng lợi, chúng ta có quyền được hưởng một cái gì đó hơn là một chuyến đi của Hoàng đế. Dù ông ta có dạo chơi đến mấy ở Pháp, thì khi về ông ta vẫn là ông ta, vẫn ngốc ngếch như xưa và nước Nam vẫn cứ là nước Nam. Nếu không có Ngài trị vì nữa, thì nước Nam cũng sẽ không chút mảy may buồn phiền.

Ký tên: Phan Châu Trinh
(Theo Lê Thị Kinh - Sđd)

[1] Ám chỉ Albert Sarraut.

THƯ GỬI NGUYỄN ÁI QUỐC

Marseille, ngày 18 tháng 2 năm 1922

Tôi với anh mấy năm ròng cùng sống nơi đất khách quê người nhưng mà lòng bọn mình chẳng khi nào quên cái cảnh tượng bên nhà. Chánh phủ bảo hộ thường nói: cái việc dẹp loạn là để an dân, làm mấy con đường hỏa xa, mấy cái học đường, mấy cái nhà thương là để khai hóa xứ An Nam mình. Cái công lao ấy thì báo chương Ba Lê nhan nhản đăng lên, còn cái sưu cao thuế nặng, cái tham quan lại nhũng, cái sĩ khí dân tình bị chém giết, bị bỏ tù, bị đày ải kia thì họ im phăng phắc.Bởi cái cảnh thất quốc vong gia, lòng dân đồ thán, nên cánh giang hồ chúng mình làm sao mà nguôi dạ được, hồn Tổ quốc nặng trĩu trên vai, xót vì quốc dân đồng bào đương rên xiết bởi cường quyền áp chế.

Thực trạng dân tình thế thái bên nhà, bọn mình biết rõ, bấy lâu nay, bọn mình ở bên này có đăng báo chương, hô hào các hạng người Pháp có lương tâm ngõ hầu giúp người An Nam đánh đổ cường quyền áp chế, nhưng mà kết quả chẳng được là bao, cái khát vọng tự do, bình đẳng, bác ái mà ông Mạnh Đức Tư Cưu, ông Lư Thoa khởi xướng chẳng nhỏ được giọt nào trên cái đất An Nam mình.

Xem thế thì ngẫm ngay được rằng: một chủng tộc muốn như chủng tộc văn minh chỉ có tự lập tự cường. Nhưng khốn nỗi ở nước An Nam ta từ ngày quan quân nước Pháp đem binh thuyền đến mà chinh phục mãi tới ngày nay, sĩ khí dân tình khởi sự chống lại chính phủ bảo hộ tiếp diễn liên miên hết cuộc này đến cuộc khác, rốt cuộc đâu hoàn đó, chẳng nhúc nhích được chút nào. Ngày nay, việc khởi sự lần hồi giảm đi bởi cái dã

tâm của hạng người dạ thú, của kẻ đầu trâu mặt ngựa, bởi thiếu người hướng đạo.

Bấy lâu nay tôi cùng anh và anh Phan[1] đàm đạo nhiều việc, mãi tới bây giờ, anh cũng không ưa cái phương pháp khai dân trí, chấn dân trí, hậu dân sinh của tôi; còn tôi thì lại không thích cái phương pháp ngoạ ngoại chiêu hiền đãi thời đột nội[2] của anh và cả cái phương pháp bất hòa mà anh đã nói với anh Phan là tôi là hạng người hủ nho thủ cựu.

Cái điều anh gán cho tôi đó, tôi chẳng giận anh tí nào cả, bởi vì suy ra thì tôi thấy rằng: tôi đọc chữ Pháp bập bẹ nên không am tường hết sách vở ở cái đất văn minh này. Cái đó tôi đã thua anh xa lắm, đừng nói gì đọ với anh Phan. Tôi tự ví tôi ngày nay như con ngựa đã hết nước tế; tôi nói thế chẳng hề đem ví anh là kẻ tử mã lục thạch[3], thực tình từ trước tới nay tôi chẳng khinh thị anh mà tôi còn phục anh nữa là khác. Tôi thực tình có sao nói nấy, không ton hót anh tí nào.

Mấy cái việc nói qua trên kia để bọn mình ôn cố một chút, còn lần này tôi phải viết cái thơ này cho anh là tôi có cái hi vọng muốn anh nghe theo tôi mà lo cái đại sự. Phàm thử muốn thức tỉnh quốc dân đồng bào đánh đổ cường quyền áp chế, thì từ xưa đến nay, từ Á sang Âu chưa có một người nào làm cái việc như anh: anh lấy cái lẽ ở nước mình lưới giăng tứ bề, mà về nước ắt là sa cơ, gia dĩ dân tình sĩ khí cơ hồ tan tác, bởi cái chính phủ cường quyền nên sự hấp thu lý thuyết kém cỏi, bởi thế mà anh cứ khư khư cái phương pháp "ngoạ ngoại chiêu hiền, đãi thời đột nội". Cứ như cái phương pháp ấy thì anh viết bài đăng báo chương trên đất người để mà hô hào quốc dân đồng bào bên nhà đem tinh thần và nghị lực ra làm việc nước. Tôi coi lối ấy phí công mà thôi. Bởi vì quốc dân đồng bào mấy ai biết chữ Tây, chữ Quốc ngữ cầm tờ báo mà đọc nổi.

Theo ý tôi thì mình mà học hỏi lý thuyết hay, phương pháp tốt, tóm thâu được chủ nghĩa, có chí mưu cầu lợi quyền cho quốc

---

[1] *Anh Phan*: Chỉ luật sư Phan Văn Trường, người đã từng sống chung, hoạt động chung với Nguyễn Ái Quốc và Phan Châu Trinh trong một thời gian lâu ở Pháp.

[2] *Ngoạ ngoại chiêu hiền đãi thời đột nội*: Ngồi ở nước ngoài kêu gọi người tài giỏi, đợi thời để xông vào trong nước.

[3] *Tử mã lục thạch (?)*

dân đồng bào, thì đừng có dùng cái lối nương náu ngoại bang để rung chuông, gõ trống, mà phải trở về ẩn náu trong thôn dã, hô hào quốc dân đồng bào, đồng tâm hiệp lực đánh đổ cường quyền áp chế, ắt là thành công. Anh không nghe lời tôi nói, anh ở hoài bên này, cứ cái lối đó thì tài năng của anh khác gì công dã tràng. Bởi cái lẽ đó mà tôi khuyên anh thu xếp mà về, đem cái tài năng của mình khích động nhân tâm, hô hào đồng bào ba kỳ đồng tâm hiệp lực, để mà đánh đổ cường quyền áp chế, ắt là thành công.

Tôi biết anh hấp thu được cái chủ nghĩa của ông Mã Khắc Tư, ông Lý-ninh[1] *nên tôi cũng đem chuyện hai ông ấy mà giảng dẫn cho anh rõ. Ông Mã vốn sinh trưởng trên đất Đức Ý Chí*[2]*, ông bị chánh phủ tầm nã vì cái tội cách mệnh, đành lánh nạn sang nước Anh Cát Lợi. Ông ta học cái hay, cái tốt ở trên đất nước người, sau lại lộn về Đức Ý Chí mà làm việc và lại còn nói cách mệnh dân quyền của cả thế gian là cái rốn chính ở ngay trên đất Đức Ý Chí, nên ông về đó mà làm việc.*

Ông Lý cũng bị cái chính phủ cường quyền Nga-la-tư truy nã, ông phải lánh nạn sang các xứ Phất La Tây[3]*, Đức Ý Chí và Lang Sa, rồi ông lại trở về nước hô hào dân thợ, dân cày, lính tráng kết đoàn mới làm nổi cách mệnh mà dân Âu Mỹ đều thần phục.*

Cứ xem hai ông Mã, Lý mà anh tôn thờ chủ nghĩa có ông nào cùng cái lối nương náu đất người mà làm quốc sự cho nước mình như anh đâu? Bởi vậy, giá như anh tôn thờ lý thuyết hai ông ấy, mà nghe lời tôi mà về quảng cáo cho quốc dân đồng bào, ai nấy đều biết, có phải là cái phương pháp hay biết chừng nào?

Lại còn cái điều ngộ bất trắc sa cơ, đương nhiên là sự phòng xa thì ắt là lợi hơn thiển cận; song le từ xưa đến nay, biết bao nhân nhân chí sĩ nước mình hoặc khởi sự hay ôn hòa đương đầu với cường quyền áp chế, mấy ai khỏi vòng lao lung tù tội, đày ải chém giết. Ông Đề Thám bị bêu đầu giữa chợ, ông Phan Đình Phùng bị đào mả ném xương xuống sông, ông Hàm Nghi,

---

[1] *Chủ nghĩa của ông Mã Khắc Tư, ông Lý Ninh*: Tức chủ nghĩa Mác-Lênin, đọc theo cách dịch âm trước đây của người Tàu.

[2] *Đức Ý Chí*: Tức nước Đức, đọc theo cách dịch âm trước đây.

[3] *Phất La Tây*: Tức nước Phần Lan hiện nay(?)

Duy Tân, thủ khoa Huân bị đày biệt xứ và nhiều không kể xiết bị đầu rơi máu chảy. Ngại vì sa cơ thì e rằng bỏ mất cái tài của mình, cơ hội chảy qua như dòng nước. Bởi thế cái phương pháp quy sào giác thế mà anh làm được thì may mắn cho quốc dân đồng bào ta biết dường nào. Giả như không làm được như thế thì tài năng của anh ắt là mai một.

Anh cứ xem ông Phan Bội Châu hồi trước chẳng nghe lời tôi, mang người mang của đến đất Phù Tang[1], cầu cứu nghĩa cử đồng văn đồng chủng[2], chạy đông chạy tây, dĩ ngoại đột nội, rốt cuộc chỉ làm được mấy lần khởi sự. Vả lại cái chủ trương của ông Phan mới xem qua thì hay lắm, song ngẫm cho kỹ lưỡng thì chẳng khác gì cái phương pháp của họ Lê cầu Thanh diệt Trịnh, họ Nguyễn cầu viện Pháp đình đánh Tây Sơn. Cổ lai thế sự còn rành rành ra đó, ấy thế mà ông Phan cứ tôn thờ cái bài vị đồng văn đồng chủng. Thảng như phương pháp của ông Phan mà thành công thì quốc dân đồng bào chung quy vẫn nguyên cái lưng con ngựa, chỉ thay người cỡi mà thôi. Hồi ông mới mưu đồ quốc sự, tôi có nói với ông là ông hãy ở nhà cùng với nhân nhân chí sĩ[3] ba kỳ mà thức tỉnh nhân tâm, hợp quần, hợp xã, khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh[4], ai nấy thấu rõ ngọn nguồn, đồng tâm hiệp lực đạp đổ cường quyền, đông tay sao mà chẳng vỗ nên bộp? Ấy thế mà ông Phan chẳng thèm nghe, mà mãi cho tới nay, ông vẫn còn cứ cho cái phương pháp của ông là hay. Tôi biết anh cũng chẳng tán đồng cái phương pháp của ông Phan, vả lại tôi cũng còn tin rằng không sớm thì chầy anh cũng lấy cái phương pháp khẩu xướng đối nhân, dụng nội triệt ngoại[5] cùng với sĩ phu dân chúng ba kỳ mà mưu đồ đại sự.

Từ xưa tới nay tôi cứ cho cái phương pháp của tôi có nhiều

---

[1] *Đất Phù Tang*: Đất Nhật Bản.

[2] *Đồng văn đồng chủng*. Cùng thứ chữ (dùng chữ Hán) cùng nòi giống (da vàng).

[3] *Nhân nhân chí sĩ*: *Nhân nhân:* người có lòng nhân ái, người có đạo đức: *chí sĩ*: người lo việc nước.

[4] *Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh:* Mở mang trí tuệ người dân, chỉnh đốn tinh thần khí phách người dân và nâng cao (làm cho đầy đủ) đời sống vật chất của người dân. Đó là khẩu hiệu hành động của phong trào Duy tân.

[5] *Khẩu xướng đối nhân, dụng nội triệt ngoại*: Miệng nói (trực tiếp) với người (trong nước), dùng người trong nước để đánh đuổi bọn ngoại xâm.

sự hay hơn nhiều cái dở, vì rằng nước mình trên có chánh phủ bảo hộ trông, dưới là một bầy tham quan lại nhũng, học thức trong đám dân chúng kém cỏi, thì còn gì tốt lành bằng cái tôi dựa vào cái lý thuyết nhân quyền để mà cổ động sĩ khí dân tình, tôi thực hành cái phương pháp ấy thì tôi làm cái lối khẩu thuyết vô bằng mà hô hào quốc dân đồng bào đồng tâm hiệp lực, kết đoàn hợp xã, dân tình thức tỉnh, kháng thuế cự sưu, tố giác tham quan lại nhũng, lại bất hợp tác từ cái này đến cái nọ, đến chừng đông tay vỗ nên bộp mà đoạt lại lợi quyền.

Cái lối khẩu thuyết vô bằng, mình có thể phơi bày hết điều hơn lẽ thiệt, ngộ mà có ai phản nghịch tố giác, cũng chẳng có chứng cớ minh bạch mà làm tù làm tội nặng mình được. Đương nhiên cái lối đó cũng khó bề kéo dài, họ ắt vin cớ này, cớ nọ để mà làm tội làm tình; thế nhưng cái lúc đó vị tất không có người tiếp tục cái lối của mình hay sao? Cứ như cái hồi cự sưu, có anh Châu Thơ Đồng[1] *há chẳng dùng lối ấy mà hô hào dân chúng cho đến khi không còn nói ra tiếng rồi chết, ấy là sự thật đã qua.*

Còn ngày nay, cũng cứ làm cái lối ấy, chẳng may bị sa cơ, thế tất chẳng có người nối tiếp mình thức tỉnh nhân quần; bằng cái lối đó, chắc là cuồn cuộn dâng lên, rồi một ngày kia khác nào như ngọn thủy triều lôi cuốn mất cường quyền áp chế. Bởi vậy, anh coi cái lối đó của tôi mà tốt, thì anh cứ thể nghiệm. Anh mà làm theo lối đó, tôi tin không bao lâu cái chủ nghĩa anh tôn thờ sẽ thâm căn cố đế trong đám dân tình chí sĩ, chớ anh mà khư khư cái lối của anh, cứ ở bên này viết báo chương, hô hào lý thuyết thì tôi e rằng công dày mưu cao của anh cứ lần hồi mai một.

Tôi là một người có án tích, lại cư trú bên này, chân tay bị bó rọ, thế mà tôi cũng cứ có nguyện vọng sẽ xin Chính phủ và Bộ Pháp quốc hải ngoại cho tôi về Tàu làm cái nghề viết báo chữ Hán mà kiếm sống, rồi may ra có cơ hội tôi lại về. Một khi mà

---

[1] *Châu Thơ Đồng*: Tên là Châu Thượng Văn, hiệu Thơ Đồng. Người Minh hương, Hội An, Quảng Nam. Nhà chí sĩ duy tân, cùng với Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng hoạt động rất hăng hái. Sau vụ dân biến 1908, ông bị bắt. Khi tra hỏi ông khẳng khái nhận đã chủ mưu đưa người trong nước sang Nhật du học và xui hạt dân xin thuế, ngoài ra không ai can dự. Tòa án Nam kết tội, đày ông chung thân lên Lao Bảo. Kể từ khi bị bắt đến ngày thành án trên 20 ngày, ông không chịu ăn uống: đưa ra đến Huế thì mất trong lao Thừa Phủ.

tôi đặt chân lên quê hương xứ sở, tôi nguyện đem hết nghị lực bình sanh mà thức tỉnh dân khí ba kỳ đồng tâm hiệp lực đạp đổ cường quyền áp chế...

Anh Nguyễn, tôi tường tâm với anh đã rõ nguồn cơn. Bây giờ, thân tôi tợ chim lồng cá chậu. Vả lại, cây già thì gió dễ lay, người già thì trí lẫn, cảnh tôi như hoa sắp tàn, hiềm vì quốc phá gia vong mà hơi tàn cũng gào cho hả dạ, may ra có tỉnh giấc hôn mê. Còn anh như cây đương lộc, nghị lực có thừa, dày công học hỏi, lý thuyết tinh thông, nhưng mà anh chẳng nghe lời tôi, anh cứ quanh quẩn bên nầy thì làm sao tài năng anh thi thố được. Bởi vậy tôi thành tâm khuyên anh, mong mỏi anh thay đổi cái phương pháp cũ kỹ đi để mà mưu đồ đại sự.

Tôi cầu chúc anh thành công và hy vọng bọn mình cùng thấy mặt nhau ở quê hương xứ sở.

Người bạn kính thư,
Phan Châu Trinh.

(Theo Huỳnh Lý: *Phan Châu Trinh con người và sự nghiệp.*
Nxb Đà Nẵng - 1993)

Phụ lục

NHỮNG SUY NGHĨ TỪ BỨC THƯ CỦA PHAN CHÂU TRINH GỬI ANH NGUYỄN (MARSEILLE, 1922)

Đây là một chứng tích hiếm hoi trên nhiều mặt. Phân tích kỹ ta có thể thấy nhiều nét quan trọng trên các mặt:

Quan hệ nội bộ của nhóm Việt Nam yêu nước sau 11 năm Phan Châu Trinh hợp tác với Phan Văn Trường và qua nhiều năm với Nguyễn Ái Quốc. Họ hoàn toàn nhất trí trên tình cảm yêu nước và mục tiêu hoạt động nhưng còn tồn tại một số bất đồng về phương pháp hành động...

Sau thư này không lâu nhóm Việt Nam yêu nước ở Pháp sẽ không còn tồn tại: Nguyễn Ái Quốc đi Liên Xô (13-6-1923), Phan Văn Trường có thời gian gián đoạn không hợp tác với Phan Châu Trinh nữa trước khi về nước cuối năm 1923. Còn một vấn đề lớn nữa là nhiều đoạn trong thư đã nói lên thực chất chuyển biến tư tưởng Phan Châu Trinh sau ngót 20 năm hoạt động, kể từ lúc bắt đầu xướng xuất công cuộc vận động Duy Tân và sau 11 năm sống và hoạt động ở Pháp, ông đã có một số chuyển biến rất quan trọng chỉ mới được bộc lộ rõ qua bức thư này. Nhưng vấn đề này ít được các học giả chú ý phân tích.

Cần lưu ý đặc biệt thời điểm Phan Châu Trinh viết thư này: sau ngót 11 năm cùng rời nước, Phan Châu Trinh dõi theo bước đi của Nguyễn Ái Quốc dưới trời Âu, góp ý khuyên bảo khi có điều kiện, rồi ngót 6 năm cùng với Phan Văn Trường và Khánh Ký giúp đỡ, đùm bọc Nguyễn thời gian mới sang Pháp, chứng kiến sự trưởng thành vượt bậc và sự chọn hướng đi mới

của Nguyễn Ái Quốc. Bản thân Phan Châu Trinh cũng đã qua nhiều bước gian truân trên đất Pháp, thấy rõ hơn bộ mặt của thực dân và tương quan lực lượng trong nội bộ chính trường Pháp... Ông đã đủ thời gian suy nghĩ soát xét, so sánh và xác định rõ thêm về hướng đi của mình.

Bức thư này ông viết riêng cho Nguyễn Ái Quốc nhưng ông biết chung quanh mình đầy rẫy bọn mật thám rình rập xem trộm, sao trộm, thậm chí ăn cắp giấy tờ thư tín của người yêu nước nên có những từ ngữ ông phải tránh né hoặc viết chệch đi. Ví dụ, trong thư 9 lần ông dùng chữ "cường quyền áp chế" để chỉ "nền độc lập", chữ "khởi sự" để chỉ việc vũ trang khởi nghĩa, nói đến thế lực cầm quyền ở Pháp ông vẫn lễ độ dùng chữ "Chính phủ và Bộ Pháp quốc hải ngoại".

Sau khi khẳng định lòng yêu nước, thương dân và mô tả tâm trạng ray rứt lo cho dân cho nước của cả hai, ông khẳng định trong đoạn 2 một điều đến nay ông chưa nói rõ: hoạt động vận động những người Pháp thiện chí để họ giúp ta đánh đổ thực dân đã không đạt kết quả đáng kể. Phải chăng ở đây ông đã thừa nhận thất bại của khẩu hiệu "ỷ Pháp cầu tiến bộ" vì vận động thực dân cải cách chính sách cai trị thì chỉ bị lừa bịp và ngay những người bạn Moutet, Roux thì cũng có những tính toán riêng tư nhất định...

Ông kết luận: "Muốn tiến bước theo các nước văn minh nhất thiết phải giành được độc lập dân tộc, nhưng việc khởi nghĩa đánh đuổi thực dân ngày càng khó khăn "do có phản bội và do thiếu lãnh đạo". Ở đây ta không còn thấy quan điểm bài xích bạo động "bạo động tắc tử" nữa mà chỉ thấy "bạo động khó thành công".

Có thể nói đây là vấn đề bế tắc tồn tại mà trong nội bộ chưa nhất trí về phương thức tháo gỡ: Phan Châu Trinh chủ trương phải liều mình về nước vận động nâng cao dân trí, dân khí và dân sinh nhằm tạo ra bạo lực chính trị lật đổ chế độ thực dân.

Nguyễn Ái Quốc thấy rõ chính quyền thực dân sẵn sàng tiêu diệt người cách mạng, cần ở ngoài chiêu mộ và đào tạo nhân tài, chờ có thời cơ mới trở về nước vận động. Phan Văn

Trường chủ trương dùng báo chương thuyết phục con người bằng lý luận...

Trong đoạn 4 lần đầu tiên Phan Châu Trinh nói sự bất đồng về phương pháp hoạt động của 3 người trong nhóm và cho biết Nguyễn Ái Quốc đã có lúc đánh giá "nghị bá ngày xưa" là hủ nho thủ cựu. Ở đây, ta có một chứng cứ cụ thể về tính chất đặc biệt về tổ chức của Nhóm yêu nước "Trinh- Trường- Quốc": Họ không phải là một hội liên kết với nhau bằng một tổ chức có điều lệ, kỷ luật, ràng buộc nhau bằng quan điểm và nguyên tắc làm việc thống nhất... Họ chỉ nhất trí với nhau trên lòng yêu nước, rồi nương tựa bảo vệ và giúp đỡ lẫn nhau, thường xuyên trao đổi ý kiến với nhau, nhưng mỗi người vẫn có quyền giữ quan điểm và tự do hành động của mình, nếu có bất đồng họ chỉ đề xuất với nhau những lời "khuyên" chí tình, nhưng không hề có tính chất bắt buộc...

Phan Châu Trinh là con người có cá tính mạnh mẽ, có tự tin cao như ta đã thấy trong *các thư gửi quan ba Caron* đang thẩm vấn ông, *thư gửi Albert Sarraut- Bộ trưởng Thuộc địa* hay *thư gửi Khải Định*... hay như các thư sắp tới gởi từ Castres khi ông phẫn nộ... nhưng đặc biệt ở đây ông khiêm nhường nhìn nhận sự thua sút của mình so với Phan Văn Trường và Nguyễn Ái Quốc. Có thể xác định là ông vẫn thấy chỗ thua sút căn bản của mình về ngoại ngữ, kiến thức... nhưng khi thấy mình có lý thì ông vẫn không chịu thua khi đấu lý...

Đáng chú ý là Phan Châu Trinh không hề bài bác chủ nghĩa Mác-Lênin mà Nguyễn Ái Quốc đã tiếp thu và "tôn thờ". Thậm chí ông còn ca ngợi Cách mạng Tháng 10 "đã được dân Âu Mỹ thần phục", ông chỉ khuyên Nguyễn Ái Quốc đem chủ nghĩa đó về quảng bá trong quốc dân đồng bào, đừng ở nước ngoài mà kêu gọi. Ông khẳng định lòng tin của ông là sớm muộn Nguyễn Ái Quốc cũng về nước hoạt động "cùng với sĩ phu dân chúng ba kỳ mưu đồ đại sự". Chúng ta có một bằng chứng về thiện cảm của Phan Châu Trinh đối với chủ nghĩa Mác-Lênin và con đường của Nguyễn Ái Quốc, thậm chí ông tin chắc là "nếu Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp vận động thì sẽ thành công".

Trong đoạn 11, Phan Châu Trinh nhắc lại một cách giản

lược phương pháp vận động của mình. Thực chất ông mô tả cả một kịch bản từ vận động chính trị tiến đến dùng bạo lực chính trị để lật đổ chính quyền thực dân. Ông nhắc lại: Trong bối cảnh chính trị xã hội bấy giờ (dưới ách thực dân và vua quan) ông thấy cần phải thực hiện các bước như sau: mở đầu là vận động dân chủ (dùng lý thuyết nhân quyền) để nâng cao dân khí (cổ động sĩ khí dân tình). Khi đồng bào giác ngộ quyền lợi sẽ đồng tâm hợp sức đoàn kết nhau (dân tình thức tỉnh, đồng tâm hợp lực) sẽ hình thành tổ chức (kết đoàn hợp xã) tiến đến bạo lực chính trị (kháng thuế cự sưu, tố giác tham nhũng, bất hợp tác từ cái này đến cái nọ), rồi đồng loạt nổi dậy cướp chính quyền (đông tay vỗ nên bộp giành lại lợi quyền).

Đáng chú ý là các bước sau của Phan Châu Trinh không còn ở phạm vi đấu tranh chính trị hợp pháp nữa, một khi đã chuyển sang chủ động hình thành tổ chức rồi kháng thuế cự sưu, bất hợp tác thêm các mặt và bước cuối cùng là nổi dậy cướp chính quyền diễn đạt bằng "dân chúng đông tay vỗ nên bộp mà đoạt lại lợi quyền". Ở đoạn 13 ông khẳng định thêm sức mạnh của phong trào quần chúng. Ông mô tả: "Quần chúng được thức tỉnh sẽ hình thành ngọn thuỷ triều cuồn cuộn dâng lên, sẽ lôi cuốn mất nền đô hộ của thực dân...". Đọc những đoạn này chúng ta có thể liên tưởng đến những ngày Cách mạng tháng Tám khi đồng bào cả nước chớp thời cơ đứng lên giành chính quyền trong tay Pháp, Nhật...

Đoạn cuối thư ông khẳng định quyết tâm vượt mọi trở ngại để về nước, kể cả về Trung Hoa rồi tìm cách về nước. Không phải về để an nghỉ tuổi già như ông đã viết trong các thư gửi Bộ Thuộc địa và Toàn quyền Đông Dương mà để "đem hết nghị lực bình sanh ra thức tỉnh dân khí cả nước đồng lòng hợp sức đạp đổ chế độ thực dân". Và ông đã thực hiện đúng như vậy trong mấy tháng về nước, trước khi qua đời.

Sau khi so sánh triển vọng sáng ngời của Nguyễn Ái Quốc và sự suy giảm của bản thân ông, Phan Châu Trinh khẳng định hy vọng ông sẽ tìm cách về được nước và Nguyễn cũng sẽ về hoạt động và ông tràn trề niềm tin sẽ gặp nhau ở trên đất nước...

Điều đáng ngạc nhiên là qua bao nhiêu thực tế thấy rõ thực dân luôn đàn áp hãm hại người yêu nước (như trường hợp Trần Quý Cáp) mà ông còn nêu "dùng thủ thuật khẩu thuyết vô bằng để tránh bị làm tội người...". Rõ ràng là ông chưa lường được hết "mưu ma chước quỷ" của thực dân, hoặc trong tình thế của ông đây là nước bài cuối cùng... Sự đánh giá thủ đoạn của thực dân của Nguyễn Ái Quốc rõ ràng là thực tế và khôn ngoan hơn. Nhờ vậy mà Nguyễn đã bảo vệ được mình và lực lượng yêu nước, chỉ trở về nước khi có điều kiện bảo đảm an toàn cho lực lượng cách mạng để thực hiện nhiệm vụ "đánh đổ cường quyền áp chế", khôi phục được độc lập dân tộc.

Phan Thị Minh

(Kỷ yếu Toạ đàm 130 năm
ngày sinh Phan Châu Trinh- Tam Kỳ-2002)

THƯ GỬI PHAN VĂN TRƯỜNG(*)

Marseille ngày 23-2-1922

Tiểu dẫn: "Trả lời một thư của Phan Văn Trường, Phan Châu Trinh báo là từ lâu y đã có ý định bỏ nghề chấm sửa ảnh. Và cũng từ lâu y đã có ý định đến ở Trung Hoa ít năm:

"Ngài Khâm sứ Guesde đã cho tôi biết tôi nên đợi ngài Bộ trưởng Thuộc địa(1) đi Mỹ về, đợi Ngài Toàn quyền(3) và các vị quan chức cao cấp sẽ đến thăm Triển lãm Marseille để có ý kiến quyết định của họ thì có lợi hơn.

Nếu không có quyết định gì vào lúc đó thì tôi sẽ được tự do hành động và muốn đi đâu thì đi.

Tôi đã đồng ý với lý lẽ của ông Guesde và ông này đã sắp xếp cho tôi một chỗ làm ở Triển lãm Marseille, việc làm này cho tôi nhận mỗi tháng 650francs.

Tôi ở Marseille đã một tháng rưỡi nhưng tôi chưa làm gì cả. Chỗ làm này chỉ là tạm thời và tôi luôn có nguyện vọng tha thiết muốn trở về nước để tùy hứng có thể đi thăm chơi các nơi và mở rộng hiểu biết.

Anh thử nghĩ đến tình cảm của tôi và xem tôi còn có vui thú gì được nữa không: vợ tôi đã qua đời(3), con trai tôi cũng vậy, tôi không còn tài sản gì nữa, bạn bè thì tứ tán. Tôi không còn lý do nào nữa để viết báo viết sách. Nếu kiếm được khoảng một trăm đồng mỗi tháng thì tôi sẽ đủ ăn tiêu, còn nghề chấm sửa ảnh thì không kiếm được bao nhiêu tiền cả.

Ký tên: Phan Châu Trinh
(Theo Lê Thị Kinh. Sđd)

(*) Qua báo cáo mật của điệp viên Jolin.

(1) Albert Sarraut.

(3) Maurice Long.

(3) Vợ Phan Châu Trinh tên là Lê Thị Tỵ, người gần quê Huỳnh Thúc Kháng kết hôn với ông Phan năm 1896, sinh được một trai và hai gái. Bà mất năm 1915 trong khi ông đang bị giam ở lao La Santé tại Paris

THƯ GỬI HẠ NGHỊ SĨ MOUTET VẬN ĐỘNG ĐĂNG BÀI TRÊN TẠP CHÍ L'OEUVRE

Marseille, ngày 24 tháng 2 năm 1922

Ông Nghị sĩ thân mến.

Trong buổi gặp mặt vừa rồi với ông, tôi đã cho ông hay rằng tôi sắp đi du lịch.

Tuy nhiên, ông Guesde, Tổng ủy Đông Dương tại Hội chợ Triển lãm Thuộc địa, đã giữ tôi lại Marseille. Còn ở lại đây một vài tháng thực hiện một dự định, tôi nghĩ rằng như thế là tốt.

Tờ Petit Journal *ra ngày 23 - 2 có đăng bài báo của ông J.Ajalbert viết về hoàng đế An Nam. Nhân dịp này, tôi có tóm tắt kèm theo đây những ý kiến mà tôi đem trình với ông. Tôi vô cùng cám ơn ông nếu vui lòng can thiệp để bài của tôi được xuất hiện trên một số của tạp chí* L'Oeuvre. *Tôi dám xin ông điều đó và rất mong được toại ý, vì tôi luôn luôn tin vào sự bảo trợ cao cả của ông.*

Nhiều tạp chí của thành phố sẵn sàng đăng bài của tôi nhưng những tạp chí ấy không quan trọng bằng. Tôi sẽ hãnh diện nếu đọc thấy bài của tôi đăng trên tạp chí L'Oeuvre.

Cám ơn ông và trân trọng gởi lời chào bà Moutet và gia đình. Ông nghị sĩ thân mến, xin ông tin tưởng ở lòng tận tụy của tôi.

Phan Châu Trinh

Số 8 Đường Edmond Rostand - Marseille

(*Di cảo* - Gia đình lưu)

THƯ GỬI MOUTET ĐỀ NGHỊ ĐĂNG BÀI BÁO THỨ BA

Marseille, ngày 4 tháng 3 năm 1922

Thưa Ngài Hạ nghĩ sĩ,

Như tôi đã mạn phép báo trước với Ngài, nay tôi gửi kèm theo đây bài báo thứ ba để Ngài cho đăng trên L'Oeuvre. *Tôi tha thiết mong Ngài hết lòng giúp đỡ cho tôi được toại nguyện vì toàn bộ niềm hạnh phúc của tôi là ở đó. Như Ngài sẽ thấy khi đọc bài của tôi: chuyến du hành của Hoàng đế An Nam rất nguy hại cho người An Nam*[1]*. Vì vậy tôi muốn làm cho chính phủ bảo hộ từ bỏ ý định đó. Nếu Ngài có thể giúp tôi sự yểm trợ quý báu của Ngài theo hướng đó, nước An Nam và bản thân tôi sẽ hết sức cảm ơn Ngài Hạ nghị sĩ thân mến, xin Ngài hãy tin tôi.*

Người rất biết ơn Ngài.

Phan Châu Trinh

Số 8 Đường Edmond Rostand - Marseille

Tái bút: Xin Ngài xem xét khả năng thực hiện chất vấn ở Hạ viện theo nội dung thư của tôi.

(*Di cảo* - Gia đình lưu)

---

[1] Bài báo trên với tiêu đề "*Chuyến du hành của Hoàng đế An Nam rất nguy hại cho người An Nam*" đến nay chưa tìm thấy

THƯ GỬI HẠ NGHỊ SĨ MOUTET VẬN ĐỘNG ĐĂNG BÀI VÀ CAN THIỆP TẠI QUỐC HỘI

Marseille, ngày 5 tháng 3 năm 1922

Ông nghị sĩ thân mến.

Nhất định cuối cùng tôi sẽ làm phiền ông vì những bức thư liên tiếp của tôi, nhưng vì tiên đoán một mối nguy sắp xảy ra tại Đông Dương, tôi không thể không làm hết sức mình để ngăn chặn nó lại. Tôi muốn nói chuyến đi sắp tới của hoàng đế An Nam. Chuyến đi đã được quyết định và tôi hay tin rằng ông ta sẽ xuống tàu trong tháng này. Cho phép tôi trình bày với ông hết những lý lẽ vì sao chuyến đi này sẽ là một mối nguy thật sự, những lý lẽ mà tôi chẳng muốn đề cập trong bài báo của tôi về vấn đề này. Trước hết Khải Định bị toàn dân An Nam ghét bỏ. Người ta đưa ông ta lên ngôi vì đó là một kẻ dễ bảo dễ sai! Ông ta là một người xấu xa, hư hỏng: cờ bạc, nghiện ngập, rượu chè, trai gái... khi chưa lên ngôi, ông ta đã nổi tiếng phóng đãng. Thật sỉ nhục cho dân An Nam khi chính phủ thuộc địa đưa ông ta lên địa vị tối cao là vua An Nam!

Đó là những gì liên quan đến tư cách và phẩm hạnh của ông ta. Người An Nam, nhất là những người có học thức và có giáo dục ở Pháp, hoặc đang ở Đông Dương hoặc ở Pháp, sẽ nổi giận chống lại cuộc du hành của một người như thế mà người ta sắp đem giới thiệu với nước Pháp và cả toàn cầu với tư cách là vua của mình!!! Đó là một sự xúc phạm nặng nề của chính quyền thuộc địa đối với lòng tự trọng của người An Nam.

Về phương diện chính trị, đã lâu người An Nam không muốn có vua nữa. Đặc biệt, 20 năm gần đây đã làm thay đổi hoàn toàn tư tưởng của người An Nam. Tôi tin điều đó đã được trình bày đầy

đủ trong bài báo mà tôi mạn phép được gửi đến ông.

Vì mối nguy hiểm chính trị quá gần, quá nặng không thể ngăn được, thưa ông nghị sĩ thân mến, một lần nữa, nhân danh nước An Nam và cá nhân tôi, tôi khẩn khoản xin ông cho đăng tải ngay bài báo tôi viết về chuyến du hành này. Nhưng e rằng ảnh hưởng của nó không làm dừng lại dự định của chuyến du hành và sợ rằng người ta đang thực hiện dự định, tôi xin ông vui lòng can thiệp với Nghị viện.

Thưa ông nghị sĩ thân mến,

Nghĩ rằng có lẽ ông sẽ ban ơn cho dân An Nam, tôi xin chuyển đến ông, ngay bây giờ, lời biết ơn sâu xa của nhân dân tôi. Tôi trông cậy vào sự can thiệp quyết liệt nhất của ông để ngăn ngừa chuyện sẽ xảy ra...

Rất trung thành và biết ơn ông.

Phan Châu Trinh

Số 8 Đường Edmond Rostand - Marseille

(*Di cảo* - Gia đình lưu)

THƯ GỬI GUESDE TỪ CHỐI HAI ĐIỀU KIỆN CỦA BỘ THUỘC ĐỊA(*)

Marseille, ngày 13 tháng 3 năm 1922

Bẩm quan lớn,

Ông Khanh đã cho tôi biết Ngài có trao cho tôi hai điều kiện:

1 - Nếu tôi nhận lời vào làm ở Triển lãm thì tôi phải đến làm việc.

2 - Tôi không được làm gì chống Khải Định khi ông này ở Pháp.

Sau đây là câu trả lời của tôi:

Trong thời điểm hiện nay tôi chưa thể trả lời về hai điều kiện đó. Tôi sẽ xin trả lời Ngài sau khi tôi được gặp Ngài Bộ trưởng Sarraut mà tôi đã viết thư xin được tiếp kiến.

Nếu tôi nhận lời đến đây là vì tôi ngỡ là Ngài có lòng tốt cho tôi một vị trí tạm thời để chờ gặp Ngài Sarraut và đó là điều tôi hết sức cảm tạ Ngài.

Nay kính thư.

Ký tên: Phan Châu Trinh
Số 16 Đường Lafon, Marseille

(*) Thư viết bằng tiếng Việt trao cho viên chức tên là Khanh ở Bộ Thuộc địa được Guesde giao nhiệm vụ đến gặp ông Phan tại Masseille.

- Những tài liệu này lưu trên giấy pelure, không được phép CAOM cho chụp lại. Chúng tôi đã ghi lại nội dung tóm tắt tại chỗ (Ghi chú của Lê Thị Kinh tức Phan Thị Minh).

THƯ GỬI BỘ TRƯỞNG BỘ THUỘC ĐỊA A. SARRAUT, PARIS

Masseille ngày 15-3-1922

Bẩm Ngài Bộ trưởng,

Tôi trân trọng kính xin Ngài vui lòng cho tôi được tiếp kiến vào một thời điểm sớm nhất

Ông Babut cho tôi biết tôi có hy vọng được gặp Ngài sau khi Ngài đi Hội nghị Washington về, vì vậy nhờ lòng đại lượng của Ngài Guesde Tổng đại diện Đông Dương, tôi đã nhận một vị trí tạm thời tại Triển lãm Thuộc địa Marseille để chờ cuộc tiếp kiến ấy, trước khi tôi đi xa trong vòng một tháng[1].

Hơn nữa Ngài Khâm sứ Guesde vừa mới đây đã hỏi tôi một số điều mà tôi chỉ trả lời được sau khi tôi có hân hạnh được gặp Ngài. Và đó là niềm hy vọng duy nhất của tôi lúc này.

Tôi sẽ vô cùng biết ơn nếu Ngài cho tôi được gặp Ngài và đó cũng còn để khỏi phiền Ngài Tổng đại diện Guesde.

Với hy vọng được một đáp ứng thuận lợi, tôi xin Ngài Bộ trưởng nhận sự kính trọng của tôi.

Ký tên: Phan Châu Trinh

16 Đường Lafon - Marseille

(Theo Lê Thị Kinh - Sđd)

---

[1] Theo một phúc thư của Guesde gởi Chánh Văn phòng Bộ Thuộc địa về bức thư 15-3 thì khi Sarraut từ Washington về đã ghé Marseille rồi nhưng Phan Châu Trinh không gặp được. - PTM.

THƯ GỬI CHO BABUT BIẾT QUYẾT ĐỊNH BỎ VIỆC TẠI TRIỂN LÃM THUỘC ĐỊA

Marseille, ngày 18 tháng 3 năm 1922

Ông Babut thân mến,

Tôi cũng thế, tôi rất buồn phiền vì những gì ông buồn phiền vì tôi. Tất cả đều do một sự ngộ nhận giữa chúng ta. Và giờ đây tôi chắc rằng ông đã hiểu không đúng về tôi.

Chắc ông còn nhớ, tôi tưởng đã nói rõ với ông rằng, nếu tôi còn ở lại Pháp là chỉ để chờ hội kiến với quan Thượng thư Sarraut. Vả lại, chính ông đã gợi ý cho tôi như thế và tìm cho tôi một chỗ làm tại Marseille. Tôi đã nhận chỗ làm trong ý hướng duy nhất đó. Tôi nghĩ chẳng cần nói với ông: tôi không phải là một kẻ cùng khổ đi kiếm một việc làm 650 francs để sinh sống. Nếu tôi muốn làm việc thì tôi sẽ làm như tôi đã làm trong bảy năm nay, từ khi chính quyền thuộc địa truất khoản cấp dưỡng cho tôi hằng tháng 300 francs vô nghĩa, nghĩ rằng làm như thế, là sẽ ném tôi ra vỉa hè và buộc tôi phải khuất phục. Tôi đã đến Marseille, lòng tin chắc rằng ông Guesde đã tìm cho tôi một chỗ làm và tán trợ việc tôi chờ đợi để gặp ông Sarraut. Trái với điều tôi nghĩ, tôi nhận thấy ngay từ những ngày đầu mới đến đây, người ta có vẻ nhìn tôi như một kẻ ăn xin khốn khổ bị cái đói rình rập và chẳng biết sỉ nhục. Thật vậy, một thằng tên là Têtard mà ông gọi là "chủ sở của tôi" đã chất vấn tôi một cách thô lỗ và vô lễ, khiến tôi phẫn nộ vô cùng. Suốt mười năm ở Pháp tôi không hề gặp một kẻ đối thoại như thế bao giờ! Vài ngày sau, ông giám đốc kỹ thuật Gourdon chắc tị hiềm vì tôi đã lãnh 650 francs mà chẳng làm gì, đã giả lệnh ông Guesde (vì tôi không tin ông Guesde đã ra lệnh đó) cho tôi là một kẻ cứng đầu cứng cổ mà nói với tôi rằng "ngân khố buộc tôi phải làm việc thì mới trả lương".

Ông Babut thân mến, ông cũng rõ đó là những sự thóa mạ

nhục nhã nhất đối với một người có lòng tự ái như tôi: tôi đã chẳng thèm đến sở. Vâng, tôi không làm nữa, tôi ở đây để chờ hội kiến ông Sarraut. Tôi hiểu và còn hiểu trong nghĩa ấy sự can thiệp của ông và lòng tử tế của ông Guesde. Nếu ông ấy hiểu khác, thì tôi sẵn sàng xin thôi việc và cảm ơn ông ấy đã giúp tôi.

Ông Sarraut chỉ đến Marseille trong mười hai giờ. Tôi không thể gặp ông ấy được. Tôi đã viết thư đến Paris và đang chờ đợi ông ấy trả lời. Vả lại tôi gần như đã bỏ ý định trở về nước. Tôi đã hy vọng ở chính sách của ông Sarraut, đã tin tưởng vào tương lai đồng bào tôi, nhưng từ ngày đến đây, tôi nhận thấy những gì người ta đang thực hiện ở nước tôi đều hoàn toàn trái với sự trông mong của tôi.

Người ta muốn gì, chẳng hạn, khi đưa vua An Nam sang Pháp? Ông Long cho rằng đó là "một sự kiện biểu thị giá trị và ảnh hưởng của Pháp". Một việc khác: tại Hội chợ triển lãm thuộc địa, người ta sẽ đưa ra một toàn cảnh trưng bày hình nhân quan lại An Nam đang quỳ lạy. Phải chăng đó là cách người ta khiến cho hai dân tộc gần nhau? Phải chăng người ta muốn công kênh ông vua mà người An Nam không muốn có nữa? Phải chăng người ta "có lòng" khi đem trưng bày những cái khiến người An Nam phải xấu hổ? Còn biết bao điều nữa, nhưng nói không sao hết trong một bức thư.

Tôi không muốn về nước và cũng chẳng muốn ở lại Pháp nữa, vì ở đây tôi không thể chịu đựng được sự có mặt của Khải Định mà chính quyền thuộc địa sẽ giới thiệu dưới mắt thiên hạ là Hoàng đế An Nam! Tôi rất ngại rằng khi ông ta đến đây, tôi không thể ngăn được mình phát biểu những ý nghĩ chắc chắn sẽ làm mếch lòng ông Sarraut và ông Guesde.

Tuy nhiên, trước khi rời nước Pháp để đến một nơi chưa biết được, tôi sẽ không quên đăng báo Pháp một vài bài chào biệt nước Pháp xinh đẹp này, nước Pháp quảng đại mà tôi yêu mến và sẽ luyến tiếc khi rời xa, bắt buộc phải rời xa!

Ông Babut thân mến, đó là những gì xảy ra. Tôi mong thơ tôi sẽ đến với ông vào ngày thứ hai, trước khi ông hội kiến với ông Guesde như ông mong muốn. Ông hãy tin ở tôi.

Rất tận tụy với ông.

Phan Châu Trinh
Số 16, Đường Lafon, Marseille
(*Di cảo* - Gia đình lưu)

THƯ CHUẨN BỊ SẴN ĐỂ GỞI CÁC BÁO

Marseille, ngày 26 tháng 3 năm 1922

Kính gửi: Chủ bút báo.....Paris

Thưa Ngài chủ bút,

Tôi là Phan Châu Trinh, nhà hoạt động chính trị ở vương quốc An Nam, trú tại Pháp đã 11 năm qua. Say mê chủ nghĩa xã hội, tôi đã luôn đấu tranh chống lại chế độ độc tài chuyên chế hiện nay đang có mặt ở Đông Dương, do các nhà chức trách Pháp cũng như do các quan lại bản xứ thực hiện.

Nhân dịp Triển lãm Thuộc địa, Chính phủ sẽ đưa nhà vua An Nam đến Pháp. Sự kiện ấy chắc chắn sẽ đem lại những hậu quả xấu mà tôi mong muốn trình bày cho công luận ở chính quốc trong hai bài báo.

Xin Ngài chủ bút xem xét có thể cho nó được có mặt trên các cột báo của Ngài hay không?

Ngoài ra, để Ngài có thể làm cho nước Pháp chân chính hiểu được những gì xảy ra ở đất nước chúng tôi, xin Ngài xét xem có thể đăng một loạt bài (khoảng mươi bài) mà tôi sẽ lần lượt gửi đến Ngài trong vòng mười lăm ngày nữa[1].

Trong khi đợi một phúc đáp tích cực, tôi kính mong Ngài chủ bút tiếp nhận, cùng với lời cám ơn trước, tình cảm tốt đẹp của tôi.

Phan Châu Trinh

Số 16 Đường Lafon - Marseille

(*Di cảo* - Gia đình lưu)

---

[1] Các bản thảo về loạt bài này đến nay chưa tìm thấy.

ĐƠN XIN THÔI VIỆC GỬI GUESDE

Marseille, ngày 6 tháng 4 năm 1922

Bẩm Ngài Tổng đại diện,

Một sự hiểu lầm đã làm tôi nhận công việc làm ảnh mà Ngài đã giao cho tôi tại Triển lãm Thuộc địa.

Tuy nhiên sau một thư của ông Babut và sau các điều kiện mà Ngài đã giao cho ông Khanh, thư ký của Ngài, nói với tôi (không được viết về Hoàng đế Khải Định) tôi thấy theo nhiệm vụ và danh dự của tôi, tôi cần phải xin được miễn nhiệm công việc ấy và ngày 3 tháng 4 tôi đã gửi đơn chính thức theo hệ thống chính quyền về việc ấy.

Xin Ngài Tổng đại diện nhận lời chào kính trọng của tôi

Phan Châu Trinh
Hòm thư (Tòa Đốc lý) Marseille
(Theo Lê Thị Kinh - Sđd)

THƯ GỬI NGÀI HẠ NGHỊ SĨ

Marseille, ngày 9 tháng 4 năm 1922

Ngài Hạ nghị sĩ thân mến,

Trong thư Ngài có viết là Ngài gửi trả lại tôi "các bài và các thư của tôi" nhưng trong phong bì chỉ có các bài. Tôi không đòi lại các thư của tôi nhưng tôi không muốn các thư tôi lọt vào tay ai khác ngoài Ngài.

Tôi rất cảm ơn Ngài vì lời khuyên khôn ngoan của Ngài. Nhưng chắc Ngài đã quá rõ là suốt mười năm qua người ta đã luôn làm phiền nhiễu tôi. Và vì đã phải chịu đựng quá rồi nên bây giờ tôi cũng không còn sợ gì phiền nhiễu nữa. Tôi phải làm nghĩa vụ của tôi khi có dịp và dù có bị tai ương gì đi nữa tôi cũng sẽ không ngừng nói lên sự thật.

Với lòng kính trọng tôi xin gửi Ngài Hạ nghị sĩ thân mến lòng chân thành và tận tụy.

Phan Châu Trinh
Ở nhà ông Luật - Nhà máy xay gạo Đông Dương
Số 3 Đường Arméry - Marseille
(Theo Lê Thị Kinh - Sđd)

THƯ THỨ HAI XIN GẶP BỘ TRƯỞNG THUỘC ĐỊA SARRAUT

Marseille, ngày 2 tháng 5 năm 1922

Kính thưa Ngài Bộ trưởng.

Trong khi ghé đến Marseille ông Babut có cho tôi biết là Ngài sẵn lòng tiếp tôi nhưng vì quá nhiều công việc nên chưa làm được.

Tôi rất biết ơn nếu trong tình hình đó Ngài có thể cho tôi được diện kiến trong chuyến đi sắp tới của Ngài đến Marseille. Tôi sẽ rất sung sướng nếu có thể trình bày với Ngài những quan điểm nhỏ mọn của tôi về Đông Dương mà số phận nằm trong tay Ngài và vì lợi ích của đất nước ấy tôi luôn tin tưởng ở sự lãnh đạo cao cả của Ngài.

Rất mong Ngài Bộ trưởng chấp nhận sự kính trọng của tôi.

Ký tên: Phan Châu Trinh
Ở nhà ông Luật - Nhà máy xát gạo Đông Dương
Số 3 Đường Arméry - Marseille
(*Di cảo* - Gia đình lưu)

CUỘC GẶP GỠ PHAN CHÂU TRINH, NGUYỄN VĂN VĨNH, PHẠM QUỲNH TẠI MARSEILLE

(Không thấy ghi ngày gặp)

Mật báo Jolin gửi Guesde ngày 11-5-1922.

Nội dung lời của Nguyễn Văn Vĩnh về cuộc gặp trên:

"Phan Châu Trinh nói muốn lật đổ Nam triều để lập quốc hội nước Nam lãnh đạo đất nước cùng với chính phủ Pháp, không cần có vua nữa, phải làm cho dân Nam hiểu quyền dân và luật pháp để có tự do như dân Pháp. Nguyễn Văn Vĩnh nói: "Ông xa nước lâu ngày, không biết nhiều thay đổi, dân bây giờ không muốn bỏ vua nữa; dân ta đã ở dưới chế độ quân chủ hàng ngàn năm và vua không phải như Louis 14 hay 15, không nên nghĩ đến phế vua. Cần chú ý là trong Hiệp ước quy định là có ngôi vua... bỏ vua thì lợi gì cho dân An Nam? Tôi nghĩ dân Nam chưa đủ khôn để lập quốc hội và phải thấy là dân lớp dưới chưa được chuẩn bị đủ để hoạt động chính trị quốc tế như người Pháp. Chưa đến lúc, phải đợi đã. Phải thấy là ông đã hoài công kêu gọi dân hồi năm 1908, dân trí lúc đó thấp hơn bây giờ nhiều. Lúc đó dân đi theo mà chưa biết đi đến đâu, nay cũng còn chưa chuẩn bị đủ cho các bước đó. Nên cẩn thận và cứ tuân phục cái đã, phải chấp nhận người Pháp khôn ngoan hơn ta để họ đưa ta đến văn minh và giải phóng..."

Phan Châu Trinh nói là: Định nhân cơ hội có nhiều đại diện Đông Dương đến Marseille để trình một đề án của ông.

Hai người Nguyễn Văn Vĩnh và Phạm Quỳnh yêu cầu cho xem trước để coi có thể ủng hộ được không (không nói gì về đề án này).

Jolin chú thích thêm: Vĩnh đáng nghi vì chính y đã nhiều lần nói có ý muốn bỏ vua".

Ngày 29-4-1922, dưới chân thang tàu "Azay Le Rideau" chuẩn bị nhổ neo đi Viễn Đông đã có cuộc thảo luận sôi nổi của 3 người trên, có thêm Hoàng Văn Lũy (gốc Thanh Hóa, vợ người An Biên) là bồi tàu. Nói chuyện hơn 1 giờ, không nghe được nội dung. Tổng đốc Vi Văn Định đứng xa nhìn, chỉ gật đầu chào Vĩnh.

Nhận xét của người sưu tầm: Trong thư Phan Châu Trinh gởi Phan Văn Trường từ Castres ngày 14-4-1923 có nói về một bài thơ Phan Châu Trinh đã viết vì *"có vài đồng bào tự xưng là tiến bộ theo phương Tây đề nghị tôi viết một cái gì để về có thể đăng báo Quốc ngữ. Tôi đã viết bài thơ đó. Nhưng họ cho là lời lẽ quá khích và người Pháp sẽ không cho đăng. Tôi đã chữa và đã chữa nhiều lần nữa. Mặc dù vậy họ vẫn không dám đem về. Tôi chán quá và đã 5-6 tháng nay tôi xếp xó trong một ngăn tủ. Khi viết thư cho Nguyễn Ái Quốc tôi tình cờ nhắc lại, và ông bạn tôi yêu cầu cho xem, tôi chiều ý. Tôi rất rõ là bài đó viết cho người đọc ở bên nước không phải viết cho người ở đây vì không ai biết chữ Quốc ngữ đủ để đọc và để đoán ý nghĩa của bài đó.*

Bài đó nói nhiều về chính sách đề huề và phê phán cả đôi bên, không nương nhẹ bên nào..."

Rõ ràng đây là một phần nội dung thật của cuộc gặp gỡ của Phan Châu Trinh, Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh và nội dung nói với Jolin trong mật báo ngày 11-5-1922 (do ông Vĩnh báo) chỉ nhằm đánh lừa bọn mật thám(*).

(*) *Chú thích thêm*: Chúng tôi có được một số học giả và bạn đọc hỏi về một cuộc gặp gỡ giữa Phan Châu Trinh, Nguyễn Ái Quốc, Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh và Lê Thanh Cảnh tại Marseille hay Paris. Chúng tôi không tìm thấy một tài liệu nào về cuộc gặp gỡ như vậy. Hơn nữa từ cuối 1921 (ngày Phan Châu Trinh đi về Marseille) cho đến 13-6-1923 (ngày Nguyễn Ái Quốc đi Liên Xô) chúng tôi được biết Phan Châu Trinh không về Paris gặp lại Nguyễn Ái Quốc lần nào và Nguyễn cũng không về Marseille gặp Phan Châu Trinh trước khi đi Liên Xô... PTM

Thế nhưng gần đây ở trên tờ báo *Thế kỷ XXI* ra ngày 7-3-1999 có đăng lại *Hồi ký* của Lê Thanh Cảnh nói về sự kiện này, chúng tôi tôi xin in nguyên văn ở *Phụ lục* kèm theo đây NBS.

Phụ lục

THỬ ĐI TÌM MỘT LẬP TRƯỜNG TRANH ĐẤU CHO DÂN TỘC VIỆT NAM
(Hồi ký)

... Nhân dịp các nhân viên Phái đoàn Nam Triều đi dự cuộc triển lãm do Pháp quốc sử địa tổ chức tại Ba Lê, được Hội ấy tặng mỗi người một mề đay vàng.

Ô. Trần Đức nói khẽ vào tai tôi, bảo hai anh em chúng mình mời bốn cụ Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh, Trần Ngọc Thiện, Cao Văn Sến đến chiều hôm ấy dùng cơm tại *Khách Sạn Montparnasse*. Chúng tôi nhân mời thêm cụ Phan Tây Hồ, anh Quốc, vợ chồng Trần Hữu Thường và ông Hồ Đắc Ứng.

Bữa tiệc này tuy chỉ có mười người mà câu chuyện rất mặn mà sôi nổi vì có sự hiện diện của năm nhân vật phi thường ngồi chung lại một bàn.

Năm nhân vật ấy theo năm khuynh hướng chính trị khác nhau mà gặp nhau trong một lúc trên đường tranh đấu xa quê hương, nên trong sự va chạm đó cũng phải nảy lửa đôi chút. Nhưng ông Đức và tôi là chủ mời, muốn giữ mãi hoà khí giữa đồng bào, nên chúng tôi cố gắng hết sức niềm nở và tìm đủ cách để dung hoà các khuynh hướng, thành ra bữa tiệc chánh trị mà mãi mãi sau này mỗi khi chúng tôi gặp lại nhau đều thừa nhận là chúng tôi đã tỏ ra hết sức cởi mở và hiếu hoà.

Ô. Đức và tôi đứng lên nhã nhặn thành kính xin tất cả quan khách- đã gặp nhau đây- có thể cùng nhau tìm một giải pháp cứu quốc và kiến quốc để khỏi mang tội với các vị tiền bối đã vị quốc vong nhân đã qua đời và các vị tiền bối hiện nay còn vất vả bôn ba

ở hải ngoại cũng như còn ở tù trong lao tù.

Tôi xin nói tiếp là tại đây có *năm nhân vật lỗi lạc trên chính trường,* tôi xin nêu danh sách và khuynh hướng để cùng nhau biết rõ lập trường của mỗi chiến sỹ để tranh luận cho có hiệu lực.

Tôi xin thưa qua danh tánh và khuynh hướng chính trị, có chỗ nào sai lầm, xin đương sự làm ơn cải chánh cho cử toạ nghe. Tôi xin thưa:

1. *Cụ Phan Châu Trinh,* đồng chí với tôi. Cụ đã làm quan, bỏ về theo đường cách mệnh. Đi Nhật, về nước bị tù đầy ra Côn Lôn, nhờ Hội Nhân Quyền Pháp can thiệp được trả tự do qua Pháp sống lây lất, gặp chiến tranh không chịu đi đánh giặc bị giam cầm một thời gian. Nay chủ trương:

"Lao tư cộng tác, ỷ Pháp cầu tiến bộ".

2. *Anh Nguyễn Ái Quốc,* trốn ra khỏi nước nhà, qua Pháp, qua Anh rồi trở về Pháp, chủ trương "Cách mệnh triệt để". (Lúc ấy chưa công khai chủ trương Cộng sản vì ở Pháp lúc bấy giờ ông Nguyễn Văn Tạo đã là Phó Chủ tịch Đảng Cộng sản tại Bordeau).

3. *Ô. Kỹ sư Cao Văn Sến,* viết báo bằng Pháp văn, tại Pháp, cực lực phản đối thực dân Pháp ở Đông Dương. Đường lối tranh đấu cho Tổ quốc Việt Nam gần như cụ Phan Tây Hồ và cũng thiên về Đảng Lập Hiến Đông Dương của cụ Bùi Quang Chiêu.

4. *Ô. Phạm Quỳnh,* Chủ nhiệm Tạp Chí *Nam Phong,* chủ trương Quân chủ lập hiến.

5. *Ô. Nguyễn Văn Vĩnh,* chủ nhiệm Báo *Trung Bắc Tân Văn* chủ trương "Trực trị", và kịch liệt phản đối quan lại Nam Triều mà ông không còn tin tưởng được nữa.

Kính xin quí bạn dùng cơm vui vẻ và lần lượt giải thích thảo luận, trình bày những khía cạnh chủ trương của mình mà anh em còn thắc mắc.

Cụ Phan Tây Hồ bắt đầu nói: Tôi đã gặp Nguyễn Ái Quốc từ 10 năm trước đây mà tôi nhận thấy anh chủ trương Cách mệnh triệt để quá táo bạo nên tôi không thể theo anh được, và anh cũng không chấp nhận đường lối của tôi, anh phải đi qua nước Anh rồi về đây. Vừa rồi có ông Cảnh, bạn thân của anh và cũng đồng châu với tôi, có tìm đủ cách để dung hoà đường lối tranh đấu mà mong

muốn cho hai chúng tôi xích lại gần nhau. Nhưng dầu tôi tỏ thiện chí đến đâu, tôi cũng thấy còn khó...

Anh Quốc tiếp lời: Mấy hôm nay anh Cảnh qua đây có tiếp xúc nhiều với tôi và có nói với tôi một câu ước mơ của Cụ Trần Cao Vân: Nếu cuộc khởi nghĩa của Vua Duy Tân thành công thì sau này việc đầu tiên chúng ta sẽ làm là viết chữ Việt Nam không phải là "Tuất" một bên, mà phải viết chữ "Việt" là Phủ Việt, "Rìu Búa", mới kiện toàn được sự nghiệp cách mệnh. Sở dĩ tôi chủ trương Cách mệnh triệt để là xưa nay muốn giành độc lập cho Tổ Quốc và Dân Tộc thì không thể nào ngả tay xin ai được mà phải dùng sức mạnh như cụ Trần Cao Vân đã nói là phải dùng Búa Rìu.

Ô. Nguyễn Văn Vĩnh cướp lời ngay để bênh vực chủ trương của mình mà cũng để giác ngộ anh Quốc- Tôi đã từng đứng trong hàng ngũ Đông Kinh Nghĩa Thục, cùng các bậc tiền bối và rất đau đớn thấy hàng ngũ lần lượt tan rã, và hầu hết phần tử ưu tú chiến sĩ quốc gia bị tiêu diệt: Hết Phong Trào Đông Kinh Nghĩa Thục, Chiến khu Yên Thế của Đề Thám ở Bắc, rồi đến vụ xin thuế ở miền Trung, rồi đến Thiên Địa Hội và Phong trào kháng chiến ở Nam, Phong trào Cần Vương ở Trung, trước sau đều bị phân tán đến nỗi ngày nay tất cả các tổ chức cách mệnh ấy chỉ còn cái tên trong ký ức chúng ta thôi: Bao nhiêu chiến sĩ đều gục ngã hoặc còn vất vưởng sống ở Côn Đảo, Thái Nguyên, Lao Bảo, hay Ban Mê Thuột. Bạo động như anh Quốc nói là thậm nguy! Tôi không muốn khóc anh Quốc bị tiêu mà khuyên anh khôn khéo chèo chống cho qua cơn sóng gió hãi hùng, cẩn trọng hoài bão chí khí và dành nhiệt huyết để phụng sự Tổ Quốc và Dân Tộc. Hiện nay, khó mà được người có can trường đanh sắt như anh. Sở dĩ tôi theo lập trường trực trị (administration directe) là kinh nghiệm cho tôi thấy Nam Kỳ trực trị mà tiến bộ quá xa hơn Trung Bắc. Mà Bắc Kỳ nhờ chế độ mập mờ nửa Bảo hộ nửa trực trị (không công khai) mà còn hơn Trung Kỳ quá xa. Chính thể Bảo Hộ tại Trung Kỳ là quá lạc hậu, đồng bào chúng ta ở đó còn trong tình trạng ngu muội. Cứ trực trị cái đã rồi sau khi được khai hoá theo đà tiến bộ thì tức khắc dân chúng tự có sức mạnh mà trồi đầu lên. Nói trực trị tôi chẳng khi nào chịu giao nước Nam cho Tây đâu. Quá khứ

đường lối tranh đấu của tôi, cuộc đời thiếu thốn của tôi đã hùng hồn bảo đảm cho lời nói của tôi hôm nay.

Ô. Phạm Quỳnh tiếp: Có lẽ ngay giữa tiệc này tôi đã thấy có rất nhiều lập trường tranh đấu chống lại chủ thuyết mà tôi vẫn hoài bão: "Quân chủ lập hiến". Nói đến nền quân chủ thì phần đông tỏ vẻ lo sợ chế độ chuyên chế. Nhưng xin đồng bào trương mắt nhìn hai nước Anh và Nhật. Với nền Quân chủ họ đã văn minh tột mức và dân chủ còn hơn các nền dân chủ cộng hoà khác nhiều lắm. Họ có thể đứng vào hàng đàn anh trên hoàn cầu. Đây tôi chủ trương là "Quân chủ lập hiến". Vua chẳng còn quyền hành gì trong tay mà chuyên chế được. Vua chỉ là người đứng lên "thừa hành" bản hiến pháp mà chính nhân dân toàn quốc được triệu tập dự thảo và quyết định. Như thế chúng ta có một chế độ trường cửu do ý dân tự tạo cho mình. Chớ như chế độ Cộng hoà và Dân chủ thì sợ mỗi khi sau bốn năm, có thay đổi Tổng thống thì thay đổi tất cả, làm cho guồng máy hành chánh trong nước phải bị xáo trộn trầm trọng.

Từ ngày tôi sáng lập Tạp chí *Nam Phong* đến nay tôi có nhiều dịp đi đó đây tiếp xúc rất đông đồng bào ba Kỳ thì phần đông- mà xin quả quyết là đại đa số- đều nhiệt liệt tán thành chế độ quân chủ lập hiến. Người Nam cũng niềm nở hưởng ứng vì thấy đó là đường lối duy nhất để thống nhất lãnh thổ và dân tộc từ mũi Cà Mau đến ải Nam Quan.

Ô. Phạm Quỳnh vừa dứt lời thì tôi ngó qua Ô. Kỹ sư Cao Văn Sến. Biết là đến phiên biện giải, ông Sến tiếp lời ngay để nói đường lối đấu tranh của mình:

- Thú thật, tôi tiêm nhiễm sâu xa văn hoá Pháp và cũng nhận thấy văn hoá này có thể giúp cho dân tộc ta tiến lên đài văn minh tiến bộ như mọi dân tộc khác trên hoàn cầu. Tôi thấy họ văn minh thật sự về mọi mặt. Nhưng từ ngày tôi ở đây, luôn luôn chống đối chính phủ Đông Dương, vì tôi nhận thấy cũng là người Pháp, mà mỗi khi bước chân xuống tầu qua Đông Dương, thì bắt đầu có trong khối óc họ những chủ trương thực dân hà chánh tàn khốc, mà tôi không thể chấp nhận được cho đồng bào cả ba Kỳ, mặc dầu ở Nam Kỳ, dân khí đã tiến bộ khá mạnh, người Pháp chẳng dám ăn hiếp như ở hai Kỳ kia. Vì thế tôi nhờ tài liệu nước

nhà mà anh em thuỷ thủ hàng hải thường thường vui lòng cung cấp cho tôi dùng làm hào luỹ để chống đối chế độ thực dân ở Đông Dương. Tôi thành thực thưa rằng tôi chưa có một chủ thuyết rõ rệt như bốn ông vừa giải thích rành mạch. Tôi chỉ có thái độ chống bọn thực dân xấu xa bỉ ổi.

Ô. Cao Văn Sến được cử toạ nhiệt liệt hoan hô, vì ông khiêm nhượng không dám đưa ra một chủ thuyết gì mới mà chỉ nói lên lời nói chân thành của con tim người dân yêu nước, yêu đồng bào.

Nhận thấy năm diễn giả đã nói lên lập trường của mình và ai cũng biện minh chủ thuyết mình là đúng là hay, tôi muốn dung hoà tìm cách đúc kết làm sao mà sau khi ai về nhà nấy ai cũng sẽ có một hệ thống gì để lại sau lưng chúng ta khả dĩ tiếp tục tranh đấu đến thắng lợi. Lời nói thì hay, nhưng để như vậy ra về, thì thiếu thống nhất cho đường lối tranh đấu về tương lai.

Tôi khẩn khoản xin Quý Cụ là bậc tiền bối nên thảo luận ngay một kế hoạch hay hệ thống nào để làm việc cho có hiệu quả về sau.

Anh Quốc nóng nẩy bảo ngay: Thì xin chú nói ngay ý kiến chú ra.

Tôi tiếp lời: Cũng như anh đã trả lời cho Cụ Phan mấy hôm trước đây, tôi muốn nghe ngóng tất cả để sau này áp dụng một chủ nghĩa thực tiễn, lấy Văn hoá Việt Nam làm gốc. Có thế mới hợp với tính tình Dân tộc Việt Nam: Hành động gì bây giờ là thất bại ngay, mà cũng như Cụ Phan Tây Hồ đã trịnh trọng cảnh cáo hai anh em chúng tôi mấy kỳ gặp gỡ trước đây, mà tôi rất bái phục:

"Vô bạo động, bạo động tắc tử; vô vọng ngoại, vọng ngoại tắc ngu. Dư hữu nhất ngôn dĩ cáo ngô đồng bào. Viết: Bất như Học".

Anh Quốc quát to tiếng: "Nầy cụ Tây Hồ, nếu Cụ qua làm Toàn quyền Đông Dương thay mặt thực dân cũng chỉ nói như thế thôi. Bó tay mà chịu lầm than sao? Không được!"

Tôi sợ anh Quốc đi quá trớn, đứng lên thưa, ôn hoà: "Tôi xin anh suy nghĩ thêm về lời khuyên của Cụ Tây Hồ. Nếu chúng ta khôn khéo thì "bất chiến tự nhiên thành".

Anh Quốc lại quát lớn: "Lại thêm chú này nữa kìa!"

Tôi được dịp kịch liệt bác bỏ luận điệu anh Quốc và bênh vực chủ thuyết của Cụ Tây Hồ:

Tôi có đọc và rất chú ý đến mấy lời kết luận một bài diễn văn của Tổng trưởng Thuộc địa Albert Sarraut vừa đọc tại Trường Cao học Thuộc địa như thế này: "Chúng ta nên thành thực khai hoá thuộc địa mênh mông của chúng ta khắp năm châu. Biết đâu một ngày nào đó chẳng xa, sau khi được khai hoá tiến bộ đến mức, các dân tộc này sẽ trỗi dậy, dõng mãnh như làn sóng thối hậu (vagues de ressac: sic) và sẽ là sức mạnh vô biên cho toàn thể Liên Hiệp Pháp với dân số trăm triệu!" Xin anh Quốc hiểu cho, đó là thâm ý của tôi nói mấy chữ "bất chiến tự nhiên thành". Nhưng chúng ta phải nghe lời tiền bối như Cụ Phan Tây Hồ, bắt đầu Học và hăng hái Học.

Anh Quốc không chịu và nói chớ nghe bọn nó ru ngủ chúng ta, mà bỏ lỡ công cuộc tranh đấu cho Tổ quốc, ngồi chờ "làn sóng thối hậu" thì ngớ ngẩn quá, chớ nghe chúng phỉnh!

Tôi không chịu nhượng bộ, vội vã tiếp:

Xin anh Quốc hãy quay lại lịch sử nhân loại mà suy gẫm câu nói chí lý của nhà văn hào La Mã Horace, gần hai nghìn năm nay, như thế này: "Hy Lạp bại trận dưới gót giầy xâm lăng của La Mã, bị văn hoá La Mã tràn ngập! Nhưng Hy Lạp đã khôn khéo tiêu hoá nền văn minh kia, để bồi dưỡng văn hoá truyền thống của mình, rồi nhờ đó, chiến thắng lại kẻ đã đánh bại mình trước kia và đem văn hoá phối hợp của mình đi chinh phục và khai hoá lại La Mã".

Xin anh Quốc nên suy gẫm rằng "bánh xe lịch sử" sẽ tiếp tục lăn tròn và đến ngày dân tộc Việt Nam ùa theo "làn sóng thối hậu" mà vùng dậy thì chẳng còn sức mạnh nào ngăn chặn nổi. Tôi đặt nhiều hy vọng vào tương lai Dân tộc Việt Nam vì sức mạnh vô biên của Văn hoá Việt Nam có những "bí quyết tồn chủng" mà dân tộc khác không nghĩ đến.

Cử toạ nghe lời tôi biện bạch xác đáng là cứ ôn hoà chờ đợi thời cơ thuận tiện để tranh đấu.

Thấy anh Quốc chưa hoàn toàn chịu phục, tôi nói thêm về lịch sử Trung Hoa: "Hán Sở tranh hùng" mà nhấn mạnh rằng: Cái thắng lợi cuối cùng không phải về cho kẻ mạnh, mà kẻ yếu biết

khôn khéo dùng "thế" và "cơ" để thắng cuộc. Lúc bấy giờ ai mạnh cho bằng Hạng Võ, ai yếu cho bằng Lưu Bang. Nhưng Lưu Bang rút lui về Hán Quốc, là nơi khỉ ho cò gáy, để tìm cho kỳ được cái thế (vì có thế là cái bàn đạp thì dễ dàng xeo nổi quả địa cầu kia mà), rồi sau khi ngồi trên "thế" sẽ dùng đến "cơ" mà đánh bẹp Hạng Võ phải tự ải ở Ô Giang!

Làm chính trị phải suy luận chín chắn bài học lịch sử. Tôi khẩn khoản xin anh nghe lời Cụ Tây Hồ. Cử toạ đồng thanh cho tôi nói đúng lý, và ngỏ lời cùng ông. Đức và tôi rất cảm kích về bữa tiệc hôm ấy.

Trước khi chia tay, tôi còn khẩn khoản thưa cùng Quý khách đôi lời đã đúc kết cuộc thảo luận hôm nay bằng lời quả quyết rằng: Bất cứ chánh sách gì cho Tổ quốc Việt Nam ngày mai, mà không dựa vào nền tảng Văn hoá và Văn hiến nghìn xưa của dân tộc sẽ bị thảm hại. Vì dân ta đã thâm căn cố đế tiêm nhiễm sâu sắc với những tập quán cha truyền con nối bằng một tinh thần cố hữu đã được đơm hoa kết quả tốt đẹp qua bao cuộc thăng trầm.

Các Cụ cho là phải, lần lượt bắt tay tôi siết thật mạnh tỏ vẻ tán thưởng tấm nhiệt thành của tôi.

Phần đông quan khách hôm ấy đều có xe, nhiều người đổ xô ra mời Cụ Phan và anh Quốc lên xe để họ đưa về. Nhưng anh Quốc rỉ tai cùng tôi, bảo: Chú đưa mình về, vì mình không muốn ai biết cái nghèo của mình.

LÊ THANH CẢNH

(Theo *Thế kỷ 21*, in lại ngày 7/3/99)

THƯ GỬI SARRAUT

Marseille, ngày 8-6-1922

Thưa Ngài Bộ trưởng,

Không được phúc đáp thư tôi gửi ngày 24-5, hôm qua tôi đã đến gặp ông Khâm sứ Guesde để tìm hiểu về sự việc của tôi. Ông này đã cho biết là Ngài đã ủy thác cho ông ta trao cho tôi số tiền 500 francs mà không có giải thích gì cả. Tôi nghĩ mình không có quyền nhận vì những lý do sau đây mà tôi đã trực tiếp nói thẳng với ông Guesde:

1. Nếu 500francs đó là của Ngài, tôi rất cảm động vì cử chỉ rộng rãi của Ngài và xin chân thành cảm ơn Ngài. Nhưng liệu tôi có nên sống ỷ lại vào túi tiền của Ngài hay không?

2. Nếu đó là một khoản lấy từ ngân sách Đông Dương (tôi không tin là như thế) thì tôi không ngờ lại là bị đối xử như thế và tôi rất phiền lòng về điều đó.

Theo lời khuyên của ông Guesde, tôi xin gởi Ngài thư có tính cách hoàn toàn riêng tư này để làm rõ thư trước của tôi.

Trong lần gặp nhau cuối cùng ở Marseille[1]*, Ngài đã rất khích lệ tôi bằng cách cho thấy là Ngài vẫn tiếp tục đối với nước tôi đường lối rộng rãi đã hứa và trong việc thực hiện dự án của Ngài, tôi có thể có ích cho Ngài. Chỉ vì hy vọng duy nhất đó mà tôi*

---

[1] Saraut đã tiếp Phan Châu Trinh ngày 20-5-1922 để tìm cách xoa dịu ông, nhằm ngăn chặn hành động của ông về Khải Định: Sarraut hết sức hứa hẹn sẽ thực hiện nhiều cải cách, hứa cho Phan Châu Trinh về nước tham gia dự án cải cách của Sarraut, hứa trợ cấp trong khi chờ đợi... Phan Châu Trinh đã viết thư ngày 24-5 nhắc lại các điều hứa hẹn nhưng Sarraut lờ đi không trả lời mà chỉ gởi Guesde biếu ông 500 francs.

còn nán lại ở Pháp (chính Ngài đã khuyên tôi như vậy) và nhịn nhục giữ một vai trò thụ động. Tôi nghĩ rằng trong hoàn cảnh chờ đợi thì cả chính phủ lẫn Ngài không thể thản nhiên để tôi sống lay lắt bằng cách tự xoay xở như đã làm 8 năm qua. Vì vậy mà tôi đã yêu cầu có một khoản trợ cấp hàng tháng, không phải như là một khoản ưu đãi mà là một sự đối xử công bằng đối với tôi, để tôi có thể sống đàng hoàng cho đến khi về nước theo thỏa thuận với Ngài.

Khoản trợ cấp hàng tháng thực sự giúp tôi phải từ 1000francs trở lên. Nếu phải chữa bệnh nữa thì phải khoảng 2000francs mỗi tháng.

Trước khi chấm dứt thư này tôi cần phải nói rõ là với bất cứ ai ngoài Ngài, tôi không bao giờ đưa ra một yêu cầu như vậy.

Tôi biết là chỉ có Ngài mới có thể dành cho tôi một sự đáp ứng thuận lợi vì Ngài biết tôi rất rõ.

Người tôi tớ tương lai của Ngài
Ký tên: Phan Châu Trinh
Tại nhà ông Luật - Xưởng xát gạo Đông Dương
Số 5 Đường Armény - Marseille

Tái bút: tôi sẽ rất biết ơn nếu Ngài chịu khó cho biết gấp Ngài nghĩ sao về yêu cầu của tôi[1].

Bản sao kèm theo: Phiếu gởi số 424 SR Paris.

(Theo Lê Thị Kinh - Sđd)

[1] Thư này Phan Châu Trinh viết trong lúc đang chuẩn bị thư gửi Khải Định. Ông biết sẽ không được giải quyết gì nhưng cứ viết để "nắn gân" Sarraut. PTM

THƯ PHAN CHÂU TRINH TRẢ LỜI ULYSSE LERICHE[1]

Ngày 30 - 6 – 1922

Đồng chí thân mến.

Tôi đã nhận được thư của đồng chí hôm 21 vừa qua. Nội dung thư không làm tôi ngạc nhiên và tôi chắc là đồng chí có lý.

Tôi đồng ý bài "Thuốc đau mắt cho Hoàng Đế An Nam" mà tôi gửi cho đồng chí để đăng báo L'Humanité thật ra không quan trọng. Bài này đã được một đồng bào của tôi dịch mà tôi chưa ký tên.

Sau đây, tôi trình bày lý do tại sao tôi tìm hiểu về đồng chí:

- Khi biết đồng chí là một Giám đốc Le MéKong và là một chính khách có tên tuổi, tôi muốn lợi dụng sự kiện này để được trình bày với đồng chí ý kiến của tôi về hoàn cảnh chính trị Đông Dương.

- Cái hài kịch là bao giờ cũng mất công vì nó. Người có thể tin cậy và dịch rõ những ý tưởng của tôi sang Pháp văn hiện nay đang bận việc.

Tôi sẽ gửi đến đồng chí một lá thư dài để đồng chí rõ tôi có thay đổi chính kiến hay không?

Mặc dầu tôi ở ngoài Đảng, nhưng tôi luôn luôn đồng ý và tôn trọng những châm ngôn (maximes) của Đảng rất hợp lý, quảng đại và nhân đạo. Tôi không mua báo L'Humanité dài hạn, nhưng tôi vẫn là độc giả trung thành của những tin tức và ý kiến rất tuyệt của báo.

Mong được thư của đồng chí gần đây, xin chào...

Phan Châu Trinh

(Theo Nguyễn Q. Thắng. Nxb Văn Học - Hà Nội - 1992 - sđd tr.183-184)

---

[1] Bức thư này, trong sách của Nguyễn Q. Thắng không thấy ghi rõ xuất xứ ?!

THƯ THẤT ĐIỀU

(Việt Nam quốc dân Phan Châu Trinh ký thư
Việt Nam đương kim Hoàng đế)

Tôi sinh gặp lúc: trong thì nước nhà nghiêng ngập, ngoài thì các nước đua tranh lên đường tấn bộ. Tôi là người yêu bình dân chủ nghĩa[1], ghét chuyên chế quân quyền; đau đớn vì quan lại tham lam, thương xót vì dân sinh khốn khó. Vậy nên tôi sẵn lòng liều cả thân mạng tôi, ra gánh vác việc đời, trông mong có cứu lại cuộc hiểm nghèo được chút nào chăng!

Năm 1906, tôi đã dâng thơ cho các quan lớn Chánh phủ bảo hộ[2], hết sức kêu ca, trước thì bày tỏ tình khổ sở của dân An Nam, sau thì xin thay đổi theo lối các nước văn minh trong thời bây giờ. Những việc tôi đã đề xướng trong lúc bấy giờ, đều là sự cần kíp, thiết thời cả: như lập trường dạy tiếng Tây và chữ quốc ngữ, bày ra hội thương, hội nông để giành lại quyền lợi cho người mình, và thay đổi cách ăn mặc theo cách Âu tây, vân vân. Những việc đó tôi làm trước tai mắt người thiên hạ, rõ ràng như ban ngày, vậy thì có tội lỗi gì không? Thế mà triều đình nước ta, từ trên đến dưới, cứ khư khư cố giữ lấy thói chuyên chế cũ để hà hiếp dân ngu, cướp lấy lợi riêng cho mình; ghét việc thay đổi như cừu thù, coi nhân dân như rơm rác, tìm cớ bớt việc, phá phách đủ đàng, làm cho lòng dân ai ai cũng tức giận, để mà giết hại những kẻ thông minh lương thiện trong nước. Sự chống sưu thuế không công bình xảy ra khắp cả 12 tỉnh Trung Kỳ năm 1908, thì dân và thân sĩ bị giết và bị tù kể hơn mấy ngàn người, đau lòng thảm dạ biết là bao nhiêu!

---

[1] *Yêu bình dân chủ nghĩa*: Di cảo chữ Hán chép: "mộ dân chủ chi văn minh".

[2] Tức *Thư gửi Chính phủ Pháp* (Đầu Pháp chính phủ thư).

Gặp dịp như thế, một người như tôi, có thể nào mà họ chịu bỏ lòng: phao cho việc này, buộc vào cớ kia, trước thì án xử tử, sau đổi lại đày Côn Lôn.

Khốn nạn thay! Người ta bị nước Pha Lang Sa bảo hộ đến ngày đó đã gần 30, 40 năm rồi, những sự hủ bại vẫn không thay đổi, cách văn minh chẳng hề bắt chước, mà cái nọc độc chuyên chế ức hiếp vẫn còn gớm ghiếc như thế. Vậy thì cái văn minh của nước bảo hộ không ích chi cho nước bị bảo hộ, mà nước bị bảo hộ cũng không nhờ gì được sự khai hóa của nước bảo hộ, lạ quá! Sự đó trong đời này vẫn cũng là ít thấy vậy!

Nếu tôi không nhờ được cái lòng công bình của mấy người Pha Lang Sa thì tôi còn đâu đến ngày nay. Tôi mà sống đến nay, cũng là nhờ cái văn minh thực của người Tây vậy[1].

Năm 1910, được khỏi tù, năm 1911 tôi được qua Tây để xem xét cái học thuật văn minh Âu châu. Đã 12 năm, tôi ăn nằm trên cái mảnh[2] đất dân chủ, hớp cái hơi không khí tự do, nhờ vậy mà tôi hiểu được lẽ chánh trong thế giới, phần nghĩa vụ của quốc dân, và cũng biết chắc được cái mục đích của nước nhà nên thay đổi lại thế nào. Chúng ta bây giờ cần phải đánh thức nhau dậy, chúng ta phải đồng lòng hiệp sức mà chống cự với những lũ vua dữ quan nhơ, chúng ta phải phá nó cho tan, đạp nó cho đổ, chúng ta lại lấp tận nguồn, cắt tận rễ, làm cho tiệt hẳn cả cái sức ma quỷ chuyên chế nó đã ám ảnh chúng ta mấy ngàn năm nay; nếu mà không làm như thế thì không bao giờ trông thấy ánh sáng mặt trời mặt trăng nữa!

Ấy là cái chú ý và mục đích của tôi đấy.

*

* *

Vậy mà nay tôi nghe Bệ hạ lên ngôi đến giờ[3], có làm được điều ích lợi cho dân không? Không, chỉ nghe có những điều: kiêu căng, dâm dục, trái luân lí, nghịch phép tắc; quyền vua muốn tôn sùng, thưởng phạt mất cả công chính; hút cái máu mủ của dân nghèo, trau cái xác thịt cho sung sướng; ngược cái văn minh của

---

[1] *Nc*: "Nhờ có Hội Ligue des Droits de l'Homme: Hội nhân quyền".

[2] *Cái mảnh*: Tác giả viết "cái mưởng".

[3] *Bệ hạ lên ngôi đến giờ* : Di cảo chữ Hán chép: "Bệ hạ tại vị thất niên" (Bệ hạ lên ngôi đã 7 năm).

thế giới, ngăn đàng tấn bộ của quốc dân; nết xấu tính hư, chứa chan đầy dẫy, không sao mà nói cho xiết được.

Theo luật hiến pháp các nước văn minh trong đời bây giờ, vua nào trái phép, dân có quyền cứ luật mà bắt tội. Tuy ngày nay dân quyền nước Nam còn bị đè nén, hiến pháp còn chưa thành lập[1], song cứ theo lẽ công bình chung trong đời nay, Bệ hạ không sao mà gỡ tội với dân chúng tôi được.

Nay tôi trích ra bảy việc quan hệ thứ nhất đến dân đến nước chúng tôi, bảy việc đó là bảy tội của Bệ hạ, tôi sẽ xét đoán bắt buộc như sau này, khi Bệ hạ được thư này, thì Bệ hạ phải tự xử lấy.

I. TỘI TÔN QUÂN QUYỀN

Sau khi Bệ hạ lên ngôi, thường ra những chiếu dụ ép dân phải tôn quân quyền, là lẽ gì vậy? Bệ hạ thường nói, nước ta xưa nay vẫn sùng nho giáo. Nho giáo còn ai lớn hơn ông Khổng, ông Mạnh?Xưa vua Định Công hỏi đức Khổng Tử rằng: "Có câu nói gì vua nói ra, mà làm cho nước được thạnh vượng không?" Đức Khổng Tử rằng: "Có, làm vua khó lắm, mà làm tôi cũng không dễ". Lại nói: "Vậy thì có câu gì vua nói ra mà làm cho mất nước không?" Đức Khổng Tử rằng: "Có, ta không vui chi sự làm vui, ta chỉ vui sao cho những lời ta nói ra, không ai dám cãi lại". Thầy Mạnh Tử rằng: "Trong nước dân là quý nhứt, đất cát và vật sản thứ nhì, còn vua là khinh". Lại nói rằng: "Có ở cho được lòng người cùng dân, mới đáng làm ngôi thiên tử"[2]. Còn biết bao nhiêu là lời nói khác nữa, cũng toàn là một ý ấy cả. Bệ hạ xem lại trong năm Kinh và bốn Truyện, xem có câu nào là tôn quân quyền không? Bởi vì, nước nào ngôi mình mà ở trên một muôn người, thì

---

[1] *Tuy ngày nay... còn chưa thành lập*: Về câu này, *di cảo* chữ Hán chép: "Tuy ngã quốc kim nhật dân quyền vị thân, hiến pháp bất lập, quân chủ tư độc tài chí chính thể, nhân dân vô nghị luận chi tự do..." (Tuy ngày nay dân quyền nước ta đang bị đè nén, hiến pháp còn chưa thành lập, nhà vua nghĩ đến chính thể độc tài, nhân dân không có tự do nghị luận). Tác giả bỏ hai vế sau không dịch.

[2] Về mấy câu dẫn lời Khổng Tử trên đây, nguyên tác viết rất vắn tắt, cô đọng, do đó rất khó dịch. Ở đây, tác giả thêm vào nhiều "râu ria", nên câu văn rõ ràng, dễ hiểu hơn nguyên tác nhiều.

lòng khiêm nhượng phải ở dưới cả muôn người, ấy là cái tinh thần của nho giáo vậy; nếu người nào hãnh hãnh tự đắc, cậy quyền thế mà ép dân, rằng: "Chúng bây phải tôn ta, phải sợ ta" thì người ấy chẳng khác chi tìm đàng tự vẫn vậy.

Xưa vua Kiệt rằng: "Ta làm vua trong nước này, như mặt trời soi trên trái đất, mặt trời mất ta mới mất". Dân thì trả lời rằng: "Mặt trời kia sao mầy không mất? Chúng ta sẵn lòng chết với mầy, mà làm cho mày mất". Vua Trụ rằng: "Mạng ta sinh ở Trời, chứ chẳng ở dân". Dân trả lời rằng: "Trời là dân, Trời xem là dân ta xem, Trời nghe là dân ta nghe".

Rốt cuộc lại, vua Kiệt thì đầy ra nội Nam Sào, vua Trụ thì đầu treo cờ Thái Bạch.

Ấy là những cái gương của các ông vua tôn quân quyền đó. Về sự đó, đức Khổng Tử rằng: "Vua Thang đày ông Kiệt, vua Võ giết ông Trụ, là hợp theo lẽ Trời, mà thuận theo lòng người". Thầy Mạnh Tử rằng: "Nghe giết một người tàn bạo là tên Trụ, chớ chẳng phải là giết vua".

Đấy mới thực là nho giáo đấy, sách vở sờ sờ đấy, đều ghi lại từ tay đức Khổng, thầy Mạnh cả, có phải tôi bày đặt ra tôi tự dối tôi, mà phỉnh cả người ta đâu?

Những chỉ dụ tôn quân quyền của Bệ hạ, có khác gì cái chiến thơ với nho giáo không? Xưa nay có vua nào nghịch với quốc giáo mà còn được làm vua lâu dài đâu?

Còn theo các học thuyết châu Âu[1] mà nói, sao gọi là nước? Là hiệp dân lại mà thành nước; sao gọi là triều đình? Là những người được uỷ quyền cho, phải thuận theo ý muốn của dân mà làm những việc lợi dân ích quốc.

Ông vua hay là ông Giám quốc, chẳng qua là người thay mặt cho một nước, cũng như một người tổng lý thay mặt cho một hiệu công ty mà thôi[2]. Ai đã chịu cái trách nhậm ấy, đã được hưởng cái lợi quyền, thì phải làm cho hết cái bổn phận mình đối với dân, đối với nước; nếu không thế, thì cũng phải bị phạt, bị tội như mọi

---

[1] *Học thuyết châu Âu*: *Di cảo* chữ Hán chép "Dĩ *Âu châu* học thuyết quan chi"

[2] Học *Người tổng lý... một hiệu công ty mà thôi*: *Di cảo* chữ Hán chép "do hương thôn chi hữu trưởng nhi" (như ở hương thôn có người đứng đầu). Ở đây, dịch giả thay đổi hình tượng trong ví dụ cho được thích đáng hơn.

người vậy.

Ấy, tự do, bình đẳng, là nghĩa thế, mà các nước văn minh thì nay phải đặt ra quan Nội các tổng trưởng[3] để thay quyền vua hay Giám quốc để chịu lỗi với dân là thế.

Nếu có ông vua hay là ông Giám quốc nào chiếm nước của dân làm của riêng mình, thì dân buộc tội cũng chẳng khác gì tội ăn trộm ăn cướp; hay là nếu cậy quyền mạnh hành hà dân làm tôi mọi, thì buộc tội cũng như đứa bạn nghịch[1].

Cái lẽ ấy, đương thời bây giờ nó sáng quắc như ban ngày, ai ai cũng rõ. Phàm những dân các nước văn minh, đều coi lẽ ấy như nước, lửa, lúa, gạo, thờ lẽ ấy như trời đất thần linh; dân nào thuận lẽ ấy thì được thạnh vượng phú cường, dân nào trái lẽ ấy thì phải sút sa hèn hạ.

Xưa vua nước Pháp là Louis XIV[2] nói rằng: "Nước là ta", dân Pháp cho là lời nói đại nghịch vô đạo; đến nay người Pháp làm sách chép đến câu đó cũng còn chưa nguôi lòng giận. Cái ý đó có khác gì với nghĩa nho giáo nước ta đâu.

Đức Khổng Tử nói: "Ông vua nào muốn cái sự ghét của dân, mà lại ghét sự muốn của dân, thì tai hại ắt đến ngay cho mình". Lại nói rằng: "Mọi rợ nó có vua, chẳng bằng những nước văn minh nó không có là hơn". Ông Mạnh Tử nói: "Nước là nước của nước, chớ không phải của vua"[3].

Nay Bệ hạ sinh để trong nước nho giáo, và làm vua trong thời bây giờ là thời thế kỷ 20, mà nước ta lại đứng dưới quyền nước Pháp bảo hộ, mà Bệ hạ lại dám tôn mình như thần thánh,

---

[1] *Nc*: "Tức là tể tướng".

[2] *Bạn nghịch*: Làm phản, chống lại.

[3] *Louis XIV* : Đọc là Lu-y thứ mười bốn. Nguyên tác chữ Hán lại viết "Lộ Dịch đệ thập ngũ" (Lu-y thứ mười lăm). Louis XIV mới là ông vua độc tài.

[4] *Ông Mạnh Tử nói*: "*Nước... không phải của vua*": *Di cảo* chữ Hán chép: "Mạnh Tử viết: "Thiên hạ giả, thiên hạ chi thiên hạ". Hựu viết: "Dân quý quân khinh". Trang Tử viết: "Đạo câu giả tru, đạo quốc giả hầu" vân vân giai thử ý *đã*". (*Ông Mạnh Tử nói:* "Nước là nước của nước, chớ không phải của vua" lại nói: "Dân là quý vua là khinh". Ông Trang Tử nói: "Kẻ ăn trộm cái móc, thì bị giết, kẻ ăn trộm một nước thì làm vua" vân vân, đều là ý ấy cả). Tác giả chỉ dịch câu đầu, bỏ các câu sau.

nghênh ngang trên đầu dân[4]. Vậy thì chẳng những dân An Nam không thể dung được Bệ hạ, mà dân nước Pháp cũng lại càng khinh rẻ Bệ hạ nữa.

Nay chúng ta lại thử ghé mắt xem qua tình thế Âu - Á. Nhật Bổn là nước đồng chữ, đồng giống với nước ta. Bốn mươi năm trước, họ đã lập ra hiến pháp, cho dân được bầu cử nghị viện; việc chánh trị trong nước theo công ý của dân, chớ vua không được tự chuyên cả; vì thế nên nước họ được cường thạnh, nay đã đứng đầu trong Á Đông; thế mà dân họ vẫn hiềm quyền vua còn lớn quá. Vua Minh Trị là vua có danh tiếng công đức của Nhật Bổn, mà cuối năm hiệu Minh Trị, ông ta còn bị cái hiềm thích khách; mà năm mới rồi đây, quan tể tướng Nhật Bổn[1] bị giết trong ga xe lửa cũng vì cớ ấy.

Nước Tàu là nước mẹ văn minh hơn nước ta, trong năm 1912, họ cũng đã đuổi vua đi để lập nên nước dân chủ.

Còn như Âu châu, quyền vua còn có ai lớn hơn hoàng đế nước Nga, thứ nữa thì hoàng đế nước Đức và hoàng đế nước Áo[2]? Trong trận chiến bại vừa rồi, vua Nga là Nicolas II[3] và cả nhà đều bị giết một cách rất thảm hại; vua Guillaume II[4] phải trốn qua Hà Lan mới khỏi chết; vua Áo Charles I[5], hai lần trốn về để mưu khôi phục ngôi vua, dân nước Áo[6] họ chống cự lại và đuổi đi như đuổi gà; rốt cuộc lại bị đày chết ngoài một hòn cù lao.

Những ông vua tôi đã kể trên đó, đều là những người anh kiệt và trí họ cũng biết biết đủ mọi việc trong thế giới, tuy họ đối với dân có một hai việc tự chuyên, song cũng có lắm việc làm có

---

[1] *Nay Bệ hạ... nghênh ngang trên đầu dân*: Sau câu này, di cảo chữ Hán còn có câu: "Ninh bội Khổng Mạnh chi giáo nghĩa, ân nghịch thế giới chi văn minh?" (Tại sao lại trái với giáo nghĩa của Khổng Mạnh, ngược với văn minh của thế giới). Tác giả bỏ câu này không dịch.

[2] Quan Tể tướng Nhật Bản: Lai cảo chữ Hán chép "tể tướng Kính Nguyên thị" (quan tể tướng Kính Nguyên).

[3] *Nước Áo: Di cảo* chữ Hán chép chữ "Áo". Nhưng trong bản dịch, tác giả viết "hoàng đế nước Úc" rồi chú trong ngoặc đơn chữ "Autriche", dịch "nước Úc" là sai.

[4] *Nicolas Inprecorr* :Đọc là Ni-cô-la thứ hai: vua nước Nga.

[5] *Guillaume Inprecorr*: Đọc là Ghi-i-ô-mơ thứ hai, vua nước Đức.

[6] *Charles I*: Đọc là Sác-lơ thứ nhất.

[7] *Nước Áo*: Xem chú thích (1) trên đây.

ích cho nước họ. Những ông vua nào làm nên, thời nước được giàu mạnh, ông nào có bị thua đi nữa, cũng không đến nỗi mất nước. Thế mà những dân các nước ấy, nó xử với các vua chúng nó một cách rất là nghiêm khắc, ghét họ như là cục thịt dư bướu thừa, gớm họ như là con rắn dữ rết độc; việc nhỏ không cẩn thận, thì chúng nó bẻ bắt không tha thứ; làm việc lớn mà hỏng, thì sự giết chóc theo ngay. Xem đó thì đủ biết cái trí thức những dân đời bây giờ mở mang là thế nào!

Còn nước Nam ta, từ xưa đến nay vẫn là một người chuyên chế, trăm việc chánh trị vào một tay vua, công việc triều đình cấm không cho dân nói đến[1]. Đã 70, 80 năm nay, trên vua thì hèn, dưới tôi thì nịnh, phép luật thì nghiêm nhặt, dân mất cả tự do[2]. Từ đó nước ta, dân với vua xa cách nhau xa quá; các quan ở giữa muốn làm chi thì làm, dân không chỗ kêu ca. Từ triều Minh Mạng về sau, giặc giã nổi lên luôn; đến đời vua Tự Đức, Tây qua là mất nước; ông bà nhà Nguyễn, trong 200 năm mở mang gần nửa nước Nam, công đức lớn biết là bao nhiêu, mà con cháu làm vua chỉ chửa đầy 50 năm,đã bị hoạ mất nước, là bởi cớ đó, thảm thay[3]; sự học hành thì hủ bại, nên học trò dốt nát, chỉ biết thi đậu làm quan để ăn cướp của dân, chẳng biết nhà nước là gì.

Vậy cho nên đến nay Nhà nước một ngày một sa sút, càng ngày càng tàn mạt, chẳng còn đứng vào bực nào cả; nếu không bị nước Pha Lang Sa bảo hộ, thì không biết nước ta trôi nổi vào tay ai!

Cứ sự đã qua đó mà buộc tội, chẳng vua thì ai? Dẫu có anh

---

[1] *Nc*: "Tự đời đức Gia Long đem luật Thanh về trị dân An Nam là một sự lầm rất lớn vì luật đó là luật người Mãn Châu lập ra để trị Trung Quốc, trong luật ấy lắm phép không công bình. Xem như khi luật ấy bắt đầu thi hành trong nước ta, ông Nguyễn Văn Thành là một người khai quốc công thần, chỉ vì cớ con ông ta đặt một bài thơ chơi, vậy mà các quan nịnh thần đem thêu dệt ra giết cả nhà ông ấy! Thế thì bộ luật ấy độc dữ là dường nào!"

[2] *Nc*: "Tự đời đức Gia Long đem luật Thanh về trị dân An Nam là một sự lầm rất lớn vì luật đó là luật người Mãn Châu lập ra để trị Trung Quốc, trong luật ấy lắm phép không công bình. Xem như khi luật ấy bắt đầu thi hành trong nước ta, ông Nguyễn Văn Thành là một người khai quốc công thần, chỉ vì cớ con ông ta đặt một bài thơ chơi, vậy mà các quan nịnh thần đem thêu dệt ra giết cả nhà ông ấy! Thế thì bộ luật ấy độc dữ là dường nào!"

[3] *Từ đó nước ta... thảm thay*: Đoạn này (gồm 6 dòng) không có trong *di cảo* chữ Hán. Tác giả viết thêm vào.

thầy kiện giỏi miệng lưỡi đến thế nào, cũng không thể cãi cọ gì được.

Vậy thì nước ta từ nay về sau, còn nên tôn quyền vua nữa không? Không, chẳng những là quyền vua không nên tôn, mà ngôi vua cũng nên cất đi kia. Vậy mà vua đến nay vẫn còn. Thương ôi! Cái trí khôn dân nước ta lú lấp, thua kém cả người thiên hạ, đã đành nên thương hại, mà cái lòng trung hậu nhịn nhục của nó cũng nên chuộng vậy!

Vậy thì đáng lẽ vua phải hết lòng lo lắng làm việc gì lợi ích cho thỏa lòng chúng nó một tí mới phải. Nay Bệ hạ thì không: lúc chưa làm vua, chẳng nghe có một điều gì là hay, mà sự xấu xa thì đã chán chường trước mắt thiên hạ, chỉ lo chạy ngược chạy xuôi để lên [làm] vua cho được; đến lúc làm vua được rồi, chỉ làm những việc cho con dân oán thán mà thôi. Vậy mà nay lại còn dựa hơi quyền nọ quyền kia, bắt buộc dân còn phải tôn mình nữa kia!

Chiếu theo luật xưa nay, dân Âu Á chúng nó bắt tội các vua của nó mà xử Bệ hạ, thì một cái giết hay là cái đuổi, hai cái đó Bệ hạ không thể tránh được.

II. TỘI THƯỞNG PHẠT KHÔNG CÔNG BÌNH

Thưởng và phạt là cái phép lớn của Triều đình. Mạng sống của dân, kỷ cang của nước, đều quan hệ ở đó cả. Đức Khổng Tử nói: "Hình phạt không nhằm phép, thì dân không có chỗ thò tay chân". Mạnh Tử rằng: "Người trên không theo lẽ thẳng, người dưới không giữ phép luật, cái nước như thế thì thế nào cũng phải mất". Đời xưa thưởng người phải ở Triều, là tỏ ra người cả nước cùng thưởng; phạt người phải ở chợ, là tỏ ra người cả nước cùng phạt; nếu hai sự đó mà mất cả công bình, thì dân cần gì phải có vua có quan[1]?

Tôi nghe đích rằng: Bọn tên X. là bọn chơi bời lăng lố với Bệ hạ khi trước. Khi Bệ hạ làm vua rồi, thằng thì được thăng chức thống chế để hầu hạ bên mình, thằng thì cho làm tri phủ, tri huyện, quan tỉnh hay là quan kinh, vân vân. Lại nghe có anh

---

[1] *Cần gì phải có vua quan*: Sau mấy chữ này, tác giả còn thêm hai chữ *làm gì*. Chúng tôi thấy thừa hai chữ này.

quan thị lang, vợ anh ta có oán riêng với Bệ hạ lúc còn chưa làm vua, khi Bệ hạ lên ngôi rồi, nhơn sự rủi ro nho nhỏ [anh ta] bị cách chức đuổi về ngay. Lại một người thượng thơ hay bán rao những cái tịt riêng của Bệ hạ ra ngoài, nhơn dịp nó mất chỗ dựa, Bệ hạ tìm cớ buộc tội nặng xử tám năm tù, án đã làm rồi, sau nghe anh ấy túi tham vẫn đầy, trút ra năm vạn đồng bạc, mới được đổi lại, giáng chức đuổi về.

Vậy thì sự thưởng phạt, Bệ hạ cứ theo cái ý riêng của mình, chẳng cần gì phép nước, làm cho thêm sự gian dối lo lót ra. Vua như thế thì vua làm gì?

Lại nghe Bệ hạ nuôi một tụi lính kín hơn bốn mươi người ở bên mình, để mai chiều đi do thám chốn hương thôn, nơi thành thị, xem có ai gièm chê gì mình không? Nếu có thì Bệ hạ hoặc là tìm cách buộc tội ngay, hoặc là dụng cách ám ảnh[1] làm hại mà không cho người ta biết. Những quân đó rặt là quân côn đồ, cậy thế gần vua làm lắm điều phi pháp, khiến cho lương dân ai ai cũng phải sợ hãi, khóa mồm bịt miệng, ra đàng gặp nhau chỉ lấy mắt trông nhau mà thôi, thiệt là làm cho nhân dân khổ sở thảm thê.

Xưa vua Lệ nhà Châu là người lắm nết xấu, sợ dân chỉ trích, mới đặt ra một cái phép để giữ sự chê gièm, cũng làm như Bệ hạ vậy. Ông Thiệu Công can rằng: "Bịt miệng dân khó hơn là bịt miệng sông". Vua Lệ không chịu nghe, sau quả bị dân giết. Sao Bệ hạ không lấy gương đó mà soi?

III. TỘI CHUỘNG SỰ QUỲ LẠY

Cái sự quỳ lạy chẳng qua là để chỉ sự tôn kính đó mà thôi, ngoài ra chẳng có nghĩa lý gì cả. Một người ngồi sồ sồ ở trên, bao nhiêu người dưới phải áo mão dập đầu xuống đất, chẳng những là làm mất cả cái phẩm giá của loài người mà lại làm cho người trên sinh lòng kiêu căng, người dưới mất lòng liêm sỉ, thực là một cái lễ

---

[1] *Dụng cách ám ảnh*: *Di cảo* Quốc ngữ của tác giả viết "dụng cách... *ánh*". Chúng tôi đoán mà thêm chữ *ám*. Lê Ấm đổi lại: "dùng cách *bí mật*", "Ám ảnh" ở đây nên hiểu như ám muội.

phép rất mọi rợ[1].

Các nước văn minh đời bây giờ đều đã bỏ cái lễ ấy cả, chỉ còn một hai xứ Mường, Mán còn giữ lại mà thôi, thế mà nước ta đến nay vẫn còn giữ thói đó, thực là một sự xấu hổ cho dân ta biết bao nhiêu.

Năm 1906, quan toàn quyền Beau[2] ra lệnh bỏ sự lạy, khốn nạn thay cho các quan lớn An Nam không biết xấu hổ, cứ bắt dân giữ mãi thói cũ. Đến lúc quan toàn quyền Sarraut lại cấm lại một lần nữa, nay Nam Kỳ và Bắc Kỳ đã bỏ cả rồi, mà Bệ hạ cũng cứ khư khư giữ theo cái thói mọi rợ đó, chẳng những không bỏ, lại còn làm cho phô trương thêm ra, Bệ hạ làm như hình là thèm cái lạy như là vật ăn uống gì ngon sướng lắm. Mỗi khi trong triều có lễ chầu lạy thì Bệ hạ cho phép người vào chụp ảnh để bán cho khắp cả nước, những ảnh ấy nay đã truyền khắp cả thế giới.

Khi Bệ hạ qua Tây, các quan tiễn đến ga xe lửa Đà Nẵng, Bệ hạ cũng bắt làm lễ lạy; đến khi tàu tới Marseille[1] cũng thế.

Lễ lạy không phải là lễ văn minh,vua cũng không phải là Trời, quan và dân không phải là đầy tớ mạt, ga xe lửa và bến tàu không phải chỗ Triều đình, mà sao Bệ hạ dám bắt người ta vùi áo mão trong chốn lầm than, xem loài người như tuồng trâu ngựa, làm cho người ngoại quốc người ta trông vào, chẳng những là chê cười Bệ hạ, mà lại mỉa mai khinh rẻ cả nòi giống dânAn Nam nữa. Những sự đó, phàm những người có ít nhiều trí khôn, biết được một tí văn minh đời bây giờ, chẳng ai chịu làm, mà Bệ hạ cứ vui vẻ tự đắc mà làm được thực là quá! Vậy không phải một người ngu là gì?

Rất đỗi Bệ hạ lại cho phép người ta lấy sáp nắn thành hình người, như lúc Bệ hạ chịu chầu lạy trong lễ đại triều, để trong trường đấu xảo Marseille, Bệ hạ tưởng sự đó là sang trọng lắm sao, mà Bệ hạ dám đem ra khoe trước mắt thế gian? Tượng làm thế này: Bệ hạ thì ngồi choảnh trên một ngai thếp vàng chẳng

---

[1] *Nc*: "Lễ lạy đời xưa, một người lạy thì phải lạy trả, lễ đó bên Nhật Bổn hãy còn, nhưng vì phiền quá, nay cũng bỏ".

[2] *Toàn quyền Beau*: đọc là "toàn quyền Bô" (nhậm chức 1902 – tháng 2.1908).

[3] *Marseille*: Đọc là "Mác-xây" là một hải cảng lớn ở miền nam nước Pháp. Tàu thuỷ từ Việt Nam sang Pháp phải ghé cảng Mác-xây.

chút khiêm nhượng nào cả; còn các quan lớn nhỏ râu tóc bạc phền phền cúi đầu khoanh tay[1], mắt thì nhắm hi hí, khòm lưng cả đứng trước Bệ hạ, làm như hình một bầy rái đương tế cá, một bầy khỉ đang làm trò. Những người Âu có kiến thức, ai thấy cũng bắt bật cười[2], vậy có chán ngán không?

Vậy thì Bệ hạ chẳng biết việc gì là xấu hổ sao? Bệ hạ chẳng quản gì danh tiếng của Bệ hạ mặc lòng, còn thể diện nước Nam thì sao?

Trong truyện rằng: "Những ông vua mà tính ý trái với người thiên hạ cả, thế nào cũng phải bị người làm hại". Thầy Mạnh Tử rằng: "Vua khinh dân như thể là con chó con ngựa, thì thế nào dân cũng coi vua như người đi đàng"[3]. "Vua coi mạng dân như cái cỏ cái rác, thì dân cũng coi vua lại như người cừu thù".

Vậy thì Bệ hạ chẳng qua là người qua đàng, hay là người thù nghịch của dân An Nam đó mà thôi. Muốn cho dân đừng làm hại đến mình sao được?

IV. TỘI XA XỈ VÔ ĐẠO

Sau khi Bệ hạ làm vua rồi, thì đã đem lòng chán chê những cung điện cũ của các ông bà đời trước để lại, liền làm ngay một sở cung điện nguy nga ở làng An Cựu[4], mua những đồ sứ của Tàu, mỗi lần vài ngàn bạc, đem về đập bể ra, lựa những miếng nào bông hoa đẹp, để gắn những hình con long, lân, phụng cho thỏa lòng xa xỉ của Bệ hạ. Lại đem bạc tiền thuê người Tây đúc ba, bốn cái tượng đồng của mình, phí tổn ước mỗi cái trên dưới một vạn đồng bạc, để chưng trong nhà đấu xảo[5.6]. Lại từ cái khăn, cái mũ, cho chí cái áo, cái giày, Bệ hạ đều đính vàng ngọc, kim cương, giá

---

[1] *Khoanh tay*: *Di cảo* chữ quốc ngữ của tác giả chép "*quanh* tay".

[2] *Bắt bật cười*: *Di cảo* chữ quốc ngữ của tác giả chép "bắt *bựt* cười". Bản Lê Ấm đổi ra "cũng *tức* cười".

[3] *Nc*: "Nghĩa là không tình nghĩa gì với vua".

[4] *Cung điện nguy nga ở làng An Cựu*: Tức cung An Định ở về phía tây nam Huế.

[5.6] *Nc:* Báu gì, xảo gì đồ đó mà đấu!"

Lại đem bạc tiền... nhà đấu xảo: Câu này không có trong *Di cảo* chữ Hán. Có lẽ do tác giả thêm vào.

phí biết là bao nhiêu! Rất đỗi lấy vàng luột[1] dát ra làm cái ủng để bao cả cái bắp chưn, xa phí dại dột, từ xưa đến nay chưa có nghe ông vua nào làm như thế bao giờ.

Ai còn lạ gì, khi Bệ hạ chưa làm vua, trong túi chẳng có một xu, vậy thì tiền đó ở đâu mà tới? Chẳng phải Bệ hạ ăn cắp tiền kho, tiền kín của nước ta, thì tiền đâu?

Lại Bệ hạ lúc qua Tây,xuống tàu từ Tourane[2] cho đến khi qua đến Tây, lúc ở trên tàu, gặp khách bộ hành nào, những rượu sâm banh hạng nhứt là đãi cho thả cửa, chỉ nói những tiền cho "buộc boa"[3] cũng đã đến 20.000 quan, còn kim tiền, kim khánh thì đụng ai cho nấy, chẳng kể sao được!

Thương hại thay! Dân An Nam[4] cùng khổ đã tột bực, tai nạn biết bao nhiêu: phần thì quan tham lại nhiễu, phần thì đất xấu dân nghèo. Gia dĩ trong mấy năm giặc giã, đồ ăn thức mặc trăm đàng đắt đỏ, cái tình trạng khổ sở đến nay cũng còn chưa bớt chút nào. Lại thêm xâu thuế nặng nề, gánh vác không nổi; những sự khai trí tri sinh đã có làm gì đâu: nhà học, nhà thương đem so với Nam Kỳ, Bắc Kỳ, chẳng khác gì một cây héo đứng dựa một bên cây tươi vậy. Thế mà số chi xuất của Nhà nước còn kêu là không đủ, phải đánh đến thuế rượu, thuế thuốc phiện, khốn nạn thảm thiết biết là bao nhiêu!

Chẳng nói đâu xa, chỉ xem trong năm 1916 đến 1918 là những năm Bệ hạ đã lên làm vua rồi, tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi nào là bị bão, nào là bị nắng, bị lụt, nào là chết đói, chết dịch, các nhật trình vẫn kêu van luôn, đau lòng xót dạ biết là bao nhiêu! Thế mà nào thấy Bệ hạ lập được một hội từ thiện phát cháo phát thuốc chi cho dân nhờ, nào có thấy Bệ hạ bố thí được một đồng một hào gì để giúp đỡ cho dân trong lúc trôi nổi đau đớn! Vậy thì Bệ hạ còn có tình nghĩa gì với An Nam nữa đâu! Mà nay Bệ hạ còn dám ăn cắp bớt của

---

[1] *Vàng luột*: Cũng như vàng ròng.

[2] *Tourane*: Đọc là "Tu-ran". Tức là Đà Nẵng bây giờ.

[3] *Buộc boa*, tiếng Pháp: *Pour boire* tức là tiền thưởng cho người khi ăn tiệc.

[4] *Dân An Nam*: Dân An Nam đây là chỉ nhân dân các tỉnh Trung Kỳ, ở dưới quyền cai trị của Khải Định. *Di cảo* chữ Hán chép "Phù! Dĩ ngã quốc *Trung Kỳ*, nhân dân bần khổ...". (Ôi! Trung Kỳ của nước ta, nhân dân nghèo khổ...).

công Nhà nước làm của riêng mình[1], xa xỉ hoang đàng, dùng bậy tiêu bạ, vứt vào những lỗ không đâu vào đâu cả. Nói làm gì cho nhiều, chỉ một việc đó, Bệ hạ còn mặt mũi nào, tư cách nào còn tự xưng mình là vua dân An Nam được?

Nếu để tiền của Bệ hạ làm cung điện đó mà làm một trường đại học[2] ở Huế, để tiền của mà Bệ hạ mua đồ sứ và đúc tượng đồng mà chi dụng ở trong trường học và trả tiền thầy giáo, và lấy tiền của Bệ hạ tiêu một cách rộng rãi dại dột ở dưới tàu để cấp cho những người đi học bên Tây này, có lẽ cũng đủ cho 20 học trò học một năm. So hai cách dùng tiền, thì bên nào lợi hơn và bên nào hại hơn? Bệ hạ sẽ xét thấy mà xem.

Bệ hạ có biết những món tiền mà Bệ hạ đã tiêu xài một cách phóng túng đó, ở đâu mà tới không?[3] Thương thay dân An Nam cả một năm dãi nắng dầm sương, đầu tắt mặt tối, tốn biết là bao nhiêu nước mắt mồ hôi, mới được đồng tiền vào. Vợ chúng nó kêu đói[4], con chúng nó kêu rách cũng không dám tiêu; thân không có tấm áo, bụng không có hột cơm cũng không dám xài. Ngày đêm những lo lắng nhịn nhục, để dành từng xu từng hào mà nộp cho xong thuế cho Nhà nước, là trong lòng trông Nhà nước có làm sự gì có ích lợi cho mình không? Thế mà nay khi thâu vào thì bóp chắt từng xăng-tim[5] mà khi vãi ra thì coi như tro bụi! Vậy thì dân An Nam có tội lỗi gì mà bắt chúng nó phải chịu cả trăm điều đau đớn, đem những đồng tiền máu mủ của chúng nó mà dâng cho một người vua tiêu phá một cách dại dột như thế ư?[6]

Trong khi Bệ hạ vung vãi bậy bạ đó, Bệ hạ há không nghe việc làm của vị tổng thống Trung Hoa là ông Lê Nguyên Hồng

---

[1] *Làm của riêng mình*: *Di cảo* chữ quốc ngữ của tác giả chép: "*là* của riêng mình".

[2] *Trường đại học*: *Di cảo* quốc ngữ của tác giả chép "trường lớn". *Di cảo* chữ Hán lại chép "đại học đường".

[3] *Bệ hạ có biết... tới không*: Câu này di cảo chữ Hán không có.

[4] *Kêu đói: Di cảo* Quốc ngữ của tác giả chép lầm là "kêu *cói*".

[5] *Xăng-tim*: Tiền lẻ tiêu dùng ở Pháp, trị giá bằng 1/100 phờ-răng. Có lẽ *tác giả dùng từ này một cách vô tình, vì đã ở lâu bên Pháp.*

[6] Bản dịch quốc ngữ của tác giả dừng ở đây. Tiếp theo đây là phần dịch tiếp của ông Lê Ấm (Theo như *Di cảo* của Phan Châu Trinh lưu tại gia đình ở Đà Nẵng).

sao? Ông ấy thấy kho Nhà nước thiếu hụt, thì tự nguyện đem tiền lương của mình hơn ba triệu rưỡi quan tiền Pháp trả lại cho quốc dân để đem làm việc từ thiện, các báo Pháp khen ngợi không ngớt.

Ôi! Tàu là một nước đất đai rộng, sản vật nhiều, dân số đông hơn hết trên thế giới, lại là một nước độc lập, họ nói nghèo, không phải là cùng vô sở xuất, thế mà đường đường một vị tổng thống một nước lớn, biết yêu nước, biết lo dân, còn không muốn lãnh số lương hàng năm được hưởng, để cho quốc dân bớt gánh nặng thay; huống chi nay Bệ hạ là vua một nước bị bảo hộ, vị thứ ở dưới quan Toàn quyền, danh hiệu chỉ có trong 12 tỉnh, công nghiệp không hơn gì một tên dân mạt, mà lại dám tự sánh mình như vua Trời, việc làm như trộm cướp, ngoài lương bổng ra, còn thêm phí tổn làm cung thất, lại còn tiêu xài bậy bạ nữa, thế là nghĩa lý gì?

Bệ hạ viết thư cho Bộ trưởng Thuộc địa có câu xưng là "cha mẹ dân". Thử hỏi nước ta xưa nay vốn trọng luân lý gia đình, mà có đâu thứ cha mẹ tàn nhẫn bất lương như vậy? Đối lại, phải nói thằng giặc của dân thì đúng hơn[1].

V. TỘI PHỤC SỨC KHÔNG ĐÚNG PHÉP

Bệ hạ tự ý chế ra một thứ lễ phục kiểu mới, tự mặc để ra triều. Kiểu ấy là trên áo cẩm bào cũ, thêu vào cái cầu vai kiểu Âu, còn cổ áo và tay áo thì đính vàng ngọc loè loẹt, Âu không ra Âu Á không ra Á, lại trên nón vua thì thêu thêm những hình rồng hình phụng sáng ngời. Nghe nói khi đại tướng Joffre[2] qua nước ta, Bệ hạ mặc đồ ấy mà đón tiếp; bây giờ qua Pháp, khi đến điếu mộ vô danh tử sĩ, cũng mặc bộ đồ ấy. Cũng may là người Pháp ít để ý đến lễ chế nước ta, nên không biết đó thôi, nếu có người hơi rõ, gạn hỏi rằng Bệ hạ ăn mặc như vậy có quả đúng với lễ phục nhà binh

---

[1] Ở cuối đoạn 4, 5,6, 7 bản dịch của Lê Ấm có các câu "Đó là bốn tội". "Đó là năm tội"... để dịch các chữ "tội tứ", "tội ngũ"... trong nguyên tác chữ Hán. Cuối các đoạn 1, 2, 3 nguyên tác chữ Hán cũng có các chữ "tội nhất, "tội nhị", "tội tam", nhưng Phan Châu Trinh đã bỏ không dịch, mà đưa chữ "tội" vào trong các tiêu đề, thành "Tội tôn quân quyền", "Tội thưởng phạt không công bình" để dịch các câu "Vọng tôn quân quyền", "lạm hành thưởng phạt". Chúng tôi theo cách dịch của chính tác giả mà điều chỉnh lại.

[2] *Đại tướng Joffre*: Đọc là Giô-phơ-rơ. Đại tướng của Pháp (1852-1931) có nhiều công trong chiến tranh 1914-1918.

nước Nam không? Thì chẳng biết trả lời thế nào được.

Thử xem các nước trên thế giới, về lễ phục thì nước nào cũng có quy định, khi tiếp khách, khi duyệt binh, khi triều, khi hội, lễ phục có quan hệ đến quốc thể; phàm người ra làm việc công đều không được vượt khỏi, nếu không thận trọng một chút, thì đối ngoại mang cái nhục thất lễ, đối nội mang cái tội trái phép. Ở nước ta trước kia phép nọ cũng rất chặt chẽ, từ vua đến dân đều có thể chế, chép lại ở hội điển[1], ban bố làm lệnh chung, nếu ai sai vượt thì hình phạt theo ngay.

Nếu nói rằng cách mặc xưa không hợp với đời nay, phải cải cách cho hợp thời, thì đó không phải việc không nên làm. Xem như Tàu với Nhật công phục đều theo lối Âu châu thì sao? Nhưng phải đặt làm thể thức nhất định, trên dưới một loạt, thay đổi theo mới, lấy thể lệ công bố ra ai nấy đều phải theo, như vậy thì sao lại không nên?

Nay Bệ hạ lại trái hẳn, tự chế tự mặc, chỉ lo làm sang một mình, người trong nước xem vào không gì là chính đính, lại làm cho tai mắt người ngoài lầm lạc! Đã sai phép bang giao, lại làm nhục quốc thể, chiếu luật pháp nhà nước, phải chịu điển hình.

VI. TỘI DU HẠNH VÔ ĐỘ

Sau khi Bệ hạ lên ngôi, thì ra sức khuếch trương nghi trượng nhà vua, thường thường ra đi chơi rông, nào là voi, nào là kiệu, nào là xe, nào là ngựa, những người theo hầu nhiều thì đến hàng trăm, ít cũng ba bốn chục, chiều lại dong chơi trong thành thị. Trang sức lộng lẫy, nghi thức oai nghiêm, quân hầu nghênh ngang, nước ta bốn mươi năm chưa từng có. Người đi đường khổ việc chạy tránh, dân trong nhà chán sự hầu phiền, còn Bệ hạ thì dương dương tự đắc, ý muốn tỏ cho người ta biết rằng hoàng đế là sang.

Xét luật pháp các nước văn minh, không có quyền lợi nào mà không có nghĩa vụ kèm theo. Nay Bệ hạ tự tôn quân quyền, tự ý làm oai làm phúc, chính trị bỏ lơ không mảy may lưu tâm đến. Nhân dân đói lạnh chẳng chút hỏi han, mà lại ngày ngày chơi

---

[1] *Hội điển*: Sách ghi chép những luật pháp, lễ nghi của triều đình Huế.

rông, kiêu căng buông lung thì còn trách kẻ bề tôi sao được? Bệ hạ thì cao quý lắm đó, còn quốc dân đau khổ thì sao? Như vậy là chỉ biết quyền lợi mà không biết có nghĩa vụ, chiếu theo luật, hễ không làm hết nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm. Cái tội hại nước hại dân, Bệ hạ phải chịu là thủ phạm trước hết.

VII. TỘI SANG PHÁP LÀM VIỆC ÁM MUỘI

Bệ hạ qua Pháp chuyến này, người nước ta kẻ nào có lưu tâm đến quốc sự, phần nhiều phải suy nghĩ, trước thì ngờ, sau thì lo, khi đã biết rồi thì ngó nhau mà cười mỉm.

Mượn cớ rằng đưa hoàng tử đi học, hoặc đi điếu quân sĩ nước ta tử trận và đi xem các thành phố phía bắc nước Pháp bị tàn phá, thì những việc đó đều là việc tư của Bệ hạ, không phải việc công của quốc dân ta, lại đó là những việc không cần kíp gì cả.

Nếu mượn cớ rằng đi du lịch nước Pháp để khảo cứu văn minh của họ rồi về cải cách chính trị trong nước, thì Bệ hạ không phải là tay làm việc ấy được. Sao vậy? Vì nước Pháp là nước dân chủ, mà Bệ hạ là vua tôn quân quyền, lấy cán vuông mà đút vào lỗ tròn, chỉ có hại làm cho hư cán mà thôi. Vả chăng Bệ hạ không am hiểu tiếng Pháp, mà mấy ông đại thần đem theo, như tên A, tên Y. đều là bọn hạ tiện nước ta, trí thức họ còn thấp hơn con nít mười tuổi của Pháp. Lại trong khi Bệ hạ ở Ba Lê, chỉ có một lần đến trường đua ngựa, cá được 200 quan, còn như những viện bác cổ lớn, học đường lớn, thương quán lớn, công xưởng lớn và những nơi nhóm họp bao nhiêu văn minh tinh túy của nước Pháp v.v... thì chưa từng bước chân vào, nói rằng đi khảo sát, thì khảo sát mà như vậy ư?

Nếu mượn cớ rằng đi dự cuộc Đấu xảo thuộc địa Mác-xây, thì nước ta ngày nay có cái xảo gì để đấu, phi người Bắc Kỳ thì người Nam Kỳ là dân ở dưới quyền trực trị của Pháp vậy[1], còn mười hai tỉnh Trung Kỳ là cái xứ ở dưới quyền chuyên chế của Bệ hạ, thì sĩ phu lòng đen như mực, nông dân xương gầy như củi, có gì là xảo đâu! Chỉ duy đại thần và quan lại của Bệ hạ, thì cái xảo quỷ lạy, cái

[1] Nơi "Đấu xảo này Trung Kỳ có nghề bện sáo (mành), so với 30 năm về trước chưa cải lương chút nào".

xảo dua nịnh, cái xảo ăn hối lộ, cái xảo xẻo thịt dân để ăn cho béo cho mập, nhưng tiếc thay! cái loài quỷ sứ ấy, thì tại Pháp đây, sáu bảy mươi năm về trước, họ đã nhận xuống nước sâu, ném vào lửa đỏ cả rồi, nay Bệ hạ đem loài ấy qua, thì không ai còn mà đấu với nữa!

Như vậy, trong cái màn hắc ám của chuyến du lịch này của Bệ hạ, công sắp đặt quỷ quyệt thế nào, cũng không khó gì mà không biết vậy.

Nghe Bệ hạ vài năm trước đây đã cậy oai chuyên chế, vơ vét của dân, ưa đồ xa xỉ hạng nhất của các nước Á đông và nước mình, tóm thâu tất cả đồ quý báu của các triều trước để lại, chứa đựng có hơn trăm hòm, ngày nay đem cả theo, nhờ người Pháp lấy tên X, tên Y. vận động, dâng lễ cho đảng quân chủ nước Pháp, để nhờ củng cố ngôi vua cho cha con Bệ hạ và nhờ họ làm hậu viện để mong đạt cái mộng tôn quân quyền, sau thành việc rồi Bệ hạ về nước sẽ thị oai dâm bạo, khóa hết miệng lưỡi quốc dân, rồi sẽ ký điều ước này điều ước nọ để đền đáp. Việc này tuy còn ở trong vòng bí mật, nhưng người ta đã đồn rầm ở ngoài, không phải là không có cớ, theo lời tục ngữ của Pháp "không lửa mà có khói", ai tin?

Tuy nhiên, nếu Bệ hạ mà dùng kế ấy, há chẳng thất sách lắm sao? Bệ hạ muốn giữ vững ngôi quân chủ, mà lại đi cầu khẩn với dân của một nước dân chủ, tôi đã biết muôn phần không có một phần nào thành công được.

Cái bệnh của Bệ hạ là bởi ngu muội, chưa từng đọc lịch sử cách mạng dân chủ của nước Pháp vậy. Nếu một mai biết được thì sẽ gục đầu chán nản cuốn gói mà về sớm vậy.

Cuối thế kỷ thứ XVIII, cái oai chuyên chế của nền quân chủ Âu châu đã lên tới tột bực, thưởng phạt tùy ý, trẫm tức quốc gia, xem nhân dân như nô bộc, vãi tiền tài như đất bụi, cung thất huy hoàng, chơi bời xa xỉ, ăn mặc hoa mỹ, quỳ lạy tôn nghiêm, thật không phải ông vua một nước mang cái hư danh là bán tự chủ như Bệ hạ có thể tưởng tượng được. Thế mà hễ vật đã hết sức thì trở lại[1], đó là lẽ tất nhiên. Buổi ấy các danh sĩ nước Pháp như Lư Thoa, Mạnh Đức Tư Cưu, Phúc Lộc Đặc Nhĩ[2], v.v... kế tiếp nhau

---

[1] *Vật đã hết sức thì trở lại*: Quan niệm tuần hoàn ngày xưa, cho rằng mọi vật khi đã phát triển hết chu kỳ của nó thì trở lại từ lúc bắt đầu.

[2] *Lư Thoa, Mạnh Đức Tư Cưu, Phúc Lộc Đặc Nhĩ*: Dịch âm tên các nhà tư tưởng người Pháp Rousseau, Montesquieu, Voltaire.

nổi lên phát huy cái nghĩa dân quyền, chẳng đầy vài mươi năm mà cái thế lực ảnh hưởng ra khắp toàn Âu. Dân tộc Pháp là tiên tiến nhất, huơ tay kêu lớn, ứng lại như vang, ngã rồi đứng dậy, càng tiến càng hăng, cho nên tấu được khúc khải hoàn, mà cái đầu của vua Louis XVI của nước Pháp đã bêu cao trên đoạn đầu đài vậy. Bệ hạ qua thành Ba Lê, trong những đường phố rộng rãi, thấy có những tượng đồng nguy nga, đó đều là những tượng kỷ niệm những bậc thánh hiền hào kiệt đương thời đã ủng hộ tự do, cứu vớt mạng dân vậy. Còn cái tháp đồ sộ cao ngất tầng mây, trên có vị nữ thần, tay cầm đuốc tự do, hào quang chói lọi khắp cả bầu trời, đó là vị thần dân chủ vậy. Phàm trong thế giới, quân chủ nào vô đạo thì thần ấy chẳng dung. Bệ hạ nên qua chơi công trường Concorde[1] và cung điện Versailles[2-3] để điếu cái di tích màn chót nền quân chủ vô đạo, nhơn đó họa may có tự tỉnh chăng.

Từ thời ấy, chính thể nước Pháp đổi làm dân chủ, lập ra Nghị viện dân cử, lập pháp, hành pháp, tư pháp phân tách rõ ràng, mà Nghị viện nắm hết chủ quyền của nước. Đến nay chính thể chuyên chế không còn dấu vết, nhơn loại trong nhiều nước được hưởng hạnh phúc, tự do, là nhờ dân tộc Pháp đã chảy máu trước mà được vậy. Sao Bệ hạ không xin vào điện Bourbon[4] để nhận thấy cái khí tượng bác ái, bình đẳng, tự do của quốc dân nước Cộng hòa, so sánh lại với cái chính thể chuyên chế đen tối ngàn năm của nước ta, thì thấy rõ cái chủ nghĩa dân quyền thần thánh bất khả xâm phạm, nó đương bồng bồng bột bột như mặt trời giữa trưa, chiếu thấu cả bầu trời, mà về sau chính thể quân chủ tất không còn chỗ đứng chân, còn nói chi đến việc chuyên chế dã man nữa.

Được như vậy, há chẳng phải sức người làm nên chăng? Thì đó cũng là luật thiên diễn không thể tránh được vậy.

Ngày nay các dân tộc trên toàn cầu đều xưng nước Pháp là nước tổ dân quyền, không đúng hay sao? Không đúng hay sao?

Đó, một nước danh dự như thế, một dân danh dự như thế,

---

[1] *Công trường Concorde* (đọc là Công-coóc-đơ): Công trường ở Pari trên bờ sông Xen. Rộng 250 mét, dài 350 mét.

[2-3] *Cung điện Versailles* (Đọc là Véc-xây): cung điện của các vua nước Pháp ở được sửa sang và mở rộng vào đời Louis XIV.

Nc: "Louis XIV đã bị bắt ở Versailles và bị giết ở Concorde".

[4] *Điện Bourbon*(đọc là Buốc-bông): Nơi trưng bày những thành quả của cuộc cách mạng tư sản Pháp năm 1789.

xem lại hơn trăm hòm đồ quý của Bệ hạ đáng giá bao nhiêu, lại dám đem bạch bích mà nhem thèm, đem hoàng kim mà đen lòng, đi ngược lại phong trào thế giới, trái với công lý nhân đạo, làm dơ danh dự của quốc dân, để vì Bệ hạ giữ lại cái vận mạng của nền quân chủ chuyên chế nó đã gần tàn như giọt sương ban mai rồi. Nói rằng hai mươi triệu quốc dân oán là việc nhỏ, còn mặt mũi nào đối với vạn quốc trên thế giới ư? Xem vậy, Bệ hạ đi chuyến này chắc chắn là thất bại, không còn ngờ gì nữa. Chỉ tiếc thay, bao nhiêu máu mỡ của sáu, bảy triệu quốc dân ta, bao nhiêu cái kho tàng quý báu của nước nhà ta dành dụm mấy trăm năm nay, chỉ vì sự lơ lỉnh nhỏ nhen mà Bệ hạ đem vứt đi một cái, làm chìm lỉm hết thảy theo ngọn sóng Tây dương!

Trở lên là bảy điều, bởi có quan hệ đến quốc kế dân sinh, nên kể ra để buộc tội. Ngoài ra, những điểm xấu xa còn nhiều không kể xiết, bởi không quan hệ đến việc nước cho lắm, hoặc có dính đến đời tư cá nhân, nên không kể đến làm gì.

*
* *

Ôi! Thế giới ngày nay dân trí tiến bộ mỗi ngày ngàn dặm, trước vài mươi năm nay, vua các nước lập hiến đã đem mọi chánh sự lớn nhỏ của quốc gia, hai tay dâng trả lại cho quốc dân, không dám hỏi đến, duy ngày đêm mong ước được giữ cái hư danh ở trên thần dân, khỏi mất nối dòng để xấu hổ đến tôn miếu, thì đã coi là cái phước lớn tày trời rồi, nhưng đến nay quốc dân họ còn lấy làm khó chịu, còn lo trăm kế bỏ đi, để đạt được đến cái chủ nghĩa bình dân chân chính mới hả dạ.

Vậy thì từ nay cái ngày tàn quân chủ trong thế giới cũng không xa mấy, không cần phải khôn ngoan lắm mới biết vậy.Chẳng nói đâu xa, gần đây trong thời Âu chiến, bị quốc dân giết hoặc đuổi đi đã có 38 vua, trong đó có 3 ông đại hoàng đế rồi.

Như trước đã nói, chính thể nước ta, từ xưa là quân chủ độc tài, chính trị hay dở, quan lại hiền ngu, quốc dân không *được hỏi đến. Nay thời thế nước* càng ngày càng suy vi, mất cả cái tên Việt Nam trong bản đồ thế giới. Hãy xem các nước Á Đông, Tàu, Nhật không nói, còn Xiêm La là một nước xưa kia

dân ta không thèm đứng ngang hàng, thế mà nay họ nghiễm nhiên đứng trong vòng bình đẳng với vạn quốc. Lại như Nam, Bắc hai kỳ, ở dưới quyền kinh lý của nước Pháp, sớm thoát ly những ràng buộc của chuyên chế, cho nên những cái tệ quan lại, trộm cướp cũng hơi bớt, khiến cho công thương được phát đạt, nông lợi được sửa sang, dân sinh ngày nay có hơi khởi sắc. Còn mười hai tỉnh Trung Kỳ thuộc trong khu vực bảo hộ[1], thì rên rỉ mãi dưới chính thể chuyên chế vô trách nhiệm, không biết dựa vào đâu để nuôi chút hơi tàn! Đó là tội của ai? Tội của ai? Xem đó thì chẳng những quân chủ hiện tại phải truất, mà xét đến nguồn gốc nguyên nhân sâu xa, thì quân chủ các đời đã qua cũng không tránh khỏi búa rìu công luận của quốc dân vậy.

Ôi! Xu thế bên ngoài đã như thế kia, mà tình thế nước ta lại như thế này, thì cái ngôi Bệ hạ, đã nguy tợ trứng mỏng, thật như lời Hiến Đế nhà Hán đã nói: "Mạng của trẫm chẳng biết mất còn ngày nào đây!" Vậy mà Bệ hạ còn mê muội không biết, tự ví mình với thần thánh, dắt bầy tiểu nhân núp bóng làm càn, công nhiên buông thói ăn lo ăn lót, người ta nói không kể, dân nói không hay, lại còn nghịch thời thế, trái nhân tâm, nhen lại bếp tro tàn chuyên chế, dứt hẳn cái dân khí đã thương tổn lâu ngày, quơ hết châu báu của nước, quét sạch tài sản của dân, lo phần tư kỷ một mình, quên cái oán của muôn dân. Thử hỏi: quốc thổ Việt Nam có phải là tư sản của Bệ hạ hay sao? Hai mươi triệu quốc dân há phải là gia bộc của Bệ hạ hay sao? Quan lại nước ta mục nát còn sợ chưa quá chừng hay chăng, mà còn phải có Bệ hạ làm lớn thêm lòng gian tham nữa[2]? Máu mỡ[3] của quốc dân ta còn sợ chưa khô hết hay chăng, mà còn phải có Bệ hạ hoang phí vung vãi nữa? Danh hiệu nước Việt Nam còn e chưa nhơ nhuốc chăng, mà còn phải có Bệ hạ ra dâng mùi hôi thúi, làm cho thiên hạ chê cười khinh dể chẳng còn kể là loài người nữa? Than ôi! Nước ta tội gì mà phải chịu cái nghiệt chướng ấy? Dân ta tội gì mà phải đội thứ vua quỷ ấy? Nếu

---

[1] Bản dịch Lê Ấm cũng thiếu vế "thuộc trong khu vực bảo hộ".

[2] *Bệ hạ làm lớn thêm lòng gian tham*: Bản Lê Ấm dịch "*trưởng* thêm lòng gian tham", chúng tôi đổi "*trưởng*" thành "*làm lớn*".

[3] *Máu mỡ*: Lê Ấm dịch "dầu mỡ" không sát với chữ "cao huyết". Theo nguyên tắc chữ Hán, câu này nằm trước câu "Danh hiệu nước Việt Nam..." Bản Lê Ấm đặt sau sợ không đúng.

không cùng quần chúng trừ khử nó đi, tất phải cùng nó chết đắm nay mai thôi!

Tôi viết đến đây, bút đã cùn, tay đã mỏi, giấy đã hết, mà điều tôi muốn nói hãy còn chưa hết. Tôi phải khăng khăng mấy ngàn lời mà không thôi đó, chẳng phải công kích cá nhân Bệ hạ, mà là công kích hôn quân vậy; cũng không phải vì tư kỷ của tôi[1] mà làm, mà vì hai mươi triệu đồng bào xô ngã chuyên chế, ủng hộ tự do vậy. Thầy Mạnh[2] nói rằng: "Đâu phải ưa biện luận, bất đắc dĩ mà thôi", tâm sự của tôi cũng là thế ấy đó.

Nếu như Bệ hạ có đủ thiên lương, biết chút hối ngộ, biết quân quyền không thể cậy được, dân oán không thể khi[3] được, thì phải sớm quay về, tự thoái vị trước, đem chính quyền dâng trả lại cho quốc dân ta, để họ trực tiếp cùng dân tộc Pháp tự mưu lấy lợi ích của họ, như vậy thì quốc dân ta còn lượng tình, không bạc đãi, cái kế của Bệ hạ không còn kế nào hơn.

Ví bằng cậy chuyến đi này, thêm lòng táo bạo, không kể gì hết, cứ khư khư cắp ngôi chí tôn, cứ thi oai chuyên chế, làm đứt mạng mạch của nước trong khi sắp hết[4], đánh đắm quốc dân trong kiếp khổ lâu dài, nếu vậy thì tôi tất phải: trong cáo với quốc dân, ngoài hiệp cùng nước Pháp, vì hai mươi triệu đồng bào, cùng Bệ hạ tuyên chiến quyết liệt, nguyện để cho cái đầu của tôi cùng với dân quyền chuyên chế dã man của Bệ hạ đồng thời rơi xuống đất, quyết không nỡ thấy vài mươi vạn dặm vuông giang sơn đất nước, vài mươi triệu cha mẹ anh em, phải giao đứt vào tay hôn quân vậy!

Bị chú:

1. Thư này viết một bản bằng Hán văn gửi Bệ hạ, lại dịch ra Pháp văn đăng lên báo Pháp và rải truyền đơn, để rộng

---

[1] *Của tôi*: Trong bài này, tác giả dịch chữ *Trinh* thành "tôi". Chúng tôi sửa lại bản của Lê Âm, theo cách dịch của tác giả.

[2] *Thầy Mạnh*: Tức Mạnh Tử.

[3] *Khi*: Lừa dối, khinh rẻ, coi thường.

[4] *Trong khi sắp hết*: Bản Lê Ấm chép "trong cơn thùy nguy", sợ không rõ nghĩa.

đường công luận của người Pháp.

2. Giữa tôi với Bệ hạ, đã đoạn tuyệt nhất thiết quan hệ, chỉ đứng trên địa vị đối đãi[1] mà thôi. Cho nên nói "gửi" mà không nói "dâng"; còn dùng hai chữ "Bệ hạ" đó là theo Hán văn, xưng hô như vậy cho tiện, chứ không phải là tôn kính đâu.

3. Tôi là người phục tùng nho giáo, nên không dùng thứ lễ chuyên chế đặt ra từ Tần Thủy Hoàng về sau[2], ấy là gặp tên húy của vua thì phải tránh. Nhật Bổn đã bỏ lâu rồi, trên thế giới ngày nay, chỉ nước ta còn cách đó, cho nên tôi viết thẳng không kiêng để tỏ ý phản đối[3].

4. Chấm câu trong thư từ là mới đặt ra đây: Sợ Bệ hạ mất nhiều thì giờ, nên tôi dùng cách ấy[4].

Thành Mác-xây ngày 14 tháng 7 năm 1922
PHAN CHÂU TRINH
(*Phan Châu Trinh và Lê Ấm* dịch)
(Theo Nguyễn Văn Dương: *Tuyển tập Phan Châu Trinh.*
Nxb Đà Nẵng - 1995)

---

[1] *Địa vị đối đãi*: Tức địa vị ngang hàng với nhau.

[2] *Nc*: "Thuỷ Hoàng đốt sách chôn học trò, Khổng giáo bèn mất".

[3] Đoạn này ông Lê Ấm dịch không ổn, chúng tôi dịch lại.

[4] Đoạn này ông Lê Ấm không dịch, chúng tôi dịch cho đủ.

BÀI BÁO "VÌ NHÂN QUYỀN VÀ VĂN MINH MỘT NGƯỜI AN NAM BỊ XUA ĐUỔI: ANH TA DÁM DÙNG NHÀ XÍ"[1]

"Bạn có muốn nhìn thấy một biểu hiện sáng chói về sự tôn sùng đối với La Fontaine bất tử không[2]? Đừng đi tìm đâu xa lắm. Ở Triển lãm thuộc địa tại Marseille, khu Đông Dương, bọn sói vẫn còn lúc nhúc mặc dầu đã qua 3 thế kỷ văn minh, mặc dù đã có tiến bộ về tư tưởng nhân quyền và công lý. Tội nghiệp những con cừu non An Nam bị cắt cổ, bị xẻ thịt và nhai nuốt ngay giữa nước Pháp, dưới con mắt của nước mẹ; vậy ta nghĩ sao về những việc xảy ra ở đất nước Đông Dương xa xôi kia?

Liền mới ngày 17 tháng 8 vừa rồi, một họa sĩ trẻ tuổi người Nam Kỳ, của Sở kiến trúc Đông Dương, Phan Hiếu Kinh, 17 tuổi bị đuổi ra khỏi phòng làm việc và bị đuổi việc luôn, trong hoàn cảnh như sau: Phan Hiếu Kính đã sử dụng (như anh ta đã luôn sử dụng trong 16 tháng ở bộ phận kiến trúc, nơi anh được Toàn quyền Đông Dương cử đến làm việc) những nhà xí nói là chỉ dành riêng cho viên chức Pháp.

"Ai cho mày làm uế tạp nơi đây?", một con sói nói. Con cừu non phân trần, nêu rõ là không có nơi nào khác... Nhưng một con sói thứ hai đã vụt đến, sau khi chửi Phan Hiếu Kính là "đồ bẩn thỉu" và suýt đánh anh ta, nó đã chạy đi tìm "sếp". Tên này đến, có 4 cảnh sát đi theo và Kính bị đưa ra cổng khu triển lãm như một kẻ phạm tội, "không có hình thức xét xử nào khác cả".

---

[1] Bài báo của Phan Châu Trinh do Nguyễn Minh Quang dịch sang tiếng Pháp đã đăng báo *Le Populaire* số ra ngày 22-8-1922.

[2] La Fontaine (1621-1695) thi hào Pháp nổi tiếng về thơ ngụ ngôn. Ở đây Phan Châu Trinh liên hệ với bài "Con sói và chú cừu non" của La Fontaine.

Và như vậy một người An Nam khốn khổ, chỉ mới 17 tuổi, được đưa từ thuộc địa để lợi dụng tài vẽ của anh ta, đã bị vứt một cách không thương xót ra vỉa hè Marseille, không tiền, không việc làm, không được sự bảo vệ nào cả. Và chỉ vì dám phạm trọng tội kể trên.

Phải chăng có sự phân biệt chủng tộc đến cả trong nhà xí? Người An Nam đã tham gia chiến tranh. Người An Nam đã hiến cho nước Pháp sinh mạng và của cải. Người An Nam đã góp tiền của, từ mồ hôi và máu của mình làm ra để xây dựng nên lâu đài Đông Dương tại triển lãm Marseille, vậy mà họ không có quyền, dù chỉ là đặt chân vào một nhà xí dành cho người Pháp.

Thưa Ngài Bộ trưởng Sarraut, Ngài là người được mệnh danh là "cha của dân An Nam và được họ thực lòng yêu mến", Ngài cần biết là danh tiếng tốt đẹp của Ngài sẽ bị lu mờ nếu Ngài không thỉnh thoảng để mắt kiểm tra hành động của những thuộc hạ của Ngài.

Ký tên: Phan Châu Trinh

Sao y bản chính
Phái viên đặc biệt
Ký tên: Không rõ

(Theo Lê Thị Kinh. Sđd)

MẬT BÁO CỦA JOLIN VỀ CUỘC NÓI CHUYỆN TẠI MARSEILLE NGÀY 24-8-1922

Số 244
Buổi nói chuyện của Phan Châu Trinh
tại trường Đảng Xã hội Marseille (24-8-1922)

BIÊN BẢN

Tôi hân hạnh báo cáo với Ngài về buổi nói chuyện của Phan Châu Trinh về nước An Nam dưới sự bảo trợ của Hội Nhân quyền và của Đảng Xã hội ở Marseille. Thông báo về buổi nói chuyện này đã được đăng trên báo "Le Radical" *và* "Le Petit Provençal" *các ngày 26 và 28 tháng 8, với lời diễn đạt khác nhau như Ngài đã thấy.*

Cuộc họp diễn ra vào 21h30 ngày 24 -8 khoảng 160 người có mặt, trong đó có 70 người An Nam, một người Cao Miên, ông hoàng Areno Yukanthor, 12 phụ nữ Pháp. Chủ tịch Đảng Xã hội giới thiệu và cảm ơn công chúng, đặc biệt là "các đồng chí An Nam" đến dự khá đông.

Ông chủ tịch giới thiệu với công chúng ông Phan Châu Trinh, một con người rất thông minh, rất có học thức và biết cặn kẽ vấn đề vương quyền ở An Nam.

Rồi ông nói thêm: "Cuộc nói chuyện này vì thế đặc biệt là bổ ích và tôi khuyên các vị nam nữ công dân cần chăm chú nghe".

Sau đó ông chủ tịch cảm ơn ông Phan Châu Trinh cũng như người thông ngôn của ông là Nguyễn Minh Quang đã có nhã ý đáp ứng yêu cầu của Hội nhân quyền và Đảng Xã hội để có buổi nói

chuyện này về nước An Nam.

Sau những lời này, ông nhường lời cho diễn giả.

Phan Châu Trinh đứng dậy và nói bằng tiếng An Nam. Ông nói lên các lời lẽ sau:

"Tôi xin cảm ơn các đồng chí thân mến của tôi đã tới dự đông đảo tối nay để nghe cuộc nói chuyện về nước An Nam mà tôi được vinh dự trình bày. Điều mà tôi sắp nói với các bạn, không phải là chống chính phủ Pháp mà chống nhà vua An Nam đã chủ trương nền độc tài.

Tôi coi nước Pháp như Tổ quốc thứ hai của tôi, vì từ 12 năm nay, nước Pháp đã cho tôi được cư trú và bảo trợ. Chính nhờ có nước Pháp mà tôi không bị áp bức bởi ông vua độc tài và các quan lại khúm núm xum xoe.

Năm 1907, tôi đã lập ra các trường học ở nước Nam để dạy trẻ, và các quan lại ghen tức với các việc làm của tôi, đã vu khống tôi, đã coi tôi là cách mạng và tôi đã bị kết tội tử hình.

Hội Nhân quyền đã hành động ngay lập tức, can thiệp với Phủ Toàn quyền ở Đông Dương. Lúc đó quan Toàn quyền là Beau đã giảm án tử hình xuống thành lưu đày 3 năm ở Côn Đảo. Hết hạn, tôi được đưa sang Pháp và ở cho đến ngày nay.

Tôi muốn có cuộc nói chuyện này ở đây ngay vào lúc Hoàng đế An Nam đi qua Marseille, nghĩa là hôm 10-8 vừa qua, nhưng cuộc nói chuyện đó đã bị cấm.

Tôi vừa viết thư gửi Hoàng đế An Nam, hỏi ông ta đã làm gì cho hạnh phúc của người An Nam trong 7 năm qua, từ khi ông ngồi trên ngai vàng? Tôi xin ông Nguyễn Minh Quang đọc bức thư mà tôi đã gửi cho Hoàng đế Khải Định và dịch sang tiếng Pháp tất cả những gì tôi vừa phát biểu.

Để kết thúc, tôi xin lưu ý các đồng chí và các bạn về sự việc một số người An Nam thích nịnh hót người Pháp. Họ tìm cách biết các điều bí mật trong tư tưởng và hành động của các bạn để phản bội các bạn.

Vậy nên tôi xin đồng bào thân mến của tôi hãy dè chừng những "tên An Nam dã man" này, nhưng mà đừng sợ hãi chúng.

Hãy yêu quý đất nước An Nam đáng thương của chúng ta, từ xa cũng như ở gần, bởi vì người nào cũng phải mến yêu Tổ quốc

mình".

Nói đến đây Phan Châu Trinh nhường lời cho người phiên dịch Nguyễn Minh Quang. Ông Quang đứng dậy, cam đoan với công chúng rằng ông sẽ dịch trung thực và đúng từng câu chữ điều gì mà diễn giả đã nói (dù sao ông Nguyễn Minh Quang đã tránh không dịch đoạn mà Phan Châu Trinh nói bóng gió đến những người bản xứ trung thành với Chính phủ và đặc biệt đến những người ở Sở kiểm tra, giám sát mà diễn giả cho là những người An Nam dã man).

Sau khi đã dịch sang tiếng Pháp những gì mà Phan Châu Trinh đã phát biểu, Nguyễn Minh Quang đọc bức thư của Phan Châu Trinh gửi hoàng đế An Nam.

"Trong thư Phan Châu Trinh nêu 7 điều chỉ trích chủ yếu chống nhà vua.

Ông cho nhà vua là hoang toàng, lãng phí, độc đoán, tham nhũng, kiêu căng...

Ông khuyên nhà vua nên noi gương của nước Nhật, trong 40 năm đã có được Viện dân biểu, quân đội, nhà máy, vũ khí, tàu bay, hạm đội ở trong nước. Bây giờ Nhật trở nên một trong những nước hùng mạnh nhất thế giới.

Còn Hoàng đế, ông đã làm gì từ 7 năm nay? Ông đã để một số tên quan lại già nua, khúm núm, vô học, tham nhũng lấn át. Ông dắt dẫn thần dân của ông vào cảnh khốn cùng.

Không có người Pháp thì nhân dân An Nam sẽ ra sao đây?

Ông chi tiêu một khoản tiền khổng lồ để nuôi bọn mật thám chạy khắp thôn làng để biết thần dân của ông nói gì về ông. Nếu họ nói những hành động xấu, những tác hại ông gây nên thì ông bóp nghẹt họ, tống họ vào nhà tù với những hình phạt dã man.

Đi tàu thủy, ông biếu cho các sĩ quan rượu sâm banh thượng hạng, ông phân phát huy chương cho thủy thủ. Ông cho "pourboire" hàng 20.000F cho bồi bếp. Nói tóm lại, ông vứt tiền vô tội vạ.

Này, này, tiền mà ông phung phí ấy, ông lấy ở đâu? Ông đã ăn cắp của bao phụ nữ đang kêu "tôi đói quá" và của bao trẻ em đang kêu "tôi rét lắm!".

Ông chụp ảnh với cảnh các quan, chắp hai tay, đầu cúi, phủ

phục sát đất như một bầy khỉ.

Những ảnh này được chiếu trên màn hình khắp thế giới. Đâu đâu người ta cũng chế diễu khi thấy ông còn giữ những tập tục dã man.

Cuộc viễn du của ông chỉ là vì lợi ích riêng của cá nhân ông, dân chúng chẳng trông đợi gì ở ông cả!

Tôi còn biết rằng ông đã kiếm được 200F tại các cuộc đua ngựa ở Longchamp.

Thay cho việc du hí, sao ông không đi thăm các chiến trường, nơi mà hàng ngàn binh lính An Nam đã chiến đấu dũng cảm để cứu nền văn minh nhân loại, nơi mà họ đã đổ bao máu để ông có an ninh?

Sao ông không đến thăm Hạ nghị viện và Thượng nghị viện? Ở đó, ít nhất ông cũng học được cách người ta tranh cãi công việc quốc gia như thế nào.

Ở Marseille, chỉ có Nam Kỳ và Bắc Kỳ là có sản vật trưng bày tại Triển lãm Thuộc địa bởi vì hai xứ này được cai trị bởi chính phủ Pháp.

Ông đã làm gì cho nhân dân Trung Kỳ khi cai quản xứ này?

Không phải dân chúng căm giận cá nhân con người ông mà là tức giận nhà vua An Nam.

Ông hãy mau thoái vị đi, để cho Chính phủ Pháp chăm lo, chỉ huy công việc của đất nước, có thể như thế thì ông mới được nhân dân tha thứ..."

Sau khi đọc xong bức thư, Nguyễn Minh Quang phát biểu:

"Nếu Hoàng đế An Nam phải vội về nước sớm, chính là vì bức thư của cụ Phan Châu Trinh, đúng như báo "Nhân đạo" *ngày 10-8 đã khẳng định (cắt kèm theo bài nhan đề:* "Cuộc chạy trốn của Khải Định"*).*

Thưa các nam nữ công nhân, chưa bao giờ một người An Nam dám đến tận đây lên tiếng chống sự chuyên chế của nhà vua và quan lại của ông ta. Cụ Phan Châu Trinh là người duy nhất đã dám lớn tiếng và công khai trình bày những ý kiến của cụ.

Xin các vị hãy tin rằng tất cả những gì mà cụ Phan vừa nói với các vị là chân lý và cũng là những gì mà 20 triệu con người An Nam suy nghĩ.

May mắn thay là chúng ta có ở đây nước Pháp chân chính (ông Quang chỉ vài người Pháp ngồi gần ông ta) và không bao giờ chúng ta xa rời Pháp quốc khi chúng ta còn ở trên dải đất của tự do và bình đẳng xinh đẹp này.

Chúng tôi yêu cầu các vị, những công dân của nước Pháp chân chính hãy dẫn dắt chúng tôi lên con đường của văn minh. Hãy cho chúng tôi được học hành và xin trả chúng tôi tự do mà các vị đã tước đoạt bằng cuộc chinh phục của các vị.

Chúng tôi chỉ muốn nói ở đây vấn đề nền quân chủ ở An Nam thôi, bởi vì nếu chúng tôi đề cập các vấn đề chính trị của Toàn quyền ở Đông Dương, người ta sẽ lên án chúng tôi là chống Pháp.

Chống Pháp bởi vì chúng tôi trình bày chính kiến của chúng tôi.

Chống Pháp bởi vì chúng tôi đòi quyền lợi của chúng tôi.

Chống Pháp bởi vì chúng tôi phê phán những hành động tai hại của chính phủ Pháp.

Nếu những điều mong ước của chúng tôi không được chấp thuận, chúng tôi sẽ báo động cho dân An Nam, chúng tôi sẽ lớn tiếng kêu gọi những người Pháp chân chính, và cùng với 20 triệu đồng bào An Nam của chúng tôi, chúng tôi sẽ tiến hành chiến tranh đổ máu.

Ngày nào chúng tôi còn giẫm chân trên đất Pháp này, ngày nào chúng tôi còn hít thở cái không khí tự do này, chúng tôi còn theo đuổi đến cùng nhiệm vụ đã được khởi đầu cho tới khi được vừa ý.

Trên cơ sở những điều đã trình bày, tôi xin tung hô:

"Nước Cộng hòa Pháp muôn năm!

Nước Cộng hòa Đông Dương muôn năm! "

Nguyễn Minh Quang phát biểu có phần tự tin, có sức mạnh, dùng cử chỉ làm mạnh thêm lời nói.

Ông ta đã hoan hô nhiệt liệt và từ mọi phía, người Pháp, cũng như người An Nam, đã lên khen ngợi và bắt tay ông ta.

Sau đó, ông chủ tịch tuyên bố bế mạc buổi họp nhưng một người Pháp (mà người ta cho có thể là Thư ký Hội Nhân quyền) đứng dậy và yêu cầu đọc công khai bài báo đăng trên tờ Le Populaire *ra ngày 22-8, kể lại việc thải hồi một cách vô lý ông*

Phan Hiếu Kính, họa sĩ tại Văn phòng kiến trúc Triển lãm Thuộc địa (Bài báo của tờ Le Poulaire *kèm theo).*

Sau khi đọc ông ta yêu cầu là tên hoặc những tên tội phạm đã đưa lý do đuổi họa sĩ Kính phải bị trừng phạt.

"Tôi bảo rằng đó không chỉ là độc đoán mà một sự lạm dụng quyền lực.

Vậy nên tôi không đòi chặt đầu kẻ mắc lỗi mà đòi bắt anh ta chịu một sự trừng phạt công khai".

Rồi ông ta nói với Kính:

"Tôi đề nghị đồng chí thân mến của tôi (Kính) làm đơn khiếu nại ngay, càng sớm càng tốt, với bằng chứng để chứng minh và xin chuyển đơn đến văn phòng Hội Nhân quyền ở Marseille.

Nếu thấy rằng sự khiếu nại của các vị là đúng thì chúng tôi sẽ thưa kiện ngay lập tức với nhà chức trách có thẩm quyền để cho những kẻ hoặc cá nhân nào phạm tội sẽ bị trừng phạt nghiêm khắc".

Sau những lời này, buổi họp bế mạc.

Bản thân tôi đã đích thân tới dự buổi nói chuyện này để xem không khí phòng họp, và biên bản này đã được các nhân viên của chúng ta thực hiện.

Ký tên: JOLIN
(Theo Lê Thị Kinh. Sđd)

THƯ GỬI BÁO *LE POPULAIRE*[1]

Marseille, ngày 1 tháng 9 năm 1922

Ông chủ báo và công dân thân mến,

Tôi xin báo đã nhận đủ năm mươi bản số báo Le Populaire *ngày 22 tháng 8 trong đó ông có nhã ý đăng bài của tôi về họa sĩ Nam Kỳ ở Triển lãm Thuộc địa. Tôi xin nhiệt liệt cám ơn ông, nhân danh tôi và nhân danh tất cả người An Nam do tôi đại diện ở Marseille về sự giải quyết cho đăng rất quảng đại ấy, làm cho công chúng tại chính quốc biết được một trong rất nhiều bất công mà bọn thực dân thực hiện hằng ngày với dân thuộc địa.*

Chúng tôi đang lập tại Marseille với sự thỏa thuận của chi nhánh Liên minh Nhân quyền Marseille một Hội Ái hữu xã hội người Đông Dương tại Marseille[2]*. Hội này nhằm bảo vệ các lợi ích chung và khiếu nại tập thể chống lại các biện pháp độc đoán đối với nhóm chúng tôi.*

Tôi xin ông chủ báo và công dân thân mến sẽ giúp chúng tôi một chỗ nhỏ để đưa được lên quý báo. Đó là một nghĩa cử lớn đối với người An Nam chúng tôi và tôi xin thay mặt họ gửi đến ông lời cảm ơn trước.

Phan Châu Trinh
Villa Domenget - Mazargues - Ngoại ô Marseille
(*Di cảo* - Gia đình lưu)

---

[1] Báo *Le Populaire* (Dân chúng) là cơ quan ngôn luận của Tổng Công đoàn Pháp (CGT).

[2] Không tìm thấy thông tin về *Hội Ái hữu xã hội người Đông Dương tại Marseille* đã được dự báo này.

THƠ KÍNH GỬI ÔNG GIÁM ĐỐC BÁO L'HUMANITÉ[1]

Ngày.....

Tôi là một người trong giới chính trị An Nam, cư ngụ tại Pháp từ 11 năm nay.

Tôi luôn luôn tấn công chế độ trung gian và áp chế ở nước tôi do chính phủ Pháp ủng hộ dung túng. Đề cập đến tình hình hiện nay, tôi xin đơn cử một thí dụ: Người ta sẽ đưa đến Hội chợ thuộc địa ở Marseille, hoàng đế An Nam và đoàn tuỳ tùng. Người ta đã "sơn phết" một ông vua mà nhân dân An Nam không muốn có nữa. Với những điều kiện như thế, làm sao hai dân tộc gần nhau được?

Cho nên, tôi muốn làm sáng tỏ những điều đã xảy ra ở nước tôi để dư luận Pháp biết rõ. Tôi viết vài bài báo, và xin phép ông xin gởi một bài kèm theo, và yêu cầu ông cho đăng trên báo.

Tôi được biết ông chẳng bao giờ từ chối việc bênh vực công lý và luật lệ. Tôi mong ông sẽ đăng bài này dù - cái giọng trong bài - mà tôi xin ông để riêng ý tưởng đảng phái một bên, và chỉ coi đây là một việc làm có ích và tốt đẹp mà ông đã góp cho một thuộc địa xa xôi...

Xin ông nhận lời chào...

Phan Châu Trinh
Ngụ tại nhà ông Luật, số 1 phố Arméný.Marseille

(Trích từ Nguyễn Q. Thắng: Phan Châu Trinh. Cuộc đời và tác phẩm. Nxb Văn học - Hà Nội - 1992.tr.181).

---

[1] Trong sách của Nguyễn Q. Thắng không cho biết thư này viết ngày nào đăng trên *L'Humanité* số nào, ra ngày nào?!

THƯ PHAN CHÂU TRINH KÍNH GỬI GIÁM ĐỐC BÁO L'HUMANITÉ

Ngày 30-9-1922

Tôi yêu cầu ông đăng bài dưới đây để trả lời bài đã nói về tôi trong số báo hôm 14-9-1922.

"Người An Nam này muốn gì mà than phiền?" (tựa bài báo đã viết về Phan Châu Trinh).

L'Humanité đã đăng trong trang tư vào ngày 14-9 vừa qua, đã ám chỉ cá nhân tôi. Luận điệu bài này đã dùng một giọng cãi vã (querelleuse). Mặc dầu người viết giấu tên, tôi cũng biết, nhưng không đưa ra đây để làm vui lòng ông ta. Tác giả bài này có vẻ trách tôi là hay chiều ý đối với hành chính Pháp. Nếu tôi đã như vậy, là vì tôi tôn trọng sự thật. Vả lại, tôi không ngại nói tốt cho cả những người đã làm hại tôi (ám chỉ Leriche)

Người ấy, đã nói là tôi bối rối không biết sẽ đòi có chế độ nào ở nước tôi, khi tôi đòi bỏ chế độ quân chủ. Người ấy nên biết rằng, tôi chẳng có bổn phận gì phải đến trình bày những dự kiến của tôi. Hơn nữa, không phải một đề tài quan trọng như vậy có thể chỉ viết một vài hàng như người ấy đã viết.

Sau cùng người ấy hỏi, có phải tôi ở trong đảng Jeune Annam như quan ba Huân? Tôi không biết đảng ấy cũng như ông Huân. Vả lại, nếu tôi là Xã hội hay Lập hiến, hay Cộng sản... thì người ấy cũng chẳng có quyền gì mà hỏi tôi về vấn đề ấy, và tôi không bắt buộc phải nói ý kiến của tôi ra.

Người ấy có lẽ đã trách tôi sao lại cắt thư từ với ông ta? Tự người ấy nên tìm hiểu chữ "tại sao?" Và nhất là bài người ấy đã viết về nguyên nhân "trốn chạy" của Khải Định (Tức là việc Khải Định rút ngắn thời gian tham quan nước Pháp sau khi có thư thất điều của Phan Châu Trinh đăng báo).

Đó là những điều mà tôi yêu cầu báo L'Humanité đăng.

Xin chào...

Phan Châu Trinh

(Theo Nguyễn Q. Thắng. sđd tr.185-186).

MÙA ĐÔNG... MUỐN TRỞ VỀ QUÊ[1]

Tiểu dẫn: Tháng 12 năm qua (tức 12 - 1921) tôi có dịp gặp Phan Châu Trinh ở Bưu điện đường Gobelins, Paris. Tại cửa trả tiền có một người An Nam đưa giấy nhận tiền. Cô nhân viên hỏi tên. Ông ta nói: "Phan Châu Trinh!" Tôi nhận ra ông và nói với cô nhân viên: "Đúng ông ta là Phan Châu Trinh và là một nhà cách mạng quan trọng đấy!"

Phan Châu Trinh ngạc nhiên hỏi tên, địa chỉ của tôi rồi mấy ngày sau đến thăm tôi. Tuyết bắt đầu rơi. Mặc dầu ăn mặc đàng hoàng, nhưng Phan Châu Trinh vẫn run cầm cập. Ông nói:

- Mùa đông trở lại, và với nó là một nỗi đau khổ. Tôi muốn trở về quê quá! Quê hương làng xóm ấm áp biết bao! Ở đây tôi làm nghề chấm sửa ảnh, làm ở Đại lộ Gobelins và trú tại ngõ cụt Gobelins. Tôi kiếm sống khó khăn. Tôi đang xin Bộ trưởng Thuộc địa, ngài Saraut cho trở về nước. Bộ trưởng thì đồng ý, nhưng nhà cầm quyền Đông Dương và Trung Kỳ thì khăng khăng từ chối. Thế mà tôi ngày càng già và tôi hiểu mình đã bảo vệ những ý kiến, những đường lối mà người khác đã lợi dụng để làm giàu trong khi tôi thì khổ sở. Ông có thể can thiệp cho tôi sớm về được không?

S. thực hiện
Báo Echo Annamite số 398
ngày 26-10-1922

(Theo Lê Thị Kinh (tức Phan Thị Minh):
Phan Châu Trinh qua những tài liệu mới Tập II.
Nxb Đà Nẵng - 2003.
Những bài có chung xuất xứ từ sách của Lê Thị Kinh (tức PTM)
chúng tôi chỉ ghi là Theo Lê Thị Kinh - Sđd)

---

[1] Đầu đề cho NBS đặt.

THƯ GỬI ALBERT SARRAUT - BỘ TRƯỞNG BỘ THUỘC ĐỊA

Marseille ngày 19-12-1922

Thưa Ngài Bộ trưởng[1],

Thế là đã 12 năm Ngài cai quản vận mệnh dân An Nam. Biết bao khổ đau và cùng quẫn tôi đã phải chịu đựng trong khoảng thời gian này. Mặc dù vậy tôi không bao giờ mất hy vọng ở Ngài, biết rằng Ngài là một đảng viên của Đảng Xã hội cấp tiến, Ngài - một chính khách lớn, có tầm nhìn xa rộng, có tư tưởng hào hiệp, độ lượng - Ngài không thể nào giận ghét một người như tôi. Nếu điều đó trước đây đã xảy ra, thì chẳng qua chỉ là do hiểu lầm, và sự nhầm lẫn này sẽ dễ dàng được làm sáng tỏ.

Mặt khác, các bài diễn văn mà Ngài đã đọc ở Đông Dương , những lời hứa hẹn của Ngài trước hàng ngàn dân bản xứ ở Bắc Kỳ, Nam Kỳ và kế hoạch về chính sách ở Đông Dương mà Ngài có nhã ý thông báo cho tôi biết, đã tăng cường và ngày càng tăng cường thêm hy vọng và niềm tin của tôi. Tôi đã luôn luôn tự nói như vậy, và ngay lúc này đây, tôi vẫn còn nói là nếu các dự định khảng khái của Ngài được thực thi, thì:

1. Tôi rất mừng được là một trong các cộng tác viên tương lai của Ngài.

2. Như vậy, Ngài sẽ kéo người An Nam chúng tôi ra khỏi vực thẳm để đưa họ lên con đường tiến bộ, văn minh. Ước mơ của tôi

---

[1] Đây là thư thứ 3 *Phan Châu Trinh gửi Albert Sarraut*, tiếp theo thư ngày 8-6-1922, sau hơn 6 tháng chờ đợi. Về cơ bản thư này không khác với thư còn lưu ở *Di cảo*. Bản này dịch theo Hồ sơ bản tiếng Pháp SPCN 373. PTM.

sẽ được thực hiện, và niềm hạnh phúc đó sẽ thừa sức bù lại các bất công, bất hạnh mà tôi phải chịu đựng cho đến nay.

3. Chắc chắn là Ngài sẽ không bao giờ quên tôi.

Tuy nhiên, khi tôi nghĩ đến hoàn cảnh hiện nay của người An Nam ở Đông Dương, và của những người An Nam ở Pháp cũng như hoàn cảnh của chính bản thân mình, tôi nhận thấy, và tôi tin chắc như vậy, là từ lâu nay tôi sống trong một ảo tưởng mà chẳng hề tự biết. Đó là lý do giải thích sự thất vọng và chán nản của tôi hiện nay mà sức mạnh dù sao cũng không thể ngay một lúc thắng được niềm tin quá sâu sắc của tôi đối với Ngài.

Cho nên, trước khi mà niềm tin này hoàn toàn bị xóa sạch, lương tâm buộc tôi phải viết bức thư này, và có lẽ là bức thư cuối cùng!

Tất cả điều gì viết tiếp sau đây đều thuộc lĩnh vực quá khứ; làm sống lại quá khứ phỏng có ích gì? Tuy nhiên e rằng Ngài có thể đã quên, hoặc Ngài chỉ biết không hoàn toàn, hay là có thể đã biết đấy, mà Ngài không nghĩ tới nữa, nên trước khi rời khỏi Pháp quốc, tôi xin trình bày với Ngài bức tranh tóm lược về mọi sự phiền nhiễu mà Phan Châu Trinh này đã là nạn nhân, trong 10 năm sống liên tục trên đất Pháp.

Trước hết, xin phép nhắc lại Ngài là theo đơn thỉnh cầu hồi tháng 10 năm 1911 của tôi, Ngài đã cho phép tôi ở lại Pháp, mục đích của tôi là qua tiếp xúc lâu dài, tìm cách học hỏi nền văn minh Pháp để sau này phổ biến lại cho đồng bào tôi và thúc đẩy họ trông cậy vào sự ủng hộ của nhà nước bảo hộ.

Để đạt mục đích này, tôi đã có được sự bình tâm cần thiết chưa? Còn xa mới được. Tôi đã bị hết phiền nhiễu này đến phiền nhiễu khác, khiến cho tôi phải sống trong mối lo âu triền miên. Hàng loạt điều xúc phạm từ chính phủ thuộc địa bắt đầu từ 1912. Đó là hồi tháng 5, ông Guesde bắt tôi và con tôi phải cư trú tại thành phố Dieppe[1]. Hơn nữa, đi đâu một chút là phải xin phép.

Khi xung đột vừa mở màn năm 1914, người ta cho khám xét nhà tôi. Người ta đưa tôi ra xét xử. Người ta bắt tôi, ngược đãi tôi, cầm tù tôi trong mười tháng. Người ta nêu ra được gì chống đối

[1] Thị trấn của quận Seine Maritime trên bể Manche. Có thành phố cổ từ thế kỷ 15. Có bãi tắm, cảng đánh cá và thương mại.

tôi? Chẳng có gì cả! Người ta buộc phải trả tự do cho tôi nhưng tất cả các giấy tờ riêng của tôi bị tịch thu chưa hề được trả lại[1].

Năm 1915, người ta có vẻ hối tiếc đã thả tôi. Vì thế, họ đã cắt khoản phụ cấp của tôi. Thế là giữa chiến tranh, tôi bị vứt ra vỉa hè Paris, không có nguồn sinh sống, phải đấu tranh với sự khốn cùng, cho đến ngày mà tôi có thể tìm được kế sinh nhai, bằng chính sức của mình.

Ba năm nữa trôi qua. Lúc ấy đã là 1918. Tôi yên ổn kiếm sống ở Bordeaux. Nhà cầm quyền thuộc địa còn muốn gì nữa, tôi chưa đoán ra được nhưng nhìn vào sự việc, thì chính là để có niềm vui làm cho tôi buồn phiền. Quả nhiên, tháng 11 tôi nhận được một lá thư của ông Capus kèm theo bản sao một bức điện của Chính phủ Đông Dương, bức điện gợi ý nhà cầm quyền sẽ tạo cho tôi sự giúp đỡ nếu tôi quay trở về Tổ quốc. Đầy tin tưởng, tôi bỏ việc, dành dụm tiền nong, trở về Paris, gặp ngài Capus, Ngài bảo: "Chính phủ sẵn sàng cho ông và con trai ông hai vé tàu hỏa đến Marseille để xuống tàu về Đông Dương") và 300francs tiền đi đường. Đó là tất cả những gì tôi cần nói với ông". Tôi xin để Ngài suy nghĩ về việc này. Về phần tôi, rất phật ý, tôi đã viết thẳng cho Ngài khi ấy đang ở Đông Dương. Thư ấy chẳng bao giờ được trả lời.

Năm 1919, Ngài đã là Bộ trưởng Thuộc địa, tôi ở thành phố Pons (Charente - Hạ). Phải rất nhiều lần đi đến Paris và qua nhiều động tác can thiệp, tôi mới có thể được Ngài tiếp kiến. Lúc đó Ngài đã khuyên tôi khoan về nước (điều này tôi sẵn lòng làm ngay) và cho tôi một bản sao kế hoạch về chính sách của Ngài ở Đông Dương. Ngài đã nói với tôi là phải chờ đợi khi nào Ngài trở lại xứ này thì tôi hãy về nước, điều đó tôi cũng đã tuân theo.

Cho đến tận 1921 tôi luôn luôn giữ được sự tin cậy không gì lay chuyển được đối với Ngài, nhưng niềm tin cẩn ấy được thay thế bằng mối nghi ngờ và sự thất vọng kể từ ngày được Ngài tiếp, tôi nhận thấy có một sự thay đổi sâu sắc trong cách tiếp đón. Hơn nữa, bằng một giọng đe dọa, Ngài cho tôi hiểu là nếu tôi trở về

---

[1] Phan Châu Trinh nhiều lần nhắc lại vấn đề này, kể cả trước khi xuống tàu về nước. Các giấy tờ này chúng tôi chưa tìm thấy; có khả năng được lưu trong hồ sơ của Tòa án quân sự số 1 vùng Paris.

Đông Dương, các quan An Nam sẽ sẵn sàng làm hại tôi. Trước thái độ hoàn toàn bất ngờ của Ngài, tôi đã trả lời ngay với Ngài: "Miễn là Ngài không giúp họ, tôi sẵn sàng đưa đầu tôi ra xem họ sẽ làm gì". Tôi tin rằng ngài đã xét đoán một cách rất nghiêm khắc câu trả lời này.

Sau cuộc tiếp kiến này, tôi ra về thất vọng và quyết định đi xa. Tôi nói quyết định này cho một người bạn thân là ông Babut, ông ta khuyên tôi đừng nản chí. Ông ấy nói: "Tôi biết Ngài Bộ trưởng Sarraut chẳng những không giận mà còn trái lại, sẽ sẵn sàng tiếp ông một lần nữa". Thế rồi Ngài đi Washington. Tôi thì ở lại tại Paris cho đến tháng 11-1921, để chờ Ngài trở về.

Nhưng tiền dành dụm của tôi ngày càng cạn dần. Mặt khác, tôi tự hỏi liệu sự chờ đợi sẽ có đạt được kết quả mong muốn hay không? Vì thế, tôi trở lại với quyết định rời nước Pháp. Hành lý của tôi đã sẵn sàng thì ông Babut giữ tôi lại và cho tôi biết là ông Guesde có lòng tốt, sẵn sàng giúp tôi cách có tiền sinh sống để chờ đợi Ngài. Ông Guesde thực tế đã cho tôi một việc làm ở Triển lãm Thuộc địa tại Marseille, lương tháng là 650 francs. Tôi vui vẻ chấp nhận, tin ở lòng tốt của ông Guesde mà ít ra tự tôi nghĩ rằng chỉ dùng công việc này làm cái lý do để ông xuất kinh phí. Sự việc thực ra đã khác hẳn. Một khi đến Marseille, tôi bị ép buộc phải lao động và phải chịu nhiều điều kiện khác. Xét theo những điều này thì tôi bị coi như một người khốn khổ đi tìm của bố thí. Nhân phẩm làm người của tôi bị tổn thương. Tôi viết thư ngay lập tức cho ông Guesde để khước từ công việc (tháng 4-1922). Thưa Ngài Bộ trưởng, xin Ngài xét đoán cho sự việc kể trên.

Vào tháng 5-1922, tôi được Ngài tiếp kiến ở Marseille. Ngài hoàn toàn ủng hộ mọi ý kiến chính trị của tôi về Đông Dương và tất cả những gì mà tôi yêu cầu. Mặt khác, Ngài đã nói với tôi rằng Ngài luôn luôn tiếp tục ở Đông Dương chính sách tự do đang được bắt dầu. Để nhắc lại cuộc nói chuyện của chúng ta, tôi lo vì bận quá nhiều công việc Ngài có thể quên, nên đã cẩn thận viết khá dài cho Ngài vài ngày sau đó. Tiếp thư của tôi, Ngài đã trả lời bằng cách giao cho ông Guesde thay mặt Ngài trao cho tôi số tiền 500francs là tiền riêng của cá nhân Ngài. Tôi cam đoan với Ngài rằng tôi chẳng hiểu ra sao cả. Xét rằng bổn phận của tôi là không được nhận món quà này, tôi đã nói miệng với ông Guesde, và tôi

đã gửi thêm tới Ngài một bức thư giải thích. Cho đến nay, bức thư này đã không có hồi âm. Tuy nhiên do sự sơ ý của người phiên dịch có mặt trong cuộc hội kiến, tất cả những gì tôi vừa thuật lại với Ngài đều bị người xung quanh tôi biết, và họ cho là tôi đã bị bỡn cợt.

Thưa Ngài Bộ trưởng, bức tranh của mọi nỗi bất hạnh của tôi khiến tôi đau khổ trong sáu năm qua là như thế đó. Tôi không nói ở đâu những nỗi đau đớn mà tôi phải chịu đựng suốt thời gian bệnh tật của con trai tôi ở Pháp, cũng không nói đến những sự khốn khổ gây cho người nhà tôi ở An Nam vào năm 1915-1916... Tất cả bao điều vô lý, bất công đó, hôm nay tôi trình lên Ngài xem xét và xin phép Ngài cho tôi nêu lên một câu hỏi: lòng dũng cảm nào mà chịu đựng được những điều như thế? Có nạn nhân nào mà không nản lòng? Vậy tôi phải làm gì khi người ta đối xử với tôi như vậy, và khi chính Ngài, thưa Ngài Bộ trưởng, người mà tôi đặt toàn bộ niềm hy vọng lại đối xử với tôi như tôi vừa mô tả? Tại sao tôi kiên trì sống ở Pháp mặc dầu nghề nghiệp của tôi thời gian gần đây không còn cho phép tôi đủ sống? Vì tất cả những lý lẽ trên, tôi quyết định sang Tàu, tìm công ăn việc làm, để bảo đảm cho một cuộc sống yên ổn cho ít năm cuối đời còn lại. Tôi lại vừa được biết là ở Đông Dương vừa ban hành một đạo luật trừng trị những người An Nam đi nước ngoài không có hộ chiếu bị khép vào tội lang thang du đãng. Vì vậy, với ý định sau này sẽ trở về An Nam, hôm 25-11-1922, tôi đã đến Sở cảnh sát trung tâm ở Marseille để xin hộ chiếu đi sang Trung Hoa. Tôi không biết đã có mệnh lệnh mật nào đó mà họ từ chối cấp hộ chiếu cho tôi. Họ yêu cầu tôi phải có giấy chứng nhận của Nha Kiểm soát những người lao động Đông Dương ở Marseille, 5 phố Noailles[1].

Xét rằng tôi là thường dân, ở Pháp đã 12 năm, có mọi quyền lợi như một người Pháp, rằng tôi không thể được coi như người lao động Đông Dương được chính phủ tuyển, nên tôi không nghĩ là

---

[1] Chú thích của Phan Châu Trinh trong thư này: Nha này phải thành lập trong chiến tranh (Đại chiến TG I). Nay tất cả các lao động Đông Dương đã về nước, tại sao vẫn còn giữ lại? Không những chỉ giữ lại mà còn biến thành một bộ máy thường trực, liên hệ với sở mật thám để săn đuổi một số người An Nam đáng thương đang kiếm cơm ở Pháp.

phải có nghĩa vụ cung cấp bản chứng nhận nói trên. Thế là người ta bắt tôi đi lại nhiều lần đến Sở cảnh sát. Dù vậy tôi vẫn không có hộ chiếu vì người ta trả lời tôi là phải "chờ đợi trên Paris trả lời". Tôi tự hỏi cái gọi là "chờ đợi trên Paris trả lời" là cái gì? Phải chăng đó là trả lời của Bộ Thuộc địa?

Những khó khăn này, xin phép được hỏi Ngài, đó là do Ngài hay do thuộc hạ của Ngài? Nếu có như vậy thì xin hỏi Ngài, theo văn bản luật nào mà người ta vi phạm đến như thế các quyền cá nhân của tôi? Cuối cùng xin hỏi Ngài là có một đạo luật nào cấm đoán công dân đi làm ăn kiếm sống?

Không cần phải nói với Ngài rằng những người An Nam này (trong đó có tôi) rất phàn nàn vì các hoạt động của Nha này. Ví dụ thử xem họ hành động với tôi như thế nào? Giám đốc của Nha này là Léon Josselme thuê tiền cho nhân viên theo dõi tôi khắp nơi, luôn luôn gọi điện thoại để có tin tức về tôi, tung tin khắp nơi (quán càphê, khách sạn) rằng tôi là một nhà cách mạng, một người chống Pháp, điều này đã gây nên tổn thất lớn cho thanh danh của tôi. Tôi đã nói tất cả điều này với ông Guesde.

Còn về những người An Nam làm ở trên tàu thủy họ thật sự sợ hãi Nha này. Ông Josselme đã nói với nhiều người trong bọn họ: "Ở nước chúng bay người ta giết bằng gươm, dao sắc, ở nước tao, chỉ giết bằng ngòi bút. Hãy nhớ rằng, chỉ một báo cáo đơn giản của ta, bọn bay có thể bị vĩnh viễn chôn vùi". Những lời nói quá đầy đủ ý nghĩa mà thực tế đã thể hiện trong phiền nhiễu đủ kiểu. Ví như mỗi lần một chuyến tàu cập bến Sài Gòn hay Hải Phòng, mật thám xuống ngay tàu và tìm cách làm rầy rà nhân viên An Nam bằng sự kiểm tra làm mất thể diện, trong khi ở Le Havre và Bordeaux người An Nam đã là đối tượng cho sự theo dõi kiểm tra rất chặt chẽ rồi.

Chỉ một nhúm người An Nam kiếm sống chật vật ở Pháp làm gì mà gây được tổn hại cho Pháp? Cảnh sát Pháp phải chăng là bất lực trước nhúm người An Nam này, Ngài thử nghĩ họ làm việc gì đáng sợ? Lợi ích của Nha này, nếu như có chút ít nào, thì có đáng để cho những món chi phí nó gây ra không? Một người "sếp" với 1000F/tháng, cùng 6 hay 7 nhân viên lương tháng 650F/người rồi chi phí cho văn phòng, trụ sở, thiết bị, v.v... số tiền

lãng phí hàng năm là bao nhiêu, số tiền ấy chẳng thể sử dụng tốt hơn ư, ví như cấp học bổng cho những học sinh, sinh viên An Nam xứng đáng nhất?

Qua xem xét tất cả những gì mà tôi được hân hạnh trình bày trên đây, nên kết luận như thế nào? Phải chăng là nhà cầm quyền thuộc địa luôn luôn theo đuổi tôi, tìm cách làm hại tôi đến cùng? Lý do của sự thù địch này là gì vậy?

Thưa Ngài Bộ trưởng, tôi xin chờ được Ngài trả lời giải thích cho tôi được rõ. Những mối ngờ vực chỉ có thể tiêu tan khi tôi có được những sự giải thích chính xác. Mệt mỏi vì tất cả những bất công này, đáng lẽ tôi phải nói lên cho 40 triệu người Pháp ở nước Pháp biết. Nhưng do tôi còn chút niềm tin vào sự công minh tối thượng của Ngài, cho nên tôi gửi Ngài bức thư này mà như tôi đã nói, là bức thư cuối cùng tôi viết cho Ngài.

Xin Ngài Bộ trưởng nhận cho những tình cảm trân trọng và tận tụy.

Ký tên: Phan Châu Trinh
Villa Domenget ở Marseille, Mazargues

(Theo Lê Thị Kinh - Sđd)

"CÁCH CAI TRỊ BÊN AN NAM: MỘT NGƯỜI TỰ NHẬN LÀ CHA DÂN AN NAM, SỰ NÓI MỘT ĐÀNG LÀM MỘT NẺO:

Me xừ Albert Sarraut, quan Thượng thư thuộc địa hiện bây giờ tức là quan Tổng thống Toàn quyền bên Đông Dương trong bốn năm giặc vừa rồi.

Trong mấy năm đó, dân An Nam đã bỏ ra bao nhiêu tiền, trôi ra bao nhiêu máu, dù là tình nguyện, dù là ép uổng, cũng là ráng sức bóp bụng chịu khốn nạn đau đớn, trước là giúp cho nước Lang Sa trong lúc hiểm nghèo, sau là làm cho thỏa sự muốn của ông ta.

Những lời ông ta hứa với dân An Nam, nay muốn nhắc lại, biên mấy trăm tờ giấy cũng không hết, nhưng tóm lại là ông ta sẽ hết lòng kêu ca với mẫu quốc đền ơn lại cho dân An Nam một cách xứng đáng, nghĩa là đổi lại cách cai trị rộng rãi cho dân bổn xứ có thể mở mang để đeo đuổi theo các dân tộc Á đông.

Tôi còn nhớ cái bài diễn thuyết của ông ta trong năm 1918: trước khi ông ta bước chân xuống tàu ông ta lại đinh ninh nói đi nói lại trước mặt mấy ngàn người An Nam ở trong Miếu Thánh tại Hà Nội.

Ông ta nói: "Cha về Tây chẳng phải là bỏ các con đâu, cha sẽ kêu xin những sự công bình cho các con đấy".

Vẻ vang thay! Ân hậu thay! Những lời nói của một người đứng đầu, thay mặt cho một nước dân chủ có danh tiếng trong cả hoàn cầu.

Những lời thuở đó dẫu không được cả mười thì còn năm, dân xứ nào nghe đến cũng phải vui lòng hả dạ, huống chi là dân An Nam đã bốn, năm mươi năm nay rên rỉ dưới một ách cứng cáp

nặng nề, thì lòng tin cậy lại càng sâu hơn:

Từ ngày đình chiến tới nay đã bốn năm rồi, tôi không dám ngờ hẳn rằng những lời hứa ấy là lời nói không, vì nói như thế chẳng hóa ra là mất cả danh giá của một nhà chính trị trong dạng lớn xứ này mà cũng làm nhẹ cả danh giá nước Tây hay sao?

Nay tôi sẽ nhắc ra một vài việc về cách chính trị rộng rãi bên Đông Dương là thế nào, để cho những người Pha Lang Sa xem xét, và sẽ đoán định lấy, có lẽ là công bình hơn tôi:

1. Viện tư vấn: *Bắc Kỳ và Trung Kỳ có lập ra một Viện hội đồng nhưng cấm không cho nói đến việc chính trị và những người nào đã có kêu nài một hai việc không công bình mà trong số các quan cai trị đã ghi rằng "anti-français" thì không được bầu cử và cũng không được ứng cử.*

2. Phép luật: *Luật An Nam chép lại bộ luật Tàu đã hơn một ngàn năm nay không thứ không lớp, thiếu đầu thiếu đuôi, và lại không hợp với cách cai trị thuộc địa, ba bốn mươi năm nay chẳng ai dùng đến, cũng như là không luật. Nay bộ luật mới của ông Xarô làm ra mới thi hành thử ở tỉnh Hà Đông (Bắc Kỳ). Luật đó chưa biết là thế nào, nhưng kể ra đây một điều trong (mục) VII về luật hình: những người lưu cư ở ngoại quốc mà không giấy thông hành thì phải tội "Vagabondage"*[1], *xem đó thì đủ biết nội dung luật ấy là thế nào?*

3. Học hành: *Chữ Tàu là bỏ đứt đi rồi, chữ Quốc ngữ chưa thành một thứ chữ công dụng được, tiếng tăm không có, sách vở không đủ, tự điển, tự vị cũng không. Vậy chữ Tàu không cấm cũng như cấm, chữ Quốc ngữ không bỏ cũng như bỏ vì là Nhà nước chẳng trông nom đến nữa.*

Còn chữ Tây không đủ trường cho dân học, có lẽ một triệu người mới có được một cái trường, vả lại nếu làm đủ trường cho hai mươi triệu con người học, ai ai cũng biết chữ Tây cả, chắc là các người Tây thuộc địa cũng không bằng lòng.

Những sách Tàu có tư tưởng mới cấm hẳn không được vào nước An Nam, sách Tây tuy không cấm rõ ràng nhưng người ở bên Tây gởi về, mười mất hết chín, còn người nào mua đem về trong

---

[1] Vagabondage: du đãng

lúc xét thùng, thường hay chận lại, người nào cố cãi cọ lấy cho được một quyển sách, thì lại bị một nốt xấu là "anti-français" (người An Nam thường than thở rằng: đời nay những người say rượu, nghiện thuốc phiện xem ra Nhà nước có lòng binh vực, còn những người đọc sách Tây sách Tàu phải giấu lén như thằng ăn trộm, lạ thay!).

4. Ngôn luận: *Nhật trình chữ Tàu chỉ có một cái* Nam phong *là tính chất bán công báo, phần nhiều là để tán tụng các quan cai trị Tây và các vua với quan An Nam.*

Nhật trình chữ quốc ngữ cấm không được nói đến sự chính trị, rất đỗi đến nói về lịch sử, phong tục có câu gì nói động đến vua quan cũng bị cấm cả.

Nhật trình chữ Tây cho phép nói, nhưng phải người dân Tây mới được lập, mà lại tìm hết cách không cho người An Nam vào dân Tây (trong năm năm giặc những người An Nam vào dân Tây độ sáu, bảy người mà thôi) vậy cũng chẳng khác gì cấm tuyệt.

5. Du lịch: *Trong nước từ xứ này sang xứ nọ cũng buộc phải lấy giấy thông hành. Cách lấy giấy ấy rất là khốn nạn, trước phải làm giấy xin phép Sở cò, Sở ấy lại giao cho Sở mật thám, hai sở ấy đã nhận rồi lại phải đi tới sở lấy hình ảnh, chụp ảnh mặt nghiêng mặt ngửa, lại phải cởi quần áo ra cho người ta xem xét những dấu vết trong mình, trừ ra đàn bà khỏi cởi quần mà thôi, xong rồi lại phải in cả hai bàn tay làm dấu. Sau lại gởi lên quan [cai trị] ký tên mới được đi, nếu quan không ký tên ấy là bị hành như thằng tù mất mấy ngày mà không được đi đâu cả, chán thế còn ai muốn đi đâu nữa.*

Tôi có trông thấy mấy cái giấy thông hành của các ông délégué[1] *qua dự cuộc đấu xảo là những người thượng lưu cả, mà trong giấy dán đủ thứ ảnh, mười ngón tay chập vào đen thui thui, chẳng khác gì cái sổ thằng tù.*

Tuy vậy nghe họ nói ra cách mừng rỡ vì nay mới đổi lại Nhà nước buộc ai ai cũng cuối năm tới sở chụp ảnh và xét kỹ một lần rồi cho một cái cạc nhỏ phải trả năm hào, thì được một năm, vậy thì một năm chỉ có một ngày bị tù mà thôi. Ấy là đi trong nước,

---

[1] Délégué: đại biểu, trong "*Tỉnh quốc hồn ca II*" Phan Châu Trinh gọi mỉa là "đợi biểu".

còn ngoại quốc thì lại còn khó nữa, những người muốn xem xét sự văn minh của các nước chẳng khi nào mà mong xin được. Thôi, có muốn đi lại thì phải chịu tội "vagabondage" vậy.

6. Hội hè*: Từ mười người trở lên phải xin phép. Nhưng trừ những sự uống rượu, hút thuốc phiện ra, đông bao nhiêu cũng được, còn việc gì quan hệ đến lợi hại trong dân, dẫu xin phép cũng chẳng bao giờ được.*

7. Rượu - Thuốc phiện*: Sự này đã nhiều nhật trình Tây nói ai ai cũng biết. Nhưng hàng rượu, hàng thuốc phiện bây giờ đã nhiều hơn gấp mấy nhà trường. Những người trẻ tuổi hay nóng nảy, nói một hai câu cứng đầu cứng cổ, sau muốn cho Nhà nước khỏi nghi ngờ bắt buộc, chỉ có một cách là mai chiều giam đầu vào đó là khỏi. Thương hại thay, biết bao nhiêu người đầu xanh tuổi trẻ vì sự khốn nạn đó phải xuống giếng sâu vực thẳm, bỏ mất một đời thanh xuân. Còn một nỗi tai hại nữa là thuốc phiện của Nhà nước lại bỏ lẫn vào một thứ thuốc độc là mủ xương rồng nên những người bị nghiền lại càng chóng yếu người nữa.*

Thương ôi! Rượu mạnh, thuốc phiện, hai thứ đó, những các nước văn minh ngày nay ở đâu cũng cấm cả. Bên Tây này cấm thuốc phiện nghiêm ngặt là bao... nước Tàu nay cũng đủ... trăm [thứ luật]... để cấm cho tuyệt. Người Ăngiê cũng vì chánh đạo công lý mà phải đành cắn răng bỏ nghề thuốc phiện, mất mỗi năm hơn mấy trăm triệu, mà các quan thuộc địa vì một tí lợi nhỏ mà bắt buộc mấy triệu người An Nam phải ăn một thứ thuốc độc, chắc một trăm phần chết không thể tránh khỏi ấy, có đáng thảm thương không?

Dân An Nam vẫn yếu đuối, đành cúi đầu mà chịu đủ trăm nỗi đau đớn mặc lòng, còn những con mắt các nước văn minh trông vào thì danh tiếng nước Phalangsa ra sao?

Xin mấy chục triệu người Pha Lang Sa xét lại mà xem".(*)

(Theo Lê Thị Kinh - Sđd)

(*) *Di cảo* hiện bị mất nhưng ông Lê Ấm trước đây đã sao và xếp trong mục *"Phan Tây Hồ tại Pháp"* với ghi chú: viết ở Marseille khoảng cuối năm 1922.

THƯ PHAN CHÂU TRINH GỞI CHO MỘT VỊ QUAN LỚN (?)(*)

"Tôi là một người sống lại nhờ cái lòng tốt của những người Tây thực, vậy nên tôi hết lòng kính trọng, yêu cầu cái văn minh nước Tây.

"Đã 12 năm nay, dẫu người ta tìm hết cách để làm hại tôi thế nào mặc lòng tôi cũng ráng chịu đủ mọi thứ đắng cay đau đớn, được ở lại bên này, chủ ý là muốn cho được ăn chung ở lộn với người xứ này lâu ngày, để suy xét cho biết thấu cái văn minh, tinh thần của người Pha Lang Sa đặng một ngày kia, trở về An Nam, truyền bá cái văn minh Tây cho người xứ tôi hiểu rõ, và khuyên người đồng bào tôi dốc một lòng tin cậy nước Tây, dạy bảo dìu dắt đem lên đàng tiến bộ, cho trông thấy bốn phía người ta đua tranh sáng suốt sinh ra lòng nghi ngờ ghen ghét, xoay ra làm sự hiểm nghèo, làm thực hại cho cả cái lợi ích chung của hai loài dân về sau.

"Đến bây giờ thì thời thế đã rõ lắm rồi mà sự trông cậy của tôi cũng đã quyết định, chẳng còn tí gì nghĩ sau nữa.

"Đã mấy năm nay tôi cũng đã nhiều lần đem lòng ước ao của tôi tỏ ra cho các quan thuộc địa biết, xin các ngài giúp tôi về bên An Nam, và tôi có lời thăm ông Sarraut hơn 4,5 lần, tuy các ngài không trả lời cho rõ ràng, nhưng các ngài cũng tỏ ý cho tôi hiểu rằng: Lòng tôi trung thành với nước Pha Lang Sa các ngài không nhận đâu, và có thể cũng không cần, chỉ có một điều là, nếu tôi không chịu nổi sự đói lạnh bên này muốn về An Nam thì phải cúi

(*) Lá thư này không đề rõ ngày tháng, người trích dẫn đề là sau ngày 23-12-1922. Ghi chú của Thu Trang.

đầu chịu lạy, hoặc là các ngài nới tay giúp cho chút đỉnh thôi.

"Ý đó nghịch hẳn với cái sự trông mong của tôi, nên tôi không thể nào làm được.

"Nay tôi đã biết chắc rằng, trong 12 năm, các ngài thuộc địa cố ý làm hại tôi, vì tôi là Phan Châu Trinh, chớ chẳng phải có nghi gì tôi, và cũng chẳng phải là vấn đề chính trị gì cả.

"Tình cảnh tôi ở bên này, quan lớn đã biết rõ rồi, còn ở bên An Nam thì sự nghiệp đã tan nát cả. Vậy nay tôi có về bên đó cũng trơ ngơ như một người lưu lạc đất khách thôi. Vả lại, tôi ở bên Tây này, các ngài thuộc địa còn kiếm đủ cách để làm hại tôi, huống chi là tôi về một xứ chẳng có pháp luật, vậy còn thế nào chịu được nữa. Cho nên, sự tôi về An Nam lòng tôi nay đã nguội lạnh cả rồi.

"Tuy vậy tôi cũng không ngã lòng, nay còn một cách là tôi giúp lấy tôi, để cho đi đến cái mục đích tôi trông mong, vậy tôi phải ra sức đi làm, đi cho được có tiền, thì những việc gì tôi muốn, mới có thể làm được.

"Khốn nạn thay! Rủi gặp lúc bên Tây này nghề gì cũng hút, lắm kẻ không việc làm, nhất là nghề tôi lại là nghề chơi, công việc ít, thợ thì nhiều, càng đua nhau, tiền công lại càng hạ, đã hai năm lắm không đủ ăn, những tiền để dành càng ngày càng mòn, gia dĩ tôi lại bị bệnh cần phải thuốc men, lại càng tốn hơn, nên không ở lâu bên này được.

"Nay tôi đã quyết ý phải tạm bỏ nước Tây một lúc để đi ngoại quốc kiếm công việc làm, đợi có tiền sẽ trở lại đây.

"Tôi đã có nói chuyện với quan lớn tháng 12-1921, tôi định đi Tàu, trễ đến nay là vì tôi nghe lời Mr.Babut đợi ông Sarraut, nay tôi đã rõ là tôi lầm lắm. Vì cớ tôi đã nói trên đó, nên tháng 11-1922 tôi có đi tới sở Commissaire ở Marseille xin giấy thông hành. Không ngờ các quan thuộc địa lại tìm cách ngăn trở, người coi sở này buộc tôi phải có cái giấy Sở Contrôle deș Ouvriers Indochinois (Sở kiểm tra thợ thuyền Đông Dương) tại Marseille, thì người ta mới cho giấy thông hành, tôi cãi cọ và đi đến nhiều lần, nhưng người ta cố ý không cho và bảo phải chờ tin Paris. Tôi có biên thư hỏi, ông Commissaire cũng không trả lời. Tôi lấy làm lạ cho cách ăn ở của các quan thuộc địa. Ngày 23-12-1922 tôi có biên thư cho Mr.Sarraut, xin ông ta cắt nghĩa cho tôi nghe, có thù hiềm gì mà

ông ta lại làm hại như thế, nhưng tôi chắc ông ta cũng không trả lời đâu.

"Quan lớn xét lại các việc do quan lớn thuộc địa làm hà hiếp tôi quá, ở trên đất Pha Lang Sa các ngài còn muốn cướp cả cái quyền tự do riêng của tôi. Quan lớn là người bênh vực tôi từ thuở nay, nay tôi xin quan lớn làm ơn giúp đỡ tôi để lấy cho được cái giấy thông hành, cảm ơn quan lớn vô cùng.

"Tháng 2-1922. Hội Ligue des droits de l'homme (nhân quyền) có biên thư cho tôi nói: Hội sẽ sẵn lòng giúp tôi một lần chót nữa, nay tôi bị người ta làm hại, chẳng còn gì là quyền riêng của tôi, tôi định sẽ biên thư cho Hội xin giúp tôi một lần sau hết vụ này..."

(Theo Thu Trang, sđd. tr.221-223)

THƯ GỬI PHAN VĂN TRƯỜNG

Tiểu dẫn: Thư này đã bị mật thám chụp ảnh và lưu ở Thư khố. Bản giấy ảnh rất mờ, chúng tôi chép theo nguyên bản thủ bút Phan Châu Trinh viết trên 6 tờ giấy gấp đôi thành 12 trang nhỏ. Ở góc trái, cụ Phan có viết thêm câu: "Tôi biên cái thơ có dài một tí, ráng xem cho hết và cho kịp".

Có thêm mấy dòng chữ ông Nguyễn Duyên viết ở lề trang đầu: "Con nhà lái buôn truyện chánh trị ù ù cạc cạc biết chi mà nói, mà nói thì biết ai nghe. Kính gửi mấy hàng chúc cho ông Thánh càng ngày càng Thánh". Ký tên: Nguyễn Duyên P.T.M.

Castres, ngày 16-3-1923

Kính thăm Thánh M.V.[1]

Tôi vừa nhận được thơ anh gửi ngày 11 tháng này, cám ơn lắm. Thơ anh hỏi đó tôi có nhận được nhưng tôi không trả lời vì lúc đó tôi ở Marseille rày đây mai đó, không nhất định được nên không muốn anh gởi sách cho. Vả lại trong thơ Thánh nói mấy câu giọng Thánh ngạo mạn nên lại thêm làm biếng trả lời. Nay tôi còn ở đây ít tháng, nếu Thánh có lòng tốt gởi cho vài quyển sách Thánh nói đó thì cám ơn.

Tôi chẳng biết còn ở đây lâu hay chóng vì làm ở đây với anh Duyên thì trăm việc gì cũng khỏi lo nhưng có một điều là tôi định đến sang năm phải kiếm đủ cho số độ 1500F để đi voyage[2] *bên Tàu chơi. Ở đây ít tháng nếu gặp chỗ nào trả khá tiền 6, 700F thì đi làm. Nếu độ trong hai tháng Thánh xuống Toulouse chơi thì gặp tôi ở đâu, anh Duyên cũng sẵn lòng ao ước anh xuống chơi.*

---

[1] Thánh là biệt hiệu của Phan Văn Trường do Nhóm đặt. Thư của Trường viết có lúc ký là Thánh nhơn. Không rõ M. V. là gì.

[2] Voyage là du hành, du lịch.

Anh ta lại có auto taxi, nếu anh tới Toulouse[1] thì anh ta có thể đem xe ra đón ngay. Anh ta làm ở đây cũng khá, nếu chúng ta gặp nhau cũng đủ đồ cho hai đứa mình đánh chén nói nhảm.

Nếu anh đợi đến mùa hè thì tôi không chắc còn ở đây. Vả lại xem tình thế châu Âu năm nay xem ra mây mưa vần vũ chẳng biết bão lụt đến lúc nào. Sợ lại e như mùa hè năm 1914 có đi nghỉ được không[2]. Đã hay rằng bên nào cũng ngoài miệng nói mạnh mà bên trong thì run, lo tránh cho khỏi sự tan nát, nhưng vậy là khó lắm, một bên không đòi được nợ thì mình sẽ vỡ nợ, và nợ ngoài thì lại réo, sự khốn nạn không tránh khỏi. Một bên thì nếu trả cho anh thắng trận bằng lòng thì mình chỉ còn xương khô cũng như chết rồi.

Còn nói trả ít thì ai bằng lòng. Vì vậy nên hai bên giằng co nhau mãi. Vả lại nói sức mạnh thì có bên yếu bên mạnh nhưng đo lòng sốt sắng mạnh dạn thì thằng muốn gạt nợ bao giờ cũng liều hơn anh đi đòi. Hai cây khô cà nhau mãi, dẫu muốn chẳng hóa ra lửa cũng không được. Khi xảy ra một cái đom đóm tự nhiên là cháy cả trời cũng được, vậy thì thời buổi này ai còn lạc quan được.

Âu châu sau 4 năm giặc rồi như một cái nhà 6 cột bị gãy hết 3, gập ghềnh gập gưởi, đứng làm sao cho bền vững được, lại gia thêm gió bão vào nữa, chắc là phải nhào. Nếu trận này mà tránh không khỏi thì tình cảnh châu Âu hóa ra thế nào? Cuộc thế giới thay đổi ra thế nào? Chẳng ai dám đoán trước được.

Còn về quyển sách anh nói đó, tôi đã hiểu anh rồi: đã lâu ý Thánh là chán thịt rượu đồ ăn nhậu rồi nên thích rau mắm sơ sài, dầu ít bổ dưỡng mà cũng ít bệnh hiểm nghèo. Nhưng đấy là ý tôi độ 8 năm về trước cũng nghĩ như thế, nhưng nay tôi ở bên này lâu, tôi so đi xét lại, ý tôi nay đã đổi hẳn khác rồi.

Văn minh châu Âu thì trăm việc gì cũng thái quá, còn Á Đông thì bệnh bất cập, trăm điều đều bê trễ, con người nhưng không biết nghĩ xa, hèn hạ ít liêm sỉ nên nhất nhất sợ chết, phần nhiều rặt là đủ cả trăm, đều là tư cách làm tôi mọi, còn có một hai người thông minh cao thượng thì lại đầy một đầu triết học, coi việc gì cũng nhỏ chẳng cần lo. Bà con dòng giống làm tôi mọi khốn nạn

---

[1] Ông Trường có vợ và con trai ở Toulouse.

[2] Ý nhắc sự việc bị bắt giam năm 1914.

đau đớn là bao nhiêu, cứ chỉ nói việc bao la thế giới.

Tôi có xem bài anh Nguyễn Thế Truyền ở Paris nói về việc mạnh yếu, lấy con mắt triết học mà xem cuộc đời, nói nghe cũng sướng nhưng cũng nên phải nói thiết thiệt[1] *về việc mình phải chịu bây giờ một tí thì hay. Tôi không phải chê ông ta, tôi nghe nói ông ta còn trẻ tuổi và lại ở chung với anh. Xem ra con người có lòng sốt sắng, tôi lấy làm mừng và vui lòng lắm vì là lớp tuổi ngang ông ấy bây giờ xem ra có ít lắm. Ông ta lại xem sử sách và thời sự được nhiều như thế, biên ra lại rõ ràng, ấy là tài ít có.*

Anh thử nghĩ xem nếu một nước cứ sinh ra mấy triệu người rặt là tư cách nô lệ, lại thêm 5. 10 ông triết học, coi sự đời như rác vậy thì nòi giống ấy sống làm sao được, có lẽ những người cậy sức mạnh đè được loài yếu chúng nó lại mừng, vì thằng ngu dễ khiến còn thằng không thì con mắt của nó to quá, không trông thấy những sự ăn cướp giết người trong một miếng đất nhỏ bằng ngón tay trong địa đồ toàn cầu.

Tôi nói về quyển sách anh, tôi nói lại xa rồi, nay phải kéo dài. Theo ý (tôi) quyển sách của anh không phải là không hay nhưng để cho người da trắng xem thì được, nếu để cho tụi mọi vàng xem thì hỏng. Vì người ta mấy ngàn năm chỉ mê một cái ý tưởng cao thượng của Khổng Mạnh, mới phát ra mà chưa thi hành được, từ nhà Tần về sau phản hẳn ý Khổng Mạnh, đổi làm quân quyền chuyên chế, trăm sự trong xã hội, sự gì cũng mù mờ, tạ thị nhĩ phi[2]*, chỉ còn mấy quyển* Tứ thư Ngũ kinh *để lại như đồ trong Viện Bác cổ để cho mấy anh tốt cái đầu triết học lấy đó mà làm ngấm nghiền dễ dọa thế giới. Thương hại thay, đạo Khổng Mạnh chẳng phải là không đáng đứng đầu thế giới, tiếc thay chỉ có ý tưởng mà thôi, mấy ngàn năm đã thi hành đâu? Nếu sách anh mà về đến bên ta, người nước ta trông thấy lại tự đắc là mình văn minh hơn châu Âu trăm điều, gì cũng chẳng cần học. Ấy là một điều tôi lo.*

Vậy mà chẳng phải tôi lo quá đâu. Đã có việc thực rồi. Ông Pasquier có làm một quyển sách khen văn minh Á châu lắm, nhứt là khen ta tôn trọng vua như cha mẹ là luân lý tốt lắm.

---

[1] Nghĩa là thiết thực.

[2] Nghĩa là "mắt mù tai điếc".

Nhưng mấy anh học nho và học tây mừng hậm hụi, dịch ra chữ quốc ngữ đăng vào nhật trình. Nhà nước lại giúp tiền cho làm ra báo "Nam Phong". *Các ông nho hủ gia cũng ó theo sau*[1], *nhà nước thừa dịp đó tôn Khải Định lên một cách oai vang, ca tụng cho là bậc thánh nhơn. Khải Định ngu đặc, chẳng biết gì cũng tự mình xưng là thánh, làm lắm sự bậy bạ. Nhà nước Tây cũng thả lung để mượn làm con poupée*[2]. *Trăm việc gì chẳng nhọc lòng quan bảo hộ, cứ xúi cho ông thánh nhơn ấy làm là xong cả. Vậy mới đem thánh nhơn qua đây để trình diện cho thêm phẩm giá đặng về có thể thành người An Nam. Tôi cự Khải Định là vì thế.*

Còn việc nữa, luật vua Gia Long lấy luật Càn Long của Tàu là luật chuyên chế nhất bên Á Đông. Tôi chắc anh cũng biết rằng luật Càn Long là luật nhà Mãn làm ra để cai trị người Tàu chớ người Mãn lại không bắt buộc phải chịu luật ấy. Vậy thì cái luật ấy là cái gìm[3] *của người Mãn để bó buộc người Tàu.*

Lúc vua Gia Long khai quốc, quan võ thì nhiều, quan văn dốt nát, nghe nói luật của vua Càn Long cứ tưởng như là các vua đời Hán, đời Đường, đem về dùng cả bộ luật. Như là cấm: "Sĩ dân bất đắc thượng thư ngôn quốc sự" nghĩa là học trò và dân không được dâng thơ nói chuyện chính trị. Lại như luật oán vọng nghĩa là oán trông, như là làm bài thi, bài cú, ngụ ý chê bai việc triều đình hay là việc vua làm. Luật đó nói mênh mông quá nên buộc tội ai cũng được. Vả lại như vì câu luật đó mà vua Đạo Quang nhà Mãn bắt tội ông Lữ Lương Chủy ba họ và đào mả chém thây về sự chú thích sách Luận ngữ *và* Mạnh Tử *(chê các nước mọi rợ lấn nước Tàu). Sự đó tức là gương vua Gia Long giết ông Nguyễn Văn Thành ba họ vì con ông ấy có làm một bài thơ chơi bời. Thơ ấy còn biên vào trang sử đến nay ai cũng tức. Chẳng qua là bài thơ nói hão thôi, vậy mà buộc cho tội oán vọng, muốn làm giặc. Nước ta từ nhà Lê đem luật nhà Minh về, sau Gia Long lại đem luật nhà Mãn, từ đó nước ta hóa ra nước chuyên chế. Vua với quan, quan với dân xa cách nhau quá, dân chẳng biết nước là gì, mà học trò chẳng dám*

---

[1] Tiếng địa phương có nghĩa là la lối.

[2] Ở đây có nghĩa là hình nộm, bù nhìn.

[3] Bộ phận lắp vào mõm ngựa trong dây cương để điều khiển hướng đi của ngựa.

nói chính trị. Đến giờ nước đã mất rồi, cũng còn rụt đầu co cổ chẳng dám há mồm nói một câu gì là bởi tại đó cả.

Nay tôi nghe nói ông Sarraut bảo sửa luật Gia Long lại để thi hành ngoài Bắc Kỳ xong rồi, nay lại sắp thi hành vào trong Trung Kỳ, tôi cho ông là ta tinh đời lắm, mà tôi lấy làm lo. Nếu có dịp tôi sẽ biên ít bài nhật trình nói về việc đó.

Nay tôi, nghe nói con ông Trần Văn Thông là Trần Văn Tường đỗ tiến sĩ luật có làm một quyển sách cũng phục luật Tàu là có trật tự nghiêm hơn luật Tây.

Còn quyển sách Thánh nói ý thế nào thì tôi không được rõ lắm. Nếu các ông không nghĩ xa, nói có ý thế nào thì tôi không được rõ lắm. Nếu các ông không nghĩ xa, nói có sơ ý thì tôi chắc các quan thuộc địa bằng lòng mấy sách ấy lắm, vì là hợp với các quan thuộc địa muốn bịt mồm bịt miệng người ta.

Nếu Thánh lấy ý pháp luật triết học mà nói thì không sao, nếu khen luật Tàu thì tôi không phục, vì Tàu nay chẳng thiếu gì người giỏi mà họ cũng phải bỏ luật cũ mà theo Âu châu thì đã chứng tỏ rằng luật cũ của Tàu không thể dùng được thời bây giờ.

Vậy mà các quan Tây bên ta vẫn cứ muốn giữ luật cũ ấy, thì hiểu ý người ta đãi minh như thế nào, trí họ thâm hiểm là thế nào.

Chúng ta dẫu triết học thế nào cũng mặc lòng, khi bàn nói cũng phải có ý tứ mới được. Tôi còn nhiều việc muốn nói chuyện với Thánh, nếu Thánh có xuống chơi được đây thì tốt, không thì khi nào tiện tôi phải về Paris.

Nay nói lắm rồi, không thể biện hơn nữa, để lần khác. Kính thăm anh mạnh giỏi và nhớ nói tôi gửi lời thăm ông Nguyễn Thế Truyền. Khi nào tôi thong thả sẽ biên thư cho ông ta. Anh Duyên cũng nhờ tôi thăm anh.

Ký tên: Phan Châu Trinh

(Theo Lê Thị Kinh – Sđd)

THƯ GỬI NGUYỄN THẾ TRUYỀN

Castres, ngày 10-4-1923

Ông Nguyễn Thế Truyền.

Tôi nhận được thư của ông Phan Văn Trường trong đó ông ấy thuật lại những lời lẽ sau đây mà hình như ông đã nói về tôi:

"Ông Phó Bảng có những ý kiến tầm thường, kém thông minh đến thế mà cũng dám nói chính trị và toan tính việc quốc gia. Nếu ông ta không biết ngượng mà im đi thì ít nhất ông ta cũng phải biết tránh nói năng gì để người ta khỏi chế diễu, coi thường nước Nam. (Ông lo nghĩ gì, ông ơi, về thanh danh của An Nam!).

Một tư tưởng nghèo nàn đến như vậy không đáng được quan tâm, và tôi chẳng hiểu tại sao ta phải lo lắng về tình cảnh của ông ta nếu ông ấy lâm cảnh cùng khổ".

Hình như ông có nói thêm:

"Nếu như ông ta ở đây, tôi sẽ nói thẳng điều đó vào mặt ông ta để ông không muốn dựa vào chuyện bép xép đê hèn này để đánh giá xét đoán ông.

Vì thế tôi hỏi ông để xem ông có nói đúng như vậy không?

Tôi báo trước với ông là tôi không học tiếng Pháp. Nếu trả lời tôi, xin ông viết bằng chữ quốc ngữ, tức là dùng thứ chữ của ngôn ngữ nước ta.

Xin ông trả lời tôi trong hạn một tuần là lâu nhất.

Nếu ông có thời giờ, xin cho tôi những lời giải thích bổ sung.

Nếu ông đã phát biểu như vậy, ông có thể cho tôi biết lý do, như thế càng tốt hơn![1].

Ký tên: Phan Châu Trinh

(Theo Lê Thị Kinh – Sđd)

---

[1] Bức thư này thể hiện đúng thái độ đàn anh và tính thẳng thắn đến thô bạo của Phan Châu Trinh đối với những điều ông cho là sai trái, cần uốn nắn trong nội bộ. Đáng chú ý mặc dù bị miệt thị nặng nề, Nguyễn Thế Truyền đã không tự ái và vẫn hợp tác với Phan Châu Trinh khi ông về Paris và tỏ ra tôn kính cả sau khi ông qua đời ở Sài Gòn.

THƯ GỬI PHAN VĂN TRƯỜNG

Castres, ngày 11-4-1923

Bạn thận mến,

Tôi vừa nhận được thư bạn hôm mùng 9 vừa qua. Trong thư này bạn giải thích cho tôi những tư tưởng trong sách của bạn, những tư tưởng ấy không những không phù hợp với suy nghĩ của tôi mà có thể còn là hoàn toàn đối lập. Nếu sự việc được như bạn nói thì rất hay, vậy bạn phải viết ngay về Đông Dương để cho người ta hiểu bạn, bởi vì lúc này ở bên đó, người ta không đọc sách của bạn, người ta chỉ nghe nói là bạn viết sách để ca ngợi "luật lệ cũ kỹ của chúng ta"[1]. Làm khác đi sẽ phạm một sai lầm to lớn và đưa đến sự cấm đoán[2] không cho người An Nam đọc các sách của bạn, còn làm như vậy có thể là cung cấp lý do để họ giữ nguyên bộ luật cũ.

Ở nước ta, ít lâu nay, tuy đã có những sinh viên đậu tiến sĩ luật, đã bảo vệ luận văn, nhưng đã chẳng làm nên ích lợi gì. Cuốn sách của bạn ra đời, nếu người ta không dám đọc nó thì có nên thừa nhận rằng nó là vô bổ không?

Bạn hỏi ý kiến tôi, nên tôi chỉ nói qua loa thôi, nhưng sao ta không dành vấn đề này để xem xét trong cuộc trà đàm[3]? (Phan Châu Trinh gạch dưới)

Còn về bài thơ mà tôi đã gửi Nguyễn Ái Quốc, tôi đã biết trước ngay từ ở đây là nó chẳng được ai đồng tình, tuy nhiên, tôi

---

(1) Ghi chú của S. R. đây là luật Gia Long.

(2) Ám chỉ bởi người Pháp.

(3) Phan Văn Trường có lẽ đã báo cáo cho Phan Châu Trinh là sẽ đi Toulouse và Castres trong thời gian tới.

không khi nào lại nghĩ rằng tất cả các bạn lại ngu ngốc đến mức đọc nó mà chẳng hiểu nghĩa, và vì vậy bạn đã nói về nó một cách thô lỗ như vậy.

Đây là nội dung bài thơ:

Trong triển lãm ở Marseille, và đồng bào[1] tự cho là "tiến bộ kiểu Âu châu" đã có can đảm(!) đến thăm tôi. Họ nói với tôi rằng ở bên ta có nhiều báo quốc ngữ, nhưng khổ thay, chủ bút các tờ báo này chỉ là những nhà nho Âu hóa, "kém cỏi", chỉ toàn viết những chuyện vô bổ. Họ yêu cầu tôi viết một cái gì đó để họ cho đăng khi họ về nước trên một tờ báo chữ quốc ngữ. Theo tinh thần ấy, tôi mới làm bài thơ này. Nhưng họ đã nói rằng tôi đã dùng ngôn ngữ quá mạnh mẽ như thế thì sợ người Pháp không cho phép đăng và để tránh mọi sự phê phán, tôi đã chữa đi chữa lại bài này nhiều lần. Tuy vậy, họ vẫn không dám mang về. Như thế, tôi đã chán chuyện này, và từ 5 hay 6 tháng nay, tôi xếp bài viết vào xó tủ và khi viết cho Nguyễn Ái Quốc, nhân thể tôi nói về chuyện này, người bạn của chúng ta bảo tôi gửi cho anh ta bài đó. Tôi đã làm theo ý anh ta.

Tôi thừa hiểu là bài này viết cho công chúng An Nam ở bên ấy (Đông Dương) chứ không phải cho người Pháp. Còn đối với người Nam ở bên này, <u>không ai có đủ chữ quốc ngữ để đọc và đoán được ý nghĩa bài đó</u> (Do Phan Châu Trinh gạch dưới).

Trong bản thảo này, tôi nêu nhiều về chính sách hòa giải và có sự phê bình cả hai phe[2] chẳng ưa phe nào hơn, nhưng thực ra đó là lời kêu gọi đồng bào còn mê ngủ nhằm để chỉ cho họ biết cái gì là xấu xa trong người họ để họ sửa chữa, nhằm tìm ra con đường chân chính mà theo, dạy họ đừng nịnh bợ kẻ mạnh, và đừng tự kiêu một cách ngu ngốc và vô ích, đoạn tôi nói một cách khiêm tốn về chúng ta là nhằm để người Pháp dễ cho phép đăng.

Đó là những tư tưởng đã chủ đạo việc biên tập.

Xét về xu hướng và tâm trạng, nếu căn cứ vào trình độ trí tuệ trung bình của các dân tộc châu Âu và châu Á vào lúc này

---

[1] Có thể là Phạm Quỳnh, chủ bút báo *Nam Phong* và Nguyễn Văn Vĩnh, chủ bút báo *Trung Bắc Tân Văn*.

[2] Nói về phía chính phủ thuộc địa và phía người Việt Nam.

thì thực ra bài này có ít giá trị. Nhưng nếu xem xét xu hướng của dân tộc An Nam thì bài báo này phù hợp với trình độ trí tuệ trung bình của đồng bào ta. Tôi không thuộc vào hạng người khoe khoang. Nòi giống chúng ta còn ngu muội lắm mà lại hay khoác lác không ai bằng. Không thấy ai ở bên ta có đủ lòng tốt để đi tìm và chỉ ra cho đồng bào con đường tốt đẹp. Chính cũng vì cái lòng kiêu ngạo này mà đã mất độc lập từ năm sáu mươi năm nay, và học theo kiểu Âu từ 20 năm mà vẫn chưa tìm được người nào viết được để làm cho người Pháp biết giá trị những người của dòng giống ta và biết họ mong muốn gì.

Khốn khổ thay khi nghĩ rằng con cháu dòng giống An Nam chúng ta thích đọc, nói và viết chữ Nho và chữ Pháp và coi nhẹ ngôn ngữ cha ông ta đã hai hay ba ngàn năm nay.

Chúng không chịu ra sức học tập tiếng mẹ đẻ và chỉ dùng để nói "cái quần, manh áo, khúc cá, lưng cơm" đủ để hiểu nhau. Khi chúng muốn diễn tả chính xác ý nghĩ của chúng, làm một cuốn sách, viết một lá thư, thì chúng phải dùng ngôn ngữ một nước khác. Không tính đến vấn đề là sử dụng ngôn ngữ của các nước đã lạm dụng sức mạnh của họ thì họ sẽ bắt các anh phải quỳ gối cúi đầu dưới cái ách của họ. Xưa người ta bắt chúng ta học chữ Nho thì nay người ta bắt chúng ta học chữ Pháp!

Còn khuyên dùng tiếng Anh hay tiếng Đức thì có nguy cơ gì đâu!

Vì sự dốt nát của các bạn như vậy, lại thêm việc các bạn không thích viết bảo chủ bút giải thích hai từ này mà lại chế diễu hỗn xược, nên rất hợp lô gích là tôi đã không trả lời. Nhưng tôi không thể cam chịu thấy mình không được người ta hiểu, nên tôi muốn nói qua điều đó để các bạn hiểu tôi. Về thực chất, ý chính của bài báo là như sau:

Xưa kia nước Nam là một nước lớn, và chính vì nó đã theo và bắt chước các sai lầm của nước Tàu mà nó mất độc lập, điều đó là có thật và không thể che giấu. Nước Tàu, Triều Tiên và nước chúng ta đã suy sụp từ đời Tống và Minh bởi vì chúng ta đã phạm sai lầm lớn là theo văn hóa đạo Khổng. Nước Tàu và

Triều Tiên từ 30 năm nay đã hiểu thấu cái sai của họ, đã cố gắng để tự giải thoát. Tuy bệnh của họ chưa khỏi hẳn nhưng sức khỏe các nước này đã được cải thiện rõ. Chỉ có riêng nước ta là còn ở trong trạng thái mê ngủ và ngu dốt đến mức mà cho đến bây giờ vẫn còn có người cúi đầu và chưa có ý thức về bản thân mình, và một số cá nhân hiếm hoi có một chút đầu óc và có học thì lại kiêu căng.

Mất độc lập là một điều đau đớn nhưng khi xét các nguyên nhân, ta phải thừa nhận là do chúng ta ngu si, vì vậy mà chúng ta phải chịu đựng đủ thứ, phải bỏ hết mọi ý thức hận thù, chúng ta nhờ người Âu châu làm thầy, chúng ta chấp nhận làm học trò, chúng ta phải chấp nhận sự khốn cùng và chịu câm miệng để bắt đầu cái sai là bắt chước một nền văn minh nước ngoài.

Chúng ta trong cảnh khốn quẫn như thế nào do sự dối trá của người Pháp? Ở châu Âu trong lúc mọi dân tộc đang trên đường giải phóng thì chúng ta chìm đắm trong ngu si. Dù ngày mai có bão tố, trận mạc, đấu tranh giữa các nước, dù người Pháp có bị thua thì các ông thầy *hiện nay của chúng ta chỉ đơn giản ra đi từ nước chúng ta và tên* đầy tớ *đáng thương đang ngủ mê này sẽ chuyển từ tay người này sang tay kẻ khác.*

Điều đó là để giảng giải cho bạn thấy cách sử dụng trong bài của tôi từ thày và từ tớ là mô tả hiện trạng tồn tại hiện nay, chứ không có nghĩa là chúng ta chấp nhận họ làm thầy *và tuyên bố ta là* đầy tớ *của họ! Những chữ của các đoạn này có thể làm nhiều người nhầm lẫn, bởi vì theo cách của người An Nam thì có chữ "thầy" (ông chủ) và tớ "(người ở) và chữ* thầy *(dạy học) và* trò *(đồ đệ). Các từ này viết khác nhau (theo chữ Nho) nhưng phát âm gần giống nhau. Đối với những ai không hiểu nghĩa thì dễ nhầm lẫn. Họ xem trong câu trên đây ở đoạn "chắc chắn là họ theo thầy dạy học", trong đấy chữ "thầy" là chỉ "thầy giáo" (dùng trong mối quan hệ "thầy trò").*

Thực ra, khi đọc tiếp đoạn sau, đoạn nói về triển lãm, thì người ta thấy ngay là tôi nói một cách khinh miệt, rằng tôi không bao giờ công nhận họ coi chúng ta như đầy tớ.

Tôi nói điều đó chỉ lướt qua thôi, còn về thực chất tư tưởng

của tôi thì cả bạn, cả Ái Quốc không hiểu được. Tôi giả thiết và tôi cũng chắc chắn rằng với học vấn như bạn, những người thuộc một gia đình ngu dốt có thể trở thành "hiền nhân", nhưng tôi cho rằng những kẻ tự cho mình là "hiền nhân" lại là kẻ ngu ngốc[1].

Sau khi phân tích dài về những bất đồng của ông với các nhận xét của Nguyễn Ái Quốc và Nguyễn Thế Truyền, Phan Châu Trinh kết thúc bằng câu:

Hãy cho Nguyễn Ái Quốc và Nguyễn Thế Truyền xem bức thư này.

Cuối thư xin chúc bạn mạnh khỏe.

Ký tên: Phan Châu Trinh

(Theo Lê Thị Kinh - Sđd)

[1] Ám chỉ biệt danh của ông Trường trong nhóm là "Thánh", có lúc ông Trường đã ký là "Thánh nhơn".

THƯ GỬI PHAN VĂN TRƯỜNG

Castres ngày 14-4-1923

"(...Có nói về một bài thơ Phan Châu Trinh đã viết vì:)

..."Có một vài đồng bào tự xưng là tiến bộ theo phương Tây đề nghị tôi viết một cái gì để về có thể đăng báo Quốc ngữ. Tôi đã viết bài thơ đó. Nhưng họ cho là lời lẽ quá khích và người Pháp sẽ không cho đăng. Tôi đã chữa và đã chữa nhiều lần nữa. Mặc dù vậy họ vẫn không dám đem về. Tôi chán quá và đã 5 - 6 tháng nay tôi xếp xó trong một ngăn tủ. Khi viết thư cho Nguyễn Ái Quốc tôi tình cờ nhắc lại, và ông bạn tôi yêu cầu cho xem, tôi chiều ý. Tôi rất rõ là bài đó viết cho người đọc ở bên nước, không phải viết cho người ở đây vì không ai biết chữ Quốc ngữ đủ để đọc và để đoán ý nghĩa của bài đó.

Bài đó nói nhiều về chính sách đề huề và phê phán cả đôi bên, không nương nhẹ bên nào..."

(PTM (tức Lê Thị Kinh) nhận xét: Rõ ràng đây là một phần nội dung thật của cuộc gặp gỡ của Phan Châu Trinh, Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh và nội dung nói với Jolin trong mật báo ngày 11-5-1922 (do ông Vĩnh báo) chỉ nhằm đánh lừa bọn mật thám).

(Theo Lê Thị Kinh - Sđd).

THƯ GỬI NGUYỄN VĂN ÁI

Tiểu dẫn: Bức thư này viết theo ý của Phan Châu Trinh nhưng có lẽ do Trần Lê Luật chấp bút. Tự dạng giống hệt tài liệu *"Việt kiều diễn đàn"* và văn viết theo giọng Bắc, không giống văn của Phan. Thư thảo có nhiều lỗi chính tả và sót chữ, sót dấu, chúng tôi đã chỉnh lại cho dễ hiểu (P.T.M)

Ngày 13-8-1923

Anh Ái

Cái cách ăn ở sâu hiểm gian dối của anh nếu một ngày kia người An Nam ở bên Tây và bên ta hay được, ai ai cũng muốn nhổ vào mặt những đứa vô lương tâm, nó làm hại những người dân vô tội để lấy cái lợi ích riêng cho một mình nó.

Tôi giận anh và ghét anh hết chỗ rồi, chẳng buồn trông mặt, chẳng muốn gọi đến tên, chẳng luận tứ làm thơ.

Vậy mà tôi biên cái thơ này cho anh vì là nghĩ rằng anh còn trẻ khờ dại, bị người ta phỉnh phờ chăng?

Những các hội khác là hội chơi bời giúp đỡ nhau, chẳng quan hệ gì lắm, anh muốn chui vào đấy anh làm gì cũng không sao.

Chỉ có sự anh xử với anh Nguyễn Ái Quốc là độc hiểm nhất và đáng ghét nhất. Anh ấy tuy còn trẻ con, chẳng biết lo sâu nghĩ kỹ mặc lòng, nhưng lòng nó thì thực thương nòi thương nước mà thôi, đã bỏ cha mẹ, anh em, bà con đi khắp cả Âu Mỹ làm thuê, làm mướn để ăn học, cam khổ sở trăm đàng, có ai giúp cho một xu nào? Nay trở về nước Pháp dựa vào người Tây để kêu ca cho đồng bào bị chịu trong vòng khốn nạn hầu mong có được tí tự do nào không? Tuy việc nó làm có nhằm đường phải lối hay là không chẳng nói làm gì, nhưng cái lòng nhiệt thành của nó, người An Nam ai ai cũng kính yêu, rất đỗi đến người Tây thuộc địa giận ghét nó mặc tây, nhưng tôi chắc trong bụng, họ cũng kính nể nó

chứ chẳng không? Huống chi là người An Nam ai nỡ lòng làm hại nó cho đành? Ai muốn theo nó thì theo, không thì thôi để mặc kệ nó.

Vậy mà anh nỡ lòng nào đi tìm cách sâu hiểm gian dối để đánh lừa nó, nó tin cậy anh như anh em ruột, cả thảy giấy tờ gì của nó, nó giao cho anh cả, anh muốn đem nộp cho ai, anh nộp, sao anh tìm cách làm hại nó là hệ gì?

Tôi hỏi thực anh, anh phỉnh nó đi đâu? Hay là anh phỉnh nó đi cho khỏi Paris, anh báo tin cho người ta bắt nó đày đi đâu? Hay là làm mất mạnh [mạng] nó đi.

Nếu không thế sao anh nói nó đi nghỉ ít ngày sẽ trở về, mà nay gần hai tháng không tin tức gì là tại sao?

Anh có lòng làm hại nó không? Có không phải thú thiệt, tôi còn ở đây tôi đố anh làm hại nó được, nếu anh thực không lòng làm hại nó, anh có giám (dám) đoan quyết với tôi không? Nếu anh còn có tí lương tâm không muốn hại nó, tôi hẹn với anh chiều thứ tư 8 giờ rưỡi chiều, anh sẽ tới thăm tôi và tỏ việc thực cho tôi nghe. Công việc làm sao? Nó đi đâu? Có ai làm hại nó không? Anh có được tin tức gì không?

Nếu anh nói tôi có thể tin được, thì khoản anh làm tôi sẽ bỏ chìm đi cho, để anh sửa mình lại mà giúp được danh trọng[1], *còn như anh không giám [dám] tới tôi như bữa trước, vậy là rõ ràng cái chưn*[2] *anh có lòng hại anh Nguyễn, thì tôi phải cáo giác cho cả người ta biết mà làm hết cách để cứu lấy anh Nguyễn là thằng khốn nạn*[3] *chẳng may vì lòng tin cậy mà mắc phải tay anh.*

Đấy! Anh nghĩ cho kỹ, tôi chỉ đợi anh trong hai ngày mà thôi. Anh đừng tưởng trốn mắt với tôi là xong đâu.

Signé Trinh

21 Pernety - quận 14 - Paris

(Theo Lê Thị Kinh – Sđd)

---

[1] Có lẽ đây là chữ "danh trong" có nghĩa là "tiếng tốt".

[2] Cái chưn là cái gốc.

[3] Chữ *khốn nạn* ở đây là dùng theo chữ Hán, có nghĩa là "bị khổ cực, gặp khó khăn".

VIỆT KIỀU DIỄN ĐÀN

Tiểu dẫn: Tài liệu là một bản viết tay lưu trong hồ sơ SLOTFOM[1] 15/2 về Phan Châu Trinh, không ghi ngày viết. Nhưng căn cứ vào nét chữ và giọng văn thì chúng tôi xác định người chấp bút là ông Trần Lê Luật. Có lẽ ông Luật đã bàn với Phan Châu Trinh và đã tung ra ở Marseille trong lúc Phan Châu Trinh đã về Castres. Sau này khi ông Trinh về Paris trong tháng 7-1923 thì có thể một phần do bận rộn với việc tìm kiếm Nguyễn Ái Quốc hoặc do không còn người phiên dịch đắc lực để giúp ông như ông Trường ngày xưa, hay như Nguyễn Minh Quang ở Marseille nên kế hoạch *Việt kiều diễn đàn* không được triển khai như dự tính.

Căn cứ vào giọng văn và nét chữ thì chính ông Luật đã viết cho ông Trinh bức thư chất vấn Nguyễn Văn Ái. Ông Luật còn cùng với một Việt kiều khác đến gặp Sarotte để hỏi tin về Nguyễn Ái Quốc. Sarotte đã không đáp ứng và đã có thư báo việc này cho Phan Văn Trường (PTM).

---

[1] Viết tắc của *Service de Liaison avec les Organisations des Territoires de la France d'Outre Mer.*

VIỆT KIỀU DIỄN ĐÀN

Đồng bào ơi!

Thế giới ngày nay là thế giới "Nước cả trưởng giật". Sức nước đã mạnh, thuồng luồng, ba ba, cá sấu lại thừa dịp đục khoét đê điều, nếu ta không đồng tâm hiệp lực, tìm mưu đặt kế mà chống giữ thì một ngày kia cha mẹ anh em, thân thuộc ta và ta sẽ làm "mồi ngon" cho các giống ấy mất.

Đương lúc gió to sóng cả mà đi quỳ gối giập đầu ở chốn "không không", hay là tâm thần hoảng hốt, hay là nghĩ những sự nước xuống đáy sông thực mà cuồng dại vậy. Phải đi chặt tre, phải đi khiêng đất, phải đứng vững trên đê mà coi sóc, trăm người một trí, nghìn người nghìn sức, ra công cố sức mà làm thì mới mong có lúc thấy ánh sáng mặt trời được.

Thế thì bây giờ làm việc gì nào? Hãy lên đê khiêng đất với người ta, đừng thấy lấm láp mà hổ thẹn rụt rè, sọt đất là cái thế làm cho đê vững; sọt đất tức là "đàn diễn thuyết" đó. Những nơi người ta ăn ngon ngủ yên mà người ta còn lo tu bổ lấy đê, nghĩa là tập luyện diễn thuyết, huống chi ta đây đương mất ăn mất ngủ mà lại làm lơ được à?

Diễn thuyết là cái gì mà lại có cái thế lực mạnh mẽ lạ thường làm vậy?

"Diễn" là diễn giải, "thuyết" là lời nói, nghĩa là ai biết chuyện gì thì đem diễn giải bằng lời nói cho minh bạch để mọi (người) đều hiểu, không cần phải đến trường học, không cần phải giấy mực, chỉ bớt ít thì giờ ở lại nghe người ta diễn thuyết mà cũng có ích chẳng kém gì đi học. Thí dụ chúng ta không học điện khí bao giờ nhưng giả có người chuyên môn về khoa ấy đến diễn giải rõ ràng cho ta nghe thì ta cũng biết đại khái điện khí là cái gì, dùng nó

làm sao, lợi hại thế nào, vân vân.

Nay ta nghe diễn thuyết điện khí, mai ta nghe diễn thuyết buôn bán, nay tí, mai tí, nhiều giọt nước hợp thành cái thác dữ, nhiều kiến văn họp lại thành người thông minh, mình đã thông minh thì mình có ích, trước ích cho mình, sau ích cho người khác.

Bởi vậy chúng tôi định tìm một nơi để anh em ta ai biết điều gì cứ một tháng hai kỳ lại đó diễn thuyết cho nhau nghe.

1. Những người sáng khởi:

Cụ Phan Tây Hồ, tiến sĩ khoa văn chương, cụ là người thế nào đồng bào ta ai cũng biết, cụ nghĩ rằng tuổi cụ đã cao, việc đời cụ từng trải đã lắm, muốn đem những kiến văn của cụ thuật lại để đồng bào nghe; ông Trần Lê Luật, nguyên đội thông ngôn, hiện làm kế toán thủ quỹ và kiêm quyền chủ trong một hội buôn tại Balê.

2. Ý nghĩa chúng tôi:

Như trên kia đã nói, ý chúng tôi định tìm một nơi để đồng bào ta ai biết điều gì cứ một tháng hai kỳ lại đó diễn thuyết cho nhau nghe: như là chánh trị, văn chương, khoa học, luật lệ, thương mại, công nghệ, vân vân. Về chánh trị không phải là "khái luận chánh trị, như công kích chánh phủ bảo hộ Việt Nam, bẻ bắt công việc nhà nước, hay xui giục lòng người dấy loạn, (mà là) những hoa luận về chánh trị, nghĩa là khảo sát giảng giải về cách tổ chức các chánh phủ, về cách cai trị, lập pháp các nước là thế nào, vân vân. Những cách ấy chúng ta đã là người đời "Nước cả trướng giật" không thể ngồi mãi trong hang tối được.

3. Cách tổ chức đàn diễn thuyết:

Cách tổ chức đàn diễn thuyết này rất giản dị, nhưng xin để đến kỳ diễn thuyết chúng tôi sẽ nói minh bạch để đồng bào nghe. Nay chỉ đại khái rằng không có "chủ hội", không có thủ quỹ, không có điều lệ, chỉ có một người thư ký và một ủy ban. Xin đồng bào hãy bớt ít thì giờ ở lại đó mà xem cách tổ chức thế nào, nên hay không nên thì đồng bào tự xét lấy.

4. Đặc sắc của đàn diễn thuyết này:

a) Đàn diễn thuyết này không phải là một "hội", bất cứ người nào hễ là Việt Nam, Cao mên, Lào, ai biết điều gì đều có thể lại đó phô diễn cho nhau nghe. Cái lòng nghi kỵ nhau ngày nào - vì

không hiểu nhau - biết đâu rằng một ngày kia sẽ biến ra tình thân ái.

b) Lời diễn thuyết bằng tiếng Việt Nam để trước dễ nghe dễ hiểu, sau là ôn lại và tập luyện tiếng nước nhà cho thành thứ tiếng có "Hồn". Song người nào thông chữ Pháp hay chữ Tàu mà không thể dịch ra quốc văn được - vì lâu không dùng đến - thì có thể gửi nguyên bản lại cho "Ủy ban" để người ta dịch, rồi mình muốn diễn thuyết bằng nguyên bản hay dịch bản cũng được.

c) Diễn thuyết không bằng cách "định luận", nghĩa là dù phải dù chẳng (phải) không ai được cãi lại, nhưng dùng cách "nghịch luận" để ai nấy được tự do biện luận cho xác lẽ phải chăng.

d) Kỳ diễn thuyết vào một tối thứ bảy để ai nấy được dưỡng sức sang chủ nhật hay dùng ngày chủ nhật về việc tư mình.

LỜI TỔNG LUẬN

Cứ xét những điều trên kia đã nói thì biết chúng tôi lập ra diễn thuyết này là vì "nghĩa", vì "ích chung", còn như a dua bè đảng, cậy thế hơn kém thì chúng tôi tịnh vô can thiệp. Nào nào đồng bào yêu quý ơi, bây giờ đồng bào nghĩ thế nào? Chắc khi đồng bào ngậm điếu xì gà thơm phức, đeo cà vạt lịch sự, múa cái can tròn vung vẩy, cặp cô con gái xinh đẹp, đồng bào cũng nghĩ đến cái thân mình mai sau hay dở thế nào, cái tình trạng cha mẹ, thân thuộc mình bên nhà làm sao. Nếu vậy thì xin đồng bào hãy bỏ cái lòng ngờ vực cỏn con, cái trí rụt rè nhút nhát vì chưa hiểu, lại đây với chúng tôi, chúng tôi sẽ giơ tay thân ái cho đồng bào bắt.

Người sáng khởi:

Phan Châu Trinh

Trần Lê Luật[1]

Tái bút: Kỳ diễn thuyết đầu vào ngày mùng hai tháng chín tây tức là tối thứ bảy hồi chín giờ tối, tại.....

(Theo Lê Thị Kinh – Sđd)

---

[1] Chú thích trong nguyên bản: *Hiện nay ông Trần Lê Luật, 31 Rue d'Aboukir (2e) làm thư ký tạm thời. Nếu ông nào muốn hỏi han về diễn đàn thì xin cứ viết thư thẳng cho ông ấy, hay muốn đến tận nơi thì ngày thường từ 7 giờ rưỡi chiều đến 10 giờ rưỡi tối, chủ nhật từ 9 giờ sáng đến 12 giờ trưa, ông ấy sẽ tiếp đãi một cách rất là thân ái.*

THƯ GỬI MOUTET THÁNG 10-1924 TỐ CÁO CÁC LẠM NHŨNG CỦA JOSSELME ĐỐI VỚI THỦY THỦ VIỆT NAM

Ngài Hạ sĩ thân mến[1],

Tôi luôn khẳng định với Ngài trong mọi dịp là tôi tin chắc sự hợp tác chặt chẽ giữa dân tộc Pháp và dân tộc An Nam sẽ đưa lại những kết quả tốt đẹp.

Về đường lối chung phải theo đuổi, tôi thấy chúng ta không có gì khó trong việc tiến tới mục đích đã xác định nhờ sự tin cậy lẫn nhau và hoàn toàn hiểu nhau. Chúng ta chỉ cần đi chậm và chắc theo con đường đó.

Tuy nhiên, có một vấn đề đáng lo mà tôi nghĩ Ngài chưa thấy đúng mức tầm quan trọng của nó. Đó là mối quan hệ hằng ngày giữa đám dân bản xứ và một số loại người "chỉ huy" được coi là đại diện cho nước Pháp. Cần thấy tính chất của mối quan hệ đó. Nếu những kẻ thuộc hạ chỉ lo làm đúng mệnh lệnh của cấp trên thì chúng ta chỉ có thể vui mừng mà thôi. Nhưng tiếc thay, nhiều khi không phải như vậy, và một số chỉ lo buông thả mình theo sở thích hoặc theo sự hám tiền hay theo bản chất của họ và với những biện pháp xúc phạm, họ thỏa sức quấy nhiễu hay hành hạ những người bị cai trị. Nhưng dân chúng chỉ biết nước Pháp qua những mẫu người trước mắt họ, họ phải tiếp xúc hằng ngày nên với đầu óc thực tiễn, họ đánh giá bằng những gì họ thấy hoặc cảm nhận

---

[1] Thư Phan Châu Trinh gửi Hạ nghị sĩ Marius Moutet vào khoảng cuối tháng 10-1924 sau thắng lợi bầu cử của cánh tả, và sau chuyến trở lại Marseille. Theo tư liệu lưu trữ này đã gởi cho cả Liên minh Nhân quyền Marseille. Bộ Thuộc địa đã sao gởi cho Toàn quyền Đông Dương kèm dòng chữ "*Hoàn toàn mật và gửi riêng cho cá nhân Ngài Toàn quyền*".

trực tiếp mà thôi.

Tôi đang ở Marseille, tôi đến đây vì lý do sức khỏe như Ngài đã biết; tôi hết sức ngạc nhiên trước những cảnh nhắc tôi nhớ lại y nguyên những gì tôi đã thấy cách đây 20 năm. Tôi sẽ dễ dàng hiểu vấn đề nếu tôi đang ở Đông Dương nơi đã quen thấy cảnh đó, nhưng tôi đã rất khó giải thích vì những việc tôi đang liên hệ lại xảy ra ở chính tại đây, trên mảnh đất tự do, nơi một số trong chúng tôi đến để tránh những nhũng nhiễu của một chế độ độc tài. Sự ngạc nhiên của tôi càng chính đáng khi tôi còn nhớ mồn một những năm tháng kinh khủng trong đó cả người Pháp lẫn An Nam đã cùng lao vào hi sinh xương máu tài sản để cứu vãn nền văn minh bị đe dọa. Và bây giờ đứng trước cảnh kỳ lạ đó tôi buộc phải nghĩ rằng những điều người ta báo cho tôi là có thật, tôi muốn nói đến cái cách khó hiểu mà chính phủ Pháp ở Đông Dương cám ơn những người đã chạy đến theo lời kêu gọi của nước mẹ đẻ trong gian nguy.

Hãy xem những gì đang diễn ra ở Marseille và nó đã làm tôi thấy quá rõ những gì tôi đã thấy cách đây 20 năm. Trước chiến tranh người An Nam đến Pháp hoặc để học hoặc để tăng thêm sức lao động cho nước Pháp, tất cả đều được đối xử ngang hàng với những người ở ngoại quốc hay những người ở thuộc địa khác, không hề bị phân biệt, mà có thể nói còn được đối xử tốt hơn, được săn sóc hơn.

Trong chiến tranh họ đến đông đảo hơn và được đối xử thân tình hơn điều đó đã làm tăng thêm tình cảm của họ đối với nước Pháp, và đó là điều đã quyến rũ họ ở lại sau khi mãn hạn.

Trong các công việc người An Nam làm thì nghề hàng hải có vẻ được họ đặc biệt ham thích. Đó là trong chiến tranh, trước tình hình Hải quân Pháp có khó khăn trong tuyển mộ thủy thủ vì đời sống của người làm tàu quá nguy hiểm trong thời kỳ các tàu ngầm của địch hoạt động phá hoại ghê gớm, lúc đó chỉ có người An Nam tích cực vì họ hiểu tầm quan trọng của nhiệm vụ này; phải tiếp sức cho một đất nước đang huy động mọi nguồn sinh lực để cứu vãn nền tự do của nhân loại.

Đó là một ngành mới mở ra cho người An Nam được giải ngũ và hầu hết sau chiến tranh họ đi vào nghề này, trong đó nhiều

người trong họ đã chứng tỏ khả năng của mình.

Tất cả đều ổn cho tới năm 1923, khi để hành nghề này họ bị bắt buộc phải có một giấy căn cước do cơ quan hàng hải cấp.

Cho đến nay không có gì là lạ, nhưng điều đó khó hiểu là giấy căn cước đó lại buộc phải được sự thông qua của một quyền lực mang tên là "Phái viên của Tổng kiểm soát Quân đội Đông Dương". Nhưng không phải chỉ có thế: tấm thẻ này chỉ bắt buộc đối với các thủy thủ Đông Dương. Sao lại có cân lượng khác nhau như vậy?

Ở Pháp có thấy cảnh phạm tội trong người An Nam như trong người Ả Rập, người Ý, người Tây Ban Nha không?

Sở kiểm soát quân đội Đông Dương đã được lập trong chiến tranh để đáp ứng yêu cầu kiểm tra trong tình trạng bị vây hãm lúc đó. Chiến tranh chấm dứt, tôi không thấy rõ tại sao vẫn để nó tồn tại. Không những không bị xóa đi, mà người ta còn thêm cho nó những nhiệm vụ không phù hợp với tên gọi "Kiểm soát quân đội Đông Dương".

Trong chiến tranh, Sở này có dùng một người có tên gọi là Léon Josselme vì tay này có biết qua tiếng An Nam, do đã sống ở Đông Dương từ bé. Trong chiến tranh Sở này có tầm quan trọng và các cấp trên có để mắt đến. Nhưng từ khi Sở này không còn được kiểm tra nữa, nó đã phạm nhiều điều bất hợp pháp, nhất là từ khi người này được trao quyền ký các "Giấy phép tạm thời để lên tàu", cho những thủy thủ người thuộc địa hay bảo hộ Đông Dương theo mẫu sau đây:

Cộng hòa Pháp
Bộ Thuộc địa
Sở Đăng ký hàng hải

GIẤY PHÉP TẠM THỜI ĐỂ LÊN TÀU
CHO CÁC THỦY THỦ CỦA THUỘC ĐỊA HAY ĐẤT BẢO HỘ Ở ĐÔNG DƯƠNG
(Thời hạn sáu tháng)

Cấp ngày.....
Ông quản lý đăng ký hàng hải

Ông Phái viên của
Tổng kiểm soát Quân đội
Đông Dương tại Pháp

Trong con mắt mọi người, Josselme chỉ là một phiên dịch làm việc cho Sở Đăng ký hàng hải, nhưng trên thực tế y đóng vai trò chính và lợi dụng để có những hành động không thể tha thứ được.

Tôi xin kể mấy việc trong hàng nghìn việc, ví dụ: trước mặt ông Quản lý Đăng ký Hàng hải, y bắt phải dùng tiếng An Nam, kể cả với người thông thạo tiếng Pháp.

Ngoài ra khi gặp y, phải dùng lời lẽ có thể dịch ra như sau: "Tôi xin cúi lạy trước quan lớn". Sau đó Josselme lục soát quần áo và khám trên cả người đương sự. Sẽ khốn khổ cho ai không chịu theo các lệnh đó vì "quan lớn" sẽ có những hành động đối với bản thân họ và sẽ cho họ phải chịu hình phạt để "tẩy não" bằng cách bắt con người cực khổ đang rất cần giấy tờ để lên tàu phải chờ đợi hàng tuần, có khi hàng tháng.

Trong khi lục soát, Josselme lấy tất cả những gì người An Nam khốn khổ này mang trên người, từ thẻ căn cước, giấy chứng nhận lao động, tức là cả cuộc sống của họ.

Hiện nay tôi biết một vài nạn nhân của hình phạt "tẩy não" như trường hợp anh Nguyễn Văn Thuận tức là Hành Thuận. Nguyên đã có giấy phép tạm thời lên tàu nhưng vì thất nghiệp ở Pháp, anh ta phải lên làm trên một chiếc tàu Hà Lan. Với sở quản lý hàng hải Pháp thì anh ta đúng nguyên tắc. Nhưng nhà chức trách hàng hải Hà Lan cấp cho anh một giấy khác và giữ "giấy phép tạm thời" của anh ta ở Rotterdam.

Sau một chuyến khứ hồi Marseille - Rotterdam, vì những lý do cá nhân, Thuận phải lên bờ Marseille để sang làm việc ở một chiếc tàu Pháp. Anh ta phải đến Sở đăng ký hàng hải để xin một giấy tạm thời khác.

Đến đây, Josselme khi kiểm soát người như thường lệ, đã lấy giấy phép của Hà Lan, giữ luôn không đổi cho giấy gì hết, đòi phải có giấy phép cũ, Thuận xin lại giấy phép của Hà Lan để anh ta có thể đi Rotterdam lấy lại giấy phép tạm thời bị đổi, Josselme không chịu và khi Thuận nài nỉ thì bị hành hung và Thuận hiện nay bị vứt ra vỉa hè như nhiều người khác.

Tôi vừa báo cáo với ông Granier, chủ tịch Liên minh Nhân quyền ở Marseille và tôi hy vọng đạt một giải pháp thỏa đáng.

Và điều đáng ngạc nhiên hơn nữa là Josselme phát triển sự

"kiểm soát" của mình sang cả số sinh viên Đông Dương trong các trường ở vùng Marseille. Y đến các trường đó với cương vị phái viên đặc biệt của Bộ Thuộc địa, y dọa dẫm các em, bắt họ phải thay đổi người bảo lãnh và để cho y làm việc đó với vài ngàn francs.

Y còn làm cả việc ngăn cản các cuộc hôn nhân Pháp - An Nam bằng cách góp ý với những phụ nữ Pháp có dự định kết hôn với những người An Nam là nên bỏ đi vì người An Nam không xứng đáng với phụ nữ Pháp, trong lúc các cuộc hôn phối như vậy rất cần thiết để thắt chặt quan hệ giữa hai dân tộc như chúng tôi đang cố gắng thực hiện.

Tôi nghĩ là để đi đến những kết quả như vậy, chính quyền Đông Dương không cần phải nuôi sống một bộ máy bao gồm: Josselme lương không dưới 14.000F, 4 phụ tá lương 8.400F. Tất cả lên đến: 14.000 +(8.400x4+33.600+12.000 = 59.600F.

Ông hạ nghị sĩ thân mến, xin lỗi ông vì đã viết quá dài vì phải dài mới nói được một cách vắn tắt cảm nghĩ của tôi.

Cho đến bây giờ những kẻ có tham vọng sáng tạo ra chính sách mới này nọ với các thuộc địa đã tỏ ra không những bất lực không làm được việc lớn mà còn xem nhẹ cả những điều sơ đẳng trước tiên cần phải làm là ngăn cản bọn thuộc hạ làm ô danh nước Pháp[1].

Như trường hợp tôi vừa kể, người ta đã rất vụng về khi cấp công ăn việc làm cho một kẻ tay chân mà không nghĩ đến hậu quả của việc đó.

Tôi kết thúc bằng lời thỉnh cầu Ngài can thiệp với Ngài Bộ trưởng Bộ Thuộc địa, để Ngài ấy ra lệnh phải cấp giấy phép lên tàu cho tất cả mọi người hiện nay đang bị phạt không rõ vì tội gì? Ngoài ra xin Ngài Bộ trưởng mở cuộc điều tra để xem có nên bãi bỏ cơ quan nói trên hoặc phải kiểm tra nó chặt chẽ để nó hoạt động tốt hơn, hoặc Ngài ra một quyết định nói rõ trong trường hợp một thủy thủ Đông Dương có bất đồng với "cơ quan chính quyền" nói trên, thì họ phải gõ cửa nào để kêu. Đến nay họ bị "cơ quan chính

---

[1] Ám chỉ nhóm Sarraut.

quyền" này hoàn toàn định đoạt số phận mà không biết kêu vào đâu.

Cuối cùng, tôi rất mong mỏi sẽ sớm thấy lại đất nước của tôi nhờ sự tận tâm giúp đỡ của Ngài, và trước cảnh tượng đáng buồn mà tôi vừa mô tả cho Ngài, tôi không hề mất hy vọng, vì tôi vẫn tin tưởng là "khối cánh tả" sẽ lập lại công lý và tự do ở những nơi các lý tưởng đó xứng đáng ngự trị.

Mãi mãi là bạn của Ngài

Ký tên: Phan Châu Trinh
(Theo Lê Thị Kinh – Sđd)

THƯ TRẢ LỜI ANH ĐÔNG[1]

Paris, le 24 janvier 1925

Anh Đông,

Tôi có nhận được cả hai cái thơ của anh. Nhưng tôi chậm trả lời, là vì tôi muốn nói cho anh hiểu thì phải nói dài, mà muốn nói dài thì tôi ít thời gian lắm. Nay đã rảnh bớt việc nên biên cái thơ này, để cắt nghĩa hết cho anh nghe.

Về cái thơ thứ nhất của anh, anh muốn tôi nói những chuyện văn minh của nước Pháp, để cho anh em thiếu niên nghe, sự đó là hay thật nhưng đợi khi nào tôi về bên ta, mới có thì giờ thong thả nói cho rõ ràng được, nghĩa là làm sách ra để so sánh hai cái văn minh Âu Á hơn kém thế nào, và ta nên thay đổi thế nào cho ta có thể theo được văn minh đời nay mà lại không mất cái sự tốt của ông cha để lại từ xưa nay. Sự đó nói dễ mà khó làm, vì phải hiểu cái gì là cái tốt của ta thực mới được, còn như các nhật báo bên ta thường thường gọi là quốc túy, đồ ấy là nói nhảm cả. Thương thay, những lũ ruồi mòng, thừa cơ múa trí giết lòng người ta. Cực lòng nên phải nói ra, nào ai có muốn ngầy ngà làm chi !

Đây tôi chỉ nói tóm lại cho anh em hiểu rằng: trong mười bốn năm, tôi hết lòng cam khổ, xem xét so sánh từng phân từng li, nay trong lòng chẳng còn một tí gì hồ nghi nữa.

Phong tục ta còn giữ lại được là chỉ còn có gia đình luân lý

---

[1] Về anh Đông, trong một tập *hồ sơ Di cảo Phan Châu Trinh* có một thư dài 8 trang vở học trò của anh ta viết cho Phan Châu Trinh từ Boóc-đô ngày 17-3-1925. Cuối thư ghi họ tên và địa chỉ là: N.T.Dong. Classe de Philosophie A.Lycée national. Bordeaux (Lớptriết học A. Trung học quốc lập. Boóc-đô).

Di cảo thư ngày 24-01-1925 nay không còn chúng tôi căn cứ vào văn bản trong báo *Tân Dân*, số đặc biệt. Hà Nội. 24-3-1949, tr.66-77.

mà thôi, còn ra từ triều đình cho chí hương thôn, là bởi mình đi lầm đi lạc hết cả. Những thói tục đó là bởi cái chính trị chuyên chế kết quả mà ra hết cả, ấy là cái chứng bệnh cội gốc mất nước của ta đấy. Nếu không thay đổi, thì chẳng những là mất nước mà nòi giống có lẽ cũng không ngày nào ngóc đầu lên được.

Cái hại đó to quá, sâu quá, nặng quá, những thiếu niên như các anh vừa nói và những người vừa mới đi trước anh một tí, mà nay các anh đang tâm phục vụ và khen ngợi đó, là nay hiện còn mắc phải bệnh đó cả, càng thông minh bao nhiêu bệnh ấy lại càng nặng bấy nhiêu, và lại khó chữa bấy nhiêu. (ấy là tôi nói người có lòng với nước thực, còn quân giả dối tôi không kể đâu). Mà bệnh đó là do những học khoa cử năm sáu trăm năm nay di độc lại, nên học nghề gì làm việc gì cũng không chịu tìm cho đến cội rễ, cho đến thấy sự thực chỉ biết qua một tí, mới nhắm qua một miếng tưởng đã đủ rồi, cứ nói phăng đi, làm phăng đi, còn sau ra kết quả thế nào, thì chẳng hề để tâm đến. Vậy nên từ lúc nước Pháp bảo hộ nước ta đến nay, chỗ thì 70 năm, chỗ thì 50 năm, mà chưa thấy một người nào học hiểu cho đến chỗ cội rễ văn minh của người Âu cả. Bây giờ đến phiên các anh, vậy tôi xin các anh đừng vội vàng, đừng ham nhiều, đừng khoe rộng, chỉ cứ tuỳ theo sức mình, bước một bước cho chắc một bước, nghĩa là học nghề nào thì học cho đến nơi đến chốn, lúc về bên ta làm thực sự ra cho người thấy, để làm gương cho người sau, để giục lòng người ta vào đàng thực học, ấy là thương nước đấy, ấy là thương nòi giống đấy, chớ bắt chước những người thiếu niên bên ta bây giờ, việc gì cũng biết cả, việc gì cũng nói cả, một bài diễn thuyết có bốn, năm giờ, một bài luận có mấy chục trang giấy mà kỳ thực biết hão huyền, nói xằng nói chạ, trăm voi không được bát xáo, lại làm cho lộn hết cả cái đầu trong trẻo của kẻ thiếu niên.

Đấy, trả lời câu hỏi của anh, về cái thơ trước tôi chỉ có nói đến thế còn nói lẻ loi từng chuyện thì không thể nào nói hết.

Còn cái thơ sau của anh tôi xem đi xem lại, thì tôi biết rằng: lúc anh ở bên ta họ đã làm lầm lạc cái trí khôn của anh đi xa quá rồi, anh đã bị cái bệnh chung của những người thiếu niên tôi vừa nói trên, và lại bị cảm nhiễm những bệnh mới người ta truyền bá trong Nam phong bảy, tám năm nay, may thay tôi đã gặp anh

trước và có nói chuyện với anh, tôi biết anh có lòng yêu nước thực, ham học thực, chỉ vì ít tuổi nên hiểu lầm thôi. Nên đây tôi mới gắng cắt nghĩa cho anh hiểu. Anh xem lời tôi, anh nghĩ thế nào, viết thơ cho tôi biết. Lúc viết thơ phải nghĩ đi nghĩ lại cho kỹ, chớ nói bẳng chẳng như cái thơ này, ấy là hỏng cả.

Đây tôi cắt ra từng đoạn mà trả lời cho anh hiểu:

1. Về sự trong Hạ nghị viện nước Pháp giúp đỡ tôi về xứ, sự đó anh chúc mừng tôi là phải. Anh cũng biết tôi ở bên này lâu, tôi quen biết nhiều ông nghị viên và Hội nhân quyền cũng có giúp tôi, vậy xin anh nghĩ thử tại cớ sao 14 năm nay tôi không về? Và các ông ấy cũng không nói? Nay sự đó đem ra Hạ nghị viện là lẽ tại gì, sự đó tôi có vận động gì không? và sự đó sau này hoá ra như thế nào? còn tôi muốn gì? còn các cơ quan thuộc địa ở bên ta đối với sự tôi về ý kiến thế nào? bằng lòng hay không? nay tôi về bên ta tình cảnh khó dễ thế nào? anh đã nghĩ đến chưa? hay là anh thấy có người bênh vực tôi, thì anh mừng tôi đấy thôi. Nếu như vậy tôi cũng như một cái đồng hồ, khi người ta không lên dây thì nằm chết đó, khi có người vặn máy thì lại càng chạy xịch xịch thôi, anh nghĩ một cái máy đó thì có thể làm ích gì cho nước ta được không?

2. Anh nói về sự vua Khải Định, một là anh nói vua Khải Định không giữ quyền chính, hai là việc vua Khải Định làm đáng chê nhưng không lấy gì làm quan ngại lắm, ba là anh khuyên tôi về để lo mở trí dân đừng chăm chỉ trích nhà vua lắm. Đây tôi không muốn nói nhiều, tôi chỉ hỏi anh rằng: cái thơ trước anh nói tôi học thức rộng, lịch duyệt nhiều, câu đó anh khen nịnh tôi hay là anh nói thực? Nếu anh đã biết tôi, mà thực lòng khen tôi, vậy tôi hỏi lại anh rằng: một người có học thức, có lịch duyệt, có lẽ nào lại không biết vua Khải Định là không giữ quyền chính, lẽ nào lại không biết sự vua Khải Định làm đáng chê mà không quan ngại lắm? Vậy anh nghĩ tại sao mà tôi biên thư chống vua Khải Định? Tôi điên khùng sao? Tôi ghen ghét hay sao? Hay là tôi buồn rầu cảu rảu đụng đâu nói đó sao? Trong nước còn nhiều việc cần kíp hơn, tôi không biết, tôi dốt nát, nên tôi lấy chuyện nhỏ làm chuyện lớn, lấy chuyện hoãn làm chuyện cấp ư? Xin anh nghĩ lại thử xem, tại cớ gì mà tôi chống vua Khải Định? Không giữ chính quyền, không quan ngại gì lắm, trẻ tuổi như anh còn biết, huống chi

người mà anh đã cho có học thức rộng, có lịch duyệt, sao lại ngơ ngác làm những chuyện vô ích như thế? Những câu tôi hỏi đó anh nghĩ đến chưa? Nếu nói đến, xin cắt nghĩa cho tôi nghe; nếu chưa thì sao anh đã vội nói thế?

Sao anh lại bảo tôi cố yêu cầu hai chính phủ gia tâm dìu dắt nước Nam, vậy tôi hỏi anh rằng ở đâu mà có hai chính phủ? Trên anh đã nói vua Khải Định không giữ quyền chính, vậy thì ai giữ, nếu như lời anh nói, thì chắc chính phủ bảo hộ giữ cả, vậy anh bảo tôi yêu cầu chính phủ vô quyền đó làm gì? Vả lại anh có hiểu rằng sao mà gọi là chính phủ không? Một nước sao lại cần có chính phủ không? Còn cái nghĩa vụ chính phủ là phải làm những việc gì không? Nếu anh hiểu thấu đến đó thì chẳng cần phải nói nhiều; còn như anh nghĩ chính phủ như trò hát tuồng có ngôi trên ngôi dưới, có quan văn quan võ, có áo mũ, có kẻ hầu người chực, có tháng lương, có bổng quy, có người chui cửa trước, luồn cửa sau, ngày nay có một bài dụ, ngày mai có một bài chiếu, có lễ tế Giao, có lễ tứ tuần, còn việc nước việc dân chẳng cần nghĩ tới, anh bảo tôi đi yêu cầu cái chính phủ phường chèo làm cái gì?

Thiên hạ cười những người ngu đi lạy tượng đất tượng gỗ để cầu phước, tượng đất tượng gỗ nó không làm phước được, nhưng nó không làm hại ai bao giờ; nay anh bảo tôi đi cầu phước với cái chính phủ, trong ý anh, anh tưởng một người có học thức, có lịch duyệt lại làm những sự ngu hơn lũ đàn bà trẻ con quê kệch hay sao? Anh nghĩ hai mươi triệu con người tự xưng là có văn minh nho học không thể đứng ra mà dựng lại cái bờ cái cõi của ông cha đã gây dựng hơn mấy ngàn năm sao? Anh nghĩ một cái triều đình hèn hạ không tâm can, không liêm sỉ, cả năm chí tối chỉ lo cái xác thịt và vợ con của chúng nó, vậy mà anh bảo nhờ nó mới đem nòi giống Việt Nam lên đàng tấn bộ được. Nếu những người có lòng với nước mà nghĩ như anh cả thì tôi lấy làm lo lắm, buồn lắm, nếu thực ai cũng nghĩ như thế, thực là một loài dân truỵ lạc không thể cứu chữa được nữa.

3. Anh lại sợ tôi tranh danh tiếng, tranh công cán với cái đảng thiếu niên như Phạm Quỳnh vân vân, nên anh khuyên tôi đừng lo mất danh tiếng công cán mà để huề với các anh ấy để lo việc công ích. Câu này thì tôi phải lấy làm lạ mà tôi phải nói ngay

cho anh biết: câu đó chẳng những là kiến thức anh còn kém lắm, mà tâm thuật anh, tôi cũng phải hồ nghi. Tôi không biết anh nghĩ tôi là người thế nào mà anh dám hạ bút mà biên những câu như thế? May tôi đã gặp anh, tôi biết anh còn trẻ trung, nên tôi trả lời; nếu tôi không biết anh mà được cái thơ như thế là tôi chẳng dám cãi cọ một câu. Đây tôi lại gởi cái thơ để anh xem đi xem lại cho kỹ rồi anh sẽ hiểu vì lẽ gì mà anh nói thế? Hay là văn chương anh còn kém, anh nói ý thực mà lúc biên không nghĩ, nên hoá ra một câu rất sơ suất và ngạo mạn vô cùng!

Anh có hiểu chắc làm sao mà gọi rằng người có lòng với nước không? Nếu chưa hiểu thì xin anh đem những người nào mà anh gọi là có lòng với nước, anh so đi sánh lại cho kỹ, để cho thấy thực sẽ nói, chớ đừng có nghe người ta nói mà nói theo là hỏng cả, rồi có lẽ anh sẽ lầm lấy anh nữa. Người có lòng với nước chẳng khi nào bắt cá hai tay, được cả công cả lợi, và cả danh tiếng nữa. Nếu thế thì quân giả dối cả. Vì người có lòng với nước chỉ biết có nước mà thôi, sự lợi cho nước thì làm, sự hại cho nước thì tránh, sự sống chết lợi hại thì bỏ ra ngoài vòng cả; nhưng cũng phải tuỳ tài tuỳ sức, sức biết đến đâu thì làm đến đấy, biết đến đâu nói đến đấy, chuyện mình không biết, thế không làm được, để mặc cho người khác làm, mặc cho người khác nói, còn ai có thưởng gì cho gì, doạ nạt gì cũng cứ giữ khư khư một lòng mà thôi, ấy là người thực có lòng với nước đấy. Anh nghĩ thử như tôi về nước nhà bây giờ, gặp những người như thế, cần gì đến nỗi đợi anh khuyên bảo, rồi tôi mới biết đem lòng đề huề với họ sao?

Còn nếu nói ngược lại, gặp những người lờ đờ, đen không ra đen, trắng không ra trắng, bên nào cũng chẳng mất lòng ai cả, nói trăm điều trượt đến chín mươi chín, anh lại bảo tôi đề huề với những người đó để nhận chìm hai mươi triệu đồng bào xuống địa ngục sao? ấy là tôi cắt nghĩa cho anh hiểu đấy thôi, còn như các anh như Phạm Quỳnh thì tôi thấy trong một hai bài trong nhật trình không những là giả dối vẽ vời mà lại nói lắm điều hại cho thanh niên nhiều lắm. Nếu sau khi tôi về, tôi sẽ lấy cách biện lý mà bàn, nếu các anh ấy không đủ lẽ để trả lời, mà lại không muốn theo tôi, vậy thì các anh có thể đề huề được

không?

4. Là anh sợ tôi chống báng sinh ra nhiều đảng, làm hại cho nước, sau không đến kết quả tốt được. Xem câu anh nói rằng: "Một mình cụ có lòng nhiệt thành và nhà nước Pháp gia tâm trợ lực cũng không có kết quả hay được". Ý anh nói đó tôi hiểu ngay: anh nói nếu tôi đem cả dân Việt Nam trực tiếp với quyền nước Pháp để lo sửa việc nhà, đừng cho lũ hủ bại can dự vào, thì anh chắc nước Pháp sẽ gia tâm trợ lực cho tôi, nhưng các đảng khác chống lại thì tôi cũng không làm gì được.

Tuổi anh còn trẻ, kiến thức anh còn hẹp, sức anh còn kém, anh nói thế cũng phải, tôi chẳng lấy gì làm lạ, nhưng anh đã hiểu cách tôi nghĩ thế nào, tôi làm thế nào chưa, và nhà nước bảo hộ đã chắc vui lòng mà giúp đỡ cho tôi chưa? Nếu chưa hiểu thì chẳng nên nói phỏng ước lù mù như thế. Anh phải hiểu nước lấy dân làm gốc, ấy là câu chữ nho nói rành rành mà nhất là các anh thủ cựu lại càng nhớ câu đó lắm. Tôi chưa dám nói chắc rằng: sự gì mà lòng dân vui theo thì sự đó sẽ làm nên được, nếu dân đã bằng lòng mà lại lợi cho nước, thì sao mà không làm được?

Còn anh lo trước nước sinh ra nhiều đảng mà hại, ấy là hiểu lầm; trong nước nhiều đảng thì cãi cọ nhau nhiều, cãi cọ nhiều thì sự lợi hại mới biết, dân mới có thể lựa đảng nào phải mà theo; anh xem các nước văn minh, nước nào mà không có bè đảng, chỉ có nước dã man, thì chỉ có một lệnh vua mà thôi. Như nước ta anh bảo làm sao có đảng? Tôi tưởng anh nói chữ "đảng" mà trong trí anh chưa chắc hiểu nghĩa chữ là thế nào? Đảng là những người có ý kiến chung, có lợi hại chung, hợp nhau lại để lo liệu làm cho đến một mục đích chung, trong để giữ cái lợi quyền đảng mình, ngoài để đối địch với đảng khác ý kiến mình. Đây tôi cắt nghĩa lược qua, nhưng đại khái nghĩa chữ đảng là thế, anh có chịu không? Nếu anh chịu nghĩa đó thì anh xem lại nước nhà có đảng không? Tôi chắc anh sẽ trả lời rằng: không, vì là thực không. Vậy thì anh nên đốt hương cầu chúc cho nước nhà sẽ có đảng đã, ít nhiều cũng được, sao anh đã vội vàng lo nước ta nhiều đảng là lẽ gì? Hay là anh nói như Hội Khai trí tiến đức và Hội quan trường v.v... anh cho là đảng sao? Nếu không phải vậy, thì là đảng nào?

Nước ta không có đảng nào cả. Chỉ có một lũ dựa theo nhà nước bảo hộ để kiếm ăn, ghen ghét dua nịnh chẳng còn có giá trị, tư cách gì nữa; gớm thay một lũ hồ tinh, nương hơi dựa bóng tập tành đã quen! Nói rộng ra còn có các ông cách mạng ở Tàu, ở Nhật, các ông ấy cũng tự xưng là đảng nhưng chỉ có chủ nghĩa báo thù mà thôi, có mấy anh thông minh can đảm đâm đầu vào lửa chết vô ích như lũ phù du, còn dân thì có lợi ích gì? Vả lại mỗi một lúc dậy giặc thì dân lại khốn nạn thêm, làm cho sung sướng mấy thằng tham tàn, phao cho kẻ này, trét cho người kia, làm cho thiên hạ tan cửa nát nhà, chết oan tù ức, các ông ấy có biết cho không? Nhưng các ông ấy phần nhiều là anh em bạn tôi. Năm 1906 tôi đi Tàu đi Nhật, để bàn bạc với các ông ấy, các ông ấy không nghe đến bây giờ kết quả đã rành rành mà người ta không còn biết sao? Nên đảng đó tôi không cho là đảng. Vậy tôi hỏi anh còn đảng nào anh sẽ chỉ cho tôi xem.

Than ôi! Các anh thiếu niên ta ôi! Xin các anh sẽ giữ cái trí thông minh, lòng ái quốc, chậm chậm mà đi, thủng thẳng mà xét, biết một việc cho chắc một việc, nói một câu cho trúng một câu: số phận nước nhà là ở trong tay các anh. Các anh chịu khó một tý, gia tâm một tý, tìm cho đến cội rễ, học cho hết ngọn nguồn, trước phải hiểu lịch sử nước nhà, sau phải coi phong trào thế giới: làm sao là khôn, làm sao là dại, sao là quốc tuý nên giữ gìn, sao là tệ hại phải chấm dứt, các anh bước tới một bước là dân nhờ một bước, các anh lạc một khoảng đường, thì nước nhà lại bị nhận chìm mấy lần địa ngục.

Sao các anh không mở mắt mà xem gương Á đông ta, Nhật-Bổn nó khôn ngoan, nó gặp văn minh Âu-châu, nó chặt một dao với phong tục cũ, nó đi theo ngay lối mới, nó kiêu người Cao Ly, nó kiêu người Tàu, hai nước ấy cứ xăn văn mãi, tiếc cái phong tục cũ, không chịu theo mới đến khi nó đến nơi rồi nó trở lại nó đè đầu, mới chịu thức dậy, nay hãy còn bối rối. Còn mình bị cõi đầu cõi cổ, cứ nhắm mắt giữ khư khư lấy phong tục mất nước, đến bây giờ mới mở mắt ra, lại không chịu đứng ngay dậy tìm cho rõ sự đời rồi sẽ nói, cứ nói mơ màng tưởng tượng như người chiêm bao, thì nước nhà trông vào đâu, nòi giống trông vào đâu, chẳng lẽ còn đợi đến lớp cháu lớp chắt nữa sao?

Các anh ơi! Cuộc đời rộng như trời như biển, thiên hạ đi đến mấy ngàn dặm trước mình rồi. Tôi xin nói thật với các anh, tôi đã bỏ hai phần đời người tôi để tìm lấy thuốc mà chữa nước nhà, thông minh tôi tuy kém, tài trí tôi tuy hèn, nhưng trong lúc giao thừa này, tôi có thể dám nói rằng: cái trách nhậm nòi giống của dân tộc Việt Nam, tôi không nhường cho ai được cả. Tôi xin các anh thanh niên sẽ lo ăn học cho đến nơi đến chốn, rồi lần lượt của các anh sẽ đến nơi ngay. Tôi e các anh không có lòng, không có sức mà gánh lấy việc đời thôi.

Còn ngày nay các anh chưa đủ tuổi, chưa đủ sức học, nếu các anh đem những cái tư tưởng cũ của các cụ chẳng Nho chẳng Phật mai chiều nhu nhiễm cho các anh lúc còn bé, lại thêm vào một ít học thức nửa Âu nửa Á của các anh lúc vào trường bên ta, muốn dựa vào đó mà xét đoán việc đời, thì sai một li đi một dặm, buồn bã biết là chừng nào! Đây tôi nói thực với các anh, ấy là bệnh của các anh thiếu niên bên ta nhiễm cho các anh đấy; bệnh ấy khó chữa nhứt, xin các anh có lòng với nước, thì phải cẩn thận cho lắm, phải dùng một cách rất dõng mạnh, rất nghiêm nghị mà trừ bệnh ấy đi, nếu lôi thôi thì hỏng ngay.

Tôi xem anh là người thông minh, và các anh em ở Montpellier[1]*, nhiều anh em ham học lắm, nhưng khốn nạn thay, nòi giống ta bây giờ như giống tằm bị bệnh lâu năm, con hư thì hư rồi, còn con có thể làm kén được, cũng bị độc đó, mà tơ chỉ chẳng ra gì, hại thay! Tôi xem anh Quốc, anh Truyền và ông Trường, rất là người thông minh bực nhứt xứ ta, nhưng xem ra ông nào cũng bị một chứng bệnh nặng cả, chẳng biết ngày sau có làm ra cộng hiệu gì cho nòi giống ta được nhờ chăng? Hay là trước học Tàu là ông đồ hủ nho, nay học Tây là anh đồ hủ Âu mà thôi!*

Đây tôi đã nói quá nhiều, còn sự anh hỏi về tìm việc ở Pa-ri, thơ sau sẽ trả lời.

Sau chúc anh được mạnh giỏi và nhờ anh gởi lời thăm anh em du học ở dưới đó đều được bình yên.

PHAN CHÂU TRINH

---

[1] *Montpellier:* Đọc là Mông-pe-li-ê. Thị trấn ở miền Nam nước Pháp, cách Pa-ri 767km. Anh học trò tên Đông đã viết thư cho Phan Châu Trinh từ Mông-pe-li-ê.

THÔNG BÁO MỜI HỌP

"Đồng bào thân mến,

Chúng tôi lấy làm vui mừng báo tin để kiều bào rõ là Thứ ba tới đây 3-2-1925, vào hồi 20 giờ 30, Hội Liên hiệp Pháp -Đông Dương cùng với các Hội viên Hội Nhân quyền sẽ tổ chức một buổi nói chuyện về đề tài: Chính trị đối với người bản xứ tại Đông Dương.

Chúng tôi xin mời anh em đến thật đông, vì cuộc họp có tính cách đặc biệt quan trọng này, chúng ta cần tỏ ra chúng ta rất chú trọng đến tình hình ở trong nước.

Hy vọng là một lần nữa lại được gặp các anh em tham gia hăng hái với chúng tôi trong tất cả các cuộc gặp gỡ này.

Xin thân ái chào anh em kiều bào.

Ký tên:
Chủ tịch Phan Châu Trinh
Tổng thư ký Trần Văn Khá."

(Theo Thu Trang: Những hoạt động của Phan Châu Trinh tại Pháp 1911/1925. *Nxb Đông Nam Á - 1983 tr. 204).*

BÀI PHÁT BIỂU Ý KIẾN CỦA PHAN CHÂU TRINH TẠI CUỘC HỌP TỐI HÔM 3-2-1925

(Trần Văn Khá dịch sang tiếng Pháp;
Thu Trang lược dịch lại tiếng Việt)

"Tôi xin phép, trước hết được cảm tạ các ông Violette Challaye và Moutet là những ân nhân đã cứu tôi khỏi chết, những người rất có cảm tình với dân An Nam, mà cụ thể là đã có một cử chỉ rất tích cực đối với cá nhân tầm thường của tôi.

"Tôi cũng xin phép được bày tỏ một vài điều của một người đã từng day dứt, và suy tưởng để làm thế nào thực hiện cho được, một mối liên hiệp hoàn toàn giữa hai nước Pháp và Đông Dương vào thời gian sắp tới.

"Để sống và mở mang một vùng ở châu Á, chúng tôi cần sự trợ lực của nước Pháp về vật chất, mà chỉ có nước Pháp là có thể làm được. Đồng thời nếu nước Pháp ở bên cạnh chúng tôi, thì đó là một điều có lợi vì làm tăng uy tín của nước Pháp ở vùng cực Đông, như vậy cần phải có sự hợp tác của chúng tôi. Họp nhau lại, chúng ta có thể làm tất cả, chia rẽ ra, chúng ta chẳng thực hiện được gì[1]. *Có thể, một số đồng bào của tôi chưa hiểu hết sự cần thiết trong vấn đề liên hiệp này. Nhưng hy vọng của chúng ta là, nếu chính phủ hiện giờ, mà chúng tôi rất trân trọng về ý niệm tự do, chắc chính phủ sẽ cấp cho Đông Dương một vị toàn quyền có quyết tâm thực hiện những lý tưởng quảng đại của nền dân chủ Pháp.*

"Mới đây, một tin quan trọng đã được loan ra làm cho chúng tôi vui mừng vô hạn. Một trong số bạn của chúng tôi, một người có đầy tài năng và thiện chí đã được chỉ định để nhận chức vị trên. Nhưng, buồn thay hình như vị ấy đã từ chối. Chúng tôi chắc là, do một lý lẽ hết sức quan hệ đã làm vị ấy đi đến quyết định trên. Dù

sao, chúng tôi xin bày tỏ ở đây sự mong muốn của đồng bào chúng tôi, của 20 triệu người đang đau khổ, để yêu cầu vị ấy trở lại. Một quan toàn quyền như vậy là điều mà Đông Dương mong ước. Xứ chúng tôi cũng muốn có một Uỷ ban dân biểu quốc hội Pháp, được gửi đến tại chỗ để nghiên cứu về những điều cải cách căn bản gấp rút cho sự sống còn. Những người như vậy, mới có thể thắt chặt sự liên lạc, mà chúng tôi muốn hai nước chúng ta mỗi ngày hợp lại chặt chẽ..."[2]

(Theo Thu Trang - Sđd .tr.200-201).

---

1. Về ý kiến này của Phan Châu Trinh, về sau vào khoảng giữa tháng 9.1930 đã được toàn quyền Varenne nhắc lại ở trong bài "Cuộc thảo luận những lời chất vấn về Đông Dương: Chính kiến quan toàn quyền Varenne đăng trên *Thực nghiệp dân báo* số ra ngày 15/9/1930 như sau:

... Giữa ngày 3 Février 1925, tại Hội Bác học, Phan Châu Trinh có nói: "Muốn được sinh tồn và muốn được mở mang đất nước Á Châu thì thể tất ta phải cần đến một cái sức mạnh về đường vật chất, mà duy chỉ có nước Pháp là có thể giúp ta được việc ấy thôi. Chí như về phần nước Pháp, muốn giữ lấy cái thế lực ở bên Viễn Đông thì thể tất phải cần đến sự hiệp tác của ta. Hễ hai bên mà hợp lại với nhau thì việc gì cũng làm được, chia rẽ nhau thì chẳng làm nổi việc gì cả". NBS.

2. Trong sách của Lê Thị Kinh (tức Phan Thị Minh): *Phan Châu Trinh qua những tài liệu mới – T.II.* Nxb Đà Nẵng. 2003, còn có thêm một đoạn nữa, (do Trần Văn Khá dịch trực tiếp) như sau:

"- 13 năm trước, khi tôi đến Pháp sau khi bị án, tôi đã gặp được một người bạn, ông Marius Moutet, thành viên của Liên minh Nhân quyền, người đã hứa sẽ ủng hộ tôi và sẽ giúp tôi được vào quốc tịch Pháp khi chế độ chính trị thuận lợi. Ông đã giữ lời hứa. Trong tình hình đó, tôi không thể hiểu được vì sao có nhiều người An Nam chắc không hiểu biết về Liên minh Nhân quyền đã phát biểu những điều không đúng về Liên minh. Ông yêu cầu đồng bào có mặt trong cuộc họp hãy phát biểu rõ ràng và những điều họ chê trách Liên minh, vì cứ thảo luận thì sẽ làm sáng tỏ vấn đề. Tiếp đó, ông ca ngợi Liên minh Nhân quyền thường đứng ra bảo vệ mọi người bất kể quốc tịch hay chủng tộc, một khi họ là nạn nhân của sự bất công hay bị thù oán vì yêu nước.

Phan Châu Trinh khuyên chính phủ khối cánh tả nên gửi đến Đông Dương một người công bằng chính trực để cai trị thuộc địa này một cách công minh, vì đó là cách duy nhất để vãn hồi trật tự và bảo đảm hạnh phúc cho dân bản xứ. Nhưng nếu chính phủ khối cánh tả cứ tiếp tục các sai lầm của các chính phủ trước, cứ gởi đến những người chỉ ủng hộ các quan chức cao cấp, bọn tư sản và bóc lột như kiểu Sarraut hay Merlin thì dân An Nam sẽ mãi mãi nghèo khổ và như vậy sẽ đẩy họ đến việc nổi dậy."

(Theo Lê Thị Kinh, Sđd)

THƯ GỬI MOUTET[1]

Paris, ngày 7-5-1925

Thưa Ngài Nghị sĩ thân mến.

Tôi cảm ơn Ngài rất nhiều về tất cả những gì Ngài đã làm cho tôi. Ngài biết rằng tôi chỉ cầu mong sự hòa hợp Pháp - Nam ở Đông Dương chứ không nghĩ tới lợi ích riêng nào cho tôi.

Tôi đã trông cậy vào Ngài để xin được nhập quốc tịch Pháp và hồi hương bởi vì ngài rất vô tư và công bằng giữa Bộ trưởng thuộc địa và tôi.

Có lẽ là tôi đã nhầm lẫn, tôi đã bị hiểu sai. Tôi thỉnh thoảng cầu sự công bằng của Ngài. Người ta lại tưởng rằng tôi dựa vào thế lực của Ngài. Cho đến nay tôi chưa nhận được một câu trả lời rõ ràng nào cả.

Tôi đã nói với Ngài rằng tôi mong được về nước bởi vì tôi sống xa xứ sở tôi đã lâu và nhất là vì đứa con gái út của tôi mà tôi phải xa cách từ lúc cháu mới 3 tháng tuổi, nay đã sắp lấy chồng.

Tôi không thể chờ sự trả lời của Bộ Thuộc địa được nữa. Tôi phải viết điều này cho Bộ.

Tôi mong muốn được gặp Ngài trước khi tôi về quê hương để chào Ngài và cám ơn Ngài về những gì Ngài đã làm cho tôi

***

Kính gửi Ngài Moutet, 167 Đại lộ Malesherber

Vừa qua tôi có đến thăm Ngài nhưng đã không được gặp. Tôi biết rằng trong thời gian này Ngài rất bận, nhưng dù sao tôi vẫn hy vọng Ngài cho tôi được gặp để tôi giãi bày lý do tôi về nước.

Hết sức tận tụy với Ngài
Ký tên Phan Châu Trinh
(Theo Lê Thị Kinh – Sđd)

---

[1] Thư này, Phan Châu Trinh yêu cầu gặp Hạ nghị viên Moutet để bàn việc ông về nước sớm và xóa bỏ yêu cầu nhập Pháp tịch.

THƯ GỬI BỘ TRƯỞNG THUỘC ĐỊA DALADIER

Paris, ngày 7-5-1925

Thưa Ngài Bộ trưởng

Ngày 21-12 vừa qua, tôi đã viết cho Ngài Bộ trưởng tiền nhiệm của Ngài để được nhập quốc tịch Pháp và trở về nước.

Cách đây một tháng, tôi nhận được thư của con gái út tôi báo sắp thành hôn và mời tôi về dự hôn lễ. Tôi đã xin Ngài Bộ trưởng tiền nhiệm của Ngài quan tâm đến việc cho tôi hồi hương càng sớm càng hay. Ngài ấy đã hứa trả lời cho tôi khoảng 22-4.

Thưa Ngài Bộ trưởng.

Tôi không biết là tôi có thể viết thư này đến Ngài để xin Ngài thực hiện lời hứa của vị tiền nhiệm hay không? Tôi tin rằng - và tôi chắc chắn như vậy - nếu Ngài hiểu rõ trường hợp của tôi, thì Ngài sẽ tán thành mối thiện cảm mà vị tiền nhiệm đã dành cho tôi. Tôi không vội vàng cấp thiết về việc xin nhập quốc tịch nữa, mà tôi phải về dự đám cưới con gái tôi. Nếu Ngài Bộ trưởng có thể cho phép tôi hồi hương, tôi vô cùng đội ơn Ngài nếu được Ngài trả lời thật sớm.

Xin gửi Ngài Bộ trưởng những lời chào trân trọng.

Kính gửi Ngài Bộ trưởng Thuộc địa

Phố Oudinot

Phan Châu Trinh

9 Ngõ cụt Compoint

Paris 17 Paris

(Theo Lê Thị Kinh – Sđd)

BẢN TUYÊN BỐ KHẲNG ĐỊNH QUYỀN TRỞ VỀ NƯỚC GỬI BỘ THUỘC ĐỊA[1]

Paris, ngày 13-5-1925

Tháng tư năm 1908, tôi bị kết án tử hình, vì đã viết trên một tờ báo tiếng Pháp để tố cáo chế độ độc đoán của các quan lại An Nam. Nhưng đến năm 1910 sau khi được công nhận là vô tội và được Ngài Toàn quyền Klobukowski rất cương trực nhân danh nhân dân Pháp trả lại tự do, tôi đã tự mình xin sang Pháp.

Chính quyền Đông Dương, để đền bù lại những bất công đối với tôi, đã đài thọ cho tôi và con trai tôi mọi phí tổn đi đường từ Sài gòn đến Marseille, và một khoản trợ cấp hàng tháng cho việc ăn ở.

Thời gian cư trú của tôi tại Pháp được ngân sách của Chính quyền Đông Dương do Ngài A. Sarraut đảm nhận đài thọ cho đến tháng 9 năm 1914, lúc tôi vô cớ bị bắt giam. Tôi ở nhà tù một năm mà hoàn toàn không hề được xét xử và tuyên án, và bị tịch thu toàn bộ giấy tờ riêng cho đến nay vẫn chưa được trả lại cho tôi. Đến tháng 7 năm 1915 tôi mới được trả tự do, sau khi được tuyên bố miễn tố nhờ có sự can thiệp của Ngài Hạ Nghị sĩ Moutet. Nhưng khoản trợ cấp của tôi đã bị cắt và tôi phải làm việc để kiếm sống. Hôm nay tôi trở về nước để sống ở đó, và dự đám cưới của con gái út tôi.

Ký tên: Phan Châu Trinh
(Theo Lê Thị Kinh – Sđd)

---

[1] Sao chuyển từ bản gốc đánh máy có chữ ký cụ Phan. Có thể coi đây là bản tuyên bố lý do đã đi Pháp và quyền rời Pháp của cụ Phan, cùng những vấn đề tồn tại giữa cụ và Chính quyền thực dân.

THƯ GỬI MOUTET

Paris, ngày 13 tháng 5 năm 1925

Thưa Ngài Hạ Nghị sĩ.

Tôi xin cám ơn lòng tốt của Ngài, và tôi sung sướng nhận thấy Ngài Bộ trưởng Thuộc địa cũng rất tử tế với tôi.

Tôi sẽ về nước như mọi công dân khác. Nhưng trước khi về tôi muốn khẳng định với Ngài một lần nữa là vấn đề chủ quyền của nước Pháp ở Đông Dương là một vấn đề được toàn thể đồng bào tôi chấp nhận và đặc biệt là với tôi, đã được sống lâu năm ở Pháp, đã biết rõ những ý đồ tốt của nước Cộng hòa Pháp với đất nước tôi, và do đó đã làm tôi trở thành một người nhiệt thành theo xu hướng cộng hòa.

Mặt khác, để yên lòng một số người nào đó tưởng tôi là người có thâm thù với Hoàng đế Khải Định, tôi có thể khẳng định với ngài là khi trở về nước, tôi sẽ không tiến hành ở An Nam bất cứ hành động chống lại cá nhân vị Hoàng đế, mà tôi mong mỏi sẽ tìm cách làm cho dân An Nam được hạnh phúc hơn.

Xin Ngài Hạ nghị sĩ chấp nhận lời chào kính trọng của tôi.

Ký tên: Phan Châu Trinh[1]

(Theo Lê Thị Kinh – Sđd)

---

[1] Để đáp ứng yêu cầu cam kết "khi về nước sẽ không chống nhà cầm quyền Đông Dương và vua An Nam" do bọn cầm quyền thực dân đưa ra làm điều kiện cho việc về nước, Daladier buộc lòng phải nêu cho Phan Châu Trinh trong cuộc gặp sáng 13-5-1925 cùng với Moutet (và có thể cả Nguyễn An Ninh), Phan Châu Trinh đã "lách" bằng một bức thư gửi riêng cho Moutet như trên. Daladier và Moutet đều chấp nhận với thiện chí tối đa để giải quyết việc về nước cho cụ Phan.

THƯ CẢM ƠN BỘ TRƯỞNG THUỘC ĐỊA

Paris, ngày 20 tháng 5 năm 1925

Thưa Ngài Bộ trưởng,

Tôi xin được trân trọng cám ơn Ngài đã quan tâm đến tôi và đã cung cấp cho tôi các phí tổn về hành trình tôi trở về Đông Dương.

Ông chánh văn phòng đã trao cho tôi các lệnh về hành trình và một khoản tiền 5.000 francs.

Rời nước Pháp, mà tôi đã dần dần thấy yêu mến, tôi có thể khẳng định với Ngài là lòng mến khách trong thời gian tôi sống ở đây đã làm tôi cảm động sâu sắc.

Tôi kính trọng Ngài Bộ trưởng tiếp nhận lòng cám ơn chân thành của tôi.

Ký tên: Phan Châu Trinh
(Theo Lê Thị Kinh – Sđd)

THƯ GỬI BỘ THUỘC ĐỊA TỪ TÀU BIỂN TRÊN ĐƯỜNG VỀ NƯỚC

Trên tàu Fontainebleau, ngày 2/6/1925

Ông Chánh văn phòng thân mến,

Mọi sự đều yên lành cho đến Port Said[1]*. Tôi xin cảm ơn ông về mọi vất vả ông đã chịu đựng để giúp tôi. Tôi hy vọng và chuyến đi sẽ tiếp tục tốt đẹp như cho đến nay.*

Tôi xin chúc ông mọi điều hạnh phúc, và mong ít năm nữa sẽ được gặp lại ông tại Paris.

Xin ông Chánh văn phòng tiếp nhận lời chào và cảm ơn của tôi.

Port Said
Ký tên: Phan Châu Trinh
(Theo Lê Thị Kinh – Sđd)

[1] Hải cảng của Ai Cập trên bờ Địa Trung Hải, trước kênh Suez.

PHỎNG VẤN ÔNG PHAN CHÂU TRINH TỪ PHÁP VỀ BẰNG TÀU FONTAINEBLEAU

Tiểu dẫn: Ông Phan Châu Trinh là nhà nho An Nam, vì công kích các quan của triều đình Huế, nên bị họ đưa ra xử và kết tội tử hình. Được chính phủ Pháp ân xá, ông ta được cho sang Pháp. Ông mới được trở về Đông Dương nhờ sự can thiệp trên diễn đàn Hạ viện của Marius Moutet. Ông này bất chấp mọi phản đối của ông Outrey đã làm cho Hạ viện đi đến quyết định phải chỉnh đốn trong chừng mực có thể một bất công to lớn:

"Hai mươi giờ mười lăm phút - tàu Fontainebleau cập bến

Nhiều ôtô, nhiều người trên bến mặc dù trời mưa lâm thâm. Nhiều khăn tay vẫy trong bóng tranh tối tranh sáng, nhiều tiếng gọi í ới, một số tiếng cười vui, vài lời trao đổi ngắn:

- Sao? Anh không thấy họ à?

Và người ta trỏ cho tôi thấy hai bóng người mờ mờ trong đám đông. Đôi mắt cận thị của tôi khó khăn lắm mới nhận ra một khuôn mặt nhìn nghiêng hơi giống Clémenceau đội mũ cát két.

Họ đã nhận ra tôi trong đám đông, ánh sáng một ngọn đèn của tàu đã chiếu thẳng vào tôi.

- Xem kìa, đó là Dejean, có tiếng reo mừng và tôi nhận ngay ra là tiếng của Nguyễn An Ninh...

Mãi rồi người ta cũng cho chúng tôi lên tàu.

Khi lần đầu tiên tôi bắt tay ông Phan Châu Trinh, thì nhiều bạn bè đã bao quanh ông, ai cũng muốn được trò chuyện với ông.

Lại gần, trông ông lại càng giống ông Hùm[1]: râu mép to rậm che gần hết miệng, đôi mắt tinh anh trong hố mắt sâu, má

---

[1] Biệt danh của Clémenceau, Thủ tướng Pháp trong thế giới chiến tranh thứ nhất, rất cương nghị, tương đối tiến bộ, hùng biện, được quần chúng ưa thích.

hóp, mặt gầy và đã có nếp nhăn nhưng đầy vẻ kiên nghị và kiên quyết.

Những nỗi bất hạnh không hề làm giảm sút dáng tự hào của ông...

Ông Phan Châu Trinh ngồi vào bàn ăn, trước mặt ông la liệt các món ăn ngon.

Ở Pháp lâu đến vậy mà ông dùng đũa vẫn dễ dàng.

Người ta chăm chú hỏi han ông, còn tôi thì chăm chú ghi lời đáp của ông.

Ông nói rất vui được về quê cha đất tổ và rất cảm động trước cuộc gặp gỡ rất tình cảm, thân mật đã được sắp đặt vội vã để chào mừng ông.

- Ông thấy người Pháp ở chính quốc và ở đây ra sao?

- Người Pháp ở Pháp ư?... Ồ, tốt có, xấu có, như ở tất cả các nước trên thế giới. Nhưng nói chung khá hơn phần đông những người họ gửi qua đây cai trị chúng ta. Tôi rất cảm tình với các nghị sĩ cánh tả, và với tất cả những ai cùng quan điểm với họ. Tôi đặc biệt mang ơn một số trong họ...

Tình cờ tôi có trong tầm tay một tờ "Indochine", lại chính là tờ có bài phỏng vấn Marius Moutet và bức vẽ phác chân dung ông ta. Tôi đưa cho ông Phan Châu Trinh.

- Ông này à? Tôi biết quá đi chứ, - ông cười to.

- Tôi đến với tư cách người của tờ báo này. - Tôi vội giải thích và tranh thủ cơ hội để trao đổi với ông đôi lời.

- Xin ngài đừng coi tôi là một tên chỉ điểm, tay sai chính phủ... Xin lỗi, tôi đã thiếu tế nhị...

- Bọn chỉ điểm và các trò tố giác ư? Ông đáp. Tôi hoàn toàn kệ chúng. Họ muốn lột da tôi, nhưng tôi vẫn sống đàng hoàng. Sau tất cả tai ương, hoạn nạn, bây giờ còn phải sợ gì nữa? - Tôi đã chiến đấu nhiều, đau khổ nhiều. Chắc bây giờ bọn chúng cũng đã thấy là da tôi cũng khá dai, chắc là họ phải để tôi yên.

- Theo ngài thì đường lối tốt nhất là gì, cho cả bên này và bên kia, để cho Pháp, Nam nhích lại gần nhau?

- Chế độ thuộc địa phải là một giao kết thân hữu vì lợi ích của cả hai bên tham gia. Cứ cho chúng ta được hưởng luật lệ như dân Pháp thì chúng ta sẽ không đòi hỏi gì hơn là sống dưới quyền

của nước Pháp. Luật pháp của Pháp cho tất cả mọi người, bởi vì với nó, người ta biết phải làm gì. Nó giống như một đường xe lửa, chỉ cần đi tránh ra ngoài đường ray thì sẽ khỏi bị tàu cán phải. Nhưng ở Trung Kỳ thì chính quyền Pháp nấp đằng sau một thứ chính quyền An Nam giả hiệu. Nó hành động không trách nhiệm. Tôi lấy lại ví dụ của tôi: Thay vì một đường sắt, thì người ta đã cho chúng ta một chiếc ô tô, có thể không cần biết luật lệ đi đường, đuổi theo và cán chết chúng ta tuỳ thích.

- Và thưa ngài, làm thế nào để đổi chiếc ô tô thành đầu xe lửa?

- Cầm vũ khí nổi lên chống lại là vô bổ... Trái lại, đó là con đường ngắn nhất để tiêu vong. Chúng ta chẳng có gì để chống lại các phương tiện huỷ diệt hiện đại cực mạnh...

- Vậy thì...?

- Phải đoàn kết muôn người như một, để đòi lại những quyền chính đáng của chúng ta. Viết lên báo chương, trình bày nguyện vọng, kêu gọi các lý tưởng nhân đạo của nước Pháp. Con có gào thì mẹ mới cho bú. Người ta sẽ phải giải quyết khi ta đòi hỏi công lý...

- Dựa vào ai được?

- Trước hết, dựa vào chính mình! Phải làm cho người ta phải thừa nhận bằng trí tuệ và sự khéo léo của mình. Tiến bộ lên nhờ đầu óc của mình cái đã, tiếp đến hãy dựa vào những người Pháp Cộng hòa chân thành. Họ sẽ đứng sau ta hỗ trợ ta là những kẻ yếu. Họ sẽ đứng sau ta, hỗ trợ ta, một khi ta vẫn ở trong thế hợp pháp, nghĩa là bên ngoài đường ray. Không nên cầu khẩn nơi khác.

- Người ta thường nhắc việc ngài đã nổi loạn chống triều đình Huế?

- Thôi, đấy là chuyện quá khứ! Tôi không muốn cuộc vui hôm nay bị tổn thương vì nhắc lại những cuộc trả thù nhỏ mọn tôi đã phải gánh chịu số phận do vũ khí đã định đoạt, và chúng ta không làm gì được. Chống một sự đã rồi thì chẳng có ích gì. Nhưng điều tôi không thể tha thứ được là vì thua mà chúng ta đã mất cả danh dự quốc gia và nhân phẩm. Triều đình An Nam và quan lại đã từ bỏ hết để trở thành công cụ của một số quan cai trị không lương tâm. Đó chính là tình trạng mà tôi muốn chống lại.

- Các dự định của ngài?

- Trước mặt chưa có gì cả. Tôi sẽ nghiên cứu tình thế, tôi sẽ xem cần phải làm gì để dân mình đỡ khổ. Tôi sẽ xem xét tình hình dân khí, dân trí. Nhưng tôi sẽ ở trong vòng hợp pháp và luôn luôn tận tâm, tận lực vì đất nước.

E. DEJEAN DE LA BÂTIE[1] thực hiện

Bài đăng ở báo *Indochine* ngày 29 tháng 6 năm 1925
(Theo Lê Thị Kinh – Sđd)

[1] Theo Jean Lacouture trong tác phẩm "*Một cuộc đời trong thế kỷ, André Malraux*" thì Jejean de la Bâtie là con trai của một nhà ngoại giao Pháp và một phụ nữ Việt Nam. Được cha cho ăn học tốt, ông rất gần gũi và bảo vệ quyền lợi người Việt Nam "Tôi bảo vệ dân tộc đã cho tôi người mẹ". Ở Sài Gòn vào những năm 20, ông hợp tác với Nguyễn An Ninh ở tờ "*Chuông rạn*". Sau khi báo này bị cấm, ông hợp tác với Malraux và Monin trong tờ Đông Dương rồi "Đông Dương bị xiềng xích" (*Indochine Enchainée*). Ông viết tốt, có tính chiến đấu cao, biết chống lại các sức ép. Khi Phan Châu Trinh về nước có tiếp xúc với nhóm này nhưng cả hai bên đều tránh dư luận đánh giá là có sự lãnh đạo chung. Ngày 24-3-1926 ông có bị bắt giam mấy tuần cùng với ông Ninh và Lâm Hiệp Châu.

MỘT CUỘC TRAO ĐỔI Ý KIẾN VỚI ÔNG PHAN CHÂU TRINH

Chúng tôi vui mừng gửi đến bạn đọc bản tường thuật một cuộc nói chuyện mới đây của một cộng tác viên của chúng tôi với ông Phan Châu Trinh.

Chúng tôi vui mừng hoàn toàn nhất trí về những vấn đề của nước An Nam với một trí thức lớn đã có một cuộc sống sôi động, đã quan sát nhiều và suy ngẫm lâu dài về những cái đã thấy, và với một người đã dũng cảm chịu đựng đau khổ, nên chính kiến và lời nói có một uy quyền đặc biệt.

Cách đây mấy hôm, tôi được dự bữa cơm tối chào mừng ông Phan Châu Trinh.

Suốt bữa chiêu đãi thân mật ấy, người bị đày biệt xứ đã kể cho chúng tôi những kỷ niệm thời ở Côn Đảo, thời bị tống giam vào nhà tù Santé tại Paris, khi ông từ chối chính phủ Pháp buổi đầu chiến tranh yêu cầu ông trở về Đông Dương để truyền tuyển mộ người An Nam đi lính tình nguyện, bởi vì ít người tình nguyện quá nên nhà chức trách địa phương phải có biện pháp ép buộc.

Ông nói với chúng tôi rằng người An Nam phải tin cậy vào chính mình. Được đào tạo, uốn nắn và giáo dục theo những giáo huấn của văn minh Trung Hoa cổ, họ phải hiểu rằng một số khía cạnh của nền văn minh ấy không còn phù hợp với những đòi hỏi của cuộc sống hiện đại. Hãy từ bỏ chúng không thương tiếc, không sợ sệt, vì chính Trung Quốc đã vứt bỏ chúng! Để tham gia vào cuộc đại vận động sôi nổi khích lệ các dân tộc khắp mọi nơi, người An Nam phải dũng cảm bắt tay vào việc tiếp thu những kiến thức mà họ còn thiếu. Trong mọi việc, phải có một phương pháp làm việc, một tổ chức sử dụng mọi cố gắng, mọi ý chí rời rạc phải tụ

hội vào tổ chức đó. Một kỷ luật xã hội cũng rất cần thiết.

Mỗi người, bỏ ngoài quyền lợi cá nhân của mình, phải tận tuỵ trong tính toán với quyền lợi chung, cá nhân phải biến mất trước tập thể, như vậy việc giải phóng của người An Nam tuỳ thuộc vào ý chí kiên trì của họ để đạt lấy nó.

Ông Phan Châu Trinh không thuộc phái chủ trương giải phóng bằng bạo lực, bằng vũ khí. Ông nói rằng ngày mà chúng ta đã khá phát triển để xứng đáng đứng vào hàng ngũ những dân tộc hiện đại, ông chắc rằng nước Pháp hẳn sẽ thoả mãn những yêu cầu của chúng ta.

- Hãy tiến lên, ông ta nói to, hỡi thanh niên của thế hệ hiện đại, chúng tôi đặt cả hy vọng vào các bạn. Trên con đường tiến bộ mà các bạn đi những bước dài, những người già yếu tuổi tác[1] như tôi sẽ phải chống gậy theo các bạn để khỏi bị rơi rụng dọc đường.

- Trong khi trong thiên nhiên, mọi thứ đều là vận động và tiến hóa, tại sao chúng ta lại chậm trễ rồi tụt hậu với những công thức cũ rích của những nguyên tắc lỗi thời? Không có sự dừng lại trong sự tiến triển của một dân tọc. Dân tộc nào không tiến lên thì thụt lùi. Cũng phải nhớ rằng nước An Nam dưới thời Trần đã có một kỷ nguyên vinh quang và thịnh vượng nổi bật. Chính quyền thời ấy là một chính quyền dân chủ, từ ngữ mà lúc bấy giờ châu Âu chưa biết đến vì bất kỳ ở đâu, châu Âu lúc ấy đang rên xiết dưới sự chuyên chế tàn bạo của chế độ phong kiến. Vài năm sau, những ông vua xấu - mà tôi không muốn nêu tên - đã đưa vào nước ta nền văn minh Mãn Châu mà họ là những tín đồ trung thành. Và đó là sự tan vỡ của lịch sử chúng ta. Con người bị rơi vào tình cảnh nông nô, phải chịu sưu thuế nặng nề mà không dám than vãn. Từ đó mà có sự nhịn nhục, sự thụ động của nhân dân An Nam. Điều đó phải chấm dứt. Không có chính quyền nào là không thể sai lầm. Vậy phải làm cho đồng bào chúng ta quen phản đối, khích lệ họ phản đối trong giới hạn hợp pháp, mỗi khi họ là nạn nhân của một sự bất công hoặc một sự nhũng lạm nào đó. Báo chí chống đối là cần thiết để tố cáo một cách vô tư tất cả những sự lạm quyền, tất cả những sai lầm mà người cai trị có thể mắc phải. Ai không nói gì là tán thành. Sự nhẫn nhục hoặc đúng

---

[1] Nguyên văn "Đầu đã lung lay" (không còn vững nữa).

hơn sự câm lặng của người An Nam làm cho chính quyền tin rằng nhân dân thỏa mãn, và chính quyền sẽ yên ngủ coi như đã tròn phận sự. Đúng là vì sao lại đi trao tự do những người nô lệ bằng lòng với số phận của họ?

Còn về tinh thần gia đình và các vị nói đó, đó là một điều rất hay, là điều duy nhất đáng kính nể. Tôi không thể không cảm thấy vô cùng buồn bã khi thấy đến lúc xế chiều những ông già bà già suy yếu thảm hại, mà không có một cánh tay khoẻ mạnh để dựa vào. Phải giúp đỡ bố mẹ, những người đã lo lắng và nhọc nhằn nuôi nấng con cái. Đó là bổn phận sơ đẳng nhất của con người.

- Người ta biết sự căm ghét của ông đối với triều đình Huế! Một phong trào dư luận đang thành nhằm xoá bỏ vương quyền. Ông có thể nói cho chúng tôi biết ý kiến của ông về vấn đề này?

- Quả thực - Phan Châu Trinh trả lời - tôi không mặn mà lắm với triều đình Huế. Điều đó giải thích sự thất sủng rồi án tử hình mà tôi phải chịu. Nếu bây giờ tôi còn giữ được cái đầu trên cổ, đó là do sự can thiệp của những nhân vật có thế lực ở Pháp[1]*. Ý kiến của tôi về cái triều đình hình thức ấy không thay đổi. Tôi đồng ý xóa bỏ nó đi một cách hoàn toàn và đơn giản và thay thế bằng sự cai trị trực tiếp của chính quyền bảo hộ Pháp. Giải pháp ấy, ngoài những điều lợi mà nó đem đến, còn vì ngân sách khỏi phải vì những mục đích mơ hồ và duy trì một ông vua ủy mị và những thượng thư không quyền hành. Nó còn làm cho người An Nam có quan hệ trực tiếp với chính phủ bảo hộ. Chính phủ bảo hộ sẽ không thể dùng nhà vua để che giấu những ý đồ của mình, để chối cãi vai trò chủ trương hoạch định của mình về những biện pháp hành chính, và do đó, phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về những biện pháp ấy.*

Sự tiến hóa của nhân dân An Nam tuỳ thuộc một phần vào việc chính phủ Pháp quyết định vấn đề này như thế nào. Khi chúng ta can đảm cắt đứt ngay với di sản nặng nề của những thế hệ đã qua, chúng ta sẽ tiến lên phía trước một bước dài trên con đường giải phóng. Việc giải phóng này không phải không vấp trở

---

[1] Phan Châu Trinh hoàn toàn không hay biết chuyện Phủ Phụ chánh (tên Viện Cơ mật lúc Duy Tân còn ít tuổi) đã cải lệnh của Khâm sứ Levecque để giữ mạng sống cho ông.

ngại và chấn động, nhưng đó là cái giá phải trả không tránh khỏi của mọi tiến bộ.

- Theo ông, phương tiện nào hữu hiệu nhất giúp chúng ta đạt đến sự giải phóng mà ông nói đến?

- Giáo dục, như tôi đã nói với các ông rồi. Giáo dục phổ cập khắp nơi, giáo dục tăng cường, giáo dục không theo đuổi một mục đích thực dụng là giúp người An Nam mưu đồ địa vị và bổng lộc ở chốn quan trường mà là để làm phương tiện giải phóng quần chúng. Khi đại đa số nhân dân An Nam có học vấn sẽ hiểu những "Vì sao?" và "Như thế nào"? của sự vật, khi họ ý thức được mình, ý thức được quyền lợi và bổn phận của mình, ngày ấy chính phủ Pháp sẽ phải nới lỏng những sợi dây cản trở sự vươn lên của những người bị bảo hộ, nếu không sẽ làm trái với lý tưởng của mình.

Như vậy, đám thực dân tức là tất cả những người có lợi trong việc duy trì hiện trạng, sẽ gây khó khăn. Vì thế, chúng ta phải rất thận trọng với họ; chúng ta hãy quan hệ rất thẳng thắn với họ, không khúm núm cũng như ngạo nghễ. Ở Pháp, có nhiều người Pháp sáng suốt chống đối việc cai trị thuộc địa. Ông Clémenceau, mà tôi có vinh dự được xem như một người quen biết, luôn luôn không tán thành chính sách thực dân, vì vậy mà không ghé thăm Đông Dương trong chuyến đi thăm Trung Hoa.

Nếu trong một thời gian bị nhiều người Pháp ở đây ngờ vực, mặc dù tôi không phải là người bài Pháp, đơn giản là vì tôi có một cái nhìn chính xác đối với người và sự vật và không bao giờ không phản đối khi có những sự bất hợp pháp hoặc bất công.

- Về vấn đề giáo dục, ông có tán thành cuộc vận động của ông Phạm Quỳnh, chủ nhiệm tạp chí Nam Phong, *về việc phổ biến và dùng chữ quốc ngữ ở bậc tiểu học không?*

- Không, tôi cho là không thích hợp, vì giải pháp ấy sẽ làm cho ai muốn học lên sau bậc tiểu học sẽ phải mất thêm vài năm mà họ phải dùng để học tiếng Pháp. Đã có chuyện một tú tài bản xứ, muốn được cùng trình độ với bạn anh ta ở chính quốc, phải học thêm 2 hoặc 3 năm. Thế mà người ta còn bắt anh ta để ra mất 3 năm để học tiếng mẹ đẻ, trong khi người nông dân trì độn nhất chỉ cần học nhiều nhất là vài tháng để đọc và viết được chữ quốc ngữ!

Tất nhiên phải loại trừ những quan điểm khác vì đó dĩ nhiên chỉ là những nhận xét trên khía cạnh thực tiễn vì khi mà tất cả mọi thứ đều là tốc độ, phải nhanh chóng, lẹ làng, tôi thấy không hợp lý khi chúng ta chọn một biện pháp làm con em chúng ta mất một thời gian cực kỳ quý báu.

Bữa ăn sắp kết thúc, nhưng ông Phan Châu Trinh vẫn nói hùng hồn, đề cập nhiều vấn đề, tất cả khá hấp dẫn, và được thanh niên vây quanh chăm chú nghe. Tuy nhiên, trong trí chúng tôi tưởng tượng lại nỗi đau khổ dai dẳng suốt cuộc đời của ông già ấy, già nhưng vẫn còn trẻ vì trí tuệ sắc sảo, gợi lại việc ông bị đày ra nước ngoài, xa quê hương mà ông yêu tha thiết... Chúng tôi rất thán phục sự nhẫn nại của ông, lòng tin không gì lay chuyển vào sự nghiệp mà ông tha thiết theo đuổi.

Ông Phan Châu Trinh cho tất cả chúng ta tấm gương của một ý chí bền bỉ phục vụ một lòng yêu nước sáng suốt.

D.N

Báo *Echo Anammite*[1] (Tiếng vang An Nam)
ngày 17-7-1925
(Theo Lê Thị Kinh – Sđd)

[1] Báo của chính khách Nguyễn Phan Long ở Sài Gòn.

THƯ VIẾT CHO SỞ MẬT THÁM SÀI GÒN

Tiểu dẫn: Thư gửi giữa Phan Châu Trinh với Chánh mật thám Sài Gòn André, ngoài cái bản xin phép diễn thuyết do người đại diện làm, có 3 văn bản giao dịch trực tiếp còn lưu tại thư khố Pháp.

1 - Văn bản thứ nhất bằng chữ Pháp viết tay, theo tự dạng là do ông Lê Ấm (chồng bà Châu Liên) viết trên danh thiếp của Phan Châu Trinh như sau:

"Phan Châu Trinh sẽ đến gặp ông vào chiều mai (29-7-1925) khoảng 3 giờ rưỡi".

Cuộc hẹn diễn ra chỉ một tháng sau khi Phan Châu Trinh về đến Sài Gòn, có lẽ theo yêu cầu của André Chánh mật thám Nam Kỳ nhằm để tìm hiểu ý đồ của cụ Phan không về Trung Kỳ mà lưu lại Sài Gòn ngoài dự kiến của nhà cầm quyền thực dân. Khi gặp cụ Phan đã tranh thủ phản đối các hoạt động dò la của bọn mật vụ.

2 - Văn bản thứ hai bằng chữ Pháp viết tay, theo tự dạng là do ông Lê Ấm viết, kể cả chữ ký "*Phan Châu Trinh*".

Nội dung như sau:

"Mỹ Tho, ngày 14 tháng 8 năm 1925"

Kính gửi ông André Chánh Sở Mật thám tại Sài Gòn.

Lúc ở Sài Gòn tôi đã phản đối việc theo dõi một cách vụng về của các nhân viên mật vụ đối với bản thân tôi. Ông đã hứa sẽ chấm dứt tình hình đó. Nhưng từ khi tôi đến Mỹ Tho đến nay các nhân viên đó lại càng tỏ ra vụng về và lộ liễu hơn nữa trong hành động của họ (đáng lẽ phải rất kín đáo).

Một tên trong bọn họ đã cả gan xông vào nhà ông Nguyễn Tử Vân (ở làng Mỹ Phong) là bạn tôi và là thầy thuốc, nơi tôi đang lưu trú, để tìm kiếm thông tin về tôi (sự kiện này xảy ra hôm 9-8 chỉ sau khi tôi vừa đến nơi).

Không đạt được mục đích toan tính, hắn đã quay sang hỏi những người chung quanh và thu lượm được những gì không rõ.

Cách đây mấy ngày tên này đã hậm hực gào thét trong một quán ăn tỉnh lỵ đòi báo thù sự thất bại của hắn: "Ta đã bắt được Đoàn Hưng Tính đi với tên Phan Châu Trinh này...".

Trong khi tôi bị rêu rao như một con người nguy hiểm mà cơ

quan mật thám phải kiểm soát chặt chẽ thì bạn tôi, ông Nguyễn Tử Vân cũng liên lụy. Trong khi ông đi thăm bệnh nhân hay đi dạo chơi ông ta bị các tên tay sai trắng trợn đến gặp ông và những người quanh ông, tỏ cho họ thấy là họ đang bị bủa vây.

Đối với những người đã chuyện trò với tôi cũng vậy. Hôm thứ sáu vừa qua, trong bữa ăn tối tại nhà ông Phan Hoàng Huyến, Tham tá lục lộ ở Mỹ Tho trong dịp sinh nhật con gái ông ấy, tôi tình cờ trò chuyện với 4 người khách. Thế là có dịp cho Sở Mật thám cử đến một lũ vô nghề nghiệp bám theo những người bạn của ông Huyến khi họ di chuyển, như đó là những người tù vậy. Gia đình của một người đã bị mật thám đến "thăm" trong khi người đó vắng nhà.

Ông có thể hình dung sự ngạc nhiên và ấn tượng của tôi trong tình hình đó!

Tôi dự định đi khắp Nam Kỳ để biết rõ tình hình chung trong phần này của đất nước tôi, nhưng vì bị bệnh nên tôi phải dừng lại ở đây để chữa bệnh. Vậy mà đã thấy có những sự việc như trên, mà nếu kéo dài, sẽ gây náo động trong tỉnh. Tôi xin báo để ông rõ trên tình hữu nghị với ông.

Ông nghĩ thế nào về tâm trạng của dân chúng An Nam trước những sự việc như thế?

Thân kính chào ông
Ký tên: Phan Châu Trinh
Ở nhà ông Nguyễn Tử Vân xã Mỹ Phong - Mỹ Tho

3 - Văn bản thứ ba bằng chữ quốc ngữ viết tay. Theo tự dạng là thủ bút của Phan Châu Trinh.

Phan Châu Trinh trả lời vấn tắt một lệnh mời của trùm mật thám Sài Gòn André.

"Ông André Chánh Sở Mật thám - Sài Gòn
Hóc Môn, ngày 16 tháng 1 năm 1926
Phan Châu Trinh biên cho ông Chánh Sở Mật thám:

Kính quan lớn, chính ngày hôm nay tôi có tiếp được một cái thư của quan lớn gọi tôi đến mà nói chuyện nhưng mà tôi bịnh nên chưa đi được, vậy xin để ngày nào tôi khỏi rồi sẽ đến mà nghe chuyện.

Ký tên: Phan Châu Trinh[1]
(Theo Lê Thị Kinh – Sđd)

---

[1] Đây là bút tích cuối cùng của Phan Châu Trinh trước khi qua đời.

ĐIỆN GỬI KHÂM SỨ TRUNG KỲ ĐỀ NGHỊ HOÃN VIỆC KẾ VỊ SAU KHI KHẢI ĐỊNH CHẾT

Bài báo: CHUNG QUANH NGÔI VUA XỨ AN NAM đăng ở báo *Echo Annamite*[1].

Được tin đức vua Khải Định tạ thế, ông Phan Châu Trinh vừa gửi cho quan Khâm sứ Trung Kỳ bức điện sau đây:

"Khâm sứ Pasquier - Huế.

Từ bấy đến nay bị ốm nặng, tôi không thể về Huế như đã hứa với ngài. Đã được tin đức vua Khải Định tạ thế trong khi đang dưỡng bệnh ở Vũng Tàu, rất tiếc không thể đích thân về để bàn với ngài nhằm giải quyết vấn đề lợi ích của hai nước Pháp - An Nam. Tin tưởng ở lý tưởng dân chủ của Pháp và đặc biệt ở sự sáng suốt của ngài về tình hình dân chúng An Nam và Viễn Đông, xin nhờ ngài đích thân bàn vấn đề này với quan Toàn quyền, đề nghị ngài hoãn việc kế vị ngôi vua ở Huế và khẩn cấp lập ủy ban gồm các tầng lớp ưu tú trong dân An Nam để nghiên cứu và thảo luận vấn đề cải cách đất nước cấp thiết đối với dân chúng An Nam và lợi ích của nước Pháp trên đất nước này như tôi đã kêu gọi lâu nay.

Xin hứa hết lòng phục vụ sự nghiệp này nếu chính phủ nhất trí với đề nghị của tôi. Mong chấp nhận lòng trung thực và tận tụy của tôi".

Ký tên: Phan Châu Trinh
(Theo Lê Thị Kinh – Sđd)

---

[1] Đăng ở báo *Echo Annamite* (Tiếng vang An Nam) không rõ ở số nào.

DỊCH BÀI DIỄN THUYẾT HIỆN TÌNH ĐÔNG DƯƠNG CỦA TISENSI (THIẾT SINH SĨ)

(Dịch qua báo Pháp)

Ngài Tisensi uỷ viên Hội bảo vệ nhân quyền nước Pháp (đăng trong số 2 tháng tư năm 1909) tại Nghị viện quốc dân nước Pháp nói:

Thưa các ông! Những đề nghị của quốc hội trong năm nay về tình hình Đông Dương và những điều cần phải cải cách trong chính trị không chỉ là một việc. Vì phái viên các ông giao cho đi khảo sát có nhiều chỗ không chú ý, cho nên hôm nay tôi không thể không có một phen nhiều lời với các ông.

Năm ngoái các sự kiện thay đổi ở Đông Dương dồn đến, chẳng riêng gì ngày gần đây những phong trào thay đổi trên thế giới cho đến nội tình rối ren, thực ở vào cái thế không có ngày nguôi. Như năm ngoái có: Vụ Đầu độc Hà thành, vụ kêu sưu các tỉnh Trung Kỳ, các vụ quấy phá của người Hoa ở biên giới Bắc Kỳ trong vùng núi Đông Triều, không ngày nào không nghe tin báo gấp về để xin quan quân tăng cường phòng bị. Thế mà các ông có trách nhiệm ở thuộc địa Đông Dương vẫn giữ nguyên vị trí cũ, vẫn dùng chữ áp chế làm chính sách trên hết, tiêu biểu là lời bàn về thay đổi luật hình của ông toàn quyền. Lời của một vị tiền bối nước ta đã nói về luật pháp trong nghị viện: "Phép cũ của thực dân có thể bỏ nhưng không thể bỏ từ ngữ này" bị quốc dân chửi rủa một thời. Nay tôi vốn không muốn giữ nghĩa này, chỉ mong các ông không bỏ pháp luật cũ, cũng không muốn làm trái lại pháp luật cũ, mà muốn bỏ chữ *thực dân* (người nghe vỗ tay hoan hô). Chẳng kể nền thực dân ấu trĩ của chúng ta có cùng hưởng

chung một pháp luật với nước cộng hoà của chúng ta hay không, cũng chẳng kể 20 năm nay chính phủ ta định ra phương châm chính trị thực dân ở Viễn Đông có kết quả ra sao; nhưng với biến cố trong mấy tháng nay mà tìm nguyên nhân thì phương châm định ra từ bấy đến nay không đạt mục đích sống lấy một ngày.

Tôi nói qua về việc cũ của nước ta mưu tính Đông Dương trải qua bốn cuộc mà gọi là nhân sự có thể định trước sao? Từ năm 1859 đến năm 1872 chiếm cứ Nam Kỳ, thực chưa có mộng tưởng xa về chiếm Bắc Kỳ của An Nam. Căn cứ vào hoà ước ký với chính phủ An Nam năm 1884 nghĩ là hai kỳ Trung Bắc, ngoài sắt máu ra không thể tạm yên. Nhưng đến năm 1885 bỗng lấy một chữ *hoà* mà yên được. Đó là sự thế tuỳ lúc mà thay đổi, nên phương châm cũng không thể không tuỳ lúc mà thay đổi hướng. Nay thấy quan thuỷ lục quân, quan cai trị địa phương ở Đông Dương đều im lặng giữ vị trí cũ áp chế Nam Kỳ, điều tệ hại không chỉ một là đủ. Tôi xin vì các ngài mà trình bày.

Một là, cái hại của việc không biết thổ âm, trước đây là thời chiến tranh, súng ống làm công cụ của bố lệnh (lệnh phát ra) không dùng ngôn ngữ cũng được. Từ khi đã lập được công cuộc bảo hộ, tất cả quan thẩm phán cai trị đều có trách nhiệm thân với dân, nhưng tình hình trên dưới không thể thông suốt với nhau có được không? Cho nên một pháp lệnh ban ra trong dân có lợi hại ra sao cũng không biết, không thấy thường khi thi hành một pháp lệnh lại khiến người dân trở tay không kịp. Nắm chính quyền mà không tìm đến cái gốc gọi là ngược chính. Cái gọi là gốc, là ở chỗ biết rõ được dân ít hay nhiều. Chính quyền các nước Đông Dương trước đây không dùng biện pháp quốc dân tích cứ (tạm dịch là dấu hiệu preuve), không thể nào xác định được dân số; có khi ước định là 25 triệu, hoặc 20 triệu. Cũng có học giả khác tính ước dân số Trung, Bắc, Nam Kỳ, Lào, Cao Miên không quá 10 đến 11 triệu. Nay tôi lấy số trung bình chưa đến 14, 15 triệu. Thực không thể được 20, 25 triệu như quan cai trị Đông Dương đã định.

Phàm muốn xác định nền tài chính của một nước, trước tiên phải biết đất đai nhân dân của nước đó. Nay dân số ở Đông Dương đã không rõ ràng như thế, còn về ruộng đất lại không thực hành đo đạc, tất cả đều tuỳ ý mà tăng giảm thuế. Trong một tỉnh, ruộng đất năm trước 12 vạn mẫu tây, năm nay tuỳ ý định lại là 13 vạn

mẫu, quan không hỏi dân, dân không thể kêu ở quan, đây là cái tệ hại cũng vì không thông thổ âm.

Hai là, chính phủ ở Đông Dương số một là Bộ Tài chính, nhưng cách lập bộ đã do phép y thời trước. Xin nói trước về thuế chính ngạch là thuế đinh và thuế điền. Thuế đinh chia làm hai hạng là: nội đinh tịch và ngoại đinh tịch, nội tịch là con trai từ 18 đến 60 tuổi có chút tài sản và nghề nghiệp, cả năm phải đóng thuế thân là 40 xu, ngoại tịch là những người không sản nghiệp, cũng không có thuế thân từ 18 tuổi trở xuống 60 tuổi trở lên, đàn bà và người tàn tật đều miễn lập đinh bạ. Năm năm một lần triều đình cử đặc phái viên theo thế mà kiểm tra, còn lệ dịch, xã lý đều thạo về việc giấu diếm.

Thuế ruộng chia làm 3 hạng, hạng nhất cả năm mỗi mẫu chịu 1$5hào tiền thuế, hạng bét mỗi mẫu 0$42. Đất thổ cư hàng năm mỗi mẫu là 4 hào 5 hào đến 1$ không chừng.

Từ khi đặt nền bảo hộ đến nay chưa nghe có cải cách gì, chỉ có 40 xu thuế thân nội đinh tăng vụt thêm 40 xu với tiền chuộc sưu hai mươi ngày là hai đồng (2$), rõ ràng thuế thân mỗi suất đinh là 2$40, nhưng luật dịch của dân vẫn không bỏ. Đến năm 1897 lại tăng thành 2$5. Nhìn lại thuế thân trước kia là 40 xu (4 hào) há chẳng lấy làm lạ lùng đáng sợ về nặng nề sao. Trước đây mỗi suất thuế thân của đinh ngoại tịch cũng phân hạng thuế khoá, vả lại không do con số, không do sổ sách, không do dân báo lên, không do quan Nam; chỉ do công sứ sức lập sổ ngoại đinh mỗi xã bao nhiêu bao nhiêu, xã nào quá kỳ không lập thì dùng chính sách cưỡng bức, cả năm thuế thân mỗi suất đinh là 5 hào, so với nội đinh trước kia đã tăng nặng lên gấp hơn hai lần. Lý trưởng các xã có thể trích nộp thuế đinh ngoài sổ, mỗi suất đinh được thưởng tiền hai xu, đây là điều nhân tình, quốc thể không nên có.

Thuế đất thì chia ra làm hai hạng điền và thổ, thuế ruộng trước đây chịu 1$50 không từ đo đạc chính xác, không hỏi sản lợi nhiều hay ít chịu mỗi mẫu 1$50, hạng hai là 0$80 một mẫu; thuế thổ hạng nhất chịu 2$50 một mẫu, hạng bét 40 xu. Nói tóm lại, thuế đinh điền Đông Dương mười năm trước đã tăng gấp hai, sau mười năm đã tăng gấp bốn. Chẳng riêng gì thế, thước tấc dùng để tính mẫu diện tích của An Nam, dài ngắn không giống nhau,

chừng 42, 43cm bằng một thước, nay dùng phép đo chuẩn cải cách Gia Long, một thước quy định bằng bốn tấc tay (4dm) nên ngạch ruộng đất các tỉnh đều có tăng thêm, có tăng đến 2/12, 1/3, 2/3. Vả lại cứ phần thu thêm ngày một tăng, thì một khoản phí ngoại ngạch không biết đã là mấy.

Thuế chính ngạch không đủ dùng, bổ cho thuế ngoại ngạch. Mọi thứ vật dụng ăn uống của nhân dân đều có thuế đăng vào Bộ Tài chính, gọi là công sản, công sản là tài sản chuyên sinh lợi cho Nhà nước, hiện nay cả năm có hai khoản, tôi xin nói từng khoản.

Một là thuế rượu. Trước năm 1893 rượu ra lò có thuế, chủ lò và người bán lẻ cùng chịu một môn bài thuế. Đến năm 1917 nghị định cho các tỉnh trưng lãnh chuyên bán, phàm chủ lò các tỉnh đều do người trưng lãnh thu mua, giá rượu do chính phủ định ra. Nghị định trưng lãnh chuyên bán chính là nguyên nhân sinh ra đại lý cho một người chuyên bán. Năm 1919 chính phủ như hối vì mất quyền muốn thay đổi nghị định lại vì nhà trưng lãnh đại lý ngăn trở nên không làm được. Đến các ngày 22, 23 tháng 12 năm 1920 cho ra liền hai nghị định đến 140 điều để giảm bớt lãi. Nhưng do mỗi việc này, việc cai trị trong dân sự càng nhiều bất tiện.

Rượu chuyên bán đều dùng chai in chữ, không cho trong dân mở bán, cho nên người mua rượu ắt phải mua chai, sau tuy có lệ thu chai trả tiền, nhưng dân không chịu nổi việc phiền phức, đó là một điều bất tiện. Trong dân thường dùng rượu gạo nếp 20o - 22o là vừa, rượu chuyên bán phần nhiều dùng tạp chất đến 40o - 42o vị gắt khí độc là hai điều bất tiện. Dân không ưa dùng, thì ắt phải nấu lậu, tuần đinh thám báo, nhiễu sự nẩy sinh khắp nơi, đó là ba điều không tiện.

Có một việc rất đáng sợ, đáng thương; tôi xin nói với các ông:

Nếu chính phủ Đông Dương lấy những thứ lợi công sản đó làm căn bản của tài chính Đông Dương, thì trên từ quan công sứ đến dưới là tuần đinh, không ai không nhận ý chỉ mật lấy việc cưỡng bách mua rượu coi đó là việc có thể làm trên hết. Cứ xem quan thủ hiến tỉnh Sơn Tây ở Bắc Kỳ thì biết, nhân số tỉnh này chỉ 20 vạn, trước nay tiêu thụ rượu không mấy, từ sau khi ông thủ hiến *mỗ* (x) đến nhậm chức một năm thực hành chính sách cưỡng

bách, số rượu tiêu thụ vụt tăng lên 50 vạn chai, rồi việc thăng hàm, khen thưởng dồn đến, công nhiên lấy vị thủ hiến *mỗ* ấy làm bức thành liền của tài chính Đông Dương.

Thế nào là cưỡng bách? Cứ số người phải dùng bao nhiêu lít rượu, còn cái gọi là số người không phải là thành đinh, mà gọi chung cho tất nhi đồng và phụ lão, mỗi người hàng năm ắt phải dùng ba lít là số ít nhất.

Có một xã dân ở trung châu Bắc Kỳ nhận được tờ sức thực hành lệnh cưỡng bách kêu khổ với quan tỉnh rằng: "Dân rất nghèo ăn còn chưa đủ, lấy đâu ra tiền để mua rượu? " Quan tỉnh cao giọng mắng rằng: "Chúng bay quen ăn ba bữa, chỉ cần ăn một bữa rưỡi, khắc có tiền để mua rượu của nhà nước" (Bây giờ ông Trọng Dạng than rằng: đó là ân điển của chính phủ)

PHAN CHÂU TRINH

Chương Thâu *dịch theo* Di Cảo.

ĐẠO ĐỨC VÀ LUÂN LÝ ĐÔNG TÂY

(Bài diễn thuyết 19-11-1925)

ĐẠO ĐỨC VÀ LUÂN LÝ ĐÔNG TÂY

(Bài diễn thuyết tại Hội "Việt Nam" Sài Gòn
đêm 19 tháng 11 năm 1925)

Thưa anh em đồng bào,

Thấy tôi là người tuổi tác, ở lâu năm bên Pháp mới về, anh em đồng bào có lòng yêu quá, nhường cho tôi bước đầu lên diễn đàn nhà hội "Việt Nam" ta đây, để tỏ ý kiến và hi vọng của tôi đối với xã hội Việt Nam ta từ ấy đến giờ thì tôi rất lấy làm cảm tạ vô cùng.

Không nói tưởng anh em đồng bào cũng đã biết tôi vì quyền lợi dân tộc Việt Nam mà phải lăn lóc đến mười tám năm nay, trong khoảng mười tám năm đó (hơn 14 năm ở Pháp) thường mong mỏi được gặp mặt anh em đồng bào nơi cố hương, đặng tỏ chút ý kiến và những sự đã được nghe thấy trong khi trôi nổi nơi đất khách quê người. Không ngờ giấc mộng được thành, trở về nơi miếng đất chôn rau cắt rốn, giáp mặt anh em đồng bào đông đủ thế này. Tôi vui mừng quá.

Thưa anh em đồng bào, nay tôi đã được gặp mặt anh em đông đủ ở đây, tôi xin anh em cho phép tôi giãi bày đôi chút ý kiến về "đạo đức luân lý Đông Tây" và mong rằng anh em để ý hiểu cho.

Đáng lẽ theo thời này không thiếu chi vấn đề rất quan trọng làm rung động cả các dân tộc trên hoàn cầu, tôi có thể nói chuyện cùng anh em được, thế mà tôi lại không lựa mấy vấn đề mới mẻ ấy, chỉ chọn lấy cái vấn đề "đạo đức và luân lý" rất tầm thường và rất cũ kỹ thế này!

Tôi chọn lấy cái vấn đề này, là vì tôi tưởng rằng từ xưa đến nay bất cứ dân tộc nào, bất luận là quốc gia nào, dầu vàng, dầu trắng, dầu yếu, dầu mạnh, đã đứng cạnh tranh hơn thua với các dân tộc trên thế giới, thì chẳng những thuần nhờ cái sức mạnh mà

thôi, mà phải nhờ có đạo đức làm gốc nữa; nhất là dân tộc nào đã bị té nhào xuống, nay muốn đứng lên khỏi người đè lên trên, thì lại cần phải có một cái nền đạo đức vững chặt hơn các dân tộc hiện đương giàu mạnh hơn mình.

Câu chuyện đạo đức tôi sẽ giải ra sau này không cao xa gì mà cũng không như câu chuyện đạo đức các ông thuộc về phái thủ cựu thường đã nói. Đạo đức đây chỉ rằng: "Phàm đã là dân tộc sinh toàn trên hoàn vũ, đã có một cái lịch sử của dân tộc mình" nghĩa là gìn giữ lấy những đức hay tính tốt mấy trăm ngàn năm ông cha để lại, khiến cho nước nào, dân tộc nào đối với mình cũng đem lòng kính trọng. Nói tóm lại là cái tính chất của dân tộc đã trải lâu năm kết tinh lại như hoàn chiếu mài không mòn, như sắt nguội đánh không bể thì mới gọi là đạo đức được.

Thưa anh em đồng bào, tôi lâu nay lưu lạc, bây giờ trở về mới liếc mắt trông qua cái hiện trạng của nước ta, tôi rất lấy làm buồn lắm. Than ôi! cái đạo đức cũ đã mất từ bao giờ không khác gì trái cây khô, mà đạo đức mới cũng chưa thành hình gì cả. Thử xem các ông cựu học thì bo bo nói rằng phải buộc bọn thiếu niên tân tiến theo đạo đức cũ. Nhưng chán thay! các ông ấy chỉ nói thế thôi, xét ra thì chẳng những lễ, nghĩa, liêm sỉ các ông đã bỏ mãi không biết gì đến rồi, mà đạo đức luân lý cũ của ông cha ngày xưa để lại cũng theo dòng nước mà chảy xuôi. Đó là nói các ông không biết giữ gìn đó thôi, chứ như đem ngay cái luân lý đạo đức cũ kỹ mấy nghìn năm trước mà so sánh với cái luân lý đạo đức của thế giới ngày nay thì cũng đã trái ngược lắm rồi. Còn các bạn thiếu niên thấy các ông già lù khù như thế, lại càng giàu thêm cái tính kiêu căng; học được chút ít đã vội tưởng mình già hơn các cụ rồi, không giữ gìn tính nết, thành ra cách ăn ở, Tây không ra Tây, mà Nam cũng chẳng ra Nam. Điều này không phải chỉ tôi nói đây mà thôi, chính người Pháp ở thuộc địa lâu ngày viết sách chê đến đã nhiều.

Anh em ta đây tất cũng đã thấy người ta thường nhóm năm nhóm bảy nói với nhau rằng: cái tính của người Tây kiêu ngạo hay khinh người, nhưng đã hãy tự hỏi ta điều đó ta xem cách ta ăn ở có đáng cho người kính trọng không? Sự đó không thiếu gì là gương cũ ta có thể kể ra được. Đã mấy mươi năm nay, *nhờ cái phong trào của thế giới xô đẩy* mà trong nước ta cũng có đảng thủ cựu, đảng duy tân, đảng hòa bình, đảng kịch liệt, làm ồn ào cả lên,

mà rút cục lại chẳng thành hiệu quả gì. Đến khi đổ bể ra thì thấy toàn những đầu trâu mặt ngựa cả, chỉ bêu xấu cho cái danh giá của dân tộc mình, khiến cho người ta trông vào thấy càng khinh rẻ thêm, càng vầy đạp thêm.

Ông Khổng nói rằng: "tài giả bồi chi, khuynh giả phúc chi" nghĩa là mình tốt thì giời giúp thêm cho mà mình đã nghiêng đổ thì giời đất lại xô đạp thêm. Ông Mạnh cũng nói rằng "nhân tất tự vũ nhi hậu, nhân vũ chi" nghĩa là mình có tự khinh mình thì người ta mới tự khinh mình. Vậy thì không trách mình thì còn trách ai? Bữa nay tôi chọn cái vấn đề này mà nói chuyện cùng anh em đồng bào đây chính là vì cái ý đó.

Xưa nay ta học, chỉ đọc ngoài miệng mà thôi, ít khi chịu tách bạch cho phân minh từng nghĩa, nên nhiều khi hiểu lầm. Như chữ đạo đức và luân lý ta thường cho là một nghĩa, chớ không biết rằng đạo đức là đạo đức, luân lý là luân lý. Đạo đức gồm cả luân lý mà luân lí chỉ là một phần trong đạo đức mà thôi. Đã gọi là người thì phải có nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, cần, kiệm. Nhân là có lòng thương người, nghĩa là làm việc phải; lễ là ăn ở có lễ độ; trí để làm việc cho đúng; tín là nói với ai cũng giữ lời cho người ta tin mình, mới làm được việc; cần là làm việc phải siêng năng; kiệm là ăn ở dành dụm trong lúc no để phòng lúc đói, lúc có để phòng lúc không, v.v... *Người có đạo đức tức là người đã ở trọn đạo làm người vậy, đạo đức đã như thế thì không có mới có cũ, có đông có tây nào nữa, nghĩa là nhất thiết đời nào, người nào cũng phải giữ đạo đức ấy mới là người trọn vẹn. Dầu các nhà bác học xướng ra học thuyết nào khác nữa, dầu các chính thể khác nhau, hoặc quân chủ, dân chủ hoặc cộng sản nữa, cũng không tài nào vượt qua khỏi chân lý của đạo đức, nghĩa là "đạo đức thì không bao giờ thay đổi được".*

Luân lý thì không thế: luân lý có thể thay đổi được luôn. Luân lý tuỳ mỗi thời mà khác, tuỳ mỗi nơi mà khác; thí dụ như nước ta về đời nhà Đinh lập được năm bà hoàng hậu mà đến các đời sau như Lê, Lý, Trần, Lê, Tây Sơn, Nguyễn thì chỉ lập được có một hoàng hậu mà thôi; như đời nhà Trần thì người trong họ được lấy nhau, mà tục ấy đời sau cấm. Đời nhà Trần khi nào trong nước có giặc thì vua triệu những bậc phụ lão trong nước vào điện để bàn bạc, mà đến đời sau chỉ là một lũ vua tôi làm chuyên chế với nhau

thôi.

Lại thí dụ như xứ này hễ cha mẹ chết đem ăn thịt hoặc đốt đi, mới gọi là hiếu, mà xưa kia phải làm ma to có kèn trống linh đình, mới là phải đạo làm con. Xem những chứng cứ đó thì đủ biết rằng luân lý có phải là một thứ thiên niên bất dịch đâu mà kỳ thật có thể tuỳ thời mà thay đổi vậy. Người ta có thể thay đổi được luân lý mà không thể thay đổi được đạo đức. Ấy luân lý và đạo đức khác nhau là thế, nói cho rõ hơn thì luân lý như cái áo tuỳ người lớn nhỏ mà thay đổi, nhưng cũng không mất hình cái áo đi, chí như đạo đức thì như cơm, như nước, như đồ bổ dưỡng, cần cho mọi người, dẫu muốn thay đổi cũng không thay đổi được thay đổi thì là đạo đức giả.

Tôi giải rõ nghĩa hai chữ luân lý và đạo đức khác nhau xa như thế là cốt ý sẽ bàn về sự thay đổi luân lý của nước ta là để phòng khi anh em đồng bào ta nghe đến câu "thay đổi luân lý" khỏi lấy làm giật mình. Trước khi tôi chưa giải rõ nghĩa hai chữ luân lý, đạo đức, mà nếu tôi nói rằng: "ngày nay ta phải bỏ quân chủ lập dân chủ mới hợp thời" chắc cũng có lắm ông hiểu lầm hai chữ luân lý là đạo đức đều ó lên mà la rằng: bỏ quân chủ thì nền đạo đức của nhà Nam ta cũng đổ nát theo còn gì!" Nhưng bây giờ thì chắc rằng anh em cùng không đến nỗi hiểu lầm như thế nữa.

Vậy tôi xin bàn hai chữ luân lý Đông Tây:

Luân lý Âu Tây có ba: một là gia đình, hai là quốc gia, ba là xã hội. Luân lý của Á Đông có năm. Vua tôi, cha con, anh em, vợ chồng, bè bạn.

Xem cái luân lý của người Âu Tây dạy cho con trẻ phải thờ cha kính mẹ, thương yêu bà con họ hàng, tưởng cũng còn hơn cái luân lý của ta dạy bằng "*Tam tự kinh* và *Tam thiên tự*". Luân lý của họ cũng không khác gì mình duy theo pháp luật thì con trai con gái họ cứ đến 21 tuổi là tuổi trưởng thành, thì có thể lìa cha mẹ mà ra độc lập được, nghĩa là "đến tuổi có nghĩa vụ và trách nhiệm đối với quốc gia luân lý thì tất nhiên phải nhẹ cái gánh trong gia đình đi" Người mình thấy luân lý của người ta khác mình và có lẽ lại sơ lược hơn thì cho là mọi rợ; chớ có biết đâu khi xưa họ cũng như mình; song từ khi cái tư tưởng quốc gia của họ đã tấn tới quá thì cái tư tưởng của gia đình lần lần nhẹ bớt đi, ấy

cũng là lẽ tấn hóa tự nhiên. Cũng như ngày nay cái phong trào xã hội bên Âu châu mạnh quá khiến cho lắm nhà triết học đã nghĩ đến cách làm thế nào phá tan cái vòng gia đình chật hẹp kia đi, cho mọi người trong nước, nghĩa là kẻ giàu người nghèo đều được giáo dục và sinh hoạt như nhau, không đến nỗi như ngày nay xa nhau một trời một vực. Phá cái thành "phân cách" chắn ngang các hạng người như thế cốt giữ gìn trật tự trong xã hội ai ai cũng được bình đẳng như nhau.

Nói về luân lý Âu châu: Luân lý Âu châu phát đạt từ hồi trung cổ nghĩa là thế kỷ thứ 16 nền quân chủ đang thịnh. Vua họ hồi ấy cũng như vua của ta, nghĩa là tự thánh tự thần làm ra chuyên chế quá cho nên mới nảy ra nhiều nhà đại triết học thuyết minh vua là gì, nước là gì nói ra có giới hạn phân minh; khiến cho ai nấy đều hiểu quốc gia có quan hệ mà nhẹ bớt gia đình, quân chủ không chánh đáng mà trọng dân chủ. Thứ hai là từ đời đó các dân tộc ở Âu châu đều có tính háo chiến cho nên thường lấy sự thắng trận làm vinh, thua trận làm nhục mà đánh nhau lung tung. Vì tính háo chiến đó, vì tính tự trong cho nên dân các nước bên Âu châu về thời đó đều có một nền quốc gia luân lý rất bền chặt vững vàng.

Ấy quốc gia luân lý của họ thành là vì hai cớ đó.

Đến bây giờ thì thời cục thành như đã suy, từ khi bốn năm đại chiến vừa rồi, nước thua dân bị lầm than đã đành, mà nước được dân cũng phải lắm nỗi khốn khổ, thành ra trăm việc đều hư nát mà nào có ích cho ai! Vì vậy nên mấy nhà đại chính trị, đại triết học, đại giáo dục, đều biết rằng cái thời đại quốc gia đã qua không thể duy trì lại được nữa đành phải bỏ mà tiến lên thời đại xã hội vậy. Tuy nước này cũng có một đảng thủ cựu phản đối rất kịch liệt, nhưng phong trào xã hội bây giờ cuồn cuộn như nước nguồn đương đổ, thì làm sao ngăn lại được nữa. Cuộc đại thắng của xã hội luân lý sau này cũng là một việc dĩ nhiên.

Ấy là một bước tiến lên, bỏ quốc gia luân lý mà bước lên xã hội luân lý, cũng như khi trước bỏ gia đình luân lý mà tiến lên quốc gia luân lý vậy.

Xã hội không phải là cái luân lý cường quyền của chánh phủ đối với dân, cũng không phải là sức mạnh của nước nọ đối đãi với

nước kia, mà chính là trong nước thì lấy người này đối với người kia, suy rộng ra thế giới thì lấy loài người đối với loài người.

Trong buổi quốc gia luân lý bên Âu châu đang thạnh có câu nói rằng "Một người đối với một người thì có công lý còn một dân tộc đối với một dân tộc thì không có công lý, ngày nay lòng xu hướng về xã hội luân lý thì lại có câu nói trái lại rằng: "một người đối với một người đã có công lý thì mấy trăm người mấy ức triệu người nhập lại thành một nước tài nào lại không có công lý".

Đó là tôi chỉ rõ ra rằng chủ nghĩa xã hội luân lý hiện bên Âu châu đã mở mang như thế. Muốn cho dễ hiểu cả "trong nước người này đối với người kia" nghĩa là: người có giúp cho người không, người mạnh giúp cho người yếu như là bên nước họ, mấy nhà giầu bỏ tiền lập nhà thương, trường học cho con nhà nghèo, những kẻ đi đường thấy người yếu bị đè nén thì hết sức bênh vực, vân vân, nói tóm lại xã hội luân lý là suy tự lòng công đức mà ra. Vì sinh kế, vì lợi quyền, người bên Âu châu họ cũng tranh giành nhau dữ dội lắm, song công đức, là giúp đỡ lẫn nhau, kính trọng quyền lợi cho nhau thì họ vẫn không bỏ. Tôi nói, chắc anh em nghĩ cho tôi ở bên Tây lâu rồi, nên tán tụng xằng như thế chăng. Xin thưa rằng dân bên Âu châu họ cũng xấu chán, dân đức của họ cũng chưa đến cõi hoàn toàn, song dân nào họ đã có 30 đến 50 phần trăm biết giữ luân lý thì tưởng cũng đã gọi họ là có rồi. Phong tục họ cũng có chỗ xấu mặc lòng, nhưng trong nước họ còn có một đảng thượng lưu, trung lưu biết lo đời, như mấy nhà đại chính trị, đại triết học, đại văn hào, đại giáo dục, đứng lên hô hào, nào làm sách, nào soạn kịch, nào làm báo, nào diễn thuyết cốt phá bỏ những tính hư tật xấu của người đời, rồi bọn thiếu niên xã hội, bọn thiếu niên dân chủ cũng tán thành theo để lo cứu chữa những đồi phong ác tục trong nước. Chẳng những họ lo ở trong nước họ mà thôi, lo đến cả thế giới nữa.

Lấy một việc đó mà so với người mình quanh năm trọn tháng chỉ lo cho cái xác thịt, cái tuổi già mà vẫn không xong thì cũng đủ xấu hổ rồi; huống là nói đến việc xã hội nhân quần! Họ hơn ta xa như thế, thì làm sao ta không kính trọng họ cho được?

Bây giờ tôi xin đem cái luân lý của ta mà so sánh với luân lý của Âu tây. Trên tôi đã nói luân lý của ta có năm, mà thuộc về gia

đình hết ba, nghĩa là cha con, anh em, vợ chồng. Nếu nói theo tư tưởng luân lý từ xưa để lại mà làm cho đúng, thì tưởng cũng không có chỗ nào chỉ trích được. Như ông Khổng nói: "Cha con có thân, vợ chồng có biệt, anh em có thứ lớp" nếu ta theo vậy mà diễn dịch ra, dẫu gia đình luân lý của ta hẹp hòi không được rộng rãi chăng nữa, thì đáng lẽ phải tốt lắm mới là phải chớ có đâu tồi bại đến thế này! Cái nền luân lý ở Á đông, như nước ta ngày nay đổ nát như thế, là bởi các nhà vua chuyên chế, làm sai hết cả đạo Khổng Mạnh mà ra.

Chẳng những vua quan chuyên chế mà thôi, lại lập mưu kéo cả kẻ làm cha làm chồng vào cái cạm độc ấy nữa, để cho tiện việc chuyên chế bọn họ. Một bọn hủ nho mắc cạm, còn vẽ rắn thêm chân vào, đem những tư tưởng rất nông nổi truyền bá ra để trói buộc dân gian. Như là: "quân thần chi nghĩa bất khả đào ư thiên địa chi gian", nghĩa là mình sinh ra xứ này phải đội ông vua lên đầu. Tư cách ông vua như thế nào, tài năng ông vua thế nào, chính sách ông vua thế nào, các ông không cần biết đến, hễ đã có cái huy hiệu là ông vua thì các ông đội lên thôi! Các ông đã tôn vua lên tất nhiên các ông phải tôn cha lên, mà nói "thiên hạ vô bất thị để phụ mẫu", nghĩa là trong trời đất không có cha mẹ nào quấy. Ôi hủ nho! cũng vì mấy câu tà thuyết của các người, mà gia đình luân lý của nước nhà ta ngày nay trụy lạc đến thế này!

Tôi xin kể ra đây một chuyện rất tầm thường, mắt ta thường thấy, nhưng tưởng ít ai chú ý đến. Chuyện ấy là chuyện bài ca *Nhị thập tứ hiếu* ta thường đọc trong lúc ta còn mười một mười hai tuổi, hoặc những bức tranh *Nhị thập tứ hiếu* lòe loẹt trên vách nhà người An Nam ta ngày nay. Những bức tranh gai mắt ấy, những câu ca rởm tai ấy tả ra câu chuyện rất vô lý dị đoan, bày rõ ra một cái án của kẻ tội nhân của đạo đức Khổng Mạnh. Kẻ tốt quá, người xấu quá, đã không nhằm vào đâu, những việc tả ra đó y như là quỷ thuật, không phải sự ăn ở thực của loài người. Các anh em nghĩ thử một bụi tre mùa đông lá đã rụng khô hết, khóc thế nào cho mọc được măng; nằm trên giá làm thế nào mà cá nhảy lên được? Những chuyện hoang đàng ấy là tự Quách Thủ Chánh đời nhà Minh làm ra, chứ không phải đã lâu. Nhiều người mắc mưu của Thủ Chánh đem các bức tranh ấy treo vào vách thay mặt cho đạo Nho, thế mà không thấy ai dám chê bai đến. Luân lý gia

đình như vậy thì làm sao mà không càng ngày càng lụn bại cho được. Ta thử xem gia đình của ta bây giờ thì cha mẹ coi con như của, nói rằng của mình đã sinh ra, mình muốn thế nào thì phải thế. Đại khái cha mẹ không muốn lo việc đời, thì cũng không muốn cho con lo việc đời, cha mẹ không muốn đi xa cũng không muốn cho con đi xa, cha mẹ muốn luồn cúi các cửa ông lớn này ông lớn nọ để làm các sở cho vẻ vang thì cũng bắt con như thế, thật không còn gì là còn một chút tự do. Ấy là tôi nói mấy nhà giầu, còn như các nhà nghèo dạy con thì tát thì chửi thì đánh, rồi nói rằng thương con cho roi cho vọt, mà không biết rằng làm như thế là người cho con một cái tính phục tùng nô lệ vậy. Khi còn ở trong gia đình thì thở cái không khí chuyên chế của gia đình, khi đến trường học (tính người mình hay thích giao con cho một ông thầy dữ đòn) thì làm sao khi bước chân ra ngoài xã hội khỏi quen tính nô lệ, chịu luồn cúi người. Cái tính nô lệ của người mình ngày nay chính là mang từ lúc trong gia đình chuyên chế mà ra vậy.

Trong luật ta cho cha mẹ và chồng có quyền nhiều. Đạo cha con xem ra thì chỉ thấy những kẻ tay lấm chân bùn, còn biết cắm cúi lo làm để nuôi cha mẹ, chứ như bọn thượng lưu trung lưu thì ta không còn thấy đến chữ hiếu nữa. Nói như thế tất cũng có người bảo rằng họ nuôi cha mẹ họ sung sướng hơn, mà sao lại nói rằng bất hiếu? Vậy tôi xin thưa rằng họ cũng cung phụng đấy, họ cho ăn ngon mặc sướng đấy, nhưng họ cung phụng mà không thật lòng, họ cho ăn ngon mặc sướng mà không khác gì họ đeo nhục cho cha mẹ họ, vì những của họ đã đem ra mà cung phụng đó toàn là của họ đã cướp giật của người bằng một cách quá ư bất nghĩa. Về đạo vợ chồng thì ta vẫn nói là "phu xướng phụ tùy" là "thiếp dĩ thuận vi chính" là "xuất giá tòng phu" song ta coi thì rút cục lại nhà nào thuận hòa tức là vợ chồng nhà ấy có đạo đức có tính cách ngang nhau mới được thế. Nếu nhà nào vợ khôn hơn chồng thì vợ làm chủ. Xem đó thì cũng đủ biết rằng sự gì gây dựng ra không theo tính tự nhiên của loài người thì dẫu có quyền chuyên chế mạnh đến đâu không buộc người ta theo được.

Bàn đến quốc gia luân lý thì tôi xin thưa rằng nước ta tuyệt nhiên không có. Tôi xin nói tạm rằng quốc gia luân lý của ta từ xưa đến nay chỉ ở trong vòng chật hẹp hai chữ vua và tôi. Không nói đến "dân và nước" vì dân không được bàn đến việc nước. Vua

là gì? Vua là người cầm quyền chính trong nước, là người đầu sỏ trong một bộ lạc nào, hoặc là con cháu người đầu sỏ trong bộ lạc ấy, hoặc là người anh hùng lấy đất nước của ông cha để lại rồi tự đặt lên làm chúa tể của muôn người, hoặc gian hùng nhân thời ly loạn dùng mưu quỷ chước thần đánh đổ con cháu một dòng vua nào rồi tự đặt mình lên cái địa vị ấy, hoặc người một nước đánh nhau đặng cầm quyền chuyên chế, hoặc người nước ngoại, lấy sức mạnh đến đánh đặng cầm quyền công làm quyền tư, lấy đất người làm đất mình, lấy đất công làm đất tư vậy.

Tôi là gì? Tôi là người tùng phục vua (vua chư hầu) hoặc là người làm nô lệ cho vua; hoặc là người làm công cho vua, đem mình ra nơi đầu tên mũi đạn đổi lấy một mảnh giấy vàng, một dấu ấn đỏ, giang đầu ra giữa trận mưa dầu nắng lửa để đổi lấy chung rượu lạt, tiếng ban khen. Nói tóm lại tôi là người tôi mọi, đã bán rẻ hồn lẫn xác cho vua vậy.

Quốc gia luân lý của ta từ xưa đến nay chỉ gồm có thế, cho nên dân trong nước không biết dân quyền là gì, ái quốc là gì, nghĩa vụ là gì. Vua của ta ngày xưa là thế, tôi của ta ngày xưa là thế, sử sách của ta gọi nước là thế, cho nên dân không biết vua và nước có cái giới hạn gì khác nhau không. Vì thế cho nên dân chỉ biết nghĩa tôi quân mà không biết nghĩa ái quốc, gặp vua tử tế, làm nhiều sự công bình thì dân thương, dám liều chết ra đánh giặc giúp vua, gặp vua tàn bạo làm nhiều điều độc ác, thì dân ghét, muốn rửa hờn, mở cửa thành cho giặc vào. Thí dụ như hồi nước Pháp đánh Bắc Kỳ, chỉ có 90 tên lính trong 24 giờ hạ được bốn thành, mà lính An Nam không ai ra bắn trả một phát súng; hồi ông Nguyễn Huệ kéo quân ở Huế ra Thăng Long, Nguyễn Chỉnh có quân đóng ở đó; chưa đánh đã thua, khiến vua Chiêu Thống phải chạy đi đường, bị dân bóc lột. Ông Mạnh có nói rằng: "vua coi dân như cỏ rác thì dân coi vua như người đi đường" đã coi như người đi đường thì còn luân lý gì, việc gì mà chẳng bóc lột.

Xem như vậy thì xưa nay nước ta không có quốc gia luân lý, chỉ có một vua tôi bắt buộc dân phải theo. Vua với dân không có luân lý dính đắp vào nhau, chẳng qua vua và người tôi tớ của vua hiệp nhau lấy sức mạnh để đè nén dân mà thôi vậy.

Trừ ra đời nhà Trần thì vua với dân gần nhau lắm. Con vua

cũng đi chơi với con dân, những kẻ phụ lão đều được dự bàn việc nước; và những khi vua đã chuyển ngôi cho Hoàng thái tử thì thường đi khắp dân gian xem xét phong tục, chánh trị, để sửa sang lại cho hiệp với lòng ước vọng của dân; cho nên dân mến đức mà cảm phục, mấy lần tử chiến với giặc Mông Cổ, mấy phen hiệp sức để giúp nhà vua mới được thắng trận một cách vẻ vang như thế. Ngày nay ta đọc bài vinh-dự-sử của nhà Trần, đều lấy làm vui; ta đọc đến khúc bi-thảm-sử của nhà Lê, nhà Nguyễn đều lấy làm buồn nhưng có mấy khi ta chịu xét đến cái gốc lẽ thắng bại đâu.

Người nào có học chữ Pháp một chút thì cũng biết rằng trong sách ấu học hoặc sách tiểu học, bắt đầu đều dạy, phải thương nhà, thương quê hương, thương người đồng loại; vậy mà ngày nay không có một ai dám mở miệng ra nói một tiếng "thương nước" thì nghĩ có đáng chán không. Hơn sáu mươi năm nay ở dưới quyền một nước bảo hộ rất văn minh, rất tự do như thế, mà những cái mầm tự do không nẩy ra được là bởi tự đâu.

Không phải là cái độc chuyên chế từ xưa đã thâm căn cố đế trong óc người nước ta rồi đấy ư? Tiếng thương nước đã có luật Gia Long cấm. Những kẻ học trò và dân gian không được nói đến việc nước, lo đến việc nước!

Thương nước thì phải tội tình, cho nên những nhà thế phiệt giữ mình cho đến nỗi uốn nắn con từ trong nhà, lấy sự lo việc đời sự thương nước làm sợ. Sợ quá! hình như nói đến sự đó thì phải bị khinh bị nhục như kẻ cắp kẻ trộm vậy. Rất đỗi bây giờ người Nam đã ở dưới chánh trị người Pháp là giống người cho sự thương nước làm tánh tự nhiên của loài người, mà cũng không ai dám nói tới, xem chừng như còn lo sợ hơn khi còn ở dưới quyền chuyên chế nữa, có người cho lời tôi nói là chuyện chiêm bao, cãi lại rằng: ở bên tây (Pháp) người ta muốn dạy thương nước như vậy, chớ bên này thì người ta lại không dạy như thế đâu. Hễ ai nói đến thương nước thì trong sổ kín của sở Mật thám đã ghi tên vào rồi. Họ cho là phản Tây, là loạn, như vậy người An Nam không sợ sao được?

Việc đó tôi cũng đã biết chán, tôi xin thưa rằng cái lỗi ấy bởi tự ông cha ta để lại, cái "dây xiềng sắt" ấy chính ông cha ta đã làm ra để buộc ta. Người ta nhân lấy đó mà cột mình, chớ nào có phải

người ta bày đặt ra hay là mang ở bên Pháp qua mà cột mình đâu! Họ làm như thế là vì họ thấy mình không biết trả lời. Nay ta cứ trả lời thế này thì họ cấm sao được: "một nòi dân cùng một giọt máu sẻ ra, cùng một thứ tiếng nói, ở trong miếng đất mà ông cha nó đã đổ mồ hôi, đổ nước mắt, để vỡ vạc ra, thành một nước lưu truyền từ bốn ngàn năm đến giờ thì được phép hưởng quyền lợi trong miếng đất ấy, được sống ở đó, chết chôn đó giàu nhờ đó nghèo nương đó, làm gì thì làm, không ai cấm đoán được. Loài dân ấy không đến nỗi như dân Do Thái ở bên Âu châu, đi đâu cũng bị ngược đãi, không đến nỗi như bọn Hắc Nô ở Mỹ, tới đâu cũng bị khinh bỉ, thì cũng không khi nào chịu quên ơn miếng đất mà chúng nó vẫn thường gọi là "Tổ quốc" của chúng nó bao giờ. Một loài dân như vậy, nay bảo nó đừng thương Tổ quốc nó thì bảo nó thương ai?" Nếu ta trả lời hẳn hoi như thế thì dẫu gặp kẻ tàn bạo thế nào, cũng không thể bẻ ta được. Vậy sao ta không nói thương nước?"

Cái "thương nước" tôi nói đây không phải là xui dân "tay không" nổi lên, hoặc đi lạy nước này cầu nước khác về phá loạn trong nước đâu! Tôi xin thưa: Nước ta đã hư hèn bị mắc trong tay người ta rồi, thì bây giờ ta phải đem lòng thương nước, bênh vực lẫn nhau, vừa giúp cho nhau để cứu chuộc lại cái danh giá cùng lợi quyền của mình về sau. Hễ người ta làm việc gì bất công, thì mình phải hiệp sức nhau lại mà chống, còn làm việc gì phải chăng, thì mình cũng phải nhìn nhận, chớ có thấy chánh quyền mình mất rồi, mà đem lòng căm tức không kể đến việc hay của người ta. Vậy thì lòng thương nước của dân Việt Nam có làm gì hại đến quyền lợi người Pháp không? Tôi xin thưa rằng: không. Dân Việt Nam thấy người nào tới làm lợi cho nó thì nó thương, người nào làm hại cho nó thì nó ghét, ấy là lẽ tự nhiên.

Theo ý tôi tưởng, chẳng qua dân Việt Nam mình hèn hạ, nên người ta mới đè nén, nếu dân Việt Nam biết thương nước Việt Nam, biết học khôn cho nước Việt Nam nhờ thì người ta tất cũng phải kiếm đường xui giục cho người mình càng biết thương nước hơn, vì có biết thương nước mới biết chọn nước nào làm lợi, nước nào làm hại cho nó, thương nước cho phải mới là là thương nước, nếu thương không phải đường thì đã không ích gì cho ai, mà lại còn làm hại sinh linh nữa. Nay ta nói rằng thương nước, nhưng

chỉ thương bằng lỗ miệng, nằm ỳ ra đó kêu người đến, thì có khác gì hết đem đầu đi ở đầy tớ với anh này, xong lại ở đầy tớ với anh khác. Tôi dám tưởng nếu người Pháp họ không cho ta thương nước, để ta nằm ỳ mãi ra đó, thì đã không lợi gì cho họ mà lại khiến cho ta chán nản, không tội gì trung thành một cách vô ích với họ nữa:

Thế thì sự thương nước cũng có lợi cho người Pháp.

Tôi nói đây thiệt chưa hết, nhưng đã dài lắm rồi vậy xin anh em cho phép tôi tóm lại đoạn đã nói ở trên.

Từ nay dân Việt Nam phải biết thương nước là tính tự nhiên trời đã phú cho, không thù nghịch gì với người Pháp, phải có quốc gia luân lý in sâu vào óc, thì sự ước ao tự do độc lập của dân tộc ta sau này mới thành tựu được. Tôi ở Pháp về mà nói như thế chắc anh em lấy làm lạ, vì nay người bên Âu châu đã đào sâu chôn chặt cái ái quốc chủ nghĩa rồi, nay tôi lại đem về tuyên bố trong dân gian, chẳng hóa ra trái ngược với phong trào bên ấy lắm ru? Xin thưa rằng không phải.

Chúng ta phải biết rằng: "Một loài dân trong một nước cũng như bọn học trò trong trường học, phải có thứ lớp, phải tuần tự mà tấn tới, phải qua lớp dưới mới lên lớp trên, không bao giờ nhẩy lớp được, nghĩa là phải lo gia đình luân lý tấn lên quốc gia luân lý, rồi do quốc gia mà tấn lên xã hội vậy". Thế thì chúng ta cũng phải bước qua nền quốc gia luân lý trong đôi ba mươi năm đã, rồi mới có thể mong tiến lên xã hội luân lý được. Xã hội luân lý thật trong nước ta tuyệt nhiên không có ai biết đến, so với quốc gia luân lý thì người mình còn dốt nát hơn nhiều. Một tiếng bè bạn không thể thay mặt xã hội luân lý được, cho nên không cần cắt nghĩa làm gì.

Tuy trong sách nho có câu: "sửa nhà nước rồi mới yên thiên hạ". Hai chữ "thiên hạ" đó tức là xã hội. Ngày nay những kẻ học ra làm quan, cũng võ vẽ nhắc đến chữ đó, nhưng chỉ làm trò cười cho kẻ thức giả đấy thôi, cái chủ ý bình thiên hạ, mất đi đã từ lâu rồi. Cái nghĩa xã hội bên Âu châu rất là thịnh hành như thế, đã phóng đại ra như thế, vậy mà người bên ta thì điềm nhiên như kẻ ngủ không biết gì là gì. Thương hại thay! Người nước ta không hiểu cái nghĩa vụ loài người ăn ở với loài người đã đành, đến cái nghĩa vụ mỗi người trong nước cũng chưa hiểu gì cả. Bên Pháp, mỗi khi

người có quyền thế, hoặc Chánh phủ, lấy sức mạnh mà đè quyền lợi riêng của một người hay của một hội nào, thì người ta hoặc kêu nài, hoặc chống cự, hoặc thị oai, vận động kỳ cho đến công bình mới nghe.

Vì sao mà người ta làm được như thế? Là vì người ta có đoàn thể, có công đức biết giữ lợi chung vậy. Họ nghĩ rằng nếu nay để cho người có quyền lực đè nén người này, thì mai ắt cũng lấy quyền lực ấy để đè nén mình, cho nên phải hiệp nhau lại phòng ngừa trước.

Người ta có ăn học biết xét kỹ thấy xa như thế, còn người nước mình thì sao? Người mình thì phải ai tai nấy! ai chết mặc ai! Đi đường gặp người bị tai nạn, gặp người yếu bị kẻ mạnh bắt nạt, cũng ngơ mắt đi qua, hình như người bị nạn ấy, người bị đánh ấy không can thiệp gì đến mình. "Đã biết sống thì bênh vực nhau" ông cha mình ngày xưa cũng đã hiểu đến. Cho nên mới có câu: "Không ai bẻ đũa cả nắm, và nhiều tay làm nên bộp". Thế thì dân tộc Việt Nam này hồi cổ sơ cũng biết đoàn thể, biết công ích, cũng góp gió làm bão, giụm cây làm rừng, không đến nỗi trơ trọi, lơ láo, sợ sệt, ù lỳ như ngày nay.

Dân không biết đoàn thể, không trọng công ích là bởi ba bốn trăm năm trở về đây, bọn học trò trong nước mắc cạm quyền tước, ham bả vinh hoa của các triều vua mà sinh ra giả dối nịnh hót, chỉ biết có vua mà chẳng biết có dân. Bọn ấy muốn giữ túi tham mình đầy mãi, địa vị mình được vững mãi bèn kiếm cách thiết pháp luật phá tan tình đoàn thể của dân. Dầu trôi nổi, dầu cực khổ thế nào mặc lòng, miễn là có kẻ mang đai đội mũ ngất ngưỡng ngồi trên, có kẻ nào áo rộng khăn đen lúc nhúc lạy dưới, trăm ngàn năm như thế cũng xong! Dân khôn mà chi! dân ngu mà chi! dân lợi mà chi! dân hại mà chi! Dân càng nô lệ, ngôi vua càng lâu dài, bọn quan lại càng phú quý. Chẳng những thế mà thôi, "một người làm quan cả họ được nhờ, một người làm quan một nhà có phước" dầu tham, dầu nhũng, dầu vơ vét, dầu rút rỉa của dân thế nào cũng không ai phẩm bình dầu lấy của dân mua vườn sắm ruộng xây nhà làm cửa cũng không ai chê bai, người ngoài thì khen đắc thời, người nhà thì *dựa hơi quan, khiến những kẻ ham mùi phú quý không đua* chen vào đám quan trường sao được. Quan lại đời xưa đời nay của ta là thế đấy! Luân lý của bọn thượng lưu (tôi không gọi bọn ấy là

thượng lưu, nhưng để hai chữ thượng lưu là cốt cho anh em dễ hiểu mà thôi) ở nước ta là thế đấy!

Ngày xưa thì bọn ấy là bọn nho học đã đậu được cái bằng cử nhân, tấn sĩ, ngày nay bọn tây học đã được cái chức ký lục thông ngôn; có khi bồi bếp dựa vào thần thế của chủ cũng ra làm quan nữa. Những bọn quan lại đã nói trên này chỉ còn một tiếng chỉ đúng hơn là "lũ ăn cướp có giấy phép" vậy.

Những kẻ nhà quê (ở vườn) thấy quan sang, quan quyền cũng bén mùi làm quan, nào lo cho quan, nào lót cho lại, nào chạy ngược, nào chạy xuôi, dẫu cố ruộng, dẫu bán trâu cũng vui lòng, chỉ cầu lấy một chức xã trưởng hoặc cai tổng, đặng ngồi trên, đặng ăn trước đặng hống hách thì mới thôi. Những kẻ như thế mà vẫn không ai khen chê, không ai khinh bỉ, thật cũng lạ thay! Thương ôi! Làng có một nắm dân, mà người này đối với kẻ kia đều ngó theo sức mạnh không có một chút gì gọi là đạo đức là luân lý cả. Đó là nói người trong một làng đối với nhau chí như đối với dân kiều cư ký ngụ thì lại càng hà khắc hơn nữa. Ôi! một dân tộc như thế thì tư tưởng cách mạnh nảy nở trong óc chúng làm sao được!

Xã hội chủ nghĩa trong nước Việt Nam ta không có là cũng vì thế:

Nay muốn một ngày kia nước Việt Nam được tự do độc lập thì trước hết dân Việt Nam phải có đoàn thể đã, mà muốn có đoàn thể thì còn chi hay hơn là truyền bá xã hội chủ nghĩa trong dân Việt Nam này.

"Nói về đạo đức Âu châu và đạo đức Á Đông"

Mới xem ngoài mặt thì ta đều cho dân Âu châu là một dân tộc háo thắng, độc ác, dữ tợn, nhưng không, ta lầm đấy, ta ở lâu mới biết họ có một nền đạo đức cao hơn nhiều. Nền đạo đức luân lý của họ cao hơn ta là nhờ họ đã thấm nhiễm những tư tưởng tự do truyền bá từ đời Hy Lạp La Mã trở xuống. Họ cũng đã qua một hồi chuyên chế nhưng dân khí họ không như dân khí của ta. Dân khí của họ rất phấn phát, người của họ rất anh hùng. Càng chuyên chế bao nhiêu lại càng nảy ra những nhà hiền triết oanh liệt ra làm sách làm ca để truyền bá tư tưởng tự do trong dân gian

bấy nhiêu. Dẫu hành hình khổ sở cũng không đủ cho họ khiếp sợ, cho nên tên tuổi họ còn sống nơi tượng đồng bia đá ngày nay. Anh em đây ai đã đi qua Paris một lần tất cũng đã xem thấy những cái hình đồng mấy nhà triết học đã chống với đạo Da Tô vậy.

Nói đại khái thì về thế kỷ thứ 17 như ông Jean Jacques Rousseau, làm ra "Dân ước" ông La Fontaine làm ra "Ngụ ngôn" ông Montesquieu làm ra "Pháp lý" ông Pascal, ông Voltaire vân vân, đều là những tay kiếm hết cách mở cái khóa chuyên chế để giúp đồng bào ra chỗ tự do. Tôi kể bấy nhiêu đó ông là chỉ tỏ ra rằng trong đời chuyên chế mà vẫn có người ra lo việc đời như thế, chí như đời bây giờ được tự do ngôn luận, được tự do xuất bản, được tự do diễn thuyết, thì những người ra lo việc nước việc đời bên họ biết bao.

Đem so với Á Đông đời xưa thì duy có mấy ông trong đời Xuân Thu Chiến Quốc bên nước Tầu như là ông Khổng ông Mạnh, ông Mạc, ông Lão, ông Trang có thể ngang được với mấy ông kia, còn từ đời Trần trở về sau thì cả Á đông cũng không có người như thế nữa, chớ đừng nói đến nước Việt Nam ta.

Trong nước ta bây giờ có ông nào là nhà đạo đức được không? Mà nói rộng ra, trong triều nhà Nguyễn từ trước đến giờ đã có ông nào gọi là đạo đức không? Nói xa hơn nữa thì trong triều nhà Lê đã có ông nào là nhà đạo đức như mấy ông tôi đã kể trên kia không? Vậy mà đời nào cũng có người được triều đình khen, được làm miếu thờ.

Rút lại, những tôi tớ của nhà vua đã tôn lên thì không ai dám đè xuống, mà nhà vua đã đè xuống thì không ai dám tôn lên nữa, như thế trách nào những bậc đạo đức của mình không chóng mất sao được. Vì người có tư tưởng tự do thì chẳng những ai cũng lấy làm lạ, mà nhà vua thấy thế sợ hãi đến quyền chuyên chế của mình cũng lo mà đập chết đi. Ở trong một dân tộc như vậy thì những đứa nịnh hót không càng ngày càng nhiều sao được?

Ông Montesquieu có nói "Dân sống ở dưới quyền chuyên chế của nhà vua thì chẳng biết gì là đạo đức, chỉ lấy thế vị lớn nhỏ làm danh dự thôi, duy dân chủ mới thật còn có đạo đức vậy". Ấy, chúng ta muốn nước ta có nhà đạo đức thiệt, thì nên nhân dịp này phá tan cái dây xích, chuyên chế đã ràng buộc ta mấy ngàn năm nay,

và thâu nhập những tư tưởng tự do của Âu châu để làm cái phương thuốc cho người nước ta vậy. Nếu có thế thì sau người có đạo đức mới sống ở đất này được.

Anh em thử xem tôi thí dụ cái gương ông Trần Quý Cáp năm 1908 thì đủ biết cái chế độ quân chủ không lợi gì cho đạo đức luân lý ở nước ta. Ông Trần là người có hiếu, học hành rộng, tính nết tốt, làm giáo thọ, chỉ khuyên dân mở trường học mà bị tên Phạm Ngọc Quát, Bố Chánh ở Nha Trang, nhân có loạn mà bắt ông rồi trong 24 giờ đồng hồ là chặt đầu. Cái thảm trạng ấy há không phải gốc tự quyền chuyên chế mà ra hay sao?

Cái đạo đức lớn ta không có đã đành, nay xin hỏi cái đạo đức nhỏ là cái tư đức của mỗi người mình có hay không? Thưa rằng: không, một xứ đã bị chuyên chế thì tánh chất gì thuộc về đạo đức cũng không có thể sanh ra được. Tôi thấy người mình kẻ nào khôn hơn chút đỉnh giao thiệp với người kém chỉ thường nói dối. Đứa "ăn cắp có giấy" nó làm minh bạch đã đành, đến đứa khác cũng thế. Tôi xem thấy lắm người, học thức không hơn ai, danh dự không bằng ai, ngẫm lại mình cũng chưa khỏi hai tiếng "đầy tớ người", mà khi ra đối với đồng bào coi bộ mặt đã có ý kiêu căng rồi, bảo ta là thầy đây! ta là ông đây! Tôi cũng đã từng thấy nhiều người viết nhật trình than thở cho đạo đức luân ý nước nhà trụy lạc, nhưng nói thì nói như nước đổ lá môn chẳng có hiệu quả gì. Vì sao vậy? Là vì các ông nói mà các ông không chịu thực hành thì người ta đã không chịu theo rồi, huống chi cái luân lý các ông giảng đó tự lệ tục của chánh thể chuyên chế tán thành ra, không phải đạo đức thật vậy thì người ta không theo cũng là phải chớ có lạ gì.

Bây giờ ta xem đạo đức Âu châu có cái gì chống với đạo Khổng Mạnh không?

Từ nãy đến giờ tôi nói đó chỉ là do đạo đức luân lý của Âu châu mà cái luân lý cũ của ta, anh em nghĩ là tôi bội đạo Khổng Mạnh chăng? Xin thưa từ khi tôi hiểu được chút ít đạo Khổng Mạnh thì tôi lấy làm sùng bái lắm. Đạo Khổng Mạnh hay thật, nhưng bây giờ ta biết kiếm nơi đâu. Tôi dám chắc rằng tìm đạo Khổng Mạnh trong sử sách Việt Nam này hoặc qua tận bên Tầu là nơi sinh ra đạo đức ấy, tìm cũng không thấy nữa.

Vì nước Việt Nam, nước Tàu bỏ lãng đạo ấy đã lâu rồi. Đạo Khổng Mạnh không phải là cách chuyên chế của các nhà vua ta đâu. Đạo Khổng dạy "quân dân tịnh trọng" rất bình đẳng, nghĩa là dạy dân phải kính vua như cha mẹ, mà vua cũng phải suy lòng đó ra mà coi dân như con đỏ; vua dân đều phải cần có đạo đức luân lý cả. Trong sách *Đại học* thầy Tăng dẫn lời đức Khổng rằng: "Tự thiên tử dĩ chí ư thứ nhân nhứt thị giai dĩ tu thân vi bổn": Từ vua cho đến dân đều phải lấy việc sửa mình làm gốc. Sửa mình làm việc lớn mà đức Khổng Tử buộc dân và vua đều phải như thế thì chẳng là bình đẳng lắm ru? Cái chánh thể ấy bên Âu châu thiệt hành đã lâu rồi, nghĩa là cái chánh thể "quân dân cộng trị" mà dịch ra là "quần chủ lập hiến" tức như chánh thể nước Anh (Angleterre) nước Bỉ (Belgique) hiện nay đương thiệt hành vậy. Tuy dân trí hai nước ấy ngày nay đã tấn tới, quyền vua đã nhẹ lần, nhưng dân cũng vẫn còn kính trọng vua như cha mẹ. Nước Nhật tuy chưa vào phe ấy nhưng trước sau rồi cũng phải đến nơi.

Đến thời ông Mạnh, các vua chư hầu chuyên chế quá, thì ông lại xướng ngay lên cái chủ nghĩa dân chủ; như ông nói rằng: "Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh" nghĩa là dân quý hơn hết, đất cát thứ nhì, vua là khinh. Ngày nay bên Đức bên Pháp bên Nga tuy chánh thể của họ có khác nhau chút đỉnh, nhưng đều là dân chủ cả.

Thế thì cái văn minh Âu châu bây giờ có trái gì với đạo Khổng Mạnh đâu?

Đức Khổng đã nói rằng: "vua phải thương dân, dân phải thương vua" song nếu vua không thương dân thì dân phải làm sao? Tiếc thay ngài không nói đến.

Ông Mạnh nói: "dân quý mà vua khinh" nhưng nay dân hỏi vua, vua nói rằng: vua quý mà dân khinh thì làm sao? Vậy cho nên từ khi Khổng, Mạnh đã qua rồi thì dân Tàu cũng vậy, dân ta cũng vậy, hễ họ vua nào hơn thì lấy được nước, họ vua nào thua thì mất nước, vua công minh thì dân theo, vua tàn bạo thì dân giết, thành ra đời nào bền lắm là mấy trăm năm đời nào ngắn lắm là mấy chục năm, thay đổi tranh giành gây ra lắm cuộc trị loạn làm cho hại lẫn nhau, cha giết con, con giết cha, anh giết em, em giết anh, vua giết tôi, tôi giết vua, không còn gì là phụ tử, là quân

thần, là luân thường, là đạo lý nữa.

Đạo Khổng Mạnh đã mất đi rồi, nay ta muốn có một nền đạo đức luân lý vững vàng thì không chi bằng ta hết sức đem cái chủ nghĩa dân chủ ở Âu châu về. Chủ nghĩa dân chủ chính là một vị thuốc rất hay, dùng để chữa cái độc chuyên chế của mình. Đem văn minh Âu châu về tức là đem đạo Khổng Mạnh về. Đạo Khổng Mạnh là đạo trung dung thường dùng như cơm nước hàng ngày, như kính trọng cha mẹ; như thương người đồng loại, chớ không phải mê tín như các đạo khác. Thế thì đem văn minh Âu châu về đã không hại gì mà lại còn làm cho rõ ràng thêm đạo Khổng Mạnh ra. Tôi xin nhắc lại anh em một lần nữa rằng đem văn minh thật của Âu châu mà hòa hiệp với nho giáo thật của Á đông, chớ không phải như mấy anh hủ nho thủ cựu gọi là quốc túy quốc hồn, mấy anh tây học lem nhem gọi tự do độc lập ở đầu lưỡi đâu.

Cứ theo lời tôi đã nói thì các anh em đồng bào cũng đã hiểu rằng: vì học đạo Khổng Mạnh một cách lầm lạc như thế nên hơn ngàn năm nay hết thảy những nước theo đạo tà nho đều yếu hèn mà mất nước một cách rất thảm thê. Như nước Cao Ly, hễ Mãn Châu tới thì theo Mãn Châu. Mông Cổ tới thì theo Mông Cổ, đến khi Nhựt Bổn tới thì Nhựt Bổn lấy. Như nước Tàu thì nhà Tống mất bởi nhà Nguyên, nhà Minh mất bởi nhà Thanh, Than ôi! nước Tàu bị Mãn Châu, Mông Cổ lấy, nước Cao Ly bị Nhựt Bổn lấy, há không phải là tại ở nơi những kẻ vua quan chuyên chế, nhưng kẻ tà nho hủ bại nước Tàu nước Cao Ly đó sao? Một nước bao nhiêu triệu dân, mà chỉ giao phó quyền chính cho một ông vua thời chẳng là ngu xuẩn lắm sao? Gặp phải ông vua thông minh còn e lo chưa hết bổn phận thay, huống chi là gặp phải ông vua u mê làm ròng những sự độc ác, cấm bỏ ăn học, không được lo việc nước thì dân khốn khổ biết bao và việc nước còn có ai dám ra mà gánh vác. Một nhà không ai lo chủ trương, một nước không ai lo chủ trương, thì nhà ấy nước ấy làm sao mà không tan, không mất được. Nước Tàu mà mất đó, nước Cao Ly mà mất đó cũng là lẽ tự nhiên.

Nói đến nước ta lại càng thêm đau đớn lắm nữa, vua Lê Thánh Tôn đem luật nhà Minh về chưa đầy 50 năm, thì bị nhà Mạc đánh đổ, nhà Trịnh lên khôi phục cũng chỉ có tiếng khôi phục đấy thôi. Vua nhà Lê vẫn bị giết lên giết xuống, còn quân thần gì đâu, còn luân lý gì đâu. Đến nhà Nguyễn vua Gia Long thỉnh luật

Càn Long về lại còn chuyên chế hơn nữa. Truyền 80 năm đã bị mất nước một cách hèn hạ. Mất nước như thế không phải là bởi vua tôi nhà Lê, nhà Nguyễn đó sao?

Mới đây Cao Ly đã thâu nạp được văn minh Âu châu nên năm 1919 mới có cuộc độc lập vận động. Nước Tầu cũng vậy, mới đây xướng ra việc bài ngoại vận động. Xem thế thì đủ biết rằng cái tư tưởng quốc gia đã nảy ra trong đầu họ rồi, duy một mình nước ta là còn say sưa trong giấc ngủ ngàn năm mà thôi.

Bọn già ở Trung Bắc Kỳ, thì lo làm quan để nuôi vợ con, bọn thiếu niên thì lo một sở làm việc để kiếm gạo, ngoài ra nào có tư tưởng gì đâu. Lại thêm một bọn ra vênh mặt, múa tay, tự xưng là ái quốc ái chủng, nhưng hỏi đến họ cách hưng lợi trừ hại, tự cường tự lập thì họ không biết gì đâu, họ chỉ nói như người mơ ngủ ngong ngóng ước ao nước nào ở ngoài tràn vào mà thôi.

Dân tộc Nhật Bản được giàu mạnh như bây giờ chỉ theo cái văn minh hình thức của Âu châu hay có sửa đổi gì đến luân lý không?

Người nước ta thường tự xưng là đồng loại, đồng đạo, đồng văn với Nhật Bản, thấy họ tấn tới thì nức nở khen, chớ không khi nào chịu xét, vì sao mà họ được tấn tới như thế? Họ chỉ đóng tàu đúc súng mà được giàu mạnh hay là họ còn trau dồi đạo đức, sửa đổi luân lý mới có như ngày nay?

Ai có đọc đến lịch sử Nhật Bản mới biết Nhật Bản họ cũng lo bồi đắp nền đạo đức luân lý của họ lắm.

Từ lúc Minh Trị duy tân cho đến 24 năm sau hạ chiếu lập hiến, trong nước Nhật biết bao người lo khuynh Mạc phủ, lo lập hiến pháp, biết bao nhiêu kẻ đổ máu, rát họng mới gây dựng ra được một nước rất giầu rất mạnh như bây giờ. Tôi rất lấy làm lạ cho những người mình đã qua Nhật Bản về. Không biết họ qua bên làm gì!

Người ta có câu: "gần mực thì đen, gần đèn thì sáng", sao những kẻ có ở bên Nhật về không đem cái hay cái tốt về cho dân Việt Nam nhờ mà chỉ làm giàu thêm cái căn tánh nô lệ như thế? Rất đỗi những việc hèn hạ ấy cũng làm được hết thảy. Hay là đạo đức luân lý đã chết mất ở trong lương tâm của người mình rồi, cho nên không thể hấp thụ được đạo đức luân lý của người chăng? Hay

là người mình như kẻ đã hư phổi rồi, cho nên đến một nơi có thanh khí như nước Nhật mà cũng không thở nổi chăng?

Lấy lịch sử mà nói thì dân Việt Nam không phải là một dân tộc hèn hạ mà cũng không phải là không thông minh thế thì vì lẽ nào, ở dưới quyền bảo hộ đã hơn 60 năm nay mà lại bịt mắt, vểnh tai không chịu học những cái hay của người? Có người nói rằng tại người ta đè nén mình, không cho làm súng làm ống, làm máy bay, đóng tàu ngầm nên dân mình mới ngô nghê đến thế. Những người đó là người không học lịch sử Tây hoặc có tính yêu mình quá nên chỉ biết trách người mà không tự trách mình. Sao không nhớ khi người Pháp mới sang, sợ mình theo Tàu cho người mình qua Tây học mà người mình vẫn khư khư không chịu sang đấy? Người Pháp cho mình 2000 khẩu súng, năm chiếc chiến thuyền mà người mình không dám thuê lấy một người Tây trông nom để lính mình làm xằng làm bậy mà hư hỏng hết đấy? Tôi nói thế không phải là khen người Pháp có lòng tốt nhưng chỉ nói cái lối ngoại giao của người ta mà thôi. Phải chi lúc đó ta biết nhân dịp qua nước người học tập lấy cái khôn khéo thì bây giờ ta so sánh với Nhật Bổn tuy chưa kịp, nhưng so với Phi Luật Tân với Xiêm La thì cũng không đến nỗi xa lắc như thế này.

Ngày xưa ta nhắm mắt lại, một là theo văn minh Tàu hai là bị độc khoa cử làm mờ ám trí khôn đã đành, đến ngày nay mở mắt ra thấy người Tàu vận động nhiều việc to tát, như gởi học trò du học khắp hoàn cầu, như bỏ quân chủ lập dân chủ, mà ta cũng vẫn trơ trơ như cũ. Mấy anh qua Tàu về đã không bắt chước được cái hay của người lại còn nói láo, nói lỉnh dám chê cả người đại biểu của nước văn minh Tàu ngày nay là Tôn Văn. Thế mới biết hồn đạo đức luân lý của dân tộc mình đã bị cái khoa cử của Tàu giết chết rồi để nguyên lại cái tánh nô lệ mà thôi. Đạo đức mất trước, nước mất sau thật không phải là lời nói ngoa vậy.

Có một vài người anh hùng không chịu để mắt xem xét, chỉ mê tín cái lịch sử đời xưa, trọng chủ nghĩa trung quân, chủ nghĩa phục thù, tìm mưu kiếm kế phỉnh phờ dân cho nó dậy lên, nhưng than ôi! một con dao, một đoạn tre thì có làm gì. Cái nỗi thảm hại, đem thịt ra cho người băm, đưa đầu ra cho người bắn nghĩ cũng đáng thương, nhưng công việc làm nào có ích gì. Chẳng qua làm cho dân đức của ta thêm trụy lạc, khiến những bọn nô lệ kia lấy

đó mà dọa nạt mà hà hiếp dân thôi.

Có người hỏi: Đạo đức ta đã mất thì ta đem đạo đức của Âu châu về ta dùng, hẳn có được không?

Tôi xin trả lời rằng: Không! Một nước, đạo đức cũ đã mất là nước không có cơ sở, nay bảo đem đạo đức mới về thì biết đặt vào nơi nào? Vẫn biết phép chắp cây của người Tây là tài tình thật, nhưng nay đem một cây rất tươi tốt như cây đạo đức của Âu châu kia chắp với một cây đã còi cọc như cây đạo đức của nước nhà ta, tưởng cũng không tài nào mà sinh hoa tươi quả tốt được. Muốn cho sự kết quả sau này được đẹp đẽ, tưởng trước khi chắp cũng nên bồi bổ cho hai cây bằng nhau đã. Tôi diễn thuyết hôm nay là cốt ý mong anh em cứu chữa lấy nền đạo đức mới của Âu châu vậy.

Luân lý của Âu châu có tốt trọn không và ta muốn theo thì phải làm thế nào?

Nói rằng luân lý Âu châu tốt hơn ta thì tốt nhiều, nói rằng luân lý Âu châu tốt trọn vẹn thì không dám nói rằng trọn vẹn được. Là vì dân tộc nào cũng vậy; cắt nghĩa luân lý đạo đức ra thì hay thì dễ, nhưng làm theo luân lý đạo đức thì dở thì khó, không sao trọn được. Vậy cho nên dân Âu châu họ cũng không có thể nào tốt trọn. Bên Âu châu họ cũng có nhiều cái dở, như nam nữ tự do thái quá, ly ly hiệp hiệp rất thường, thành ra đường sinh sản kém lần mà dân số không thêm; như giàu nghèo cách biệt quá người ngồi ăn không, kẻ cắm đầu làm, thành ra kẻ lao động với người tư sản xung đột nhau, và trong nước không được yên. Mê tín quốc gia chủ nghĩa về đời Trung cổ quá, chỉ biết yêu nước mình ghét nước người cho nên phải mang cái họa chinh chiến mãi mãi. Trọng về trí dục cho nên những người Âu châu thường chuộng về sự ngoại giao nhiêu mà lảng sự thành thực. Ấy là tôi kể lược qua, nếu kể hết thì tưởng cũng còn nhiều lắm.

Bệnh họ tuy nhiều nhưng họ có thuốc chữa ngay, nghĩa là có những nhà có triết học, những nhà giáo dục lo trừ lệ, lo sửa sang, lo canh cải cho nền đạo đức mỗi ngày mỗi cao lớn thêm lên. Chớ không phải như ở nước ta qua thâu thái lấy luân lý của họ để về truyền bá ở nước ta tốt khoe xấu che làm cho một ngày một thêm xấu. Vậy nay ta qua thâu thái lấy luân lý của họ để về truyền bá ở

nước ta thì ta qua thâu thái lấy luân lý của họ để về truyền bá ở nước ta thì ta cũng phải nên để ý lựa lọc những điều gì ta đáng đem về ta hãy đem về.

Thưa các anh em đồng bào, tôi nói từ nãy đến giờ đã nhiều rồi, vậy xin anh em cho tôi nói tóm lại rằng: "ta đã biết nước ta mất cũng vì mất đạo đức luân lý, dân ta hèn cũng vì mất đạo đức luân lý, bị người khinh bỉ giày xéo cũng vì mất đạo đức luân lý, vậy thì ta phải sửa đổi bồi đắp nền đạo đức luân lý của ta lên. Vậy thì anh em ta phải bồi đắp lên, *(cử tọa đều vỗ tay).*

(Ông uống hết tách nước rồi lại nói). Thưa anh em, tôi cũng đã biết rằng muốn khôi phục lại nền đạo đức của một nước mà trăm việc đều đổ nát như thế này là việc khó, nhưng bảo rằng khó mà không khôi phục lại nền đạo đức cũ thì biết bao giờ mới mở mắt với người[1]. Tôi nói đạo đức cũ không phải là con phải làm tôi mọi cho cha, vợ phải làm tôi mọi cho chồng, dân phải làm tôi mọi cho vua đâu, mà chính là cái đạo đức trung dung của Khổng Mạnh đem dùng vào đời nào cũng được, không cổ không kim, không đông không tây, như tôi đã nói ở trên vậy. Đạo ấy ở trong những lời nói của thánh hiền, như câu "sĩ khả sát bất khả nhục", nghĩa là người học trò giết được mà làm nhục không được, như câu: "phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, oai võ bất năng khuất, thử chi vị đại trượng phu" nghĩa là giàu sang không mê được lòng mình, nghèo hèn không đổi được chí mình, sức mạnh không buộc mình cúi đầu được, thế mới là đại trượng phu vân vân...

Nếu ta được một ít đạo đức của ta, thâu thái đạo đức của Âu châu[2] đem điều hòa, lại khoáng trương luân lý ta ra cho có quốc gia luân lý, nghĩa là khiến dân Việt Nam ai ai cũng, đều biết nghĩa vụ đối với nước Việt Nam, thì chẳng những nước Việt Nam được giàu mạnh mà trong thế giới này bất kỳ dân nào muốn đến ăn chung ở đậu với dân Việt Nam cũng không dám đem lòng khinh dễ nữa.

(Theo *Tập diễn thuyết của ông Phan Châu Trinh.*
Nhà in Thực Nghiệp – Hà Nội – 1926)

---

[1] Phàm những dân tộc nào trong khi bị té nhào không giữ được nền đạo đức cũ thì không bao giờ cất đầu lên nổi.

[2] Đạo đức Âu châu như là tự do, bình đẳng, bác ái v.v...

QUÂN TRỊ CHỦ NGHĨA VÀ DÂN TRỊ CHỦ NGHĨA

(Bài diễn thuyết 27-11-1925)

QUÂN TRỊ CHỦ NGHĨA VÀ DÂN TRỊ CHỦ NGHĨA
(Bài diễn thuyết tại nhà số 13-15 Đường Albert I, Sài Gòn đêm 27-11-1925)

Thưa các anh em, cô bác đồng bào,

Từ khi tôi mới biết cái học mới đến bây giờ, thì trong trí tôi bực tức, ngẫm nghĩ lấy làm lạ quá. Lạ là trong cái xứ Á đông này có bốn nước đồng văn, mà đồng sùng cái quân chủ chánh thể (còn nước Lưu Cầu thì nhỏ quá không kể), mà đồng tự xưng là sùng thượng nho giáo, vậy mà làm sao từ hồi cái văn minh bên Âu châu tràn sang cõi Á đông đến nay, thì chỉ có người Nhật Bản bỏ ngay cái học cũ (nay đã khôi phục lại những cái học cũ cũng là tự nhiên) mà theo lối mới, thì sự giàu mạnh ngó thấy liền trước mắt, chứng trong bốn mươi năm thì đã sánh vai với liệt cường. Còn anh Xiêm[1] ở gần bên ta, thì anh chẳng có đạo Nho gì hết, chỉ có đạo Phật mà thôi, mà nay anh cũng đứng vào hạng vạn quốc bình đẳng, mà hỏi ra bởi tại làm sao mà anh ta được như thế? Chẳng có sự gì lạ, nghĩa là anh không có kiêu ngạo láo,hễ người Anh lại anh cũng cho vào, người Pháp lại anh cũng cho vào, người Mỹ, người Đức lại anh cũng đối đãi tử tế, để anh theo học lấy cái hay của các nước.

Còn chỉ chừa ra có ba nước là nước Tàu, nước Cao Ly và An Nam ta, dân thì nghèo, nước thì yếu, cái phần người dốt nát trong nước thì chiếm 80 phần trong một trăm. Còn gọi là người thượng lưu, trung lưu, chẳng qua là trong bọn bát cổ[2] đó đã chiếm hai phần ba trong nước, thiệt chẳng biết cái nho học là gì, mà cũng

---

[1] *Xiêm*: Tên cũ của nước Thái Lan bây giờ.

[2] *Bọn bát cổ*: Bài *kinh nghĩa* là một thể văn khoa cử xưa gồm tám đoạn gọi là tám vế (bát cổ). Về sau bát cổ dùng chỉ chung lối văn khoa cử và "bọn bát cổ" chỉ người ham chuộng khoa cử.

nhắm mắt lại chê càn cái văn minh mới là mọi rợ! Đây là tôi nói Cao Ly với Tàu, còn An Nam ta để tôi sẽ nói sau.

Nhưng mà nay cái phong trào trong thế giới nó mãnh liệt lắm: ai thuận theo nó mà đi thì thuận buồm xuôi gió, ai không thuận theo nó thì cũng bị xô đẩy mà đổ lướt đi như rác cỏ. Vậy vận động trong năm 1919, làm cho Nhật Bổn phải bỏ lòng hổ lang đi mà trả cái tự do lại cho họ. Nước Tàu thì cái vận động bọn thanh niên năm 1925 (tức là năm nay)[1] làm cho liệt cường thế nào cũng phải lấy sự công bình mà đối đãi lại với họ.

Khốn nạn thay cho các dân tộc nước An Nam ta, đến bây giờ trong dân tộc mà gọi là các ông nho học, nghĩa là các ông có học được ít chữ Tàu, mà nhất là những ông đã đỗ được cử nhơn, tấn sĩ, nhưng các ông đó tôi dám nói chắc là không hiểu nho giáo là gì, vậy mà mở miệng ra thì cứ đem nho giáo ra để làm chỗ dựa, để bài bác cái văn minh kim thời, là cái văn minh các ông không hiểu gì cả. Còn nói về các anh thiếu niên học Tây, chừa ra có một hai ông tự cái sức thông minh của mình tìm kiếm ra thấy được nhiều ít, còn kỳ dư thì chỉ theo các cách học cũ, mong kiếm lấy được chức phẩm gì, hay là coi cho rộng để viết lách khoe khoang mà thôi, chưa có thấy ông nào chịu đem cái học Âu tây để so sánh lại với cái học cũ của ta, để xem điều gì hay, điều gì dở, cho người ta xét đoán mà tìm lấy đàng tấn tới về sau.

Tôi xin lỗi các anh em, cô bác đồng bào, cái đề mà tôi lựa để diễn thuyết bữa nay: *quân trị chủ nghĩa* (tức là nhân trị chủ nghĩa) *dân trị chủ nghĩa* (tức là pháp trị chủ nghĩa), cái đề mục đó thật là lớn lao quá, không phải là sức tôi có thể giải thuyết ra cho minh bạch được. Muốn giải thuyết ra cho minh bạch, thì phải tính về Âu Á lịch sử chánh trị học và chánh trị triết học mới có thể nói ra cho tinh tường được.

Các anh em, cô bác có lạ gì tôi, cái học về đường lịch sử chánh trị Tàu thì tôi cũng hiểu được chút đỉnh, còn về đường Tây học thì

---

[1] *Vận động của bọn thanh niên năm 1925*: Do các nhà cầm quyền tô giới người Nhật, người Anh đàn áp, bắn giết công nhân Trung Hoa, ngày 30 tháng 5 năm 1925, nhân dân Trung Quốc tức giận phong trào bãi khóa, bãi công, bãi thị lan tràn nhiều nơi trong nước, đâu đâu cũng có người đứng ra diễn thuyết giác ngộ quần chúng, yêu cầu chính phủ Trung Quốc tuyệt giao về kinh tế với Anh và Nhật. Người Trung Hoa gọi sự kiện trên đây là *ngũ trạp thảm án* (thảm án ngày 30 tháng 5).

thực là kém lắm. Nhưng mà tôi cũng rán hết sức, đem cái việc mà tôi đã biết xin nói ra để anh em nghe, còn cái việc gì cao xa không thấu, để phần ông nào hiểu hơn tôi diễn giải ra để cho anh chị em hiểu.

Cuộc quân chủ đến ngày nay thì cũng như một cái hoa tàn lá héo phất phơ trong đời bây giờ.

Xem như trong cái xứ Á Đông này, đừng có kể những mấy ông vua đã mất nước đi rồi, những nước mạnh người ta để làm con nộm, con bù nhìn để đe dân bổn xứ, vậy thì chỉ có còn vua Xiêm và vua Nhựt đủ quyền phép đáng xưng là ông vua mà thôi. Còn Âu châu bây giờ, quân chủ chỉ 12 nước mà dân chủ đến 14 nước rồi, còn bên Mỹ thì chẳng có nước nào quân chủ. Vậy thì ta có thể nói quyết rằng trong trái đất này chỉ có 8.000 triệu loài người, mà bây giờ còn có 14 nước có vua, mà số dân có vua đó thì không được một phần trong số mười[1].

Vẻ vang thay cái oai quyền quân chủ, gớm ghiếc thay cái dục vọng của quân chủ. Đương hồi thượng cổ, trung cổ, dân chúng còn hèn yếu ngu dốt, cho nên bất câu loài dân nào cũng cần phải có cái quân chủ để bao bọc cho dân, dạy dỗ cho dân, che chở cho dân, đương cái thời đó, thì cái quân chủ thiệt là một vị thuốc rất hay cho loài người.

Khốn nạn thay cái tánh loài người: người ta càng kính trọng mình thì mình lại càng thêm kiêu ngạo, người ta càng kính nể mình thì mình lại càng tự thần tự thánh, người ta càng chiều chuộng nhường nhịn mình thì mình lại càng muốn ngồi lên đầu người ta. Lại còn muốn truyền cho đời đời con cháu coi như là cái gia tài riêng của mình, đất muốn cho ai thì cho như là bán ruộng, còn dân như bán mọi vậy.

Ta thử xem từ xưa đến nay, các vua mới, khi cướp được nước lên làm vua, tìm đủ cách để truyền cho con cháu lâu dài, mà rốt cuộc lại họ nào lâu lắm thì ba trăm năm, họ nào vắn lắm năm mươi năm, mười năm thôi. Cái cuộc đó ở Âu Á gì cũng thế cả. Cái

---

[1] Những con số này không chính xác. Vào thời Phan Châu Trinh, số dân trên toàn thế giới phỏng chừng hai tỉ rưỡi người. Còn những nước có vua thời bấy giờ, kể cả những nước ở Trung Đông và châu Phi thì con số cũng nhiều hơn vài ba chục.

lạ là Âu châu thì đến thập thất thập bát thế kỷ các bực hiền triết xướng lên cái dân quyền chủ nghĩa, thì các ông vua nào hung dữ chuyên chế phản đối lại với cái phong trào dân chủ thì bị nhào cả, còn anh nào điều hòa với dân thì đứng ngắc ngoải đến bây giờ.

Về cái vấn đề này thì tôi cốt chỉ rõ cái quân trị chủ nghĩa phía bên Á đông này thiệt không phải là gốc tự nho giáo. Tôi xin chỉ vẽ rõ ràng cái tư tưởng lầm từ xưa đến nay cho bà con cô bác hiểu.

Cứ theo các ông triết học Âu châu bàn về lịch sử nhân loại, kể từ loài người mới sanh, làm sao có gia trưởng, làm sao mà có tù trưởng, làm sao rồi thành vua thành chúa; cứ nói như thế thì mất hết thì giờ, mà các ngài ngồi nghe cũng vô ích. Vậy cho nên tôi cứ theo sử Tàu tôi cắt nghĩa, cho các ngài có thể dễ hiểu được.

Tàu thì tôi cứ từ vua Hoàng Đế. Vua Hoàng Đế là một ông vua mạnh nhứt của xứ Tàu. Từ ở núi Côn Lôn tràn xuống phía bắc Tàu, rồi đánh với dân bổn xứ Tàu là dân Hữu Miêu ở Dương Tử Giang giết được tướng nó là Xi Vưu. Ông ta thiệt là một ông hoàng đế lớn của nòi dân Tàu. Nhưng vậy mà đến khi ông Khổng Tử làm sách ngài không muốn để tên ông Hoàng Đế đứng đầu vì ông ấy thượng binh thượng võ, mà ông chép từ vua Nghiêu vua Thuấn trở xuống mà thôi. Nghĩa là hai vua ấy không có lòng gì muốn làm vua hết, chỉ bị các nước chư hầu nó bắt buộc, nó bầu cử mà thôi, cũng nối nghiệp ông Hoàng Đế đi đánh Hữu Miêu trong một tháng không được, thì rút binh để lo sửa việc học hành, dạy dỗ dân mà thôi.

Đời đó thì bày ra những là dạy dân cho có ngũ luân, làm ra lịch có ngày tháng, thì giờ cho tiện người làm ruộng, đặt ra cân ra thước ra lường để cho tiện dân buôn bán, bày ra có áo xiêm, có lễ phục, v.v... còn nhiều nữa, tôi không có thể kể ra đây hết được. Đây các ngài nghe cho rõ: cái dân tộc Á đông mà có cái nho giáo ra là từ hai ông ấy, mà đức Khổng Tử xưng là "tổ thuật Nghiêu, Thuấn" thầy Mạnh nói thì cách khen Nghiêu Thuấn, mà bây giờ ở nước ta những ông có biết được một hai chữ Tàu, hễ mở miệng ra là nói đạo nho, cũng vì một cái lịch sử lờ mờ đó mà thôi.

Lúc đó, cứ theo cái dấu tích lịch sử mà suy, thì chư hầu nước Tàu lúc ấy có ít cũng là đến 15 ngàn nước; về sau trong hai trăm năm, rồi vua Võ hội chư hầu ở Đồ Sơn, còn lại một vạn nước, tính số đó, thời đó, thì không sai sút mấy. Vậy thì cái nghi vệ và cái

quyền lợi thiên tử hồi đó ra thế nào? Ông thiên tử cũng là ở một nước nho nhỏ như các nước chư hầu khác vậy mà thôi. Chỉ có lập ra được cái triều nghi, để cho các nước chư hầu triều cống. Cái quyền to nhứt là quyền được phép tế Trời Đất, còn chư hầu thì chỉ được tế những núi, những sông ở xứ mình mà thôi. Thiên tử có đi xem xét ở các nước chư hầu thì chư hầu phải đón rước. Thiên tử được cử các tụi quý tộc lên làm quan, có tội thì phạt, có công thì cũng được phong làm chư hầu.

Vậy thì nói lược lược qua đó, các anh em cô bác coi đó thì ông thiên tử cũng như ông Tổng lý hội Vạn quốc đời bây giờ, chỉ có được nhận lễ triều cống, được cầm quyền chinh phạt, có quyền được theo cái số nhiều chư hầu mà phạt nước này, thưởng nước kia.

Thương hại thay, các ông học chữ Tàu nghe nói cái tên Nghiêu Thuấn, thì các ông tưởng có lẽ là ở nhà ngũ phụng lâu, cỡi xe lục long xa, tưởng cũng ra vô hồ hét như các vua ta bây giờ. Nhưng mà ai có đọc địa dư hay là có đi du lịch xem đến tích Bình Dương, Bồ Bản thì mới biết rằng cái đế đô của hai ngài không bằng hai cái thành con con bây giờ, nghĩa là không đầy hai ba dặm vuông mà thôi.

Từ đó vua Võ nối vua Thuấn, truyền ngôi cho con trị những nước chư hầu lớn mà cứng đầu nhứt, nghĩa là nó muốn tranh ngôi thiên tử như các ông ấy: như là đời ông Võ thì giết ông Phòng Phong, đời vua Khải thì giết Hữu Hộ, đời vua Thiếu Khang thì giết Hậu Nghệ ở nước Hữu Cùng. Ấy tôi tạm đặt đó là thời kỳ thứ hai của thiên tử.

Từ đó về sau đến bốn trăm năm, đến đời ông Kiệt. Vua Kiệt, tôi không cần gì nói những cái lỗi của ổng ra, các ngài cũng đã hiểu rồi, đến khi đó thì các nước chư hầu không phục vua Kiệt, mới tôn ông Thang là vua nước chư hầu nhỏ nhứt làm đầu, mà đánh đuổi ông Kiệt đi và thay ngôi thiên tử. Cái việc đã mấy nghìn năm có thật hay là không, nhưng mà tôi cũng cứ thuật lại cho mà nghe. Khi ông Thang đã được người ta cử lên ngôi thiên tử rồi, thì ông cáo lại với dân và các nước chư hầu: ông lấy cái sự đuổi vua Kiệt làm thẹn, nhưng mà ông muốn cứu dân nên phải ra mà làm. Tuy nói thế, nhưng mà các nước chư hầu cũng cứ tôn ông lên ngôi thiên tử. Ấy là cái oai quyền thiên tử tấn tới về bước thứ ba.

Từ sau con cháu ông đến sáu bảy vua thánh hiền nối nhau ra

trị ngôi thiên tử đến 600 năm,dân phục được 600 năm, đến đời ông Trụ mới mất. Ông Văn vương lấy được cái lòng dân của ông Trụ đến hai phần ba, nhưng mà ông không chịu đuổi ông Trụ mà lên làm vua. Đến chừng con ông giết ông Trụ mà lên làm vua, thì cái thời ấy ta thấy ra sự đánh giặc cũng đã tập luyện gớm ghiếc lắm rồi: thấy cũng bày binh giáp ra, cũng lấy nghiêm quân lịnh, cũng lấy giết người chảy máu nhiều làm danh giá, bắt được ông tướng giặc thì cũng chặt đầu bêu lên, làm cách dã man như lối ta bây giờ vậy. Cho nên đức Khổng khen ông Văn vương là chí đức, chê ông Võ vương là vị tận thiện là thế.

Tôi cử từ ông Võ đến đây là hơn một ngàn năm, ông Võ tức là vua đầu nhà Hạ. Khi ông ấy lên làm vua thì dưới quyền ông có hơn một vạn nước, đến khi vua Thành Thang nhà Thương đuổi vua Kiệt thế quyền lên làm vua, thì còn bao nhiêu nước chư hầu sử không thấy nói. Đến hồi ông Võ nhà Châu giết ông Trụ thì thấy nói còn được 800 nước, vậy thì trong độ 1000 năm mà tiêu diệt mất hết 9200 nước. Đến vua Võ vương thì oai quyền to lắm. Tôi đặt cái thời này oai quyền thiên tử tấn tới bước thứ tư.

Chừ tôi xin nói tóm lại: Ông Khổng, ông Mạnh, vua Nghiêu, vua Thuấn, Võ, Thang, Văn, Võ đã làm ra cái gương cho các vua đời sau, gọi là cái nho giáo. Ta phải xem xét cái thời thế, phong tục của các dân đời sau và các việc ăn ở tôn nghiêm của các vua đời sau, so lại với nho giáo thì có giống chút nào không?

Từ vua Võ vương giết vua Trụ, dân đã không phục. Duy có đời vua Văn, vua Võ, vua Thành, vua Khương bốn đời vua đó thì dân nó phục, chư hầu còn phục. Đến như đời U, Lệ thì dân nó nổi lên nó giết các vua ấy, rồi thì các ngôi thiên tử của nhà Châu cũng từ đó mà mất theo. Một cái lịch sử kỳ quái như Tàu từ Nghiêu Thuấn cho đến Văn, Võ thiệt như là cái khí mùa xuân, như cái ánh sáng mặt trời êm ái, ai thấy mà không khen, ai thấy mà không ước ao. Có lạ gì đức Khổng, thầy Mạnh cũng muốn nhơn đó mà lập ra cái đạo để bình trị thiên hạ thì cũng phải.

Lạ thay, qua đến đời Xuân Thu là nửa đời Châu, thì ngoài năm nước bá ra, chẳng có cần gì đạo đức, nhơn nghĩa như trước cả, chỉ lấy cái giả dối thay nhau mà để quyền cái ngôi thiên tử trống mà thôi. Từ lúc đó thì còn được 300 nước; hơn 100 năm nữa chỉ còn có 7 nước; không đầy 100 năm nữa rốt cuộc lại thống nhất về nhà Tần.

Vào cái thời này, tôi mới cắt nghĩa cái quân trị chủ nghĩa tức

là nhân trị chủ nghĩa. Ông Tần Thủy Hoàng khi mới làm vua thì ông làm cái gì? Ông đặt ông là ông vua đầu, ông truyền cho đến muôn ngàn đời về sau; ông sợ dân học khôn thì ông đốt sách, ông sợ học trò chống cãi lại khó làm việc thì ông chôn học trò đi, sợ để gươm giáo trong dân gian nhiều dân nổi giận thì ông phá đúc ra tượng đồng để chơi, đào bằng mấy cái thành cao, lấp mấy cái chỗ ao sâu, không cho dân dựa mà chống lại nhà nước. Lại tin một lời sấm "vong Tần dã Hồ"[1] mà bắt cả dân già trẻ đi đắp cái Vạn lý trường thành khổ não biết bao nhiêu. Cái mối loạn phát ra từ đấy.

Ông làm như thế thì ông tưởng còn cái gì mà sợ nữa. Ông làm ra cái cung A Phòng, bỏ vài ba ngàn con gái đẹp để chơi, làm ra cái lăng Li Sơn rộng ba bốn dặm có đàng cách đạo, trùng thành, còn nhiều cái sang đẹp nữa. Ông lấy chữ "trẫm" để cho một mình ông hoàng đế được xưng mà thôi. Đời xưa hễ xưng hoàng là hoàng, đế là đế, từ đó mới xưng là hoàng đế; đời trước đạo nho lấy vương là quý, mà thời đó thì chỉ để phong cho đầy tớ của mình mà thôi.

Sung sướng đặng bao nhiêu, chưa đầy 13 năm mà đã bị thằng Triệu Cao nó giết, rồi sau con là Tần Nhị thế cũng bị hoạn quan giết, rồi thiên hạ lại vào tay nhà Hán, quân chủ lại vào tay chuyên chế khác nữa.

Đó! Các ngài xin nghe một khúc này nữa: Chừ những ông học nho ở nước Tàu, nước ta các ông yêu mến đạo nho mà các ông ghét nhà Tần biết bao nhiêu, vì các ông thấy nhà Tần bội cái đạo nho. Nhưng mà ông vua của các ông có xấu tốt thế nào, các ông cũng ví với các ông Nghiêu, Thuấn, Võ, Thang, Văn, Võ mà tôi đã nói khi nãy, không khi nào các ông ví với vua chúa nhà Tần. Nhưng mà các anh em đồng nghĩ thử: vua mà xưng chữ "trẫm" là theo đạo nho hay là theo nhà Tần? Vua mà xưng hoàng đế là theo đâu? Vua giết nhà ba họ là theo luật nhà Tần hay là theo đâu? Vua mà dâm dục ở trong cung năm, bảy trăm, một ngàn cung nữ có phải là bắt chước theo nhà Tần không? Vậy mà ông vua ông nói ông theo đạo nho; tự ông nói vậy là phải, các quan nịnh theo vua họ thì họ nói theo cũng là phải, còn các ông đồ già thì cũng ráng gân cổ lên cãi nói rằng dân mình theo đạo nho, nước mình theo đạo nho, triều đình mình sùng đạo nho, vậy thì đạo nho ở đâu?

Từ đó, do nhà Hán đến nhà Đường, do nhà Đường đến nhà

---

[1] *Vong Tần dã Hồ*: Làm mất nhà Tần là rợ Hồ.

Tống, do nhà Tống đến nhà Minh, do nhà Minh đến nhà Thanh, nghĩa là trong độ hai ngàn hai trăm năm, thì cái việc cai trị nhà Hán, tuy rằng đối với dân thì cũng không có chánh trị gì cho công bình hơn các đời khác, nhưng cũng rộng rãi hơn Đường, Đường lại rộng rãi hơn Tống, Tống lại rộng rãi hơn Minh, Minh lại rộng rãi hơn Thanh. Coi tóm lại cái lịch sử quân chủ ở xứ Á đông này, ta sẽ thấy rằng từ Tần Thủy Hoàng sắp về sau không còn có đạo nho thi hành ở trong nước nữa, chỉ còn sót một hai điều ở trong gia đình mà thôi; còn kỳ dư là những ông vua chuyên chế dựa vào đạo nho để cho dễ đè nén dân mà thôi.

Cách chuyên chế ở bên Á đông khéo hơn bên Âu châu thế nào?

Vua Âu châu ở cái xứ thượng võ, cho nên làm cái gì cũng hung dữ mà ngay thực, cho đến sự độc ác cũng vậy. Lúc trước những ông vua Âu châu muốn đè nén dân thì phải thông đồng với Giáo hội, bày đặt ra nói ông vua là ông Thần trời, thay mặt cho Thần trời, hay là Thần trời hóa thành ra, nghĩa là ông vua không phải một loài với dân, thì dân phải tôn kính vua. Nhưng mà những cái lẽ đó là cạn cùng, giả dối chỉ có phỉnh dân ngu được một lúc mà thôi, cho nên sau rồi các dân Âu châu cái dân quyền càng mạnh chừng nào thì cái quân quyền càng xếp lại chừng ấy.

Còn vua Á đông thì họ không làm như thế. Họ lựa ở trong các lời nói của ông Khổng, ông Mạnh, hoặc ở trong sách cổ, những câu nói có nhiều nghĩa để học dựa vào đó họ lập ra phép luật để bó buộc cái trí dân. Cái ngôi vua thì họ gọi là con Trời, nhưng thiệt họ cũng xưng họ là người, mà chẳng những họ không đứng ra ngoài cái hàng bà con của dân, mà họ lại đứng vô cái hàng thân thiết của dân, như là ta thường nói "quân, sư, phụ", lại thường nói "vua, cha, chồng". Dẫu ở trong nhà quê dốt nát không biết ông vua thế nào, nhưng mà nó thấy đứng với cha, với chồng thì nó cũng cho vô một đám thân thiết. Nó có hay đâu đến chừng giận thì lấy cái oai quyền chuyên chế giết được ba họ người ta, mà còn như ông thầy, ông cha ta chỉ có làm ích cho ta chớ có cái gì mà làm hại, làm ác như thế. Còn khi cha mẹ đẻ ta ra, thì đói no sống chết thế nào cũng ở trong tay cha mẹ, nào vua có biết đâu. Thế mà đến hồi tuổi ta lổng lổng lớn lên, thì đánh một tiếng là "tôi trời con vua", muốn cho sống thì sống, muốn cho chết thì chết, ta không chối cãi gì được hết.

Dân bên Âu châu thượng võ, cho nên dòng quý tộc chư hầu phải lấy võ công mới lên được, mà đã lên được thì khó mất lắm.

Còn bên Á đông mình, cái cánh quý tộc lại chuộng thi văn, mà thi văn đó ai đỗ được thì làm quan, ai không đỗ được thì thôi. Còn bên quan võ chỉ có hồi có giặc giã hay là hồi khai quốc mới có người có tài thật, kỳ dư thì để thưởng những người lính dốt nát. Thí dụ như một người dốt nát đi lính từ 20 tuổi đến 50 tuổi, thế nào cũng lên được cái lãnh binh, cái đề đốc, hưởng được cái mùi quý tộc ít năm, nghĩa là mình ăn ở miễn cho người ta đừng ghét là được. Ấy là cái mưu quân chủ rèn tập cái trí dân ở xứ Á đông làm cho khờ khỉnh. Ta thí dụ nước ta đã mất mấy mươi năm rồi, mà đến kỳ thi ai cũng khí khủm lo cho đậu được một chút mới thôi. Hễ đậu được thì cho là mồ mả ông cha có phước. Còn người có thế hay là có tiền thì cũng vác đi lo làm quan cũng kiếm một cái hư hàm. Chừ chúng ta đây đi ra Hà Nội, ra Huế, ta thấy những là nó mang thẻ bài nó đi đụng đầu với nhau, còn một tụi thì đang vác tiền đi lo, thì ta cho là một bọn điên cuồng, không hiểu cái trí chúng ra thế nào? Nhưng mà ta không biết rằng cái đó là cái giống đã gieo mầm từ các đời vua trước đã mấy ngàn năm rồi.

Đây tôi nói tóm lại cách chuyên chế của những vua bên xứ Á đông này như là tôn lên mấy lời tà thuyết, gọi rằng "lọt lòng mẹ ra đời này thì chịu cái nghĩa vua tôi rồi". Nhưng mà ta có biết rằng "quân thần dĩ nghĩa hiệp"[1] là nghĩa làm sao? Vậy cho nên có nhiều người họ chán họ đi ở ẩn, thì nó lại lập ra cái luật "hữu tài bất vi quân dụng"[2], lại lập ra cái luật "yêu quân". Còn nó sợ dân biết chánh trị nhiều thì nó lại sinh ra cách mạng, cho nên nó cấm học trò và dân không được nói đến chính trị. Cả hết cách chuyên chế đó có nghĩa là họ bảo rằng: "Mày làm cái gì thì làm, nhưng đừng động đến ngôi vua của con cháu ta thì thôi".

Nhưng có hay đâu giữ khéo quá thì dân trong nước nó ngu không động đến ngôi vua thật, mà các nước ngoài họ tới họ lấy thì dễ như chơi, nghĩa là dân nó ngu, nó không biết nước là cái gì nữa cả. Ta thử xem cái gương nhà Tống trước thì mất với Liêu rồi sau mất với Kim, rồi sau mất với Mông Cổ, còn nhà Minh lại mất với Mãn Châu, Cao Ly thì mất với Nhựt Bổn, An Nam thì mất với

---

[1] *Quân thần dĩ nghĩa hiệp:* Vua và tôi hợp tác với nhau vì nghĩa.

[2] *Hữu tài bất vi quân dụng*: Có tài mà không để vua dùng.

Tây.

Thương hại thay, trong hai ngàn năm các nhà vua chẳng ngó chi tới cái lợi hại dân tộc, chỉ lo tính toán mà đè nén cái trí dân để mà giữ chắc cái chìa khóa tủ sắt ngôi thiên tử cho con cháu mình . Nhưng mà có hay đâu dân đã ngu thì nước phải yếu, vua quan lại nghinh ngang tham lam nữa, thế chắc phải loạn, loạn thì ngôi vua mất. Nếu dân ngu quá, yếu quá không dấy loạn được, thì các nước khác nó tràn vào, ấy là cái lẽ tự nhiên, làm thế nào cũng không khỏi mất. Cho nên xưa nay cái ngôi vua thay đổi luôn, cũng như cái ghế hạng nhứt của nhà hát.

Vậy chừ ta tóm lại coi cái lợi hại về quân chủ ra thế nào? Thì ta thấy bất câu là Âu Á, là xứ nào, dân tộc nào mà lập thành nước để đến bây giờ, là đều nhờ những anh hùng hào kiệt đời xưa, họ ra họ cầm đầu cho dân, ngoài thì đối phó với các loài dân khác, trong thì sửa sang lại cái việc hòa bình ở trong dân tộc, những cái công đức của các ông ấy ta cũng đáng khen ngợi, đáng ghi nhớ chứ không phải không. Còn cũng có dòng dân trước còn đứng được, sau lại không có người anh hùng hào kiệt đứng ra chống chỏi lại bị nước khác nuốt mất, vậy thì cái lợi của quân chủ ở đời thượng cổ, trung cổ quý không gì bằng; tuy các ông cũng có mưu về lợi riêng, nhưng mà chúng ta cũng có thể tha thứ được.

Còn cũng có một cái dịp dùng quyền quân chủ tốt như nước Nhật Bổn, nước Xiêm: khi người Âu châu mới qua thì dân còn ngơ ngác có biết gì, thế mà nhờ trên có ông vua anh hùng, dưới có các quan đại thần tài trí cầm đầu, đem đàng chỉ lối cho dân, thì dân lại tấn tới càng mau, vậy thì cũng là một sự hay. Còn từ đó sắp sau, chỗ nào dân không thể nhờ được dịp đó, thì hóa ra vô dụng.

Ta xem bên Tàu ba mươi năm trước, vua Quang Tự đã hạ chiếu duy tân, vì có một người thiếp của cha mê trai mê gái, tham của tham tiền không chịu thay đổi, chẳng những làm cho dòng vua Mãn Châu mất, mà còn làm cho dân Tàu đến nay hãy còn xiểng liểng. Coi như vua Cao Ly, bên vợ thì duy tân, cha thì thủ cựu, đánh nhau mãi, giết nhau mãi, rốt cuộc lại cha thì bị ở tù vợ thì bị giết, mình thì phải hai tay bưng nước đưa cho Nhật Bổn, rồi thì bị cách chức.

Còn nhắc qua đến ông vua khốn nạn, hư hèn của nước ta là vua Tự Đức, mà đến nay mấy ông quan An Nam già, mấy đồ già còn khen ngợi ông ấy là vua thánh quân. Khi Tây mới qua, quan

binh thì cũng có như ông Nguyễn Tri Phương, ông Võ Trọng Bình xin đánh, nhưng mà người ta nói có muốn đánh thì phải xuất tiền ra, đi mua súng ống về mới có thể đánh được. Nhưng mà ông ấy có tánh thương tiền thương bạc, cứ muốn chôn dưới đất, chẳng muốn đem ra mua cái gì cả, vậy cho nên ông trả lời với các quan binh rằng: "Các anh muốn đánh thì đánh, nhưng mà các anh đánh không hơn thì các anh để mẹ con tôi vào đâu?". Làm ép cho mấy ông quan võ như ông Võ Trọng Bình bỏ về, còn ông Nguyễn Tri Phương để cho Tây bắt, không ăn mà chết.

Cũng có người học hành như Nguyễn Trường Tộ khuyên vua dạo qua bên Tây xem xét cái văn minh của họ, rồi cho người qua học, mà các quan văn An Nam cũng có nhiều người xin như thế, thì ông vua trả lời rằng: "Nhựt Bổn nó là dòng mọi, Xiêm nó là dòng mọi, mà Âu châu nó cũng là mọi. Mọi thì nó học với mọi được, chớ như ta là con thần cháu thánh, có lẽ nào ta lại đi học mọi hay sao?".

Thôi! Tôi không có đoán cái hay cái dở của ông vua đó, để các ngài nghe rồi các ngài sẽ xét đoán là ông vua gì. Mẹ con ông chết thì có chỗ chôn, còn mẹ con hai mươi triệu bơ vơ đến bây giờ thì sao? Tụi mà ông cho là mọi rợ thì bây giờ nó đã tấn tới hết cả, hai mươi triệu khi xưa không đến mọi rợ, mà bây giờ chẳng những hóa ra mọi rợ mà thôi, mà lại hóa ra tôi đòi hèn hạ của nó.

Đây nói tóm lại quân trị tức là nhân trị[1]. Quân trị chủ nghĩa tuy có phép luật mặc lòng, nhưng mà cứ tự tay ông vua lập ra, chớ còn dân thì chẳng biết gì hết. Vậy cho nên khi nào gặp một ông vua thông minh anh hùng, hiểu rõ cái sự quan hệ dân với nước là thế nào mà trừng trị những cái lũ tham quan lại nhũng, để cho dân được yên lặng làm ăn, thì dân giàu nước mạnh, mà cái sự thái bình cũng theo được cái thì giờ ông ta sống đó.

Còn qua cái ông vua hôn ám, thì ổng sống với đàn bà con gái, với cái tụi hoạn quan, còn biết gì đến dân, còn biết gì đến nước, giao những quyền chính trong tay những tụi nịnh thần thì người

---

[1] *Quân trị tức là nhân trị*: "Quân trị" :sự cai trị của ông vua, quân trị ở đây chỉ chế độ quân chủ; "nhân trị" :cai trị bởi một người (nhân ở đây là người, chứ không có nghĩa là lòng thương người), tức là bởi ông vua. Toàn cầu có nghĩa là trong chế độ quân chủ, nhân dân bị cai trị bởi ý thích riêng, nhiều khi là ý thích độc đoán của ông vua.

đã hư, nước cũng đổ theo thôi. Cho nên ông Khổng Tử có câu rằng: "Văn Võ chi chánh bố tai phương sách, kỳ nhân tồn tắc kỳ chánh cư, kỳ nhân vong tắc kỳ chánh tức", nghĩa là cái chánh trị của vua Văn vua Võ còn chép trong sách, có vua tôi giỏi thì cái chánh trị sẽ làm ra, nếu không thì mất. Tuân tử thì nói rằng: "Hữu trị nhân, vô trị pháp", nghĩa là có người ra làm hay, chứ không có cái phép luật hay. Duy có ông Mạnh Tử thì kiêm cả hai, ông nói rằng: "Đồ thiện bất túc dĩ vi chánh, đồ pháp bất năng dĩ tự hành", nghĩa là có người giỏi mà không có phép luật thì cũng không làm được chánh trị, còn có pháp luật mà không có người giỏi thì cái phép luật cũng không tự làm lấy được.

Mấy ngàn năm nay những ông vua giỏi, tướng giỏi hết sức lo mà tránh cho khỏi cái chữ quân trị là nhân trị nhưng mà không được, vì là lập phép nầy lập phép kia cũng tự tay vua, đến khi đạp đổ đi cũng tự tay vua. Ấy là tôi nói lo mà chữa cho khỏi chữ nhân trị là từ đời Tống đời Đường sắp lên các ông minh quân thì thế. Chớ từ đời Minh, đời Thanh sắp xuống, thì lại càng chuyên chế hơn nữa.

Coi như ông Minh Thái tổ đặt ra cái luật "Hữu tài bất vi quân dụng" nghĩa là đặt ra cái luật hễ ai có tài mà không ra cho vua dùng, ấy là cấm không cho ai ở ẩn. Còn như Càn Long lại đặt ra cái luật "yêu quân" nghĩa là cậy có tài buộc vua phải cầu cạnh mình, thì những cái luật đó còn có ích dụng gì cho dân tộc, cho nhà nước đâu, chỉ làm sướng cái trí kiêu ngạo và cái xác thịt của ông hoàng đế đó mà thôi.

Vua đời xưa thì còn cầu hiền hạ sĩ, chớ vua đời nay thì cứ nằm ngửa ra đó, thằng nào có tài mà không ra cho tao dùng thì tao bỏ tù, còn gì sang trọng hơn nữa!

Nãy giờ là tôi nói cái lịch sử và triết học quân trị là nhân trị. Đây tôi xin cử thêm vài chứng thật để cho bà con anh em dễ hiểu. Nhân trị nghĩa là cái phép luật thi hành rộng rãi hay là nghiêm nhặt là tùy theo cái lòng vui, buồn, thương, ghét của một ông vua mà thôi, còn phép luật tuy có cũng như không.

Thí dụ như ông Gia Long lấy cái luật của Càn Long để trị dân An Nam, trong cái luật đó nói rằng "phi quân công bất hầu", nghĩa là không có công đi đánh giặc thì không được phong tước hầu. Vậy thì ông Nguyễn Văn Thành phong đến tước hầu mà làm đến trung quân, chẳng qua là ông Gia Long vui trí mà cho mà

thôi, chớ không phải là ông có cái lòng công bình mà xét lại cái công trạng của ông ấy theo đánh giặc từ nhỏ đến lớn. Sao tôi lại dám nói vậy? Bởi vì sao con ông ấy có làm một bài thơ chơi, nghĩ cũng chẳng tội lỗi gì, mà giết ông ấy đến ba họ. Như vậy chẳng qua là khi buồn, khi giận mà giết, chớ có cái phép luật gì đâu?

Còn tôi nhắc qua một cái tích của vua Tự Đức như vầy: vua Tự Đức khi nãy tôi đã nói, ông tiếc một đồng xu không bỏ ra mà mua súng ống như hồi Tây qua mới rồi. Năm Tự Đức 25, dân Trung Kỳ chết đói, thì nhà nước cùng các quan đã lo phát chẩn được một ít rồi. Các quan lại xin trích cái tiền thuế trong các tỉnh, các huyện để trữ lại xã thương các làng, phòng năm khác có đói thì ông ta cho phép dân được đem tiền đem lúa ra mà quyên bá hộ bát phẩm, cửu phẩm. Nhưng mà dân đói quá, có tiền có lúa đâu mà quyên. Ông sức cho các quan cho dân quyên chịu vậy, nghĩa là số quyên một lần một ngàn quan tiền, đóng trước đi 300 rồi thì phát bằng cho, chừng nào đóng số tiền đó đủ hết, sẽ phong sắc, còn tiền thì đóng cứ để lại kho làng ấy. Cái dụ xuống rõ ràng như thế.

Cách một năm thì thấy cái dụ về kể hết số tiền chưa đóng và cái số tiền đóng rồi, bắt phải đem hết ra tỉnh cấp cho lính đánh giặc. Tỉnh sức xuống huyện, huyện sức xuống dân. Dân trả lời vua cho phép quyên chịu chứ không có bắt đóng ngay, chừ mất mùa nó không chịu đóng, làm gì nó cũng không chịu đóng. Quan tỉnh tư bộ, bộ tâu vua, vua buộc phải làm tội hết những dân đó. Nhưng mà trong luật An Nam, những luật tiền bạc thuộc về dân qua lại với nhà nước ít thấy lắm cho nên các quan không biết làm án về luật gì, phải tâu lên vua phải làm ăn thế nào. Thì vua buộc phải làm án theo luật "thướng thơ bất thiệt" nghĩa là chiếu theo cái luật các quan dâng thơ cho vua nói chánh trị mà không thật, thì quan bộ cứ đó mà làm tội. Đến khi tư về các tỉnh, anh thì 6 năm,anh thì 8 năm, anh thì 12 năm tù. Gia dĩ sau khi đói khát, cha xa con, vợ bỏ chồng, chờ còn sót lại chút nào, tưởng quyên cái bát, cửu phẩm để lấy làm vui, hay đâu không được, lại bị ở tù thêm. Thế nên cả nhà, cả họ ai nấy cũng đều lấy làm đau lòng xót ruột. May đâu cái án đó đi đến tỉnh Quảng Ngãi, gặp một ông quan án sát, ông ấy thì giỏi luật lệ mà có lòng thương dân, lo việc nước. Ông ấy là người Bến Tre về tỉnh Vĩnh Long, tên ông là Nguyễn Thông,

hiệu là Kỳ Xuyên sau lục tỉnh mất thì ông chạy ra Phan Thiết[1]. Ông ấy bẻ hết cả cái án từng câu, rồi ông gởi trả lại cho bộ, ông nói rằng: "Cái vụ nầy là chỉ có vua với quan nói dối, chớ dân không nói dối chút nào hết. Còn chiếu với cái luật "thướng thơ bất thiệt" cũng không ăn thua gì".

Vua Tự Đức biết mình lỗi, nhưng mà mắc cỡ, xui cho người khác kiện ông ta, rồi cách chức ông ta đi, muốn trị tội nặng. Dân tỉnh Quảng Ngãi và dân các tỉnh hết sức bênh vực cho ông ta, cho nên cũng chẳng làm hại ông ta được, chỉ đuổi ông ta đi mà thôi. Đến sau khi ông đi rồi, thì những cái án đó kết quả thế nào cũng không biết.

Đây tôi nói lược qua một hai điều cho các ngài nghe, chớ tôi kể hết sử Tàu và sử An Nam, thì mấy ngày cũng không hết.

Nay khắp cả thế giới, những nước nào đã theo kịp được một ít văn minh Âu châu hay là hiểu được một tí tư tưởng tự do ngôn luận tự do, thì ai ai cũng hiểu được cái tiếng dân chủ là thế nào, hay là dân trị là thế nào.

Như các nước bên Âu châu sùng thượng quân chủ mặc lòng, nhưng nước nào cũng có đảng dân chủ ở trong thượng, hạ nghị viện cả. Duy có nước ta, thì như trong lục tỉnh này mất với Tây cũng đã hơn 60 năm, cái chữ "république"[2] thì nói luôn luôn trên miệng, nhưng mà chẳng tìm kiếm nghĩa lý ra thế nào, so sánh với các quân trị chánh thể cũ của ta ra thế nào? Ấy là nói những người có ăn học, mà ý tôi xem hình như các người đoán trước rằng có quân chủ là hơn. Còn nhứt là dân trong nhà quê, chẳng những không biết cái dân chủ là gì, mà đối với vua thì thờ trên đầu như thần như thánh, chẳng những không dám nghĩ đến cái sự "phải có hay là không", mà hình như có ai nghĩ đến cái việc đó thì phải bị sét đánh, đá đần, voi chà, ngựa xé; khi nào nghe nói bất câu là ông đó chắc là mình trông cậy được; rất đỗi mới rồi đây sự thằng Phan Xích Long còn xảy ra trong cái xứ này.

Vậy mới biết rằng cái độc quân chủ vào trong óc dân ta sâu quá, mà cái trình độ của dân ta cũng thấp quá. Chỉ một người mà

---

[1] Nguyễn Thông (1827-1894) người tỉnh Gia Định, đậu cử nhân, làm quan tới chức bố chánh. Khi 6 tỉnh Nam Kỳ lọt vào tay Pháp, ông đang giữ chức đốc học Vĩnh Long, để tỏ ý không chịu khuất phục, ông dời cả gia quyến ra ở tại Phan Thiết.

[2] *République*: Tiếng Pháp, có nghĩa là "cộng hòa".

nói: "Mầy phải trung với người này, phải kính người nầy", thì mới hiểu. Nếu ngồi cử ra cái tên nước An Nam nói rằng: "Ấy là cái nước của ông cha mầy, mầy phải thương", thì tay nó không rờ được, mắt nó không trông thấy được thì nó không có thể làm thế nào mà nó thương được. Vậy thì nó cứ nó, trừ ra một cái nhà, một cái vườn, vài mẫu đất, nội chỗ con mắt nó thấy đó, thì nó thương.

Đã mấy năm nay, tôi thường thấy nhà nhựt trình hay nhà diễn thuyết hễ mở miệng ra thì nói nước ta có hai mươi triệu quốc dân, trong cái giọng nói thì như hình có danh giá, có cái sự khoe khoang, có sự tin cậy. Nhưng mà tôi nghĩ trong hai mươi triệu, ai cũng chỉ biết có nhà mà không biết có nước. Như thấy trong cái nhà nào, trong lúc rủi ro có năm, ba thằng con trai bị chết tự tuyệt, hay nhà nào nhiều ruộng, nhiều đất mà bị kiện bị thưa hay là bị con ham cờ bạc, thì xúm lại nói ồn ào khắp dân gian, cho là cái việc quan hệ nhứt trong xứ nầy. Còn nói đến việc mất nước, thì cũng chẳng ai mơ màng vào đâu.

Lấy một cái dân mà nó đối với nước nó lơ láo lạt lẽo như thế, dân như vậy mà muốn bỏ vua đi mà lập ra dân quốc, các ngài có lẽ có ông lấy làm lạ. Nhưng mà theo ý tôi nghĩ rằng vì cái độc quân chủ mà nó giết hẳn cái lòng ái quốc của dân Việt Nam ta. Chừ muốn cho cái dân An Nam cho nó biết cái nước là nước của chúng nó, thì đem cái tụi bù nhìn ở Huế đó vứt hết cả đi, thì nó mới có thể tìm kiếm cái nước đó là nước của ai; mà nòi ta thông minh, có lẽ một ngày kia nó sẽ gặp ở trong cái miếng đất mấy ngàn năm lưu truyền lại đây, cái quyền lợi của nó cũng còn nhiều, quyền phép của nó cũng có nhiều, mà rồi nó sẽ hiểu rằng xưa nay người mà gọi rằng vua rằng quan chẳng qua là người thay mặt làm việc cho nó, nếu làm không xong thì nó đuổi đi cũng không có cái lỗi gì.

Khi nào mà dân nó hiểu như thế, thì nó mới biết thương nước, mà nó có biết thương nước thì một ngày kia mới trông mong tự do độc lập được, chớ không có thì đời đời làm tôi mọi mãi.

Sao gọi là dân chủ? Câu này ở bên Âu châu không cần cắt nghĩa nhiều nhưng mà ở trong xứ mình thì tôi cắt nghĩa mau để người ta hiểu qua cái đại lược. Bất câu là nước nào, cũng số người học thức kém đông hơn cả, thường thường nhờ có cái đảng trung lưu, thượng lưu dìu dắt nó đi là lẽ thường. Nhưng mà duy có dân Âu châu khác với dân ta có một việc: là từ khi bắt đầu mới khởi ra thì họ cũng sùng trọng cái quân chủ vậy. Nhưng không biết làm thế nào đến cái

hồi Grèce[1] họ đã có cái hội gọi là Trưởng giả hội nghị, thì do ông vua nhóm họp những cái tụi quý tộc mà lập phép lập ban cho dân, lại có một cái hội gọi là Quốc dân hội nghị, phàm những luật vua với quý tộc đã đặt ra thì phải giao cho hội ấy xem xét, có bằng lòng thì mới được làm. Sau đến La Mã thì cái hội gọi là Một trăm người thì lấy nội quân lính mà sắp đặt ra hội đó,phàm xứ đó có việc gì thì hội đó bàn. Còn sau La Mã, đến chứng nòi vua La Mã đã mất rồi, thì chỉ có một cái hội La Mã chuyên lão viện, lại một cái hội La Mã bình dân viện, cho nên sau tuy La Mã đổi lại làm đế chế chuyên chế, mà các phép La Mã cũng phát đạt luôn luôn, bây giờ các nước ai cũng bắt chước La Mã hết cả.

Trong một lối từ khi mọi Germain[2] tràn xuống phá cái La Mã đế quốc, các nước Âu châu độc lập lên hết cả, thì cái chánh thể hội nghị ấy đã mất đi đến mấy trăm năm rồi ở trong cái lục địa Âu châu.

Lạ lùng thay, người Angleterre[3] còn giữ lại được những cái hội kêu rằng Nhân dân hội nghị, Hiền giả hội nghị, hai cái hội ấy đều là vua nhóm những người tài trí trong dân để giao cho cái quyền lập pháp, đến bây giờ thành ra cái Hạ nghị viện của Angleterre, mà đến thế kỷ mười bảy, mười tám lại truyền bá ra được cả lục địa Âu châu. Ấy là tôi nói lược qua cái lịch sử của dân quyền châu Âu.

Bây giờ tôi nói qua cái chánh thể dân chủ là thế nào.

Bây giờ Âu châu trừ nước nào dân còn ngu dại như là nước Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, thì cái cách chánh trị trong nước nó không giống như các nước Âu châu khác được. Còn các nước dân nào đã khôn, trình độ bằng nhau, dẫu là một nước có vua, một nước không vua, khác nhau có cái ông Giám quốc[4] thì 7 năm cử lại ông Giám quốc một lần, còn vua thì cứ cha truyền con nối mãi, khác nhau có cái đấy mà thôi.

Đây tôi nói về cái cách chánh thể bên Tây. Ở trong nước có một cái Hạ nghị viện quan hệ thứ nhất, số nghị viện thì độ trên dưới sáu trăm, dân đúng 21 tuổi sắp lên thì được ra bầu cử, dân mà được 25 tuổi

---

(1) *Grèce*: Nước Hy Lạp (viết theo tiếng Pháp).

(2) *Germain*: Dân tộc Nhật Nhĩ Man, thuộc về xứ Giéc-ma-ni tức nước Đức ngày trước. Dân Nhật Nhĩ Man thuộc về giống A-ri-ăng, nhưng văn minh không bằng dân Hy Lạp, La Mã.

(3) Angleterre: Nước Anh.

(4) *Giám quốc*: là tổng thống của nước Cộng hòa.

sắp lên thì được ra ứng cử. Được cử rồi thì gọi là Hạ nghị viên. Cái số phận của nước Tây cầm ở trong tay cái viện ấy. Hội đó thì chủ quyền để mà lập phép luật. Thứ nữa là có một cái Nguyên lão viện, thì cái đó không phải dân cử. Cái hội đồng ở trong các tỉnh, các hội gì mà nhà nước đã nhận là đã có cái nhân cách và những người làm việc cho nhà nước ứng cử, hội đó thì để coi về việc tiền bạc.

Khi nào bắt đầu đặt Giám quốc hay là thiếu Giám quốc mà đặt lại, thì họp số người trong hai viện ấy mà bỏ thăm, mà người ra ứng cử cũng là ở trong hai viện ấy. Ai được số nhiều thì lên làm Tổng thống. Khi Tổng thống đã được bầu cử rồi, thì phải thề trước hai viện ấy: "Cứ giữ theo hiến pháp dân chủ, không phản bạn,không theo đảng này chống đảng kia, cứ giữ công bình,nếu có làm bậy, thì dân nó truất ngay". Trước thì có Mac Mahon, sau thì có Milllerand[1] bị cách chức cũng là vì phạm hiến pháp.

Còn chánh phủ thì cũng bởi do hai viện ấy mà ra. Nhưng mà phải giao quyền cho cái đảng nào chiếm số nhiều trong hai viện ấy thì mới được tổ chức Quốc vụ viện[2]. Theo Quốc vụ viện bây giờ, đâu cũng đến 20 [bộ trưởng], nhưng mà không có phải ăn rồi ngồi không như các ông thượng thơ ở ta, ông nào cũng có trách nhiệm ông ấy cả. Nếu cái gì mà làm không bằng lòng dân, thế nào cũng có người chỉ trích. Bởi vì ở trong Hạ nghị viện thể nào cũng có hai đảng, một đảng tả, một đảng hữu, nếu cái đảng tả chiếm số nhiều mà cầm quyền trong nước, thì đảng hữu nó xem xét, chỉ trích, cho nên có muốn làm bậy cũng khó lắm[3].

[Nhưng mà thế nào mặc lòng, trong nước đã có pháp luật kỹ càng, cái quyền Chánh phủ có hạn định, khi nào vượt ra khỏi cái quyền hạn của mình thì không được, nên dẫu muốn áp chế cũng

---

[1] *Mac Mahon, Millerand*: Mac Mahon là tổng thống thứ nhì của nước Pháp, bị cất chức ngày 16-5-1876, Millerand làm tổng thống Pháp từ năm 1920, phải từ chức ngày 11-5-1924.

[2] *Quốc vụ viện*: Tức là chính phủ, tòa Nội các.

[3] Theo *Di cảo*, thì bản thảo dừng ở đây. (Đoạn tiếp, theo cho đến hết bài là "*Lời người xuất bản*" của tập sách PHAN TÂY HỒ DI THẢO do Ngô Đức Kế biên soạn năm 1927) trong tài liệu ấy viết: "Bài diễn thuyết này, trong bản thảo chỉ thấy chép đến đây mà thôi. Nay tôi xin tiếp luôn mấy câu sau này cho hết nghĩa". "Lời người xuất bản" viết thêm là nói sự phân lập của ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp ở chế độ dân chủ đại nghị bên Pháp. Tuy nhiên, cũng có những thể chế dân chủ khác như dân chủ ở Mỹ, ở Liên Xô, ở các nước quân chủ lập hiến như Anh. Nhật... mà người dân thời bấy giờ cũng như hiện nay muốn biết.

không biết thò ra chỗ nào. Vả lại, khi có điều gì phạm đến pháp luật, thì người nào cũng như người ấy, từ ông Tổng thống cho đến một người dân nhà quê cũng đều chịu theo pháp luật như nhau.

Quyền xử đoán thì giao cho các quan án, là các người đã học giỏi luật lệ, có thể xét ra việc này trái với pháp luật, việc kia không trái với pháp luật. Chức quan án đó không phải là các quan cai trị kiêm lấy như ở xứ ta, nhứt là ở Trung Kỳ ta bây giờ đâu. Các quan án thì chỉ coi về việc xử đoán, xử chánh phủ cũng như xử một người dân, có quyền độc lập, cứ theo lương tâm mình, lấy pháp luật mà xử. Các quan án thống thuộc về một viện riêng, gọi là Viện tư pháp. Viện tư pháp cũng như hai viện kia, là Quốc vụ viện và Thượng, Hạ nghị viện, có quyền độc lập như nhau. Đó là theo cái lẽ ba quyền là quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền tư pháp đều riêng ra, không hiệp lại trong tay một người nào.

Nói tóm lại, dân trị tức là pháp trị. Quyền hạn và bổn phận của mỗi người trong nước, bất kỳ người làm việc nhà nước hay là người thường, đều có pháp luật chỉ định rõ ràng, không khác gì là đã có đường gạch sẵn, cứ trong đường ấy mà đi, tự do muốn bước tới bao nhiêu cũng được, không ai ngăn trở cả. Chỉ trừ khi nào xâm lấn đến quyền hạn của người khác thì không được mà thôi].

[So sánh hai cái chủ nghĩa quân trị và dân trị, thì thấy cái chủ nghĩa dân trị hơn cái chủ nghĩa quân trị nhiều. Lấy theo ý riêng của một người hay của một triều đình mà trị một nước, thì cái nước ấy không khác gì một đàn chiên, được no ấm vui vẻ hay là phải đói lạnh khổ sở, là tuỳ theo lòng rộng hay hẹp của người chăn chiên. Còn như theo cái chủ nghĩa dân trị, thì tự quốc dân lập ra pháp luật, đặt ra các cơ quan để lo việc chung cho mọi người. Lòng quốc dân muốn thế nào thì được thế ấy, dẫu không hay lắm, cũng không đến nỗi phải đè ép khốn nạn như tôi mọi người ta.

Xét lịch sử xưa nay, dân nào khôn ngoan thì lo tự cường tự lập, mưu lấy sự ích lợi chung của mình, chứ không có dân nào cứ ngồi yên nhờ trời cậy vua, giao cái quyền hành động tất cả vào trong tay một người hay là một chánh phủ, không luận bàn, không xem xét gì cả, mà tự nhiên được thái bình, được tấn tới.

Anh chị em đồng bào ta đã hiểu thấu mọi lẽ, thì phải mau mau góp sức lo toan việc nước, mới mong cất đầu lên nổi.

(Theo Nguyễn Văn Dương: *Tuyển tập Phan Châu Trinh*
Nxb Đà Nẵng – 1995)

THƯ PHẢN ĐỐI GỬI KHÂM SỨ PASQUIER VỀ LỆNH CỦA VIỆN CƠ MẬT BÁO CÁC TỈNH THEO DÕI ÔNG

Gửi Ngài Khâm sứ Trung Kỳ

Thưa Ngài Khâm sứ,

Trong dịp ngài đến Nam Kỳ cùng với Ngài Monguillot, Ngài đã mời tôi về Trung Kỳ và tôi đã vui mừng nhận lời mời đó. Nhưng tôi buộc còn phải lưu lại ở Nam Kỳ vì tình hình sức khỏe của tôi.

Ít lâu sau lời mời của Ngài, có một mật lệnh của Cơ Mật viện tuồng như đã được gửi đến tất cả các quan lại trong xứ để thông báo về "sự trở lại Trung Kỳ của tên cộng sản Phan Châu Trinh, cựu chính trị phạm, được bọn cộng sản giao nhiệm vụ về hoạt động tuyên truyền ráo riết ở Đông Dương". Trong lúc đó, Ngài đã biết quan điểm và tình cảm của tôi đối với nước Pháp là thế nào rồi.

Vậy nếu lệnh đó của Cơ mật viện đã được gửi đến khắp miền Trung của đất nước thì thật là kỳ quái, một đằng là Ngài Khâm sứ mời tôi về Trung Kỳ trong khi đằng khác lũ chó của Ngài chuẩn bị để sủa tôi, thậm chí cắn cả tôi nữa.

Tôi xin Ngài vui lòng giải thích cho tôi hiểu về trường hợp lạ lùng đó.

Xin Ngài tiếp nhận lời chào trân trọng của tôi.

Sài Gòn ngày 22 tháng 12 năm 1925

Phan Châu Trinh

48 Đại lộ Carnes-Sài Gòn

Sao y bản chính
Chánh Mật thám Trung Kỳ
Ký tên: SOGNY và đóng dấu

(Theo Lê Thị Kinh – Sđd)

PHẢI CÓ BẢN LĨNH ĐẤU TRANH...(*)

Tiểu dẫn: Sau ngày cụ Tây Hồ về nước (1925), có nhiều người, nhiều giới chức đến thăm viếng và nghe Cụ nói chuyện. Trong số đó, cũng có người non gan, sợ tai vạ, nói với Cụ rằng: "Đối với Cụ thì người ta không làm gì được, nhưng mà chúng tôi, ở dưới tay bọn thống trị, thì một tiếng nói cứng, một việc nhỏ mọn, cũng có thể bị họ thêu dệt thêm ra mà bắt bớ hình phạt..."

Cụ trả lời:

"- Miễn là các anh hiểu rõ và có lòng cương quyết để nói, để làm là được. Còn làm chính trị, ở đâu cũng vậy, mà ở thời nào cũng vậy, nếu sợ khó nhọc, sợ hao tổn, sợ bắt, sợ tù, thì làm sao được? Dân ta bây giờ là dân mất nước, nếu muốn được nước lại, mà sợ tù tội, thì làm sao nổi! – Chưa ở tù khi nào, thì còn sợ tù, chớ đã ở rồi thì không sợ nữa. Chúng ta bây giờ nên ở tù cho đông, cho quen, để có đủ can đảm mà làm việc. – Không phải là nói liều mạng để cho họ bắt bớ mà làm ngăn trở công việc mình làm đâu. Phải biết chắc chắn cái quyền tự do là quyền của mình, không phải xin ai mà có, không phải xin của người ta cho. Lại phải hiểu rõ đường lối chính trị, phải có trí khôn sáng suốt, phải luyện tập tình hình và biết cách tùy cơ hành động, tùy cơ tranh đấu, thì mới bảo vệ được quyền tự do của mình mà công việc mình mới khỏi bị ngăn trở. Ngoài ra khi nào sức mình không chống nổi; khi nào có sự bất ngờ không liệu trước được, rủi bị bắt bị tù, thì cũng phải cam chịu..."

(Theo Phan Thị Châu Liên, trong mục *Phụ biên* in kèm sau cuốn *Phan Tây Hồ tiên sinh lịch sử* của Huỳnh Thúc Kháng, xuất bản cùng với *Giai nhân kỳ ngộ* (do Lê Văn Siêu bình giải và chú thích). NXB Hướng Dương, Sài Gòn, 1958, tr. LXXXI – LXXXII).

(*) Đầu đề do Người biên soạn đặt.

NIÊN BIỂU
CỦA PHAN CHÂN TRINH

NIÊN BIỂU CỦA PHAN CHÂU TRINH(*)

1872: Phan Châu Trinh sinh ngày 9-9 tại làng Tây Lộc, huyện Hà Đông (nay là xã Tam Phước, huyện Tam Kỳ) tỉnh Quảng Nam. Con trai thứ ba của ông Phan Văn Bình và bà Lê Thị Chung.

1873: - Francis Garnier đánh chiếm thành Hà Nội.

- Nguyễn Tri Phương tử tiết.

1877: - Nguyễn Lộ Trạch dâng ("Thời vụ sách" (thượng).

1881: - Phan Châu Trinh bắt đầu đi học trường làng bên cạnh.

1882: - Henri Rivière đánh chiếm thành Hà Nội lần thứ hai.

- Hoàng Diệu tuẫn tiết.

1883: - Pháp đánh vào cửa biển Thuận An.

1884: - Nam triều ký "Hòa ước" nhận quyền đô hộ của Pháp trên toàn cõi Việt Nam.

1885: - Tôn Thất Thuyết đánh quân Pháp ở Huế thất bại.

- Hàm Nghi xuất bôn, xuống chiếu "Cần vương kháng Pháp:

Phong trào Cần vương bùng phát khắp hai miền Trung, Bắc Kỳ: Phan Đình Phùng ở Thanh Nghệ - Tĩnh - Bình; Đinh Công Tráng và Phạm Bành ở Ba Đình (Thanh Hóa); Nguyễn Quang Bích ở Tây Bắc..., Trần Dư và Nguyễn Duy Hiệu ơ Nam - Ngãi v.v...

- Phan Văn Bình (thân sinh Phan Châu Trinh) tham gia Nghĩa hội, làm chuyển vận sứ. Phan Châu Trinh theo cha lên vùng nghĩa quân học võ, đi săn.

(*) Lược ghi những sự kiện trong và ngoài nước có liên quan đến tiểu sử của Phan Châu Trinh.

1887: - Phan Văn Bình bị sát hại, Phan Châu Trinh trở về quê.

- Nghĩa hội bị đánh tan vỡ. Nguyễn Duy Hiệu bị tử hình.

1890: - Nguyễn Tất Thành (tức Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh - con cụ Nguyễn Sinh Sắc (sau này đỗ phó bảng , 1901) ra đời tại Kim Liên, Nam Đàn, Nghệ An.

1892: - Phan Châu Trinh học ở trường ông Cử An Tráng (Phạm Mẫn), kết giao với Huỳnh Hanh (tức Huỳnh Thúc Kháng).

1894: - Phan Châu Trinh đi thi Hương, hỏng trường Nhì.

- Nhật đánh bại quân Trung Hoa, "trận đánh năm Giáp Ngọ".

1895: - Phan Đình Phùng mất. Nghĩa quân Hương Khê tan rã.

- Ngọn cờ Cần vương chống Pháp ở miền Trung chấm dứt.

1896: - Phan Châu Trinh kết hôn với Lê Thị Tỵ quê ở làng An Sơn.

1897: - Phan Châu Trinh thi Hương, hỏng trường Ba.

- Sinh Phan Châu Dật.

1898: - Phan Châu Trinh vào học trường tỉnh của Đốc học Trần Đình Phong, kết giao với Trần Quý Cáp.

- Mậu Tuất biến pháp ở Trung Quốc.

1900: - Phan Châu Trinh thi Hương, đậu Cử nhân thứ 3, cùng khoa với Huỳnh Thúc Kháng.

- Ở trường thi Nghệ An, Phan Bội Châu đậu Giải nguyên.

- Liên quân 8 nước đánh vào Bắc Kinh (Trung Quốc)

- Phong trào Nghĩa hoà đoàn ở Trung Quốc.

1901: - Phan Châu Trinh dự thi Hội, đậu Phó bảng cùng với Nguyễn Sinh Huy (tức Nguyễn Sinh Sắc, thân sinh của Nguyễn Tất Thành). Khoa này Ngô Đức Kế đậu Tiến sĩ.

- Sinh Phan Thị Châu Liên (về sau lấy chồng là Lê Ấm).

1902: - Phan Châu Trinh làm thừa biện Bộ Lễ.

- Đọc "Tân thư", giao tiếp với Đào Nguyên Phổ, Thân Trọng Huề.

1903: - Phan Châu Trinh gặp Phan Bội Châu lần đầu tại Huế.

- Sáng tác truyện ngắn *"Chuyện người lương dân"*;

1904: - Phan Châu Trinh từ quan về quê, chuẩn bị "vận động

Duy tân".

- Huỳnh Thúc Kháng và Trần Quý Cáp thi Hội, đều đỗ Tiến sĩ.

- Chiến tranh Nhật - Nga bùng phát.

- Sinh Phan Thị Châu Lan (về sau lấy chồng là Nguyễn Đồng Hợi).

- Phan Bội Châu, Nguyễn Thành, Đỗ Đăng Tuyển... Cường Để thành lập Hội Duy tân ở Quảng Nam.

1905: - Phan Châu Trinh cùng với Huỳnh Thúc Kháng và Trần Quý Cáp "Nam du" khảo sát tình hình và vận động Duy tân. Cải tên dự cuộc khảo hạch khoa sinh ở Bình Định, làm bài thơ *"chí thành thông thánh"* và bài phú *"Danh sơn lương ngọc"*. Bị ốm nằm lại nơi nhà Nguyễn Quý Anh (Phan Thiết). Cùng bàn việc mở trường học lập hội buôn. Ghé Cam Ranh tham quan Hạm đội Nga.

- Phan Bội Châu xuất dương sang Nhật theo kế hoạch của Hội Duy Tân.

1906: - Phan Châu Trinh ra Bắc gặp nhóm Đào Nguyên Phổ, Võ Hoành, Lương Văn Can, Lê Đại v.v... Vào Nghệ An gặp Ngô Đức Kế, Đặng Nguyên Cẩn... Đến đồn Phồn Xương (Bắc Giang) hội kiến với Hoàng Hoa Thám. Đi Trung Quốc gặp Phan Bội Châu.

Cùng sang Nhật, tranh luận với Phan Bội Châu... và không nhất trí đường lối cứu nước. Trở về viết thư cho Toàn quyền Đông Dương tức là bản *"Đầu Pháp chính phủ thư"* (1-10-1906).

1907: - Phan Châu Trinh cùng Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng tích cực tuyên truyền vận động duy tân trong tỉnh nhà: mở 40 trường dân lập dạy chữ quốc ngữ, toán, cách trí, Nam sử, thể dục, gây phong trào lập hội buôn, xưởng dệt, lò gốm; kêu gọi mặc áo ngắn vải nội hóa, cắt tóc ngắn, bỏ tệ hương ẩm, bói toán, cờ bạc, rượu chè, kiện tụng....

- Viết bài *"Hiện trạng vấn đề"*, viết *"Tỉnh quốc hồn ca"* và *"Gia huấn ca"*, Tựa *"Hợp quần doanh sinh thuyết"*.

- Viết bài *"Một viên lý trưởng chín chắn"*. Diễn giảng ở Đông Kinh Nghĩa Thục.

- Giao thiệp với Babut và chi nhánh Liên minh Nhân quyền ở Đông Dương.

1908: - Phan Châu Trinh tiếp tục tham gia hoạt động ở Đông Kinh Nghĩa Thục, cộng tác với tờ *Đại Việt tân báo* của Babut.

- Tháng 3, phong trào xin xâu, kháng thuế xảy ra ở Quảng Nam, lan nhanh ra các tỉnh Trung Kỳ.

- Tháng 4, Phan Châu Trinh bị bắt tại Hà Nội, giải về Huế, kết án "tử hình", giảm án "đày biệt xứ chung thân".

- Tháng 6, Phan Châu Trinh bị đày ra Côn Đảo.

- Trần Quý Cáp bị án chém tại Khánh Hòa; Huỳnh Thúc Kháng, Nguyễn Thành, Ngô Đức Kế, Đặng Nguyên Cẩn, Trần Cao Vân, Lê Văn Huân v.v... đều bị đày ra Côn Đảo.

- Vụ đầu độc lính Pháp không thành, bị chính quyền thực dân Pháp tàn sát, tù đày.

1909: - Phan Châu Trinh khi mới ra Đảo, được sống ở làng An Hải, được đi câu, học nghề làm đồi mồi, nhưng ít lâu sau lại bị nhốt vào khám cạnh chuồng bò, lợn.

- Được tin các bạn ở Bắc thuật chuyện báo Pháp và Hội Nhân quyền bênh vực, đòi trả tự do cho Phan Châu Trinh.

1910: - Phan Châu Trinh được tha, bị đưa về an trí tại Mỹ Tho.

- Làm thơ Nôm thù tạc, xướng họa với nhiều người (sau này được tập hợp trong *"Tây Hồ thi tập"*).

1911: - Phan Châu Trinh cùng với con trai là Phan Châu Dật đi Pháp trên chuyến tàu *"Đoàn giáo dục Đông Dương"* (5-1911).

- Giao thiệp với một số trí thức Pháp.

- Viết bản *"Điều trần gửi Hội Nhân quyền"* tố cáo thảm trạng đã xảy ra ở miền Trung năm 1908, tức gốc từ bản viết chữ Hán "Trung Kỳ dân biến tụng oan thỉ mạt ký".

- Nguyễn Tất Thành (tức Nguyễn Ái Quốc, Hồ Chí Minh) rời Việt Nam xin làm dưới tàu Latouche - Tréville đi Âu châu vào tháng 6-1911.

- Cuộc cách mạng Tân Hợi ở Trung Quốc thắng lợi.

1912: - Phan Châu Trinh cùng với Phan Văn Trường lập "Hội Đồng bào thân ái", một Hội đoàn yêu nước của người Việt tại Pháp. Liên lạc mật thiết với một số bạn Pháp, đặc biệt là quan ba Jules Roux.

- Phan Bội Châu cải tổ Duy tân hội thành Việt Nam

quang phục hội với cương lĩnh: "Đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục nước Việt Nam, thành lập nước Cộng hoà Dân quốc Việt Nam".

1913: - Phan Châu Trinh tập hợp chỉnh lý hoàn thiện một số công trình chuyên khảo, chính luận viết bằng chữ Hán như *"Trung Kỳ thuế suất hà trọng..."*, *"Đông Dương chính trị luận"*, *"Pháp - Việt liên hiệp hậu chi tân Việt Nam"*, *"Đại Việt sử ký toàn thư: Tự tuỳ bút"* v.v... Diễn ca tác phẩm *"Giai nhân kỳ ngộ"*.

- Hoàng Hoa Thám bị sát hại. Nghĩa quân Yên Thế tan rã.

- Nhóm Phan Xích Long nổi dậy, đánh phá khám lớn Sài Gòn.

- Vụ ném bom "khách sạn Coq d'or" ở Hà Nội.

- Vụ Mahé khai quật mả vua Tự Đức ở Huế.

Phan Châu Trinh viết bài, trả lời phỏng vấn và các vụ việc trên.

- Cường Để ở Đức và tìm cách liên lạc với Phan Châu Trinh ở Pháp.

- Nguyễn Tất Thành ở Luân Đôn (Anh) có thư từ liên lạc với Phan Châu Trinh.

1914: - Phan Châu Trinh cùng với Phan Văn Trường và Nguyễn Như Chuyên bị bắt giam ở ngục Santé, vì nghi ngờ có liên lạc với Cường Để cầu viện Đức chống Pháp. Sáng tác *"Santé thi tập"* và chép lại các thơ văn đã làm trước đó.

- Chiến tranh thế giới lần thứ nhất bùng nổ.

- Phan Bội Châu bị bắt ở Quảng Đông, bị giam ba năm.

- Cường Để rời châu Âu.

- Bà Phan Châu Trinh (Lê Thị Tỵ) qua đời.

1915: - Phan Châu Trinh liên tục viết thư cho nhà đương cục Pháp phản đối việc cầm tù ông.

- Hội Nhân quyền và một số trí thức Pháp can thiệp, Phan Châu Trinh được trả tự do, về sống ở Dieppe một thời gian, học nghề làm ảnh.

- Bị Pháp cắt tiền trợ cấp, đời sống của hai cha con Phan Châu Trinh gặp nhiều khó khăn.

- Phan Châu Trinh đã quan tâm đấu tranh cho binh sĩ Việt Nam tòng chinh ở Pháp.

1916: - Phan Châu Trinh sống chung với Phan Văn Trường tại nhà số 6 Villa des Gobelins, làm nghề rửa ảnh. Vì chiến tranh, làm ăn khó khăn, đời sống khổ cực.

- Phan Châu Trinh hoạt động trong giới công chiến binh.

- Cuộc âm mưu khởi nghĩa của Trần Cao Vân, Thái Phiên... và vua Duy Tân thất bại.

- Nguyễn Tất Thành tiếp tục có liên hệ với Phan Châu Trinh.

1917: - Phan Châu Trinh bệnh nặng vào nằm viện hơn hai tháng. Phan Châu Dật phải nghỉ học kiếm việc làm nuôi cha.

- Cách mạng tháng 10 Nga thành công.

- Khởi nghĩa Thái Nguyên thất bại.

- Nguyễn Ái Quốc đến Paris.

- Phan Châu Trinh, Phan Văn Trường và Nguyễn Ái Quốc thành lập "Hội người An Nam yêu nước".

- Phan Châu Trinh làm nghề thợ ảnh và giúp đỡ Nguyễn Ái Quốc về vật chất.

- Phan Châu Dật được J. Roux đem về Tours học ở trường Descartes.

1918: - Phan Châu Trinh đi Pons và Bordeaux làm việc.

- Chiến tranh thế giới kết thúc - Pháp thắng trận.

- Cuối năm, Phan Châu Trinh trở về Paris, khi được tin Capus nói về việc hồi hương.

1919: - Phan Châu Trinh cùng với nhóm "ngũ long" (Phan Văn Trường, Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn An Ninh và Nguyễn Tất Thành) soạn thảo bản *"Tám điều yêu sách"* gửi Hoà hội Quốc tế Versailles.

- Vẫn làm nghề rửa ảnh.

- Phan Châu Dật về nước.

- Phong trào "Ngũ tứ" ở Trung Quốc.

- Phong trào đòi Anh cải cách của Gandhi tại Ấn Độ.

1920: - Phan Châu Trinh hội kiến với Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Albert Sarraut, đòi hỏi cải cách chính trị ở Đông Dương.

- Thỉnh thoảng vẫn đi Pons làm việc.

- Tiếp tục công việc trước tác văn bài, diễn ca các loại...

- Nguyễn Ái Quốc tham luận tại Đại hội thành lập Đảng Cộng sản Pháp ở Tours (12-1920).

1921: - Nguyễn Ái Quốc cùng các đồng chí người châu Phi thành lập Hội Liên hiệp thuộc địa ở Paris, có sự tham gia của Phan Châu Trinh.

- Phan Châu Dật mất ở trong nước. Phan Châu Trinh xin về nước, không kết quả.

- Phạm Quỳnh sang Pháp, chuẩn bị cho cuộc du hành của vua Khải Định vào năm tới.

- Đảng Cộng sản Trung Quốc thành lập

- Cuối năm này, Phan Châu Trinh đi Marseille làm việc.

1922: - Phan Châu Trinh làm việc tại Hội chợ Triển lãm thuộc địa Marseille.

- Viết bài báo *"Vua An Nam sang Pháp"*.

- Viết thư cho Moutet, Babut yêu cầu can thiệp không cho thực dân đưa Khải Định sang Pháp.

- Viết thư cho Nguyễn Ái Quốc khuyên nên về nước hoạt động.

- Tờ báo "Le Paria" ra đời tại Paris.

- Viết *"Thất điều thư"* kể tội Khải Định nhân dịp nhà vua sang Pháp 2 tháng 7 và 8 - 1922.

- Diễn thuyết và lập "Hội xã hội" tại Marseille.

- Viết báo chỉ trích Sarrant và bọn thực dân tại Marseille.

- Phan Châu Trinh có dự định đi Trung Quốc, nhưng không thành.

1923: - Phan Châu Trinh bí mật rời khỏi Marseille (tháng 3) về ở tại Castres.

- Tháng 8 hay 9, Phan Châu Trinh trở về Paris, trú tại số 9 ngõ Conpoint, nơi ở cũ của Nguyễn Ái Quốc.

- Nguyễn Ái Quốc rời Pháp đi Liên Xô.

- Tờ báo "Việt Nam hồn" ra đời tại Paris.

- Ở trong nước, Nguyễn An Ninh cho ra tờ "La Cloche fêlée" và Bùi Quang Chiêu lập "Đảng lập hiến".

1924: - Phan Châu Trinh trở về lại 6 Villa des Gobelins. Bị yếu phổi và có bệnh đau xoang mũi, phải vào mổ ở bệnh viện Saint Antoine. Có lập hồ sơ xin vào dân Tây trước khi về nước, không đạt kết quả.

- Gặp Trần Văn Khá và dự định tổ chức một nhóm gọi là "Liên hiệp Pháp - Đông Dương". Diễn thuyết trong nhóm Hội viên Nhân quyền ở Paris.

- Bầu cử lại Quốc hội Pháp. Đa số ghế Nghị viên do các đảng phái tả chiếm. Chính trị đối ngoại có phần thay đổi, nhất là về chính sách thuộc địa.

- Quốc hội Pháp tranh luận việc Phan Châu Trinh xin về nước. Phan Châu Trinh lại xin giữ nguyên quốc tịch Việt Nam.

- Phạm Hồng Thái, thành viên của "Tâm Tâm Xã" ném bom mưu sát Toàn quyền Merlin ở Quảng Châu (Trung Quốc).

- Nguyễn Ái Quốc đọc bản tham luận nổi tiếng về dân tộc và thuộc địa tại Đại hội Quốc tế Cộng sản.

1925: - Phan Châu Trinh chuẩn bị về nước. Tối ngày 3-2 diễn thuyết lần cuối tại trụ sở Hội Nhân quyền Paris. Ngày 28-5 cùng với Phan Văn Trường rời cảng Marseille về Sài Gòn trên tàu Fontainebleau có Nguyễn An Ninh sang đón. Tàu cặp bến cảng Sài Gòn Phan Châu Trinh được đón chào trọng thể.

- Có một cuộc "du ngoạn" Mỹ Tho rồi trở về Sài Gòn.

- Các bạn cũ là Huỳnh Thúc Kháng, Lê Văn Huân và hai con gái vào thăm. Hẹn gặp Phan Bội Châu bàn việc nước.

- Đánh điện cho Khâm sứ Trung Kỳ yêu cầu đình việc tôn người kế vị Khải Định (11-1925).

- Diễn thuyết hai lần ở Sài Gòn: *Đạo đức và Luân lý Đông Tây* và *Quân trị chủ nghĩa và Dân trị chủ nghĩa.*

- Từ tháng 6 - 1925, lập tức cả nước dấy lên phong trào đòi ân xá cho Phan Bội Châu, cuối cùng cụ bị đưa về an trí ở Bến Ngự, Huế.

- Ở Quảng Đông, Nguyễn Ái Quốc thành lập "Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên". Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á châu cũng được thành lập tại đây; và tờ báo "Thanh niên" ra đời.

1926: - Phan Châu Trinh trở bệnh nặng. Từ trần đêm 24-3-

1926 tại nhà 54 đường Pellerin - Sài Gòn (nay là đường Pasteur, thành phố Hồ Chí Minh). Ngày 4-4-1926 lễ an táng được cử hành hết sức trọng thể theo tinh thần một lễ quốc tang. Lễ vọng điếu thụ tang được tổ chức hầu khắp các tỉnh thành trong cả nước. Lễ truy điệu để tang Phan Châu Trinh là một cuộc biểu dương tinh thần Dân tộc - Dân chủ của phong trào yêu nước, ảnh hưởng sâu rộng lúc bấy giờ.

- Từ đó đến nay, hàng năm thường vào dịp ngày sinh, ngày mất của cụ Phan Châu Trinh đều có những hình thức kỷ niệm như viết các bài báo, ra Đặc san, tọa đàm, Hội thảo khoa học để nhận định, đánh giá, tôn vinh nhà chí sĩ yêu nước - nhà dân chủ tiên phong của dân tộc Việt Nam thời cận đại.

CHƯƠNG THÂU

PHỤ LỤC

Phụ lục I

LỄ TANG VÀ TRUY ĐIỆU CHÍ SĨ PHAN CHÂU TRINH - MỘT PHONG TRÀO BIỂU DƯƠNG LÒNG YÊU NƯỚC CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM

"Năm 1926, có một sự thức tỉnh trong toàn quốc, tiếp theo sau cái chết của một nhà quốc gia chủ nghĩa già - Phan Châu Trinh. Khắp trong nước đều có tổ chức lễ truy điệu... Người An Nam chưa hề được chứng kiến một việc to lớn như vậy bao giờ trong lịch sử".

Hồ Chí Minh(*)

Liên tiếp hai năm 1925, 1926 đất nước Việt Nam chứng kiến hai sự kiện đặc biệt xẩy ra ngoài Bắc trong Nam, có thể xem là sự kiện lịch sử, sự kiện văn hóa chưa từng có. Đó là vụ án Phan Bội Châu ở Hà Nội và đám tang Phan Châu Trinh ở Sài Gòn. Đó vừa là một sinh hoạt bình thường, tự nhiên, nhưng lại thành vấn đề chính trị - xã hội - văn hóa to lớn. Điểm lại lịch sử Việt Nam từ đầu thế kỷ XX, không thể nào quên được hai điểm son sáng chói này, hơn bất cứ trường hợp nào, bộc lộ được cái chính khí lẫy lừng của dân tộc. Thực ra thì cuối thế kỷ XIX, đất nước này cũng đã có một hiện tượng độc đáo là *Hà thành chính khí* khi Hoàng Diệu tử tiết. Nhưng hiện tượng này chưa mang được tính cách toàn dân, đậm màu sắc hiện đại. Cái mới trong vụ án Phan Bội Châu và trong đám tang Phan Châu Trinh là cái mới của thế kỷ XX; của thời đại mà dân tộc ta muốn khẳng định giá trị của mình trước nhân dân thế giới, trong hoàn cảnh mình còn là một dân tộc bị

(*) *Hồ Chí Minh - Toàn tập*. Nxb Chính trị Quốc gia - Hà Nội - 1995. tập 3, tr. 35.

ngoại bang đầy đoạ trong cuộc đời nô lệ.

Vụ án Phan Bội Châu đã được nói tới nhiều trên sách báo, cả khi nó diễn ra trong thời điểm ấy và cả về sau này. Còn đám tang Phan Châu Trinh, có tiếng vang rất lớn hồi đầu thế kỷ XX: báo chí đăng nhiều, những thanh niên, học sinh (trong và ngoài nhà trường) bị hành hạ và bị liên đới không ít, và cũng có nhắc qua trong nhiều tập "hồi ký cách mạng", nhưng thực ra vẫn chưa được tập hợp và được trình bày một cách có hệ thống[1]. Thiết tưởng đây là một sự kiện lịch sử cần được ghi lại đầy đủ hơn để có thêm tư liệu, đặng nghiên cứu khảo sát kỹ hơn. Bài viết này, chúng tôi mong được góp phần vào nhiệm vụ ấy - dù biết là không đầy đủ, nhưng để tỏ cái tâm đối với một nhà chí sĩ tiên giác của thời đại. Việc làm này, hầu như trước đây, chỉ có cụ Huỳnh Thúc Kháng là có ý thức rõ ràng. Từ ngày báo *Tiếng Dân* ra đời, năm nào cũng vậy, cứ đến ngày 24 tháng 3 là báo ra số - tuy không gọi là "đặc biệt" - liên tiếp in ảnh Phan Châu Trinh và nhắc đi nhắc lại câu nói bất hủ của cụ Tây Hồ nhắn nhủ quốc dân: *"Chi bằng học"* (Bất như học). Có lẽ cái khẩu hiệu này đã được nhân dân ta - toàn dân - tự giác thấm nhuần, nên đến đám tang của Cụ, cả nước mới dấy lên một phong trào sùng bái, hinh hương, kỷ niệm. Chưa có một nhân vật lịch sử, nhân vật văn hóa ở nước ta từ trước đến nay được dành cho một sự trọng vọng lớn lao và một cảm tình sâu sắc đến như vậy.

I. Tổ chức đám tang và lễ truy điệu

Phan Châu Trinh mất ở Sài Gòn vào hồi 9 giờ tối ngày 24-3-1926. Ngay lập tức, một Hội đồng trị sự được thành lập để lo đám tang cho Cụ. Hội đồng gồm có 16 người. Có người ở các tỉnh Rạch Giá (Đốc phủ sự Lê Quang Liêm), Chợ Lớn (Trương Văn Công), Trà Vinh (Nguyễn Tấn Dược), Sa Đéc (Nguyễn Huỳnh Điểu). Đông hơn hết là các vị ở Sài Gòn gồm các Bác sĩ Nguyễn Văn Thinh, Trần Văn Đôn; những vị trong các Hội đồng địa hạt và thành phố: Nguyễn Phan Long, Trương Văn Bền, Võ Công Tồn;

---

[1] Chúng tôi chân thành cảm ơn bà Phan Thị Minh (tức Lê Thị Kinh) - cháu ngoại cụ Phan Châu Trinh đã cung cấp rất nhiều "tư liệu" liên quan đến đề tài này, mà gia đình Bà vẫn còn lưu giữ được.

hai nhà báo là Nguyễn Kim Đính, Trần Huy Liệu (Chủ nhiệm và Chủ bút *Đông Pháp thời báo*); một nhà nhiếp ảnh là Khánh Ký, một vị nghiệp chủ là Huỳnh Đình Điển. Hai người đứng đầu Hội đồng trị sự là Bùi Quang Chiêu (Thanh tra) và Phan Văn Lương (Luật sư). Ông Huỳnh Đình Điển được giao nhiệm vụ nhận các đồ phúng điếu, tiền nong, giấy tờ do nhân dân khắp nơi gửi về. Các ông Nguyễn Kim Đính, Trần Huy Liệu phụ trách tuyên truyền, báo chí, liên lạc và động viên các tầng lớp nhân dân. Hội đồng trị sự quyết định làm lễ truy điệu tại số nhà 54 đường Pellerin, từ lúc 6 giờ sáng ngày 4 tháng 4 - 1926, an táng tại Nghĩa địa Gò Công tại làng Tân Sơn Nhất tỉnh Gia Định.

Trước đó, Hội đồng ra một "Tờ đạt" (thông báo) gửi cho tất cả đồng bào Việt Nam ở Sài Gòn và khắp cả Trung, Nam, Bắc Kỳ. Nội dung tờ đạt nhằm thông báo ngày mất của nhà chí sĩ Phan Châu Trinh và sơ lược nói về công lao, đức độ của Cụ. Đó là con người có "nhân cách cao thượng, khí tiết hùng hào"... đã bước bước thứ nhất trên con đường cải cách chính trị... trong 20 năm đã bỏ nhà cửa, vợ con, bị đày bị tù để cầu cho dân ta được mau tiến hóa". *Lời đạt* khẳng định: "Phan Châu Trinh đứng hàng đầu trong cuốn *Việt Nam phục hưng sử* sau này". Lời đạt cũng cho biết Ban tổ chức đã liên lạc với nhà cầm quyền, và "chính phủ chẳng hề cấm dân ta ái quốc". Chúng ta để tang Phan Châu Trinh là chính đáng, vì: "Thưởng công phạt tội là quyền ở quốc dân ta, ta có cái nghĩa vụ phải thi hành quyền ấy. Những kẻ bán nước cầu vinh thì chúng ta đã phạt bằng bút và lưỡi. Đối với kẻ có tội đã vậy, đối với người có công, chúng ta há chẳng nên biểu dương và sùng bái hay sao?"... Lời đạt lại cũng thông báo rõ ràng về cách thức đi dự lễ tang. Ban tổ chức sắm sẵn vải đen, vải trắng làm băng tang; xin đừng đưa nhiều hương, vòng hoa mà lãng phí vô ích. Tiền phúng viếng dành để tu bổ phần mộ, dựng tượng Cụ và xuất bản sách vở truyền bá tư tưởng của Cụ.

Nội dung lời đạt cũng thỉnh cầu khắp ba Kỳ, đồng bào nên thực hiện chương trình như sau:

- Ở Sài Gòn và các nơi gần đó, các trường học và các nhà buôn bán công nghệ An Nam sẽ đóng cửa ngày đưa tang 4.4.1926.

- Mỗi tỉnh cử một đại biểu về Sài Gòn điếu tang.

- Nơi xa không về được thì tổ chức lễ truy điệu.

Và dặn thêm: Đồng bào cả nước, nhà nào không có điều kiện đi dự lễ tang hoặc lễ truy điệu nơi công cộng, thì có thể đặt hương án tại nhà riêng hoặc tại trụ sở một hội đoàn nào đó. Trên hương đao.

Không nói ai cũng có thể biết rằng như vậy là đám tang đã được cử hành rất trọng thể. Người đến tham dự đã thành một khối quần chúng khổng lồ, chung một niềm tiếc thương, ái mộ. Phía chính quyền, những người đứng đầu như Thống đốc Nam Kỳ vẫn đánh điện chia buồn, nhưng tất nhiên bộ máy cảnh sát, mã tà được tung ra khắp nơi, quần chúng nhiều địa điểm đã phải gây lộn với chúng. Ở Sài Gòn cũng như ở nhiều tỉnh thành khác, các học sinh tham gia bãi khóa đều bị gọi lên cảnh cáo, nhiều người bị đuổi học. Các tổ chức hoạt động văn hóa hay chính trị khác đều bị theo dõi, kiểm soát gắt gao. Nhưng khí thế quốc dân là một sức mạnh vô bờ, chúng không thể nào đàn áp nổi.

*

Theo gương của Sài Gòn, các tỉnh khắp Trung Nam Bắc đều cùng một lượt tổ chức các lễ truy điệu ở nhiều nơi. Không thể kể hết, chúng ta chỉ nhắc lại ở đây vài điểm (cố gắng phản ánh rõ nét hơn, vì vào thời gian ấy, báo chí không thể đưa tin một cách đầy đủ như ở Sài Gòn).

Nam Định:

Thành phố này từ lâu vẫn yên bình, nay bỗng nổi lên một phong trào rầm rộ, bắt đầu từ trường Cao đẳng tiểu học, rồi lan ra khắp nơi. Một số học sinh các lớp Đệ tứ, Đệ tam đã đứng ra lập một Ủy ban xin phép chính quyền cho làm lễ truy điệu cụ Phan Châu Trinh, nhưng bị từ chối. Không cho làm, chúng ta vẫn nhất quyết làm. Truyền đơn in thạch mực tím được tung ra khắp nơi, các trường học rủ nhau đóng cửa, thầy giáo không thể ngăn cản được học sinh mà còn tham gia với các em. Tòa Sứ gọi điện sang cho Sở Cẩm, cho Trại lính khố xanh phải điều quân đàn áp phong trào. Nhưng mặc cho chúng lồng lộn, học sinh đều bãi khóa đổ ra

đường. Các hiệu buôn, trừ những hiệu của Hoa kiều cũng đều đóng cửa cho người làm công đi tham gia lễ truy điệu. Người ta thi nhau mua vải trắng để xé khăn để tang. Các biểu ngữ được căng lên ở các đầu phố. Biểu ngữ đều viết bằng những câu kêu gọi: *Xin các anh em, chị em để tang cụ Phan Châu Trinh, nhà lão thành chí sĩ đã hi sinh cho nòi giống!*

Nhà cầm quyền đã thẳng tay đàn áp cả đám đông này. Lính tráng kéo ra bắt những thanh niên đến dự lễ truy điệu đưa vào các nhà giam, các bót Sở Cẩm. Lôi kéo và xô đẩy. Nhiều người đã bị bắt đi. Lập tức những nhóm khác - nhất là nhóm các chị em đều la ó om sòm:

- *Cứ bắt cả chúng tôi đi!*
- *Nào, ta vào bót cả cho vui!*
- *Phản đối bọn dã man!*
- *Tinh thần chiến đấu của Việt Nam bất tử!...*

Những nhà giam lần lượt đông đặc người bị bắt. Hiện tượng khá lạ là tất cả đều một loạt áo dài trắng và trên cánh tay đều đeo băng tang. Bọn lính đã tỏ ra là kịch liệt, giam anh chị em suốt cả sáng cho đến trưa. Thì ở phía ngoài, các nữ học sinh và những phụ nữ tự do đã có sẵn ở đâu những thúng cơm nắm, bánh giò, hoa quả từ nhiều ngả đường kéo vào Sở Cẩm. Họ tung, họ ném vào cho những anh em bị bắt.

- Cứ ăn cho khỏe! Cứ chiến đấu mạnh, xem chúng nó làm gì được ta!

Viên Công sứ và viên Giám binh đi ô tô ra phố để thị sát. Nhưng xe không tài nào đi được lại phải quay về, cuối cùng đành phải ra lệnh cho Sở Cẩm thả các anh chị em bị giam giữ ra, nhưng đã bí mật ghi tên những người mà chúng thấy là hăng hái nhất. Sau này, những người này sẽ bị đuổi học hoặc bị gạt bỏ ra ngoài các kỳ thi, thậm chí bị chúng tạo cớ bắt giam trở lại.

Hà Nội:

Việc tổ chức lễ truy điệu cụ Phan Châu Trinh là do một tổ chức chính trị đảm nhận hẳn hoi. Đó là Đảng Phục Việt được kịp thời đổi tên là Tân Việt. Tiếp tin cụ Phan mất, những người cầm đầu Đảng này đã cho viết và in ngay truyền đơn hiệu triệu dân chúng tham gia lễ truy điệu. Truyền đơn do Tôn Quang Phiệt lúc

đó là sinh viên trường Cao đẳng sư phạm soạn thảo, được tung ra trên khắp các nẻo đường. Tân Việt có ngay một cuộc họp tại nhà số 4 xóm Liên Trì để bàn thảo kế hoạch. Các nhà nho, đa số nguyên là giáo viên trường Đông Kinh nghĩa thục (1907) như Lương Văn Can, Dương Bá Trạc, Hoàng Tăng Bí v.v... đều có mặt. Có những vị đã từng hoạt động trong phong trào Duy tân như Ngô Đức Kế, phong trào Đông du như Lê Dư, cùng với các bạn trẻ ở Kỳ bộ Phục Việt Bắc Kỳ (nay là Tân Việt) như Trần Vỹ, Nguyễn Quốc Tuý và nhiều người nữa. Lúc đầu, theo ý kiến các cụ, chỉ nên tổ chức lễ truy điệu một cách bình thường, giản dị, như các cuộc làm chay, cầu siêu. Nhưng anh em thanh niên thì xin được phát động thành một phong trào rầm rộ gây thành tiếng vang lớn. Ý kiến này được chấp nhận và được thực hiện ngay, sẽ tổ chức trọng thể lễ truy điệu tại Đền Hai Bà. Toàn thể các nhà trường, các hiệu buôn đều đóng cửa. Truyền đơn được tiếp tục tung vào các nhà, các phố. Đúng sáng ngày 4-4-1926, từ các ngả đường rầm rộ các tầng lớp dân chúng kéo về, đông đặc cả phố Rousseau (nay là phố Lò Đúc) để sẵn sàng dự lễ. Tất cả đều khăn trắng, áo trắng tay đeo băng tang, già trẻ gái trai, nhất loạt như nhau kéo về Đền Hai Bà, ùn ùn như thác chảy. Lính cảnh sát, lính khố xanh nhan nhản, vai mang súng, dùi cui cầm tay, cố chen vào ngăn cản dòng người nhưng đều bất lực.

Trong sân đền, các cụ lão nho, các phóng viên báo chí, các vị trong Ban tổ chức xúm xít sắp đặt bàn thờ, bày linh vị và cùng suy ngẫm về đôi câu đối đã căng sẵn trước án (không rõ của ai):

- Ấy ai gánh nước Tây Hồ, tưới vun cỗi Lạc mầm Hồng, nẩy nòi ái quốc;

- Ngán lũ gọi hồn Nam Việt, nhìn nhận dòng Lô núi Tản, vắng bạn đồng thanh.

Chuẩn bị bước vào hành lễ, thì ngoài cửa đền, dân chúng bị bọn cảnh sát chặn lại không cho vào. Đám đông tức tối ào lên; bọn lính thẳng tay đánh đập, nhất định ngăn cản. Uất ức, căm hờn, tiếng thét, tiếng hô "đả đảo" rầm rầm. Có người xông lên gào to: *Phá vòng vây mà vào! Đả đảo bọn dã man, vô liêm sỉ*!... Thiếu chút nữa thì thành cuộc ẩu đả giữa lính và dân. Một vị trong Kỳ bộ Phục Việt vội đứng lên cao:

- Hỡi đồng bào! Nhà chức trách không cho chúng ta vào, ta cũng không bỏ được tấm lòng thành kính. Xin anh chị em cứ đứng ngoài này lạy với vào để tỏ lòng ngưỡng mộ người anh hùng dân tộc.

Muôn miệng đều hưởng ứng: *Phải đó! Phải đó!*

Và thế là đã có một số người quỳ cả xuống đất mà vái lạy. Nhưng lại có một vị khác, ý chừng là ở trong Ban lãnh đạo, đứng lên quát to: - Không nên làm thế. Sao lại quỳ lạy dưới bùn, trước mặt bọn "cu lít", khố xanh này? Anh chị em cứ đứng nghiêm, yên lặng, cúi đầu mặc niệm vài ba phút là đủ.

Nhiều ý kiến hưởng ứng ngay. Đám đông la hét: - Đúng lắm! Đúng lắm! Bravo! Phút chốc cả đám đông thốt nhiên yên lặng. Tất cả đều đứng nghiêm bất động, cúi đầu, tâm niệm chí thành. Cả một phút giây trọng đại thiêng liêng, làm cho bọn lính tráng đều sửng sốt. Có kẻ cũng bất giác bỏ rơi cây roi, mà cũng đứng nghiêm với dân chúng. Trong lúc đó, nhà nhiếp ảnh Hương Ký tất tả chạy vào sân, chen ra cửa đền, trèo lên nóc nhà, cố gắng thu cho hết những hình ảnh cảm động. Ảnh của ông ngay sau hôm ấy đã được in, phóng thành hàng trăm bản, gửi đi khắp cả ba Kỳ.

Đà Nẵng:

Ở Đà Nẵng, việc tổ chức truy điệu cụ Phan có phần đàng hoàng hơn và không bị nhà cầm quyền ra mặt ngăn cản. Bà con chọn được một người làm chủ sự là ông Nguyễn Văn Tùng - người có chân trong Hội đồng tư vấn Trung Kỳ kiêm Tư vấn Thành phố Đà Nẵng - Ông đứng ra gửi công văn cho Công sứ Pháp và Cảnh sát trưởng người Pháp ở Tourane xin phép hẳn hoi. Một Hội đồng điếu tang được thiết lập. Chủ tịch là Nguyễn Văn Tùng và 29 thành viên có phân công trách nhiệm các chánh, phó, thư ký Hội cùng với Ban Thủ quỹ, Tư lễ, Tư nhạc, Kiểm soát v.v... Công văn được in thành bản "Bố cáo" phát cho dân chúng, đề ngày 1-4-1926 và quyết định (lược):

- Đúng 8 giờ sáng ngày 4-4-1926 khởi hành lễ chịu tang (thành phục) cho đến 3 giờ chiều.

- Chiều này 4-4-1926, đúng lúc 3 giờ khởi hành "thánh lễ" tuyên bố lịch sử vẻ vang của cụ Phan Châu Trinh.

- Đọc Điếu văn của Ban Trị sự.

- Những người có Văn tế phải đưa văn bản trước cho Ban Trị sự để sắp xếp chương trình và đều được mời vào đọc.

- Việc phúng điếu nên ít hương đèn, vàng mã để tránh lãng phí, mà dùng tiền bạc hay liễn đối vào việc sau này.

Tại lễ truy điệu này, đã đọc bài văn tế do cụ Phan Bội Châu soạn riêng cho Đà Nẵng (không phải bài đã phổ biến như lâu nay ta đã biết)[1].

Một chi tiết có thể ghi thêm là việc tổ chức truy điệu đã làm ở khu vườn Thành Thái, gần Nhà thương An Nam, nơi mà ông Lê Ấm (con rể cụ Phan Châu Trinh) - giáo sư trường Quốc học Huế đã xây một nghĩa địa trên đường Mare Pourpe. Cho phép xây dựng "nhà tang lễ" ở đây, viên Cảnh sát trưởng người Pháp đã phê rõ: "Phải dành hoàn toàn cho việc lễ bái, không được có tính chất chính trị" - Lời phê duyệt ngày 12-3.

II. Những thư từ - điện tín

Có thể nói rằng so với đám tang các danh nhân và các nhân vật tầm cỡ trong nước ta và trong cả thế giới, không một trường hợp nào mà thư từ, điện tín, câu đối... gửi về, bằng được số lượng thư từ, điện tín, câu đối... gửi về phúng viếng Phan Châu Trinh. Chắc chắn phải tính đến con số hàng ngàn theo từng văn bản, nhưng tính theo chữ ký dưới các bản ai tín ấy, thì phải nói đến hàng chục vạn người. Bởi lẽ không chỉ có những điện tín do cá nhân ký tên, mà rất nhiều bản văn được ký bởi các cộng đồng, các tập thể. Có bức điện ký rất tổng quát: "Trung Nam Bắc bào nhân", nghĩa là anh em ruột rà khắp ba xứ của Việt Nam. Có nhiều tập thể ở nhiều nơi.

Học sinh thì có:

- Minh Hương học sinh,
- Nam học sinh Huế,
- Nữ học sinh Quảng Nam ở Huế,
- Học trò Quảng Nam ở Huế,

---

[1] Dịp lễ này, Phan Bội Châu đã làm thêm đến bốn bài "văn tế Phan Châu Trinh" khác nhau cho bốn địa phương: Huế, Nghệ An, Đà Nẵng và Quảng Nam.

- Học sinh tỉnh Mỹ Tho,
- Học sinh trường Pháp - Việt Thái Bình,
- Học sinh trường kỹ nghệ Hà Nội,
- Học sinh trường Sa Lộ (Sarraut),
- Học trò con gái ở Huế, v.v...

Tổ chức phụ nữ thì có:

- Nữ lưu Phan Thiết,
- Việt Nam phụ nữ,
- Nữ lưu Việt Nam...

Các tổ chức khác thì có:

- Hội An chư giáo dục,
- Nhân viên kế toán kỹ nghệ Sài Gòn,
- Văn hữu Chợ Lớn,
- Hội thể thao Paul Bert (Paul Bert Sport),
- Thực nghiệp công thương tương tế hội,
- Trường Kỹ nghệ Huế,
- Ấn công nhà in Xưa Nay,
- Đông Pháp thời báo,
- Nhân viên bản xứ S.J.T. (không rõ viết tắt cơ quan nào),
- Nhân viên Sở Faci(?),
- Nhân viên Trung tâm Dược (của địa phương nào?).
- Trường Nguyễn Phan Long,
- Nhân viên bản xứ nhà buôn Cửa hàng Tổng hợp (Grand Magasins léunes).
- Thanh Niên đảng,
- Nhân viên Sở Arsenal,
- Sinh viên Đông Dương Pháp quốc.
- Giáo học trường Pháp - Việt Thái Bình,
- Đông Dương đại thương cuộc Hà Nội,
- Địa dư tòa Hà Nội,
- Hiệu Cát Thành Hà Nội,
- Đồ thư quán Hà Nội,
- Tân Dân thư quán Hà Nội,
- Việt Nam thanh niên hội,
- Anh em tùng sự Viện Tư pháp,

- Phòng thí nghiệm Nhà thương Huế,
- Giáo giới Tập ích hội Bắc Kỳ,

Lại có những bức điện tín *không ghi rõ tên* người hoặc địa chỉ cụ thể, chỉ ghi khái quát như:

- Đồng bào ở Tây Ninh,
- Người làm Sở Dây thép,
- Người ở Vĩnh Long (có đến bốn bức điện ký tên này),
- Nhân dân Hóc Môn,
- Thợ cúp Phan Thiết,
- Người ở hiệu Duclos (?)

v.v...

Ngoài ra, có nhiều bức điện không có chữ ký. Nếu tính theo địa phương, số điện tín có ghi được tên người ở tỉnh Bến Tre có đến 30 bức gồm của các quan chức, nghiệp chủ, nhà buôn, nhân viên Tòa án (rất đông, tiếng gọi ngày xưa là *mõ tòa*: huissier), thư ký, nhân viên Nhà Đoan, thầy thuốc, trạng sư..., một danh sách dài dằng dặc. Còn rất nhiều câu đối, liễn viếng của các ông, bà... viết chung hay viết riêng có ông, bà xưng là người trong gia tộc, có người tự xưng là chị họ (biểu tỉ), có bà ký là "sương phụ" (ở goá).

Những nhà chí sĩ đã từng hoạt động với Phan Châu Trinh, tất nhiên trong những ngày tháng này đều rất đau buồn và cũng tích cực tham gia lễ tang hoặc lễ truy điệu. Các cụ Ngô Đức Kế, Phan Bội Châu, Huỳnh Thúc Kháng đều có thơ văn, câu đối, điện tín... Các nhà văn, chính khách, học giả như Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh, Trần Trọng Kim, Đoàn Như Khuê, Trần Tuấn Khải, Lê Thước, Võ Liêm Sơn... đều có tác phẩm. Lớp trí thức nối tiếp như Trần Đình Nam, Nguyễn Đình Ngân, Bùi Thế Mỹ, Nguyễn Kinh Chi v.v... đều không vắng mặt. Đáng chú ý còn có điện và câu đối của nhà tư sản Bạch Thái Bưởi và cụ Nghè Bắc Kỳ Nghiêm Xuân Lãm v.v... Các quan chức mà dư luận thường nhắc đến như Hà Đằng, Phạm Liệu, Nguyễn Bá Trác... đều có điện gửi chia buồn.

Cũng cần phải kể đến khá nhiều thư từ, điện tín của người Pháp ở Đông Dương và ở Pháp gửi đến. Phan Châu Trinh là người có uy tín lớn, cụ cũng từng giao thiệp đường hoàng với các quan cai trị, nên dù phải đề phòng, luôn luôn tìm cách hãm hại Cụ,

chúng vẫn không thể thờ ơ trước cái tang này. Tiêu biểu hơn cả phải kể đến bức điện của Thống đốc Nam Kỳ Cognaq, người cầm quyền ngay thời kỳ ấy, đã bắt bớ, dọa nạt Nguyễn An Ninh và tuyên bố hẳn hoi, rằng:

"Xứ Đông Dương không cần dân chủ!" Nhưng với ông tổ dân chủ là Phan Châu Trinh, thì ông ta vẫn phải tỏ lòng thương tiếc, chia buồn. Còn có người như Yves Châtel, giám đốc Công chánh Đông Dương (sau này sẽ là Thống sư) cũng gửi thiếp đến. Ngoài Đông Dương có những vị như Maurice Violette, Toàn quyền Algérin, Edouard Daladier (Nghị sĩ, cựu bộ trưởng, sau này sẽ làm Thủ tướng) đều đánh điện phân ưu. Đặc biệt có Luật sư Marius Moutet, hạ nghị sĩ (sau này sẽ là Bộ trưởng Bộ Pháp quốc hải ngoại) gửi danh thiếp ghi rõ: "Ông Phan Châu Trinh là người bạn già thân thiết của tôi". Ông Victor Bosh giáo sư ở Sorbonne, Phó chủ tịch Hội Nhân quyền, viết thư kể lại nhiều chuyện thân tình. Rằng Phan Châu Trinh được Moutet dẫn đến ở nhà ông, có cả con trai là Phan Châu Dật cùng đi. Ông cho biết là những đứa con của ông, những cháu bé mới 12 tuổi, đã rất thương yêu, quý mến ông Phan. Ông thừa nhận Phan Châu Trinh là người Việt Nam hiểu rất đầy đủ tôn chỉ của Hội Nhân quyền và đã là một công dân can đảm, bất chấp hiểm nguy. Kỷ niệm về Phan Châu Trinh sống mãi trong lòng người Pháp. Đặc biệt hơn nữa, có ông J. Roux, cũng đã ở trong Hội Nhân quyền có một lá thư rất dài gửi từ Tours, đề ngày 25-4-1926, gửi cho các bà Phan Thị Châu Liên (vợ ông Lê Ấm) và Phan Thị Châu Lan (vợ ông Nguyễn Đồng Hợi) nói rõ cảm tình thiết cốt của mình với Phan Châu Trinh, nhắc lại khá nhiều những hoạt động của cụ Phan ở Pháp. Ông cho biết, khi tiếp được tin cụ Phan sắp mất, ông đã đi thông báo với nhiều bạn bè, đặt vấn đề cho tờ báo *Quotidien* giới thiệu cụ Phan. Ông đã cùng với các ông Pressense, Guillard, Guernet, Moutet, Charles Gide đã nhiệt liệt bảo vệ Phan Châu Trinh ngày trước cho đến bây giờ. Ông Roux nói rõ tình cảm thiết tha của mình. Ông nhớ đến con người tội nghiệp (vì đã mất) là Phan Châu Dật và vui lòng thấy những người con khác của cụ Phan gọi ông là *anh*, ông cũng gọi họ là *em* (ông dùng hai tiếng Việt trong thư). Ông cho biết, ông đã chuẩn bị và nhất định sẽ viết một cuốn sách về Phan Châu Trinh để cho in và xuất bản ở Pháp.

III. Văn tế - Thơ ca - Câu đối

Những thơ văn, câu đối gửi về điếu tang Phan Châu Trinh có thể tập hợp lại, in thành một cuốn sách riêng khá dày dặn. Hiện tại đáng chú ý đầu tiên là có đến sáu bài văn tế, trong đó riêng Phan Bội Châu làm đến bốn bài. Trừ bài của riêng cá nhân mình[1] đã trở thành bản "anh hùng ca" cả nước đều thuộc lòng cho đến tận hôm nay, cụ còn viết hộ cho Vinh, Đà Nẵng, Quảng Ngãi. Các bài này ý tình thì vẫn chung, song nét riêng cho từng bài vẫn rõ. Phan Bội Châu vốn có tài sắc sảo này. Ngay khi còn ít tuổi, làm văn "tập bài" ở trường Cụ Sơn (Nguyễn Thức Tự), chàng trai trẻ Đầu xứ San đã được thầy giáo cho cùng một đầu đề phải làm thành ba bài, giúp bạn rút kinh nghiệm. Nay lại đến lượt, với đề tài Phan Châu Trinh, Cụ viết cho ba nơi.

Viết cho Xứ Nghệ:

"Bài diễn thuyết vấn đề luân lý, lấy văn minh mà đúc lại quốc hồn;

Thơ điều trần biện bác hết lời, đưa miệng lưỡi mong phá tan chuyên chế".

Bài viết cho Đà Nẵng:

"Nước Đà Hải chín ngàn lần cuồn cuộn, sóng vô tình cuốn mất khách anh hùng;

Mây Trà Sơn năm bảy lớp ùn ùn, khói bất nghĩa bịt bùng phường thế lợi".

Còn có nhiều ý dồn dập thôi thúc:

"Ngoài ngàn dặm mang hồn về quốc thổ, những ước: này trống, này chiêng, này mõ, vang ba kỳ cho đúng nhịp đồng thanh;

Mấy mươi năm gửi xác với ba đào, chẳng ngờ: là Tiên, là Phật, là Thần, quăng bảy thước để tìm phương tự tại".

Bài viết cho Quảng Ngãi, rất hợp với tính cách riêng của dân địa phương này:

---

[1] Bài văn tế này, Phan Bội Châu nói hẳn trong nguyên văn là viết riêng cho Phan Châu Trinh theo tư cách cá nhân:

"Anh em ta"
Đất rẽ đôi đường,
Tình chung một khối..."

"Ấy mới gan bền hơn sắt, lũ cường quyền thấy những càng run;

Thiệt là bút sắc hơn dao, phường quan lại trông mà hết vía!

Tiếng quốc gia khi ấy mới bừng bừng,

Lửa cách mạng phen này càng loé loé..."

Nhưng phải nói bài Văn tế cụ Phan viết về tình đồng tâm, đồng chí mới thực là tuyệt bút. Bài này Cụ viết tại lều tranh Bến Ngự, một sớm một chiều đã thành một tài liệu cách mạng cho những hội viên, đảng viên ở tất cả các tổ chức sử dụng để giáo dục, tuyên truyền. Về sau, bài này cũng được thành tài liệu giáo khoa ở các trường trung học. Xin trích sau đây một đoạn bình luận hướng dẫn cho các thầy giáo dạy quốc văn:

"Phan Bội Châu đã tạo nên một quang cảnh dồn dập những hình ảnh, những tâm trạng, những chi tiết gây xúc động thiết tha, gây căm hơn uất giận:

- *Chi tiết không gian*: là toàn cõi Việt Nam, từ Hà Nội đến Côn Lôn.

- *Chi tiết thời gian*: có đêm trường, có hoàng hôn, có năm tháng kéo dài.

- *Có loài vật*: tạo nên cảm giác bi thương: tiếng gà, tiếng cuốc... tạo nên sự ghê tởm khinh ghét: rắn rết, hùm beo.

- *Có mây ùn ùn, lửa rừng rực*;

- *Có con người và hành động*: lánh mình, chống thuế, yêu nước, thương dân và:

- *Có cả những mưu mô thủ đoạn*: tô vẽ, thêu dệt;

Có hình ảnh và có nhiều lắm; mà đều là những hình ảnh khiến cho người dù ít tuổi, dù sống cách xa với giai đoạn lịch sử ấy hàng trăm năm ta vẫn thấy nó hiện ra trước mắt. Ta phải cùng xót xa với cảnh, bi thiết với người, thấy bóng tối che trùm đất nước (*nước vẩn vơ hồn, trời mờ mịt tối...*). Ta cũng phải run lên với mây ùn ùn bốc, lửa rừng rực réo, để thông cảm với nỗi niềm đất nước. Những hình ảnh ấy không chỉ lướt qua, mà hiện ra, kéo dài, liên tiếp rồi dừng lại, đọng lại, để cho liên tiếp một chuỗi hình tượng khác nối theo, song hành với các hiện tượng trước và khắc sâu ấn tượng vào tâm khảm mình. Chính cái lối đối đáp của các chữ trắc bằng, những vế đối chọi nhau, vừa nối theo lại vừa phát triển của

văn chương biền ngẫu đã tạo ra cảm giác ấy..."[1]

Cùng với bài Văn tế của Phan Bội Châu, còn có bài của Phó bảng Bùi Kỷ. Bài văn tế này không thôi thúc, không gắt gao, mà rất nghiêm túc, kính cẩn, điềm đạm mà thấm thía:

"... Cũng là ước văn minh giáo hóa, muốn mở trường cho giáo học chủ trương;

Cũng là lo thắng bại tồn vong, đi diễn thuyết để lòng người hưng phấn".

Bùi Kỷ cũng nói lên được việc ra đi của Phan Châu Trinh bình tĩnh mà đầy tâm sự:

"... Tính lại hàng mấy năm bôn tẩu, trải mấy nắng mưa gió bụi, đổi thanh thiên giãi tấm cô thần;

Đến nay năm sáu tuổi sa đà, bao nhiêu gan óc thịt xương, tìm tử địa làm nơi lữ thấn".

Bùi Kỷ còn cho thấy một thông tin mới: Có lẽ hai ông Phan, Bùi đã từng là bạn thân thiết với nhau, nên lời văn đã rất chí tình:

"Tôi nay:

Đoạn kim nhớ bạn, nghĩa cũ băn khoăn;

Mai ngọc tiếc người, mối sầu ngơ ngẩn...

Tưởng lúc chân trời góc bể, nghĩa tất giao gắn bó đinh ninh;

Phút đâu cõi suối làng mây, hồn kim cổ luống đi về vơ vẩn..."

Hãy còn có một bài văn tế nữa, không biết tác giả là ai, nhưng được ký tên của một tổ chức từ bên Campuchia (Thủ đô Phnompênh) gửi về, cũng không rõ ràng, chỉ thấy ghi: *Lân nhĩ huynh đệ công ty Nam Vang trị sự đồng di lụy*(?) lời văn không điêu luyện lắm, nhưng rất chân thành thiết tha:

"Gương ái quốc ngàn năm treo đó, có mất đi đâu,

Bia hiệp đoàn muôn thuở dựng xây, hãy còn dài dặc,

Hồn chí sĩ về chơi nơi cố quốc, đối với non sông không phụ biết mấy vẻ vang;

Tiếng vĩ nhân thường khắp chốn tha bang, chỉ mong nòi giống đặng bền, sá gì sống thác".

*

[1] Vũ Ngọc Khánh: *Để dạy và học tốt môn Văn*. Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội. 2004-tr. 40.

Thơ ca, câu đối viếng Phan Châu Trinh như đã nói trên đây có số lượng rất lớn và đều chung một niềm bi cảm, một mối quan hoài, nhất trí tôn vinh nhà chí sĩ đã có công lao to lớn trong việc cảnh tỉnh quốc dân, mở đường dân chủ. Không thể nào trích dẫn hết, xin chỉ chép lại đây một số bài thơ được phổ biến lúc bấy giờ.

Bài được ký tên là của Nữ lưu Việt Nam:

Đoái trông cảnh vật luống than dài,
Khóc nước chưa rồi đã khóc ai.
Những muốn phù nguy cùng cứu khốn,
Quản gì nếm mật với nằm gai.
Thân kia dầu chết danh còn mãi,
Công nọ chưa nên chí chẳng phai.
Hồn có linh thiêng xin ủng hộ,
Non sông gánh vác gái hòa trai.

Một bài ký tên là Bà Lê Giũ Vị, nguyên văn:

Ngàn năm ly biệt cụ Phan ôi!
Một giấc xa chơi luống ngậm ngùi.
Đò tạo vội đưa người ái quốc,
Hóa công sớm rước kẻ thương nòi.
Tấc gan trung nghĩa lưu thiên cổ,
Một điểm lòng son hiện khắp nơi.
Những tưởng ba Kỳ nương đức cả,
Nào hay Nam Bắc chịu mồ côi.

Nhưng có lẽ bài thơ sau đây là được phổ biến hơn cả vì nhờ được đăng tải trên tờ *Đông Pháp thời báo*:

Ối cụ Phan Châu đã mất rồi!
Hai mươi lăm triệu có còn ai?
Mấy năm hải ngoại thân chìm nổi /
Bao độ thiên nhai bước lạc loài.
Những muốn phá tan vòng áp chế,

Rắp toan giải quyết buổi tương lai.
Chí kia chưa đạt công chưa lập,
Non nước nghìn thu luống thở dài.

Còn có những bài thơ không theo lối Đường luật, ngả về Cổ phong và thơ tự do, lời lẽ rất sắc như bài được ký tên Thượng Giới Thị, tức là Trần Tiêu, người tự nhận là học trò, là "hậu tử" rất kính yêu cụ Tây Hồ. Ông cũng là người đã từng sao chép "giải mã" một số tác phẩm chữ Hán của Cụ Phan. Ông viết:

Phu tử đi đâu vội,
Non sông để hững hờ!
Gió mưa đành thảm đạm,
Cây cỏ cũng xơ rơ.

Sáp già ngơ ngác,
Đàn trẻ bơ vơ.
Tú lú đồng bạc,
Bộn mê bài ngà!

Chính thể thượng chuyên chế;
Cường quyền xâm tự do.
Phu tử cũng hiểu thế,
Sao đã bỏ đi xa..."
v.v...

Về *câu đối, trướng văn*[1]... thì quả thật là một kho phong phú, chỉ có thể điểm qua một số câu của một số người mà thôi.

Có những câu đối là của người trong gia tộc, gia đình của Phan Châu Trinh, như câu của bà Lê Thị Vĩnh, thấy ghi là biểu tỉ chị họ):

- Chiếc thân muôn dặm, yêu nước bận lòng ai, có quản chi đường vợ nỗi con, thôi gánh gia đình đành phó mặc;

---

[1] Xin xem ở *Phụ lục* của PHẦN CHỮ HÁN - NÔM ở trong Tập III này. C.T.

- Giấc mộng trăm năm, thương em đau ruột chị, càng nghĩ đến lời ăn tiếng nói, cũng tình cốt nhục dễ khuây đâu!

Một người khác trong họ: có lẽ là em bà Lê Thị Vĩnh, tên là Lê Đình Lâm đã viết:

- Chị buồn em cũng chia buồn, tình chủng tộc, nghĩa bạn vàng, hai mối ưu tư vò chín khúc;

- Cụ mất linh hồn không mất, lập tượng đồng, dựng bia đá, nghìn thu hương lửa khắp ba kỳ.

Những câu đối ký tên tập thể, quả là có những câu rất hay, rất tình nghĩa, nặng mối đồng cảm, vững chí tương lai.

Như câu đối của học sinh "Quảng Nam".

- Tinh thần chết đặng hay không? Tháng năm Ất Sửu ai ngờ tháng hai Bính Dần? Ngán cho bể Đà còn sóng, núi Trà còn mây, ông nỡ đi đâu, yêu nước vẫn còn lòng thiết thạch;

- Tâm huyết ai cũng như thế, người chốn Nam Kỳ chắc nghĩ đến người Thành Huế? Chung cả trời Việt là cha, đất Nam là mẹ, hồn vừa về đó, thương dân khôn dứt lệ sơn hà.

Câu đối của đồng bào Tây Ninh rất gọn mà rất chắc:

- Muôn kiếp vẻ vang ở bia ở sử;

- Một đời lao khổ, vì nước vì dân.

Câu đối của nhân dân Hóc Môn, nói hẳn một hoàn cảnh cụ thể mà bao quát rất tài tình:

- Có nước phải có ông, bao quản một mình lo việc nước;

- Thương ông vì thương nước, huống gì ba tháng ở gần ông.

Tất nhiên là những câu đối của các nhà chí sĩ, bạn bè hoặc học trò của Phan Châu Trinh, thường là sắc sảo, hiện thực và mãnh liệt hơn. Như câu của Ngô Đức Kế:

- Ối huynh ông! Học cùng nhau, đỗ cùng nhau, lại khi hoạn nạn cùng nhau. Xót vì hồn nước bơ vơ, sương tuyết nặng nề không nỗi tiết;

- Nào đồng chí: chết vì gươm, chết vì tù, còn ra cũng chết vì bệnh. Thương nỗi đàn ngơ ngác, giang sơn gánh gác biết cùng ai?

Câu của Võ Liêm Sơn:

- Mười lăm năm trước thấy Cụ ở đây, gươm dã man ba thước kề đầu khảng khái mấy lời, trời đất chứng minh lòng thiết thạch;

- Mấy triệu đồng bào trông Cụ về nước, đài văn hóa nửa chừng xây móng, gió mưa một trận, nước non chan chứa lệ tang thương.

Nhưng rất đáng chú ý là những câu đối của nhiều tầng lớp khác nhau, mỗi người mỗi ý, nhưng đến với Phan Châu Trinh, hoặc vì sự hiện diện của Cụ, rồi sự mất còn của Cụ mà cảm khái của họ, cũng là cảm khái của nước non, của thời đại, chứng tỏ Cụ đã được cả nước châu tuần.

Câu đối của nhà thơ Trần Tuấn Khải:

- Hai mươi năm bao xiết đắng cay, khi Côn Lôn, khi Nhật Bản, khi Phú Lãng quốc đọa đầy, những toan bể Á vẫy vùng, đâu biết non sông xoay nỗi thế;

- Năm miếng đất còn đương trôi nổi, nào cấp tiến, nào dân quyền, nào bất hợp đồng vận động, riêng xót trời Nam thảm đạm, trông ra đỉnh áng có ai đây?

Câu đối của nhà học giả Nguyễn Văn Vĩnh:

- Gửi thư Chính phủ, diễn thuyết Nam Kỳ, khí thiêng đúc người dễ mấy tay, bao phen mõ gõ chuông rung, vang tiếng đồng bào hai mươi triệu;

- Bắc địa liên sàng, Tây thành nghiêng nón, lòng riêng ước trời dành có lúc, một phút sao rơi núi lở, xa trông bồng đảo chín nghìn trùng.

Câu đối của nhà kinh doanh Bạch Thái Bưởi:

- Bốn nghìn năm nước cũ, đương cuộc đổi thay, cờ thực nghiệp trống tân dân, may mắn sao một gánh non sông, sách có nhiều chương mừng cũng nhẹ;

- Sáu mươi tuổi thân già, bao phen hiểm trở, chí Ngu Công, hồn Tinh Vệ, đau đớn nhẽ nửa đêm mưa gió, tằm tuy hết ruột vẫn còn vương.

Câu đối của cụ Nghè Nghiêm Xuân Lãm:

- Vội vàng chi hỡi ông? Sao xưa không chết vì ngục, không chết vì gươm, hai mươi năm góc bể chân trời, lúc diễn thuyết, lúc trần thư, việc vận động lúc nào khuây một lúc?

- Ngao ngán cả một nước! Xót nỗi nào kẻ còn mê, nào kẻ còn dại, mấy mươi dặm quê nhà đất tổ, ai xây tường, ai đắp móng, bước tương lai ai dễ tính cùng ai!

Nhưng có lẽ đôi câu đối sắc sảo, mỉa mai danh thép mà thiết

thực và cập nhật hơn cả là một câu đối của cụ Phan Khôi, viết bằng chữ Hán, đã được truyền tụng khắp nơi vì nó đã phản ánh trung thực cuộc đời và sự nghiệp của nhà chí sĩ Phan Châu Trinh đầy đủ hơn cả:

- Âu hải vạn lý quy, vị dữ Sào Nam đàm nhất diện;

- Bính Dần nhị nguyệt tốt, bất tri Bảo Đại hữu nguyên niên.

Kẻ hậu học, thuộc "phường hậu tử" của hai Cụ Phan, xin được tạm dịch như sau:

- Ngàn dặm châu Âu về, chưa cùng Sào Nam gặp mặt[1]

- Tháng hai Bính Dần mất, sá biết Bảo Đại lên ngôi![2]

CHƯƠNG THÂU

---

[1] Cụ Phan Châu Trinh ở Pháp về nước năm 1925, dự định sẽ gặp lại cụ Phan Bội Châu vào đầu năm 1926, khi Cụ vừa mới từ "Tòa án Đề hình" ở Hà Nội về "an trí" tại Huế cuối năm 1925. Nhưng chưa gặp được cụ Sào Nam, thì cụ Tây Hồ đã bị ốm bệnh và mất vào ngày 24-3-1926.

[2] Khi cụ Phan Châu Trinh mất thì cũng đúng vào dịp Bảo Đại - ông vua cuối cùng này của triều Nguyễn đăng quang. Nhưng rồi chưa đầy 20 năm sau thì chính phủ Việt Nam Dân chủ cộng hòa thành lập, nền Quân chủ Việt Nam được kết thúc bởi vua Bảo Đại. Sự kiện một nền Dân chủ đích thực ra đời vào tháng 8-1945 này, Phan Châu Trinh không được chứng kiến.

Phụ lục II

A - KÝ ỨC ÔNG VŨ KỲ, THƯ KÝ RIÊNG CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ "QUAN HỆ GIỮA PHAN CHÂU TRINH VÀ NGUYỄN ÁI QUỐC"

Tác giả[1] ghi tại Hà Nội, ngày 2-3-1993.

Ông Vũ Kỳ là thư ký riêng của Hồ Chí Minh từ Cách mạng tháng Tám cho đến ngày Chủ tịch mất. Sau đó ông đã tham gia xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh và làm Giám đốc Bảo tàng cho đến kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Hồ Chí Minh ông mới nghỉ.

Trong buổi chiều 2-3-1993 ông cùng bà Hoàng Thị Nữ trưởng phòng sưu tầm, kiểm kê, bảo quản của Bảo tàng Hồ Chí Minh tiếp tôi (Phan Thị Minh) tại Bảo tàng Hồ Chí Minh trong ngót 2 tiếng để trao đổi các tư liệu về cụ Phan Châu Trinh, đặc biệt về các thư từ giao dịch giữa cụ Phan với Hồ Chủ tịch.

Tôi tha thiết muốn biết một số chi tiết về hoạt động của Hồ Chí Minh thời kỳ ở Pháp và những gì Hồ Chí Minh đã nói về cụ Phan Châu Trinh, ông Vũ Kỳ cho biết:

"Bác Hồ thường không nói chính thức về quá trình hoạt động trước đây cũng như những mối quan hệ của Bác trước đây. Hễ trực tiếp hỏi Bác thường tránh không trả lời. Vì vậy các đồng chí Nguyễn Lương Bằng, Tố Hữu, v.v... thường nhắc tôi (Vũ Kỳ) tìm cách gợi chuyện để Bác nói, trong khi vui chuyện, trong bữa cơm

---

[1] Tức là bà Lê Thị Kinh (Phan Thị Minh) biên soạn bộ sách 2 tập: PHAN CHÂU TRINH QUA NHỮNG TÀI LIỆU MỚI - Nxb Đà Nẵng, 2001-2003.

chẳng hạn... Phải cố nhớ để sau này ghi lại, nếu Bác thấy đưa giấy bút ra là Bác thôi không nói nữa. Định bố trí máy ghi âm ghi trộm cũng không làm được".

Về Cụ Phan, ông Vũ Kỳ còn nhớ: Bác luôn tỏ ra trân trọng đặc biệt, Bác nói:

"Mình biết Cụ từ trong nước rất sớm vì Cụ là bạn thân của cha mình. Lúc sang Pháp là dựa vào Cụ, ở Pháp cũng dựa Cụ để sống và hoạt động...

Bản yêu sách 8 điểm gửi Hoà Hội Versailles là do hai cụ Phan (Phan Châu Trinh và Phan Văn Trường) viết. Hai Cụ có hỏi mình có thêm ý kiến gì không? Không phải do mình viết đâu. Lúc đó mình viết sao nổi mặc dầu bản đó ký tên là Nguyễn Ái Quốc, sau đó trở thành tên hoạt động của mình.

Cụ Phan đã giúp mình rất nhiều, thực sự là người đỡ đầu cho mình trong một thời gian khi mình ở Pháp.

Về sau Cụ biết là mình có những chính kiến khác Cụ, không nhất trí với Cụ trên một số điểm nhưng Cụ vẫn rất thân tình và hết sức giúp đỡ.

Cụ Phan thường nói với mình: Anh có điều kiện hơn tôi, anh trẻ trung, biết nhiều ngoại ngữ, có điều kiện học hỏi và làm việc tốt hơn tôi nhiều, anh phải cố gắng tiến bộ thật nhanh và làm được thật nhiều cho đất nước mình... Các năm sau cụ Phan thường nói: đã đến lúc anh phải nghĩ cách về nước để làm việc cho dân tộc, đừng ở lâu bên này làm gì... anh phải về nước để gây tiếng vang..."

Ông Vũ Kỳ nói thêm: Bác rất trân trọng cụ Phan Châu Trinh. Trong thời gian ở Pháp, Bác thường hỏi ý kiến Cụ. Đặc biệt, trong thư gửi cụ Phan, Bác gọi Cụ bằng Bác, xưng cháu, gọi con trai Cụ là em Dật... Thể hiện tình cảm gần gũi và thân thiết.

Cụ Phan Châu Trinh nhìn thấy Nguyễn Ái Quốc là một thanh niên có nhiều triển vọng nên dìu dắt. Vì vậy nên cụ tìm mọi cách giúp đỡ và đặt niềm tin vào người thanh niên này.

Ông Vũ Kỳ có ý nghĩ: "Cụ Phan Châu Trinh hiểu rõ gia đình nguồn gốc của Bác Hồ, thấy rõ sự trưởng thành từng bước của Bác, đánh giá Bác là con người có nhiều triển vọng lớn nên hết lòng giúp đỡ và gởi gắm hy vọng vào Bác để hoàn thành sự nghiệp cứu nước".

Đồng ý xác nhận
Ký tên: Vũ Kỳ

Ghi lại để trình ông Vũ Kỳ xem lại
Hà Nội, ngày 13-3-1993
Phan Thị Minh
Tức Lê Thị Kinh

Bảo tàng Hồ Chí Minh xác nhận chữ ký của đồng chí Vũ Kỳ,
(nguyên Giám đốc Bảo tàng Hồ Chí Minh)
Giám đốc Bảo tàng Hồ Chí Minh: Cù Văn Chước

B - MỘT SỐ TƯ LIỆU VỀ HỒ CHÍ MINH ĐỐI VỚI TANG LỄ PHAN CHÂU TRINH

Trích "*Hồ Chí Minh - Toàn tập*"

Tháng 4-1925, ở Quảng Châu, Nguyễn Ái Quốc dưới tên Lý Thuỵ đã theo dõi với niềm cảm xúc sâu sắc tang lễ Phan Châu Trinh, người bạn lớn thân thiết trong nhiều năm của mình. Tuy nhiên vì mới sang Liên Xô với cương vị một chiến sĩ cộng sản quốc tế, Người không tiện bộc lộ rõ tình cảm gắn bó của mình với một người quốc gia chủ nghĩa nên Người chỉ phản ánh tình hình thực tế trong một bài tiếng Pháp đăng trên tạp chí *Thư tín quốc tế* (số 91 ngày 14-8-1926) nội dung như sau: "*Nhà chí sĩ Phan Châu Trinh, một người thuộc phái quốc gia khác vừa qua đời, 30.000 người An Nam ở khắp xứ Nam Kỳ đã làm lễ an táng theo quốc lễ và khắp nước đã làm lễ truy điệu nhà chí sĩ. Chỉ trong vài ba ngày một cuộc lạc quyên đã thu được 100.000 đồng*[1]*. Tất cả học sinh, sinh viên đều để tang cụ. Trước phong trào yêu nước của toàn dân, bọn thực dân Pháp sợ hãi, bắt đầu phản công lại. Chúng cấm học sinh để tang và tổ chức lạc quyên. Chúng cấm tổ chức các lễ truy điệu v.v... Để phản đối lại, học sinh đã bãi khoá*"[2].

---

[1] Lấy theo kết quả quyên góp do chính mật thám Đông Dương đưa lúc đầu.

[2] *Hồ Chí Minh - Toàn tập* - Nxb Chính trị quốc gia. Hà Nội 1995, tập 2, trang 231.

- Ở tác phẩm *Báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản về phong trào cách mạng ở An Nam* bằng tiếng Anh, Nguyễn Ái Quốc nhắc lại sự kiện cả nước để tang Phan Châu Trinh như sau:

"*Năm 1926 có một sự thức tỉnh trong toàn quốc tiếp theo cái chết của một nhà quốc gia chủ nghĩa lão thành Phan Châu Trinh. Khắp trong nước đều tổ chức lễ truy điệu. Chữ "Chủ nghĩa quốc gia" từ đó được nói và viết một cách công khai. Những giáo viên Pháp tìm cách ngăn cấm học sinh tham gia các cuộc mít tinh đó. Nam nữ học sinh ở nhiều trường, đặc biệt là ở Sài Gòn, nơi tổ chức đám tang, đã tuyên bố bãi khoá 20.000 người đi theo linh cữu, mang biểu ngữ viết những khẩu hiệu có tính chất quốc gia chủ nghĩa. Trong lịch sử người An Nam chưa hề được chứng kiến một việc to như vậy bao giờ*"[1].

- Năm 1941 khi mới về lại đất nước sau 30 năm xa cách, trú tại Pắc Bó (Cao Bằng) để chỉ đạo công cuộc giải phóng đất nước, khi viết tài liệu "Cách đánh du kích", Hồ Chí Minh đã đề nghị lấy tên các nhà yêu nước lớn đặt cho các đội dân quân cách mạng, thế là "Đội du kích quân Phan Châu Trinh ra đời". (*Hồ Chí Minh - Toàn Tập,* 1983, tập 3, trang 167).

- Sau tổng khởi nghĩa và tuyên bố độc lập (1945), *trong cuộc họp Hội đồng Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hoà ngày 22-3-1946, Hồ Chí Minh đã đề nghị tổ chức kỷ niệm 20 năm ngày mất của Phan Châu Trinh vào 24-3-1946*. Như vậy trong đáy lòng mình, vị lãnh tụ khai sinh nền độc lập của Việt Nam luôn dành tình cảm kính mến sâu sắc đối với "Hy Mã nghị bá đại nhân".

---

[1] Sđd - tập 3 - trang 35 (Bản dịch ghi là một nhà quốc gia chủ nghĩa "già", chúng tôi mạn phép chữa là "lão thành", từ thường dùng trong ngôn ngữ Việt Nam). P.T.M.

Phụ lục III

Trích *"Bác Hồ với đất Quảng"*,
NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội, năm 2000.

HỒ CHỦ TỊCH VỚI CHÁU NGOẠI PHAN CHÂU TRINH: NGUYỄN THỊ BÌNH

Bà Nguyễn Thị Bình, nguyên Phó Chủ tịch nước, sinh năm 1927, tên thật là Nguyễn Thị Châu Sa. Trong kháng chiến ở Nam Bộ với bí danh là Yến đã hoạt động tích cực trong phong trào sinh viên và cả trong phong trào phụ nữ Sài Gòn, bà bị địch bắt giam trong 3 năm. Ra tù đầu 1954, tập kết ra Hà Nội, bà đã được Hồ Chí Minh gọi đến bảo ban và quan tâm chăm sóc, được coi là "chỗ thân quen" của Người.

Lời kể của bà Bình:

"Tập kết ra miền Bắc, đầu tháng 12 năm 1954, tôi đặt chân đến Hà Nội. Hà Nội so với Sài Gòn hồi ấy vẫn nhỏ và cũ kỹ hơn, nhưng tôi thấy thân thiết làm sao! Thời tiết đang mùa rét, mà trong tâm tưởng lại thấy ấm nóng cái cảm giác cội nguồn. Có những chiều đông, tôi đi tha thẩn dọc đường cây cổ thụ và hướng tìm về phía Ba Đình. Nơi ấy, ngày 2 tháng 9 năm 1945, từ mảnh đất Sài Gòn thân yêu, tôi đã được nghe Bác Hồ đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà...

Buổi sáng đầu tháng 12 năm 1954 ấy, anh Phạm Ngọc Thạch bỗng đến tìm tôi, giọng vui vẻ:

- Chị Yến ơi, chị có tin vui hết sức đặc biệt. Bác Hồ muốn gặp chị.

Nghe anh Thạch nói, tôi không tin ở tai mình nữa. Nỗi vui mừng và lo lắng trào dâng trong lòng:

- Sao Bác lại biết tôi? Tôi chưa hề gặp Bác bao giờ.

Quả thật Bác đã dành tình thương đặc biệt cho tôi. Tôi không nghĩ rằng mình được gặp Bác Hồ, người mà tôi hằng mong ước được gặp, sớm như hôm nay. Nhớ lại những ngày hoạt động trong phong trào học sinh, sinh viên và phụ nữ thành phố Sài Gòn, xuống đường đòi quyền tự do, dân chủ, lòng chúng tôi luôn hướng về Bác kính yêu để có thêm sức mạnh vượt qua mọi hy sinh gian khổ để chiến thắng quân thù. Những ngày ở trong tù, lòng tôi luôn hướng về Bác Hồ với niềm tin mãnh liệt...

Lòng hồi hộp, bồn chồn. Tâm trạng ấy kéo dài cho tới khi tôi đặt chân đến Phủ Chủ tịch. Cho mãi đến bây giờ, hơn bốn mươi năm qua, biết bao giây phút cảm động, bao nhiêu lần gặp nguyên thủ và chính khách nhiều nước trên thế giới, bao nhiêu sự kiện chính trị và ngoại giao đến với tôi dồn dập, nhưng tôi vẫn nhớ như in cái ấn tượng và lần đầu tiên tôi đã được gặp Bác Hồ.

- Cô Yến đấy ư? Ngồi xuống đây với Bác. Chúng ta là chỗ thân quen. Tôi đã biết ông ngoại cô từ thời ở Pháp. Cụ Phan là người tôi rất kính trọng...

Tôi nghẹn ngào không nói nên lời. Chao ôi, thì ra ông ngoại tôi - Cụ Phan Châu Trinh - từng là người bạn vong niên của Bác Hồ những ngày trên đất Pháp. Hẳn là người rất hiểu chí hướng của ông ngoại tôi trong cuộc hành trình đầy khó khăn đi tìm con đường giải phóng dân tộc. Tôi không có may mắn được nhìn thấy ông ngoại. Năm 1926, cả nước tổ chức lễ tang cho ông ngoại tôi ở Sài Gòn, thì một năm sau tôi mới ra đời. Và năm nay (1954), tôi vừa tròn 27 tuổi.

Buổi gặp gỡ đầu tiên ấy, hầu như Bác chỉ dành cho hỏi chuyện gia đình tôi.

Lúc chia tay, Bác bảo:

- Một truyền thống gia đình như thế rất đáng trân trọng. Cố gắng công tác phụng sự Tổ quốc để xứng đáng là con cháu cụ Phan.

Tôi nhớ mãi lời Bác dạy. Suốt những năm tháng giúp việc cho chị Nguyễn Thị Thập ở Trung ương Hội phụ nữ Việt Nam, tôi

còn nhiều lần được gặp Bác trong những lần tiếp xúc với khách phụ nữ quốc tế, Bác luôn là mẫu mực của sự lịch thiệp, cởi mới, chân tình. Khách dù xa lạ đến đâu cũng trở thành những người thân thuộc. Tôi đã nhập môn những bài học ngoại giao đầu tiên từ Bác, một người thầy trong mọi ứng xử, giao tiếp.

Năm 1960, sau cuộc đồng khởi của đồng bào miền Nam, cục diện chính trị đã thay đổi, mở ra một cục diện ngoại giao mới. Tôi được cử làm thành viên của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, rồi được phụ trách công tác ngoại giao.

Năm 1968, mặt trận ngoại giao của ta thắng lợi vượt bậc, buộc đế quốc Mỹ phải ngồi vào bàn đàm phán hai bên, rồi bốn bên ở Paris. Tôi được cử làm phó trưởng đoàn tại Hội nghị bốn bên, sau đó là Bộ trưởng Ngoại giao Chính phủ lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam, trưởng đoàn ngoại giao Hội nghị bốn bên ở Paris.

Hầu như mọi bước đi, mọi thành công trong công tác ngoại giao của tôi đều có sự dìu dắt, dõi theo của Bác Hồ. Sau này, tôi được biết rằng việc chọn tôi làm Trưởng đoàn của Hội nghị Paris, chính là do anh Xuân Thuỷ đã đề xuất với Bác. Bác am hiểu công tác ngoại giao quốc tế và đặc biệt vai trò của phụ nữ trong lĩnh vực này.

Tháng 4 năm 1969, sau chuyến đi công tác ở Anh, tôi về nước và được Bác gọi đến.

Đó là ngày đầu hè rực rỡ. Vườn cây Phủ Chủ tịch như được thay áo mới, xanh ngời trong nắng. Tôi vui sướng như đứa con xa trở lại nhà, sắp được gặp Bác, được báo cáo công việc với Bác. Nhưng lòng tôi se lại khi vừa nhìn thấy Bác: Bác đã yếu đi nhiều, mái tóc bạc ánh như cước và cử chỉ không còn nhanh nhẹn như những lần tôi gặp Bác trước đây. Tôi nhìn cánh tay trái của Bác cử động khó khăn và những bước đi thật nặng nhọc mà rơm rớm nước mắt.

Bác hỏi tôi về hoạt động ngoại giao, về tình hình bà con Việt kiều. Tôi thưa với Bác về những hoạt động của mình, kể lại cuộc biểu tình lớn của nhân dân Anh ủng hộ cuộc chiến đấu của ta vừa tổ chức ở Luân Đôn khi tôi đến thăm, Bác bảo:

- Phải hết sức tranh thủ tình cảm của nhân dân thế giới. Họ ủng hộ mình là xuất phát từ tình cảm chân thật. Cô sang bên đó, nhớ chuyển lời thăm hỏi của Bác tới bà con Việt kiều...

Trưa ấy, tôi được ăn cơm với Bác. Một bữa cơm hết sức thanh đạm như chúng ta đều biết. Bữa cơm của vị Chủ tịch nước chỉ có một đĩa cá kho, một đĩa rau muống luộc, mấy trái cà pháo muối kiểu Nghệ và bát nước rau ngọt mát. Bác gắng ăn hai lưng chén cơm. Còn tôi hôm ấy thật vui mừng, thức ăn tuy quá đơn sơ mà tôi ăn được nhiều. Trong hoàn cảnh công tác của tôi, đã từng dự những bữa tiệc vô cùng thịnh soạn, nếm những món ăn đầy cao lượng mỹ vị. Nhưng bữa cơm hôm ấy với Bác tôi ăn ngon miệng lạ thường. Tôi nhớ lại, mỗi khi có người thân ăn cơm với Bác, Bác thường nhắc "gắng ăn cho hết, đừng bỏ phí". Nghĩ đến đức tiết kiệm của Bác, tôi cố ăn hết cơm cùng thức ăn để Bác vui lòng.

Bác nhìn tôi, nói vui:

- Làm ngoại giao, ăn khoẻ như cô thì tốt đấy. Phải xoá câu "nữ thực như miêu", để ăn nhiều, làm giỏi, đánh thắng...

Ăn xong, Bác còn đưa tôi xem mấy tờ báo xuất bản ở trong nước và bản tin nhanh tham khảo của Thông tấn xã Việt Nam để biết tình hình thời sự mới nhất. Bác chú ý gạch đỏ và đánh dấu chéo ở nhiều chỗ trong tờ báo, nhất là trang tin quốc tế, chứng tỏ Bác chú ý theo dõi rất sát tình hình diễn biến trong nước, thế giới hằng ngày, hằng giờ để kịp ứng phó với mọi tình huống, tuy bệnh tình đã làm hạn chế, ảnh hưởng đến sức khoẻ của Bác.

Bác lại dặn dò tôi cần phải cố gắng làm tốt công tác của mình, đấu tranh ngoại giao không phải dễ dàng, cần kiên trì, không làm nhanh được. Công tác ngoại giao có lúc nguy hiểm như ngồi trên lưng cọp vậy. Ta phải luôn luôn bình tĩnh, vững vàng.

Tôi ghi lòng tạc dạ những lời dạy bảo ân cần, sâu sắc của Bác và lấy lời Bác làm phương châm hành động của mình. Lịch sử đã từng ghi lại những biểu hiện mẫu mực của đường lối ngoại giao mềm dẻo, linh hoạt theo phương châm " thêm bạn bớt thù" của Bác Hồ và tôi đã học ở Người biết bao bài học quý giá. Trong hoạt động ngoại giao của Bác đã chứng tỏ tầm nhìn xa trông rộng của nhà chiến lược thiên tài và là nhà ngoại giao lỗi lạc.

Tôi không ngờ hôm ấy là lần cuối tôi được gặp Bác, được nghe những lời dạy bảo đầy ân tình của Bác, được ăn bữa cơm cuối cùng với người cha vô cùng thân thiết kính yêu"[1].

ĐINH CHƯƠNG ghi

---

[1] Đề tài do chúng tôi thay vào nguyên bản "Những kỷ niệm về Bác".

Phụ lục IV

MỘT SỐ Ý KIẾN CỦA NGUYÊN THỦ TƯỚNG PHẠM VĂN ĐỒNG NGÀY 4-1-1996 VỀ TÁC PHẨM "PHAN CHÂU TRINH QUA NHỮNG TÀI LIỆU MỚI"

Tác giả lược ghi

Thời kỳ làm công tác đối ngoại nhiều lần được làm việc với Cụ và đưa các đoàn khách quốc tế đến gặp Cụ tại Phủ Chủ tịch. Tôi rất mến tác phong khoáng đạt giản dị của con người được coi là một trong những học trò gần gũi nhất của Hồ Chí Minh, người mà chúng tôi thường thân mật gọi theo bí danh là "Cụ Tô".

Biết Cụ rất quan tâm đến công tác nghiên cứu và các vấn đề đề lịch sử nên sau chuyến sưu tầm lần I (cuối năm 1994 đầu 1995), làm được một tập tóm tắt kết quả khảo sát khoảng 50 trang, tôi đã gửi lên trình "Cụ Tô".

Chỉ một tuần sau, chiều 4-1-1996 tôi được gọi lên gặp Cụ ở nhà riêng ở cạnh Phủ Chủ tịch. Trong hơn một tiếng đồng hồ Cụ đã tiếp tôi rất thân tình.

Cụ nói:

"Mắt tôi không còn đọc được nữa nhưng tôi đã nghe đọc một cách thích thú kết quả nghiên cứu của cô được chắt lọc ra trên ngót 50 trang. Tôi đánh giá đây là những tư liệu rất tốt, rất quý. Cô Minh đã làm được một công việc đáng khen. Cần cố gắng phát huy tác dụng..."

Tôi tranh thủ hỏi cụ thể những điều Hồ Chí Minh đã nói về cụ Phan Châu Trinh. Cụ Tô nói:

"Trong tài liệu có đề cập nhiều đến quan hệ giữa cụ Phan và

Bác Hồ, tôi rất thích thú vì tôi đã trực tiếp nghe Bác Hồ nói nhiều về cụ Phan. Bác nói: trước khi lên đường sang châu Âu, Bác đã được Cụ hướng dẫn... Chính cụ đã gợi ý cho Bác nhận những việc thời đó cho là thấp kém để dễ qua mắt mật thám và khỏi tốn phí tổn đi đường... Bác Hồ nói: "Đến Pháp đã tiếp xúc ngay với Cụ để nghe bảo ban mọi việc. Gần gũi Cụ và em Dật, con trai Cụ, Bác như gặp lại gia đình ruột thịt thân thiết. Quan hệ giữa Bác với Cụ rất gắn bó, đi xa, sang Mỹ, ở Anh, Bác đều viết thư cho Cụ và luôn được Cụ phúc đáp đều đặn. Thư từ thường vắn tắt và không nói rõ ý, vì mật thám thường chặn sao, nhưng có dịp thì tranh thủ đến gặp Cụ và các vị quanh Cụ như Phan Văn Trường, Khánh Ký để được bàn bạc và dặn dò mọi việc... Đi năm châu bốn biển để mở rộng kiến thức, học nhiều ngoại ngữ, đọc nhiều sách, giao tiếp rộng là những điều các Cụ rất tâm đắc và khuyến khích. Cụ Phan rất thương yêu giúp đỡ Bác về mọi mặt, đặc biệt những năm Bác mới chuyển sang Pháp. Chính nhờ sự giới thiệu của cụ Phan mà Bác được sự đùm bọc của cả 2 cụ Phan và cụ Khánh Ký, tạo thuận lợi cho hoạt động của Bác tại Pháp... Bác rất kính yêu Cụ".

Tôi hỏi: "Ở Paris tôi có được giáo sư Hoàng Xuân Hãn tiếp chuyện gần một ngày. Giáo sư đánh giá tang lễ Phan Châu Trinh là một *big bang*[1] của tinh thần yêu nước Việt Nam, có đúng không?"

"Đúng vậy. Sự qua đời và tang lễ của Phan Châu Trinh là một sự bùng nổ lịch sử của tinh thần yêu nước Việt Nam, làm xoay chuyển cuộc đời của nhiều người, đưa họ vào lực lượng yêu nước và cách mạng.

Ngay bản thân tôi lúc đó đang học trường Bưởi, tôi đã tham gia lễ truy điệu, để tang và bãi khoá. Bị đuổi học, tôi đã tham gia hoạt động cách mạng, mấy năm sau tôi được sang Quảng Châu gặp Bác Hồ, được bồi dưỡng rèn luyện... Nếu không có sự kiện tang lễ của Cụ thì cuộc đời tôi sẽ khác..."

Cụ Tô bàn với tôi nên đi sâu nghiên cứu và xử lý các tư liệu đã sưu tầm và rất hài lòng khi tôi nói muốn được cộng tác với

---

[1] Vụ nổ lớn hình thành vũ trụ.

các nhà sử học.

Liền đó ngày 5-1-1996 Cụ cho gọi giáo sư Phan Huy Lê, hội trưởng Hội Sử học Việt Nam đến gặp. Theo giáo sư Lê, trong lần gặp thứ nhất Cụ Tô đã yêu cầu:

Phải đọc một lượt các tài liệu cô Minh đã sưu tầm và bản đúc kết của cô và báo cáo lại cho Cụ để tính chuyện công bố.

Theo Cụ có hai vấn đề phải làm:

- Đánh giá các tài liệu đã sưu tầm một cách khách quan.
- Có phương án công bố và sử dụng.

Lần gặp thứ hai, khoảng ngày 20-1-1996 giáo sư Lê đã báo cáo với Cụ mấy nét:

- Bản đúc kết tốt, có thể dùng làm cơ sở ban đầu cho việc đánh giá
- Nhiều tài liệu có nguồn gốc khác nhau đã được thu thập, trong đó chủ yếu là từ Thư khố Pháp. Tất cả đều có giá trị thông tin tốt. Cụ thể:

1. Các báo cáo của bọn chỉ điểm có thể giúp ta dựng lại cụ thể hành trạng của Cụ Phan. Tất nhiên có mặt hạn chế do trình độ của chúng khác nhau hoặc do thủ thuật đánh lừa của các nhà yêu nước.

2. Các thư điện trao đổi giữa các chính quyền các cấp cho biết mối quan hệ Cụ đối với chúng và thực chất nhận xét đánh giá của chúng đối với Cụ.

3. Các thư từ của cụ Phan với nhà cầm quyền và các phát biểu công khai của Cụ cần phải được đánh giá đúng mức trên tinh thần hiểu rõ: "Cụ phải giữ thế công khai hợp pháp, phải nói và viết thế nào cho chúng không có thể kết tội".

Tuy nhiên, Cụ có quan niệm "khẩu thuyết vô bằng" nên khi nói tư tưởng được bộc lộ rõ ràng hơn trong các văn bản.

Thư từ giao tiếp cá nhân cũng vậy, khi công khai qua đường bưu điện cũng dè dặt hơn khi gửi tay ngoài sự kiểm soát của mật thám. Tuy nhiên, cả hai loại đều có giá trị thông tin.

Tóm lại giáo sư Lê khẳng định với Cụ Tô là việc nghiên cứu phân tích các tài liệu mới thu thập được sẽ giúp chúng ta hiểu đúng con người, tư tưởng và lập trường của Phan Châu

Trinh hơn.

Cụ Tô hỏi thêm về đánh giá Phan Châu Trinh trong giới sử học. Giáo sư Lê thú thật là: "Chưa nhất quán, riêng quan điểm chính thống thì chưa thoả đáng. Cụ thể là:

- Chưa thấy hết vai trò cụ Phan đi đầu trong quan điểm dân chủ.

- Chưa thấy hết dụng ý của Cụ trong đấu tranh với địch: cái khéo của Cụ là đấu tranh mà vẫn giữ được thế hợp pháp, để không bị bắt bớ, trái lại tìm cách buộc địch phải chấp nhận một số cải cách và đặc biệt là vận động được nhân dân, đưa được nhân dân vào con đường cải cách mạnh mẽ, đến nay nhiều cải cách vẫn còn có hiệu lực. Cải cách chứ không phải cải lương.

- Qua tài liệu, ta thấy Cụ phê phán địch rất mạnh, đấu tranh quyết liệt với thực dân chứ không quá mềm mỏng nương nhẹ như một số đánh giá trước đây chỉ xét trên một số văn bản công khai của cụ. Cụ Phan đặc biệt coi trọng giáo dục, đặc biệt nhấn mạnh nhu cầu nâng cao dân trí và dân khí. Đó là vấn đề rất thời đại đối với dân tộc ta. Nói chung đối với Phan Châu Trinh có vấn đề phải đánh giá lại".

Cụ Tô nói: "Đánh giá như thế là lệch lạc, không đúng, không công minh. Đối với Phan Châu Trinh đúng ra chỉ có tôn kính vì cụ là nhà yêu nước lớn, lại là tiên phong đề xướng dân chủ. Người thời đó đánh giá Cụ rất đúng khi suy tôn và làm quốc tang cho Cụ. Một quốc tang đã "hoán cải quốc dân hồn" và xoay chuyển cuộc đời của nhiều người trong đó có tôi... Các nhà sử học ta chưa bỏ công nghiên cứu về Phan Châu Trinh là chưa đúng.

Bản thân cụ Phan đã có ý thức lưu trữ và đem về nước những di sản của Cụ. Con và rể của Cụ đã có công giữ gìn nguyên vẹn qua nhiều xáo trộn lịch sử. Nay cô Minh cháu Cụ đã bỏ công tìm tòi được nhiều tài liệu quý về Cụ. Tôi rất quý việc làm của gia đình Cụ.

Nay cần có nhóm nghiên cứu để giúp đỡ cô Minh khai thác và công bố một cách trân trọng các tài liệu đã sưu tầm được:

- Cố gắng dịch các tài liệu quan trọng, khi công bố có thêm

các lời dẫn giải cần thiết kèm theo (của cô Minh và của nhóm nghiên cứu).

- Có thể tính thêm khả năng công bố các tài liệu gốc bằng tiếng Pháp đã sưu tầm được.

- Phải tính đến việc tổ chức các hội thảo để trao đổi về các nội dung được phát hiện liên quan đến Phan Châu Trinh".

Cụ Tô hứa văn phòng Cụ sẽ trực tiếp theo dõi và hỗ trợ.

Chú thích thêm của tác giả: Sau đó do một số vấn đề cụ thể và điều kiện làm việc, tôi chỉ dựa được rất ít vào nhóm của giáo sư Phan Huy Lê, chủ yếu phải tự lực làm hầu hết việc biên soạn sách "*Phan Châu Trinh qua những tài liệu mới*" với sự hỗ trợ của nhà văn Nguyên Ngọc và Ban biên tập Nhà xuất bản Đà Nẵng.

Phụ lục V

TRAO ĐỔI VỚI GIÁO SƯ HOÀNG XUÂN HÃN VỀ PHAN CHÂU TRINH TẠI PARIS NGÀY 25-11-1994

Tác giả trích ghi

"Theo tôi (Hoàng Xuân Hãn) Phan Châu Trinh có vai trò và công lao lớn trong lịch sử Việt Nam, cần được đánh giá đúng.

Sau khi phong trào Cần vương bị đàn áp tan rã hoàn toàn, Phan Châu Trinh đã đi sâu nghiên cứu những nhược điểm cơ bản về văn hoá xã hội Việt Nam, cụ thấy rõ nguyên nhân sâu xa đã đưa đến mất nước, bị đô hộ ngày càng khốc liệt là sự thua kém của xã hội ta so với phương Tây. Phan Châu Trinh đã đưa ra đường lối mới để tìm lối thoát cho con đường cứu nước. Cụ chủ trương không đấu tranh vũ trang nữa: Về đối ngoại thì dựa vào các lý tưởng của cách mạng Pháp, len lỏi giữa các thủ đoạn mị dân của thực dân, tranh thủ được xu thế ôn hoà nhân đạo trong những người Pháp tiến bộ hoặc thức thời làm cho thực dân lúc đầu khó đàn áp. Về đối nội thì đưa khẩu hiệu "nâng cao dân trí, chấn dân khí, chú trọng mở mang kinh tế yêu nước...". Chỉ trong có mấy năm, cụ được sĩ phu Duy tân hưởng ứng, đưa lên thành cao trào yêu nước trong nhân dân, hình thành một cuộc cách mạng tân văn hoá và vận động dân quyền sôi nổi trong những năm đầu thế kỷ 20. Công cuộc canh tân được thực hiện nhanh chóng trên nhiều mặt cụ thể: *cắt tóc, ăn mặc gọn gàng, bỏ mê tín dị đoan, cải lương hương tục,* tìm lối làm ăn mới, đẩy mạnh giáo dục, đưa chữ quốc ngữ lên ngôi,

đưa đến chống áp bức bót lột, cuối cùng bột phát trong phong trào quần chúng biểu tình chống thuế lan rộng gần khắp miền Trung.

Phan Châu Trinh yêu nước thiết tha. Cụ thấy rõ: muốn lật đổ áp bức thực dân để giải phóng đất nước một cách thực sự và vững chắc trong điều kiện thực tế tương quan lực lượng là" trứng chọi đá", thì nhất thiết phải cải tạo xã hội Việt Nam, tạo nội lực quốc dân bằng dân trí, dân khí và dân sinh, đi đến toàn dân nhất trí đấu tranh mới tạo được sức mạnh tinh thần và chính trị, đi đến "đông tay vỗ nên bộp mà đoạt lại lợi quyền" như ông thường nói. Cụ nêu vấn đề chống triều đình Huế lên hàng đầu vì nó là tay sai đắc lực và là chỗ dựa cho thực dân. Cụ biết rõ là phải lật đổ Pháp mới khôi phục được độc lập, nhưng động trực tiếp đến Pháp thì không còn giữ được thế đấu tranh hợp pháp, bất bạo động nữa nên cụ buộc lòng phải chủ trương lật đổ chế độ tay sai trước, chứ đâu phải cụ mơ hồ như một số học giả lầm tưởng.

Nhưng bọn thực dân cáo già thấy ngay nguy cơ lâu dài của chủ trương ôn hoà này. Lợi dụng cuộc chống thuế chúng chém giết và đưa các cụ Duy Tân vào tù đày. Phan Châu Trinh thoát được tù đày đi được sang Pháp là nhờ được biết tiếng ở vị trí lãnh tụ của đường lối chủ hoà, được những người Pháp thiện chí vận động các tổ chức tiến bộ (Liên minh Nhân quyền, cánh tả Đảng xã hội Pháp...) bảo trợ. Có sự trùng hợp là bây giờ ngay trong cánh thực dân cũng xuất hiện chủ trương phải giảm đàn áp "tìm đối tác trong lực lượng chủ hoà" do Sarraut đại diện. Do đó Phan Châu Trinh đã sang được Pháp.

Cụ đã có công mở đường, nói lên tiếng nói đầu tiên tố cáo chính sách thuộc địa vô nhân đạo ở Đông Dương ngay trên đất Pháp. Tại Pháp cụ đã tập hợp được một số người Việt Nam tốt, nhen nhóm được một phong trào yêu nước, thực hiện sự có mặt đầu tiên của người Việt Nam yêu nước tại Pháp, tác động về nước qua một số báo chí tiến bộ.

Cùng với Phan Văn Trường, Khánh Ký và một số người yêu nước khác, cụ đã chủ trì tổ chức việc giúp đỡ Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc trong bước đầu sang Pháp. Chính hai ông Phan đã giới thiệu cho Nguyễn những người Pháp tốt trong Đảng Xã hội và trong Liên minh Nhân quyền. Sau đó với sức năng động của mình

Nguyễn đã tìm ra chỗ dựa vững chắc hơn của Đảng Cộng sản Pháp, từ đó đi sang Liên Xô.

Về sau giữa Phan Châu Trinh với Nguyễn Ái Quốc và Phan Văn Trường có chỗ không nhất trí về phương thức hoạt động, và họ đã chọn con đường đi khác nhau là tất nhiên. Trước tiên do có khác nhau về môi trường trưởng thành và hoạt động, điều kiện quan hệ tiếp xúc và cả về quỹ thời gian và cuộc sống nữa. Ta không quên là lúc Nguyễn cất cánh sang Liên Xô thì Phan Châu Trinh đã suy giảm nhiều về sức lực, chỉ lo đấu tranh được về nước để đem "sức tàn ra cống hiến". Quả nhiên 2 năm sau cụ mới về được nước và chỉ 9 tháng sau thì qua đời ở tuổi 54 (bây giờ ta coi là chết yểu, ở tuổi trung niên, chưa phải là già).

Lúc đầu Phan Châu Trinh đánh giá chưa đúng tương quan lực lượng chính trị trong nội bộ nước Pháp: các lực lượng tiến bộ bây giờ chưa đến đâu so với phái thực dân, và ngay bản thân những người tiến bộ cũng chưa phải muốn giải phóng thuộc địa. Các chính khách xã hội như Moutet, Grandjean v.v... sau đều tham gia bộ máy cai trị thuộc địa... Ngay Jules Roux, người anh kết nghĩa của Phan Châu Trinh cũng còn mơ hồ, chỉ có tư tưởng nhân đạo chung chung. Nhưng về sau chính Phan Châu Trinh trong bức thư gửi Nguyễn Ái Quốc ngày 18-2-1922 đã xác nhận dựa vào Pháp cầu tiến bộ là không kết quả và nhấn mạnh phải tự lực khai hoá, dựa vào sức mình để đi lên...

Đáng chú ý là sau 14 năm ở Pháp, đương đầu với vô vàn khó khăn Phan Châu Trinh vẫn giữ được thanh danh, giữ được uy tín lớn trong Việt kiều và đồng bào cả nước. Với phái cựu Duy tân cũng như phái Tân học và quần chúng rộng rãi, cụ là biểu tượng của tình yêu nước Việt Nam trong thời ấy. Bản thân cụ cũng ý thức được điều ấy khi viết "Cái trách nhiệm nòi giống của dân tộc Việt Nam tôi không nhường cho ai được cả"[1].

Phan Châu Trinh về nước đã gây được tiếng vang lớn, quy tụ được các trào lưu yêu nước, hình thành một cao trào mới, "thời kỳ duy tân mới", đấu tranh hợp pháp sôi nổi với dân khí rất cao, không những ở Sài Gòn nơi có mặt cụ Phan mà cả ở Hà Nội, kết hợp với vụ án Phan Bội Châu, cả ở Huế với Đảng Tân Việt. Thời

---

[1] *Thư trả lời anh Đông* của Phan Châu Trinh ngày 24-1-1925

kỳ này tuy ngắn ngủi nhưng có ý nghĩa rất lớn tạo điều kiện cho "Sự kiện tang lễ Phan Châu Trinh tháng 4-1926".

Tang lễ Phan Châu Trinh có thể gọi là một "big bang"[1] của tinh thần yêu nước Việt Nam, một sự thức tỉnh mạnh mẽ có tác động rất rộng, rất sâu trong nhân dân. Ở Nam Kỳ do chế độ cai trị có rộng rãi hơn, có tác động của cụ Phan và là nơi tổ chức lễ đưa tang rầm rộ nên ảnh hưởng lớn, loang ra khắp nước sang cả Lào, Miên nơi có đông viên chức Việt Nam. Ở Huế có Đảng Tân Việt và Phan Bội Châu, ở Hà Nội có lực lượng Đông Kinh Nghĩa thục cũ và Ngô Đức Kế với báo Hữu Thanh... Hình thức chủ yếu là để tang và tổ chức truy điệu... Sôi nổi nhất là sự tham gia trong học sinh sinh viên các trường... Những nơi có sự ngăn cản của thực dân đã xảy ra bãi khoá, sau đó học sinh nhiều trường bị đuổi học.

Lúc ấy tôi (Hoàng Xuân Hãn) đang học trường Vinh, lớp trên có Đặng Thai Mai, Tôn Quang Phiệt, v.v... Học sinh đọc báo Thực nghiệp biết các nơi đều có truy điệu để tang. Đốc học Nghệ An lúc đó là Le Breton người xứ Bretagne, tốt, quý học sinh và thầy giáo Việt Nam, thường nói "dân An Nam bất khuất giống như dân Bretagne", bảo học sinh cứ để tang dự truy điệu nhưng đừng bãi khoá. Do đó trường Vinh không bị khủng bố.

Trường Vinh có 3 giám thị sau này đều tham gia cách mạng: Hoàng Đức Thi, Ngô Đức Diễn (em Ngô Đức Kế) và thầy Bạch. Trường Vinh có liên hệ với trường Huế, ở đây có Trần Phú, Ngô Đức Trì (con Ngô Đức Kế) và Trần Văn Cung.

Ở Huế học sinh và viên chức hay đến gặp cụ Phan Bội Châu để xin câu đối và điếu văn viếng Phan Châu Trinh. Cụ bảo ngồi chờ, chỉ một lát sau cụ đưa ra bài ngay, lại rất sắc sảo, thật là một thiên tài về văn chương.

Tang lễ Phan Châu Trinh đã ảnh hưởng sâu sắc đến thế hệ thanh niên thời ấy, ai cũng một lòng hướng về cụ, noi gương yêu nước của cụ.

Ngu ngốc của thực dân Pháp là khủng bố những người để tang và dự truy điệu. Học sinh bãi khoá bị đuổi học một năm hoặc bị đuổi hẳn. Lực lượng bí mật của Nguyễn Ái Quốc đã tập hợp họ

---

[1] Vụ nổ lớn đã tạo ra vũ trụ.

vào hàng ngũ cách mạng. Lúc đầu họ chưa là cộng sản - mác xít nhưng được tôi luyện trong tổ chức rồi trong nhà tù nhiều người đã trở thành những chiến sĩ trung kiên, trong hàng ngũ của cụ Hồ lãnh đạo đất nước.

Tôi đã ở Hà Nội năm 1945-1946, có được tiếp xúc nhiều với các vị lãnh đạo cách mạng, có quen biết cả Bảo Đại, Nguyễn Hải Thần... Các sự kiện diễn ra thời kỳ ấy chứng tỏ tài trí của Cụ Hồ. Cụ tiếp xúc rộng, hiểu tình hình quốc tế, hiểu kẻ thù, nhạy bén phán đoán tình hình, cụ biết xoay xở tự tháo gỡ khó khăn. Cụ Hồ đúng là bậc trí tuệ lớn. Nhưng tôi nghĩ trong trí tuệ của Người cũng có phần đóng góp của Phan Châu Trinh và Phan Văn Trường, đặc biệt khi cụ Hồ sang Pháp gần gũi 2 cụ Phan trong 6-7 năm.

Theo suy nghĩ của tôi (Hoàng Xuân Hãn) thì mặc dù đi 2 con đường khác nhau nhưng giữa cụ Phan Châu Trinh và Cụ Hồ có nhiều mối tương đồng hơn là bất đồng như một số học giả nhấn mạnh.

Bức thư gửi Nguyễn Ái Quốc ngày 18-2-1922 của cụ Phan rất quan trọng. Nó cho thấy các cụ đều một lòng tha thiết hướng về đất nước, căm thù thực dân và luôn nghĩ cách giải thoát đất nước. Cụ Phan đã thấy rõ hướng đi vận động giới cầm quyền Pháp của mình rất ít có kết quả, cụ chấp nhận hướng đi mới của Nguyễn, chỉ khuyên nên sớm về nước hoạt động trực tiếp trong nhân dân. Bản thân cụ hứa sẽ về để vận động xây dựng nội lực quốc dân... Theo tôi, cụ Hồ đã nhất trí với cụ Phan khi tìm cách về gần nước rồi cuối cùng về hẳn trong nước để hoạt động. Nhưng cụ Hồ không liều lĩnh về sớm và công khai hoạt động theo lối "khẩu tuyết vô bằng" như cụ Phan gợi ý, vì trên thực tế có nhiều nguy cơ bị tiêu diệt. Cụ Hồ đã kết hợp một cách thông minh với chủ trương "ngoạ ngoại chiêu hiền", khi đủ lực lượng hậu thuẫn bảo đảm an toàn mới về hẳn trong nước để hoạt động.

Cụ Hồ đã phải lãnh đạo nhân dân thực hiện hai cuộc kháng chiến để giải phóng đất nước. Một số ý kiến cho là Cụ chủ chiến, tôi thấy không đúng. Năm 1945 và 1946 tôi đã thấy Cụ xoay xở đủ cách để tránh chiến tranh, đẩy lùi chiến tranh, thậm chí đã chấp nhận cử phái đoàn quan trọng và tự mình sang Pháp năm 1946 để

thương lượng. Có thể nói là Cụ đã vào "hang hùm", có nguy cơ bị hãm hại, bị giữ lại, đưa đi đày... Trong thương lượng có lúc Cụ phải quyền biến chấp nhận ở trong khối Liên hiệp Pháp để thoát hiểm, để đẩy lùi chiến tranh. Có thể nói chiến tranh là do Pháp và Mỹ áp đặt, buộc ta phải trả giá cho độc lập của dân tộc và cho cả trào lưu giải phóng các dân tộc, không phải do cụ Hồ hay dân ta muốn.

Phần Phan Châu Trinh: sau khi Nguyễn Ái Quốc đi Liên Xô và Phan Văn Trường về nước, cụ Phan đã thấy rõ chỉ có thể dựa vào bầu cử thắng lợi của cánh tả Pháp. Sau khi cánh tả lập được chính quyền, cụ nắm thời cơ ráo riết vận động để thực hiện kỳ được ý đồ về nước.

Cụ dựa cánh tả Đảng xã hội và Liên minh Nhân quyền với nghị sĩ Moutet, tân Bộ trưởng thuộc địa Daladier và các trí thức tiến bộ Pháp. Phía Việt Nam thì cụ liên kết rộng rãi các lực lượng sinh viên học sinh, các lực lượng lao động bồi bếp và thợ thuyền, kể cả một số người trước đây đã đi với thực dân như Trần Văn Khá[1]. Cụ đã hình thành một Mặt trận Liên hiệp Pháp - Việt do cụ làm Chủ tịch và Trần Văn Khá làm tổng thư ký. Mặt trận này sẽ làm hậu thuẫn chính trị cho việc về nước của cụ luôn gặp trở ngại lớn từ phía thực dân. Đó cũng sẽ là hậu thuẫn bảo vệ cụ sau khi về nước trong các hoạt động dân tộc, dân chủ. Ngày nay có nhà nghiên cứu lịch sử đánh giá là cụ mơ hồ. Mơ hồ thế nào khi lực lượng Pháp mà cụ liên kết toàn là những người Pháp tiến bộ, chống chế độ cai trị hà khắc ở thuộc địa. Và khi ấy cụ cũng đã lôi kéo được hầu hết người Việt Nam ở Pháp vào mặt trận ấy.

Sau 14 năm ở Pháp, Phan Châu Trinh về nước, sau có mấy tháng hoạt động đã đẩy lên được một phong trào có thể gọi là "Duy tân mới", sôi nổi, mạnh mẽ, công khai hợp pháp rộng rãi trong khắp nước với lực lượng các chí sĩ Duy tân cũ, các trí thức tân học, các nhà tư sản dân tộc, các lực lượng điền chủ phú hào và cả lực lượng quần chúng học sinh, sinh viên và người lao động... Nhưng cụ chưa đủ thời gian và sức lực để hình thành một tổ chức thống nhất. Và ngay tang lễ cụ tuy có tác động mãnh liệt và rộng rãi,

---

[1] Trước đây đã chủ trì tổ chức Thanh niên Sinh viên do Bộ Thuộc địa lập ở đường Sommerard.

huy động được lòng yêu nước trong nhân dân, nhưng phải chờ đến sự vận động của những chiến sĩ của cụ Hồ mới hình thành được một phong trào vững chắc đủ sức đương đầu với thực dân.

Để đánh giá đúng Phan Châu Trinh, cần ôn lại lịch sử: Nhật bắt đầu canh tân từ 1867, họ bỏ ngay âm lịch, bỏ ngay văn hoá Trung Quốc, tiếp thu mạnh mẽ khoa học kỹ thuật phương Tây. Đó là nhờ có triều Minh Trị sáng suốt đi đầu và thống nhất trong toàn quốc. Việt Nam ta cũng có người sớm thấy vấn đề như Nguyễn Trường Tộ, Phạm Phú Thứ, Nguyễn Lộ Trạch... nhưng vì tôn quân, không được vua chấp nhận thì không làm được. Tự Đức có làm nhưng dở dang, sĩ phu vẫn chạy theo nếp cũ. Ta đã để mất cơ hội canh tân trong tư thế độc lập.

Phan Châu Trinh nghiên cứu tân thư, xem gương nước Nhật, thấy Pháp tuy đô hộ nước ta rất tàn khốc nhưng là nôi văn hoá, nơi xuất phát tư tưởng dân quyền phương Tây, thấy triều đình Huế nát vô phương cứu chữa. Cụ chủ trương dựa vào lý tưởng của cách mạng Pháp để đòi hỏi canh tân: cải thiện chế độ cai trị, mở rộng giáo dục, vận động nhân dân tự lực vươn lên thực hiện tân văn hoá sinh hoạt, tân kinh tế tạo nội lực trong quốc dân... thực hiện canh tân ngay dưới ách nô lệ. Từ chủ trương đó Phan Châu Trinh đã tiến hành tổ chức và thực hành, đứng ra vận động thực hiện thí điểm ban đầu ở Quảng Nam rồi Bình Thuận, Nghệ Tĩnh, vùng quanh Hà Nội và ảnh hưởng vào cả Nam Kỳ.

Cụ đã xông xáo đi lại khắp nước, liên kết các sĩ phu cấp tiến, tỏ rõ khí phách người chí sĩ yêu nước: mở được nhiều cơ sở ở Quảng Nam, Liên Thành ở Phan Thiết, Đông Kinh Nghĩa Thục ở Hà Nội, Minh Tân Cuộc ở Nam Kỳ. Chỉ 4-5 năm vận động hồi đầu thế kỷ, dân khí đã bồng bột lên cao gây biến đổi lớn trên nhiều mặt:

- Đổi mới trong ăn mặc, đầu tóc, viết lách. Đưa chữ quốc ngữ lên ngôi. Phong trào cải lương hương tục sôi nổi trong nhiều vùng quê.

- Trong suy nghĩ: tư tưởng tự quản dân chủ phát triển, dám mạo hiểm, ham học hỏi, đi vào khoa học kỹ thuật.

- Về chính trị: tránh bạo lực, đoàn kết nội bộ, đấu tranh hợp pháp mềm dẻo với thực dân, tranh thủ những thành phần có thiện

chí...

- Về kinh tế: học cách làm ăn mới, mở mang các ngành nghề...

Công cuộc canh tân này tuy sau đó bị thực dân đàn áp dữ dội nhưng vẫn để lại những dấu ấn không phai mờ trong đời sống của dân ta. Và đến khi cụ Phan về nước lại sống lại mạnh mẽ, rồi với tang lễ của cụ lại chuyển lên một bước mới mang tính bán hợp pháp dưới sự đàn áp của thực dân Pháp.

Phan Châu Trinh là một nấc thang, một mắt xích trong lịch sử, có nghĩa là nấc thang sau cao hơn nấc thang trước, mắt xích sau có thể có tầm quan trọng và có tầm quyết định hơn những mắt xích trước, nhưng nấc thang và mắt xích trước là không thể thiếu được. Hơn nữa tôi thấy cần nhấn mạnh thêm là: những tư tưởng của Phan Châu Trinh về cơ bản vẫn còn giá trị lớn đối với xã hội ngày nay.

Phụ lục VI

HỌ PHAN Ở TÂY LỘC (TAM KỲ - QUẢNG NAM)

Tài liệu do ông Phan Thanh Việt cung cấp

Các văn bản gia phả bị thất lạc chỉ còn sự truyền miệng của cha ông. Riêng ông tổ họ Phan ở Tây Lộc là tổ của tộc, đồng thời là tiền hiền của làng Tây Lộc trước chiến tranh còn tồn tại một ngôi mộ khá lớn được xây trước đền tiền hiền, trên một gò cao gọi là Gò Đình. Trước đây quanh đình có những cây cổ thụ, cảnh vật rất uy nghi. Mộ có bia lớn khắc bằng chữ Nho. Nhưng trong kháng chiến chống Mỹ toàn bộ khu mộ này cũng như đền tiền hiền, nhà thờ tộc[1] và mồ mả của thân nhân Phan Châu Trinh đều bị đại bác từ đồn Mỹ đóng ở núi "Cây đa dù" thường xuyên bắn sang, phá tan nát cả ngôi mộ và bia, cả đền tiền hiền đến đám cây cổ thụ đẹp đẽ cũng không còn. Năm 1992 mộ tổ được tái thiết với văn bia ghi chữ quốc ngữ như sau:

Mộ bia mã tổ
Mộ Cụ Tổ Họ Phan
Làng Tây Lộc - Huyện Hà Đông - Tỉnh Quảng Nam
Ông Phan Văn Sỹ
Không rõ năm sinh và năm mất
(bia cũ bị bể nát không đọc được)
Tái thiết mộ đầu năm 1992
Tại xã Tam Lộc - huyện Tam Kỳ - tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng
Con cháu đồng phụng lập

---

[1] Được xây dựng khá lớn bằng số tiền 1.000 đồng Đông Dương trích trong tang lễ ở Sài Gòn.

Năm 1997, con cháu trong tộc đã xây dựng lại nhà thờ tộc trên nền cũ của nhà thờ bị tàn phá với quy mô khiêm tốn hơn.

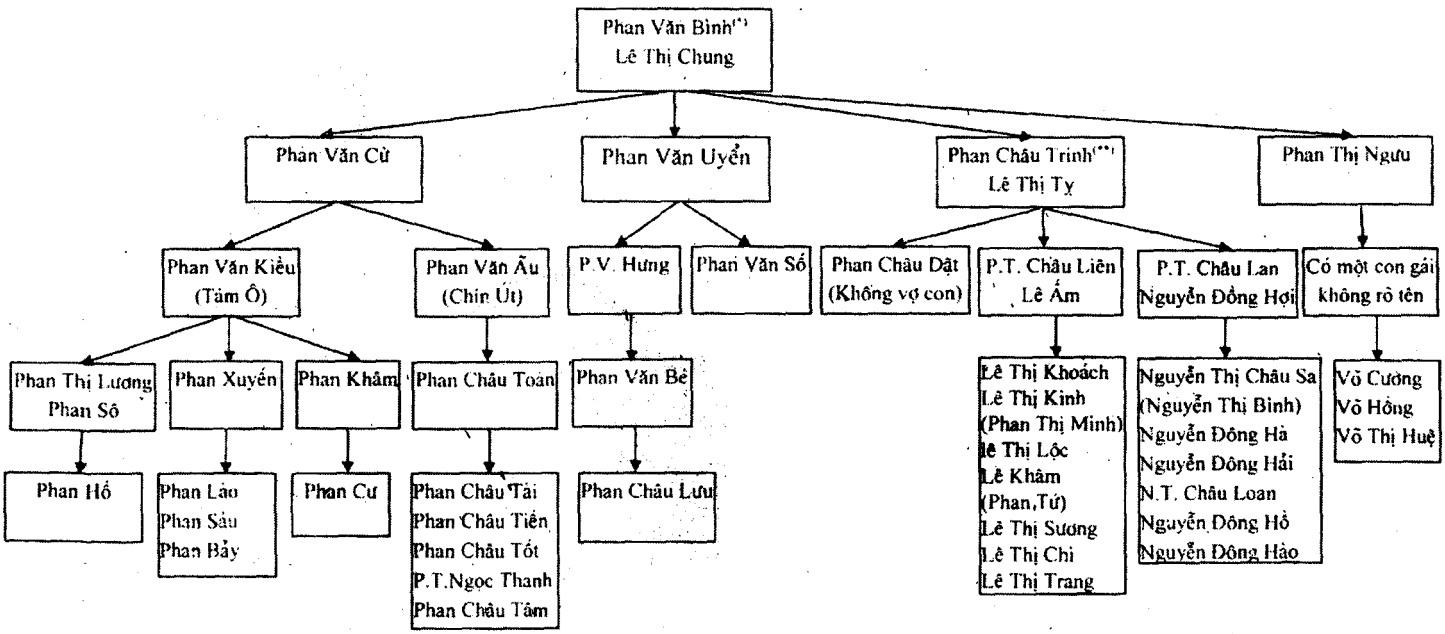
Mỗi năm con cháu toàn tộc có ba lần làm lễ cúng tổ tiên: Tế Xuân, Tế Thu và Chạp Mả. Mỗi kỳ tế đều có đọc văn tế chữ Nho trong đó có câu: "Nguyễn sở sinh, Phan sở dưỡng". Được hiểu rằng: cụ tổ họ Phan đồng thời là vị tiền hiền có tên trên bia vốn là họ Nguyễn đã lưu lạc vào Quảng Nam, được ông người họ Phan ở vùng Đo Đo[1] nhận làm con nuôi, lúc trưởng thành Cụ đã lên khai phá vùng đất sát núi và xây dựng thành làng Tây Lộc.

Thuở xưa làng Tây Lộc thuộc tổng Vinh Quý, huyện Hà Đông, tỉnh Quảng Nam. Đến 1920 huyện Hà Đông được chia thành phủ Tam Kỳ và huyện Tiên Phước, Tây Lộc thuộc huyện Tiên Phước. Sau Cách mạng tháng Tám làng Tây Lộc được đổi thành Tây Hồ (theo bút hiệu của Phan Châu Trinh). Khi nhập thành xã lớn đổi thành Tiên Hồ thuộc huyện Tiên Phước. Dưới chính quyền Ngô Đình Diệm, lại được đổi thành xã Phước Long và nhập về quận Tam Kỳ để thuận tiện giao thông. Năm 1976 đổi thành xã Tam Lộc thuộc thị xã Tam Kỳ của tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng, rồi của tỉnh Quảng Nam.

[1] Một địa danh cách Tây Lộc mươi cây số, thuộc huyện Thăng Bình.

LƯỢC TRÍCH GIA PHẢ BÊN NỘI PHAN CHÂU TRINH

(Do ông Phan Thanh Việt cung cấp)

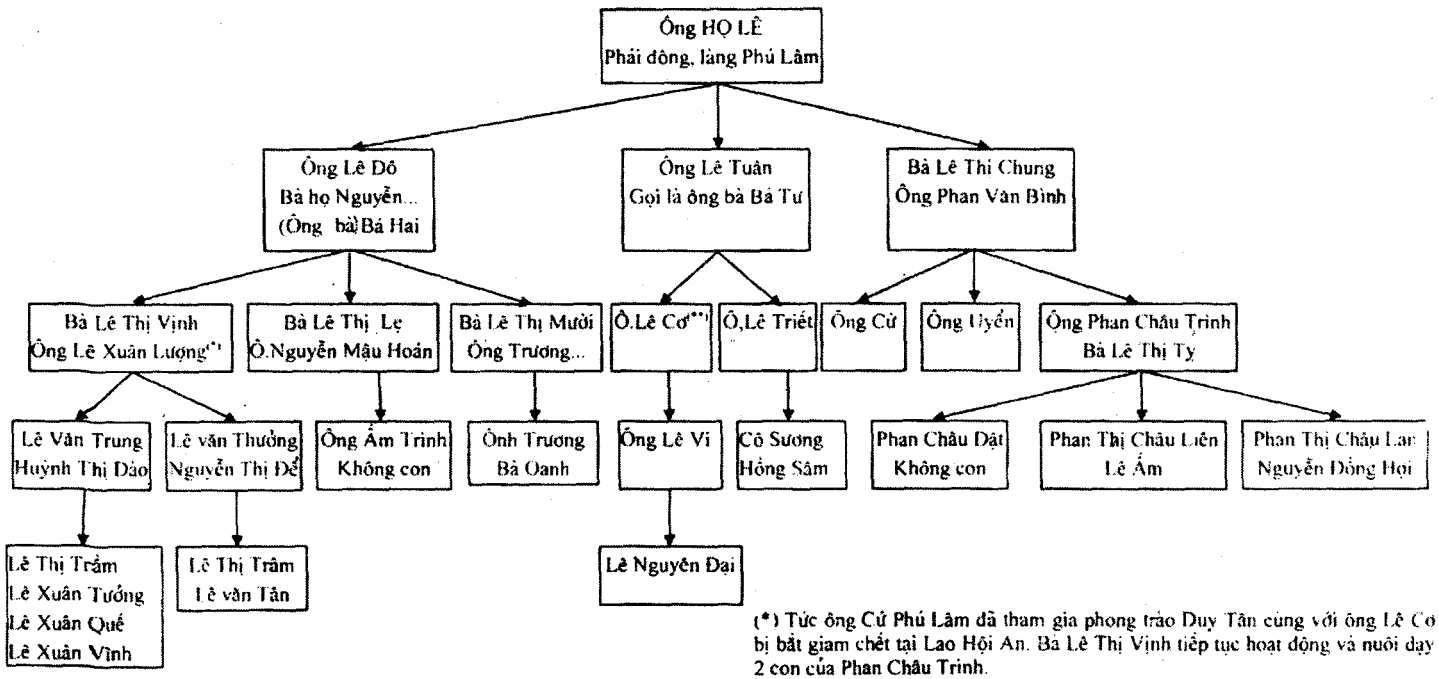


(*) Bà Lê Thị Chung mất sớm (khi bà Ngưu khoảng 4 tuổi) Ông Phan Văn Bình cưới vợ kế sinh 3 bà: Phan Thị Miện, Phan Thị Ngai và Phan Thị Trà, con cháu vào sinh sống tại Nam Bộ.

(**) Trong bản gia phả, ông Phan Thanh Việt có ghi "Phan Châu Trinh lúc còn nhỏ còn có tên là Phan Văn Tuần". Chi tiết này chúng tôi chưa thấy tài liệu nào ghi nên chưa khẳng định được. Ông Phan Châu Trinh và bà Lê Thị Tỵ có nuôi trong gia đình một người cháu họ tên là Phan Hú. Ông Hú đã chăm sóc ông Dật tại Huế cho đến khi mất.

LƯỢC TRÍCH GIA PHẢ BÊN NGOẠI PHAN CHÂU TRINH

(Do ông Lê Xuân Vĩnh cung cấp)



(*) Tức ông Cử Phú Lâm đã tham gia phong trào Duy Tân cùng với ông Lê Cơ bị bắt giam chết tại Lao Hội An. Bà Lê Thị Vịnh tiếp tục hoạt động và nuôi dạy 2 con của Phan Châu Trinh.

(**) Chủ trì Duy Tân tại Phu Lâm 2 lần bị tù lần cuối bị bắn chết năm 1916 tại Lao Bảo.

Phụ lục VII

I. CHUNG QUANH SỐ TIỀN QUYÊN GÓP CỦA NHÂN DÂN TRONG DỊP TANG LỄ:

Ngay trong lúc tổ chức tang lễ ban đầu mật thám đã đưa con số rất lớn và đặt nhiều nghi vấn bôi nhọ những người đi thu nhận và quản lý số tiền quyên góp được. Tuy việc diễn ra đã quá lâu rồi nhưng cần phải làm rõ để khỏi thương tổn danh dự của những người liên quan.

- Trước hết cần thấy: để đạt được mức "quốc tang" cần có những chi tiêu nhất định, nhất thiết cần tổ chức quyên góp để có tiền chi tiêu.

Tiền quyên góp không những cần để chi tiêu cho lễ mai táng mà còn cho nghi thức của các đoàn đi đưa tang (trướng liễn, bàn phúng...). Ngoài ra còn chi cho các buổi lễ truy điệu hay tưởng niệm tổ chức ở từng đơn vị hay từng địa phương (không thể thống kê được) và xây mộ chí cùng đền thờ cho Cụ.

- Việc quyên góp chỉ diễn ra trong mấy hôm trước tang lễ, trong tình hình phải tiến hành gấp rút như vậy, khó có thể tổ chức thật hoàn hảo chặt chẽ về sổ sách, giấy tờ... Nhưng với không khí sôi nổi nhiệt tình đến cao độ của quần chúng và của lực lượng yêu nước tổ chức tang lễ, ta có thể tin là các hao hụt đã bị hạn chế đến mức tối đa vì tình cảm thiêng liêng đối với nhà chí sĩ vừa qua đời, chỉ trông chờ vào nghĩa cử quyên góp của đồng bào để có tang lễ đúng mức và "mồ yên mả đẹp".

Ban đầu Sở Mật thám đưa ra một con số rất lớn: 100.000 đồng Đông Dương. Ở Quảng Châu Nguyễn Ái Quốc - Lý Thuỵ cũng được thông báo con số ấy. Nhưng chính Sở Mật thám sau đó

cũng tự đính chính, trong báo cáo ngày 19-9-1926 họ đã xác nhận lại là Ban tang lễ chỉ nhận được 15.000 đồng Đông Dương.

II. SỬ DỤNG TIỀN QUYÊN GÓP ĐƯỢC.

Việc mai táng và chi tiêu trực tiếp của ban tang lễ hết 2.366 đồng Đông Dương. Ban tang lễ đã trao khoản còn lại 12.634 đồng ĐD cho 4 người con và rể của Phan Châu Trinh. Những người này chỉ xin giữ lại 1.000 đồng ĐD để xây dựng nhà thờ tộc tại làng quê Tây Lộc. Còn số tiền 11.634 đồng ĐD đã gửi lại cho cụ Huỳnh Đình Điển là bạn thân của Phan Châu Trinh và là nhân sĩ đảm trách việc quản lý tiền bạc trong tang lễ rất rành mạch. Gia đình đã uỷ thác cho Cụ lo mọi việc xây cất phần mộ, bia, nhà thờ... Cụ Huỳnh Đình Điển đã làm việc rất cẩn trọng, chu đáo, sau hơn 3 năm mới hoàn thành, và lập báo cáo thanh quyết toán như tài liệu kèm theo sau.

Trong thời gian thực hiện xây cất có một số dư luận xấu được tung ra. Đến khi Cụ hoàn thành một hệ thống công trình với chất lượng cao đồng thời mua cả mấy căn nhà cho thuê làm kinh phí duy tu và hương khói và bản tổng quyết toán được công bố đầu 1930 thì các dư luận đó mới chấm dứt.

Ban đầu Cụ Huỳnh Đình Điển đã tự đứng tên mua nhà và đất, nhưng là người cẩn trọng, nghĩ xa trông rộng, e rằng tương lai có thể có những diễn biến phức tạp, đến năm 1941 Cụ đã làm thủ tục chuyển tất cả tài sản trên thành "hương hoả Phan Châu Trinh" lập đăng ký tại địa bộ chính quyền thuộc Pháp thành phố Sài Gòn.

III. CÔNG BỐ CÁC KHOẢN CHI DÙNG CHO XÂY MỘ, NHÀ THỜ...

Thư của cụ Huỳnh Đình Điển:

Sài Gòn, ngày 15 tháng 2 năm 1930

Quý ông Lê Ấm và Nguyễn Đồng Hợi,

Ngày 8 tháng 4 năm 1926 Ban tang lễ của cụ Phan Tây Hồ, thân sinh quý ông đã họp tại trụ sở Đông Pháp thời báo *và trao*

cho quý ông số tiền còn lại của các khoản phúng điếu tang lễ. Quý ông đã trao cho tôi khoản đó để xây dựng mộ, nhà thờ, bia...

Tôi đã hết sức lo làm và hôm nay xin kính chuyển bản thanh toán cùng với tất cả chứng từ để quý ông kiểm tra.

Trong tháng 9 căn nhà tôi mua, tôi đã dùng 6 căn nhà để xây dựng nhà thờ còn 3 căn tôi cho mướn 45 đồng Đông Dương mỗi tháng.

Vì tình nghĩa với người bạn vô cùng thương tiếc tôi đã bỏ ngoài tai mọi dư luận không đúng, chỉ lo làm nhiệm vụ được giao.

Rất mong tài liệu này được công bố.

Ký tên: Huỳnh Đình Điển

Bảng thanh toán Tiền thu

STT	*Diễn giải*	*Số tiền*
1	*Tiền quyên góp tặng trong tang lễ (trừ phần đã chi trong tang lễ)*	*11.634đ*
2	*Tiền tặng vô danh trong ngày giỗ đầu*	*20đ*
3	*Tiền lãi ngân hàng Đông Dương trả*	*441đ 59*
4	*Tiền cho thuê nhà từ 1/1927 đến 12/1929*	*2.350đ*
Tiền chi		
1	*Làm mộ*	*456đ 26*
2	*Làm bia*	*236đ 00*
3	*Mua đất và nhà*	*7.311đ 60*
4	*Chi tiêu trong mua nhà đất*	*494đ 99*
5	*Xây nhà thờ và chữa 3 căn nhà*	*5.487đ 60*
6	*Chi cho ngày giỗ đầu*	*66đ 40*
7	*Chi cho ngày giỗ thứ hai*	*63đ 31*
8	*Chi cho ngày giỗ thứ ba*	*98đ 00*
9	*Chi cúng trong dịp Tết 1930*	*41đ 60*
10	*Linh tinh*	*85đ 83*

***

Bài đăng trong báo *Tiếng Dân* 19/3/1930

Về nhà thờ Phan Tây Hồ

Quy Nhơn, ngày 28 tháng 2 năm 1930

Kính gửi ông Chủ nhiệm báo Tiếng Dân

Thư này xin kính trình ông việc sau đây:

Sau khi chôn cất cha và nhạc phụ chúng tôi Phan Châu Trinh, chứng tỏ có trao cho ông Huỳnh Đình Điển bạn thân của cha tôi khoản tiền 11.634 đồng còn lại của tiền phúng điếu để nhờ ông xây dựng mộ và nhà thờ vì chúng tôi không trực tiếp lo được.

Chúng tôi vừa nhận được thư của ông Điển báo là đã hoàn thành việc chúng tôi nhờ, kèm theo có bản liệt kê các khoản chi xây dựng mộ, nhà thờ và các chứng từ về các khoản chi đó.

Chúng tôi xin bày tỏ lòng cảm tạ sâu sắc ông Điển đã thực hiện rất tốt công việc được tin cậy giao phó.

Xin gửi theo đây thư và bản chi tiêu, nhờ ông cho đăng lên để mọi người đã phúng điếu đều được rõ.

Rất mong...

Ký tên:
Lê Ấm
Phan Thị Liên
Nguyễn Đồng Hợi
Phan Thị Lan

Phụ lục VIII

CÁC CÔNG TRÌNH LƯU NIỆM PHAN CHÂU TRINH HIỆN CÓ

I. KHU LƯU NIỆM PHAN CHÂU TRINH TẠI TÂN SƠN NHẤT

Là khu quan trọng, có ý nghĩa lịch sử nhất, bao gồm: mộ chí của Phan Châu Trinh, một nhà thờ phục chế và khu bảo tàng mới xây dựng, bao quanh là một khu vườn khang trang 2.000m2.

Suốt hai cuộc kháng chiến các công trình do cụ Huỳnh Đình Điển xây dựng vẫn tồn tại nhưng đã bị một số ảnh hưởng.

- Thời trước 1975, khu vực nghĩa địa "Gò Công tương tế" đã bị giải toả, đưa vào khuôn viên sân bay mở rộng, chỉ còn một ngôi mộ cụ Phan và một ngôi mộ khác xây kiên cố còn lưu lại. Khu vực đó được biến thành khu gia binh của quân đội Sài Gòn, sau giải phóng trở thành khu nhà ở của cán bộ và binh sĩ quản lý sân bay.

- Tại Đakao nhà thờ Cụ vẫn giữ được hình dáng, nhưng qua phát triển đô thị, đất vườn bao quanh có bị lấn chiếm một phần. Chợ Đakao ở sát rào nhà thờ gây ô nhiễm. Hơn nữa tình hình mộ và nhà thờ ở xa nhau cũng gây trở ngại cho việc làm lễ kỷ niệm Cụ.

Năm 1989 chúng tôi từ Đà Nẵng vào cùng với các cháu Cụ ở Thành phố Hồ Chí Minh đã họp bàn và đề xuất ý kiến: "Cần chuyển nhà thờ về cạnh mộ để hình thành một khu lưu niệm hoàn chỉnh. Kinh phí không xin Nhà nước mà chủ yếu sẽ lấy vào tiền thanh lý khu nhà thờ ở Đakao.

Để thực hiện được phương án trên cần có mấy bước quan trọng:

1. Xin đất ở quanh mộ cụ Phan: được sự ủng hộ của Đại tướng Võ Nguyên Giáp và Bộ Tư lệnh Quân khu 7, một diện tích 2.000m2 đã được cấp để xây dựng khu lưu niệm.

2. Làm thủ tục cần thiết để có quyền thanh lý khu nhà ở Đakao giấy tờ phía gia đình đã bị thất lạc hoàn toàn. Nhờ công sức của cháu ngoại Cụ là Nguyễn Đông Hà đã tìm ra bản gốc đăng ký "hương hoả Phan Châu Trinh" trong địa bộ cũ của chính quyền Sài Gòn. Các luật gia đã tư vấn. Do khu nhà Đakao mang tính hương hoả nên để có quyền thanh lý, bà Châu Liên là người con duy nhất còn sống phải làm thủ tục xin thừa kế. Bà Châu Liên đã làm đủ giấy tờ cần thiết và uỷ thác cho các cháu Cụ ở thành phố Hồ Chí Minh lo thủ tục thừa kế và thanh lý.

3. Phải thiết kế khu lưu niệm: tu chỉnh khu mộ, xây dựng nhà thờ, xây dựng khu trưng bày vật lưu niệm, khu nhà người quản lý. Các việc này chủ yếu do cháu ngoại Nguyễn Thị Châu Loan, kiến trúc sư đảm nhiệm.

Thành phố Hồ Chí Minh đã hào hiệp cho mượn vốn để khởi công xây dựng, trong lúc đó phải thương lượng với các hộ đang ở khu Đakao ở để thanh lý, nhằm thu tiền trả lại cho thành phố. Đây là một việc cực kỳ vất vả và phức tạp.

Mọi công việc trên chủ yếu do cháu ngoại Nguyễn Đông Hà thực hiện. Chẳng may khánh thành khu lưu niệm không lâu thì Hà mắc bệnh hiểm nghèo đã qua đời. Hiện nay việc trông coi khu lưu niệm do vợ của Nguyễn Đông Hà trực tiếp quản lý.

Việc xây dựng khu lưu niệm này ngoài nguồn thanh lý khu Đakao và công sức của con cháu còn có sự giúp đỡ của chính quyền, đoàn thể và nhiều cá nhân, đặc biệt nhiều cây cảnh và vật trang trí đẹp được từ khắp nơi gửi đến.

Lễ khánh thành được cử hành long trọng ngày 24-3-1993; phía gia tộc do cháu ngoại Cụ là Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Bình chủ trì, khách dự có Đại tướng Võ Nguyên Giáp và nhiều quan chức trung ương và địa phương.

Khu lưu niệm này đã trở thành một di tích đẹp đẽ, nơi viếng thăm của những khách ngưỡng mộ cụ Phan ở thành phố Hồ Chí Minh và khắp nước.

II. NHÀ LƯU NIỆM PHAN CHÂU TRINH TẠI ĐÀ NẴNG

Vợ chồng bà Châu Liên và ông Lê Ấm là người bảo quản các di vật và di cảo Phan Châu Trinh. Năm 1927 ông bà đã mua một nhà cũ tọa lạc trên 570m2 ở một đường phố lớn trong thành phố Đà Nẵng và lập thành "Nhà thờ Phan Châu Trinh". Về sau, đường phố đã được đặt tên là đường Phan Châu Trinh.

Trên thực tế sau khi lập nhà thờ, do ông Lê Ấm là nhà giáo nên gia đình phải di chuyển theo sự điều động của chính quyền (Huế, Quy Nhơn). Kháng chiến chống Pháp ông bà cùng con cái sống ở vùng núi Phước Sơn, nhà thờ được giao cho ông Phan Văn Ấu gọi Phan Châu Trinh là chú ruột trông nom. Nhưng khi ông này theo con vào sinh sống ở Sài Gòn thì nhà thờ có lúc không có người quản.

Trong kháng chiến chống Mỹ, gia đình bà Châu Liên đã rời vùng núi Phước Sơn chuyển về Đà Nẵng, trở lại quản lý nhà thờ Phan Châu Trinh và tham gia phong trào đấu tranh hợp pháp. Nhà thờ đã trở thành chỗ dựa của phong trào học sinh, sinh viên yêu nước.

Miền Nam giải phóng, con cháu về sum họp là lúc ông Lê Ấm bị bệnh nặng, ông bà phải chuyển đi nơi khác và ông qua đời năm 1976. Nhà thờ trở lại hoang vắng, bị đổ nát. Năm 1986 con cháu trong nhà quyết định xây lại nhà thờ và đổi tên là Nhà lưu niệm Phan Châu Trinh. Đất chỉ giữ lại một khuôn viên 290m2. Cháu gái Lê Thị Lộc đã từ thành phố Hồ Chí Minh ra trông nom xây dựng, nguồn kinh phí do cháu gái Lê Thị Kinh lo. Năm 1990 Lê Thị Kinh nghỉ hưu, đã chuyển về ở đấy và cùng với gia đình trực tiếp quản lý Nhà lưu niệm.

Các di cảo và di vật của Phan Châu Trinh do gia đình bảo quản đều chuyển về đây và giao lại cho Lê Thị Kinh quản lý. Nơi đây cũng là nơi phúng viếng của các cơ quan đoàn thể ở Đà Nẵng, các tỉnh miền Trung và khách vãng lai.

III. NHÀ LƯU NIỆM PHAN CHÂU TRINH TẠI LÀNG QUÊ TÂY LỘC DO UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM XÂY DỰNG NĂM 2001-2002

Trong khu vực nhà cũ của tổ phụ Phan Châu Trinh trước đây có ngôi nhà rường to đẹp 5 gian 2 chái, toàn bằng gỗ quý, cột nhà

to bằng một người ôm, chân cột bằng đá nguyên khối cao 0,6-0,7m. Trong kháng chiến chống Mỹ ngôi nhà đó có nguy cơ bị bom đạn huỷ hoại nên năm 1968 con cháu đã bán đi và cây gỗ bị thất lạc gần hết. Ngôi nhà nhỏ riêng của vợ chồng Phan Châu Trinh cũng bị dỡ đi sau khi bà Phan Châu Trinh qua đời (1915).

Năm 2000 để tưởng niệm Phan Châu Trinh, trên nền nhà của tổ phụ, chính quyền Quảng Nam đã xây một ngôi nhà lưu niệm theo thiết kế của Sở Văn hoá tỉnh, có dáng dấp cổ kính, có mái ghép tứ linh cùng gỗ quý được chạm trổ khá đẹp do bàn tay của thợ Hội An. Trong nhà đã có bàn thờ Phan Châu Trinh và một số hình ảnh về Cụ do Nhà bảo tàng tỉnh Quảng Nam sao chụp từ Nhà lưu niệm Đà Nẵng.

Lãnh đạo tỉnh đã quan tâm cải tạo con đường từ Tam Kỳ đến quê Cụ, đặc biệt đoạn đường dốc đá từ chân đồi lên Nhà lưu niệm đã được tu sửa thành đường dốc bằng bê tông dễ đi, không còn các tảng đá gập ghềnh như xưa.

Tuy nhiên để đáp ứng yêu cầu một nhà lưu niệm, nội thất cũng như ngoại cảnh cần được tiếp tục bổ sung, đặc biệt cần có một tủ sách sao lục các văn kiện chủ yếu của Cụ và tài liệu về Cụ. Đồng thời cần có người quản lý am hiểu về Cụ.

IV. KHU MỘ CỦA THÂN SINH, THÂN MẪU, ANH CẢ VÀ VỢ CON PHAN CHÂU TRINH TẠI TÂY LỘC.

Các mộ được chôn rải rác trên một gò đất có tên gọi là "Vườn Kho" (có thể là do thời kỳ làm chuyển vận sứ cho Nghĩa hội Cần vương; cụ Phan Văn Bình đã dựng kho cất giấu lương thực tại đây).

Mộ cụ Phan Văn Bình, Phan Châu Dật và bà Phan Châu Trinh chôn gần nhau, có tường đá ong bọc vành ngoài hoặc có đá chất quanh mộ và có bia. Mộ bà Lê Thị Chung chôn ở nơi cách các mộ kia khoảng 20m, mộ cụ Phan Văn Cừ, anh cả Phan Châu Trinh cách khoảng 8m. Các mộ đều có bia và vành đá bọc quanh.

Thời chiến tranh ác liệt, từ đồn Mỹ đóng trên đồi "cây đa dù" đại bác địch đã nã thẳng vào khu vực đó, tất cả các mộ đều bị huỷ hoại, mất nấm, bia bị vỡ nát, đá bao quanh nấm đều bị văng ra xa,

nhưng nhờ đất núi có nền chắc nên các mộ đều còn nhận ra được,

Năm 1989 chúng tôi là các cháu ngoại đã nhân danh mẹ là Phan Thị Châu Liên xây dựng lại 5 ngôi mộ nói trên.

Lúc đó do điều kiện vận chuyển vật liệu khó khăn, thợ nề tại địa phương rất hiếm nên các mộ được xây với kỹ thuật hạn chế, qua 15 năm đã xuống cấp nhiều. Cần sớm quy hoạch và xây dựng lại để xứng đáng là khu mộ của những người thân thiết của Phan Châu Trinh.

V. ĐƯỢC BIẾT MỘT TRƯỜNG CẤP 3 MANG TÊN PHAN CHÂU TRINH SẼ ĐƯỢC XÂY DỰNG TẠI ĐỊA PHẬN THÔN TÂY LỘC

Khi hoàn thành sẽ góp phần làm cho nơi cụ Phan sinh ra và lớn lên thành một nơi khang trang, đáp ứng tình cảm của những người ngưỡng mộ Cụ.

Phụ lục IX

MỘT SỐ CẢM NGHĨ CỦA TÁC GIẢ QUA 2 TẬP TÁC PHẨM "PHAN CHÂU TRINH QUA CÁC TÀI LIỆU MỚI"[1]

Tôi bắt đầu công việc sưu tầm lúc ngót 70 tuổi, nay hoàn thành đủ hai tập thì đã sắp 80 tuổi. Tuy còn hoài bão tiếp tục nghiên cứu một số vấn đề nhưng chắc chắn sẽ không phải tầm vóc của công trình đã hoàn thành. Ngót 10 năm qua tôi đã tranh thủ ý kiến, lĩnh hội nhiều lời khuyên và gợi ý của các vị đàn anh hay đồng sự. Ngoài các điều tôi đã ghi vào các phụ lục trên đây còn lưu lại nhiều cảm nghĩ tôi xin đúc kết như sau trước khi chấm dứt công trình này:

1. Trước hết xin lưu ý là các tài liệu đã sưu tầm và công bố trong hai tập này chưa phải là đầy đủ, cần được tiếp tục tìm tòi và bổ sung.

Ví dụ:

a) Tôi chưa khai thác được mấy các báo chí sách vở trong nước (tiếng Pháp và tiếng Việt) còn nhiều bài rất hay liên quan đến phong trào duy tân, phong trào chống thuế, mô tả các hoạt động sôi nổi trong dịp tang lễ Phan Châu Trinh.

b) Ở Pháp: vẫn còn một số tài liệu quan trọng, đặc biệt còn các tài liệu cá nhân của Phan Châu Trinh bị thu giữ khi soát xét nhà Cụ ở 16 Cujas Hội đồng quân sự số 1 Paris đánh giá là có

---

[1] Tức là Tập I và Tập II của bộ sách do Lê Thị Kinh (Phan Thị Minh) biên soạn: PHAN CHÂU TRINH QUA CÁC TÀI LIỆU MỚI - Nxb, Đà Nẵng 2001 và 2003.

nhiều giấy tờ khả nghi, đặc biệt có những bức thư của Tất Thành... Trước khi về nước Cụ Phan còn khẳng định là "các tài liệu đó vẫn chưa được trả lại".

Tại CAOM Aix en Provence không thấy các tài liệu trên. Năm 1998 tìm ở Thư khố quân sự Vincennes (Paris) cũng không có, tôi đã đến Thư khố vùng Paris (ở gần ga tàu điện "Porte des Lilas") thì được báo là loại tài liệu đó đang được lưu giữ ở chi nhánh Essonne của Thư khố, có đơn cụ thể thì một tuần sau tài liệu sẽ được chuyển về, hoặc có thể "đặt hàng" cho nhân viên thư khố sưu tầm rồi thanh toán kinh phí. Do thời gian và kinh phí đều cạn nên tôi không làm được, có nhờ vài người bạn nhưng cho đến nay vẫn chưa có kết quả.

c) Ở Pháp nhiều gia đình lưu giữ rất tốt tài liệu của người thân. Nhờ liên lạc được hậu duệ của ông Babut, tôi đã có được một số tài liệu quý. Nhưng tôi chưa tìm được hậu duệ của Jules Roux, người anh kết nghĩa của Cụ Phan, hi vọng tìm được một số thư của Cụ Phan viết cho ông Roux. Hoặc có thể tìm được ảnh của ông Roux thời đó (Cụ Phan có đem về ảnh của cả gia đình, nhưng đã bị mất năm 1952 khi cháy nhà ông Huỳnh Lý đã mượn để sao chụp).

d) Ở Pháp, Cụ Phan có vẽ chân dung cho một số người Pháp, Nam. Cụ thường ghi rõ "Phan Châu Trinh hoạ" ở góc dưới. Khi tìm được cần chú ý ghi tên người trong chân dung và nơi lưu giữ.

2. Chúng tôi rất mong được sự hỗ trợ để sắp xếp, bổ sung và bảo quản lâu dài các di cảo và tài liệu về Phan Châu Trinh.

Hiện nay, tại 72 Phan Châu Trinh thành phố Đà Nẵng, chúng tôi đang bảo quản hầu hết các bản gốc di cảo, di vật do Phan Châu Trinh đem về từ Pháp, và các tài liệu về tang lễ Cụ. Các tài liệu này đã được nhóm giáo sư và sinh viên trường Sư phạm Huế do giáo sư Nguyễn Văn Dương chủ trì đã phân loại và sắp xếp có hệ thống hợp lý. Về cơ bản sự phân loại và sắp xếp ấy vẫn được giữ nguyên.

Thêm vào đó trong hơn 10 năm qua, thêm hàng nghìn trang tài liệu đã được sưu tầm, biên dịch và bổ sung... có nhiều ảnh và sách báo đã sưu tầm và phục chế được.

Đã có tủ, bàn ghế thông thường để sắp xếp các tài liệu trên và tiếp khách đến nghiên cứu, nhưng chúng tôi chưa có phương

tiện gì đặc biệt để bảo quản các tài liệu quý được lâu dài. Có một số người đã gợi ý cần có một phòng nhỏ có điều hoà không khí và chống cháy, đồng thời có người am hiểu để quản lý lâu dài và giới thiệu cho khách đến thăm hoặc nghiên cứu. Có ý kiến khuyên nên cho tất cả di cảo của Cụ vào ổ đĩa cứng để bảo quản được lâu dài và dễ phục vụ người nghiên cứu. Trước mắt chúng tôi khó thực hiện được vì thiếu điều kiện vật chất và với thời gian. Bản thân tôi tuổi càng cao khó đảm đương được yêu cầu quản lý và giới thiệu cần thiết.

Đề nghị các cơ quan Trung ương và địa phương xem xét và cùng với gia đình bàn bạc để có biện pháp giải quyết nhằm bảo quản và phát huy được số tài liệu quý này.

3. Cần chú ý bảo đảm cho các nơi lưu niệm Phan Châu Trinh được quản lý tốt, phát huy được tác dụng tích cực, đúng mục đích, đề cao tư tưởng của Cụ. Phục vụ cho sự nghiệp giáo dục, cổ vũ cho sự nghiệp xây dựng đất nước.

Tại các nơi ấy đều có bàn thờ của Cụ, được những người ngưỡng mộ đến thắp hương tưởng niệm đúng theo tập quán dân tộc, *nhưng cần hết sức tránh không để những nơi đó rơi dần vào tính chất tâm linh, cúng bái, pha màu mê tín dị đoan mà sinh thời cụ Phan rất đả phá.*

Muốn vậy các nơi ấy phải được trang bị các tủ sách có các văn bản để phát huy tinh thần yêu nước, dân chủ, tha thiết với sự nghiệp giáo dục, mở mang dân trí, nâng cao dân khí và chăm lo đời sống nhân dân của Cụ, hoàn toàn phù hợp với đường lối của Đảng và chính phủ ta hiện nay. Tại nơi lưu niệm cần có người đủ trình độ để giải thích và giải đáp các vấn đề cần thiết. Người này có thể định kỳ đến làm việc hoặc chỉ đến khi có nhu cầu tiếp khách và có chế độ bồi dưỡng cần thiết.

4. Nên chăng xây dựng tại Quảng Nam hoặc Đà Nẵng một cơ sở lưu niệm hoàn chỉnh về phong trào duy tân và kháng thuế?

Quảng Nam và Đà Nẵng có vinh dự là quê hương của phong trào cải cách duy tân năm 1904-1908 và cuộc đấu tranh chống sưu thuế năm 1908. Nhiều sĩ phu và người dân yêu nước đã bị bắn giết hoặc tù đày. Phan Châu Trinh là người xướng suất đã được tôn vinh, nhưng trừ Huỳnh Thúc Kháng đã được

suy tôn xứng đáng với trọng trách trong chính phủ lâm thời, còn nhiều vị chưa có nơi lưu niệm và chưa được nhắc đến công tích một cách thoả đáng như: Trần Quý Cáp, Lê Bá Trinh, Phan Thúc Duyện, Lê Cơ... trong tỉnh ta, hoặc ở các tỉnh khác như Lương Văn Can, Nguyễn Quyến, Ngô Đức Kế, Lê Khiết, Hồ Tá Bang, Nguyễn Trọng Lội, Nguyễn Hiệt Chi, Trần Đình Phiên... Nơi lưu niệm cần có tên tuổi, hình ảnh và tiểu sử các vị chủ chốt, quá trình hoạt động... và các tài liệu mô tả diễn biến của phong trào...

Nếu chưa có được một cơ sở riêng, có thể lấy một bộ phận trong nhà bảo tàng của tỉnh hay thành phố và có kế hoạch xây dựng nghiêm túc, xứng đáng với tầm vóc của những phong trào nói trên đã từng xốc dậy tinh thần của dân tỉnh ta, lôi cuốn được nhân dân cả nước.

5. Cuối cùng xin có một số suy nghĩ và tâm đắc về sự đồng tâm nhất trí giữa các "phái" khác nhau trong những người yêu nước chống thực dân trước đây.

Mặc dù họ có khác nhau về nhận định tình hình, chủ trương, đường lối và phương pháp hành động, có lúc họ đã phê phán chỉ trích nhau nhưng họ luôn thống nhất với nhau trên tình cảm yêu nước, thương dân, muốn tìm cách giải phóng đất nước, đưa nhân dân ra khỏi cảnh áp bức lầm than.

Từ điểm xuất phát chủ yếu đó tuỳ theo bối cảnh lịch sử, đặc biệt là tuỳ theo thái độ của địch, họ có thể thay đổi cách ứng xử, thậm chí, thay đổi hẳn chủ trương ban đầu của mình.

Một ví dụ điển hình: lịch sử đã chứng kiến sự kiện bạo động vũ trang của Trần Cao Vân, Thái Phiên, Phan Thành Tài... với sự đồng tình của nhà vua trẻ Duy Tân vào tháng 5 năm Bính Thìn (1916) với lực lượng chính ở ngay trên đất Quảng Nam là nơi trước đó không lâu đã sôi nổi diễn ra phong trào duy tân với chủ trương cải cách và bất bạo động. Đáng chú ý là bên cạnh các thủ lĩnh của cuộc khởi nghĩa trên có các vị "gạo cội" của phong trào cải cách duy tân: Lê Bá Trinh là người đã từng cùng Huỳnh Thúc Kháng chủ trì "hội diễn thuyết", khi ra Côn Đảo đã rất thân thiết với Phan Châu Trinh, thế mà được ra khỏi Côn Đảo đầu năm 1915 thì đầu 1916 đã trở thành

người đặc trách tài chính bên cạnh Thái Phiên. Năm 1916 Cụ đã bị bắt giam ở Lao Bảo cho đến năm 1925 mới vượt ngục trở về.

Cùng tích cực tham gia cuộc khởi nghĩa trên còn có Lê Cơ, vị anh hùng thảo dã từng xây dựng 30 xã thôn quanh quê hương Phú Lâm của ông thành một điển hình của phong trào duy tân, năm 1908 ông bị xử tù 3 năm. Trong gia đình có người anh rể Lê Xuân Lượng chết trong lao, các anh chị em cùng hoạt động đều bị bắt bớ tan tác... Ông thấy không còn khả năng hoạt động hợp pháp bèn ngấm ngầm liên hệ với Thái Phiên. Ông tổ chức lực lượng nghĩa quân trong xã thôn, bà chị của Lê Cơ, Lê Thị Vinh, vợ ông Lê Xuân Lượng tham gia việc tiếp tế cho nghĩa quân... Khởi nghĩa thất bại, ông bị đày ra Lao Bảo và chỉ 6 tháng sau ông bị bắn chết trong một tư thế oai hùng[1].

Chính bản thân Phan Châu Trinh cũng không khư khư chủ trương ban đầu của mình là "ỷ Pháp cầu tiến bộ, bất bạo động, chỉ kiên trì vận động chính quyền thuộc địa". Qua 14 năm ở Pháp ta thấy ông trên mặt công khai vẫn giữ chủ trương đã tuyên bố ban đầu để giữ được thế hợp pháp và được về nước. Nhưng trong thâm tâm ông đã có nhiều biến chuyển, ông đã tán thành và tin tưởng con đường của Nguyễn Ái Quốc đã chọn. Trong bức thư gửi Nguyễn ngày 18-2-1922, ba năm trước khi về nước, ông đã viết rõ: "Phải dùng lý thuyết nhân quyền để cổ động sĩ khí dân tình, hô hào quốc dân đồng bào đồng tâm hiệp lực, đoàn kết hợp xã, kháng thuế cự sưu, tố giác tham quan lại nhũng, bất hợp tác từ cái này đến cái nọ... cho đến chừng đông tay vỗ bộp mà đoạt lại lợi quyền..." Ông chỉ mới nói đến bạo lực chính trị của quần chúng nhưng ta có thể hiểu là nếu địch dùng vũ lực đàn áp thì thế tất phải tiến đến tổ chức vũ trang để bảo vệ thành quả đạt được...

Lực bất tòng tâm, ông chết mà không thực hiện được hoài

---

[1] Một tù nhân bị kiết lị đi tiêu lâu bị lính đánh, ông đang vót nan đứng dậy giơ rựa lên cản tên lính, bị bắn vào ngực, ông đứng nguyên trong tư thế cũ, mấy giây sau mới ngã xuống. Thi thể bị chôn giấu, gia đình ông được tin ra tìm không thấy.

bão, nhưng giữ vững niềm tin của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh sẽ thực hiện.

Còn Phan Bội Châu sau những thất bại trong hai mươi năm ở Nhật và Trung Quốc đã công nhận sai lầm và tìm cách liên hệ với Nguyễn Ái Quốc - Lý Thuỵ qua Cụ Hồ Tùng Mậu trước khi bị địch bắt về nước. Phan Châu Trinh trong những ngày cuối vẫn có dự định đi Huế "bàn việc nước" với cụ Bội Châu, vì ông vững tin ở lòng yêu nước của cụ Bội Châu. Tâm sự cụ Bội Châu đã bộc lộ rõ qua những bài viết về Phan Châu Trinh, đặc biệt là văn tế và câu đối nói lên tình cảm sâu sắc giữa hai người.

Cụ Huỳnh Thúc Kháng là điển hình của con người yêu nước đã qua hoạt động duy tân, tù đày, hoạt động báo chí, thời kỳ ở Huế có lúc Cụ đã nghi ngờ những người cộng sản... Nhưng cuối cùng cụ đã trở thành một chiến sĩ được tôn vinh trong hàng ngũ của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh.

Và bản thân Hồ Chí Minh tuy đi con đường của Mác-Lênin vì thấy rõ chỉ có một Đảng theo tinh thần Mác-Lênin kết hợp với tinh thần yêu nước sâu sắc mới rèn luyện được những chiến sĩ kiên cường, chấp nhận hi sinh, đủ sức đương đầu với thực dân và đế quốc, trong hoạt động bí mật cũng như trong hai cuộc chiến tranh giải phóng đất nước. Nhưng theo cảm nhận của tôi đã được nhiều người đồng tình thì bản thân Hồ Chí Minh chỉ rút ra ở Quốc tế cộng sản những gì cần thiết và có lợi cho giải phóng đất nước và đưa nhân dân lên con đường ấm no hạnh phúc... Người đã xuất hiện trước nhân dân Việt Nam và nhân loại trong một hình ảnh tuyệt vời: yêu nước, yêu nhân dân, quyết tâm giải phóng đất nước đem lại tự do hạnh phúc cho nhân dân và công bằng nhân đạo, không vận dụng quan điểm giai cấp một cách hẹp hòi, cứng nhắc.

Chính vì vậy, Người đã đoàn kết được mọi tầng lớp nhân dân, lôi cuốn cả nước vào một sự nghiệp vĩ đại và có ảnh hưởng lớn đến các dân tộc bị áp bức khác. Những bước sai lầm đã diễn *ra phần lớn là do xa rời đường lối của Người.* Trong chiến đấu giải phóng đất nước cũng như trong xây dựng đất nước mấy chục năm qua, tư tưởng và đạo đức của Hồ Chí Minh là một

truyền thống Người đã đúc kết từ các thế hệ yêu nước đi trước và phát huy mạnh mẽ trong dân tộc. Và những con người được nhân dân tôn vinh chính là những học trò chân chính và trung thành trực tiếp hay gián tiếp của Người. Ngày nay trên con đường đổi mới và hội nhập với cộng đồng thế giới, bên cạnh những "quả ngọt" còn có bao nhiêu cám dỗ và cạm bẫy, để khỏi mất phương hướng, cần hết sức nhấn mạnh không ngừng truyền thống yêu nước và tư tưởng đạo đức của Người trong cộng đồng dân tộc ta.

P.T.M

(Theo Lê Thị Kinh (tức Phan Thị Minh):
PHAN CHÂU TRINH QUA NHỮNG TÀI LIỆU MỚI
- T.II. Nxb Đà Nẵng. 2003 - Tr. 739-774)

PHẦN CHỮ HÁN

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TOÀN THƯ

(Bản khắc in ở Nhật Bản)

Thủ bút của Phan Châu Trinh

Di cảo lưu ở gia đình

大越史記全書序

安南與暹羅地相近也風土相似也隆環之俗相若也而安南削弱爲倮人所割暹羅則物饒政舉頗致強盛論者乃歸其故不得乃曰安南用漢字通國內外用漢字書籍暹羅則國內用其國字書籍用其國字故強暹羅用其國字故弱嗚呼果如其言則印度既亡暹羅復興日本之競采西人用其字基當爲之同世界推不振在宇內隆爲倮人自隆者富財饒兵事之實效倮人不能及也嗚呼安南亡矣而兩漢以來二千餘年之典章文物一旦淪沒無一存焉豈不痛哉

我皇元文皇延宋文和之風優待遺裔餘其運變遷終不加聚今而其勢力大王不能自強者既已見者如此移數百年前秦以暴虐行則彼此得失不難知焉為論者其勿畏忌而已

明治甲申冬十二月 中院

日本國立內大學兼東京大學教授從五位川田剛撰

又

天地一打瀛海所環萬國皆屬人民為數各異其類大約限鄰所生所習水州之外別有九州大洋間之為妻逖今列舟相通載籍之傳其人情風俗古代所莫及而觀焉學之今所及其業自制

書寫有所做美遂命法剞劂以周志之

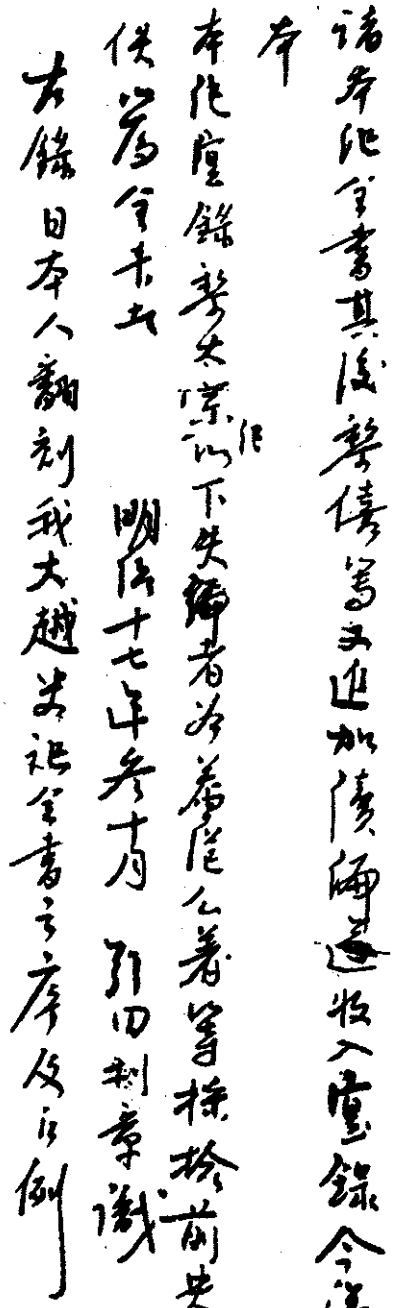
明治十七年冬十月梧陰阿田利幸識于埴山草堂

平原阿部老忠書

及刻大越史記全書凡例

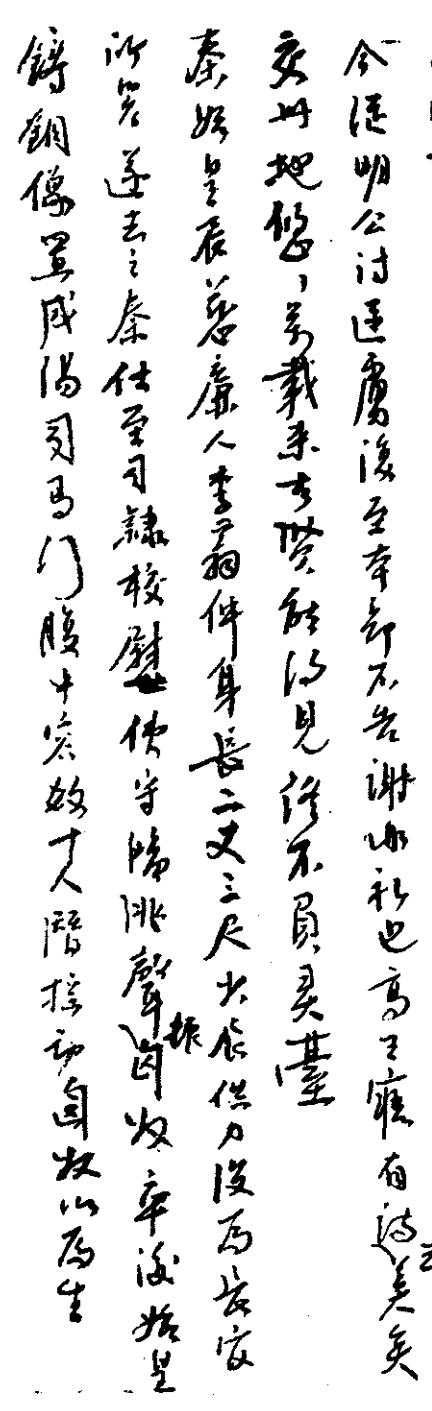
一安南王一朝興衰備于此未敢以有全書之名也蓋歲七月我大君深命阿部將校奉命赴其國刻于內府事役有要領以此未穊爲未竟余遂有及刻之舉

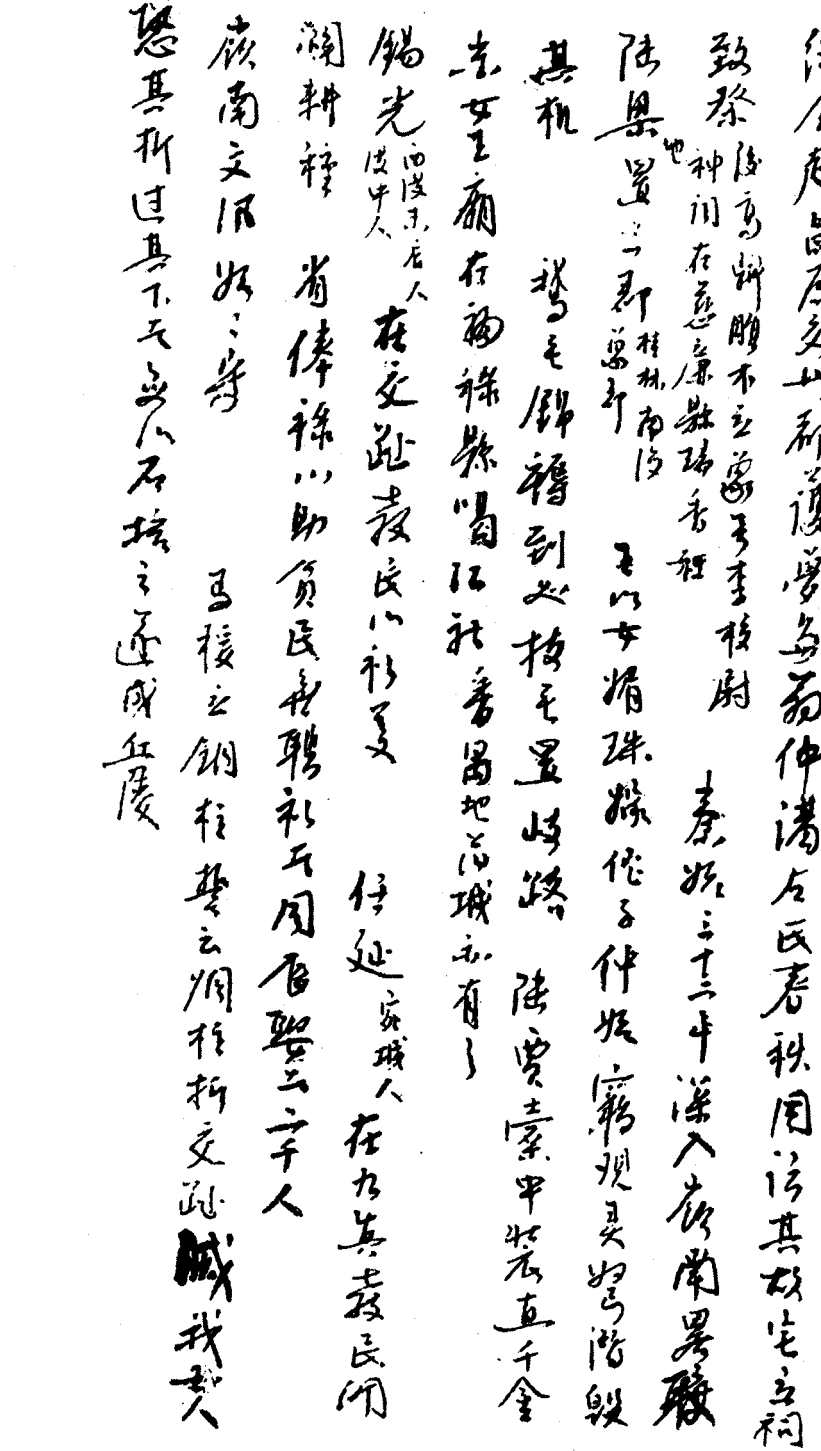
一此書原本磨滅錯簡脫字甚不可考意以口傳之一參古祖紀原係失傳學士陳公著述後編附及大學士陰公著述續編附

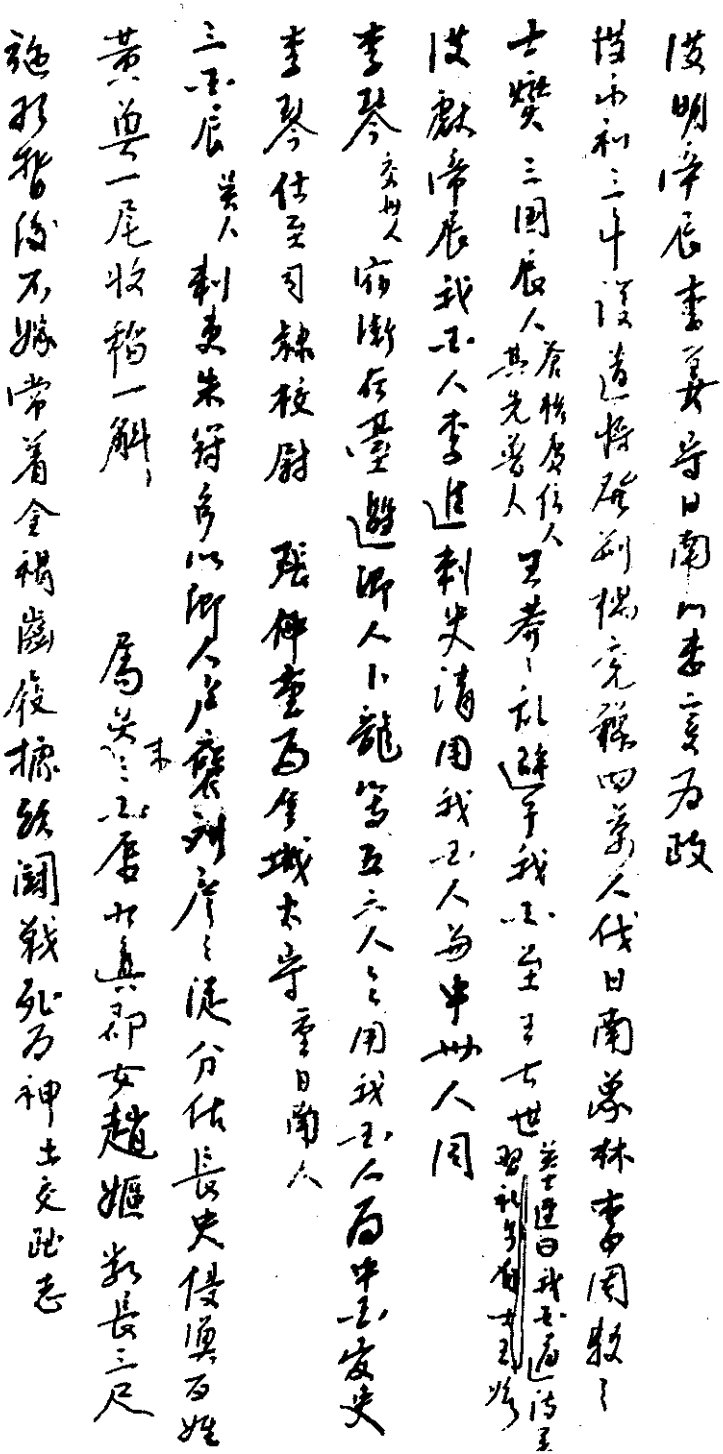


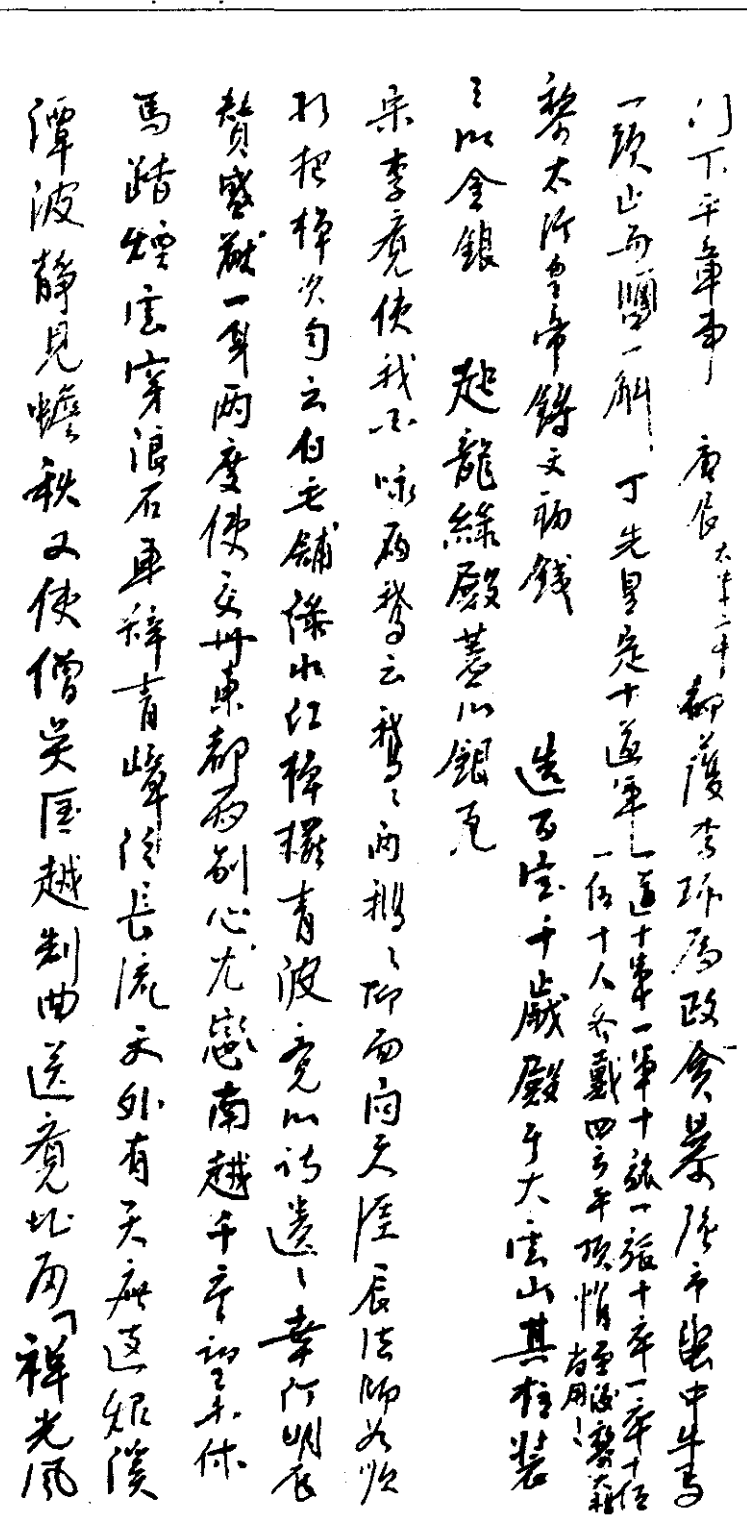
大越史記全書 陳太宗命黎文休編大越史記自趙武
帝至李昭皇
帝至明公還國 黎仁宗命吳士連纂脩大越史記全書
黎聖宗命吳士連纂脩大越通鑑通考自鴻龐氏至十二使
君別爲外紀自丁先皇至黎太祖爲本紀
洪順六年命黎崇撰大越通鑑總論 光紹五年命鄧
鳴謙作詠史詩集 正和庚午十八年丁丑 吳士連書成十年奉印行前此共國脩撰纂脩通鑑
相宗鑒越史綱目有作未事據實而有法評事切當而不冗無失
後其采不傳

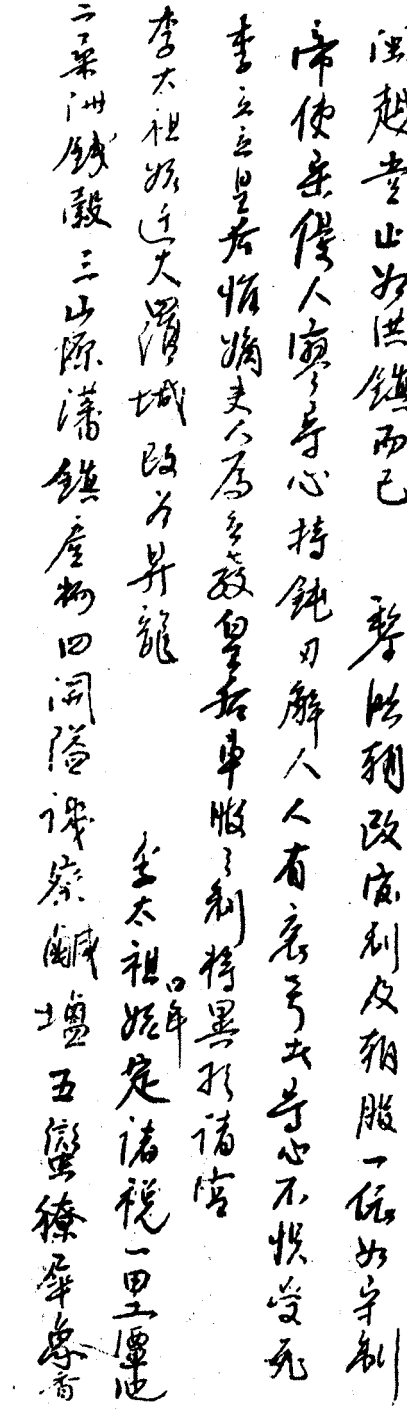
按王世貞周報王五十七年癸卯共二十二年





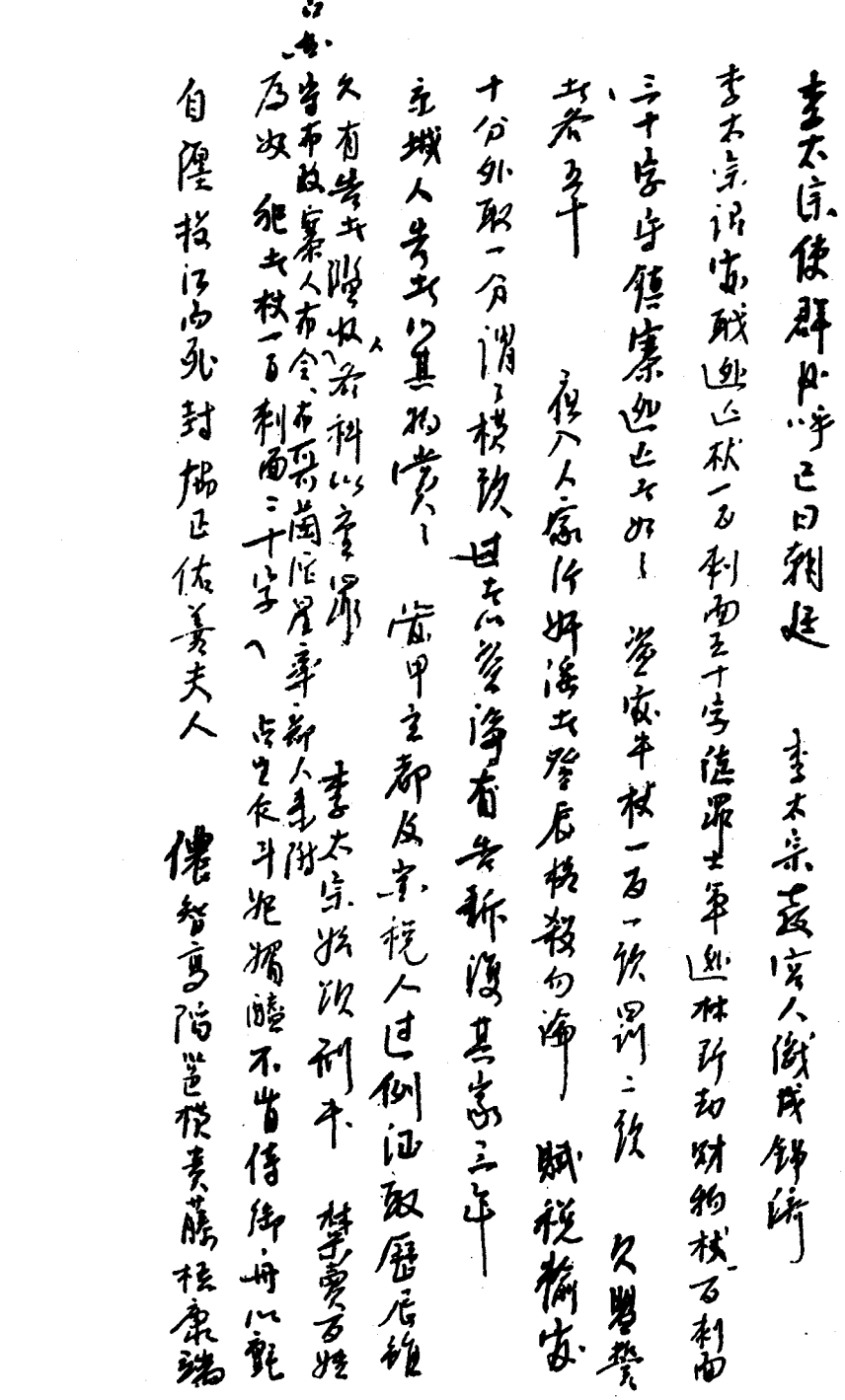


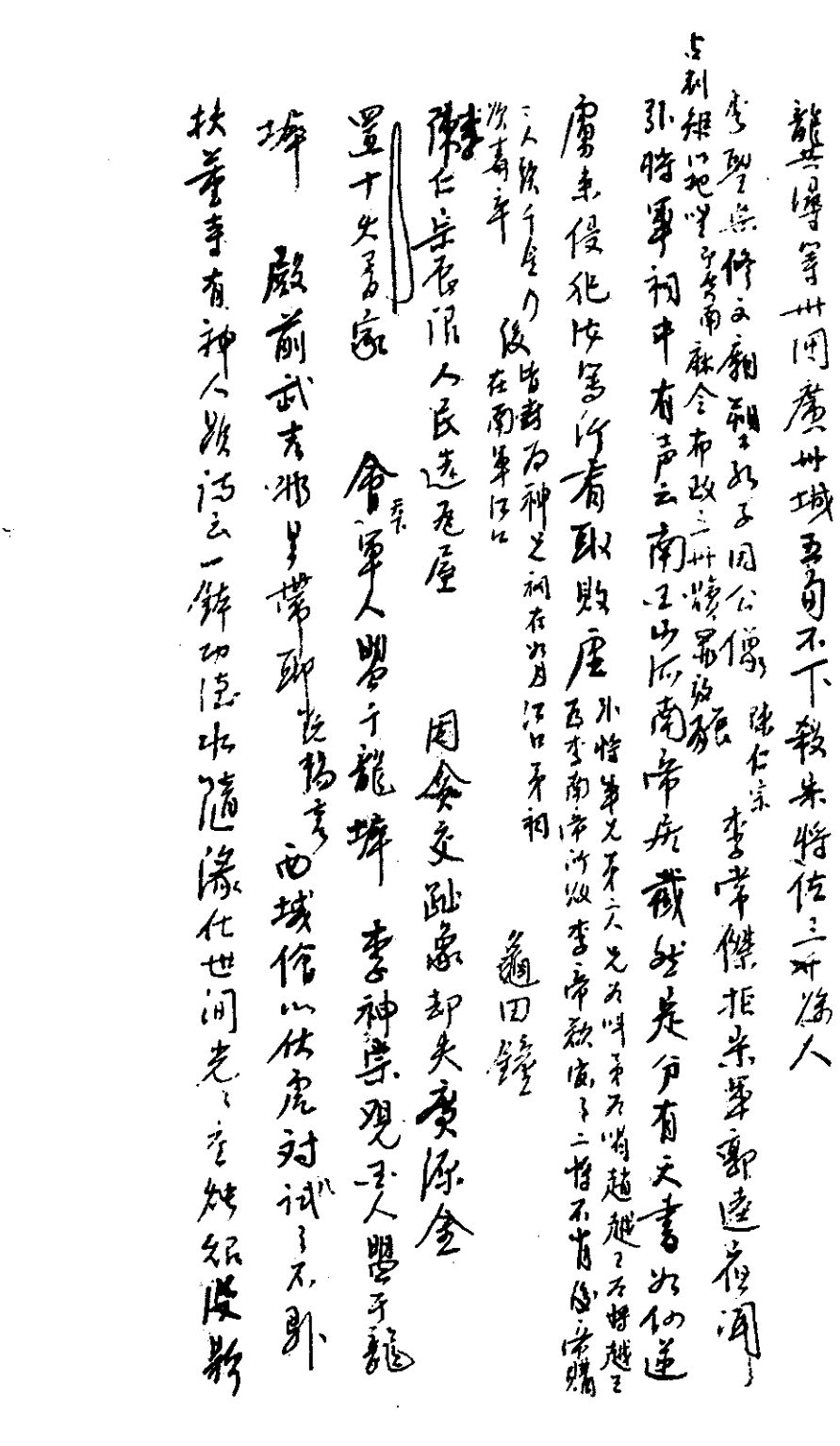




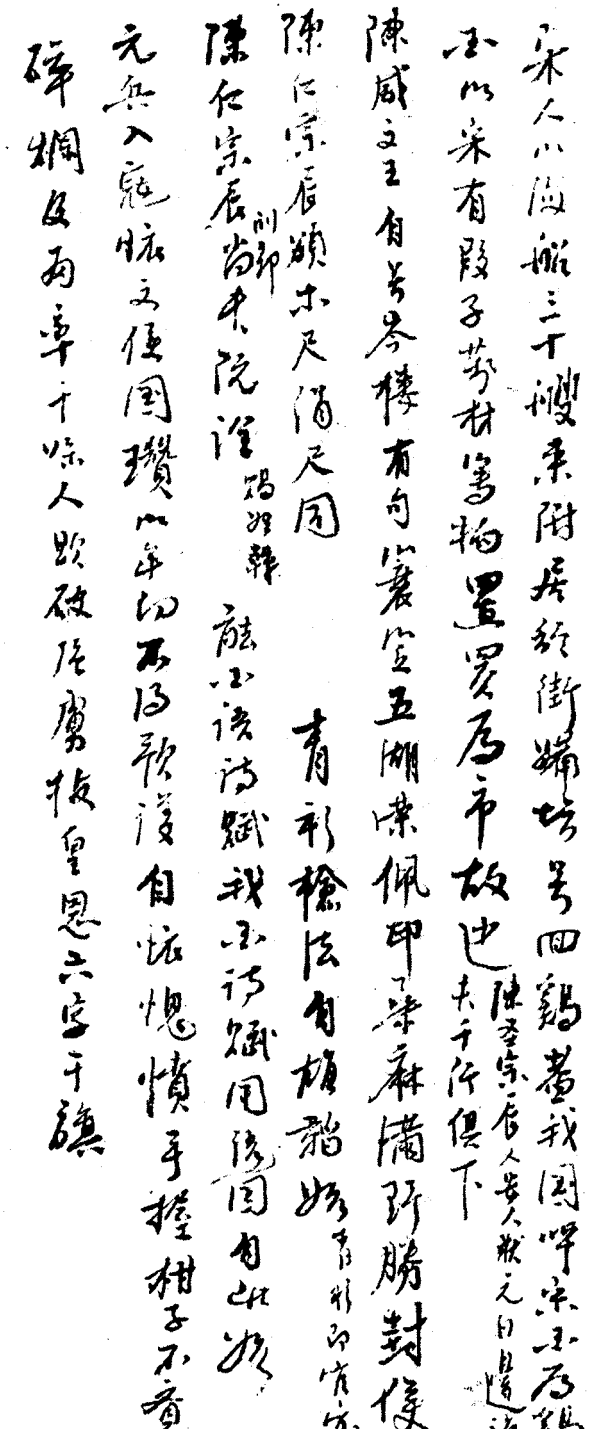
料六源頭木條花果　賜王侯公主以貴諸稅有差

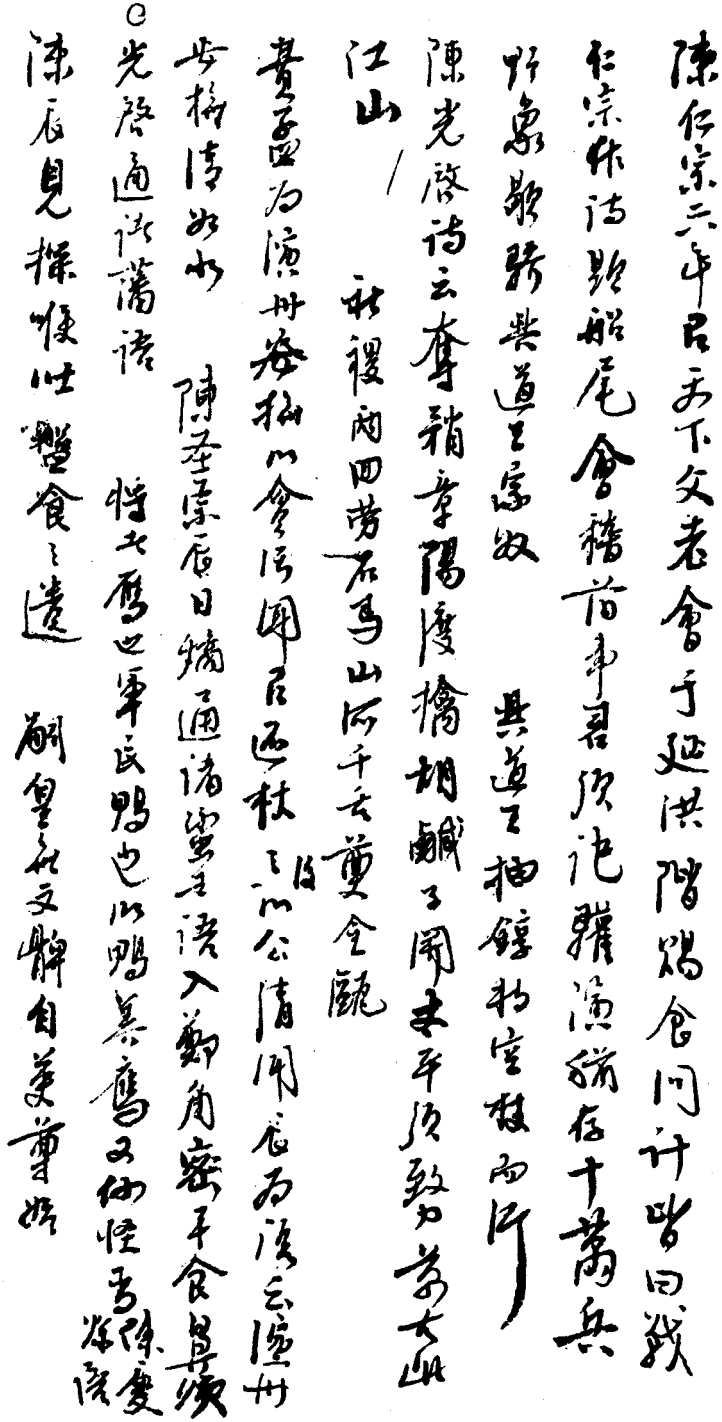
李居有婦女陶氏善於弄藝常以貴賜居人妻子作為女妓字為陶婦
藥奉使擇斷為敵五犯武陵王　奉曉嘗於永山伏人少旅
勇士碑潭會之村爭界以兵相向　奉曉謂古碑人曰我能以兵擊
眾若具酒饌會之曉一領數斗飲且盡等死而拔戟曉援樹
樹橫擊傷指大眾李大祖聞喜勇擢校山馬將遂從李大宗
南征為柘潘王既還定功曉曰不賴當時賞賜之永山之擲大刀
既乃登必為小休葉頂之曉登山一擲過十餘里刀墮土乃舉卿
即為之鋼斫刀數稅放漫州漫人有斫刀之為

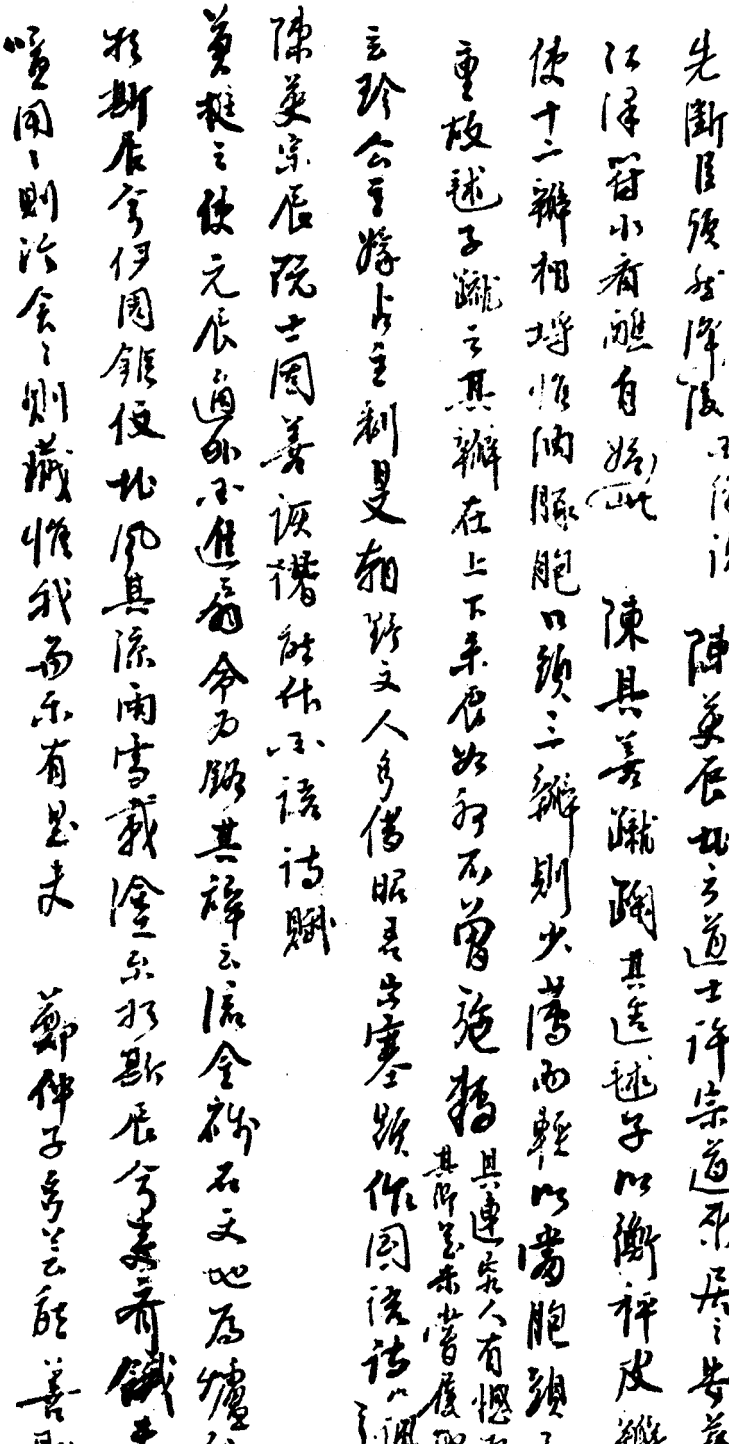


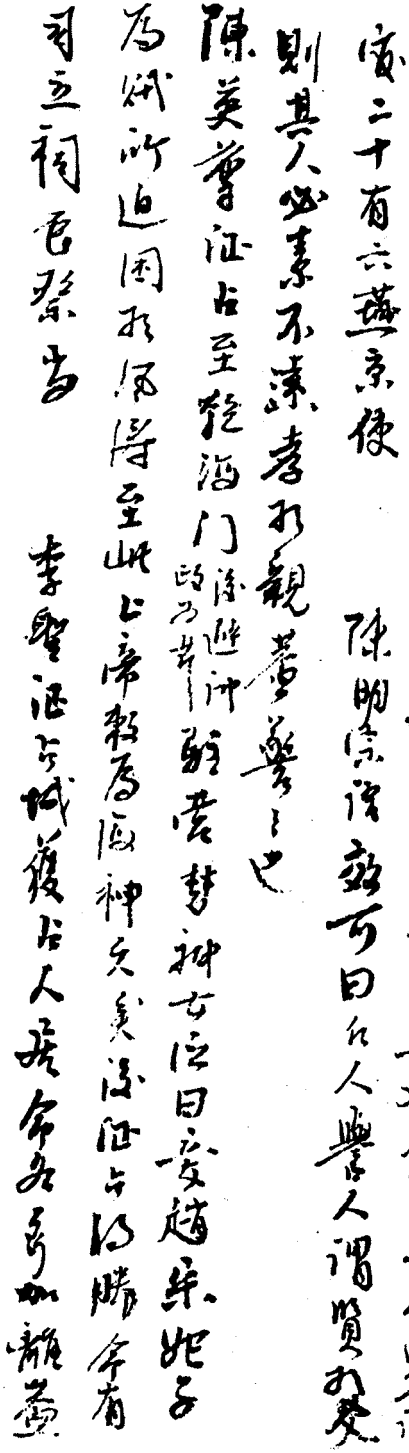


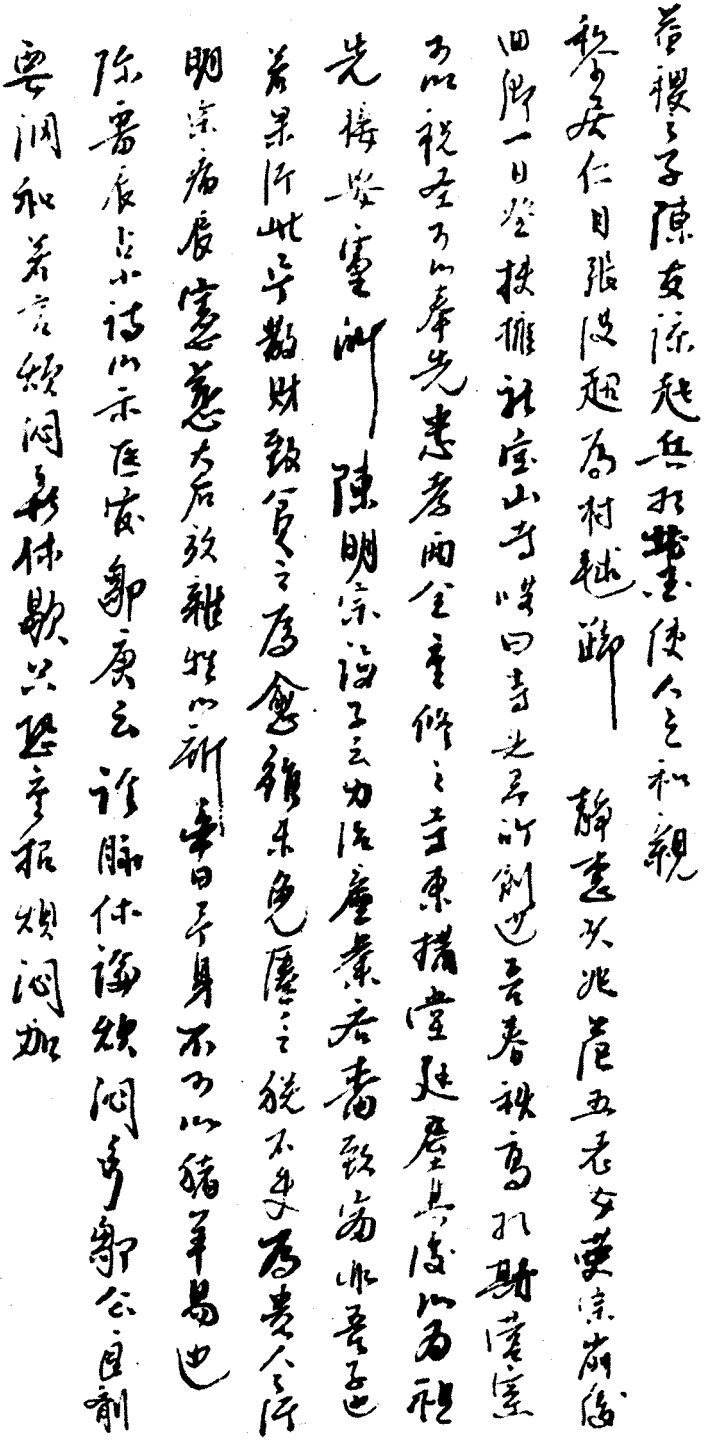
日登山　陳太宗二年舉行籍千定等第及實食邑每六歲
十年斷續評取評泊外　十二年置社司大社司五品以上
各社正史皆為社長　男子大五尺以黃男六十歲
為老（黃男六歲為小黃男六歲為中）　其人丁有田土則出賤賣每丈金兜　田二畝納米一斗三升
貧乏減半出三分田租一斛出粟百斤　陳太宗十二年始有之
主簿三班以上給眼杖老　十七年築防堤於蠶沙防堤有
十九年詔禁為奴婢　小校黃巨陂恨不得食蕃薯皮之
軍至東步頭軍皮小之軍仍在陂答曰汝等歲小食蕃薯耳
元兵入境陳日皎皎小子立水窗入采之等不能脫

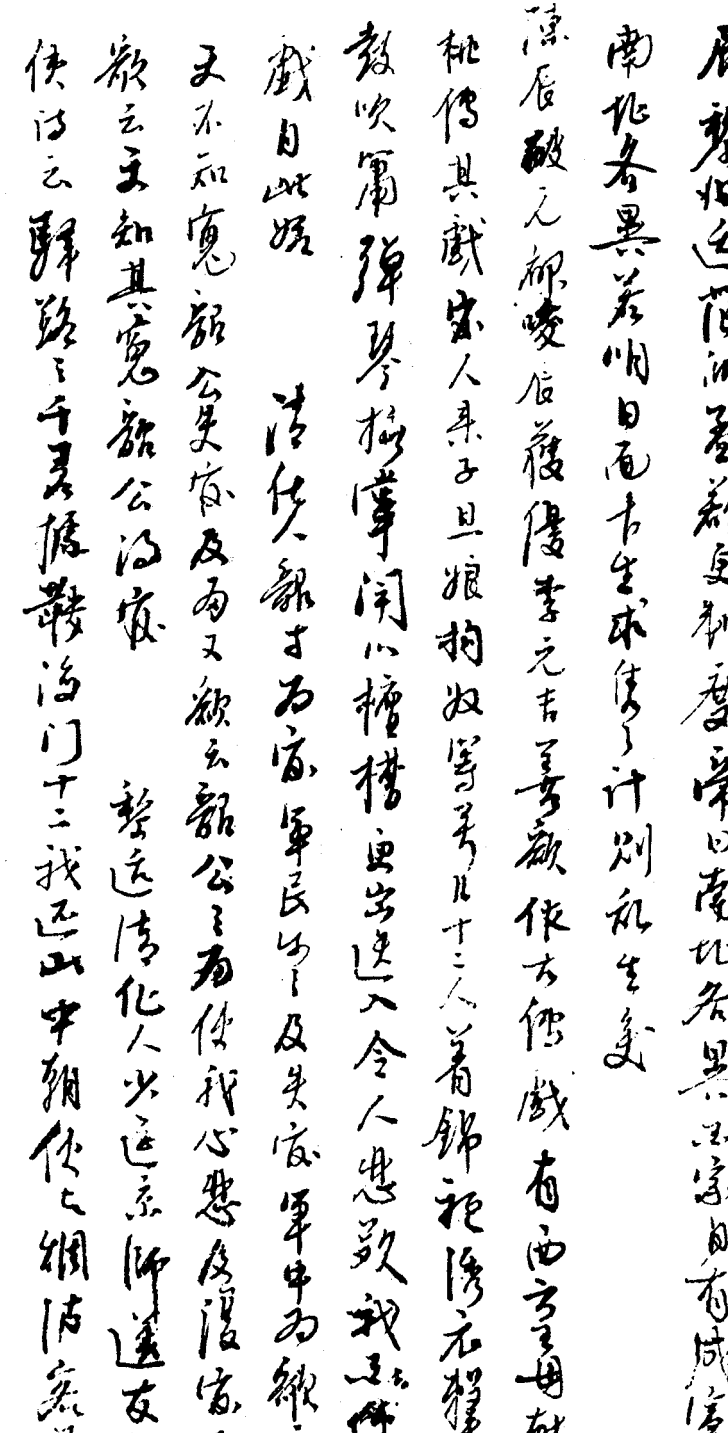


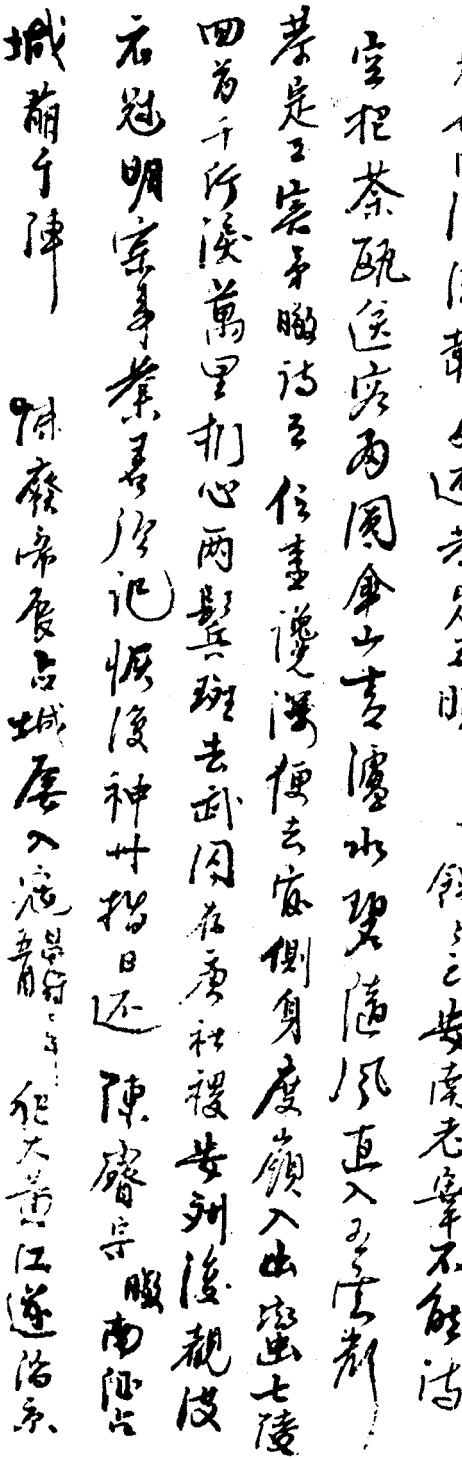


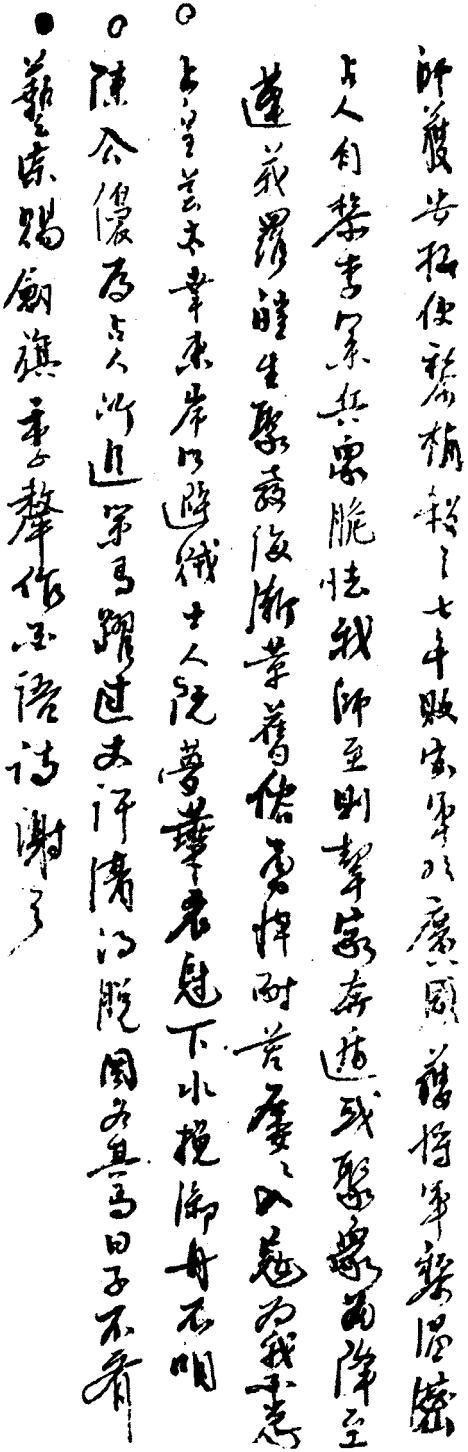


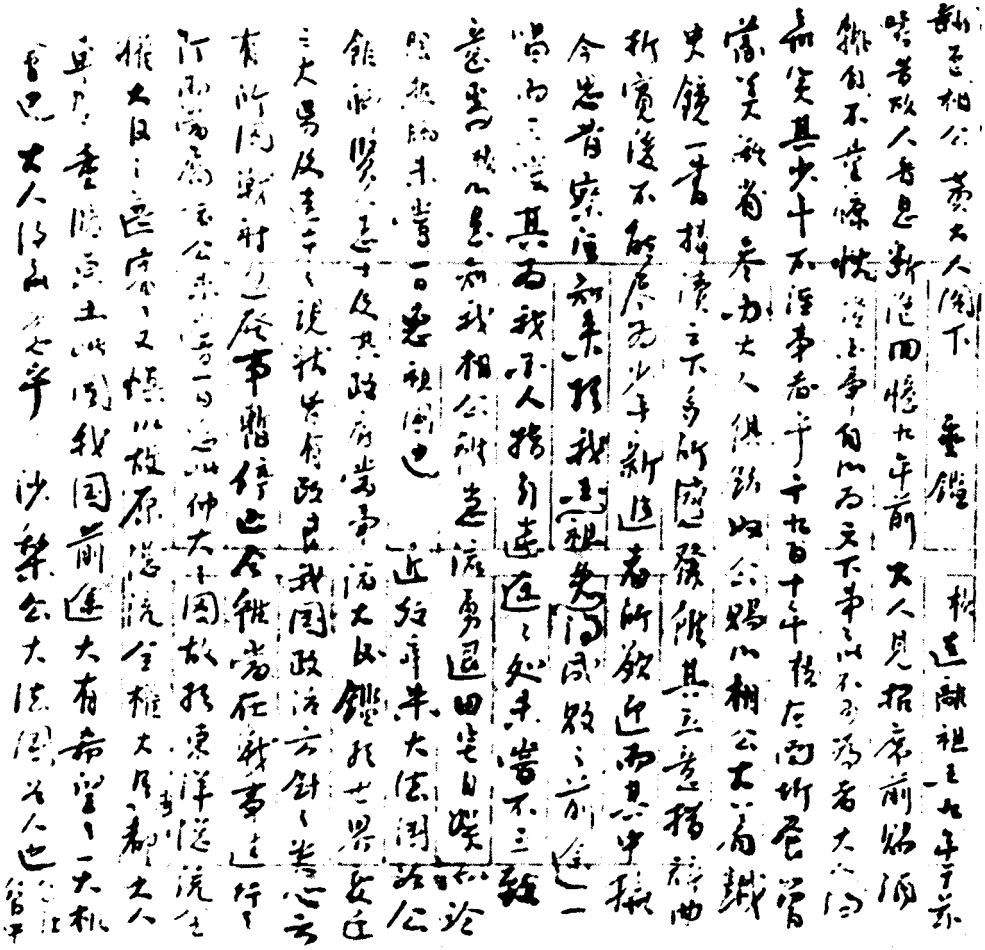








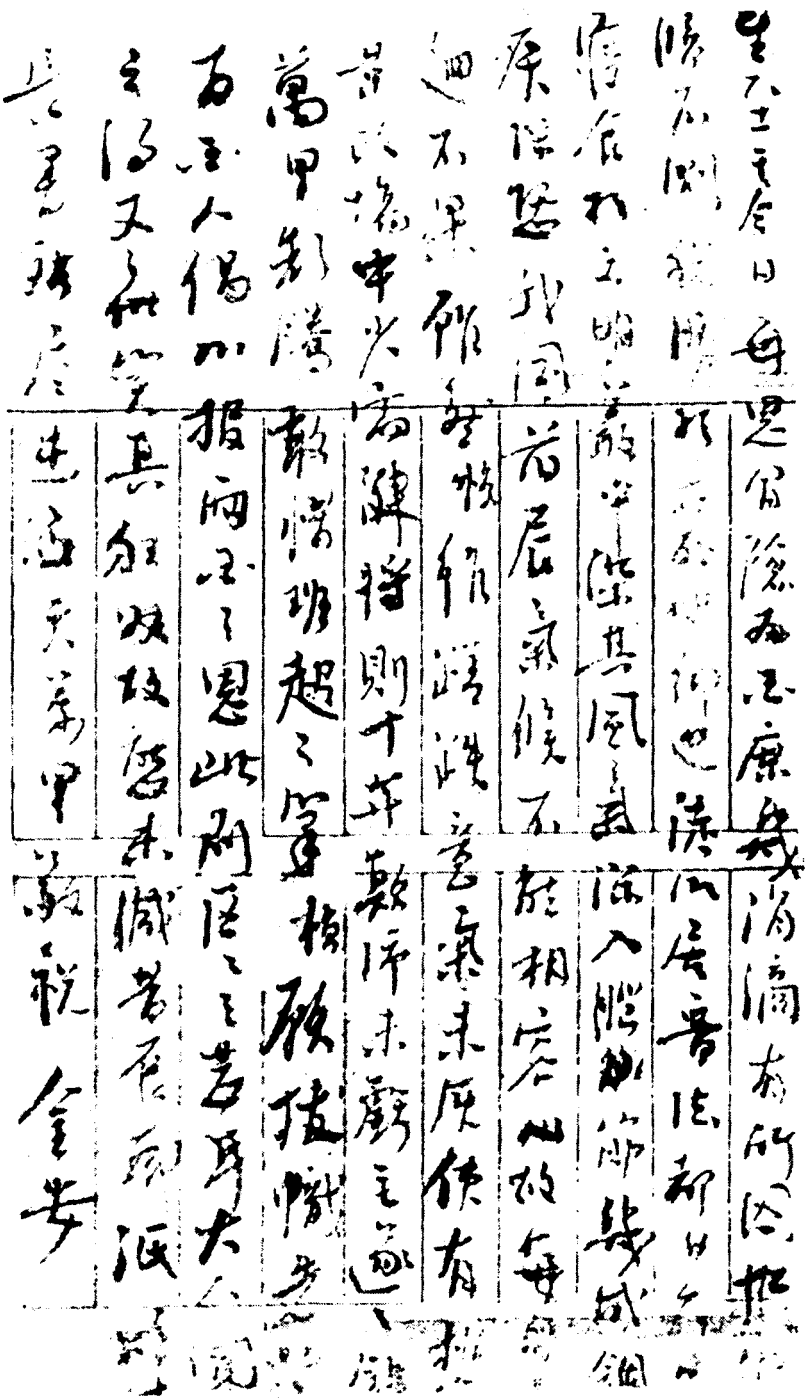


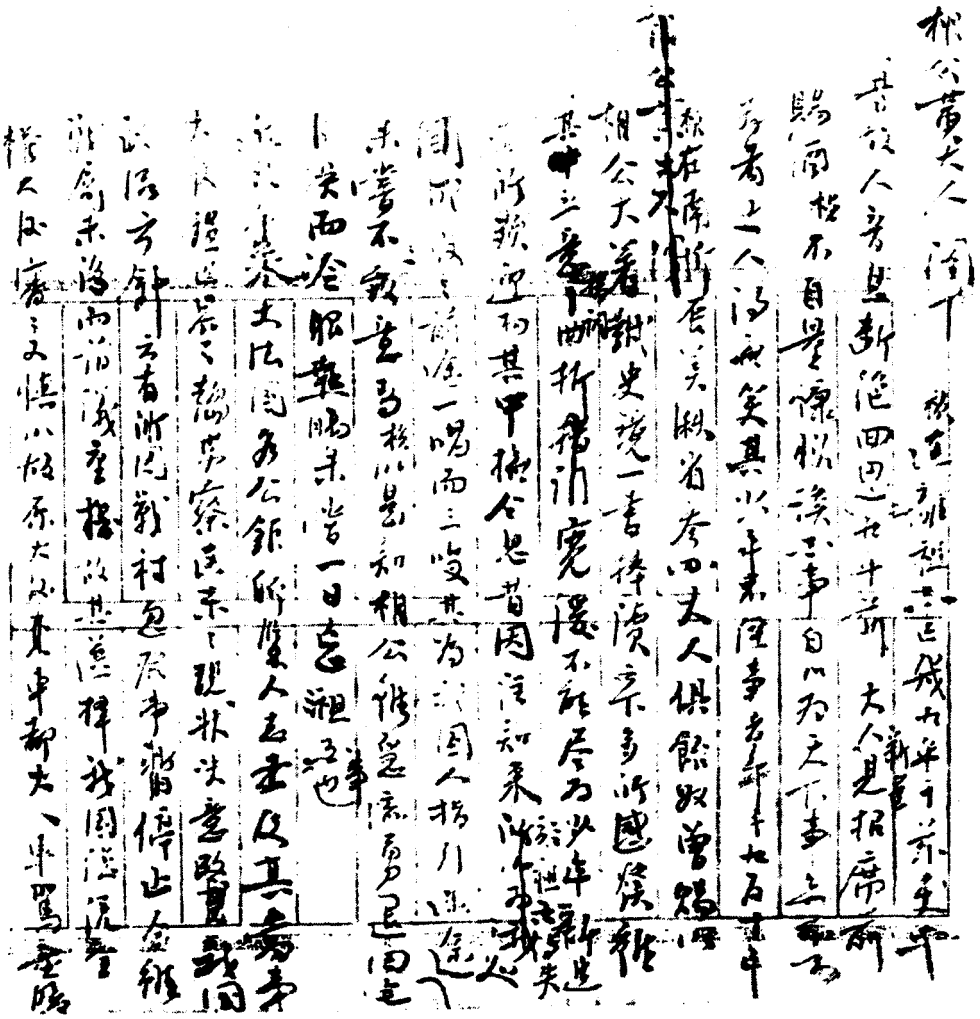


TÂN ẤP TƯỚNG CÔNG HOÀNG ĐẠI NHÂN CÁC HẠ

(Thủ bút của Phan Châu Trinh)
Di cảo lưu ở gia đình



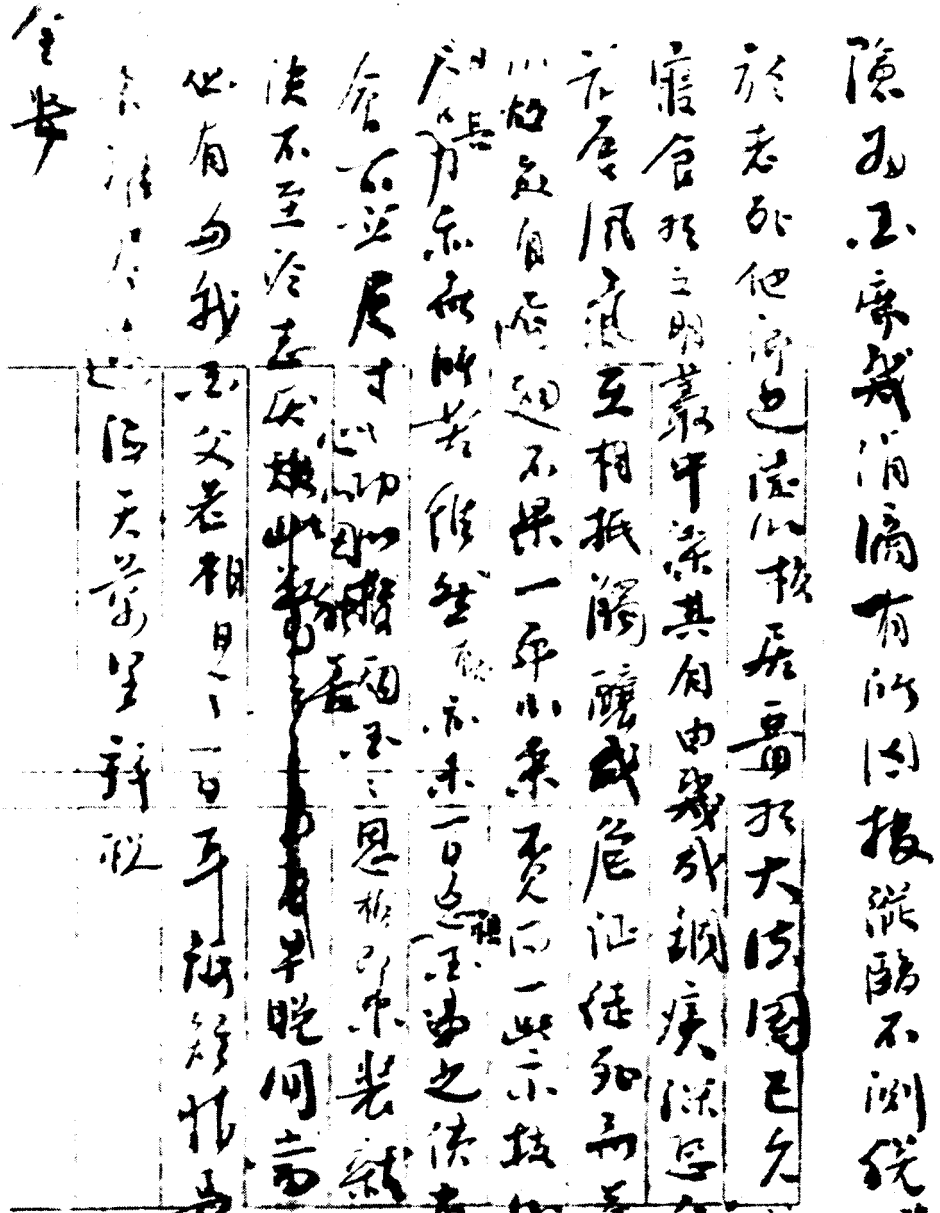




TƯỚNG CÔNG
HOÀNG ĐẠI NHÂN CÁC HẠ

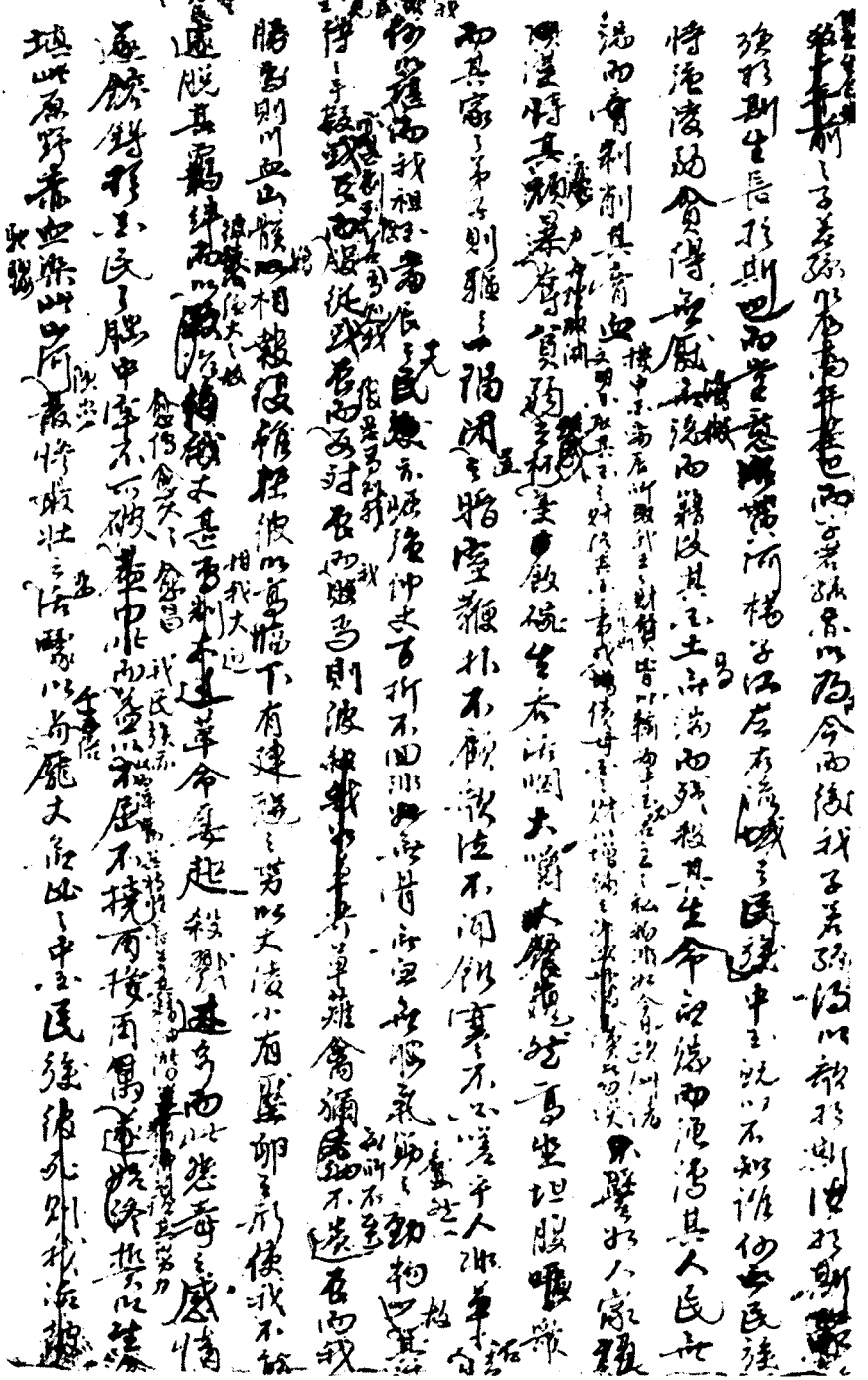
(Thủ bút Phan Châu Trinh)
Di Cảo lưu ở gia đình





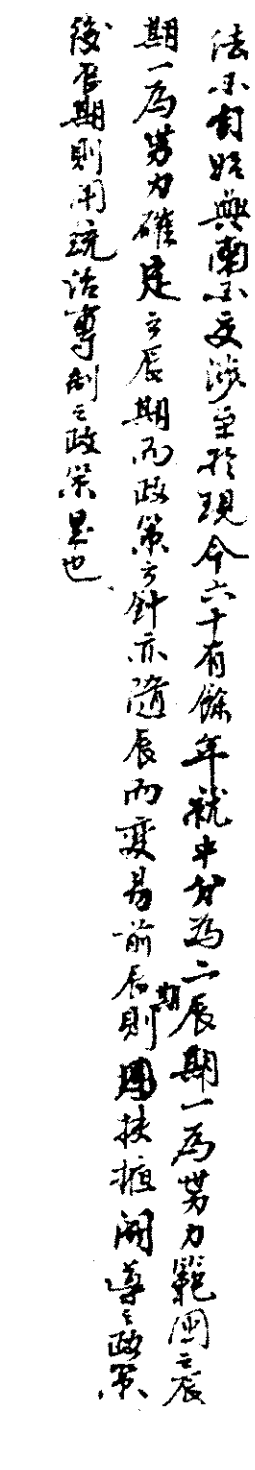
PHÁP VIỆT LIÊN HIỆP HẬU CHI TÂN VIỆT NAM

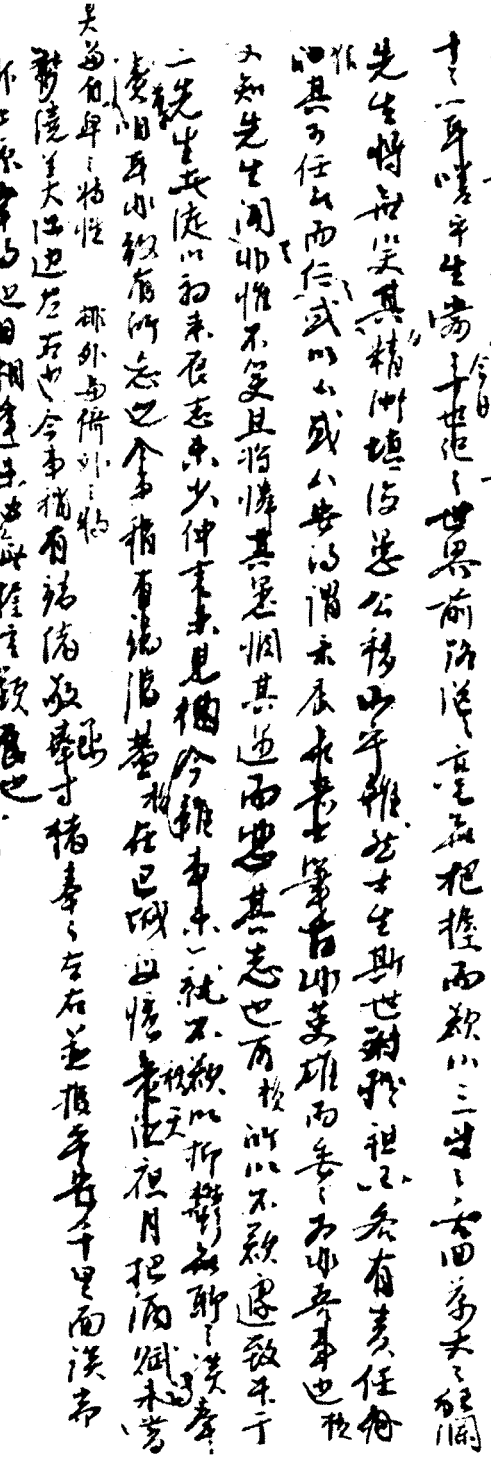
(Thủ bút của Phan Châu Trinh)
Di cảo lưu ở gia đình

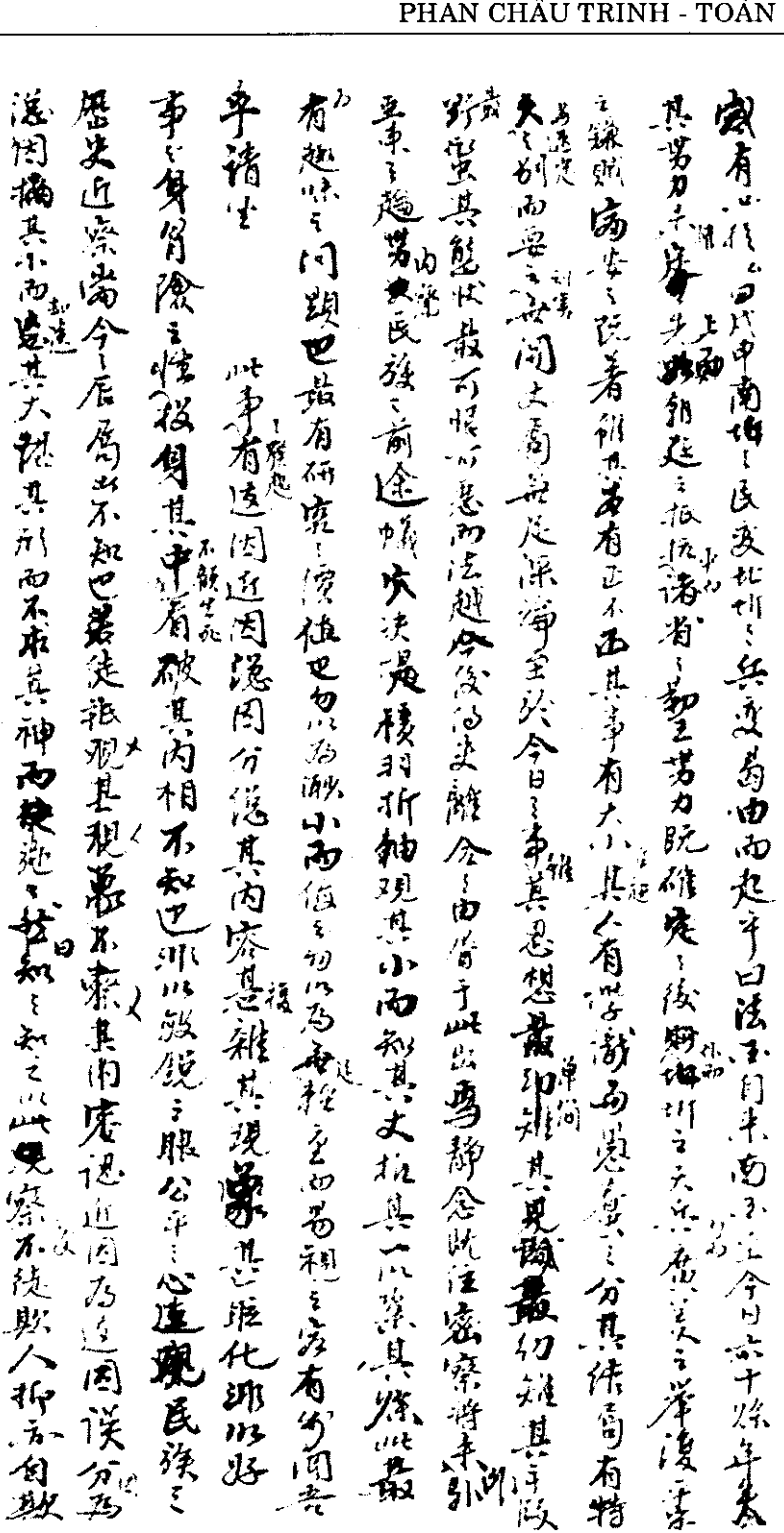


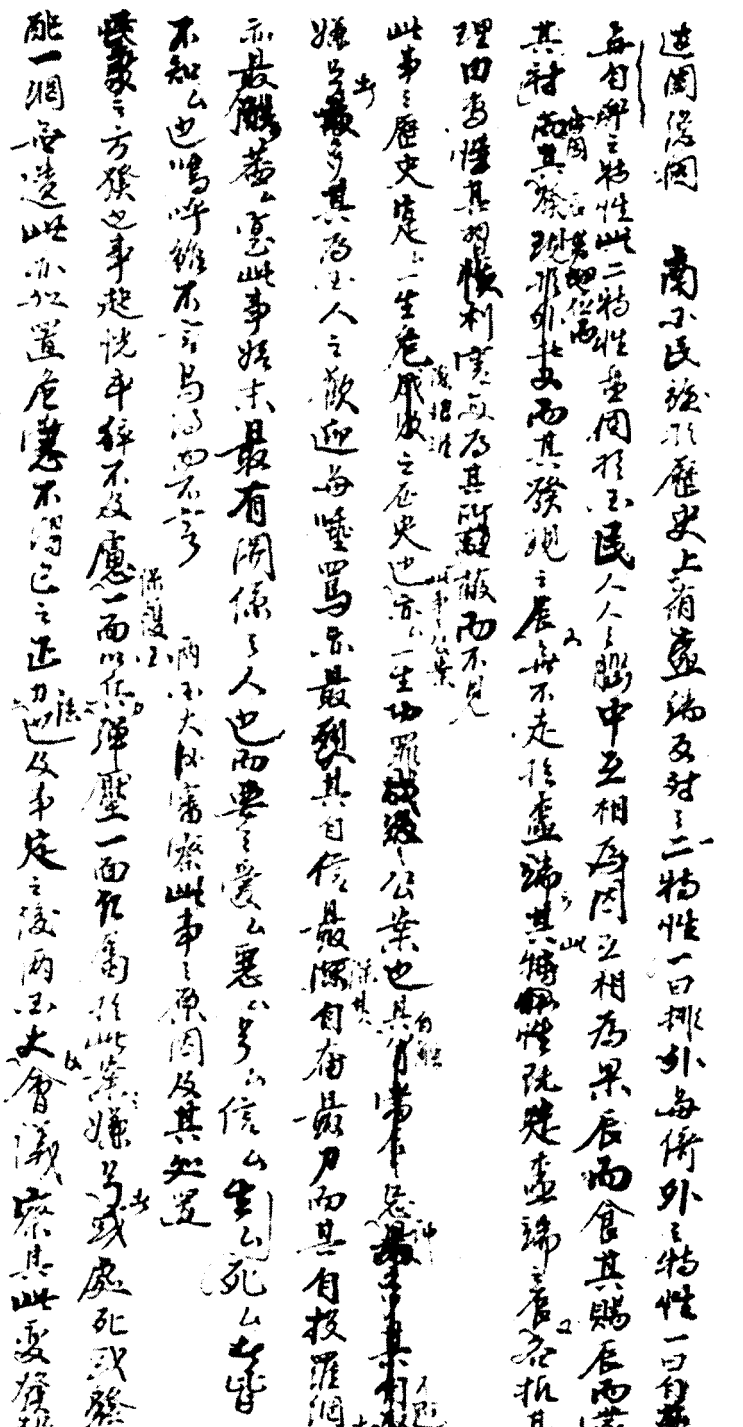


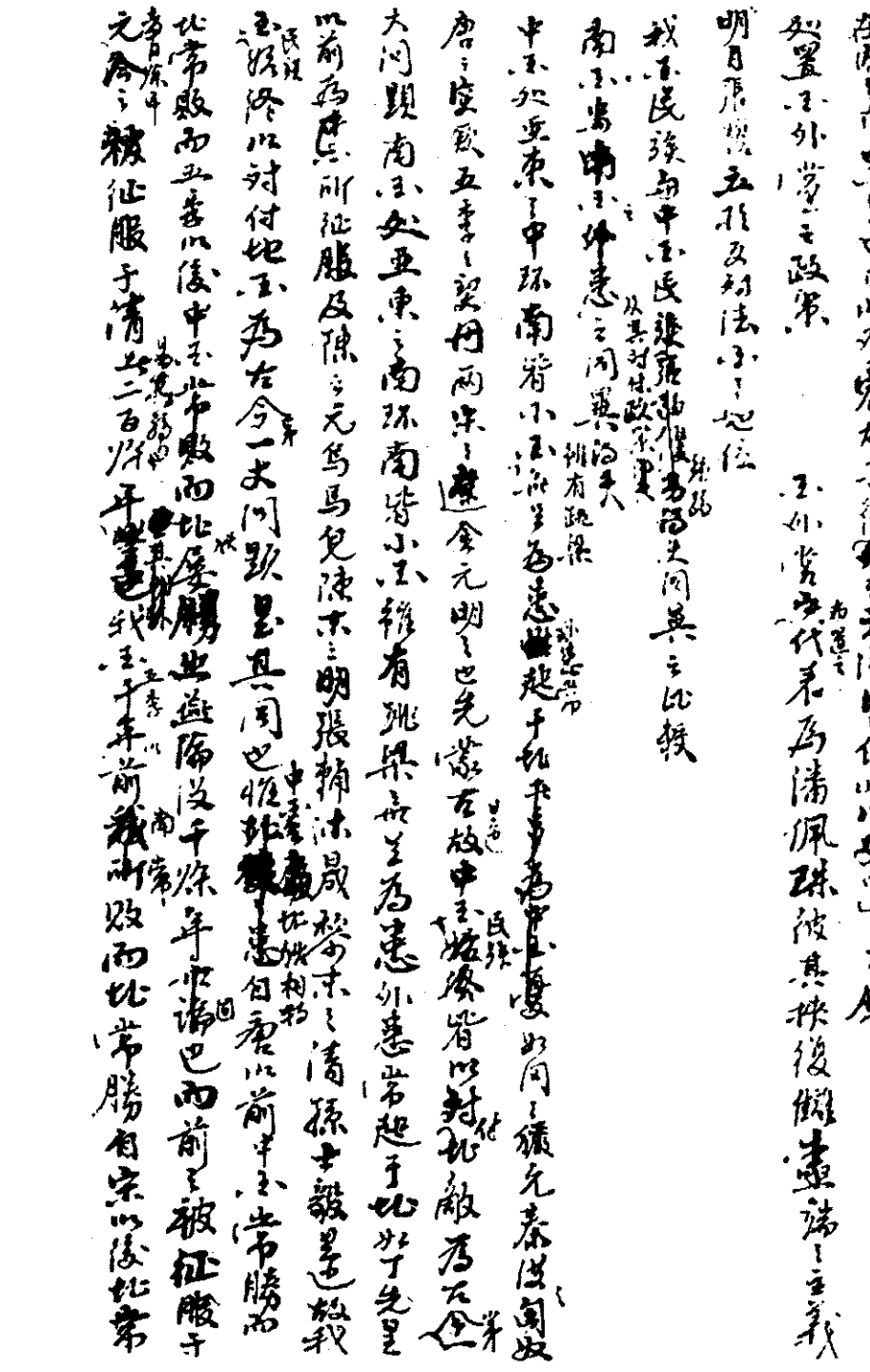


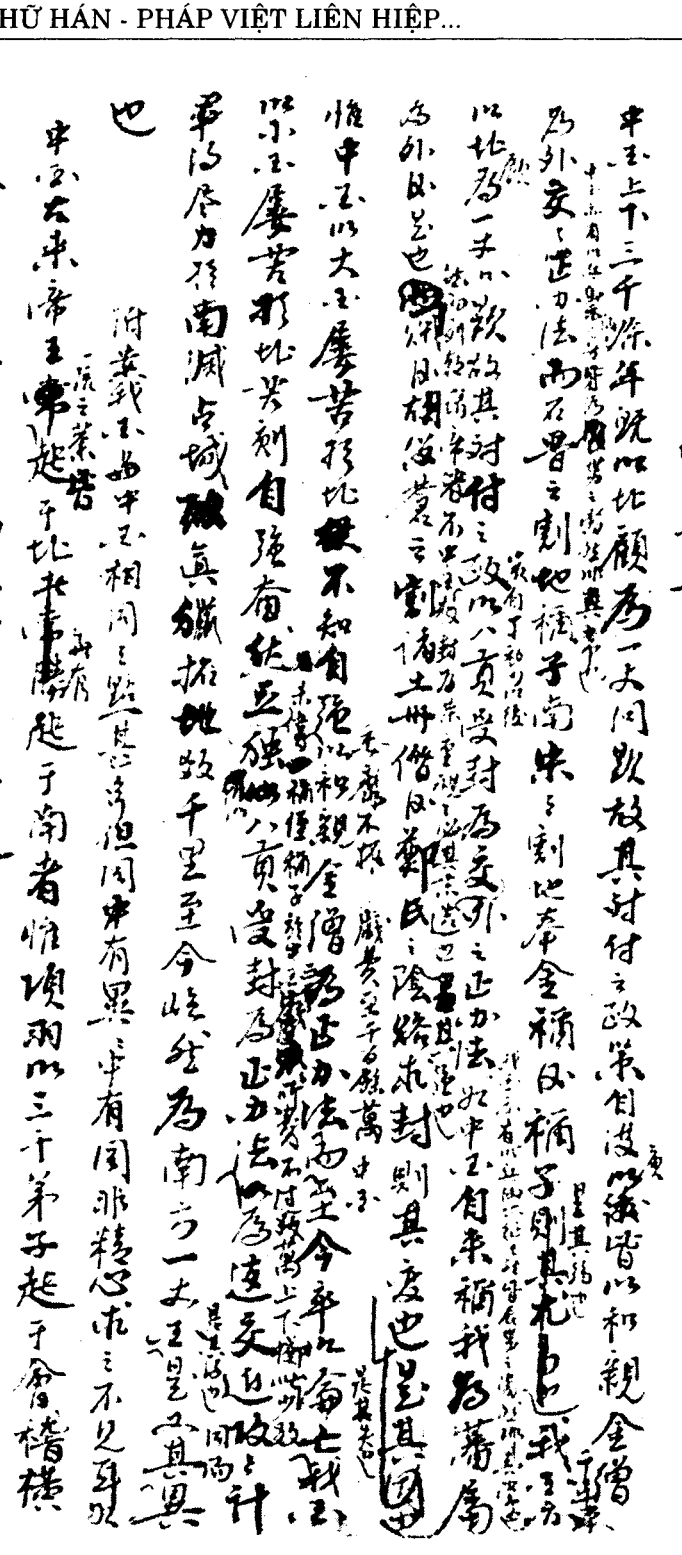


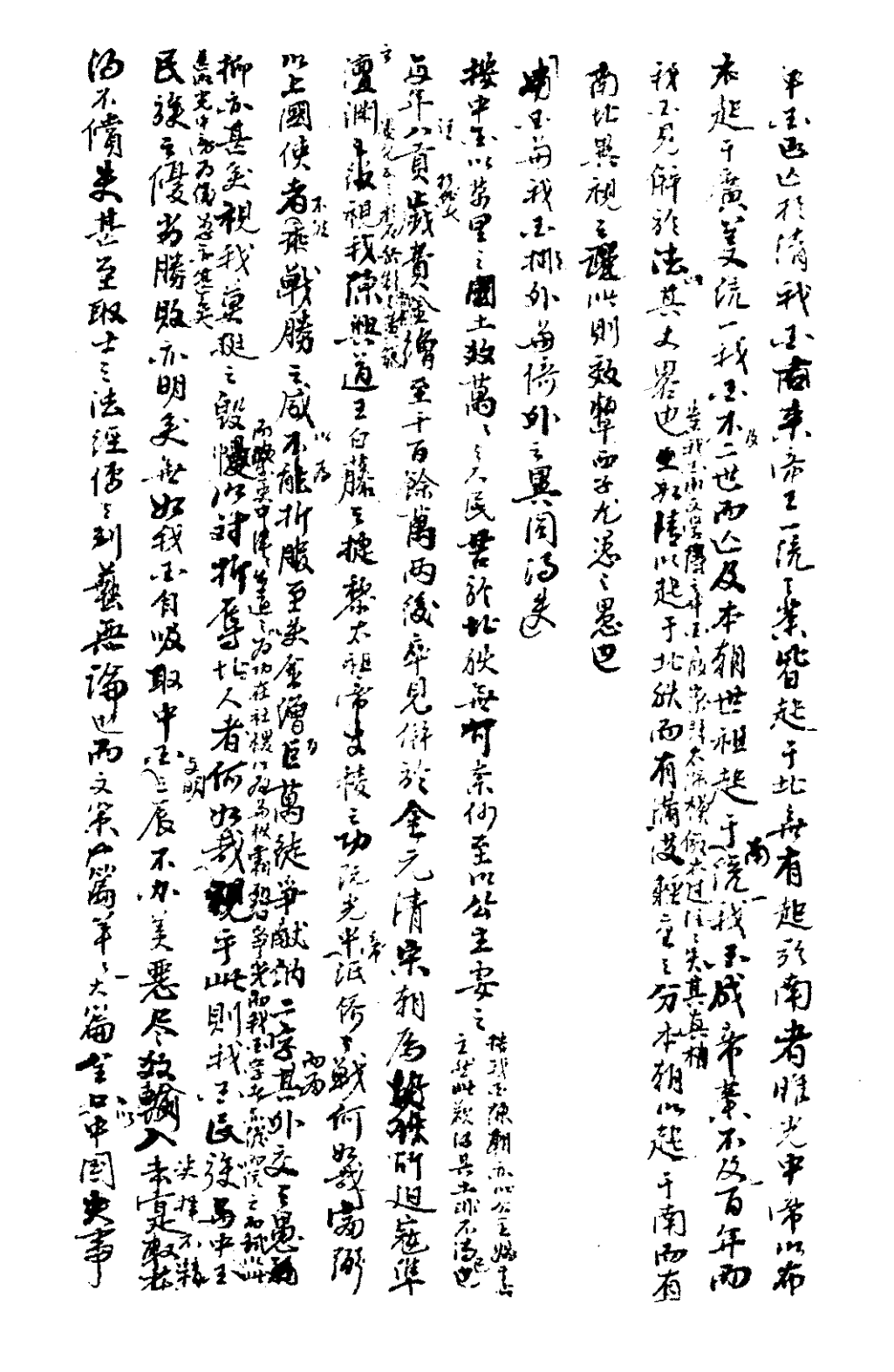


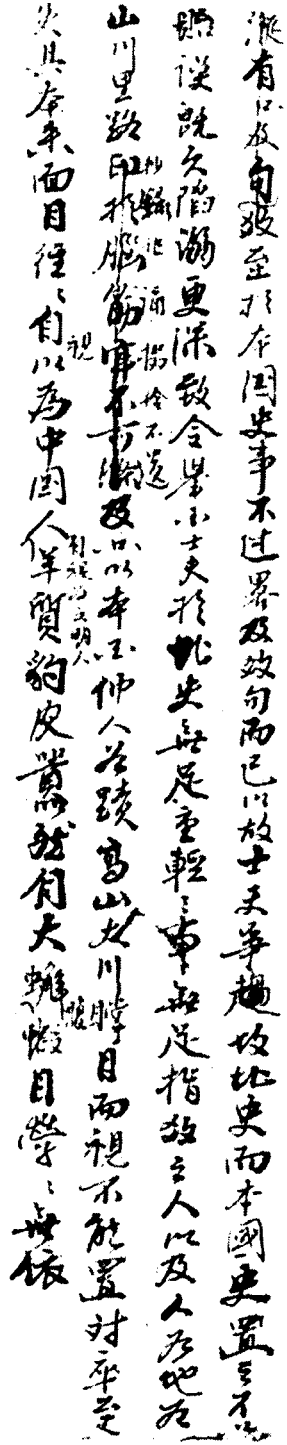




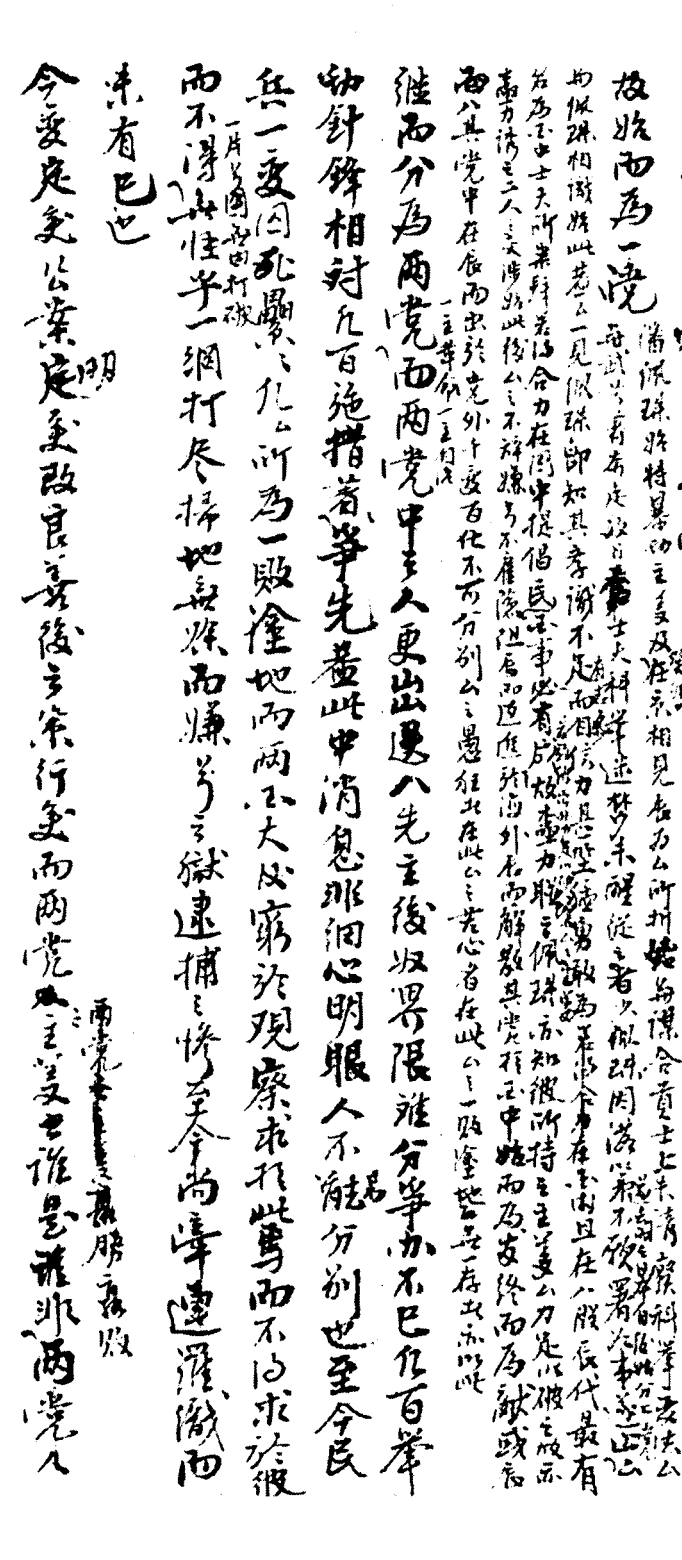








南土自與法國交涉期（原文空）受保護原期以及于今上下六十餘年而全土上下界學墜落遷于極點民怨未已遷于盡點（施南生云此新字大兵總統兼內務大臣民約皆由國人民之意志而出之也）事勞侍役而煤炭有志士早為憂之思所以救而開導於學術不治其道自歐洲譯書輸入收了於五洲強弱之大勢民族生死之前途而未嘗親念亦驟發憤于辛丑年（清）特性明達（清）性美（清）為如東之學說所驟開所旧沒潛伏于中原（原文空）未能自為發達以圖生存以至瀕于亡死而不自知一旦豁然遠（清）夢破如被雷霆而視青天白日月以此恩義之可知矣於是發劍就深毒惡驟脫九淵神魄未定如久繫之囚俄於獄空足指之而不能步左右依人如御村之愚夫俄入城市日期而不能言真偽心疾怨喜怒俄之不信流恩冥念此原注民之神情態狀誠非筆墨言語之所能形容矣此原此等生死關頭沒生存之間於一髮所賴二志士達於爾等先定方針為民先導為如新皆文代之原注達者少頃周旋之際為人腹案之謀僕愚毒未盡脫淨於腦中五大洲之



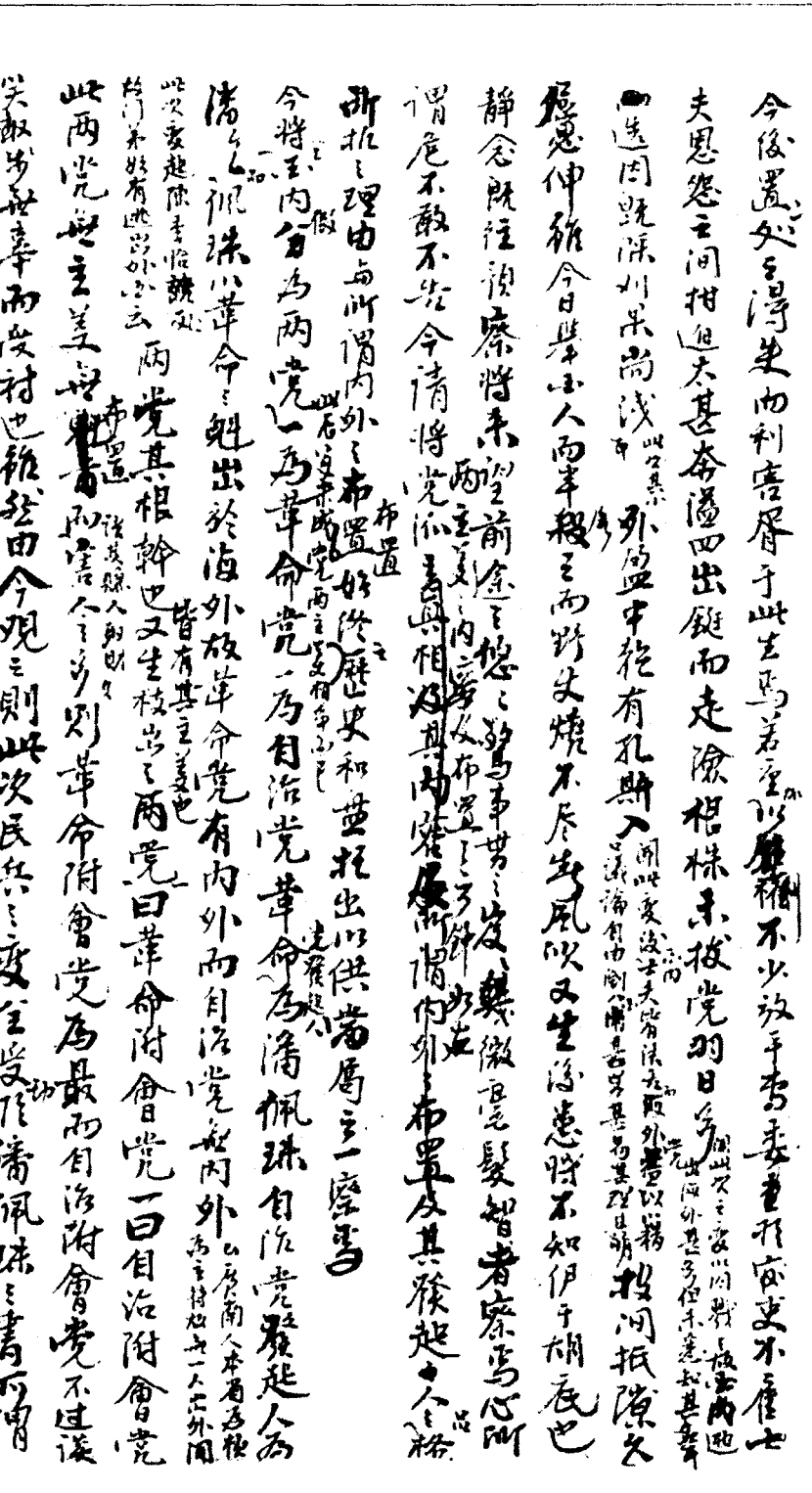
盡功盡罪盡務無未能指定皇白全無或為之不泪志之徒或說之以在內與在外之運動荒山島海志士潮之輕重重內愚民飲泣旋蒙恩放釋屏廁一隅舉動見笑心事未白逃而慚負於死友外死友進士陳季拾學術盡深主主主盡力曾為者自治指一番血戰滿腹孤忠不知何故見疑於慶和鳴呼悲夫

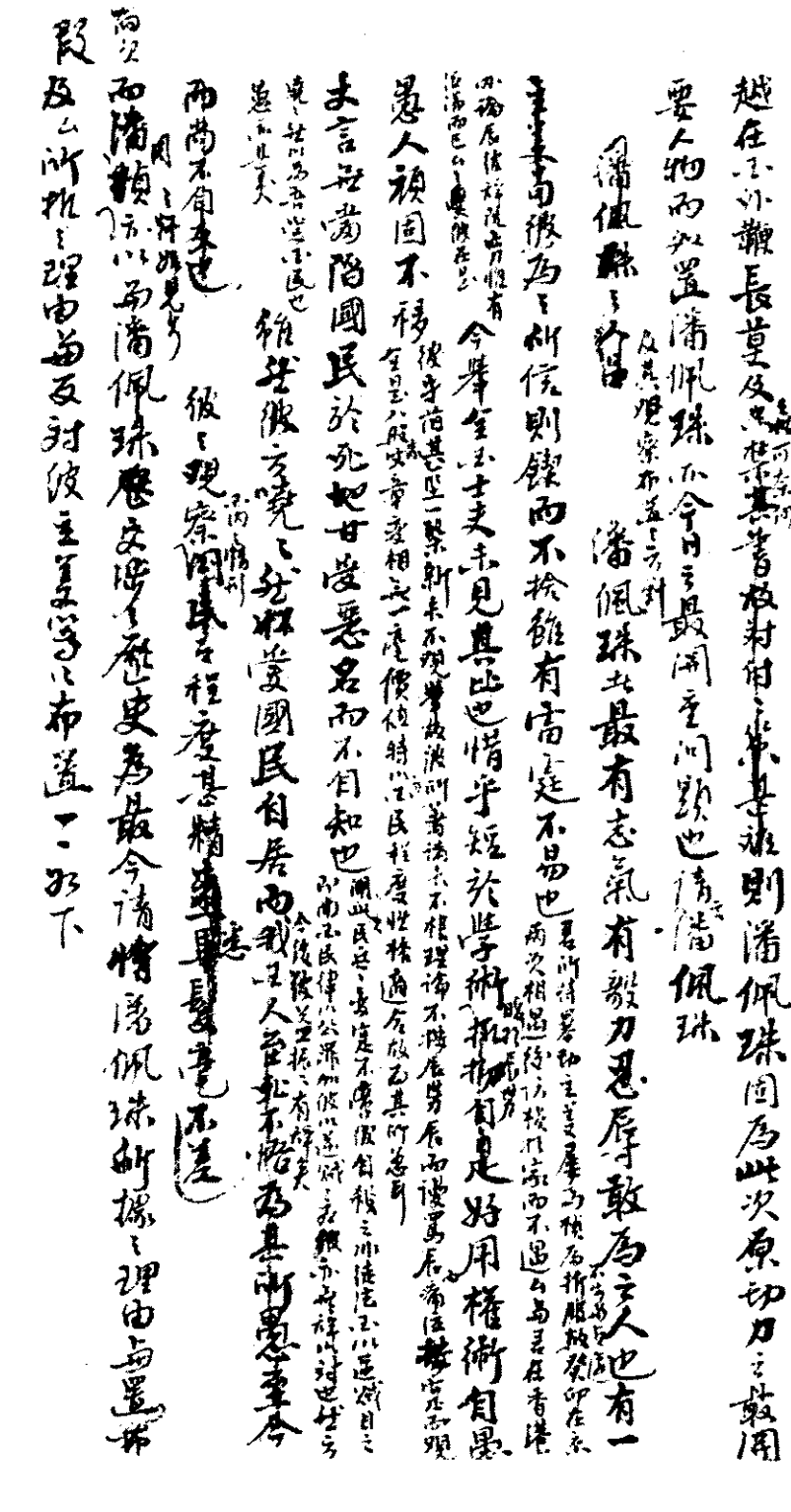
明哲以對於主人校動本國人多立小學堂立農商會開民智越強內見疑於內主宜保護黨以積為開係

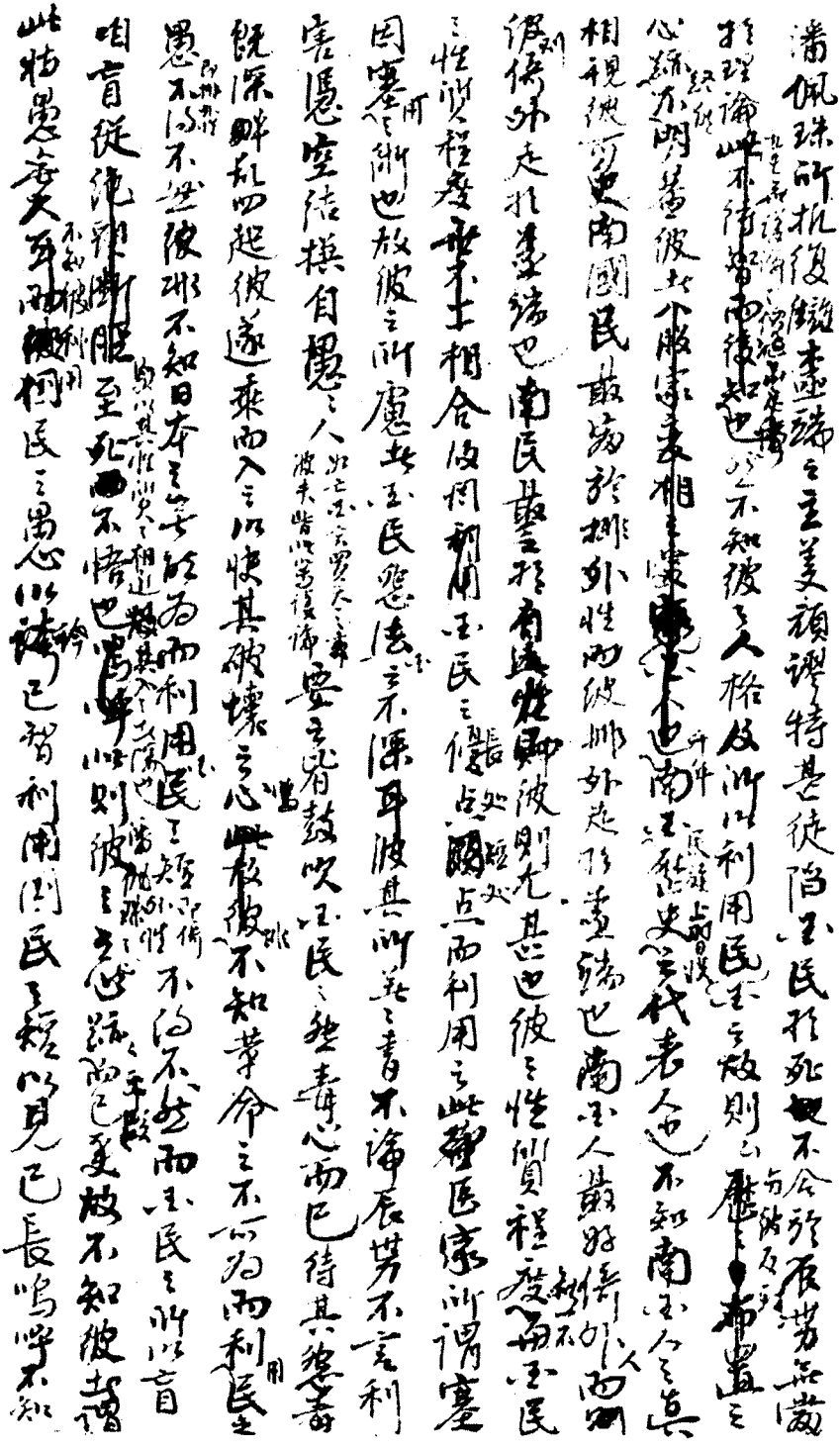
外主見笑於友對之黨友僚環送之自為自若故直愚吾矣俯仰天地不能自容覺孤負生而無為鳴呼屏營心愚誰訴下有黃泉上有天知我者其政洲先進之民諒乎其勇快將美德安平等之法主人乎歟不言為為而不言

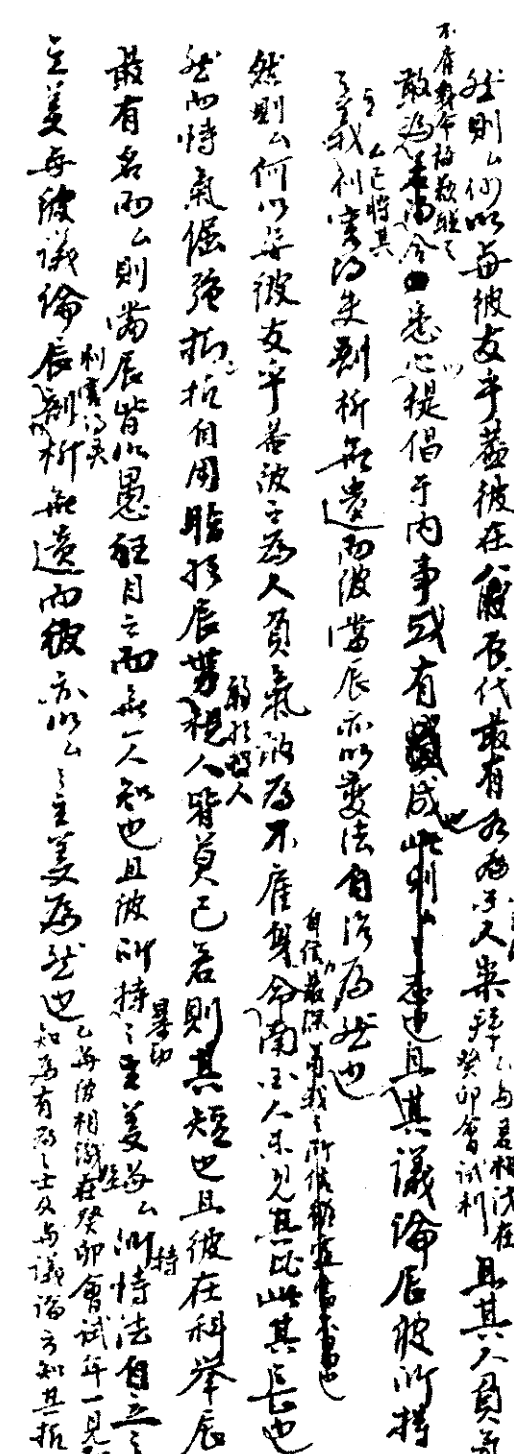
兩黨之真相

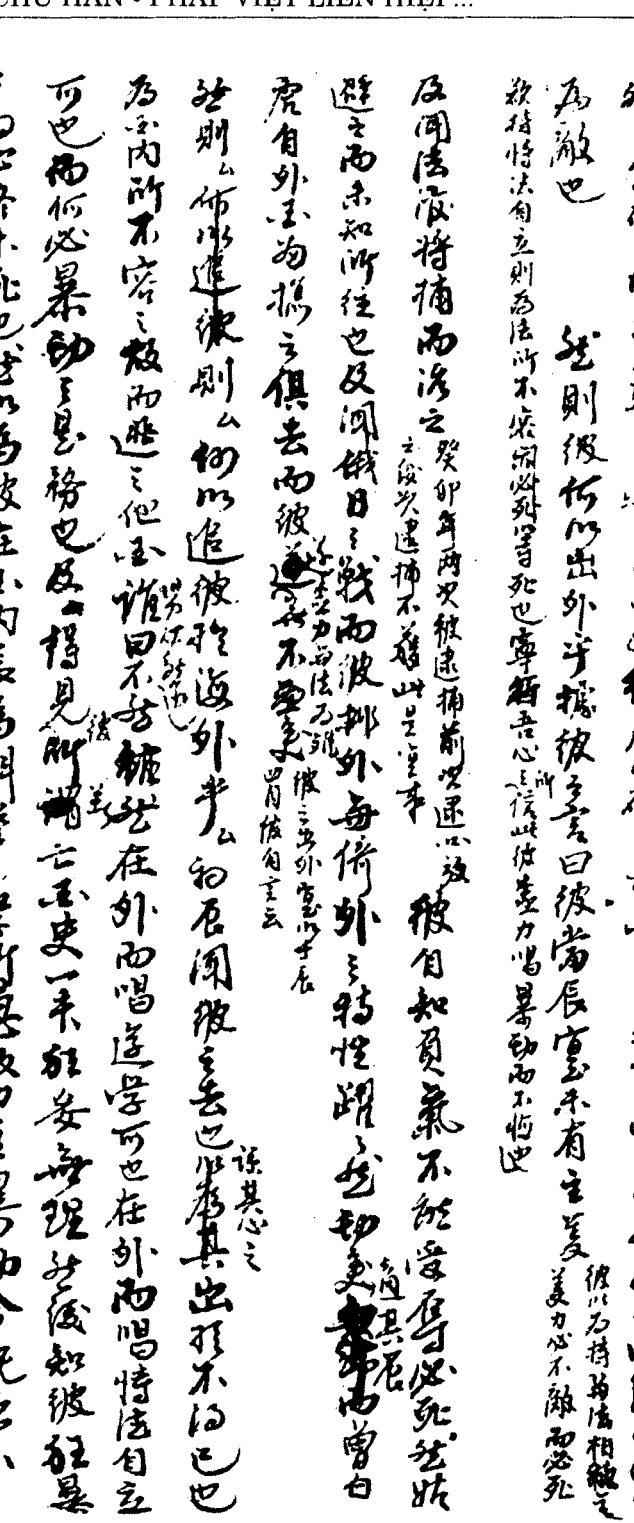
今之論南圻黨派者皆以內外運動為真相而其運動之人皆緊之以不得志之徒所為無以其事為不足重輕之事以其人為不足重輕之人故不必細心觀察以公心判斷概之以包涵胸懷之深量之以無私不仲之石無怪乎草莽禽獮俠之無識蘇秀也雖然義次決堤積羽折軸此事雖小閱後亟輕法越離合之機南圻民族生死絕續之會











日漸蠶食以至於今日深入腹地世界之大勢而擯外焉倘外人遂其夢吞蠶食之及見而效彼之所為內而治民外而交鄰（指越南）以彼之志而南人無一類不自知彼之美所抵之理由是短而施之南人則甚長而必勝（指越南）以主美所抵之理由是長而施之南人則甚短（指越南）現在之勢甚短彼之主美必勝（指越南）以主民之性質程度在外之極高論自由人從之也易則彼之主美必勝（指越南）以主民之性質程度相反固甚短而原之所在內之極為勞力所壓制思所集舉切之論皆不得自由而今也（從）強則以至美必勝此以拯死亡生出逃海外相為理論排其愚頑其要感之以民主死亡之苦或彼情主民而翻然改圖亦未可知也（指越南）而不至相反對以彼以至美也不備彼賴固不服從生普其志不少動其仁心覺以從此天涯分手掉頭不顧（指越南）無所要行彼之志我行我之志雖至而亦分而兩不從此起矣

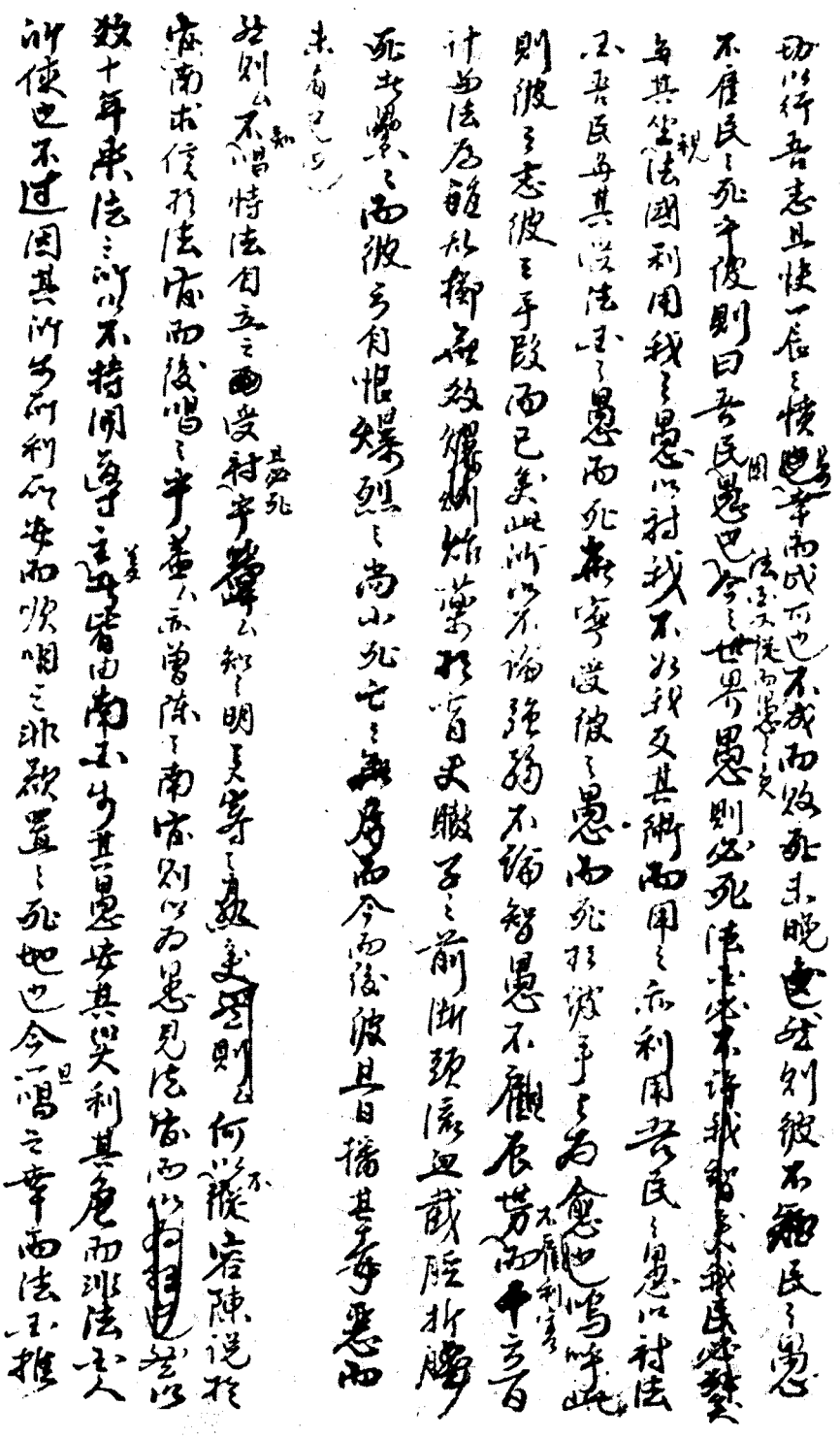
然則以仰仗不在主外而倡逃學乎以志在治法融合今切出外逃學而內法主不用則豈能有成而神於主一也且主（指越南）真有南主（指越南）者乎夢醒之和反

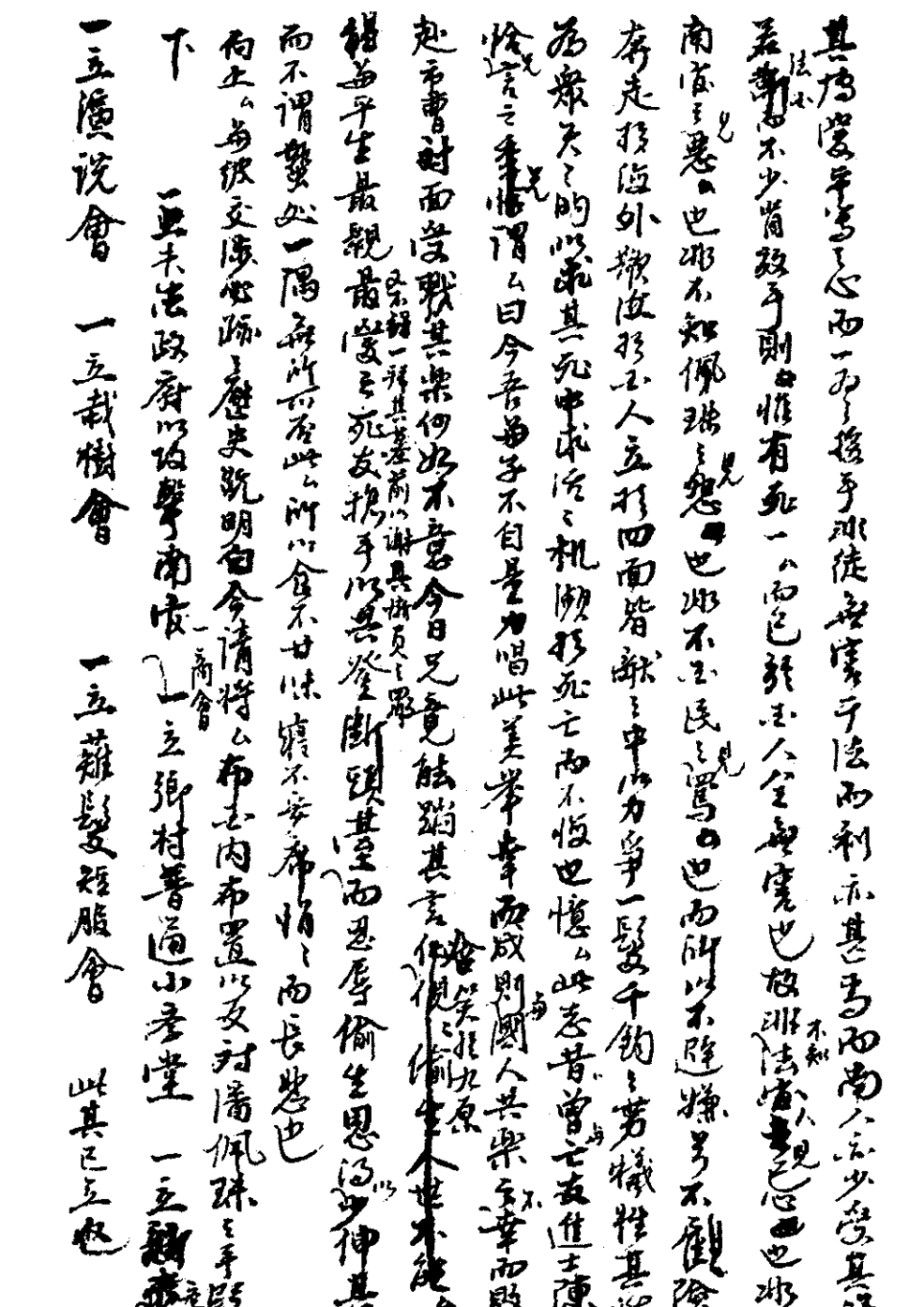
智未開有財未必有志而有志未必有財是故使有志無有財必不肯出必不敢出即出矣而財在有財波波出財盡事而累及人命死不為也故非不主運學之筆必使語法越雖合之法此則心之志也

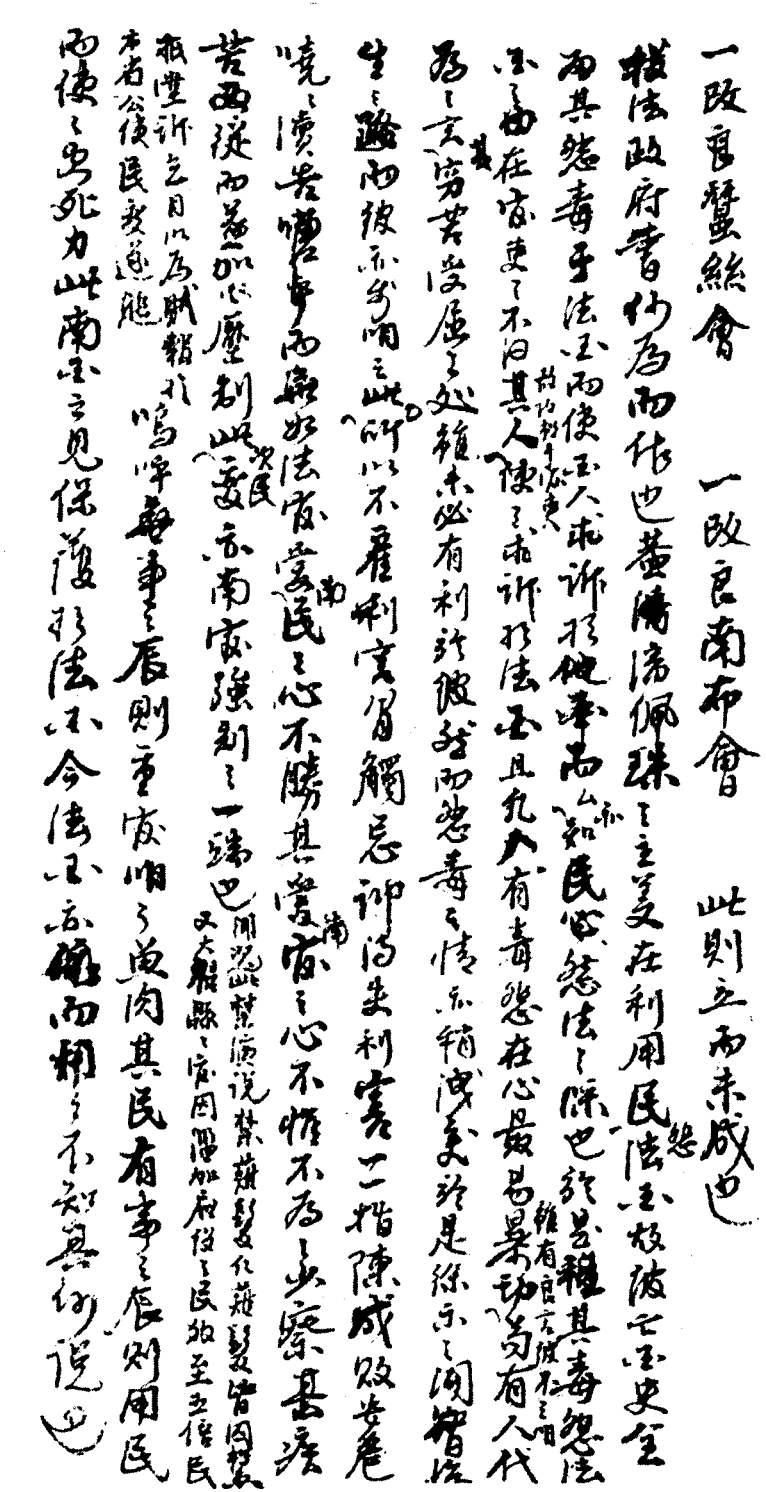
社則心何以不在外而唱法越雖合乎所謂志士不畏死者也已有主義我也我別行之生死以之今使離死之故此之海外而後唱之語肯信而從之乎一也我唱雖法而越合情死之海外則主內自為志士故皆趨我之為而尽出在外離在主內而課雖合之筆字二也且法之為是深在主內者既欲尽報之況在外而唱之法主安能信其說而附就之乎三也此心之所以必為主內而不在國外也

又有一問要主題於此不可不明也則心導志不以志之問歟也夫滿佩珠以為筆而走者本為御車而不以志自主人者耕田為不以志而唱考帝哪也心以在車主御車而唱新學則此三要之義考已具其中之一人也蓋心自幼至長自小學以至筆於社會每一人知之也在家發悲聽長輩世之言兄弟以為愚至補長小學為悲長輩世之文化平日所看文不教人朋詩則皆為悲憫之言而業師

先生以為愚矣也及治第而出仕多發愚后悔世之謀都長(張)榛(榛)奏亦以為狂愚哉
一旅以至此愚狂而不自知也(明有不自知之明)在科舉取代之盛相也在一旦而新未而讀之千實年為國(元旦所讀)
則大快日此正愚狂有用之處也亦能愚之志行善愚狂之見未必無補於民也(少)
不然今之治志邪有學門之學也邪有政治法律之才也而治志且若此且之在社都一
年他人治志之地(所)治志之才治志之業皆知之亦不能救之矣(也)志為在此且邪惟不出為(駐)
官且出為困辱為羈絆治氣離鄉去里之人為人所輕扑嗤罵而不敢(能)辯事為
推委委諉糊塗第以自鳴治志也嗟今南人皆以為愚狂而以為笑乎字之法不
人現之或不至人云亦云也(之也)雖然今之(定)業(此)治志之事為定(此)(定)業(此)(定)業(此)(定)業

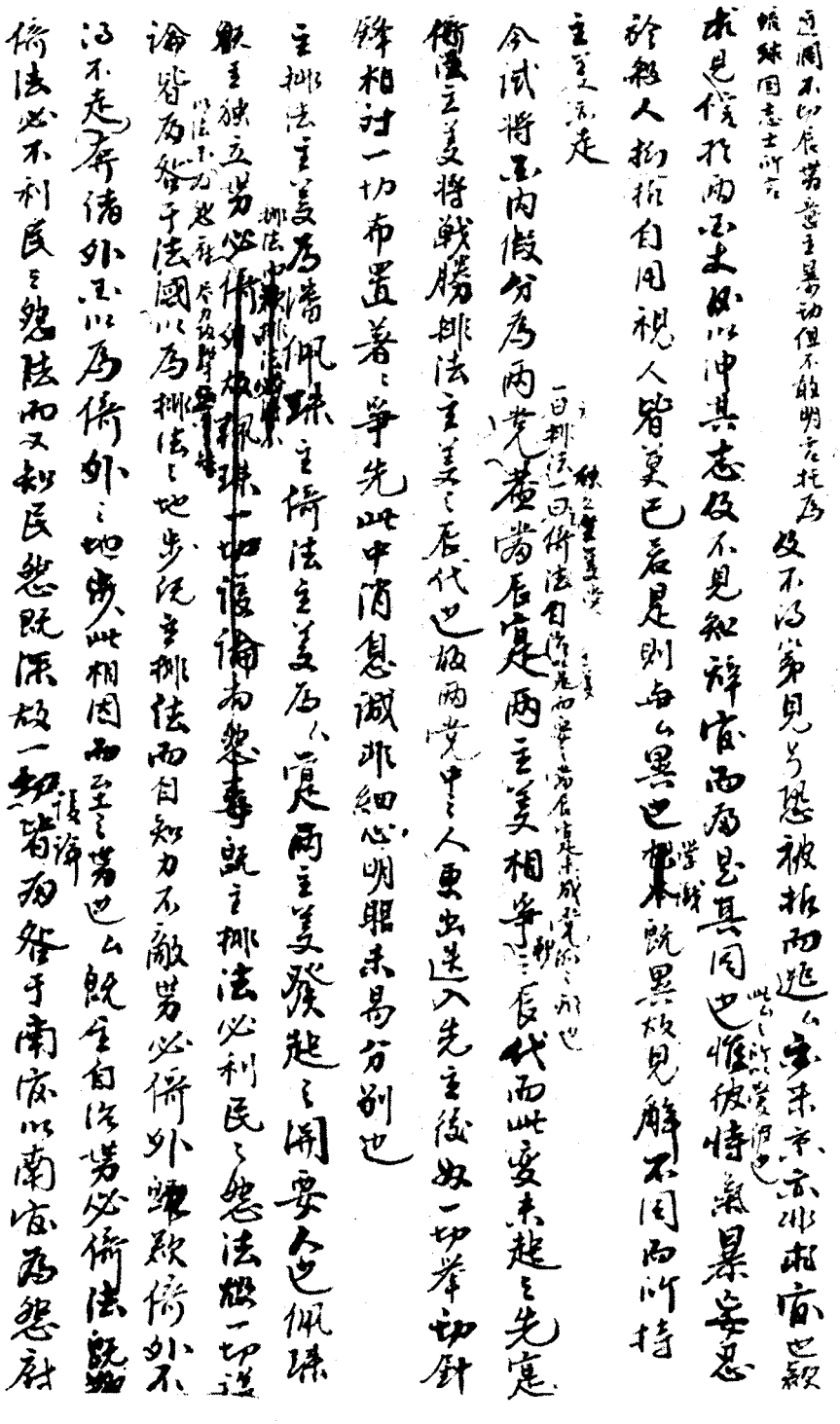


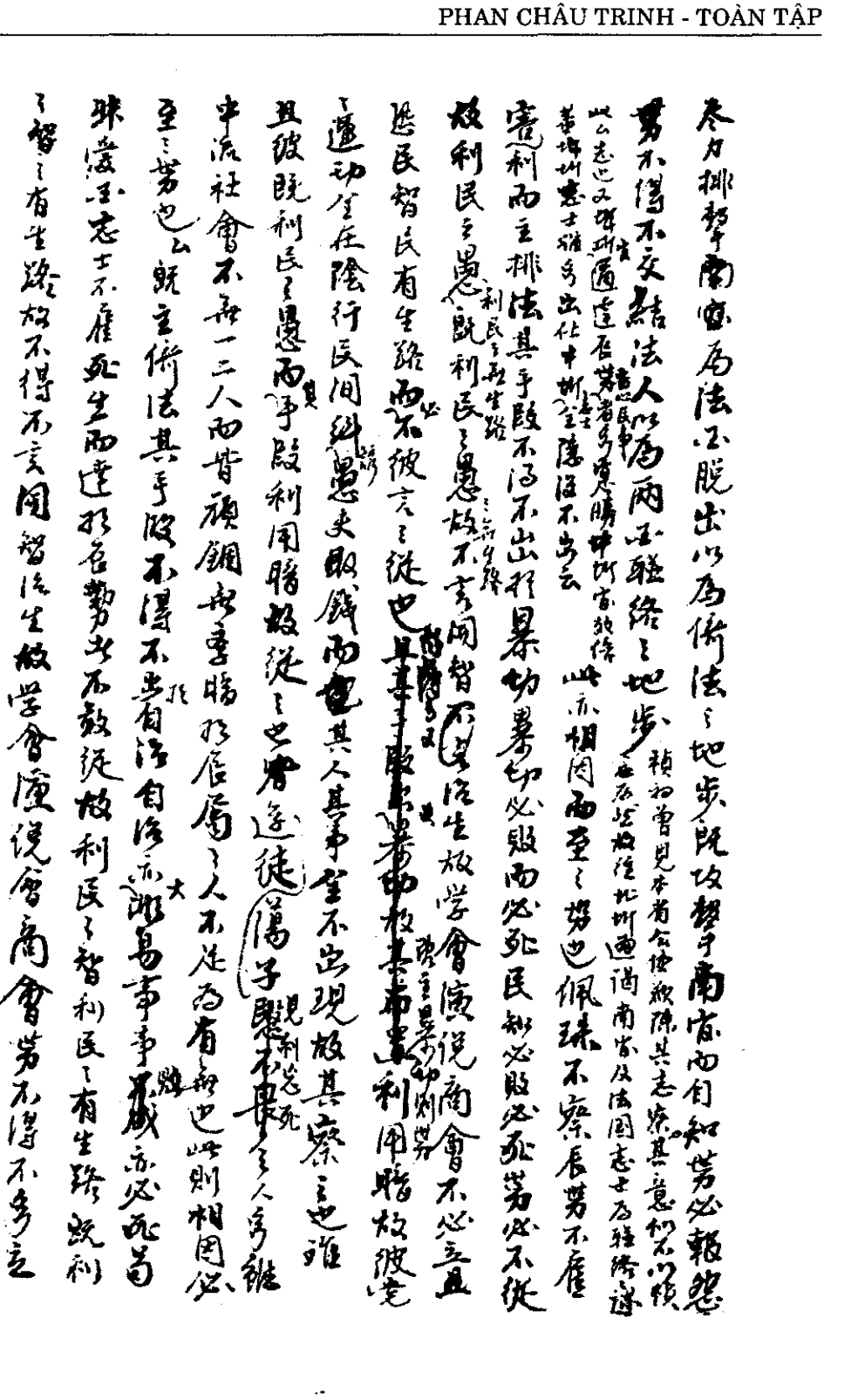


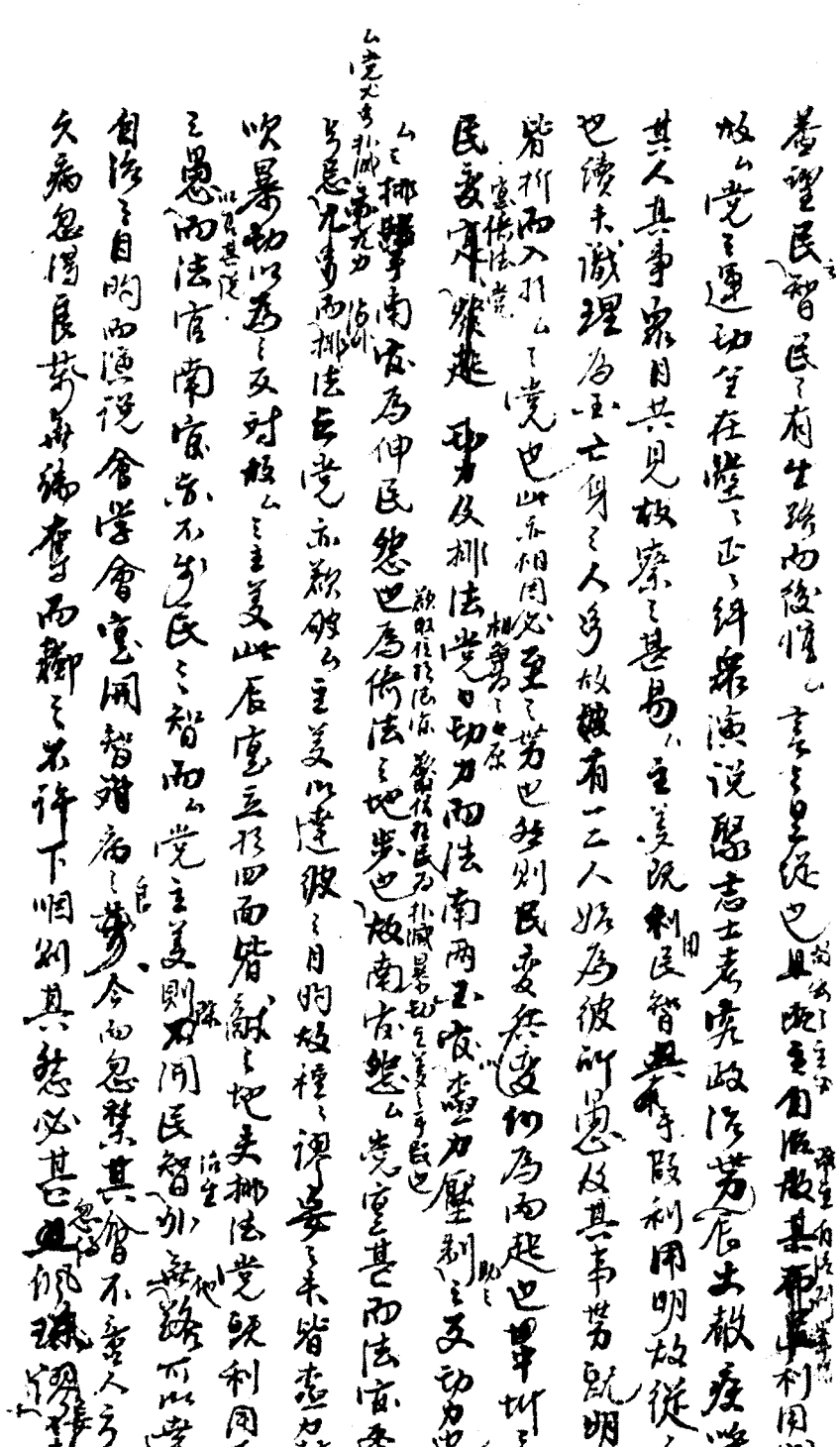


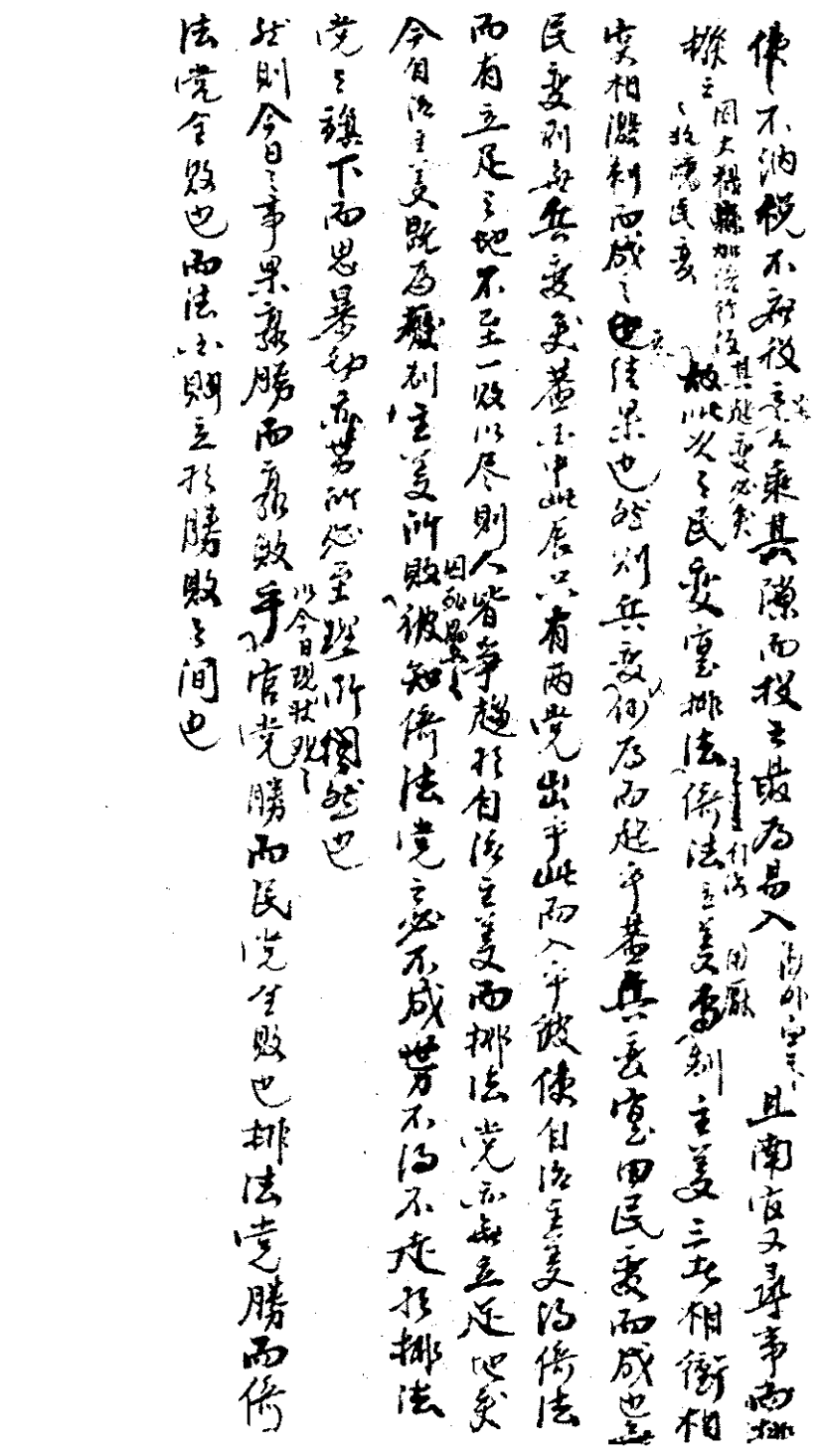
今請將公與彼之意見兩抄理由及其辦法之緯如下

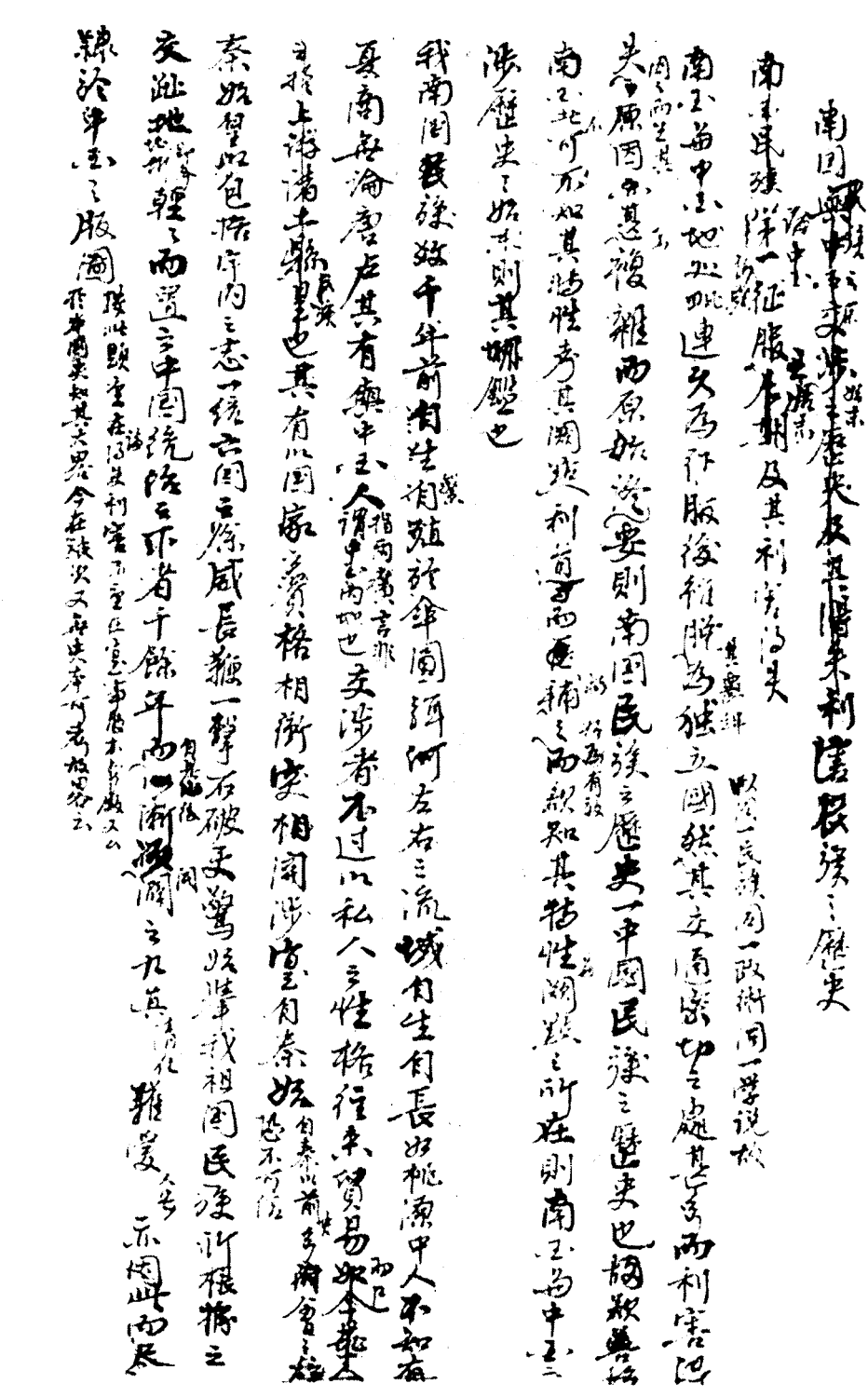
潘佩珠之歷史一幾經滄桑之歷史一艱苦險阻之歷史也而彼之歷史即公一生之歷史也其性質固其境遇固使然也意見不同主義迥異所以始相投而終相離前為友而後為敵公之所以不避嫌疑不顧險阻迭起於海外北日以彼之敵公一雖僅如公之斷以不雇主死胥觸忌神呼号於車中

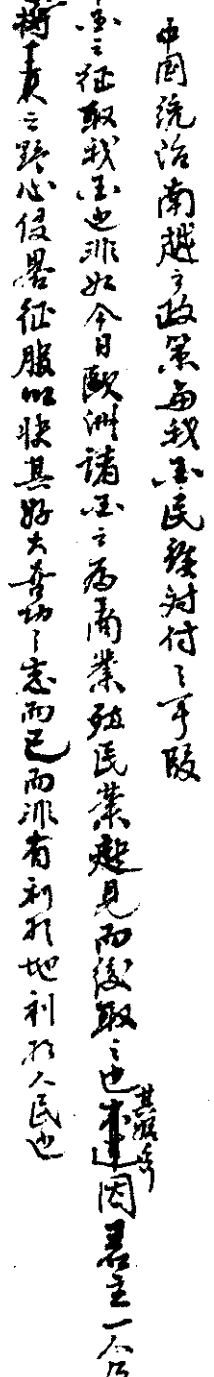




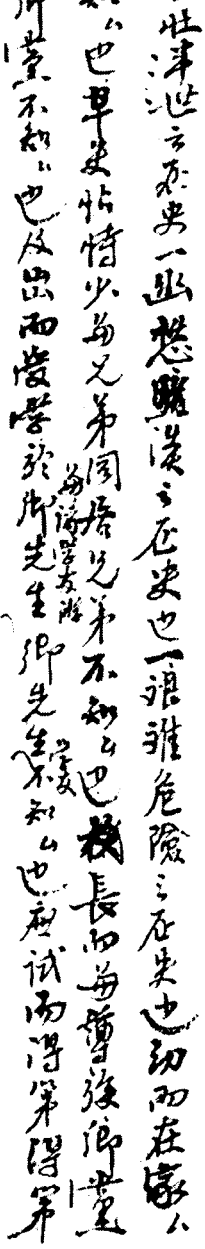


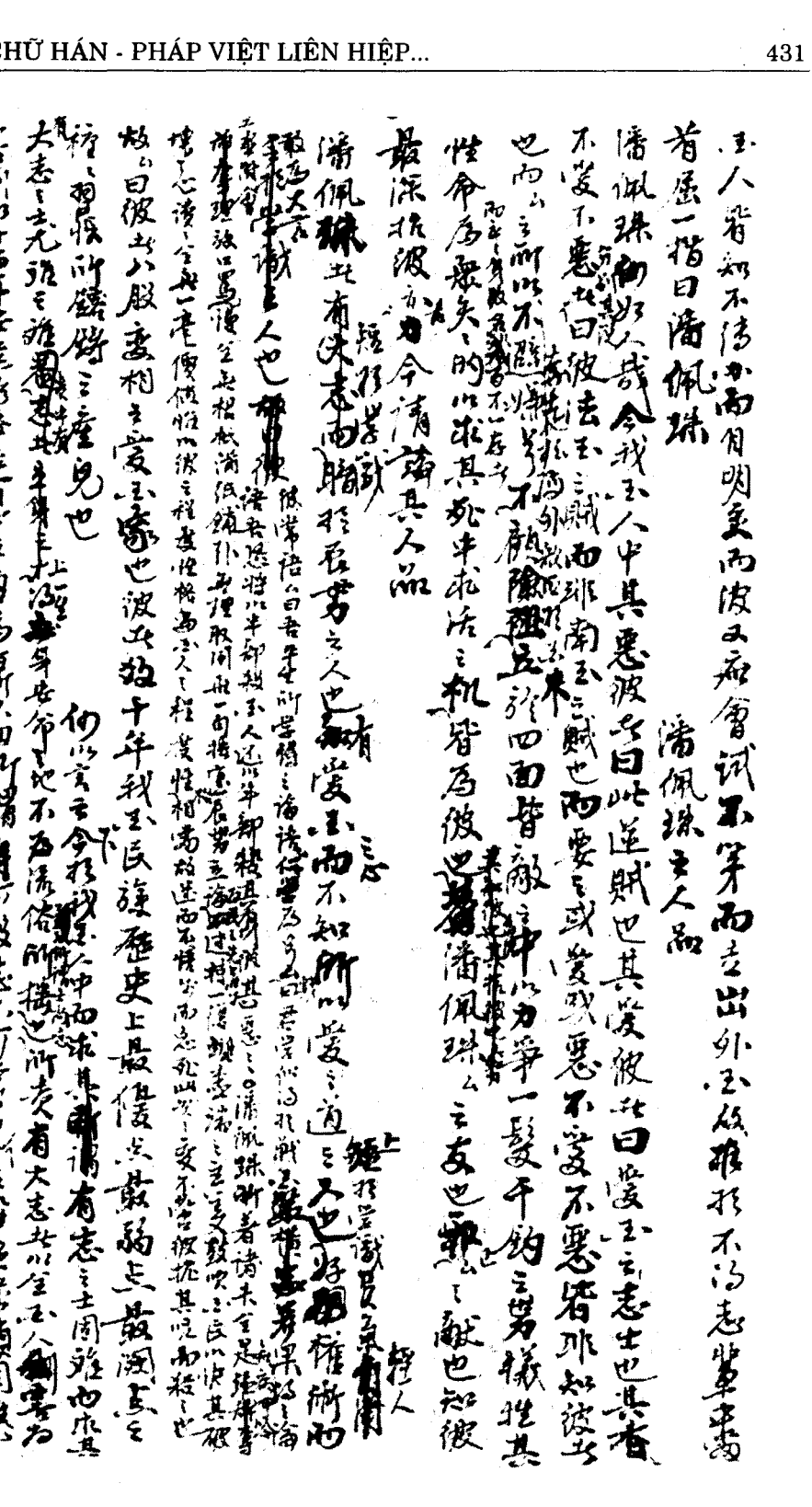


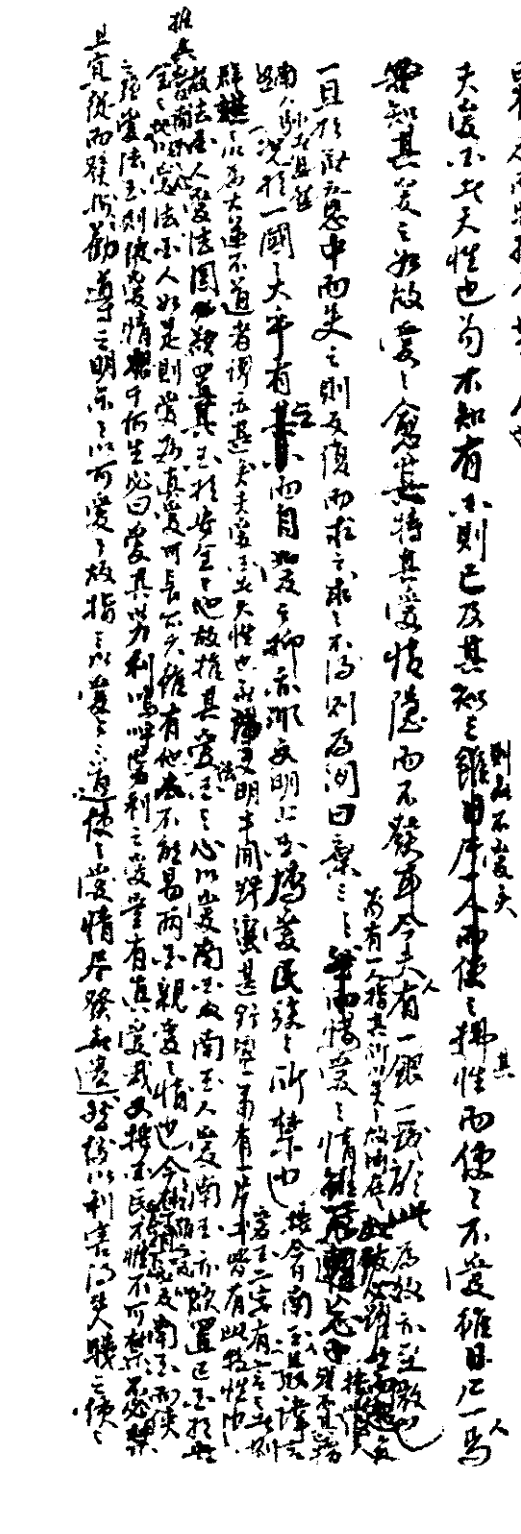


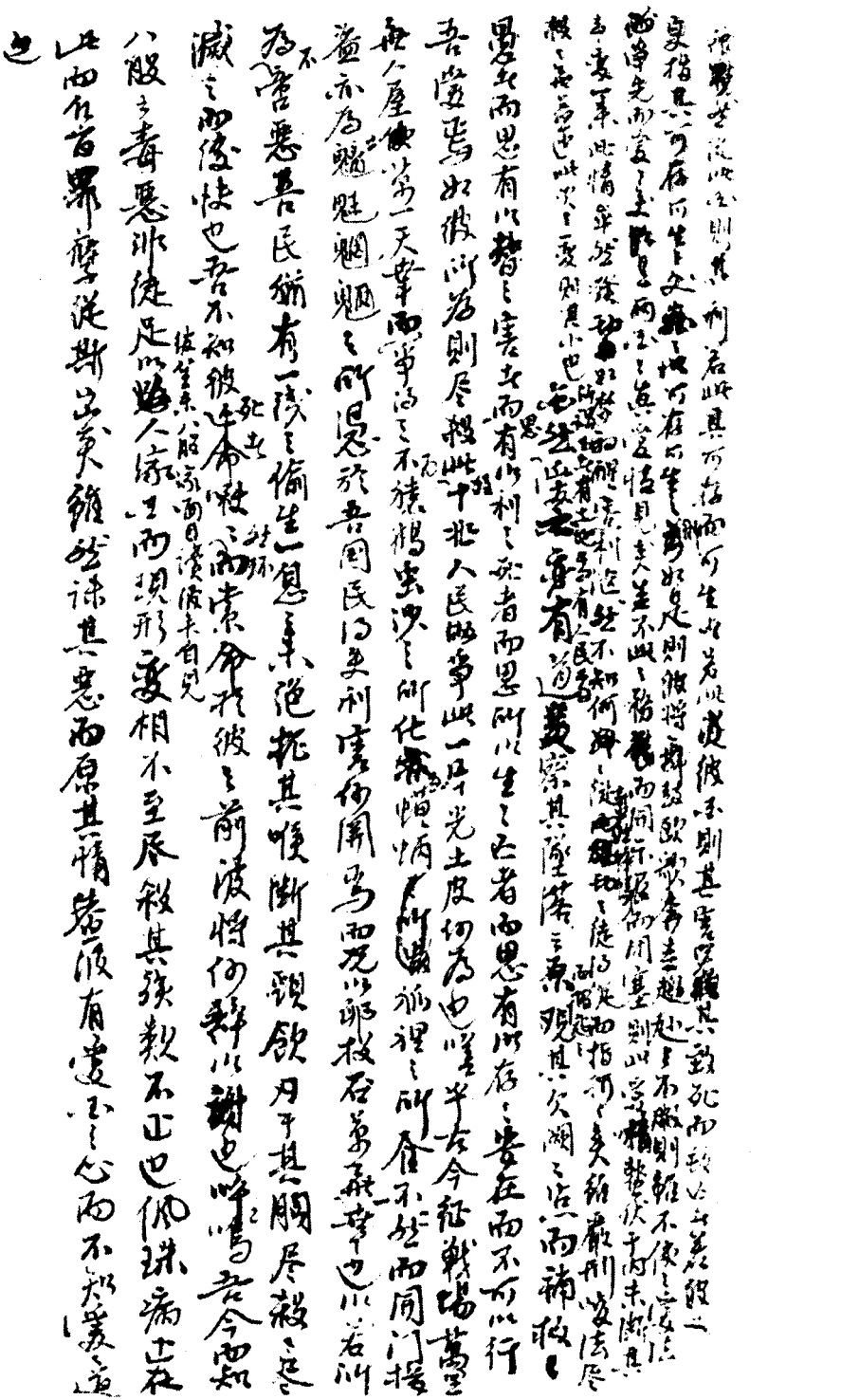


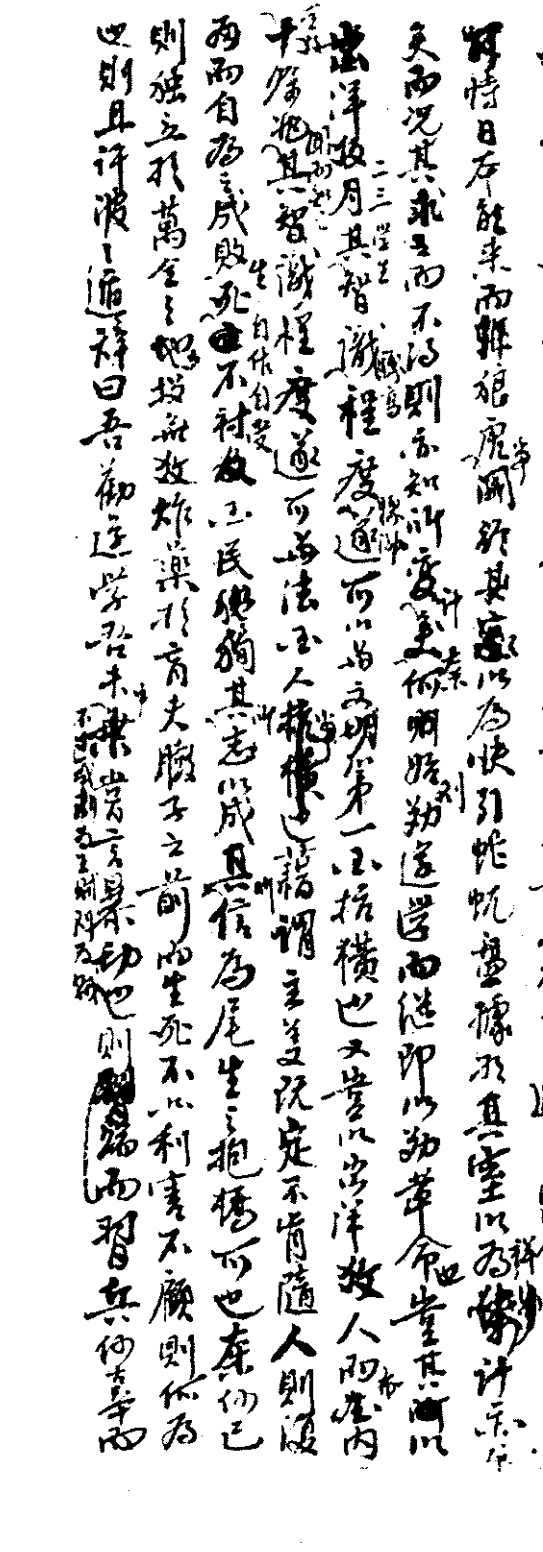


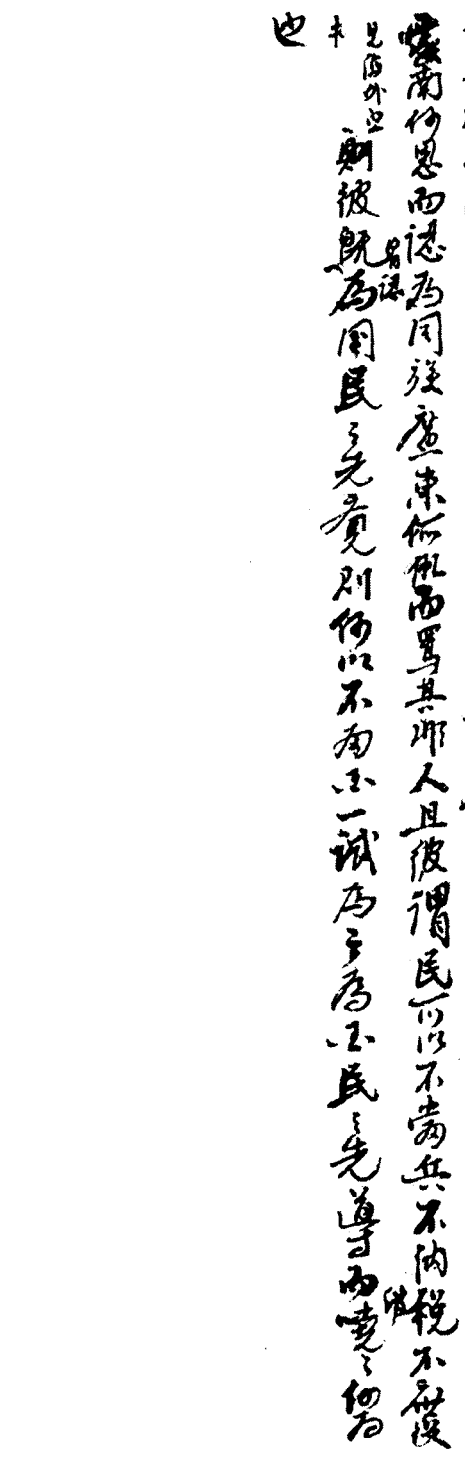












潘佩珠人品特性及其學識

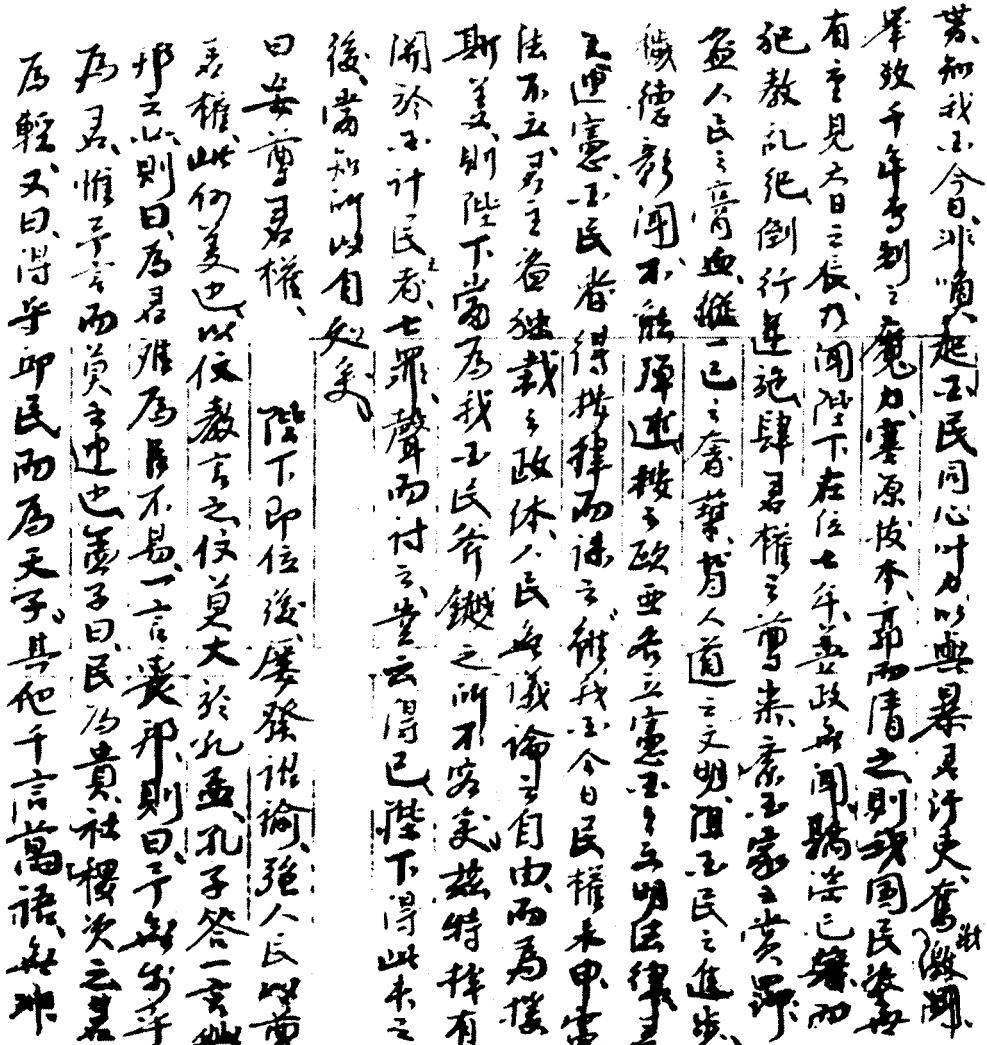
彼資質最聰明志氣最偉大有國家之觀念最早在南土科舉時代愚謬之學術用功最勤鴻儒最深超九南土民族歷史上之強立獨立及功習慣上之種種惡習彼皆食而化之淬鍊於腦中深透其蛮族彼此南土人性習上之代表也不知南土人真相視彼可矣南土人愚而好自大又目他人為愚故好排外而彼則排外走於蛮族愚弱而不知用修多學術非為強故好倚外而彼則倚外走於蛮族之性質程度無一不與現在國民之程度相合而加之以聰明之才輔之以愚謬之學亦

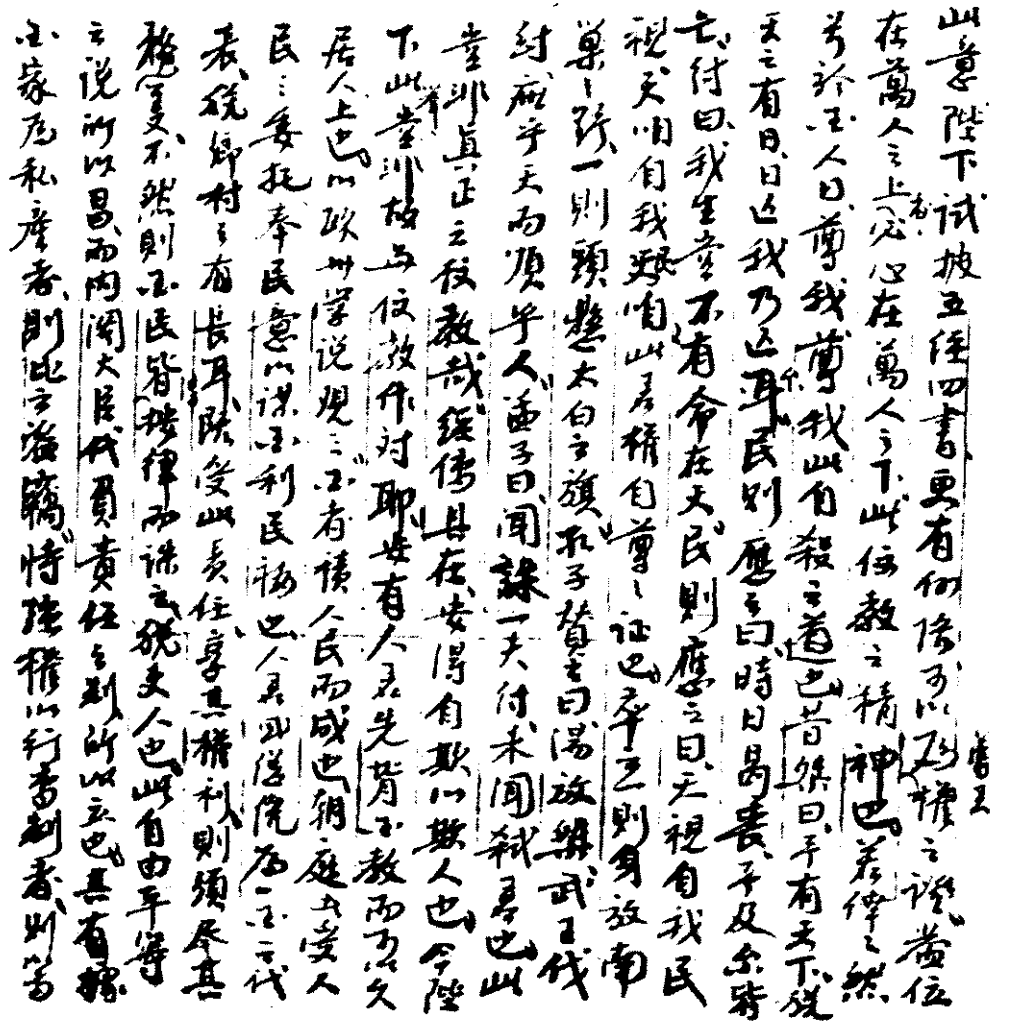
THẤT ĐIỀU THƯ

(Nguyên văn chữ Hán -
Thủ bút của Phan Châu Trinh)

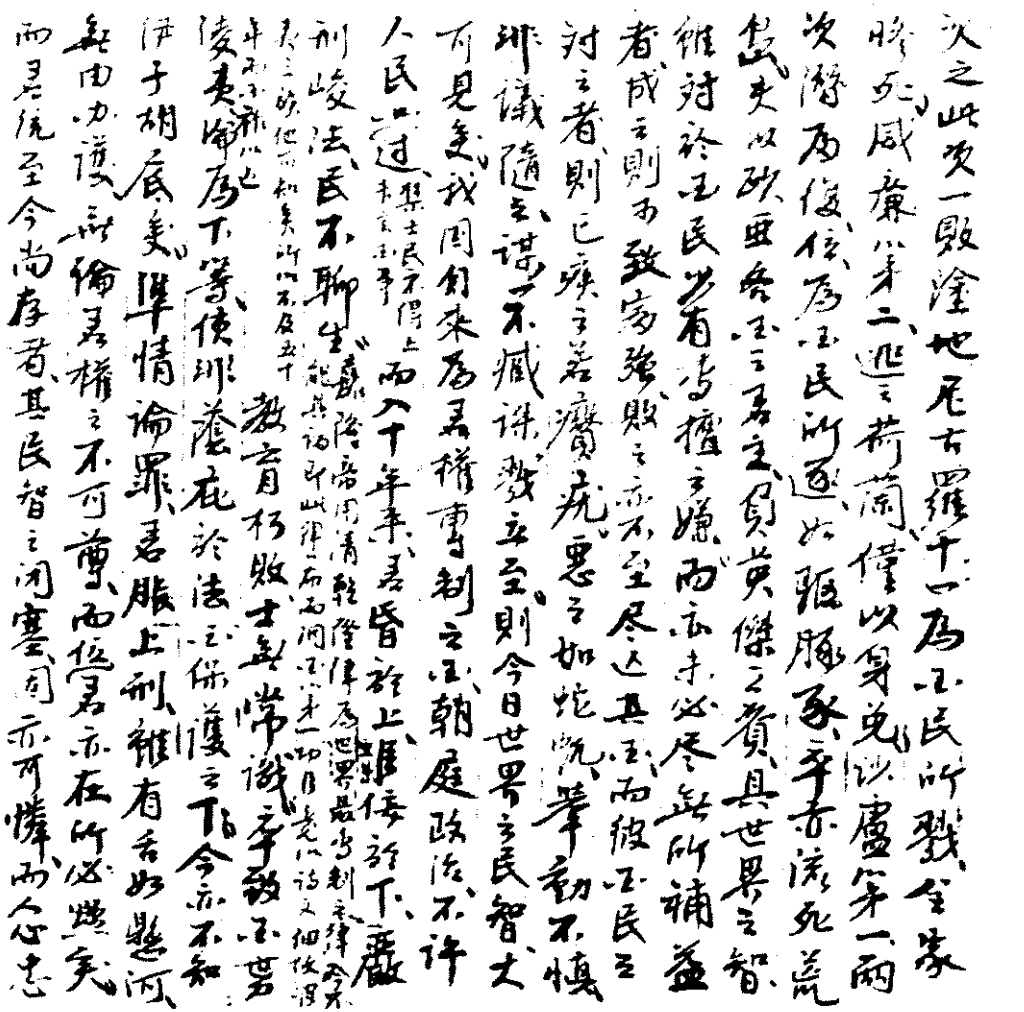
越南國民潘周楨寄書於越南當今皇帝

楨生逢亡家顛危之日目覩世界革新之機萬民立之文明憤君權之專制痛宗史之貪賂悄民生之流離舊不顧身冒險危為千九百七年上不保舊政府大臣力願革新允楨當日所提倡於立學堂以教法文及工商之業商會以裕生計而挽利權改易從法裝服當立之者在人身目其為新黨亦明矣不謂我主政府上下相於書到只顧身家忠革改心漠視人民如草芥羅織慘虐摧殘善類千九百八年之民憂士民為其所殺戮囚死者何止千計借此罪狀為徵楨身危心懼改之亡命矣伏我主之立於法不保護權下亦已有年矣仍致法不聞改革新政而書到之時始尚統如此抑亦世界之所僅聞矣使外法之仁人志士休得堂平等之義為楨嘆收安內尚有今日哉楨之有此能全留受法主民張之賜之賜也千九百十一年流寓法主為求學術自寢食於民主之主平吸於自由之氣至今亦已十一年于茲矣回以悟世界之公理識主民之美務改此陋之習進步之趨





之教迪而立法將隨之矣至今此美洲日中天化世界文明進步
之民族皆視之如水火敢寒拳之為立律金科奉之者愚迂
之者溫然無論君之民主化立憲之立未有敢之迎也昔幾昌第
十五有朕即國家之語法人至今皆目之為大逆不道然者猶有
餘恐馬此意每鄉立仿教之相發明孔子曰好民之所惡惡
民之所好是謂拂人之性災必及夫身又曰夫秋之有君不如諸侯之立也孟子曰
天下者天下之天下又曰民貴君輕社稷次之君為輕者同盜立者
侯云云皆此意也今陛下生於佛教之立為二十世紀之君主而
我立之立於法立民主保護之下乃敢神者自尊卑然民上
明治天皇之教美隆迪世界之立明治維新為我立民所不容
卿亦大法立民所不齒也以近今歐亞辰勞觀者日本我同文之
也四千年前已立民選議院之制廢政治之學論人主無
得自專至今立勢強盛為亞洲冠然人民猶懷其君稱
太大明治末年已有勝教之源去年宰相被源氏被刺
殺此之故中立者我立之明所自出迪十年前立迪其君
改為共和政体歐洲君權之重動如帝皇而德奧則



端橫肆、道路以目民皆苦之。昔周厲無道，歷人議己，設西伯誘之法，君公為防民之口，甚於防川，不可復救，幸為王人所誅，伊陛下之賜之也。罪二。

二、妄崇拜跪。拜跪之礼，不過一表示敬礼之容耳，甚則一人高坐堂皇，群下衣冠，侍伏堂陛，不惟失公衆之雅觀，賤人類之資格，而且長上之驕，書下之恥，誠礼法之最弊，垂也。后至今日，欧西諸国，無有復行之者，有之則沙漠生蕃，未經開化之低賤民族耳。我王風俗儒国之今，誠我民族之恥也。千九百六年，逸流之權，鋪大陛，陛下令申禁，而我王大吏，冥頑無恥之徒，陽奉陰違，此令遂不宣行。人皆悟之，故沙汰諸大人，陛任時，宜不冷神行，嚴禁，以民之相率以賀，今陛下尊此，不惟不廢，又嘗之以飲食，張之為盛儀，朝賀行礼，相人公門，慰相傳布全国，今陛下受拜跪之照片，我西欧美，聞陛下此法，傳之法國，汇集尚行此大礼，反駕抵然堵，若海口辰市然。夫拜跪非文明之礼，君主

非帝天之稟性民非物類之比軍容非堂陛之所海濱非
朝賀之辰而委衣冠於塗炭當人道於牛馬陛外今之
輕非損國民之元氣一舉十失王人恥之而陛下欲行之
從非至愚何有此甚至持旨許人以讓位為人所以像已
從朝拜時儀小道之然猶渐巧塲中以湏示天下其像
為陛下手執玉笏高坐金墩大小臣工頭髮之斑白者具
大狽服低頭閉目拱手斂躬於前如拜猴之狀奥
衆猿之狀容者此真所謂不知人間有羞恥事者歟人
臣者見之而不掩口陛下可不惜者與其如羞辱
体例湏之耕人之性者必為天下觀笑孟子曰君視臣如
犬馬臣視君如塗人君視臣如草芥臣視君如寇讎
言則民之報耳然則陛下者將我王人之塗人耳寇
讎耳其見傳於我王人者必笑罪之

四日每行香修　陛下於每旨社大赦宮殿關中未決徒
流每次以減千元計而所減之以供鐘刻龍蠎之用陛
下未即位以前不及一文王人皆知之則此欵非陛下私積

而取之公庫者，無異之閒。陛下如法時行，船期間有過期中行者，皆賜以參巴上項美洲日以為常，即此賞船備一數言之已不下二十五千法佛，即人之義務，安得謂無？夫以我王中折農民負荷之極點，天災荐臻，荒之餘，報官貪吏搜括，瘡民窮，加以戰爭期間，有物騰貴，流離之狀，至今未復，猶言賦稅過蹙，不堪，而開智屢告之辭，尚屬寥寥，比之南圻兩折一榮一枯，判然矣。而歲出之額，尚屢不給，當局所出（編者注：原文為所出）已達至烟酒之一項，不必論，即以十九百十六十七年，皆陛下在位後之年也。清化、义安、河靜、承天及南圻各省，今民之大阨大水大旱，饑荒疾疫，見告者不絕於報章，惨目傷心，莫此為甚。未聞陛下等一基業，發其倉生，捐一銀元，以拯其饑，傷然則陛下之自絕於我王民者，亦已久矣，而今乃敢當我王常，為己私產，奢侈無厭，御之虛空，即此一事，陛下有何面目，何資格，而立於我王人民之上乎？使以陛下修宮室之說，於承天京城建一大學堂，又以其費隨當書以買陰中之儀器，又以陛下所謂偉於



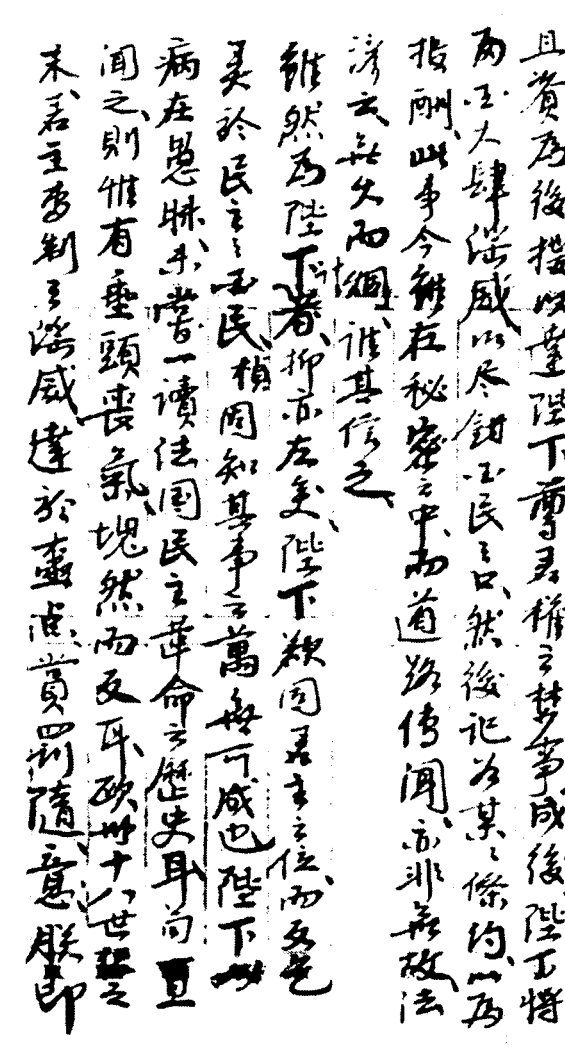
不良之父母哉易云以民殘之不康乃近庶罪四
五服飾之非制　陛下自擅制乃新式礼服自服
之以臨朝堂其式於首御錦袍上加以欧制肩章又
於係領处及兩袖則釘以金玉鈕以寶石金壁輝煌
非欧非亞之形首御云上增倫龍鳳等刑聞制府殿
下今大將軍抵我王辰　陛下着此服以迎之此次逆法
打臨平鼎以死士墓前亦着之事而法人少畨喜於
我王礼制故人莫之知之也倘有人稍解越南會典將
法自　陛下所服者果南王軍礼服耶不知初以会天地
羣帝王礼服皆有定制廣師朝會王体所用各屬
公人不得踰越一有不慎對外則有失礼之羞对内則
有逆潮制之罪我王首辰此制先　陛下自天子下至庶人
皆有体裁載在會典布為公令倘有差僭刑罰隨之
藉曰古服不宜于今稍加革改以合辰尚亦宜効中国公
服一從欧制乃是式上下一律更改從新以法緯公
布之亦何不可若則自制自服同榮一身内既無以正主人

之規、貽笑外邦之再、既失邦交、有辱王体、律
例法宜正典刑、罪五、

二、違常之舉度　陛下即位而後、帝制儀伏、大加擴
張、屢出遊辰而駐蹕、辰而乘輿、辰而車馬騁馳之
際、多者四五十里、少亦三四十日夕、馳逐於城市道路間、其
裘飾之輝煌、儀仗之赫奕、你從之驕横、為我王罕睹
罕聞、未有行人煩於驅趨、居民厭其頻煩、而陛下
猶自得、不為勅示人以今日始知皇帝之貴也、(按王明法
律、無無益之務、之權利、今陛下君權自尊、威由己、以政
治廢弛、毫不留心、人民飢寒、不過、而遊行靡日、
縱示人、其何以責之居上哉、陛下則誠為萬乘矣、其
如民生疾苦何、是徒知享有權利、而不知有務盡之也、與
不盡義務必負責任之律、陷王殃民之罪、陛下着先生
之罪、

七曰此次遊法之時、陛下此次遊法、化我王人之善心、
事者、多方積則、於而多德而候、卿而了然則相視

笑耳、藉曰、送皇子遊學或臨事我王準之傳士祠廟
及遣現法王北古殘破清域則此皆陛下一人之私非我
王民之公事又皆不急之務也務曰遊歷法國考察其文明為
而革改其王政則陛下非其人者何則法國為民主之王、
而陛下為專制之君以方柄而入閔孔徒見其柄鑿
耳且陛下不解法話而所帶隨之大臣如某、者皆我王
下賤之流其智識反在法人十歲兒童之下且聞陛下
在把黎時僅一臨觀馬場博得二百佛即他如大博覽
大學堂、大商舶、大工藝廠及法國文明各事業之處云云
未嘗一臨現焉何云考察所有是父務曰往現默塔
城屬地觀巧陽則我王今日所觀之巧則比昨人之巧則南
圻耳此皆設治於大法官直轄之區域之民之巧耳山夫國巧
[illegible]西立於陛下專制權下之中此十土者士夫對心
黑如漆農民則骨瘦如柴有何巧高惟陛下大恩及
宜夫則有辣跪之巧迎候之巧賄賂之巧削民自肥
之巧惜乎此等魑魅魍魎之輩在法國二十年前

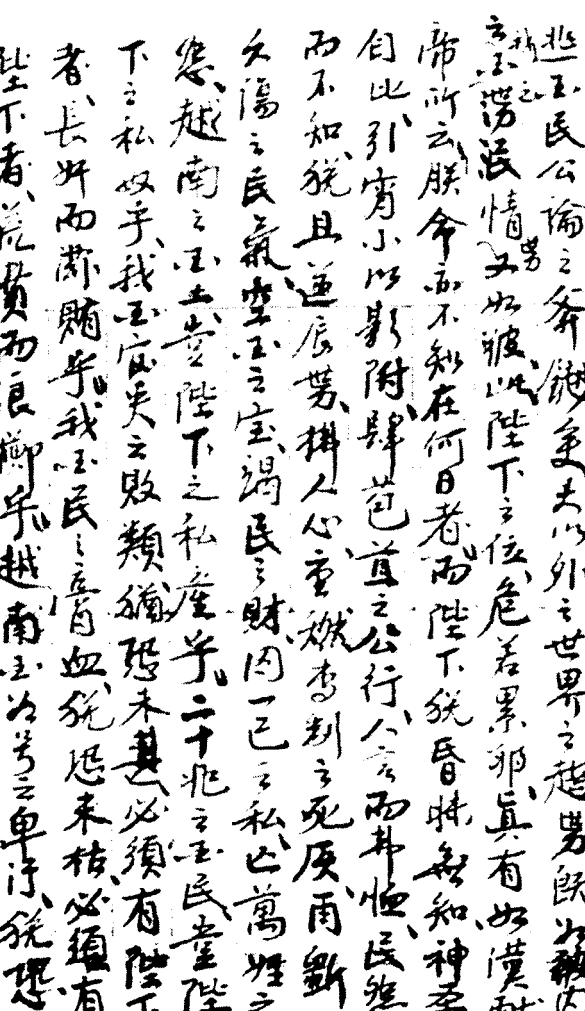






向上七票以其有開於民智者故声而討之其他行
点尚多不勝枚舉以其不開民事我小俗簡人之私故
不屑及之

夫以今日世界民智之進步一日千里歐亜各立憲君
主数十年前已陸將其王家大小政事一例手奉還還之
民莫敢過以惟日孜孜希冀其僅擁虛名於萬民之上
而隆統治為榮詔義則亦已視之為如天之福矣然
長至今日民貴其貴必思有計去之以達於真正
平民主義而後快今而後世界君主洪水來日之將至
其不返也乎不待智者而後知之民度不必論即以欧
戦期中言之其為王民所殺逐者同已三十八王而三大
皇帝矣我王自来為君主独裁政体政治之失宜更
贅愚王民無得辞其咎前已言之矣至今王勢日危
削弱不可復振於世界即以亜東現之中日論而
遅罹者同我民族昔日所不屑為伍者今則儼
然立於萬王平等之列而我王則無一年前南北府



未章必須有陛下者出而敵奧俠人目笑心歌不以人類齒爭我王仰奉受斯尊像我民何罪戴此鬼王苟不每舉棄之行見載胥及溺矣

楨未至此筆已禿矣腕已倦矣紙已盡矣而楨之所願言者猶未盡也楨之案數千言而不休者非為攻擊陛下之個人也為攻擊專制政體之原素也非為楨私人計也為我王二十北圻同胞計為推倒專制擁護自由計也孟子曰夫豈好辯予不得已也楨之心事如斯而已矣

陛下尚具大哀少知悔悟知君權之不可恃民怨之不可欺及早回頭先行退位以政權奉還我王民使其得以直接而大法民約之相提挈以自保其利益則我王民統係其喪行以不墜為陛下計無逾此若貪戀藉此一途為牡心膠悍然不顧權土重來欲竊至尊之位妄逞專制之威斷王脈於垂危沉王民於永劫則楨必內告民間外籲大法為越

南宇北同胞請命以為陛下為劇烈之宣戰願以血鑄
為陛下野蠻刺客之君權同依陛下地耳決不退放十萬
方里之江山國土致十兆之父老昆弟竟斷送於皆是
之手也

一此未能寫漢文一本寄為陛下外而譯為法文發之法
報及發傳單以求法人之公斷

一頓為陛下一切關係已斷絕惟立於對待地位故不日上加
冕典尚用陛下二字者以漢文便於稱呼耳非尊之
也

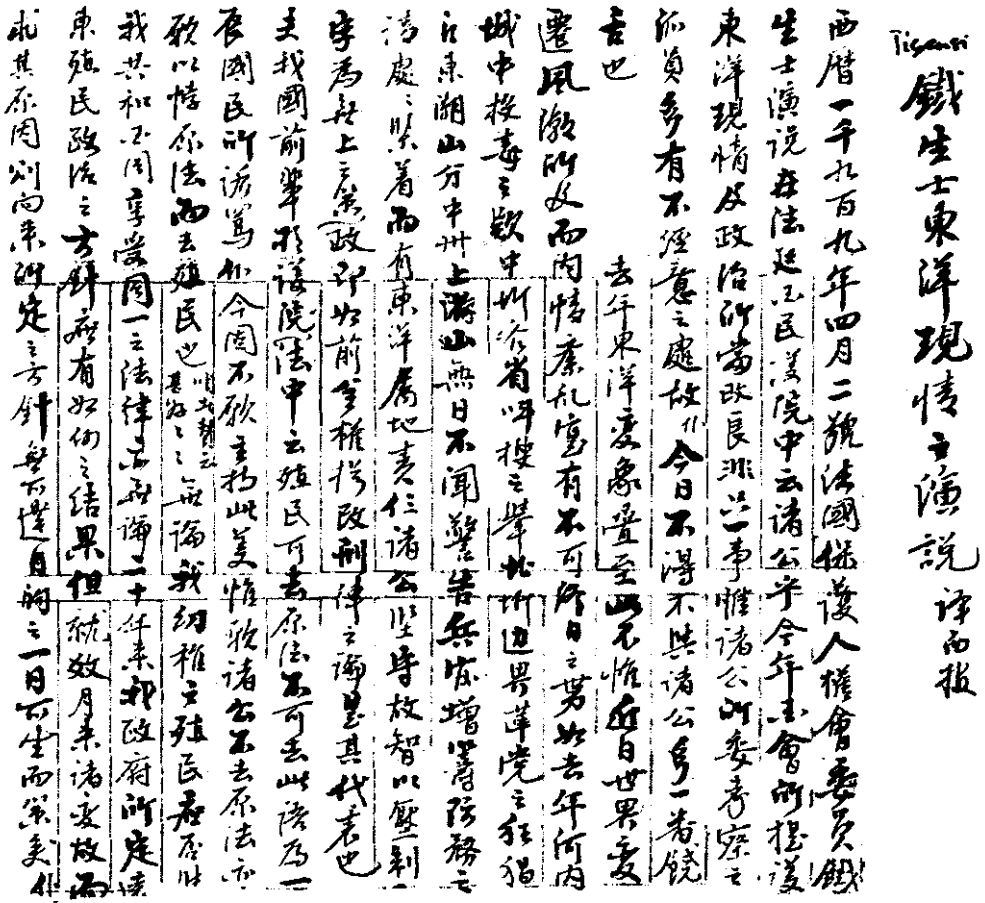
一頓為服從仗義之人故不用秦始皇以後歷代帝王所
制之禮君仲改良其一也日本之已廢今日世界惟我獨
存此制故五未之以示反對

一末札点句創格也望陛下多員時刻放用之

一千九百二十二年十四日發自默塔城

潘周楨

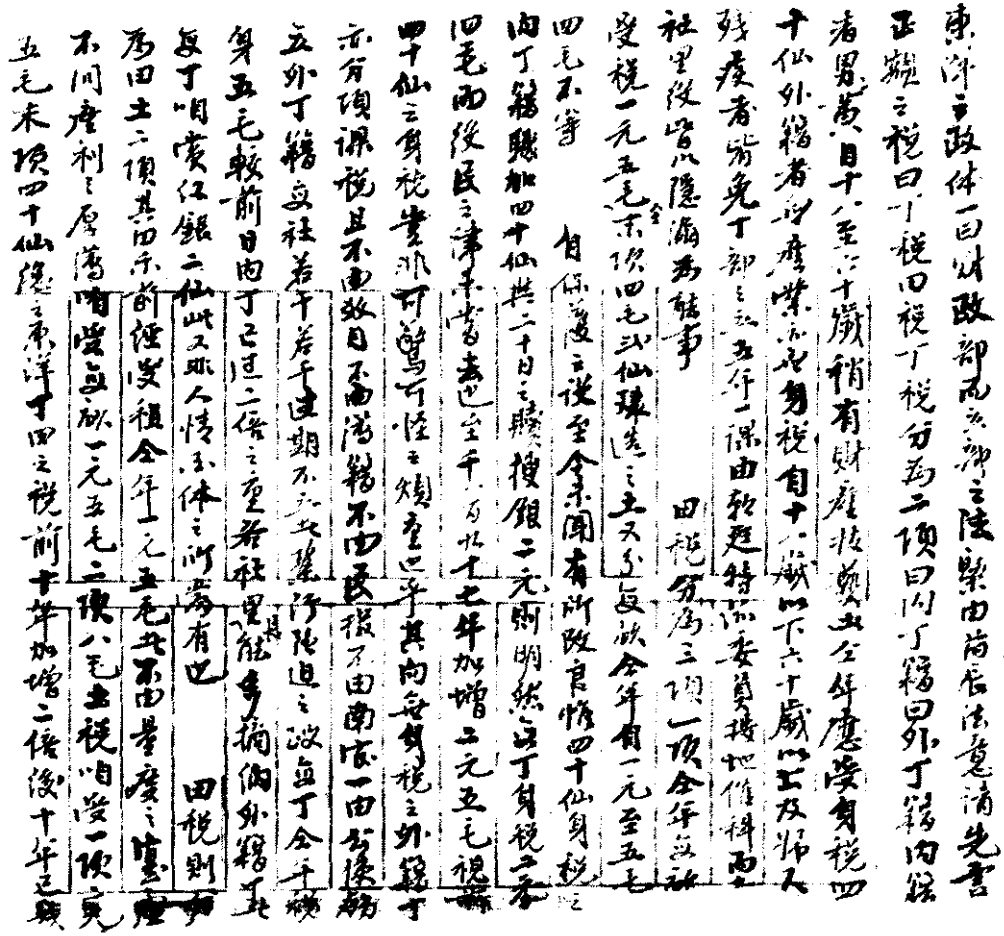
七月



THIẾT SINH SĨ ĐÔNG DƯƠNG HIỆN TÌNH CHI DIỄN THUYẾT

(Dịch Tây báo)
Thủ bút của Phan Châu Trinh
Di cảo lưu ở gia đình







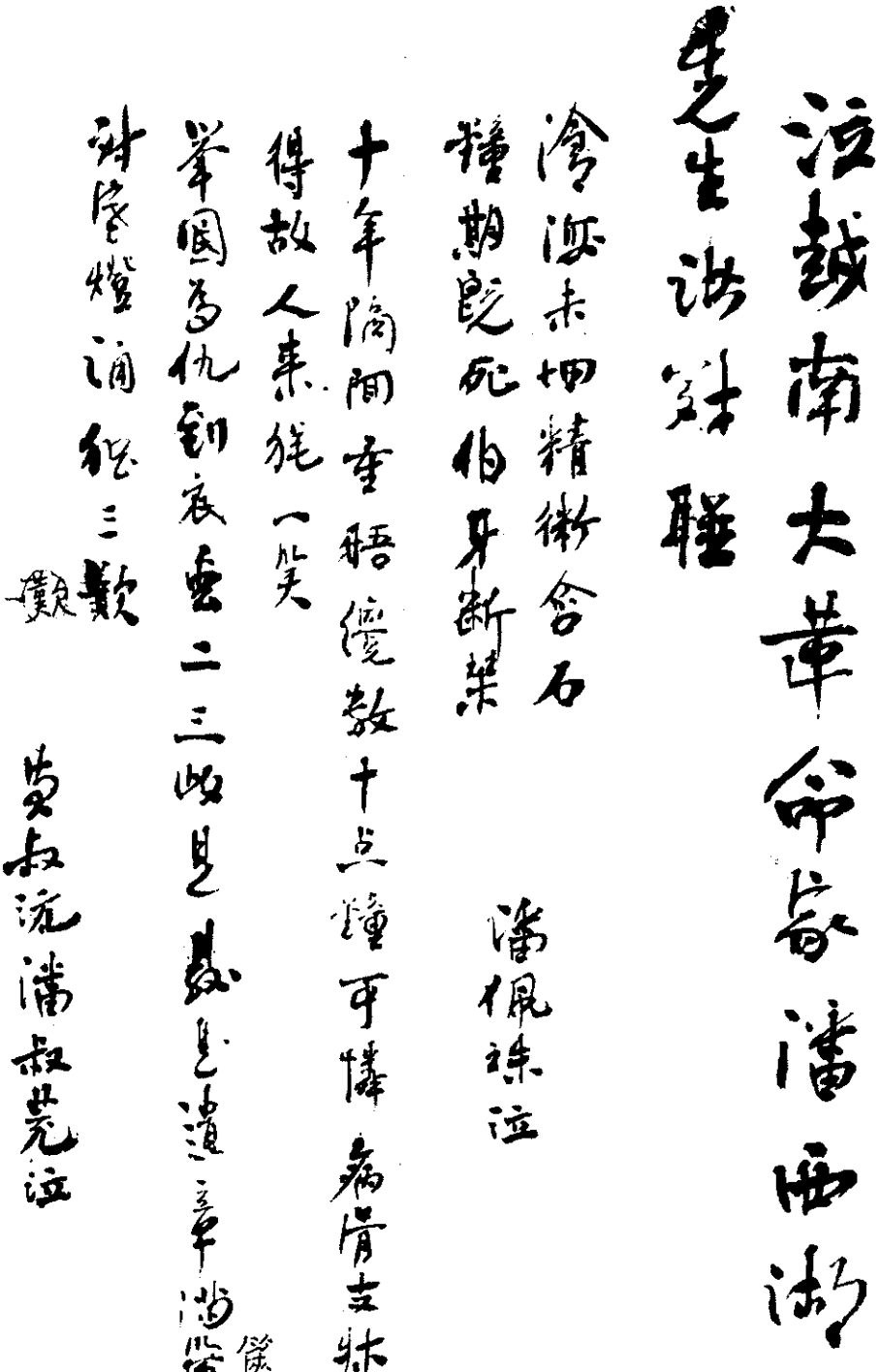
之根本也上自公使下至巡丁無不深受意皆以強迫買酒為要上之能事於北圻山西省之首憲可知也但省人數萬之千萬向來消酒不甚流暢自某憲抵滬一年實行強迫之政消酒驟至五千餘擔而陞衙警費果然聲至公然以某憲為東洋財政之干城矣

仍留強迫令人數兩千瓶酒而人數者非成丁之謂乃一切兒童文老之謂也每人全年必用三瓶為最少之數也

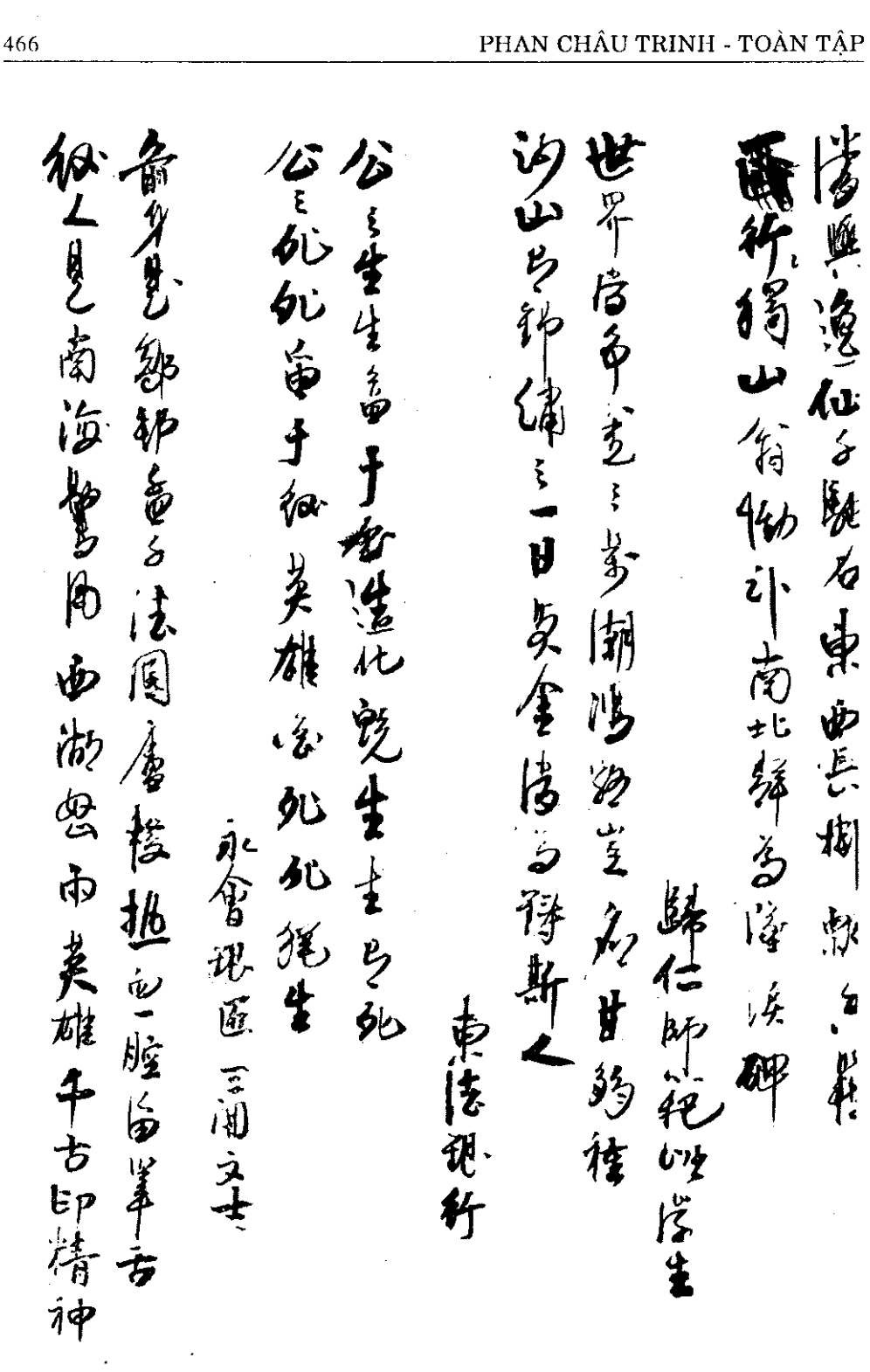
北圻中州有一社民承餉實行強迫之令向省憲苦叫云民等甚貧合旦不給安得有錢買酒省憲厲聲駡曰余等候會三餐只給一餐尚自然有錢以買生涯酒矣之回答憲仲穆公笑曰是政府之恩典也

PHỤ LỤC I

KHẤP VIỆT NAM ĐẠI CÁCH MẠNG GIA


泊越南大革命家潘西湖
先生於舊驛
滄海未妨精衛合
種期已死伯牙斷絃
潘佩珠泣
十年隔閒重晤德數十点鐘平傳痛骨立牀
得故人來猶一笑
舉國為仇到底重二三知己最
附慶燈前能三歎
黃叔流潘叔莞泣

離家園井年欲將旋外風塵過撚三圻
謀國拙 作者
河從蛇月手揮情中財藝未經半刻
暗 黎廣注
一別庵經年那堪病裏重逢悔淚未乾
三圻推領袖可見胸中抱負異尋常
憶十二年前招邀張氏悌淚拭腮咽雨已晞
銳勇決
從千里外總繫歸舟候潤竟許懷人
醫獨落宗
裴光明注



中監生員江

嗟爾英傑謂為偽徒潛候色為二十年鼓吹
哈哥偉佛苓未完齎壯志
異旨翕和維能奮而起爾仰立卅餘兆乾騰踏
雄人楊自造仰生生

中北國志人高

破開斬擂湯花民刀斧心移英傑志
帆沒揉山誓心拖世死生猶是國家身

敢天重士評

動我同胞白悲屬役課惠鄰每音貽英種

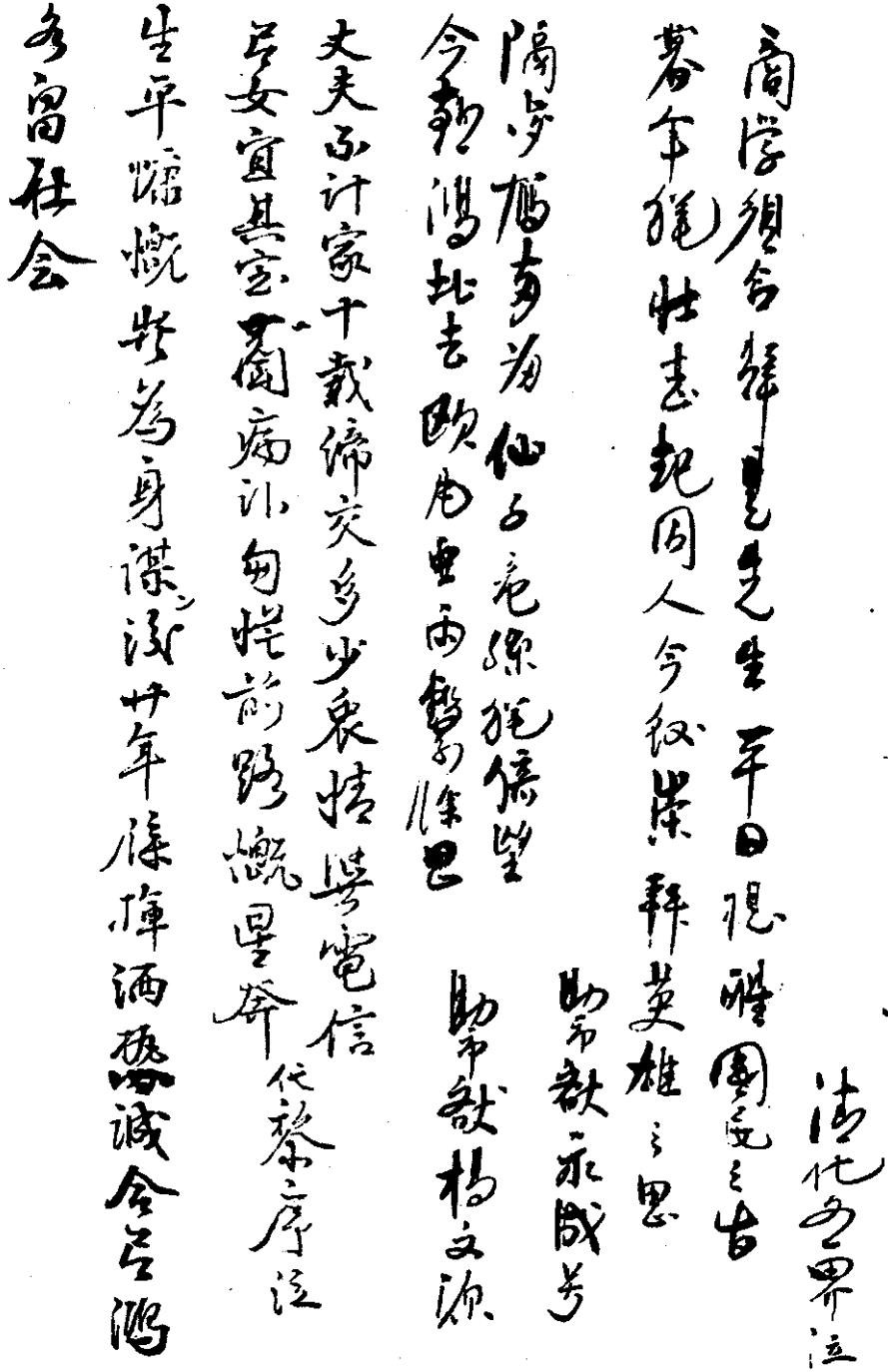
那能消熱血
吳綠生先生以挑燈看劍屬題
廣義省士民注
二十年來呼號故國回頭劍底泉猶瞑目
卅條兆民基頂祝 前途拭目如斯天道竟
河梁倘仍文武況兩文運
民權一唱開秋南社會主先河筆鋒縱橫垂萬
歐陸
靈犀息聞隴吾土少年主撫膺雄視為去瀛
海茶山
廣南注曉之界

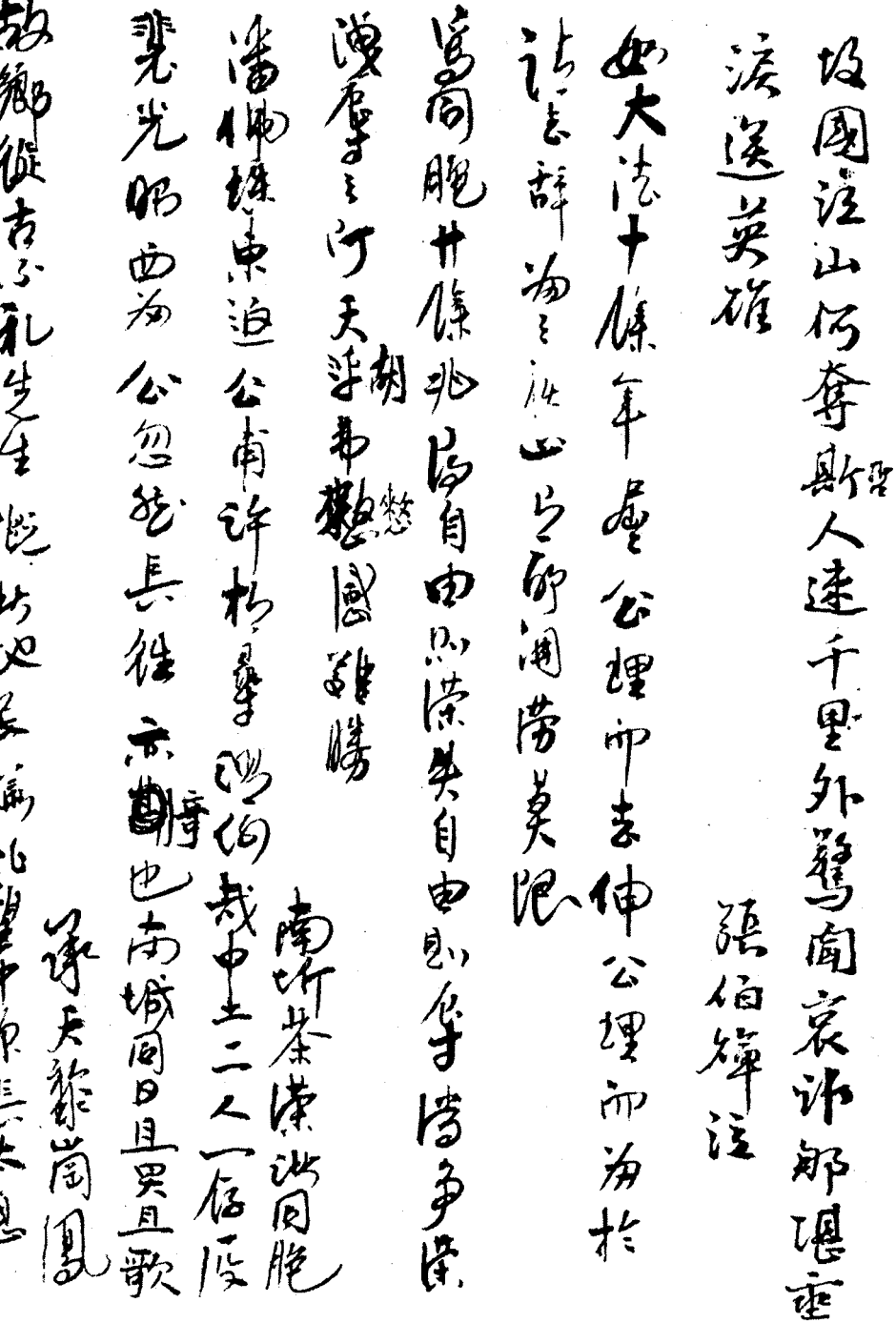
新潮巨臂舊陸名流卅年來海外孤身世味
辛甘幾經吸平等自由之空氣
母國公民父邦志士千載後梁田一五國魂招象
長沙楊度感慨世之用心

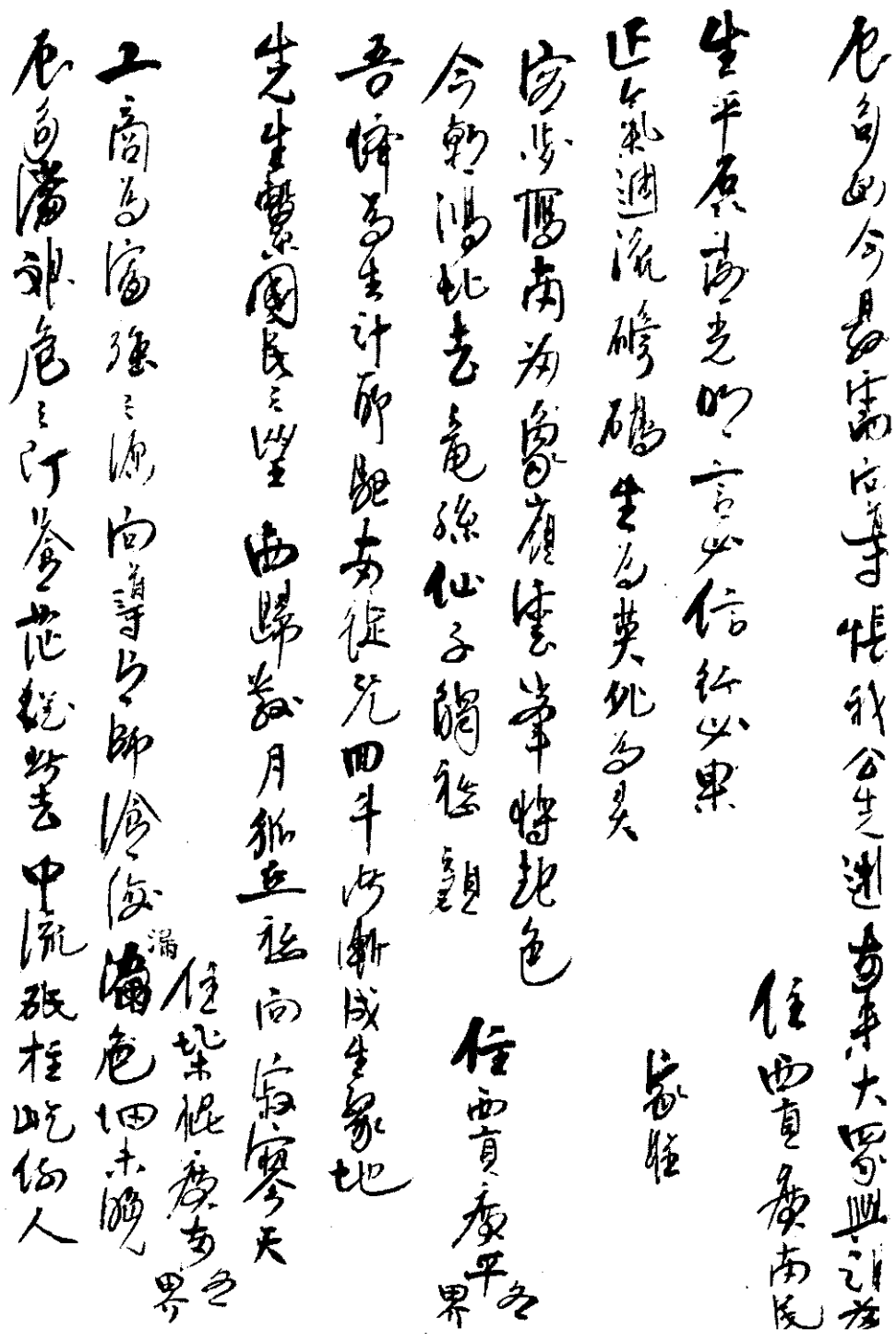
陸國豈能留暮氣朝歌惟俾治事無阻阻
開名成心服 足書生影響摩千古 偕和仲商

陸軍中漢兵公學

久閑而出樹於衙閑之途人皆用鐵血公獨用腦筋
當事者亟當時勞力為用腦想此見
失敗必即為成功之母既築之土陸後投之種子







西歐羣盜尚新奇幾載虐遊豕矢四方欲吾志
南越復回初望一朝逝世悲号百姓慟呻天

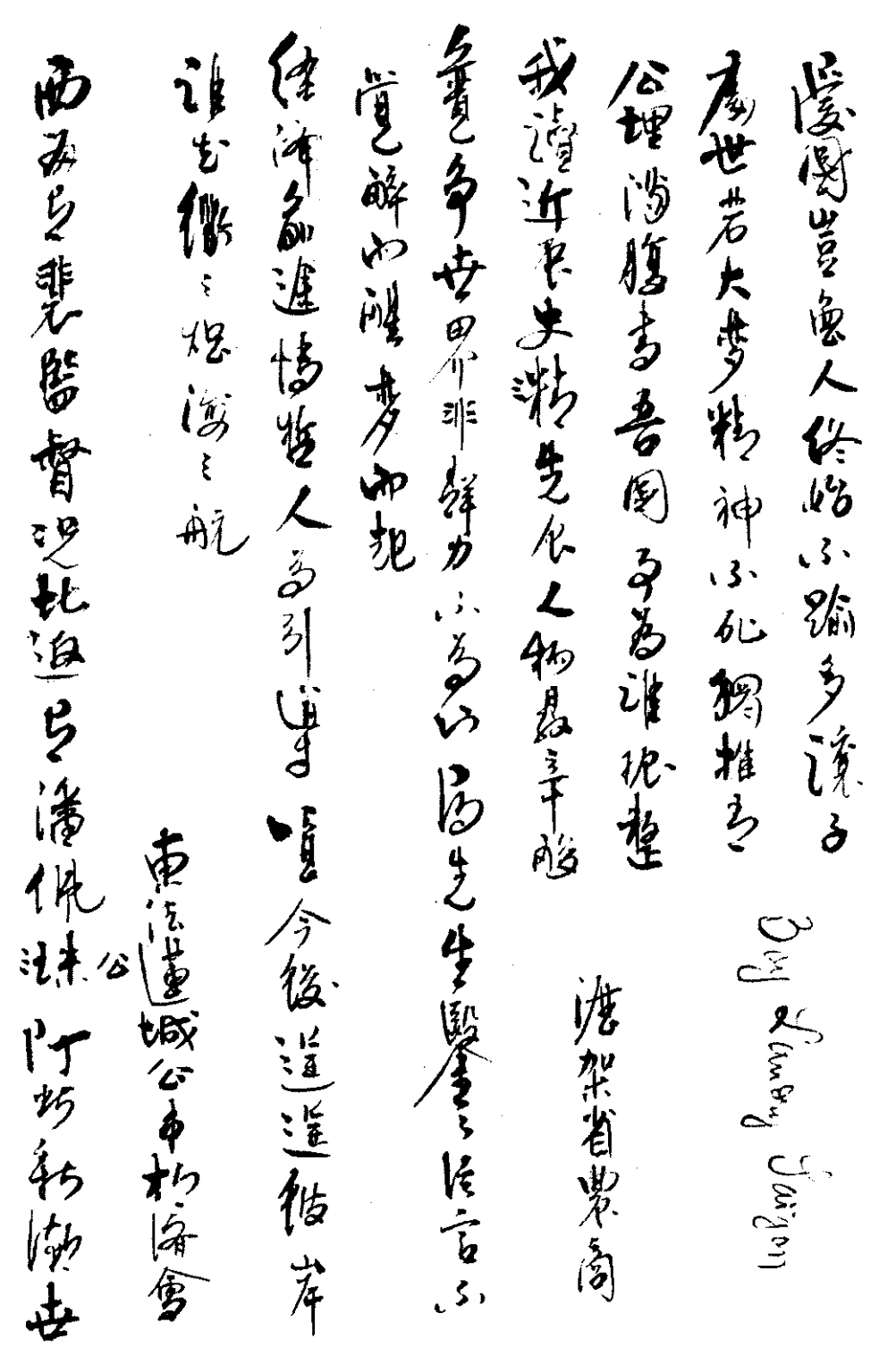
東法工商管籍會
青山村銀匠同人

廿年除盡殺盡欧風塵只為國魂喚奧醒
千載下鳴起相隨主義無知結果誰因

越南青年相愛同盟會
世界為大帝場爭羣前途能日劇
英雄豈社會未養造些先危為

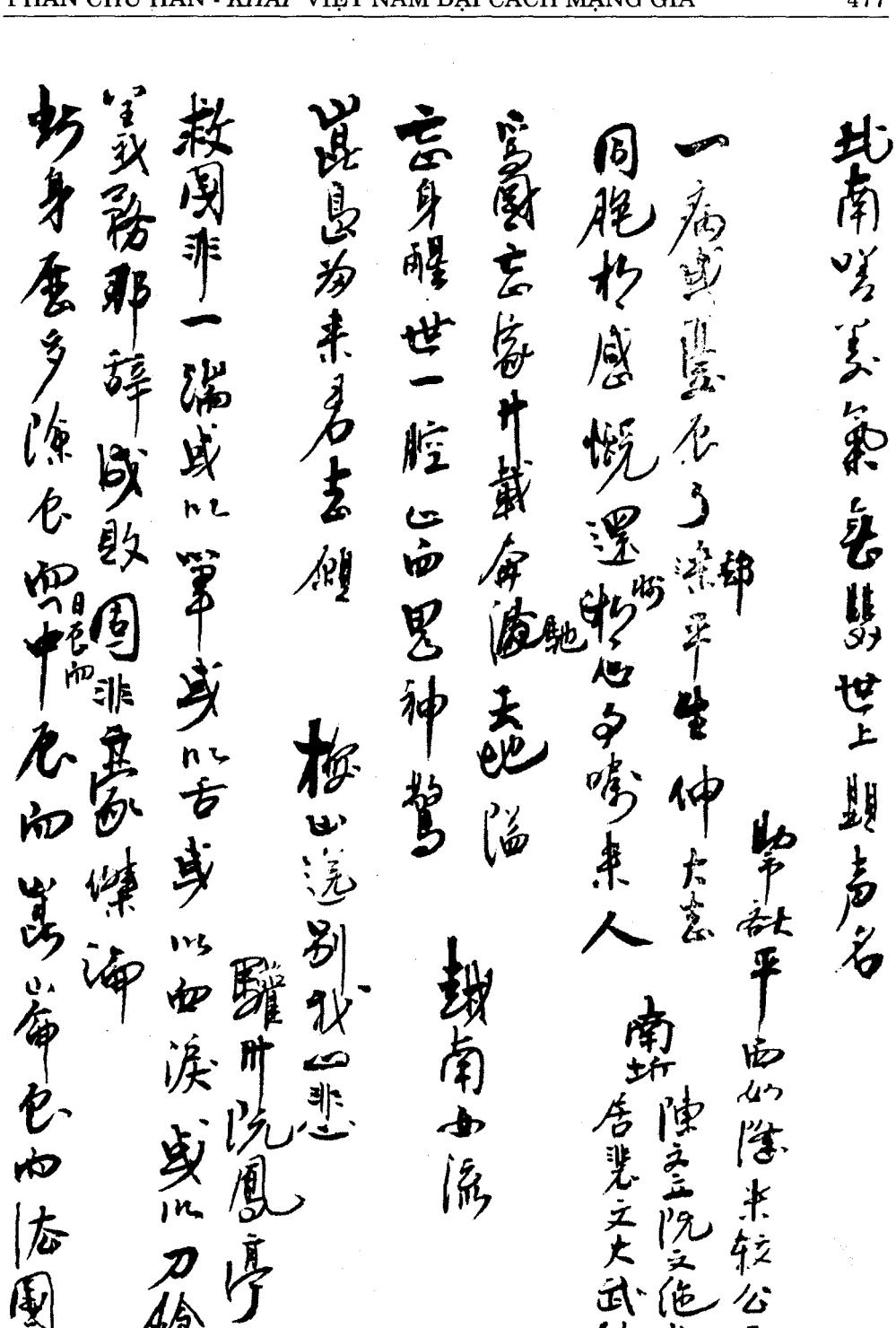
助帝政黨理工商
吾似劍鋒壯志欲吞任日
筆如利戰雄牙鋪散白雲

同慶良匠同盟會助帝政黨紀錄陳有憲



高樂滿歌又哭
南城大華命爲京東洛大倫理的民指望英雄
氣骨死猶生
流赤血場助爲貢人
我學物英雄士望
南中花草爲魂尔
我國當民稱仙雜多民熱彼山岸非遙正法慈航
過苦海
我斬女班
先生爲社會重要之人物壯心未已要爾遺
恨入重泉
西貢民衛高中斬人等

女流写公手正欲代公泰 为南公温巢南筆翩
墨饒攻取挽回祖國
滄海閒公書未已譯公志略蓬園存種族口語
兵吉將戰和謀立民權 越南四人文民貫
松柏傲霜全節義存元大越
言功留祖國精神不死匿中心 黎秋陳祐村民
民國畜 為事謀協若攀天屹 祇名柱
昔滄海仇鎚仁於今永地斬金声
柴楨商政部員人
法越論經楊公幸逢中遭民由



精神無日生存心為國民謀

東洛工政會員人

天涯湯槽松柏歲未遲 福業路 模加伽爲前

東南風氣

民族沉淪獨標人格在 堅貞重與馬史魯孫同

卷見先生

潘章民

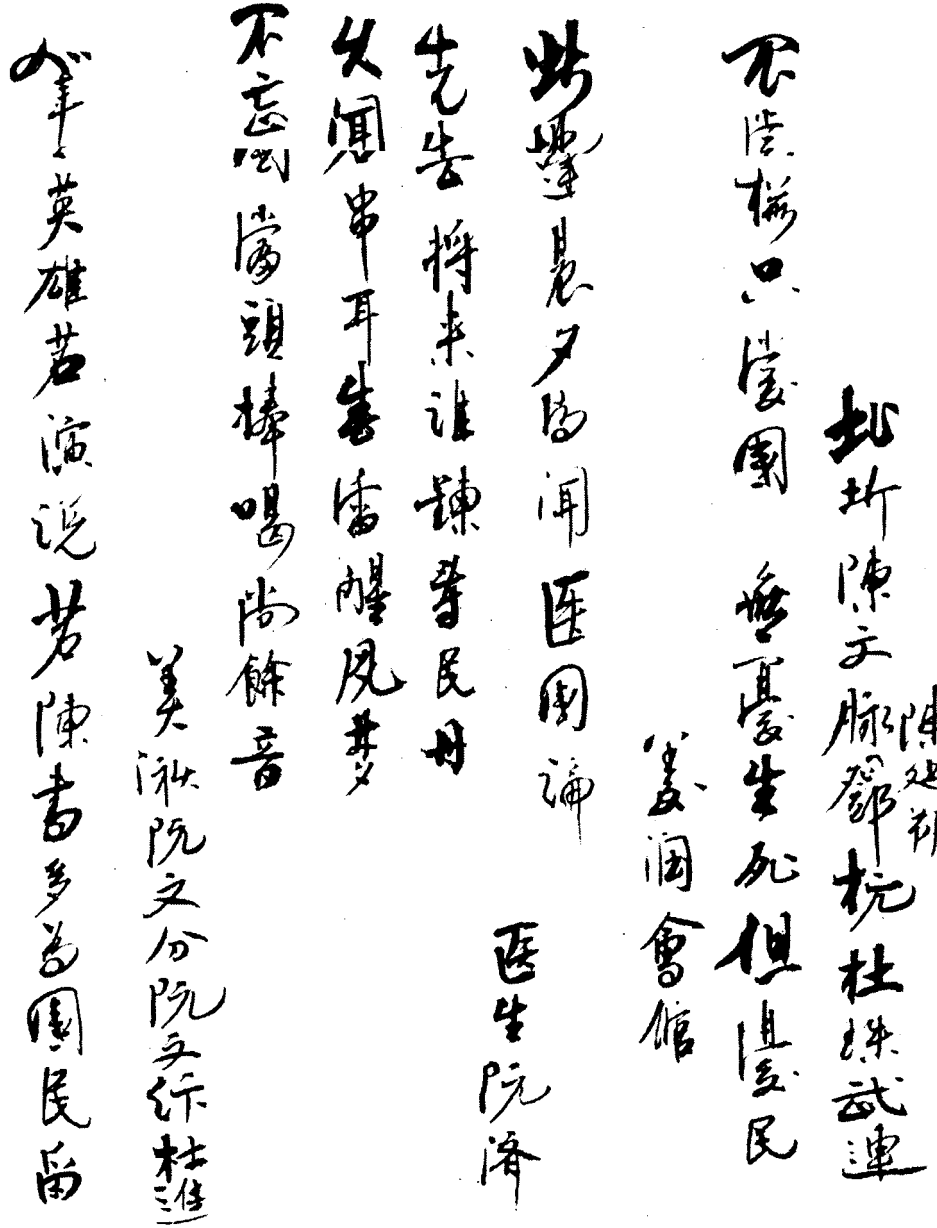
民為尚之為華故鄉新謀妙畫

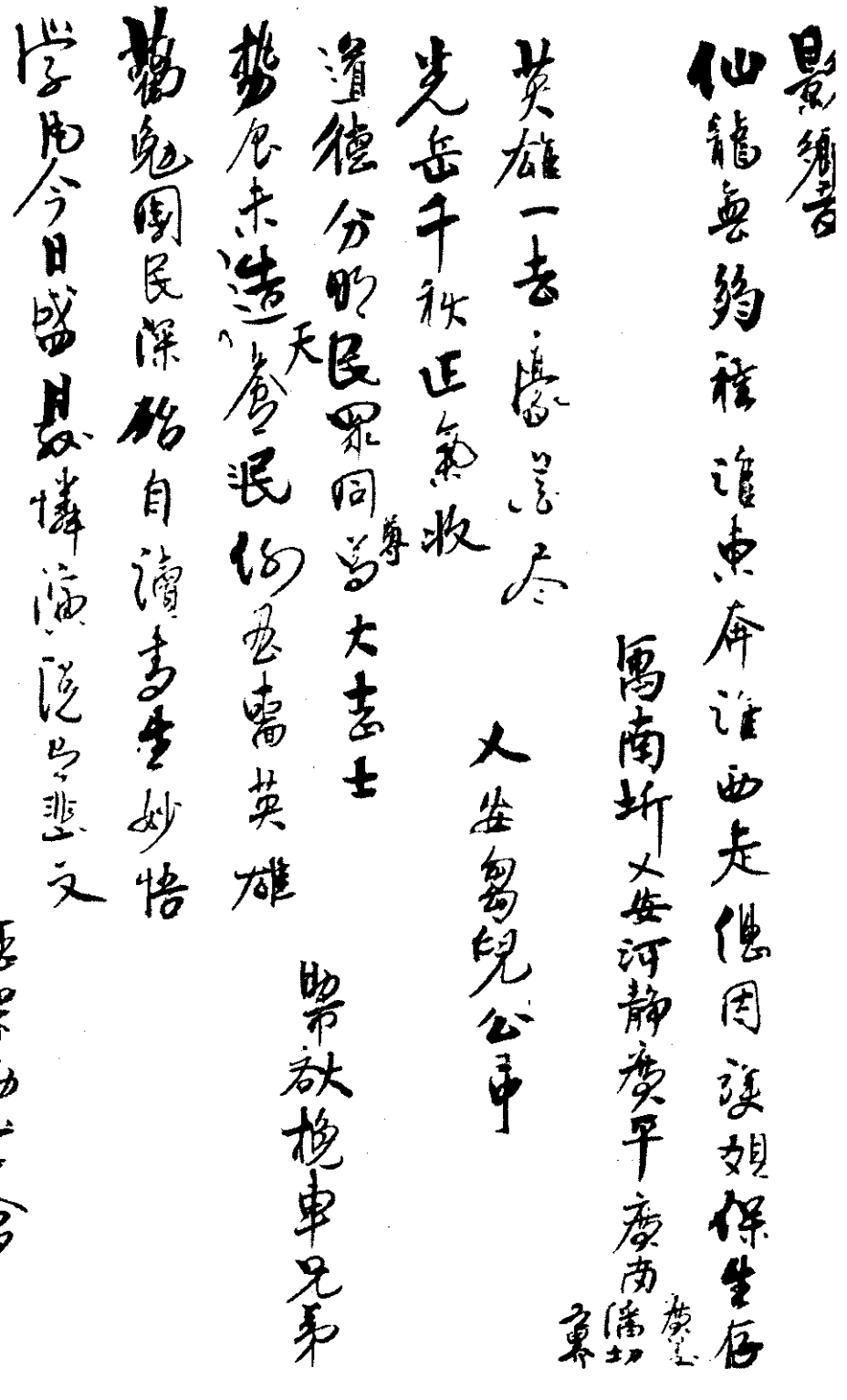
英雄誰始見本高節苦悟先生

南圻訪謀員

先生為救治革命前驅匪成於成而成於敗

英雄豪傑從化小現此物其死也死心死也存





深重國家身當苦少延成素志
未償憂懷念詎甘長往復直逝

河內南定院文元侯文讀黃廷詩

公無庸憾哲人頌蓋哲人生能弘德公所努力
我又何悲魯樞釋疑魯樞合成將連我心成功

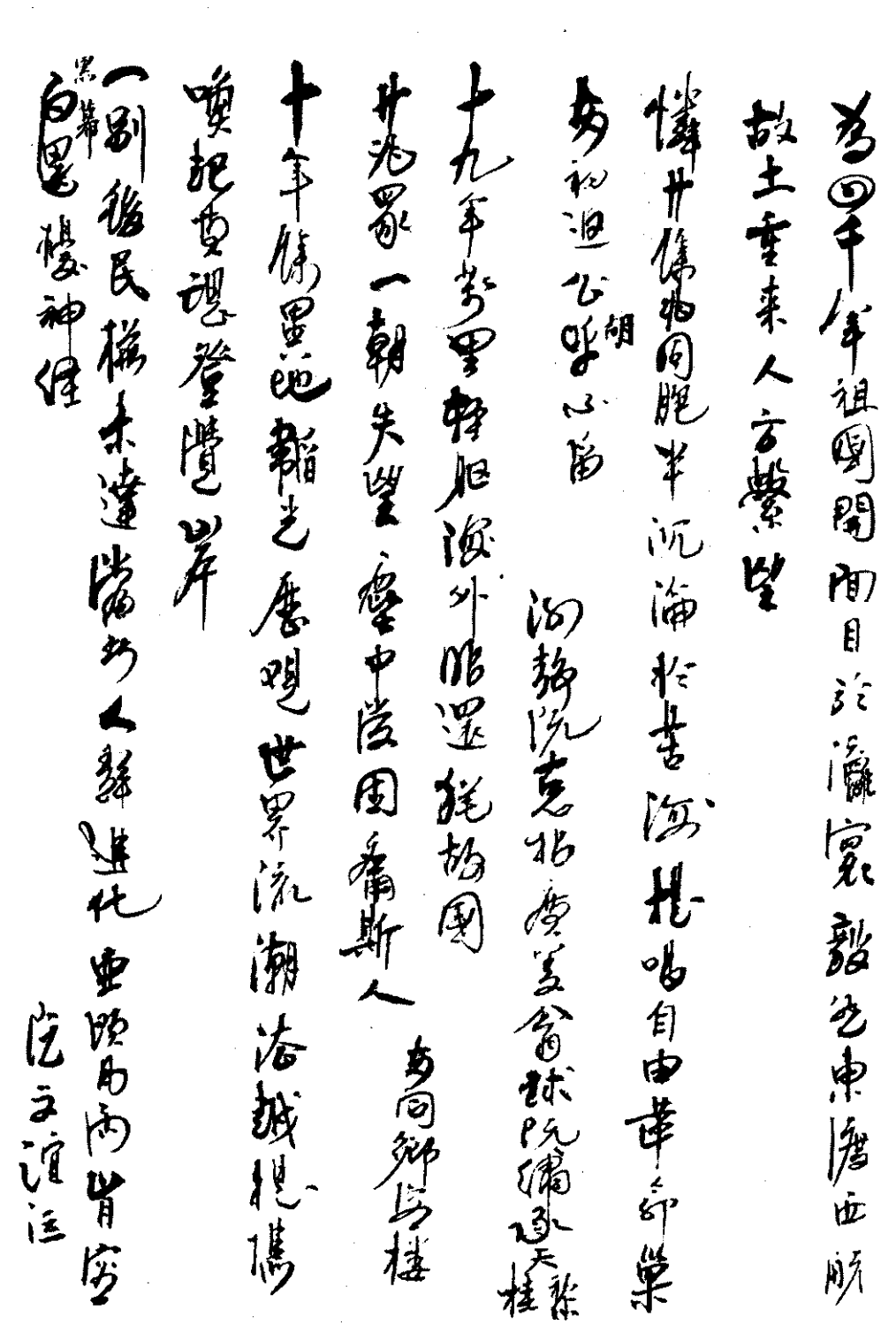
後代童鐘

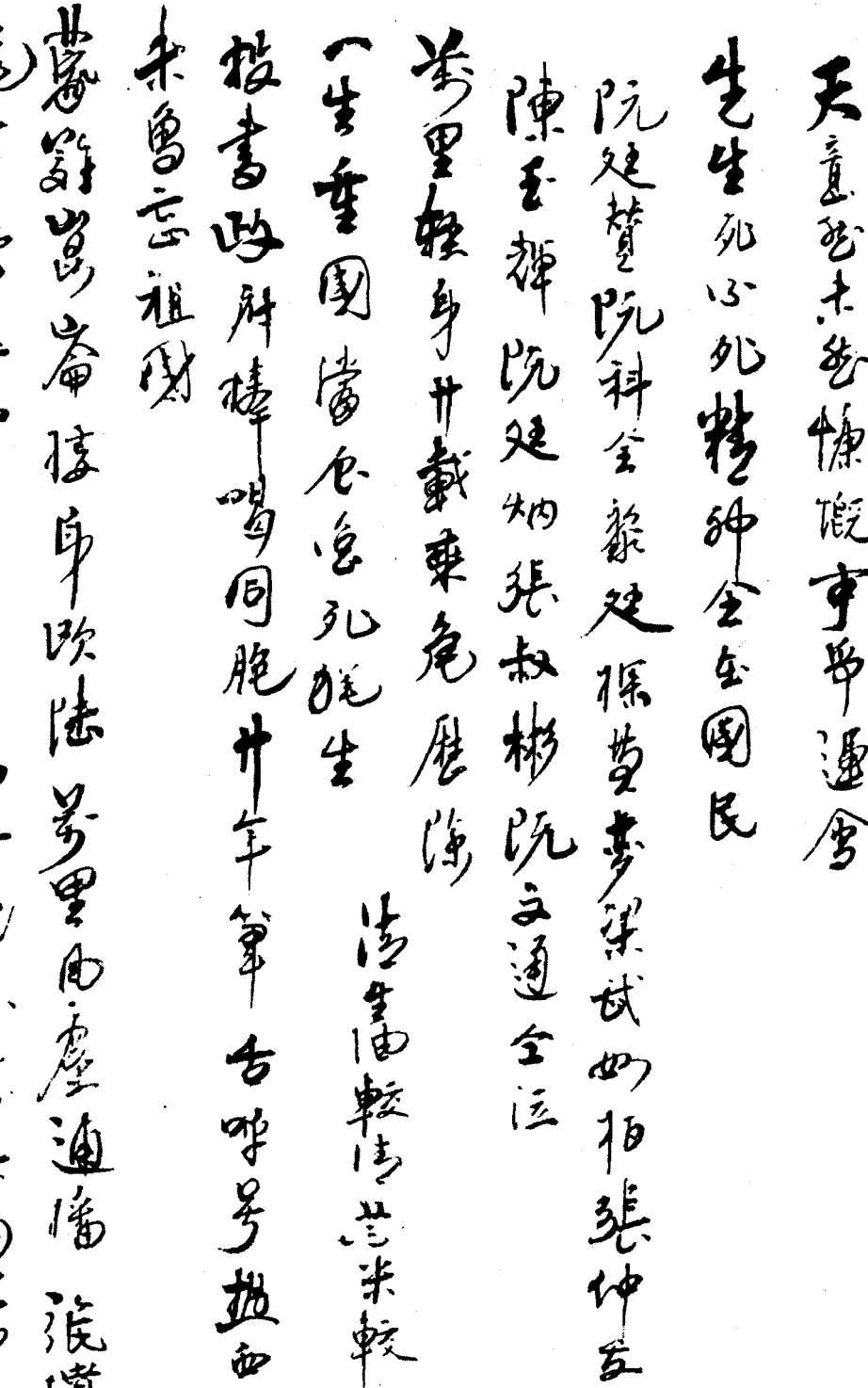
當往歐洲公籌劃成民國
歸治南越天胡學心著佛人

嘉定院王法

百生英傑知何日 不死精神在我民

西貢張文芳





倫理一篇揭我光華覺岸
正氣千古扶持吾祖國出迷津

歸仁小學堂

天地產英才抱恨江山無共戴
古今存義胆爭同日月有餘光

堀鴻青年

憐國母心井載未能酬世事
如生正氣九原應此許擁民權

慶平省副乡獲

憐憐文献地生生為仰為井秋憐國仿祖國南
比士民云樹望
啞啞造原鐘國魂醒未醒千里外引音忽張
江山草木亦含笑

平定吳廷玖陳中幾武玉琳

惟吉者 生前 劉學斯 寬海 義爭 開道三西大法
三七支那自来魯幾 魏勞 竟生 氣節山北
而今死秘怡 健如風 潮話 扉無論 為文題 衛為
武貴秩 獨如許 多 蔭 蔭一死声名宇宙多

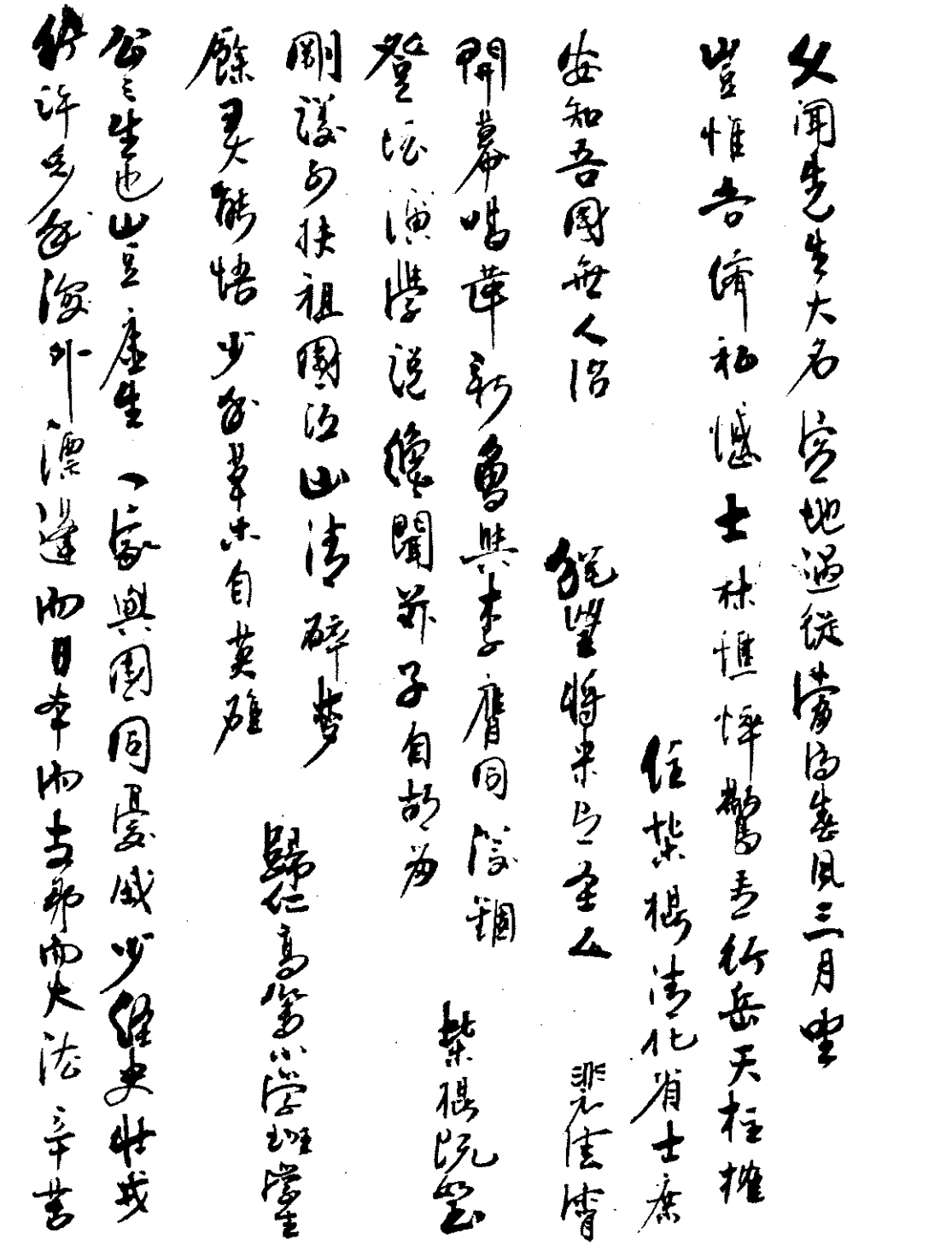
梁楊沅玉 辭 遠山 黎克 陳 陳成若 忱恩 吳 有桐

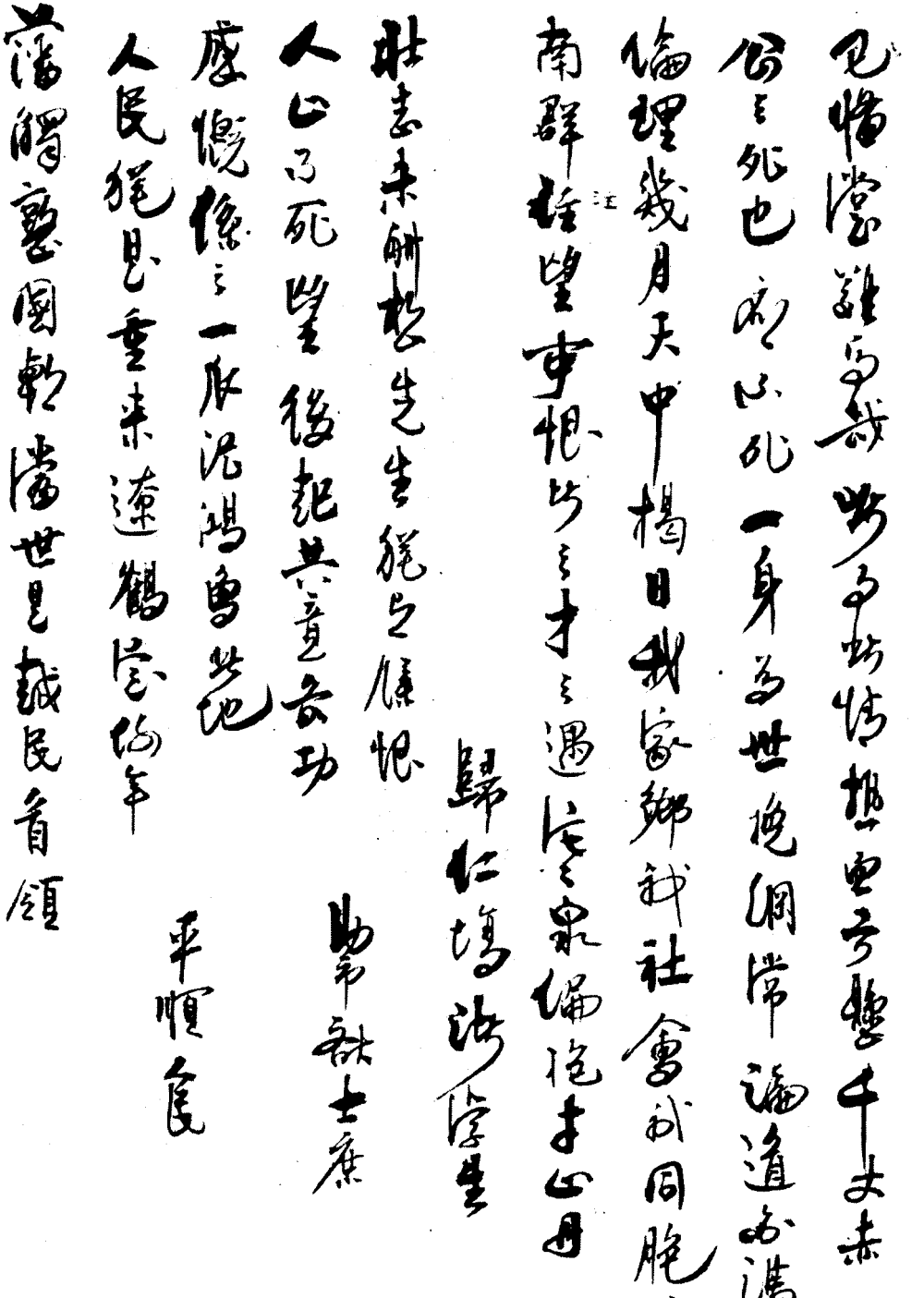
辭塞斧戟 驚強 傑
氣作山河壯 版章 平定省 松春園 注

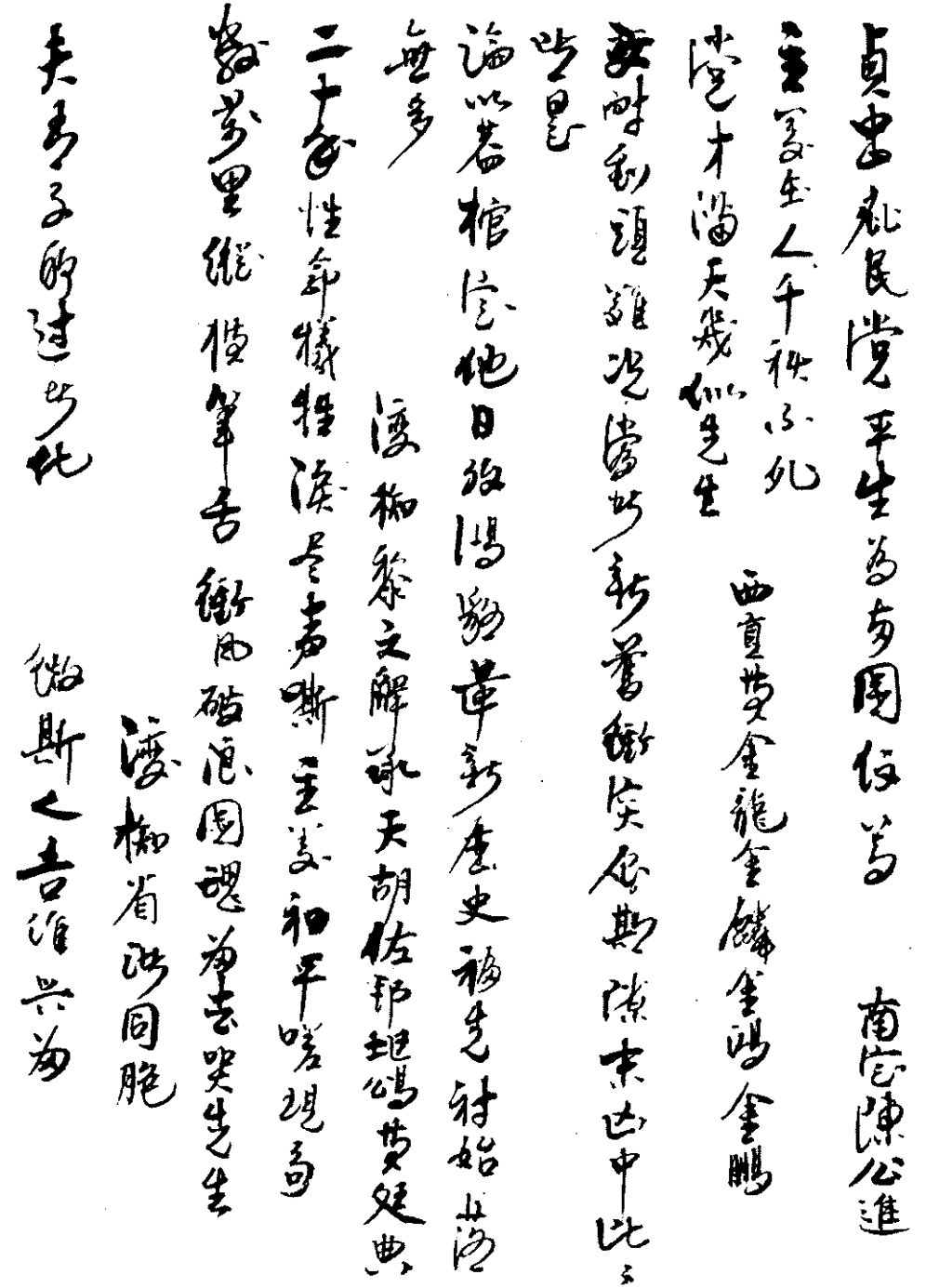
蔭民如蔭己 蔭國以蔭身 黎文禮

大吉 方成身已了 雄文未遂筆頭乾

黃高 偕







西貢 爲衛門

嗚我立共國之天命乎非人當如何
今化爲已亡奴之痛吁伐潘佩
吾同以生
籌策南邦當生之業南邦爲僑國乎多眼小妨分道
揚鑣奮翮楚疆
與政府爲敵亦與政府爲友奏奮生勝望故乃積
勞滋摩化作層漸
又靜之罗
跨海幾秋塵隙塵身管於異地莫夢慕英雄
嗟造化餘四收吉士
遥地升一步海洋地西華日與杉親伽玄人當國哭

我同胞竭力服功臣　　魂兮來歸

革命大功未成革命宜　行未竟

先生犯院全吉先生精神能依　　南圻范文協

獨立獨入獨往獨來自與大名垂宇宙

如天如神如日如月勇將隻手撐乾坤　　南圻阮文丑

天下為公俱我民國推大老

先生吉矣打翻帝制是誰么　　東洛居報

千里遠朋來漢海山林同望淚

一朝先我去菊松梅竹為誰春　　西貢醫理階第二文房

民族自主本賴經營仍勘英雄遍頌沒
祖國重興仍須締造仰循志事竟成功

同郵游志年

十幾年前趨粵東曲廬留旬
一朝身後昇平五九夢民心

勤孙豐富衡商近

五十年餘民族未能酬願未能酬仍為英雄遺大恨

將見日近圖魂初醒而公昔自別仍誰老鑑後蒼生

廣平省游工商

自古四民行通訪治教化

今朝一世仙慈心過四海　　勤学敬治士子

一死已成名俯垂　九泉遺恨地天知

和美總統文里

半島全東洋走西歐演說陳書為濟國民高唱

千秋萬里　邦標名立　金陵書史留傳偉烈其人

士嘉定省東同郡人

新加坡寄來經濟文章一世基迎遷屋地子論平

等說自由為國家等衆生在俄横一掌眉目妙

法山天例心假心空遺恨英雄心未遂

石船為方情言語陳慨　九月甫為來訪　南利橋

謀公益與世界爭優勝厲志堅持精神於
社會仁心勿悲其同頌留慈民溪溪雞乾

鄰耳之弟公甲申之夏人

無忘厲志堅心旅夏
空作昂藏名獨留

維和鎮靜社士民泣

最後沈荒傷程手料陽常恨晚
影誰維大勇回頭故國暗傷生

旭門阮安居

志士北南營種厲民幾度
芳名宇宙榮生竟死今歸

垣庐沅与鄰

湖海志中人士聲價凡傳標北地

蓬萊宮遊世玉珠雨淚魯南堂

十九年百鍊功夫利器未能酬哲匠

廿餘兆同胞性血棋心痛亦徵良工

南圻樹膠公司

天上大星況氣壯山河身騎箕尾

人間份雨注名留南史功垂生民

富林第十四郎

海東一片精忠游夢未忘猶見漢

滄桑幾番陵谷伯寅謂宮死不在從周

紫楊銀廠

十載多前勤參東西謀國事

富林第十四郎的和堂

一朝身徙臨終南北夢民心

滄桑南華一命之紅塵半噓起峥嵘極力排暴動

大業主溫和幾書嵩息已城 仰蒙傳幸濕
勠力
值國民進步之日却乃溘然奄逝人心尽悲同
胞堪痛茅古石碑銅像章勳偉績為芳名
營國演開傳千古
美濒省同心
令聲言論感茅在
河南省了如川沚
民主未成立先生休美
国家方多事大老仍之
西貢黃公發端士子等
革命未成功見先生終遺恨事

同志須努力維我公未竟事名　　葬醫竹

氣脈若名南越史

西心非為玉樓人　　富林第四郎女流全誼

華人此先生世界豈能數越漢

維新淨近史英雄多是出儒門　　人安鄧璞

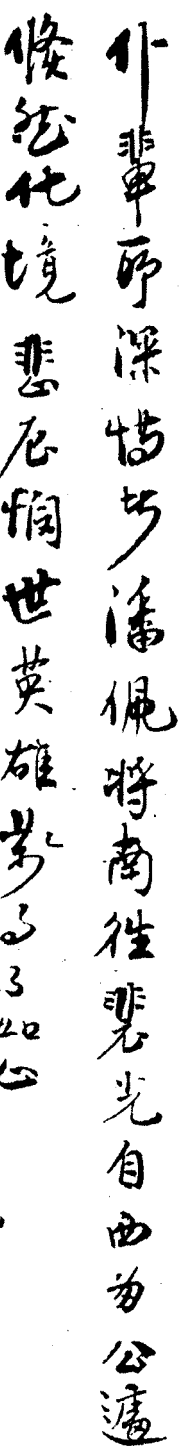
壯志雄心歐亞文明同一脈

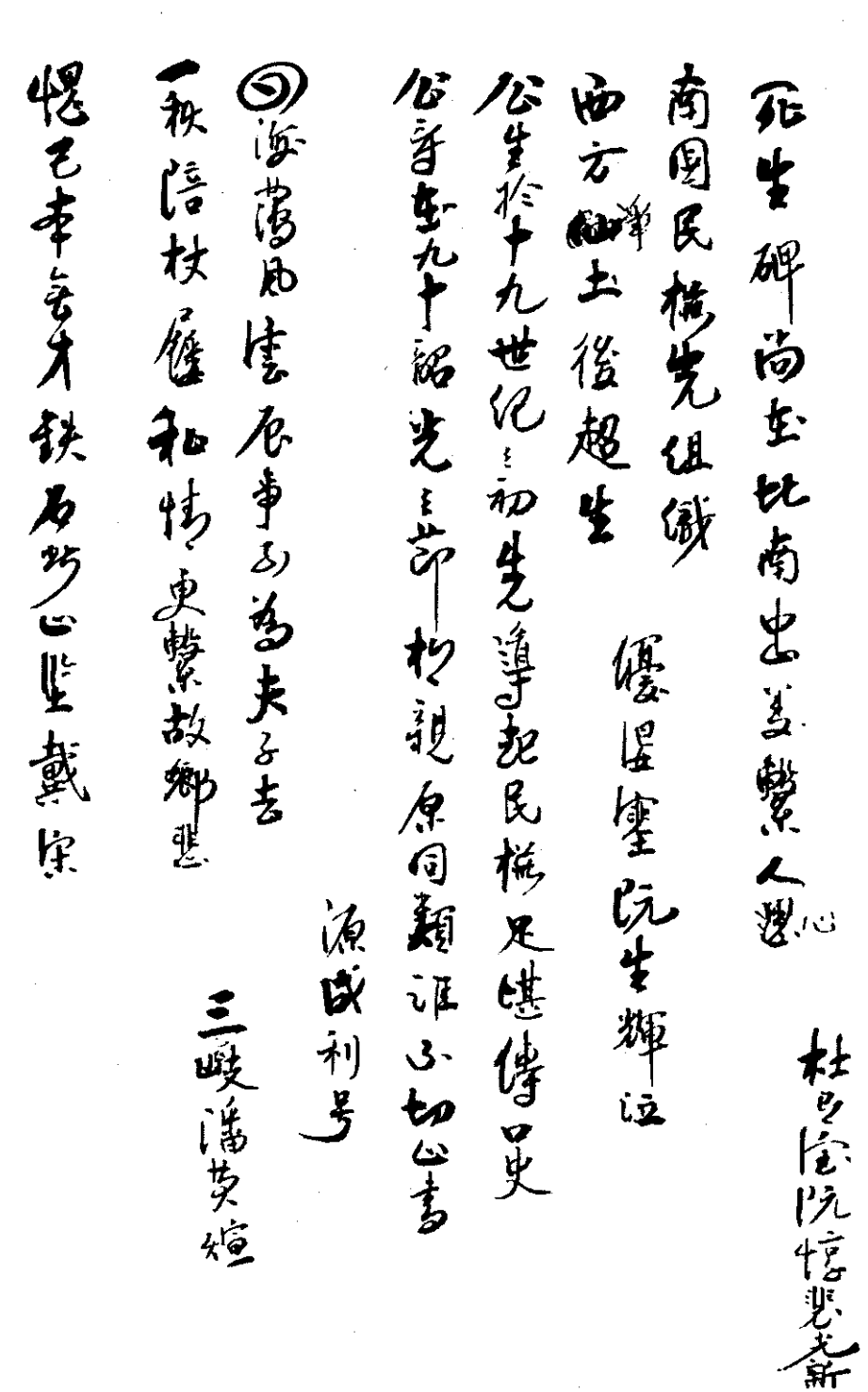
人謀天事比南溟風共多悲　　敬林清花黎日豐

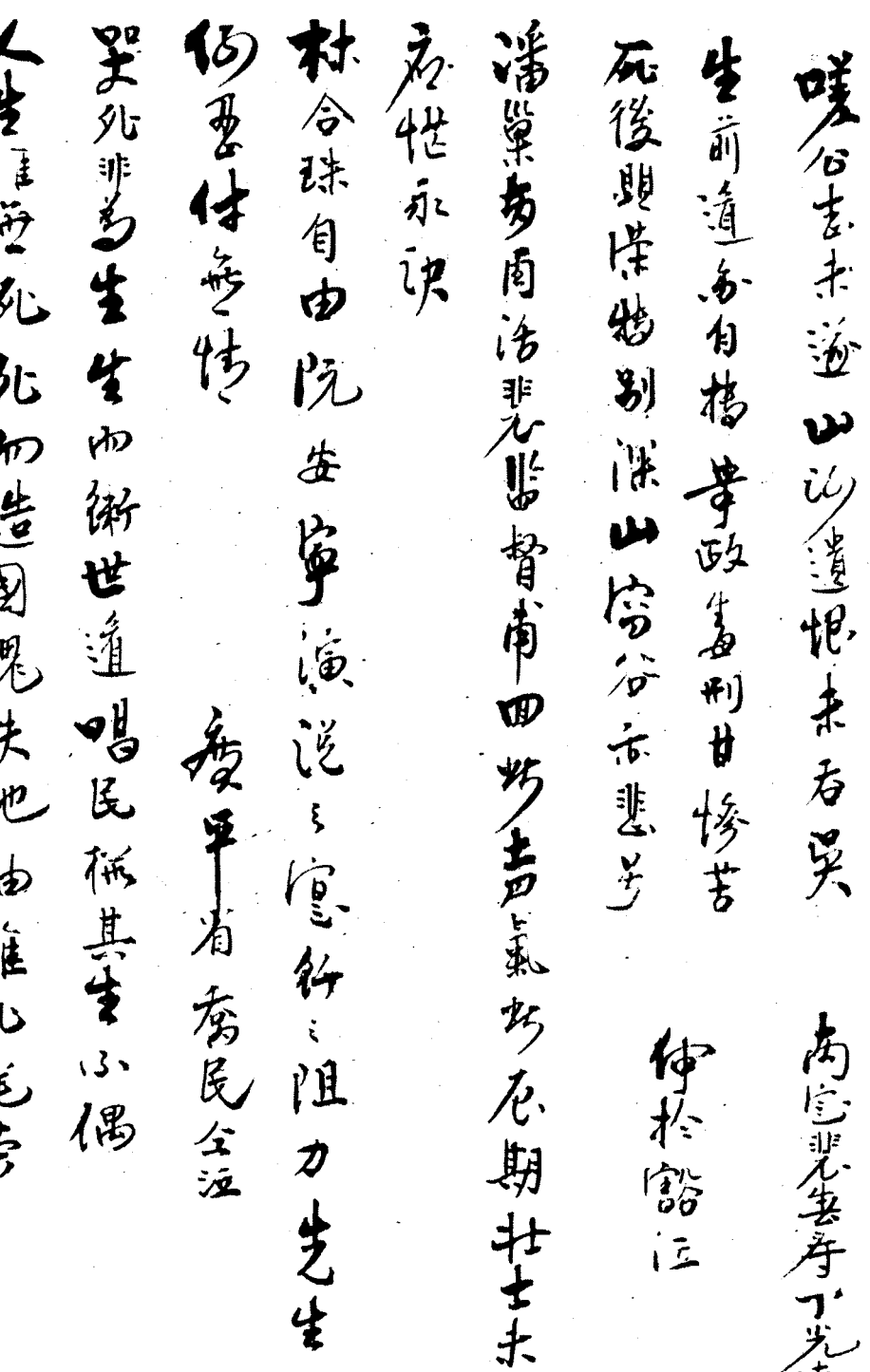
萬里通繼四方學對亞洲歐洲流芳名杉史

一生義氣獨立敢為法域南國維忱志士心

永隆安會村潘叔滙




杜門絕跡
南國民權先祖
西方仙土後超生
優曇靈院生輝近
公生於十九世紀之初先導起民權足堪傳信史
公壽至九十韶光三節相親原同類誰不切心香
三峽潘英拜
一秋信杖雁和情更繫故鄉悲
悔已未全牙鉄石此心堅戴宋



歸仁女校學生

立德立言立功生具此杉
南圻范天素
自為蘇公為字後此誰與為
一路只應常具感
登遠望
眾心同爭礼送終泉下起悲鳴

芽油設新義村鎮長正

蒙吉無關改字吉桂
遷和新側社老正
千年老幹異松梅

先生為國意如已亮向上海協為六省士民作氣
大局如今此堂正義回俾聖庵合三所草木同悲

南坡垣戶沛立商

坊會風塵後進視公為向導
一朝桑海英雄遺恨淪江山　廣平諸青年
屐屣勢急干戈陳獨坐身存仕怨附勞死吉尚
魯公論史
東渡西遊二十年旅窻南海谷幸甚苦生平只
為國民性　東洋鉄路事員人
隻身涉險艸麻年苦悔當云老病猶憂身後國
萬里招魂幾月閩山尺尺莫覘不悲夢中淚
歐洲萬里海未與業方謀一面　勤帝欽調養堂

丙寅二月聿不知保大之元年

廣南秀才潘章民注

生衆推人百年物山岑巧現危政治華命之傑

吾輩臨棺一慟豈徒為箇人生平莫逆之和

曷山陳廷楊兄弟

主義主人小物与千秋長不死

陸牛海天下所哭幾个似先生

嘉定 非先之墓

三十年勞力精神百折不移先作南方救世主

七八月病危黃旗千秋永訣同悼亞洲第一人

南昕伍鏡手

南海芬幼騰上國
西湖明月照同人

潘切電報廖黎移衙

死生如此榮哀莫把雷鹽洗造化
民國仍堪感慨剩於才志生江山

梁根生中院人民

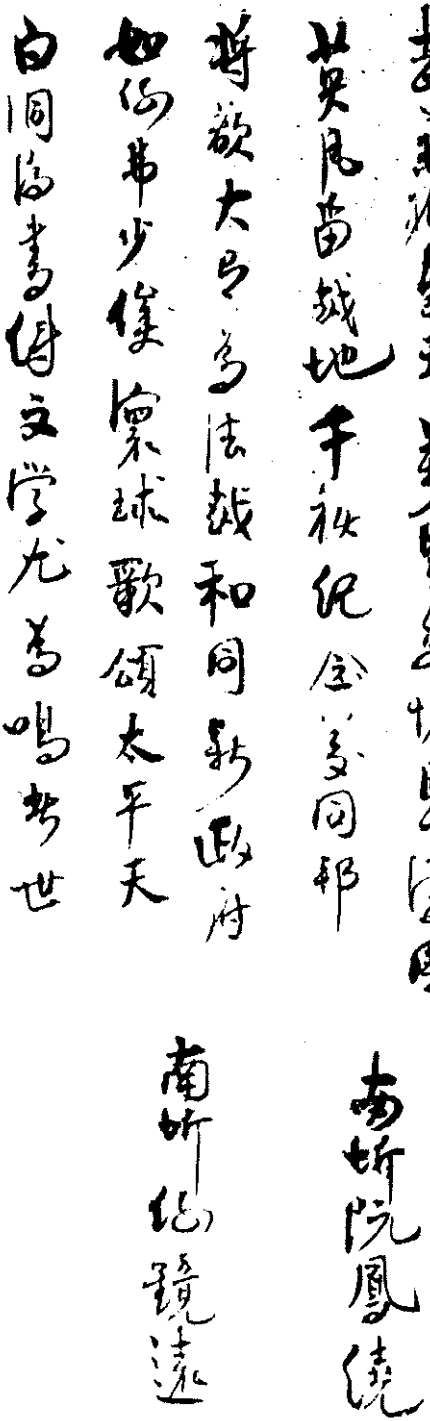
白天地正氣以生生那怕死兮打抗帝國開民國
較美歐英雄字死死必犧生也想唱南邦共政邦

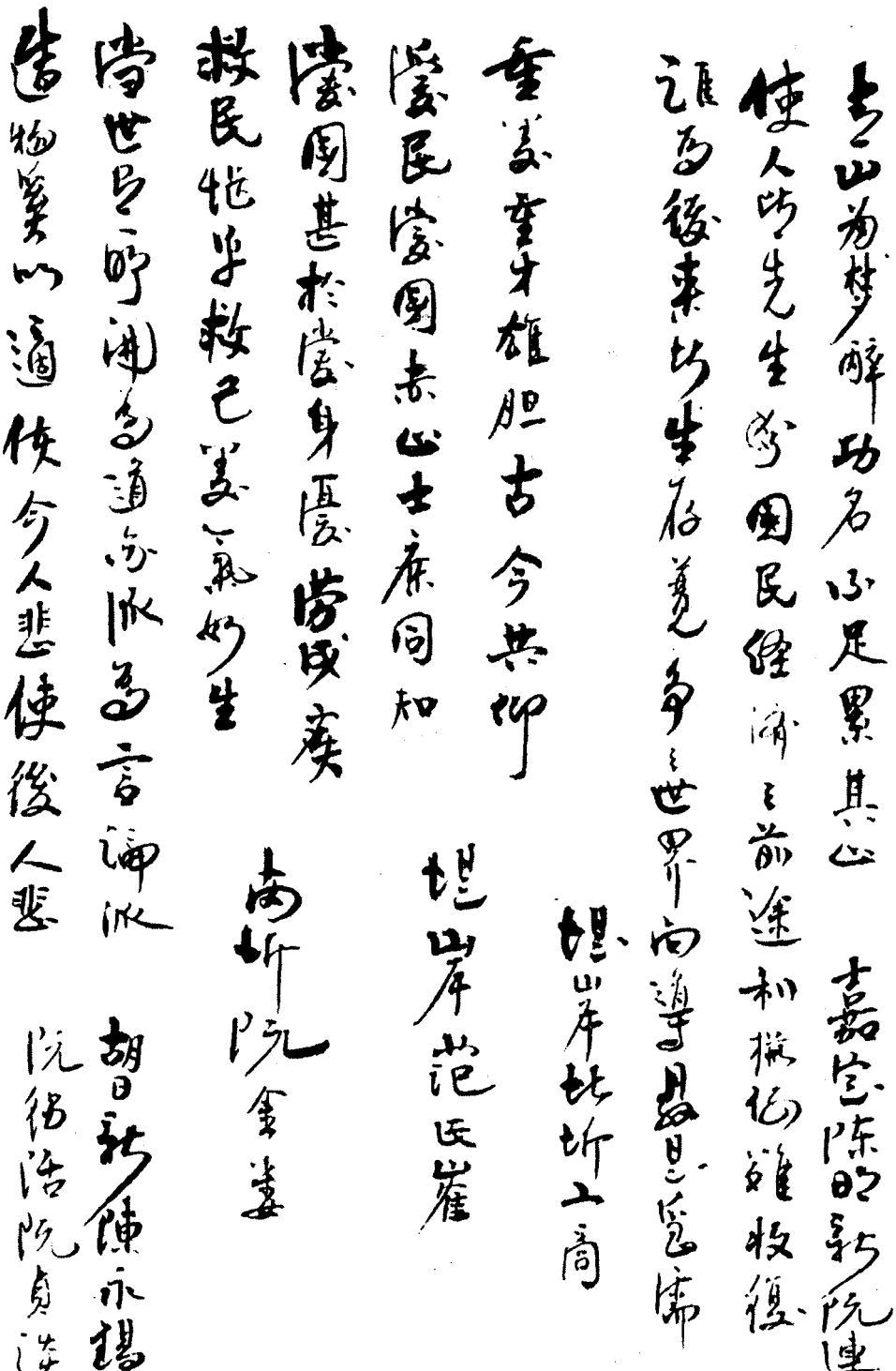
美波省黎子容范廷賞

後起吾人公不死
英雄無恨敗犧成

嘉定工政所洗員人

浩氣年山河一紙遺書嘉後死





生長南海偉人先後譜
浩然存此氣九龍江水暮潮生
阮文邊范文心

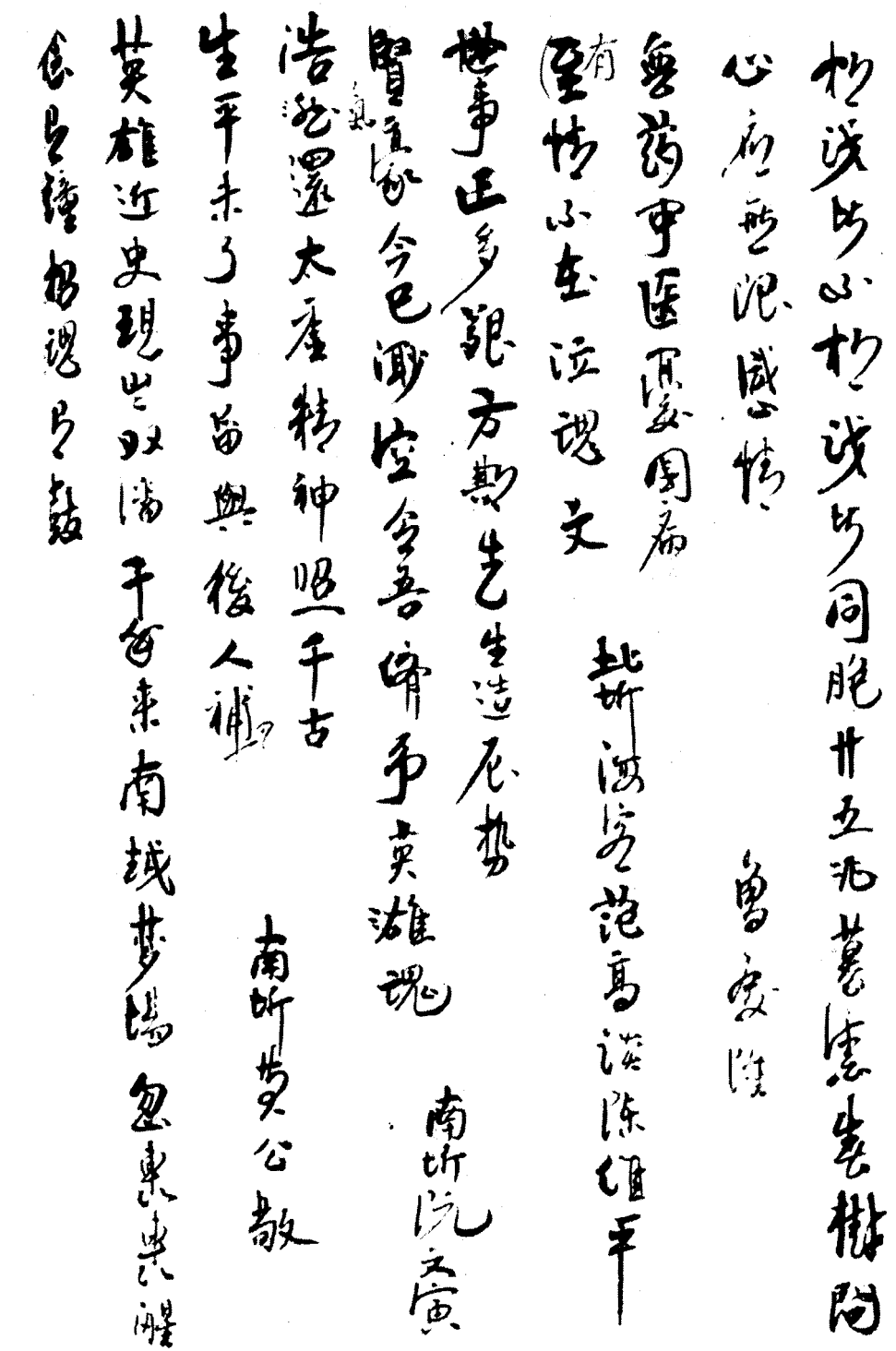
南北星光恨慘分新世界暗
錢穀廬傑堪咨到此醒牧民
丙子冬阮氏毘

壯志未酬長使英雄淚滿
袍青德中南人

袍青德中南人

世界物爭強統劫
國民首唱革新人
李油沒治學生

師屋何所求屋何海外二十年權清教化
豈一篇道而



造物忌遺一卷他日考
滇誅心之劍華夏之淇

順化之界

先生一死當蘇夢
祖國千秋多吾人

阮益修節陳正心阮元珠周文基阮橈

舌尚存天公報一聲嗚咄咄
心未死文明路正依依

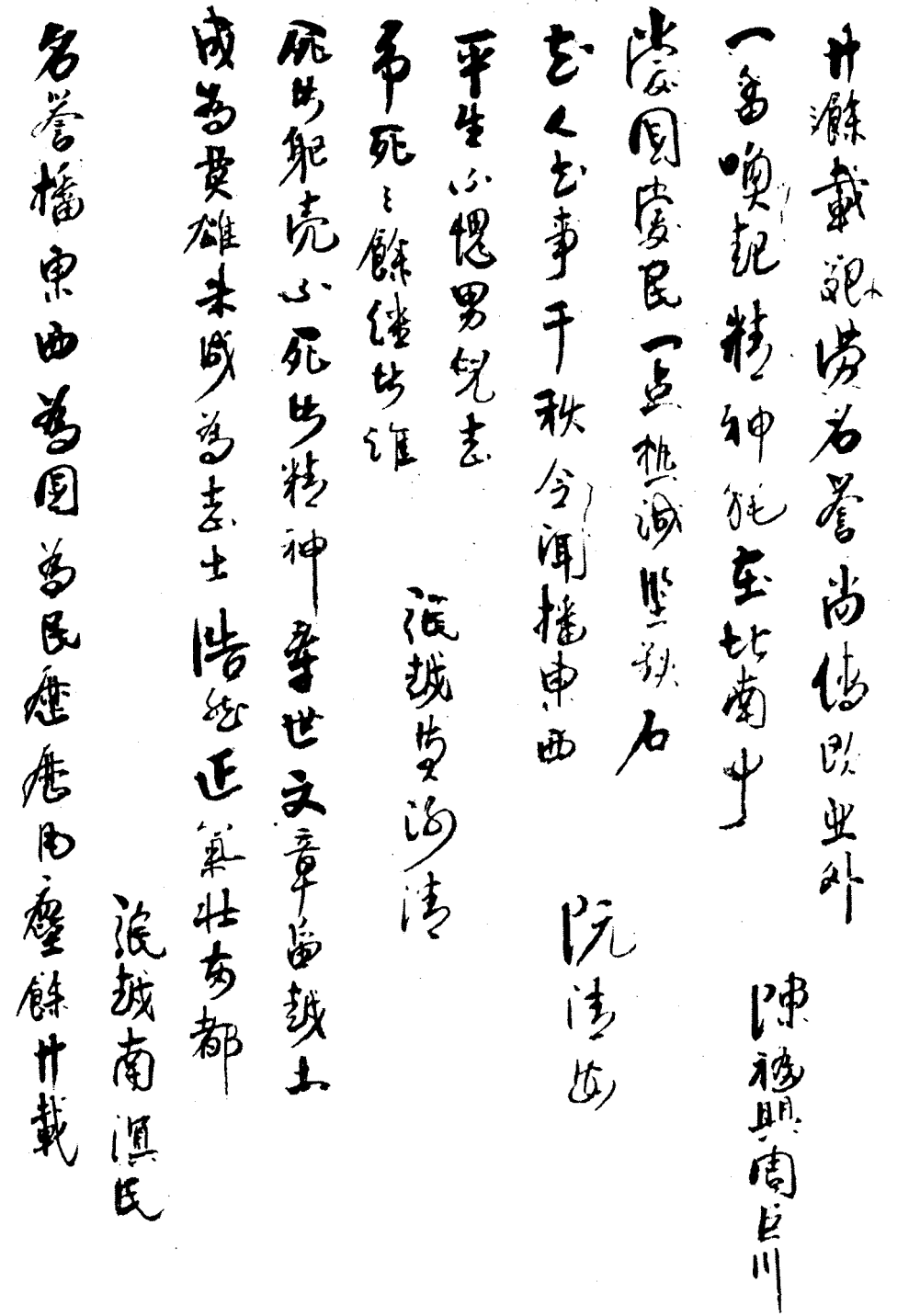
梁璨吳楊阮驥潘村黎性

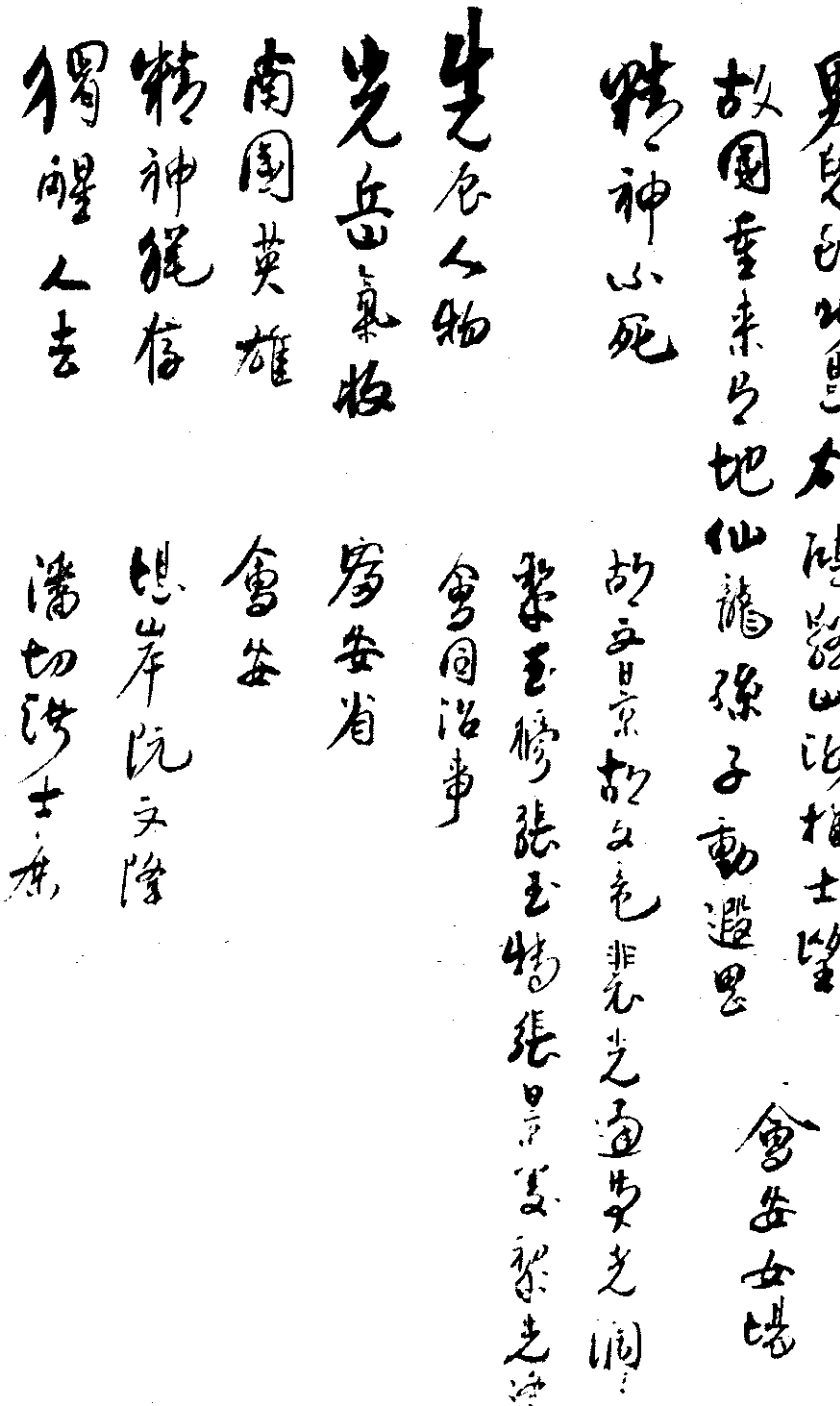
海外為未心血烈烈而未死
演文偷播精神活動滇猶生

高翔黎輝階丁先生

生不產生為國民謀利幸福
死誰哭死死如江山與重名

黎季陸周之海





千載偉人
芸名流世
覺路和開
精神不死
法見千古
充我生覺
名垂宇宙
哲人其萎
一心蒙圖

慶平省涉春色
字油沒涉春色
雲南涉春僧
南昕仍澄珠仲澄源仲澄禮
廣寧省士廉
南昕先祿人寧
南昕仍澄山仲澄定
潘切黎南具翰村号
大砲手居公寺

名垂千古
百世傑名
生為英
死為古英風
其人如玉
志心為國
盡心為國
姓名青史
留名千古
名留千古

越南女流
南圻裕門治商
幹農所
傭工同人
美徽治校師
師範學堂學生
越南工藝家
南圻勸賞會
北圻勸業會
商買印館

雄心未醒　　西宣海角女
浩劫正長　　南圻他事引杭人
漫國新民　　竜川為人民
赫赫潘公義氣　　風
少年英傑血淚筆
挽天無力壯志難酬
身
許國想唱國魂　　坐揚東走西奔
艸廬金澤　　陽江評洲　　成梯　　以
餓鼠心一決頭田民　　主力唱和平
公高呼赤彈　　老屋故國家迎　　轉求戎志益
堅如白首長吟　　潘武民　　具京路仗主　　傘卢

精神不死

嗟我劍士運厄 和金出眾軒昂 標名招魂讀
國仇刷恥 惟魄中存 以海為家 道
奇功比往 魯先賢傑 俄皆地道 以不服人 倫
理以勢道 百般喚醒 殺脫身先 逃亡
筆功今未遂 空撐金鍾 人今我倫 猶猫犯警
績未就 已去山遠別 永於人 從公願 昭然檢吉
崇拜如生

北圻法衛 劉文目 院長尚 劉文可 北圻代理 黎文昌 全泣

行山沈海突出偉人和平為改華之方東走西奔全為國

垂雨欧風灌英雄誰拯救我目左想右擊重恩公

高等學生黎厥

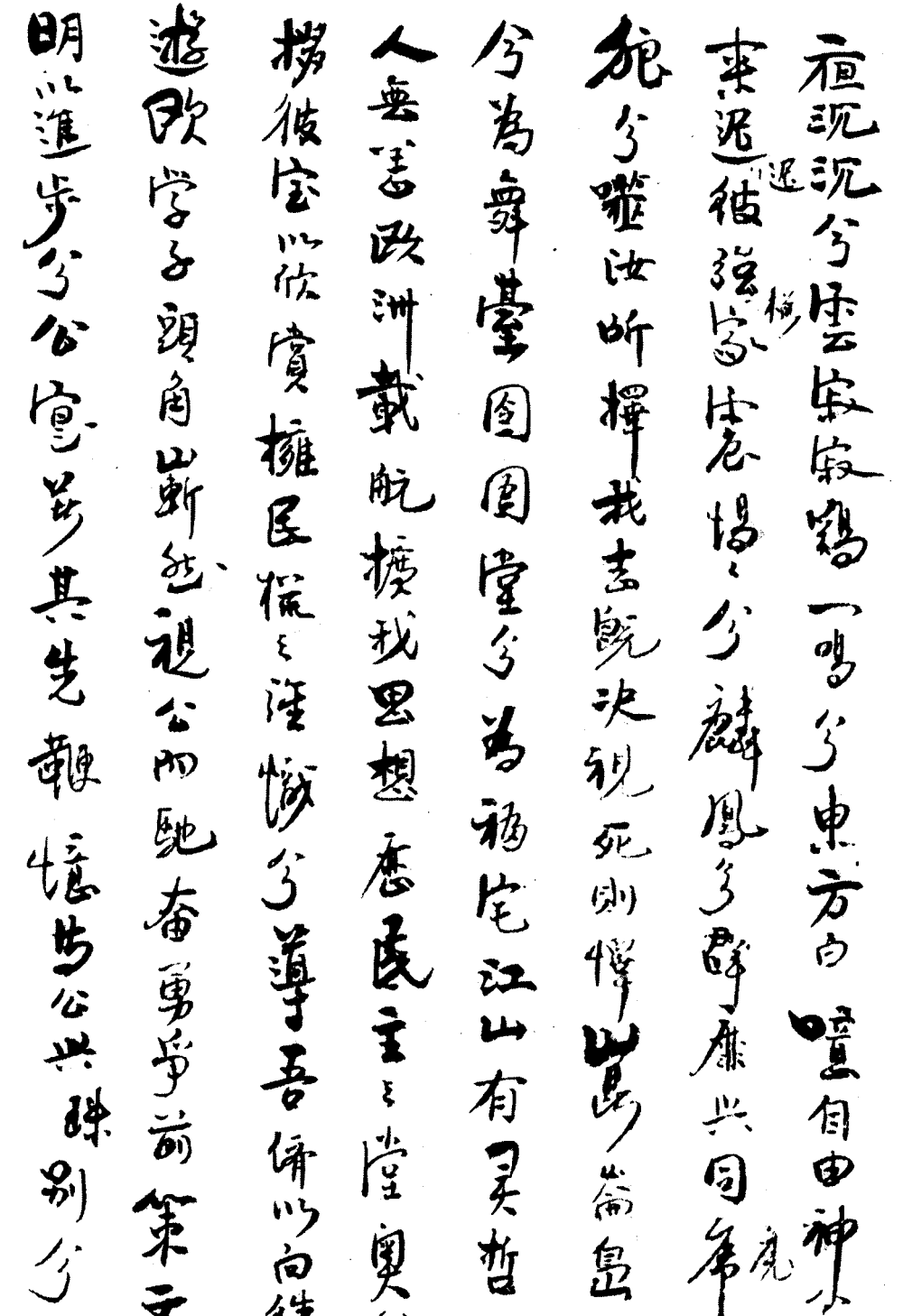
潘黃南祭潘西湖文

歲在二月十五日漢陶垂血僕山先祭致於

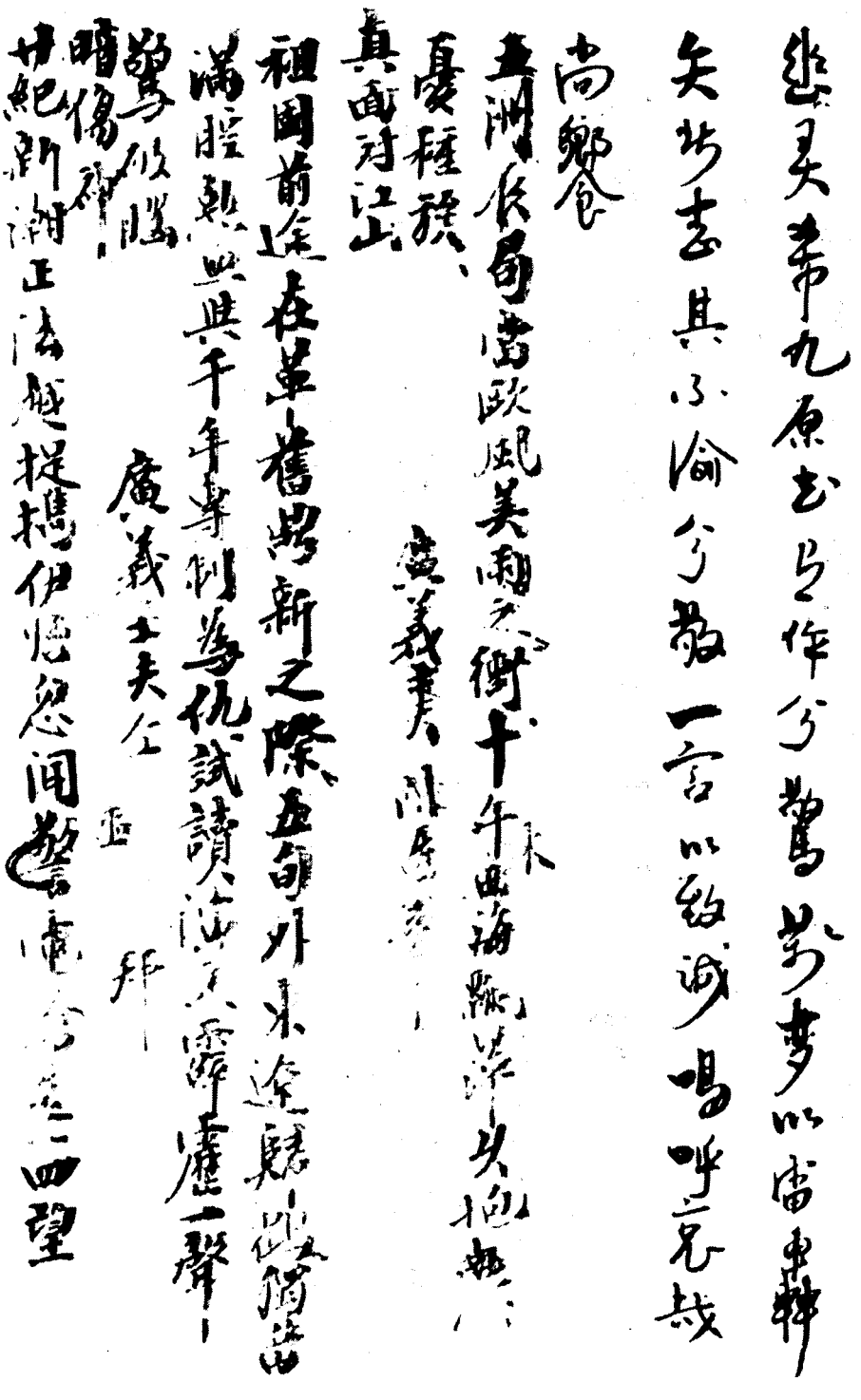
潘帝瑪先生之靈而饗之以文曰

嗚呼沈海分茫茫茶山分雲漠漠江山依故也而

公不可作矣嗚呼痛哉惟公之生天也于成宜未
艾國災遍嬰大眾夢夢疏展心楚公悲且憤赫然一
鳴方球有琉球血淚數書之為惟公實助其先志方
東陵屏吾且惧如秦庭哭龍公
則慷慨問津東貼焉有羅陳如東點的史卦擁
新潮以為來向國民而灌注維公其古乃鼓乃鐘維公奴
骨與鎔鉛同吐我氣燄千丈長虹吹我思想彩雲龍龍



俄莽其二十兮分兩途而並進分步語色分
猶不忘維公抱玉璽而終古分珠旒垂而儻徨珠
自去夏得罔乃皇皇歸聞公信說拂為雄魂儻公而
左右兮心逐公而怦怦遠當國脈近稽民情乃
我公為我籌分欲與偕其交拜蒼蒼天分我絕
分起風魂以雨醒公素何其一膜分瀕溟白與天青
云同舟思共濟分恐孤櫂入林中而無
去分愁蒼昊之不平望前途而戚慄分乞福引



掌吉兮奚底小死
江山無淚泣先生　　北斬人

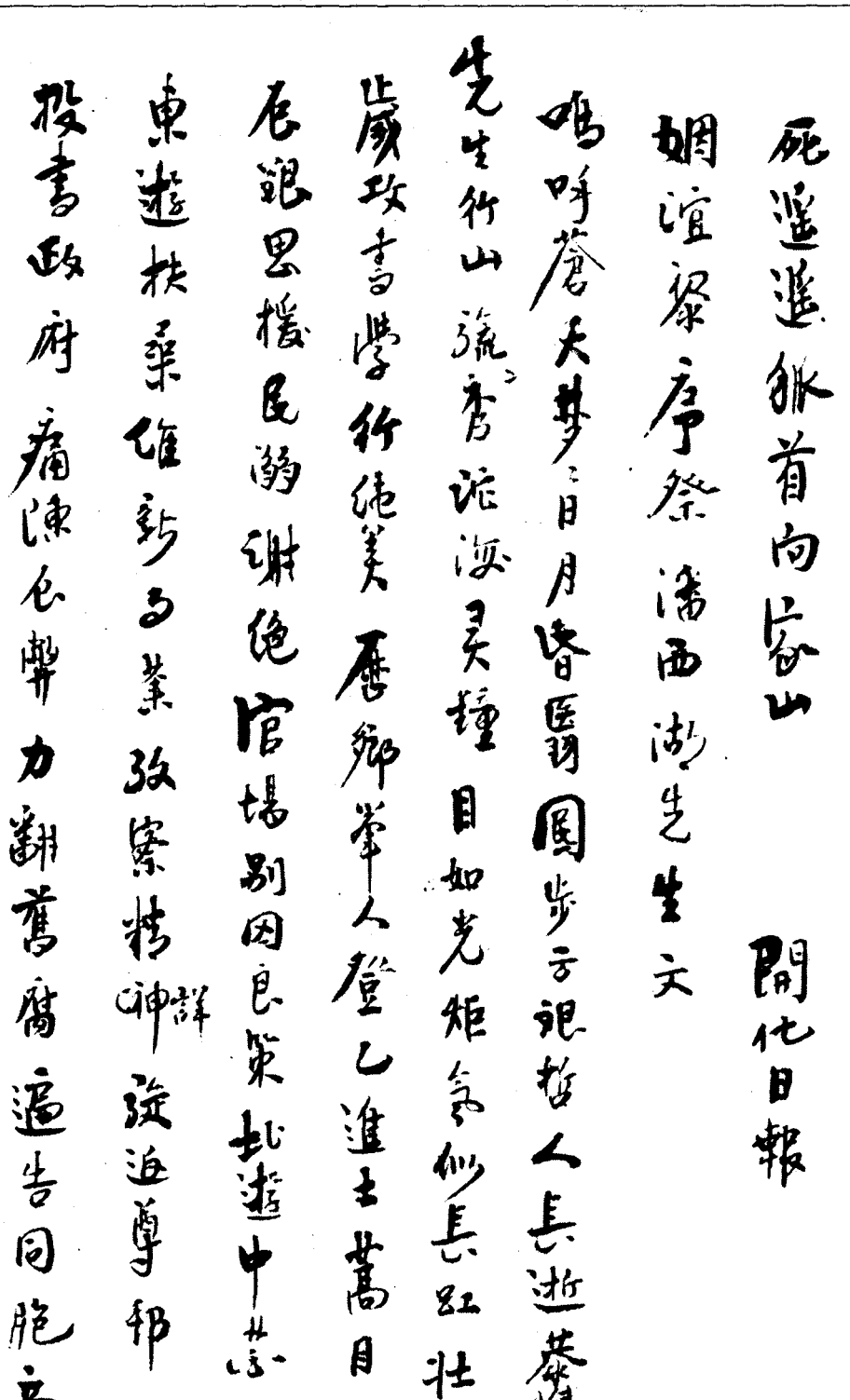
起視廿世紀風潮醒喚奴隸殘魂壯志未酬
生兮卧作有後兮佳

回頭四千年祖國植得文明種子前途有
望死亦日猶生矣

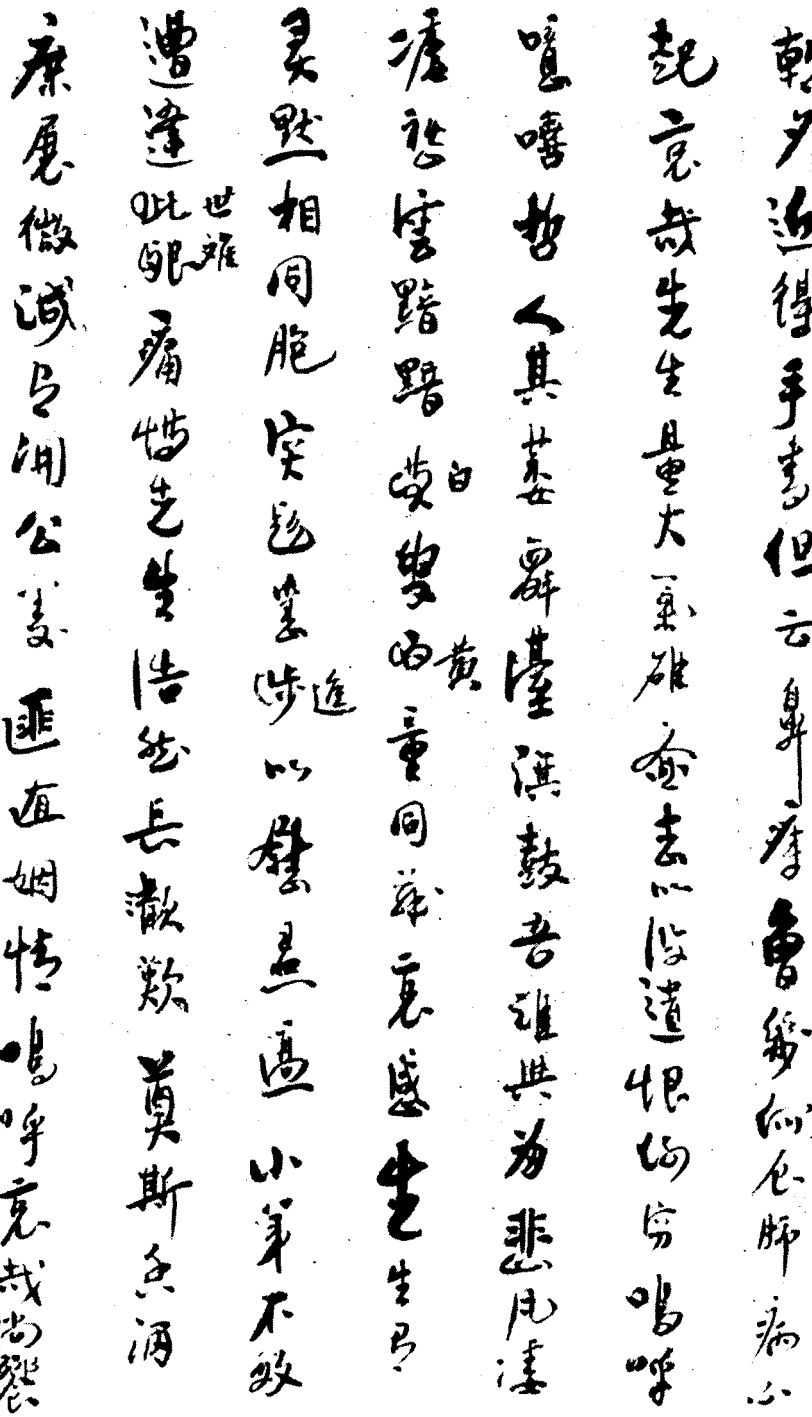
開化日報助筆

補天烟淚不惜此身借椎和力以救生的的確
心爭造化

聲舌並唇俚為國民計詎料身先事



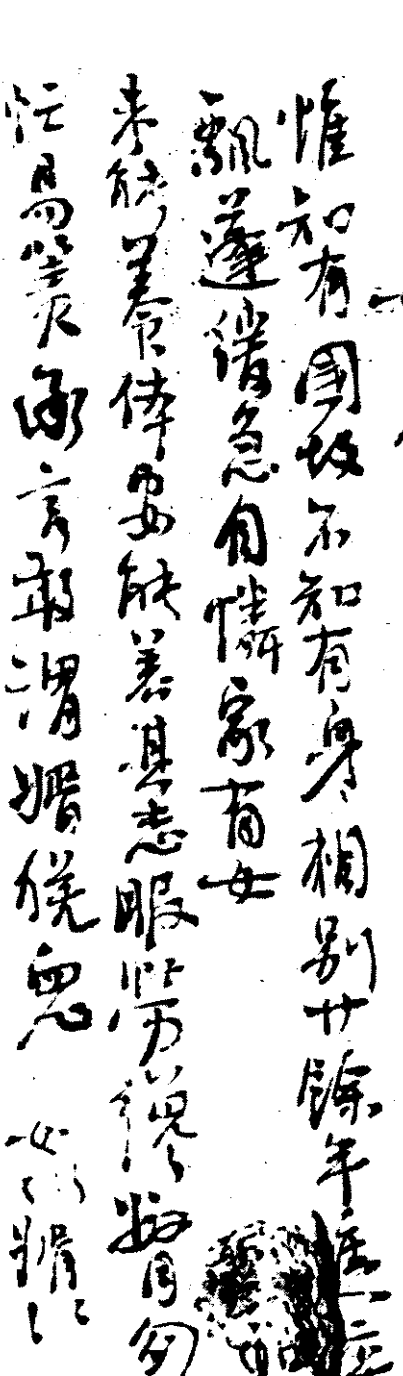
學問舍(捨)爲博貪夠欲飽強公理未伸強
權已忌羅織成辭山島(嶋)安置華僑貴國(國)
(胴)(富)
察哀吉辜出諸荒島(嶋)載(戴)卦首都先生流法
匪匪運娛心忱祖國前塗憂(優)牧采文明結交豪
傑奮志呼号期怨我越苦心孤詣爲國云亡
百般危困主義雇他去夏南洋振回貢同胞歡
迎民衍情動眾心憂惡推上演話通德倫理解
破(破)(國)(惟)斯(斯)廣南先生舊宅(宇)貯望回鞭(還)(仍)
(灘)(元)(仍)



PHỤ LỤC II

ĐIẾU PHAN TÂY HỒ TIÊN SINH

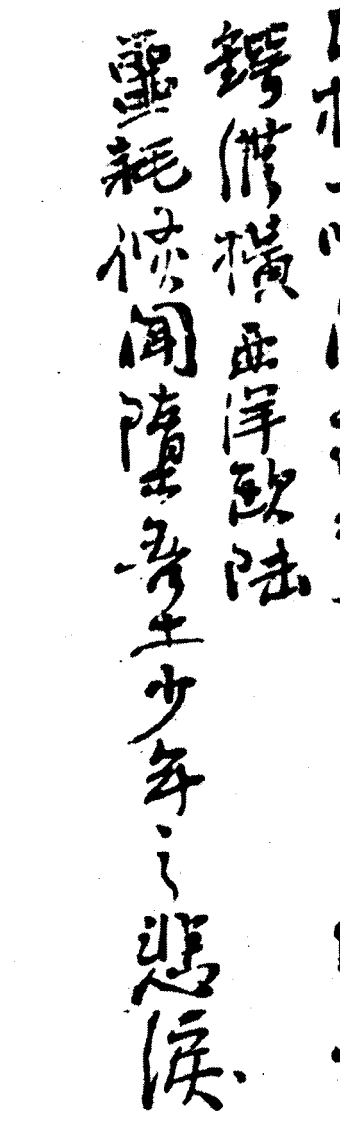
Di cảo lưu ở gia đình

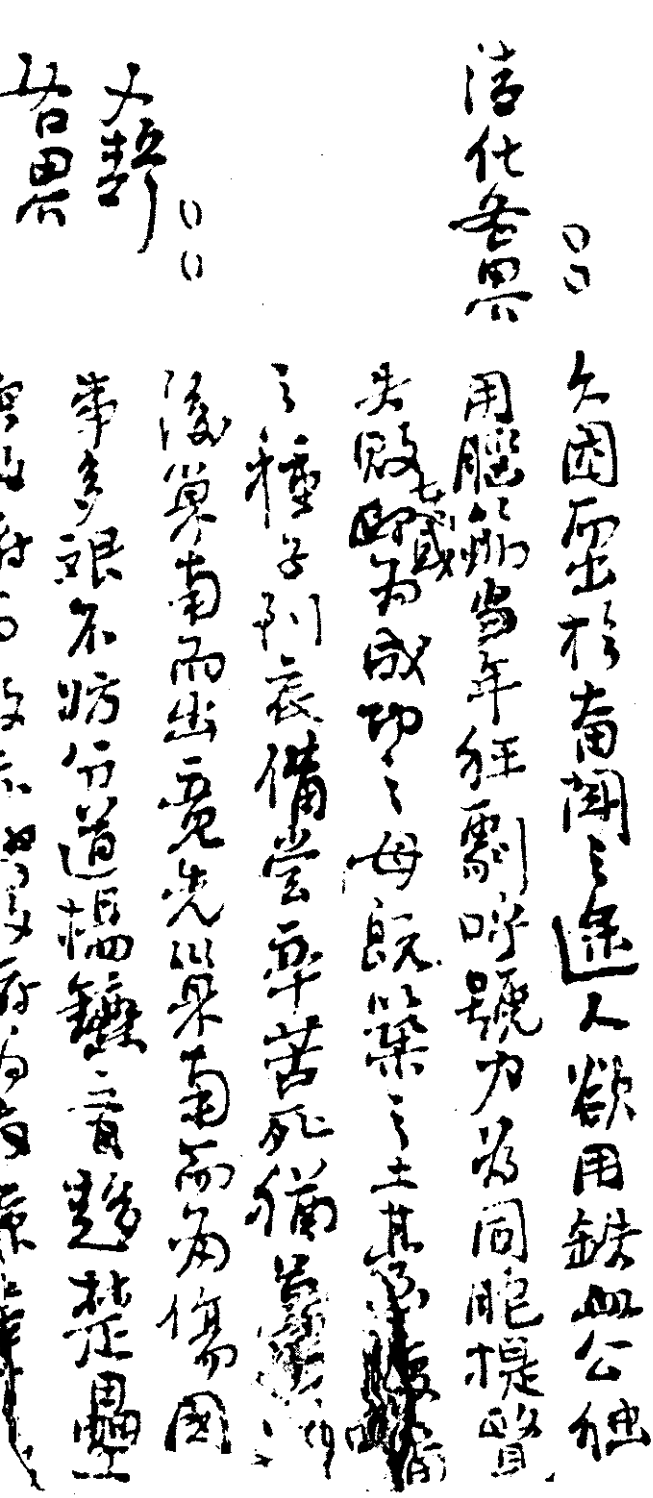


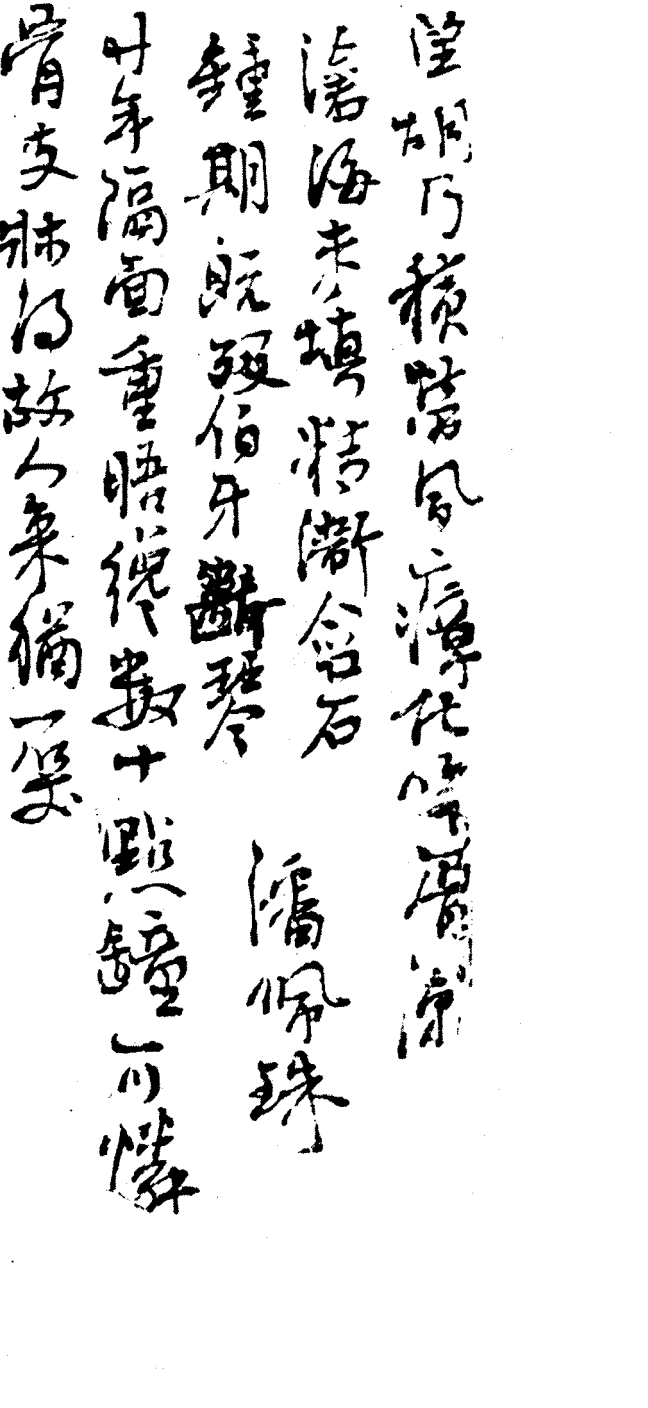
內稿

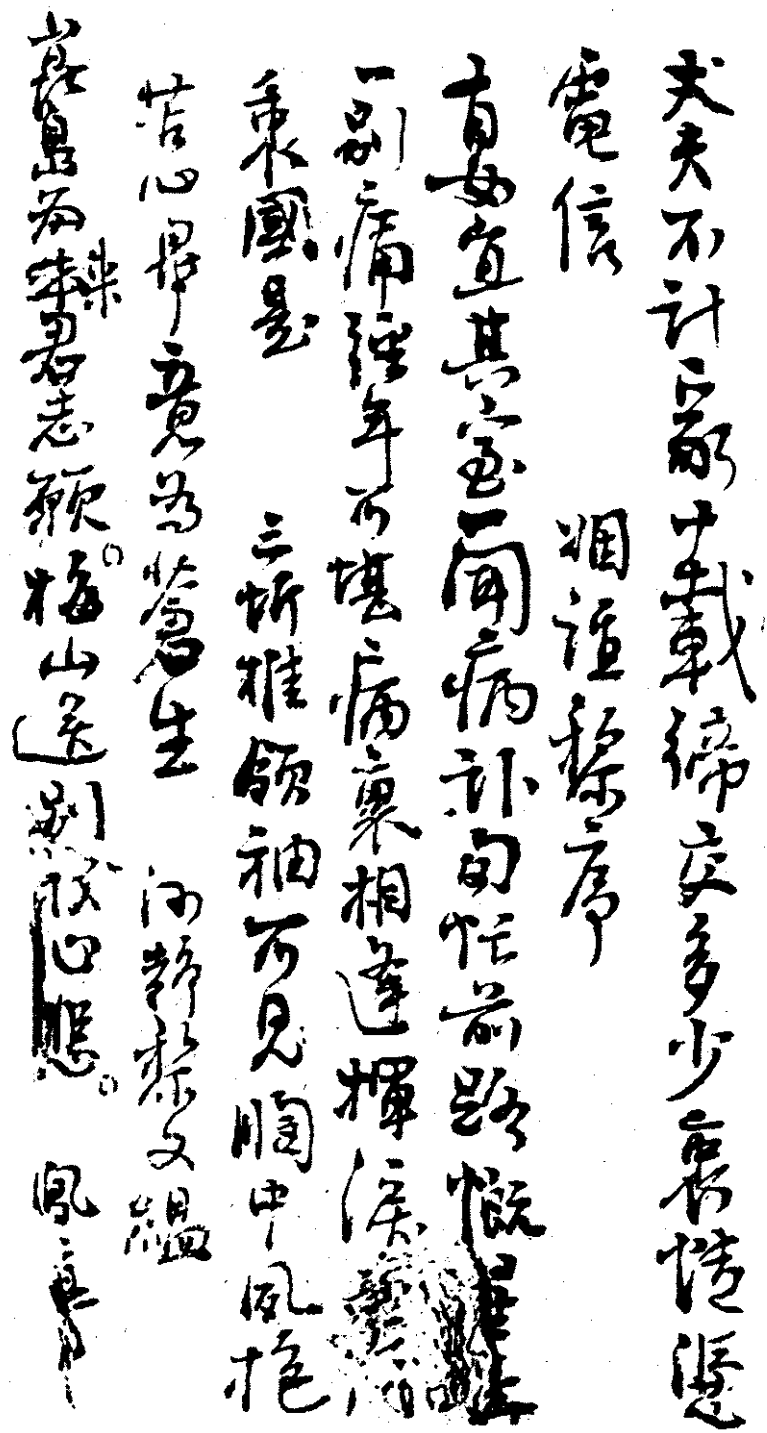
外稿

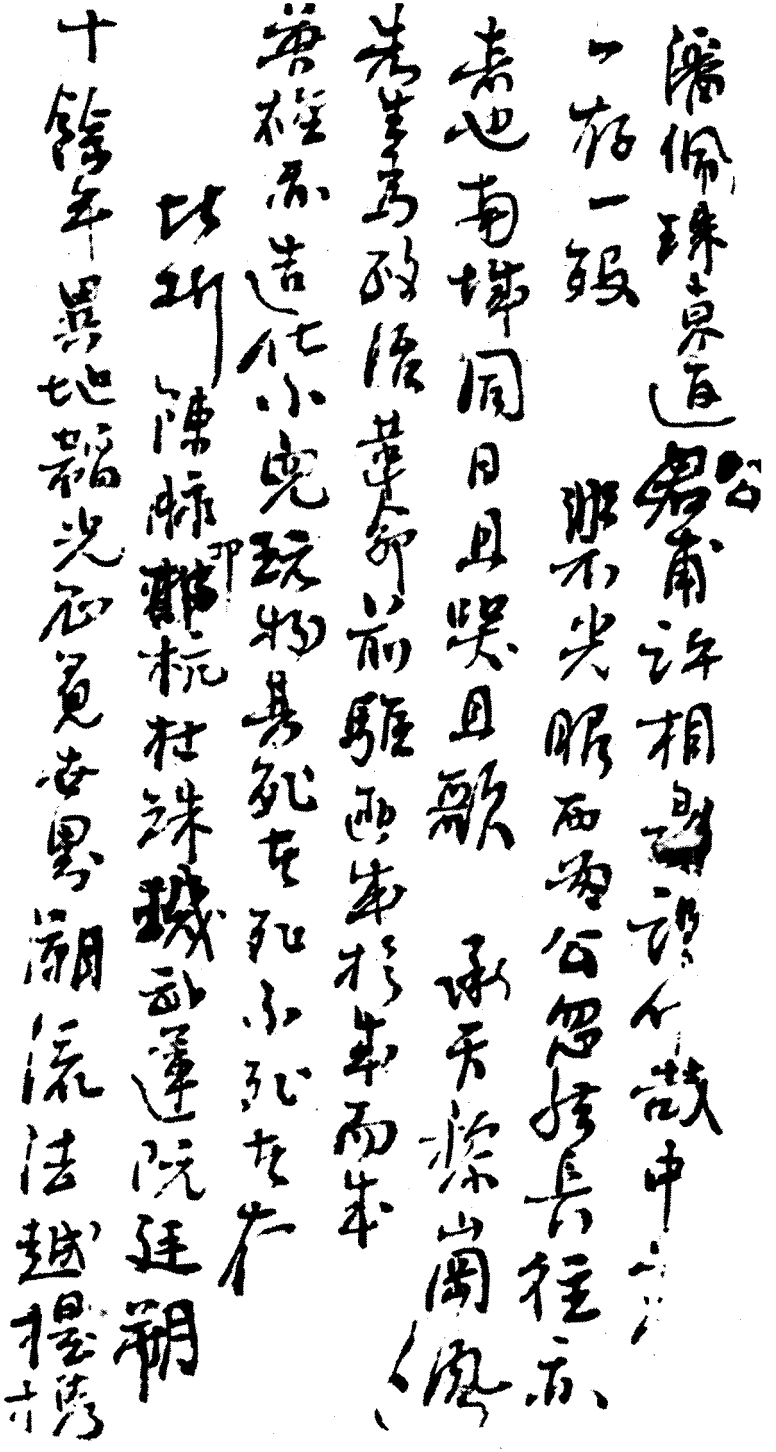


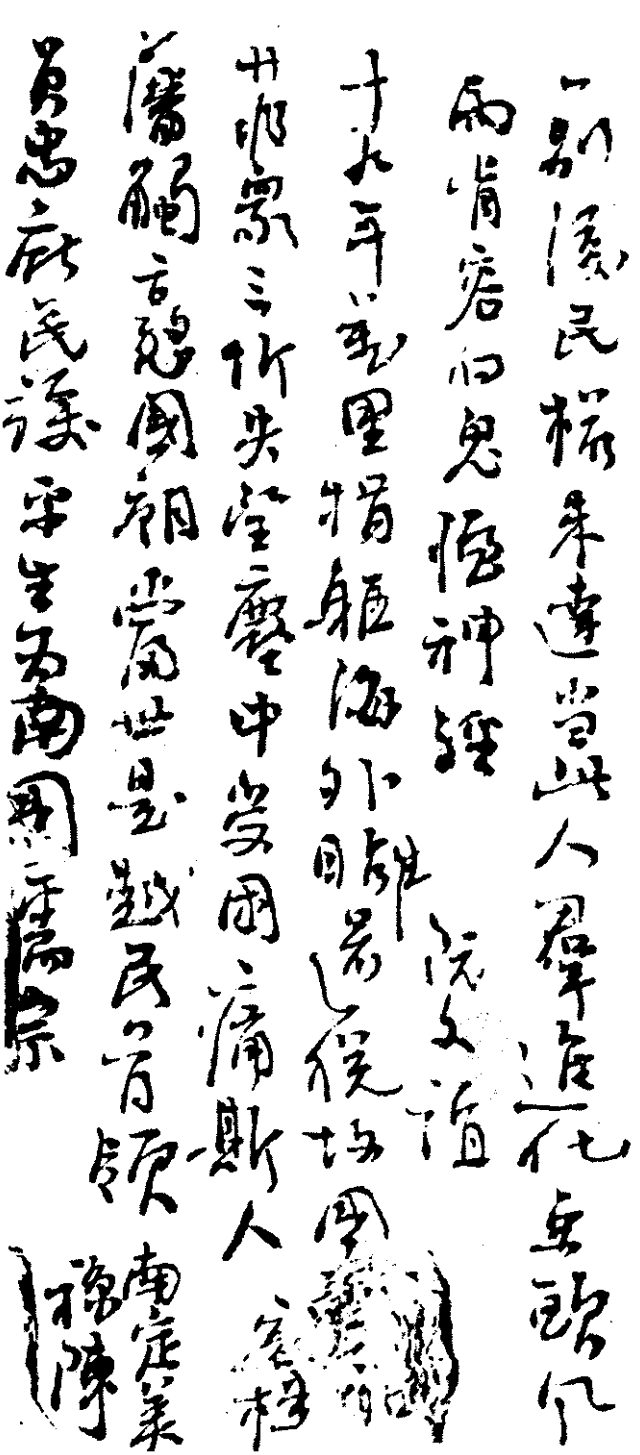


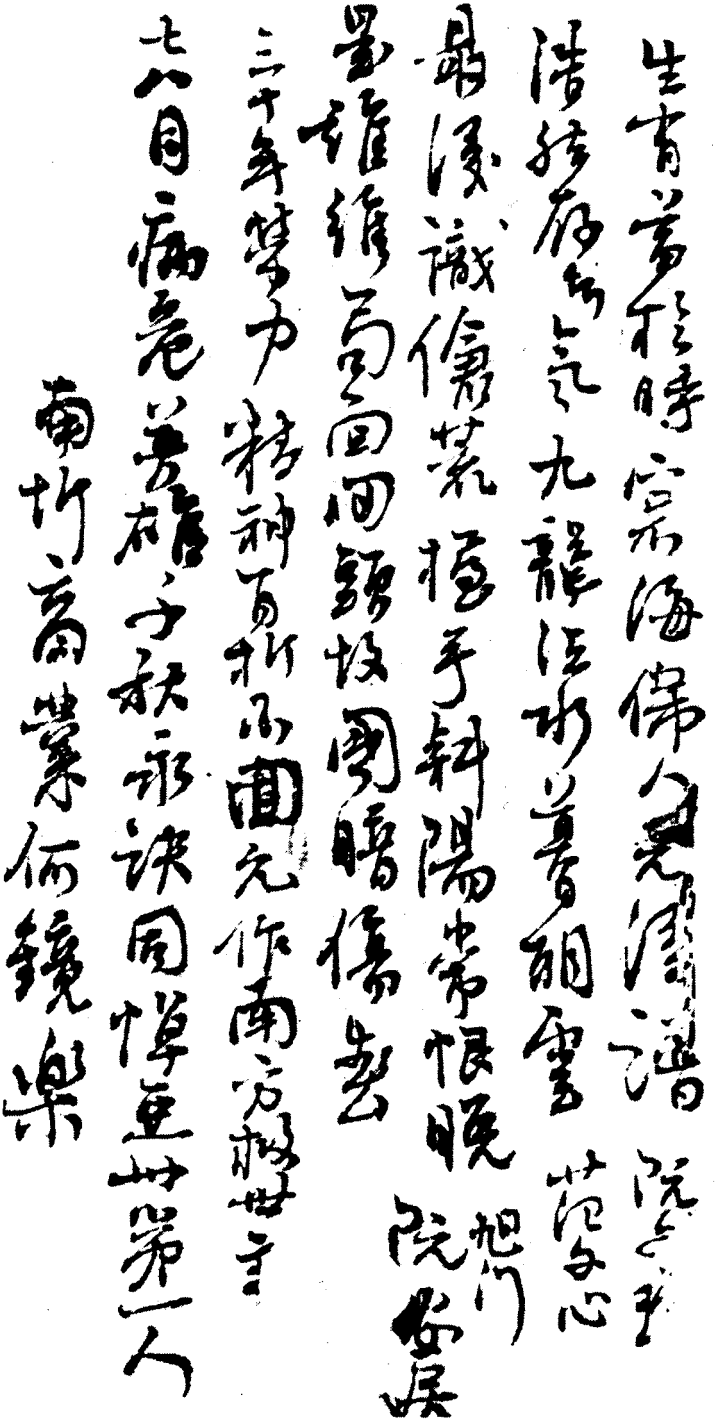


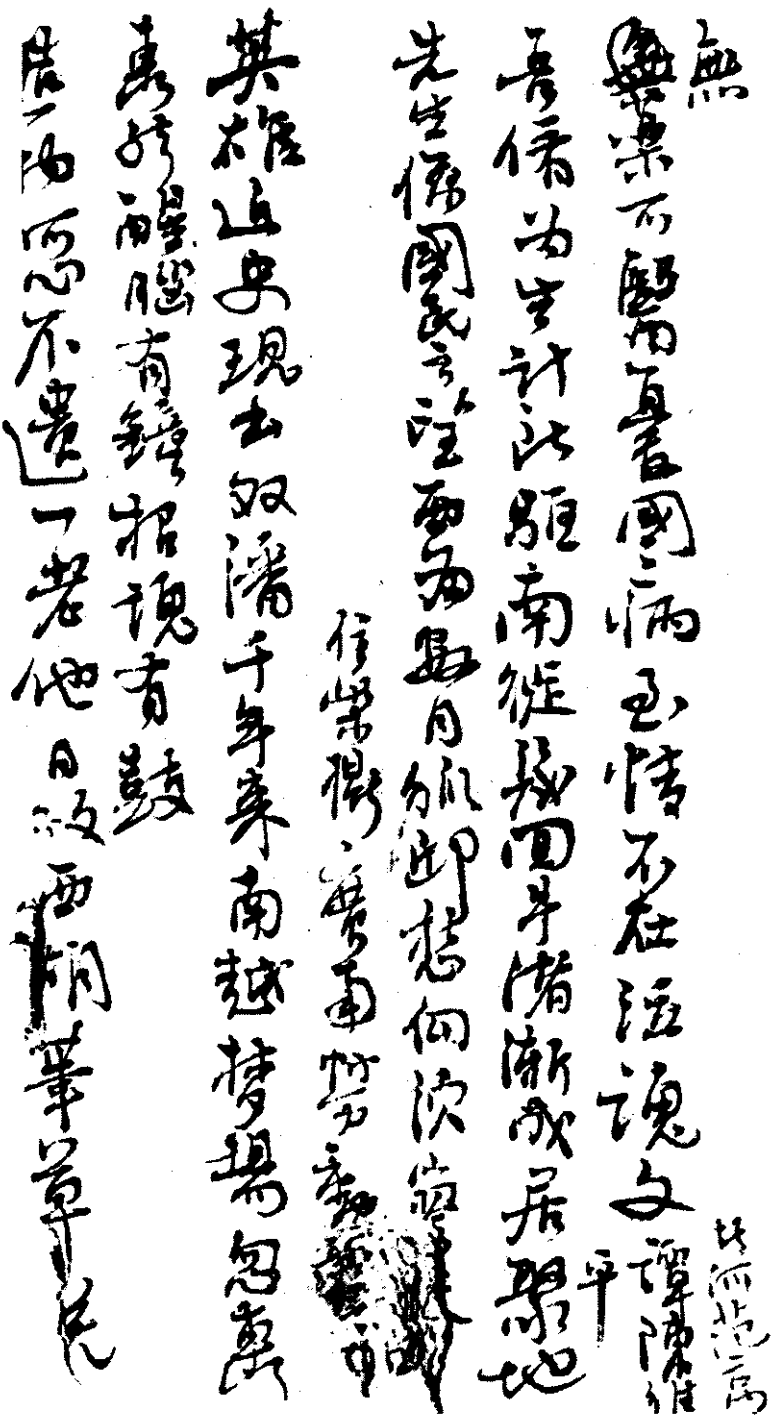


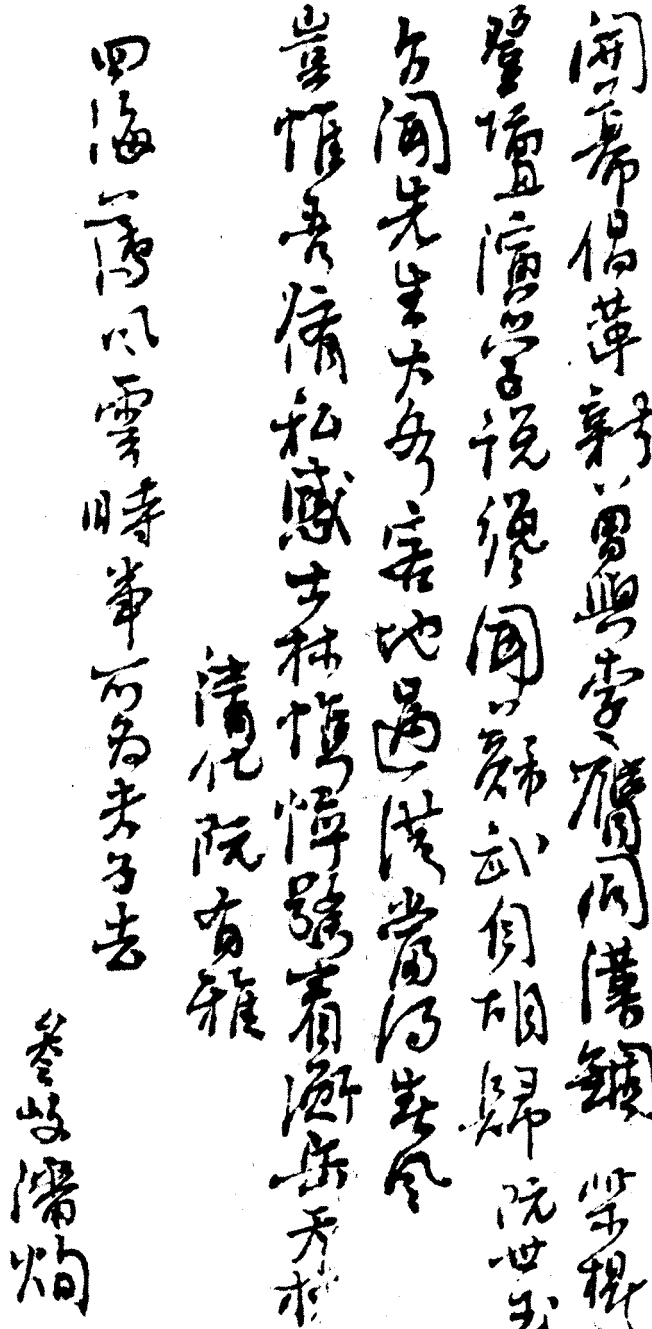


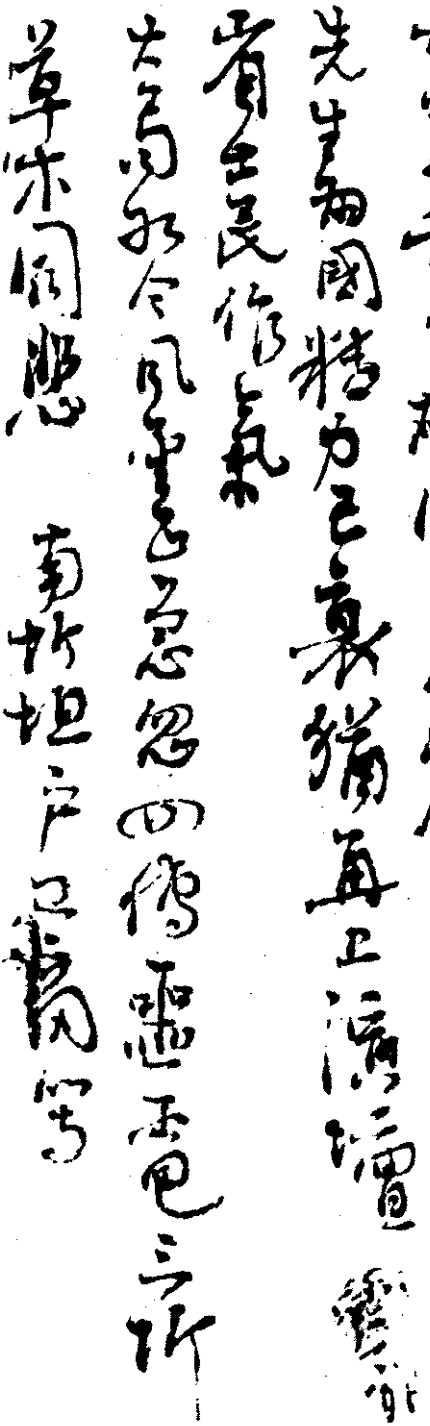


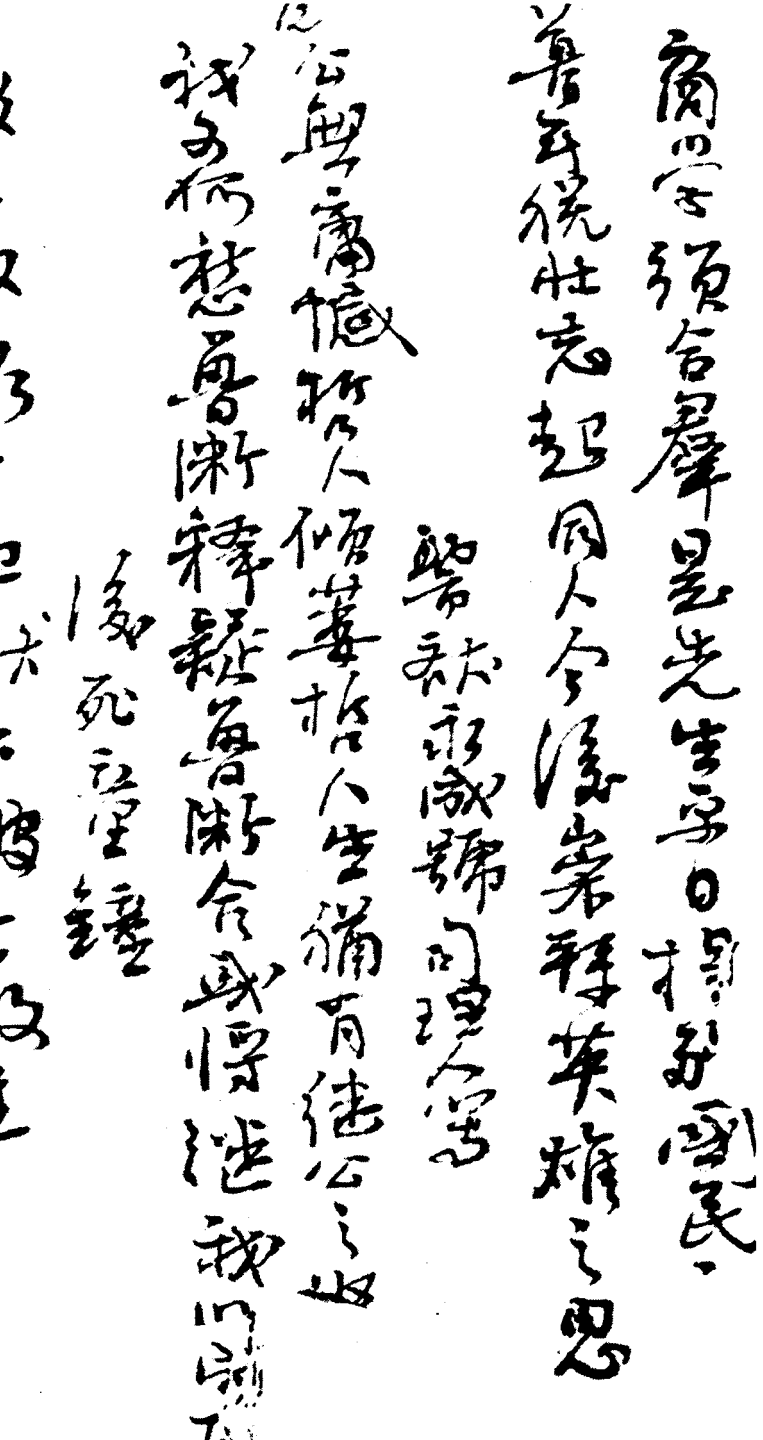












信徒信說法天堂承護佛徒

嗚鐘薄弱

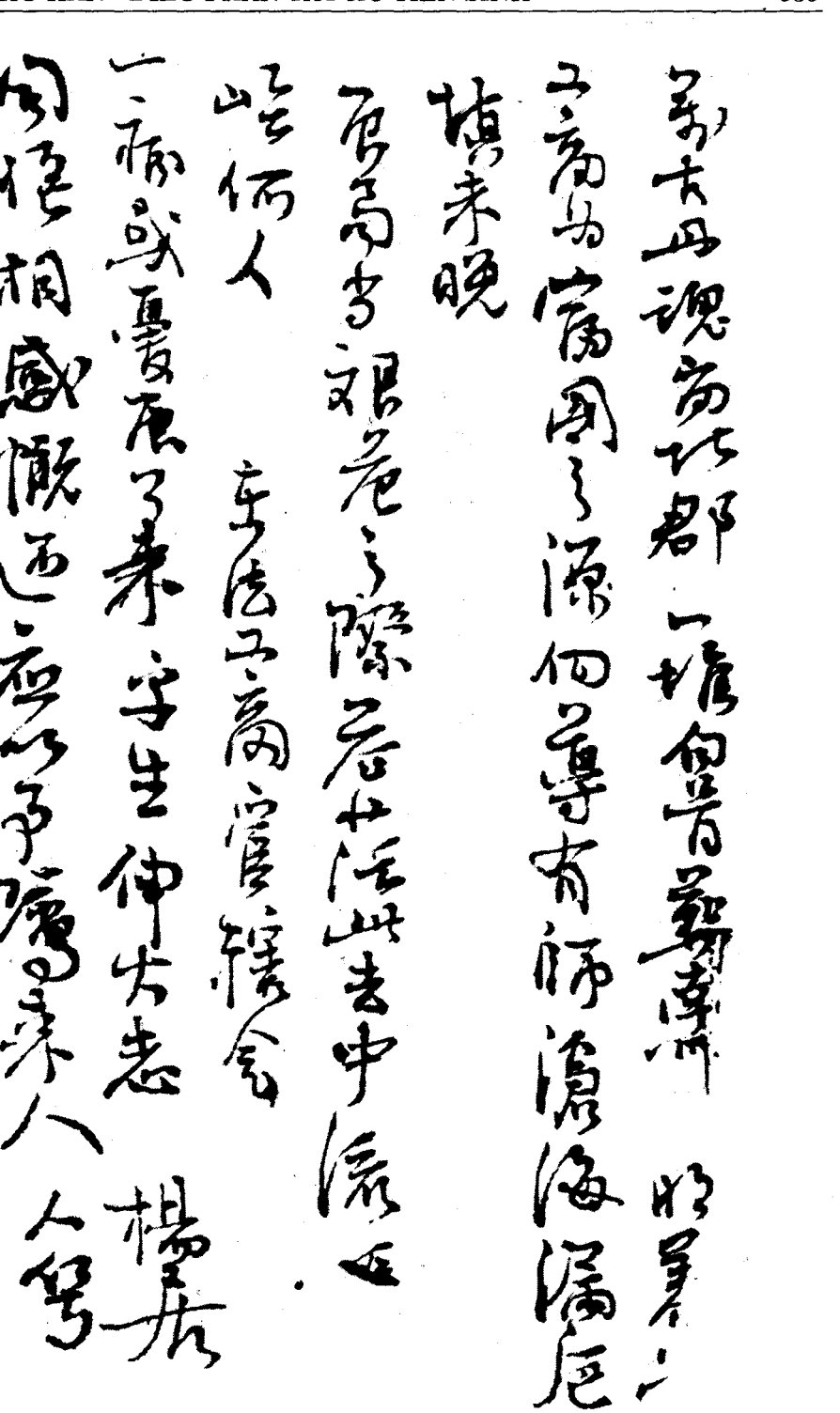
坎坷精英作士氣 南中花草易魂書

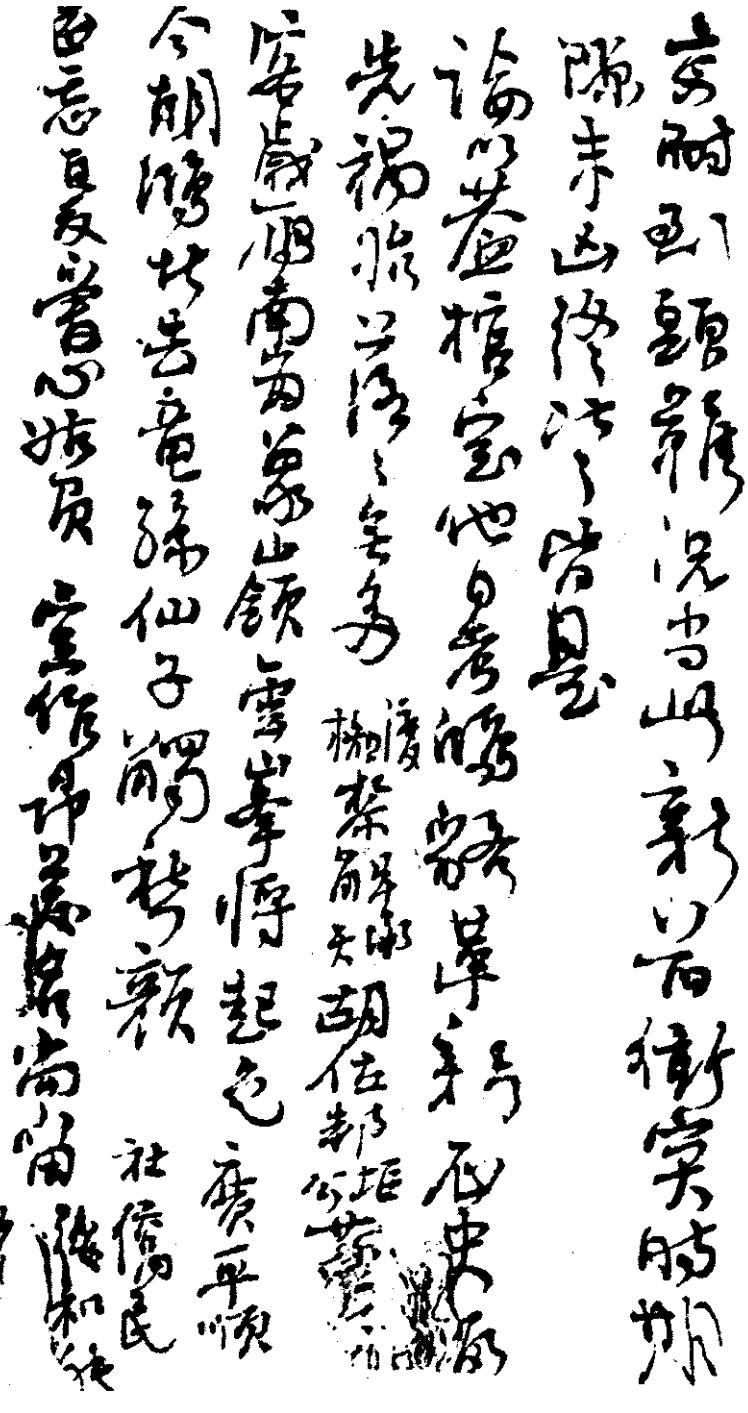
留東一片精忠誌 萬古未亡侯景薄

坎坷幾番霜雪伯 責任死而後已

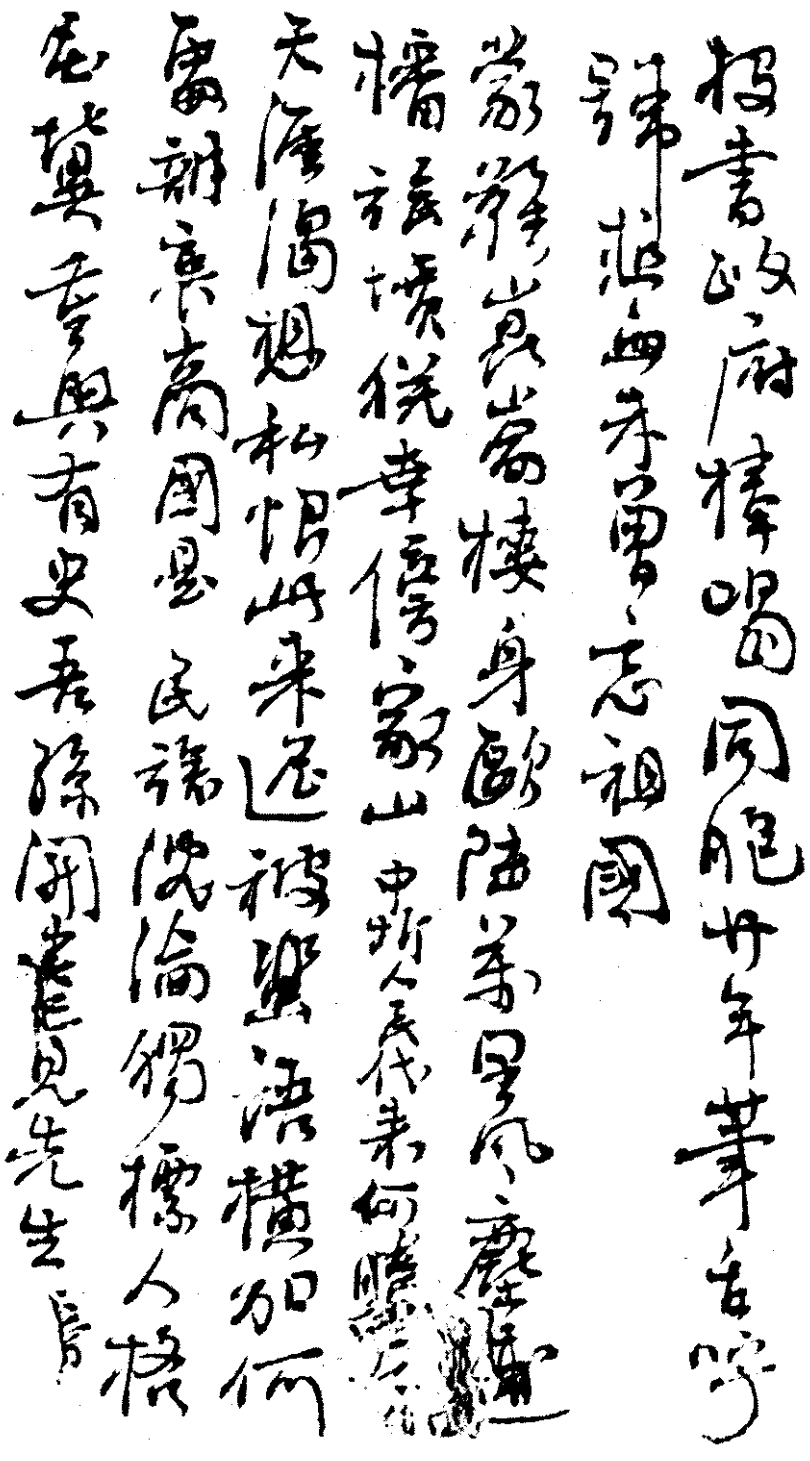
天意於未於悔做而爭運會 廣南會安

先生知小死精神人去留義

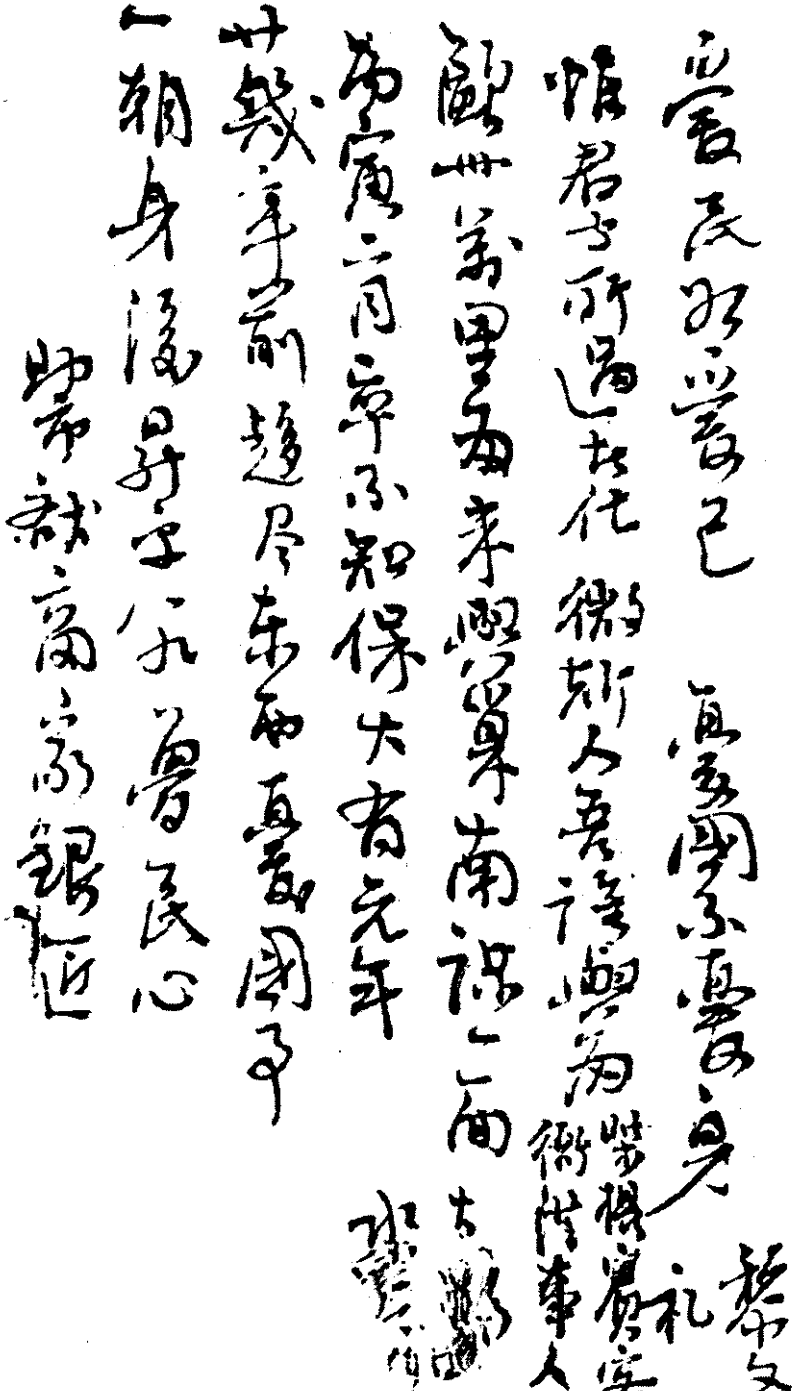


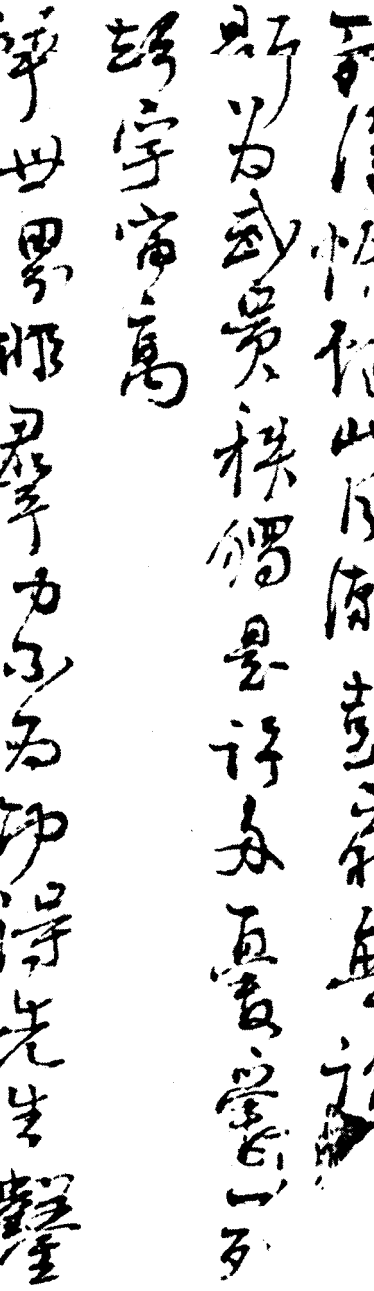


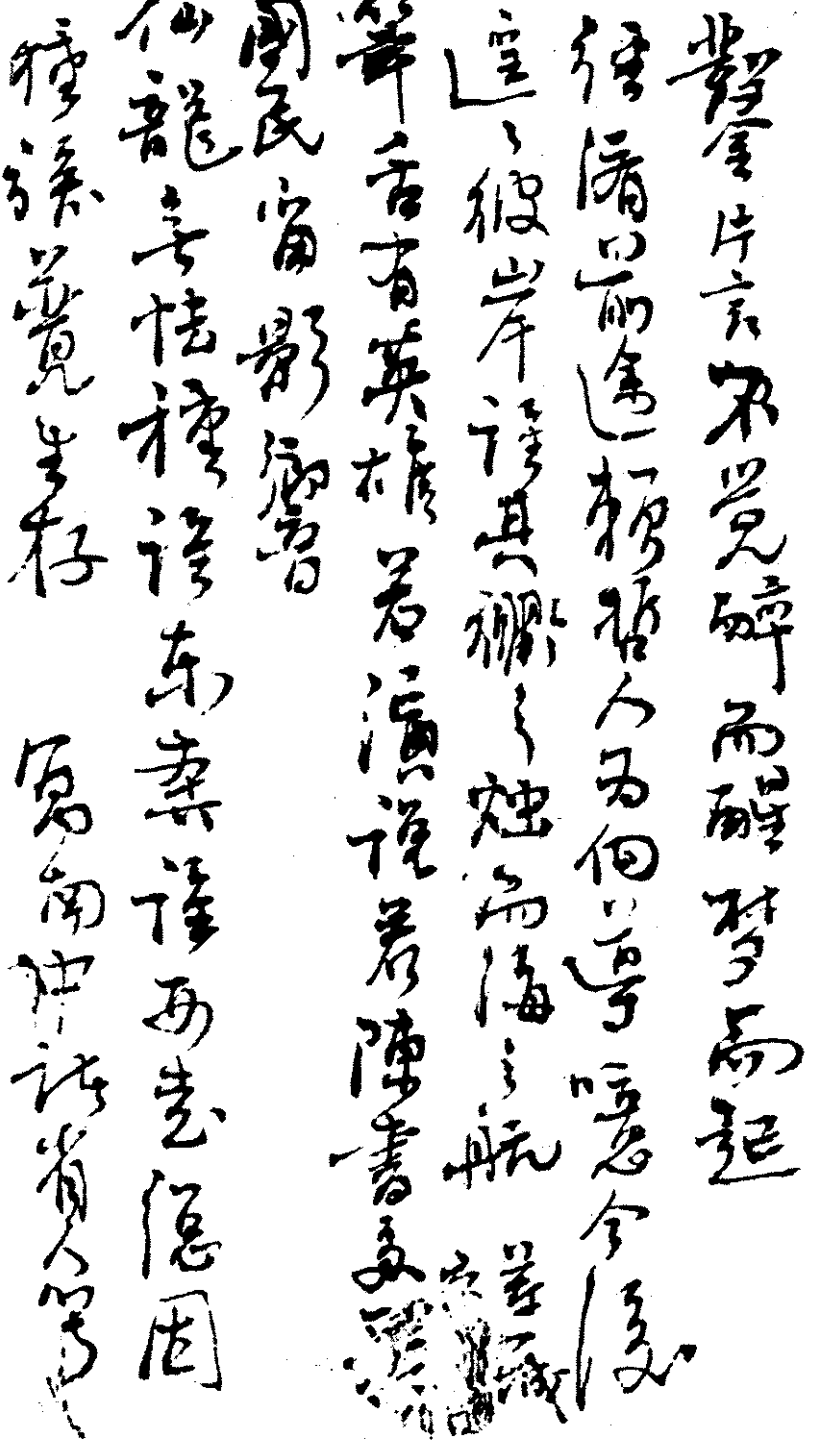
民族自主本質猶存仍期爲
祖國主宰仍須領導建仰彼西土
百生英傑如何不能將神州民族
對潮巨聲共圖富強千年來海外寫
成經吸宇宙自由之堂皇
中國公民文郭志士千載海桑田一夏長河
喜時局世之感 海和伸南

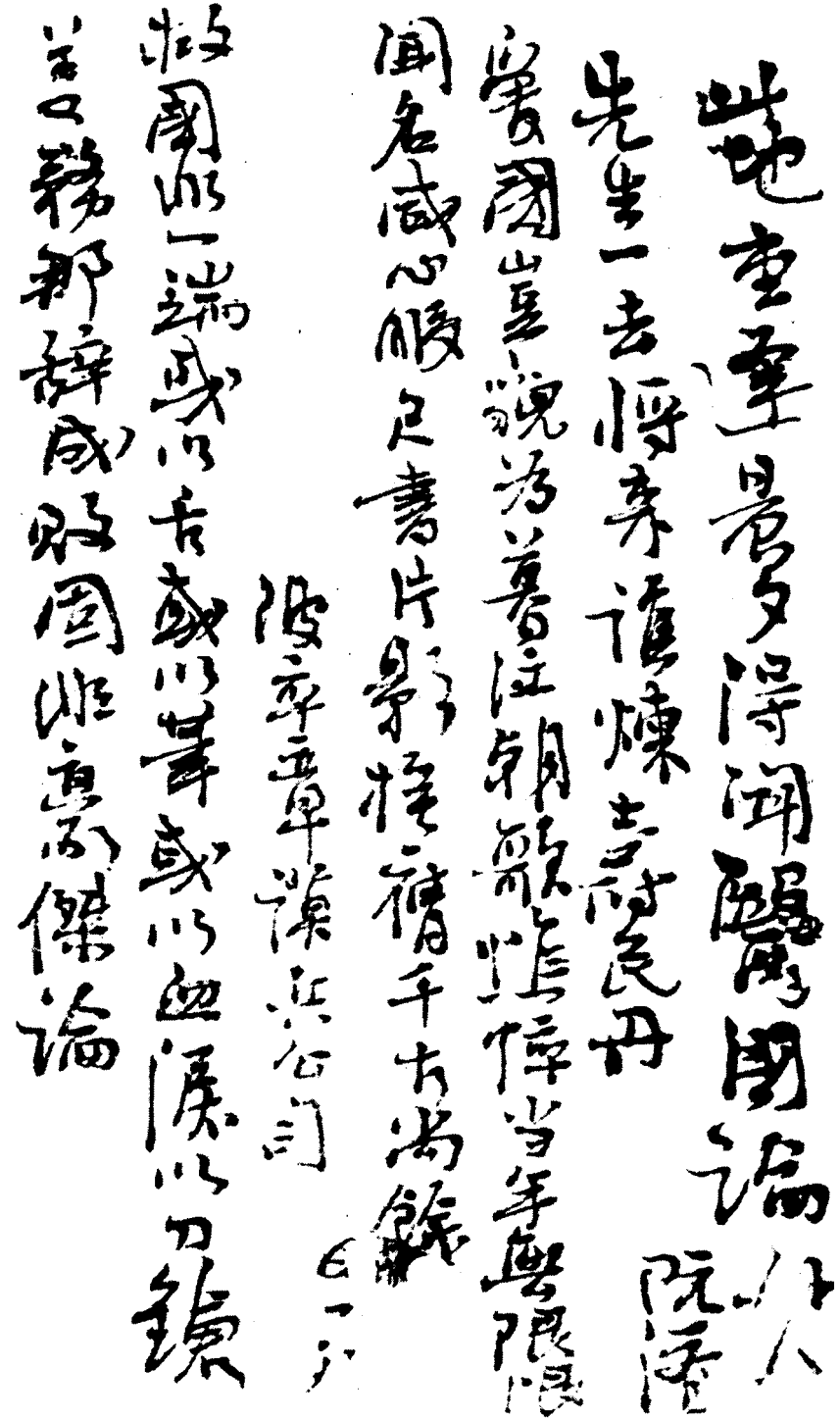


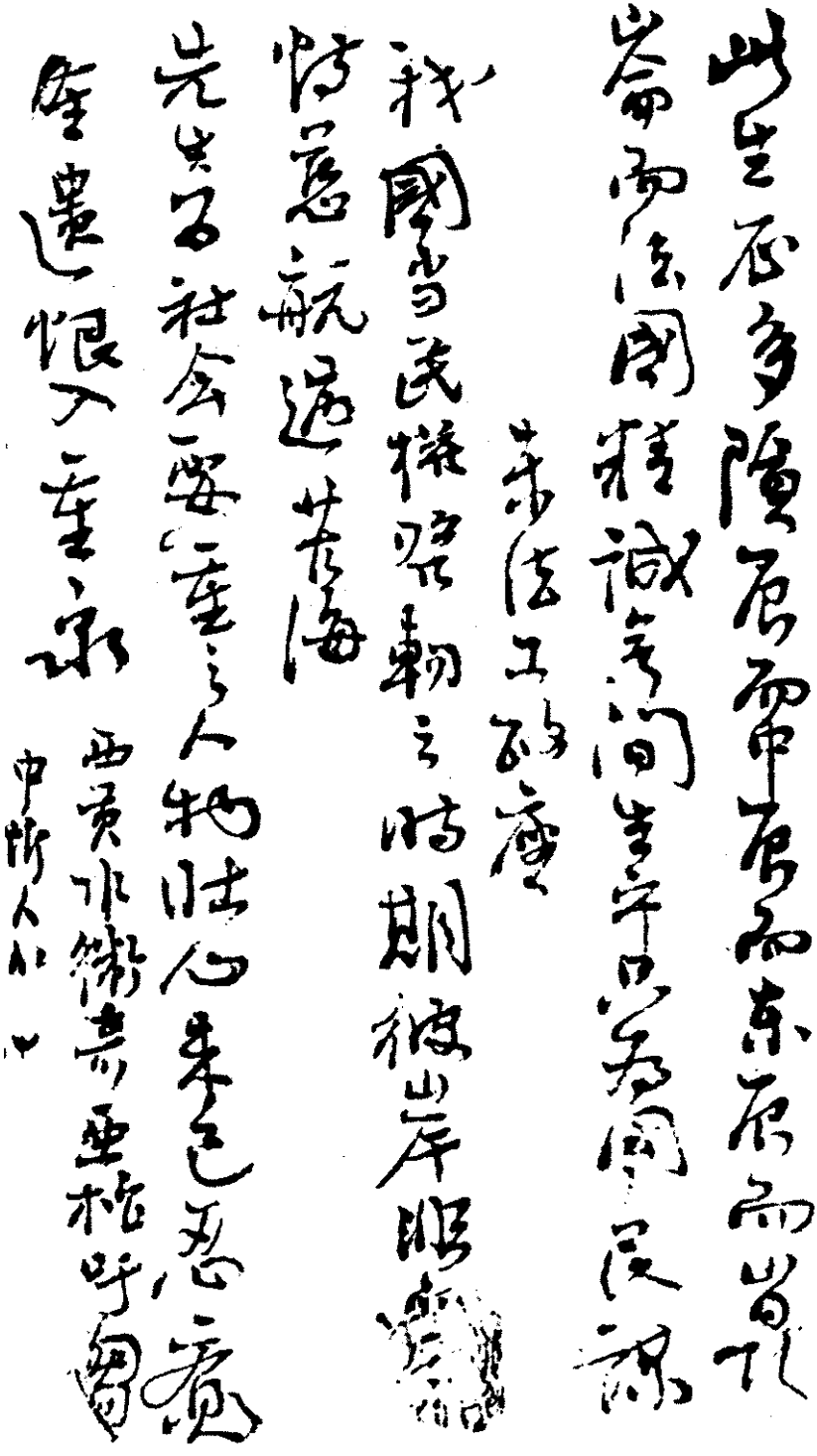
故鄉潛古不知禮先知覩此地民情比淳中尤
長大息
原尚不今最宜何等悵初公仙逝南來
大象與誰同
佳城暗鬱傳千古 行路傷心灑萬民
使節先生今國民經濟之前途將復 誰爲深矣千年莫存義舉之世界
何益哉最急需 比所以高哭

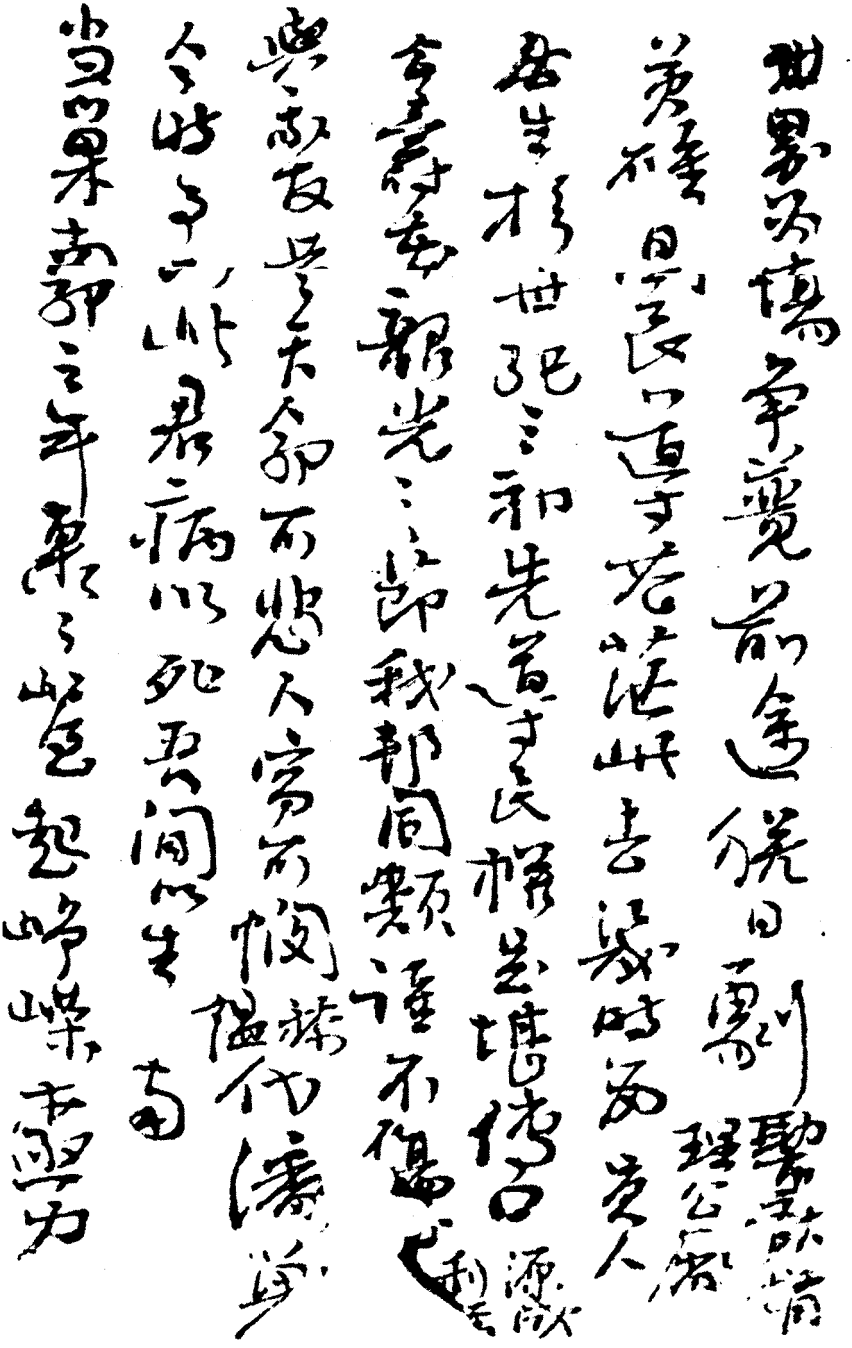


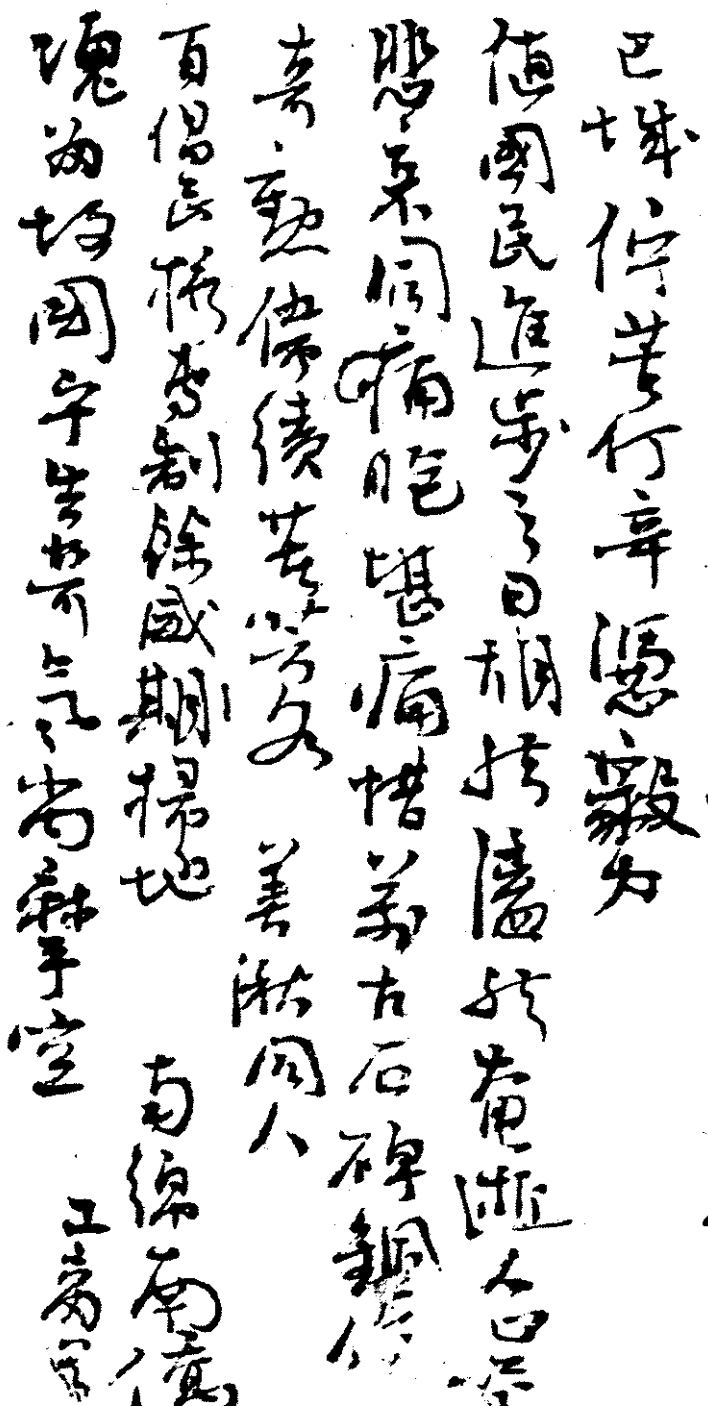


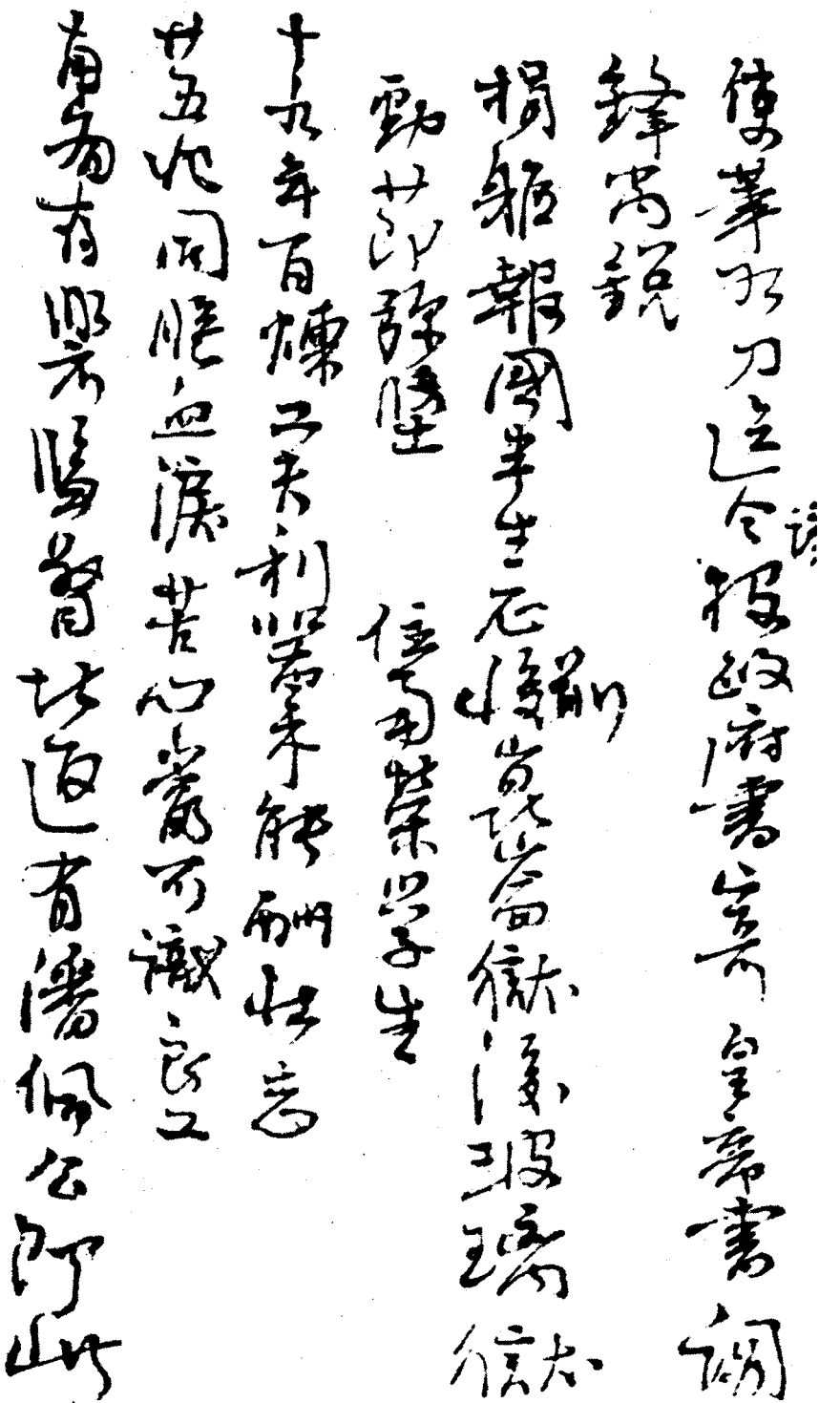


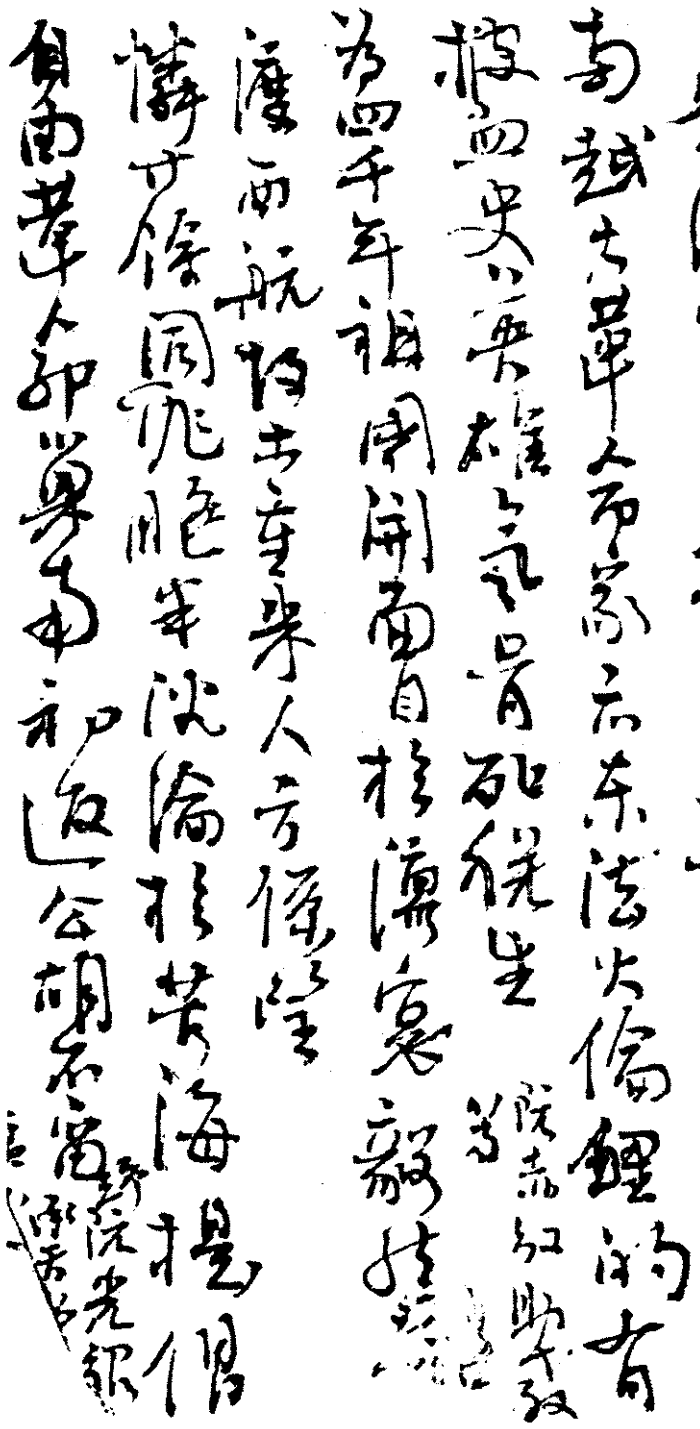


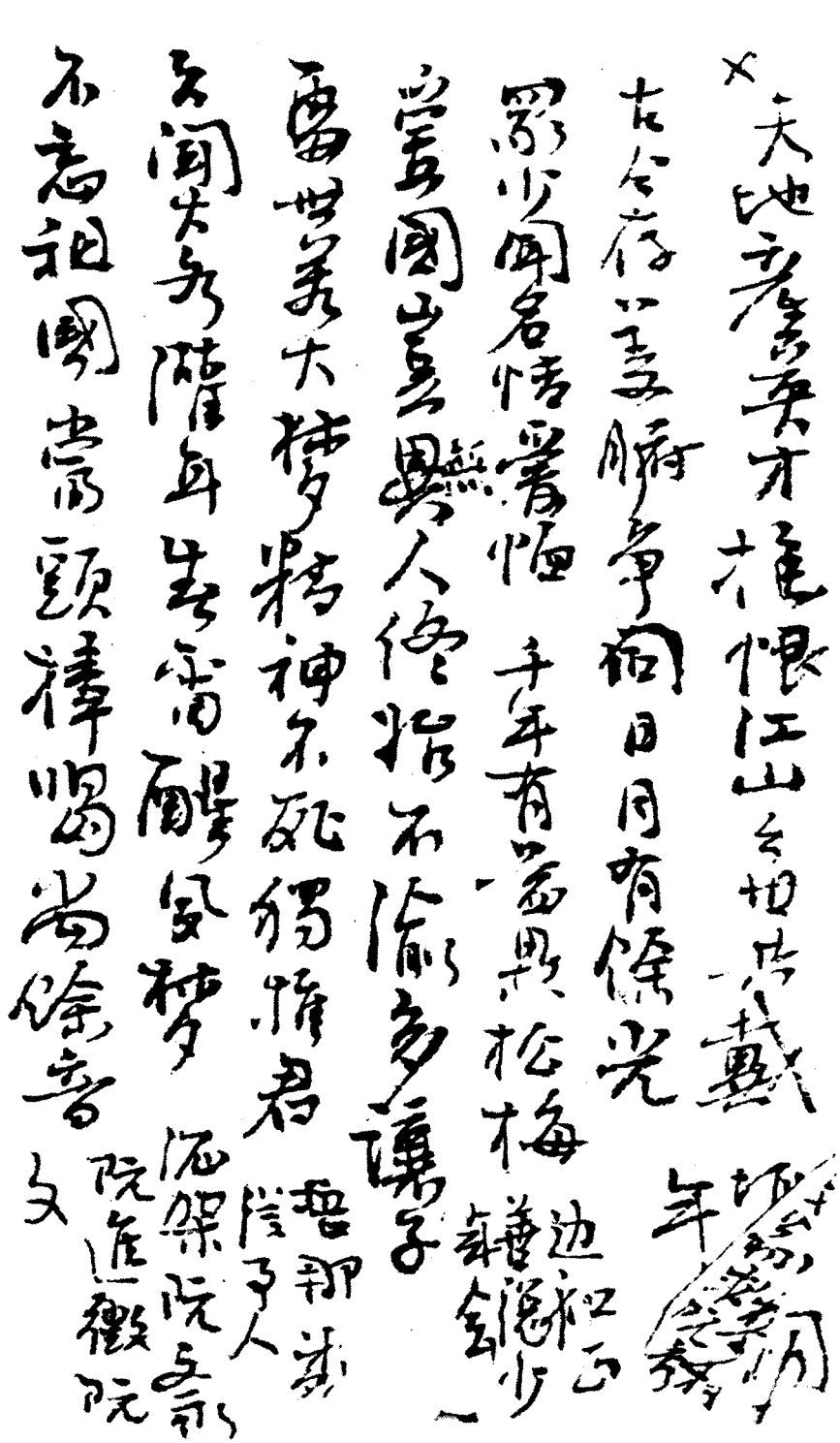


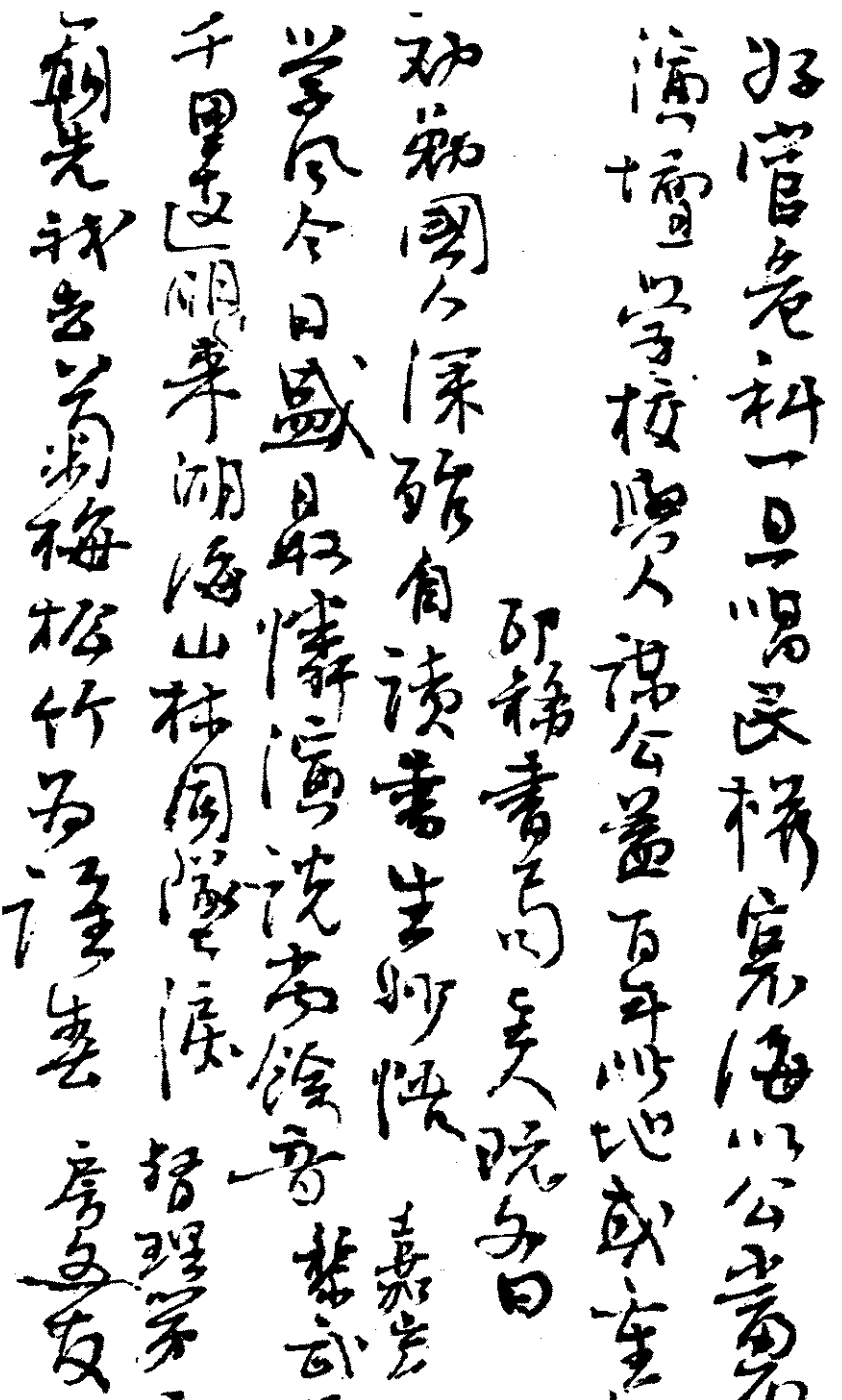


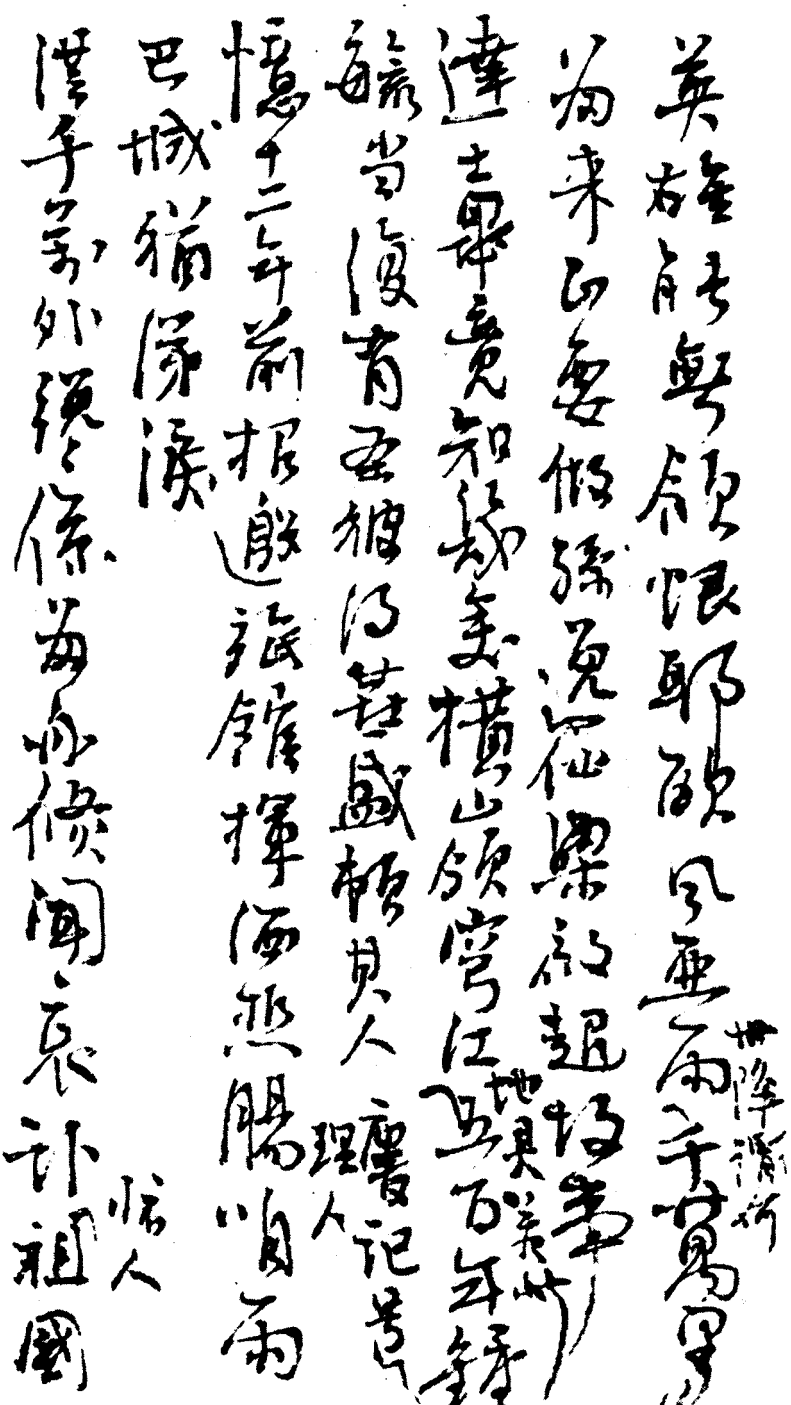


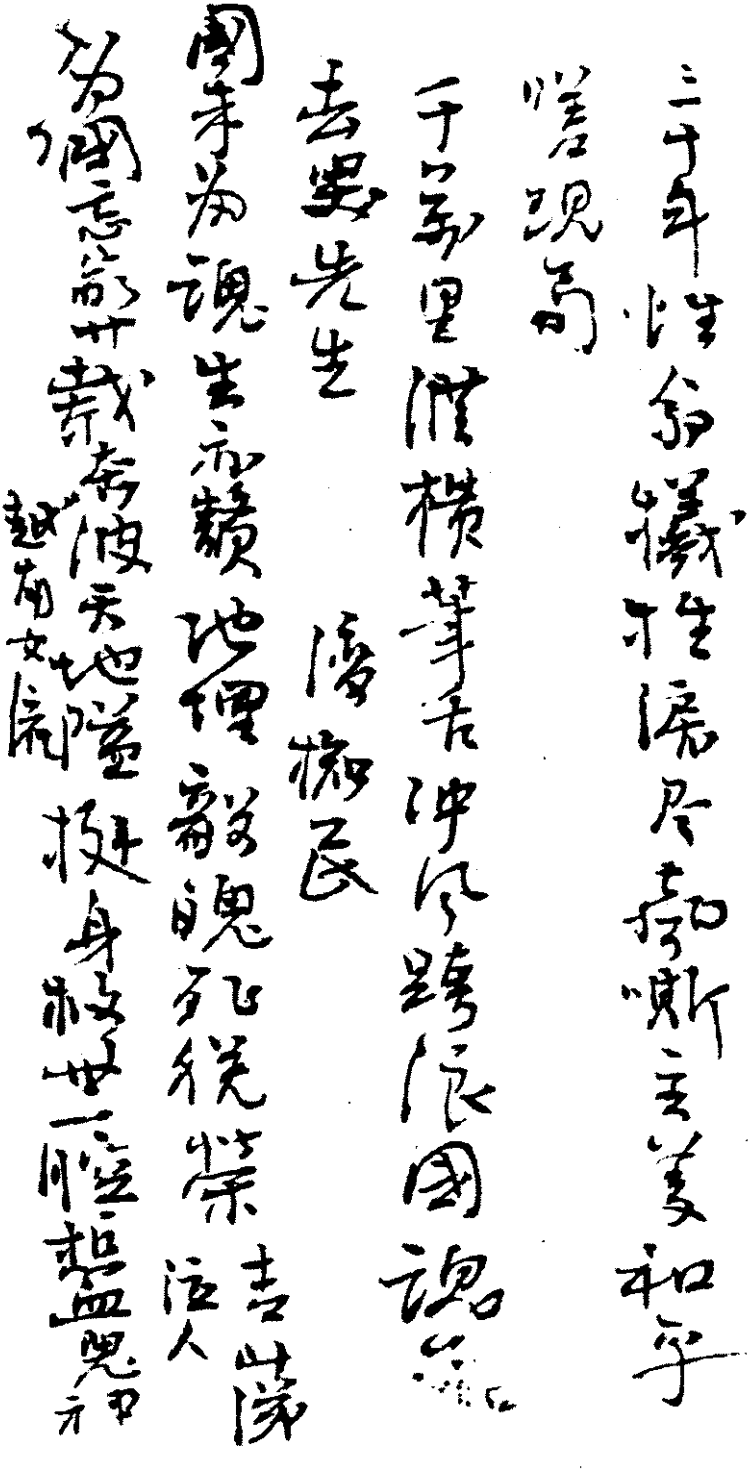


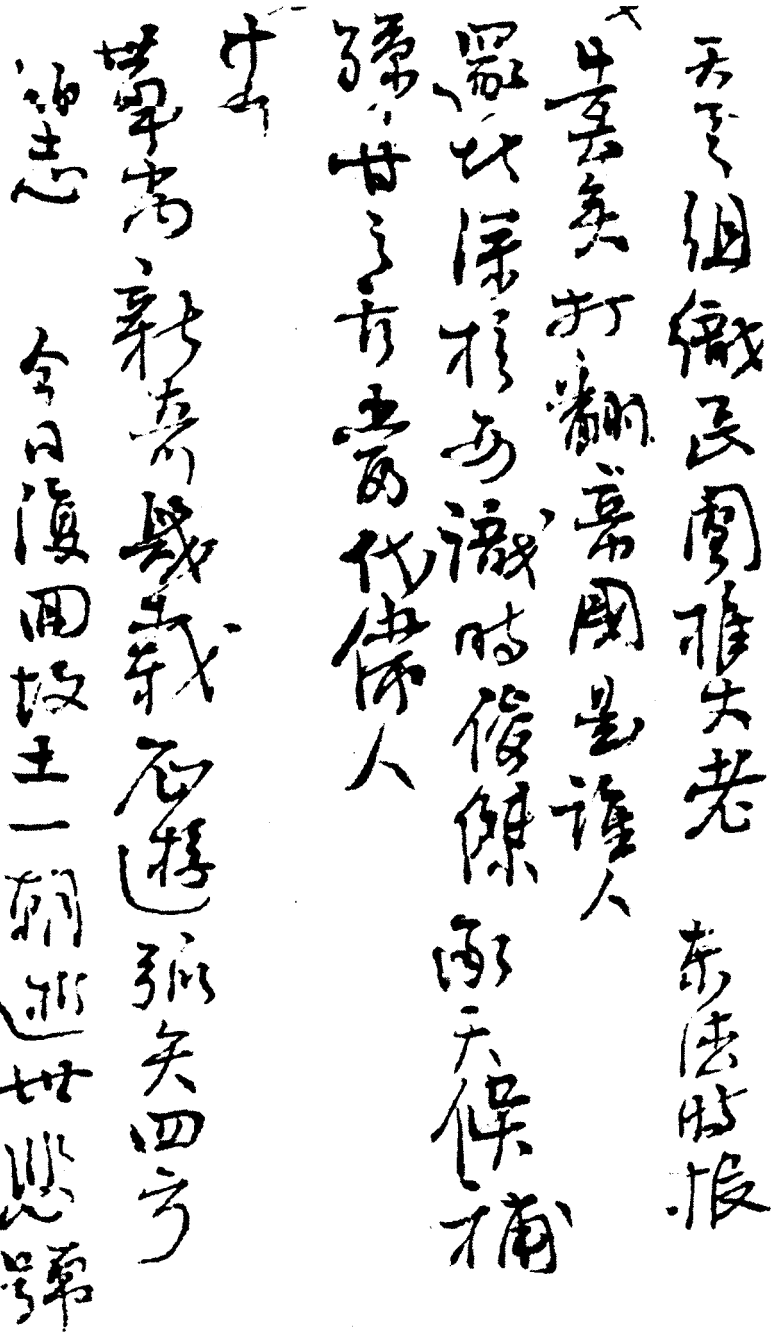


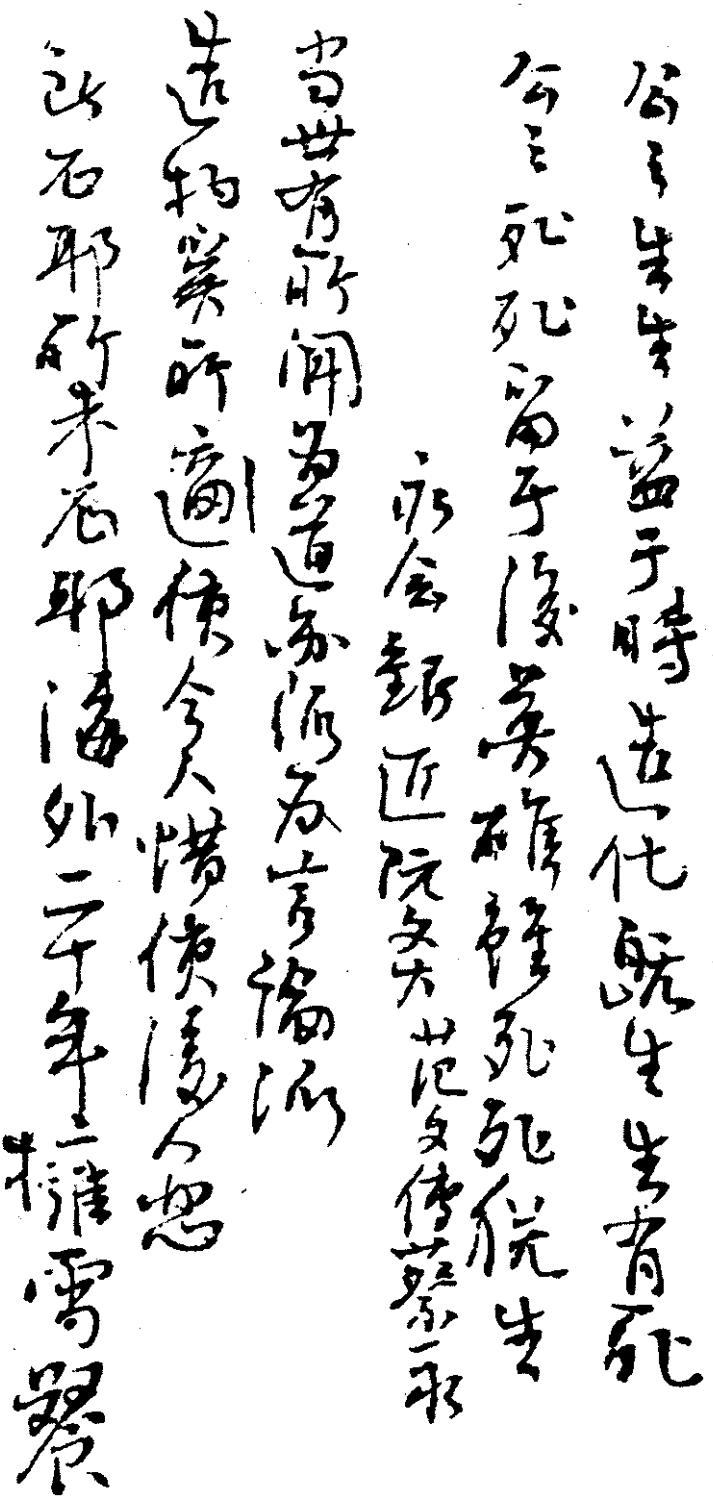


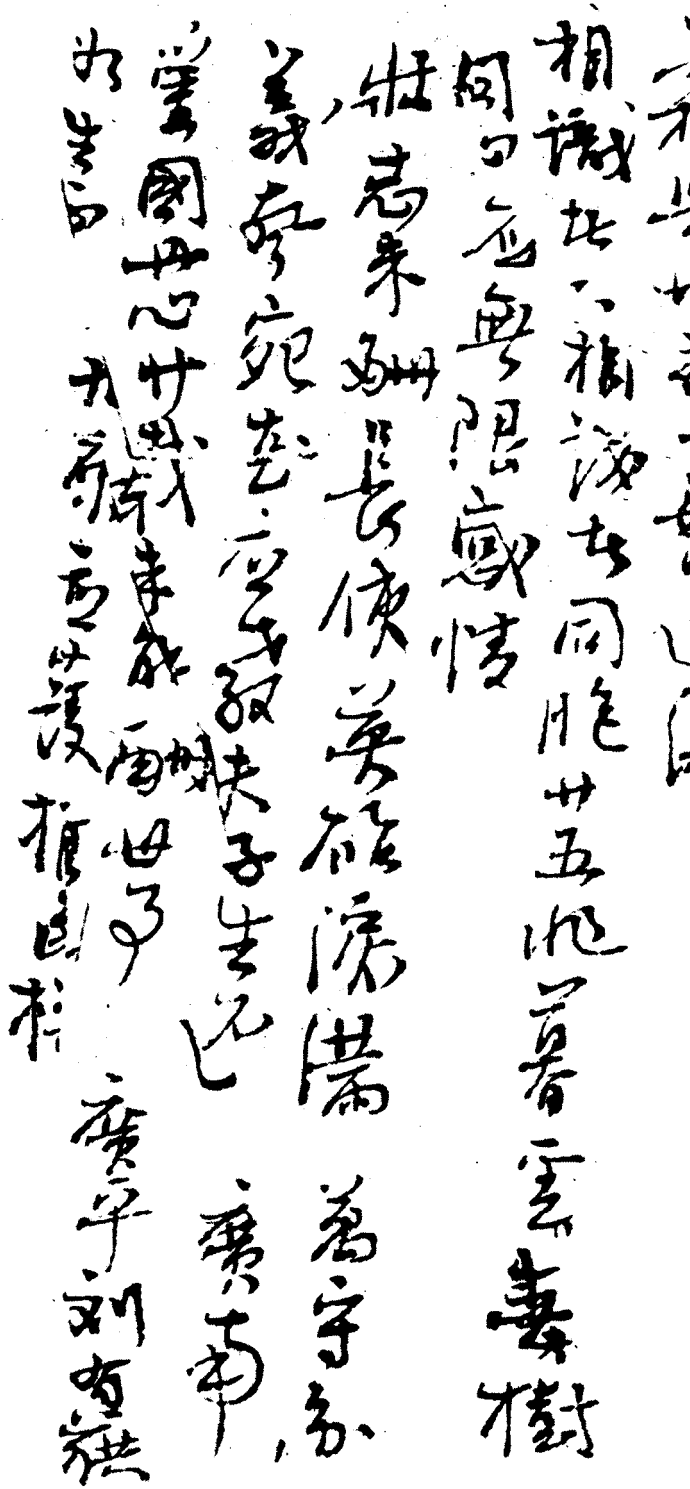


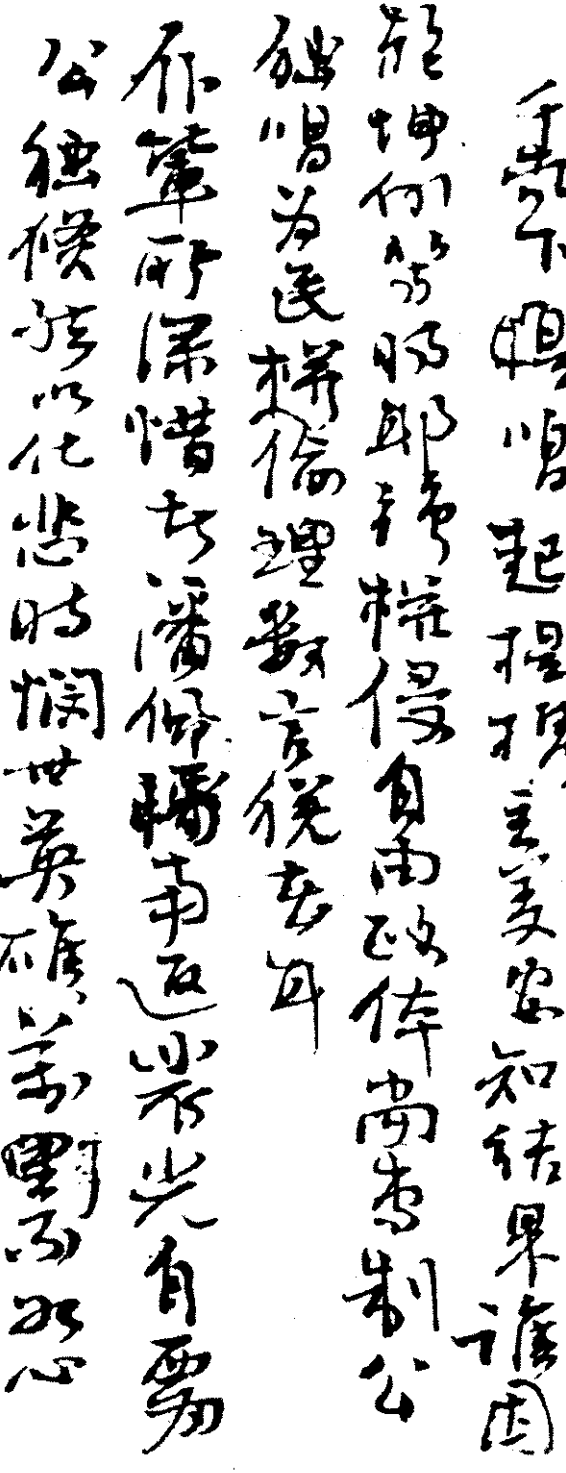


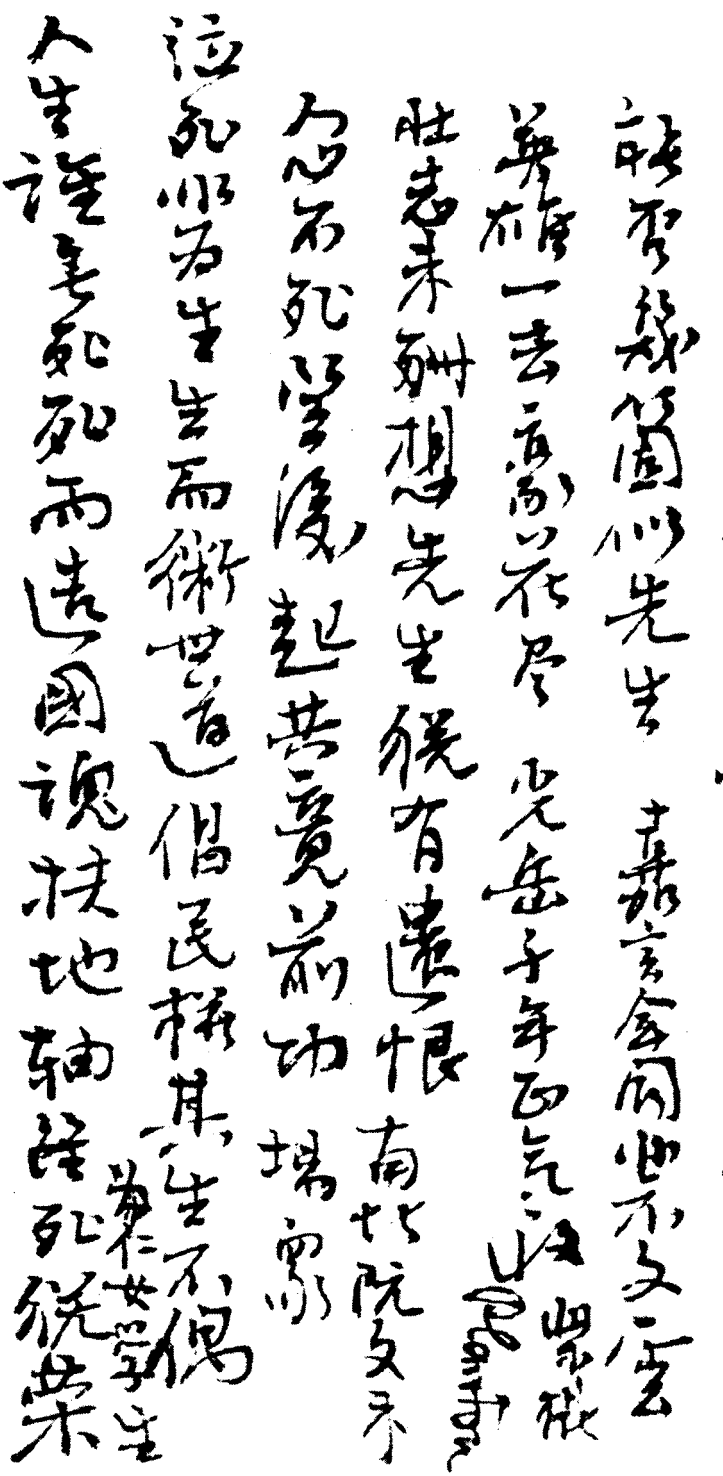


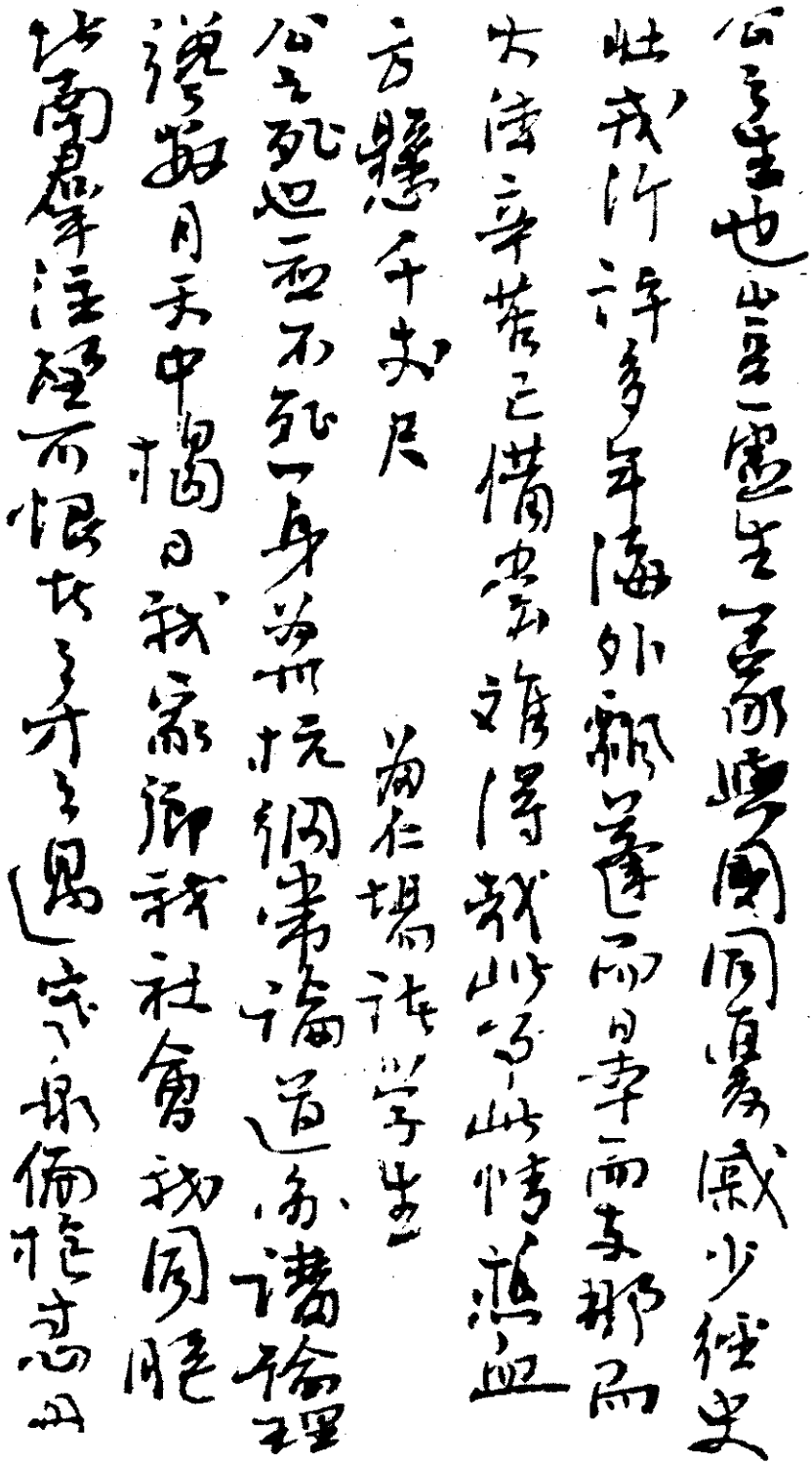


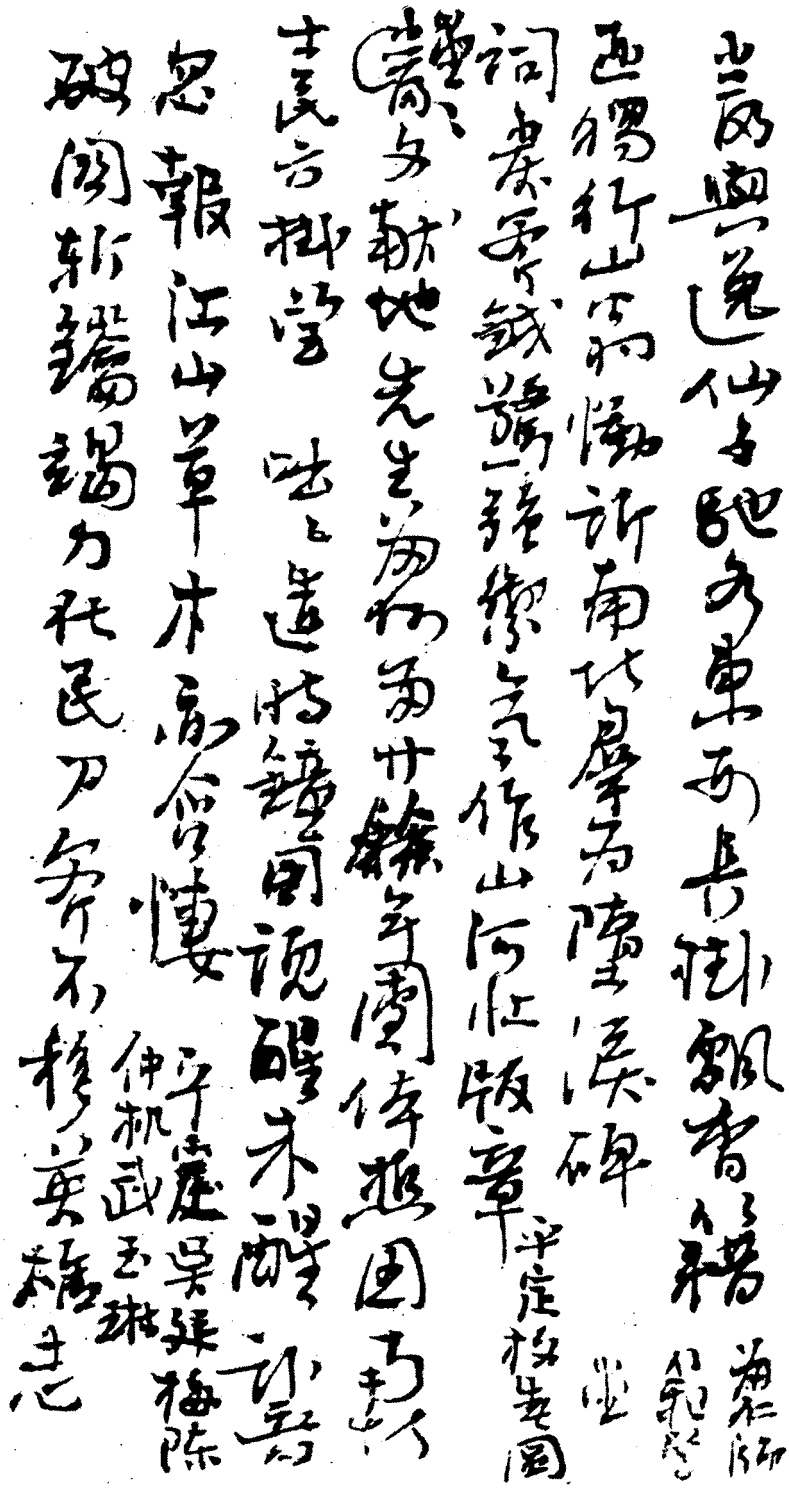


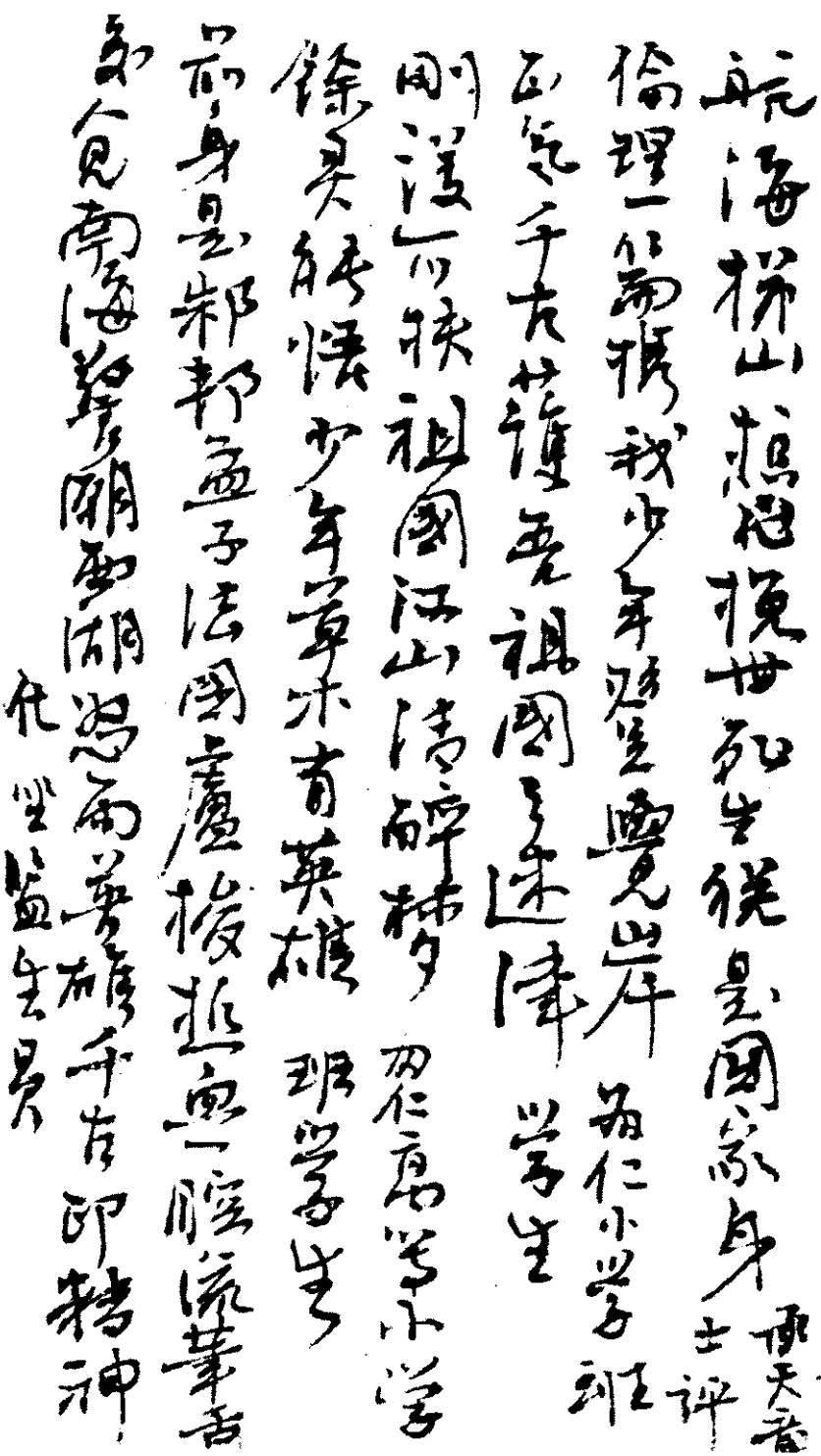


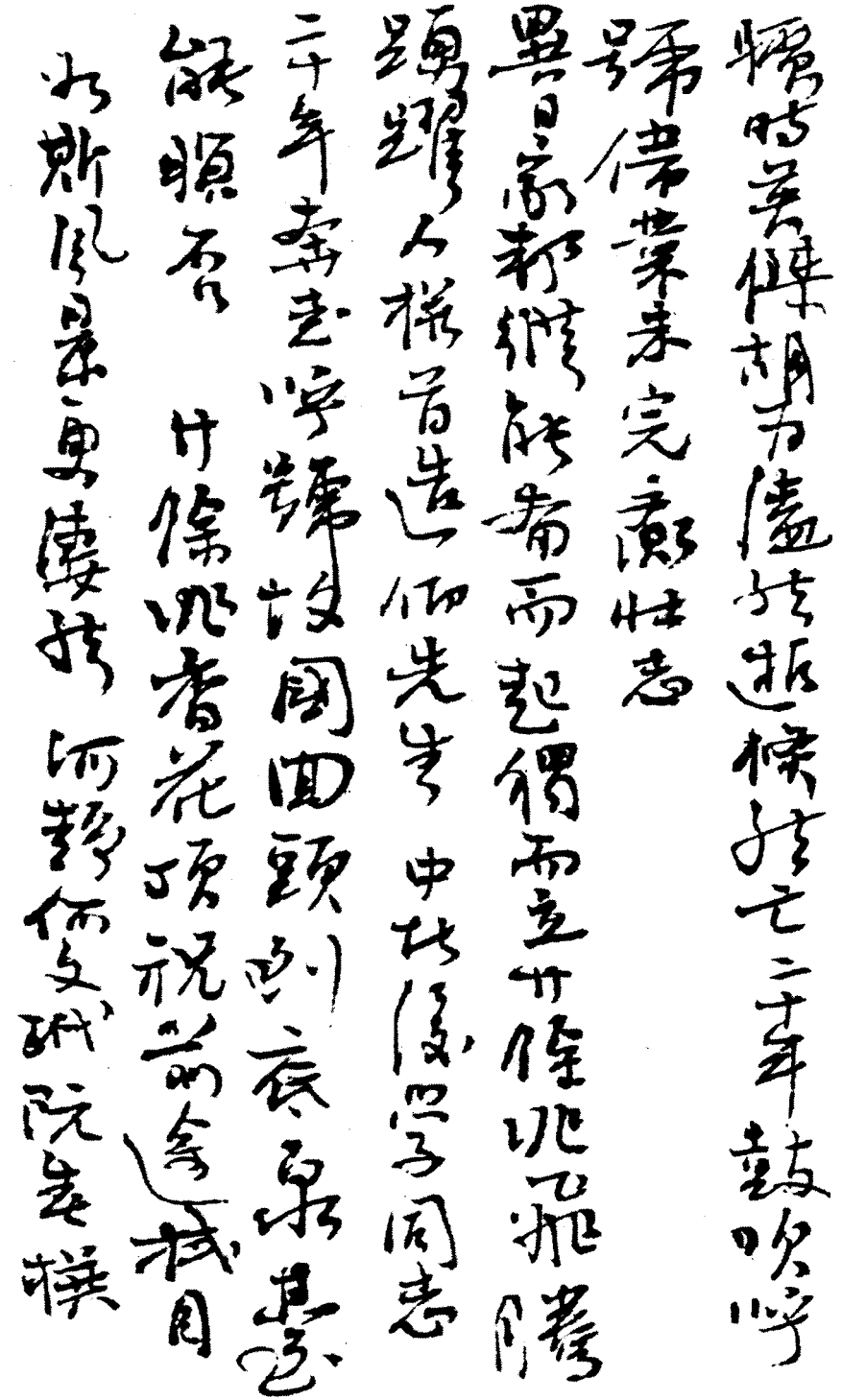


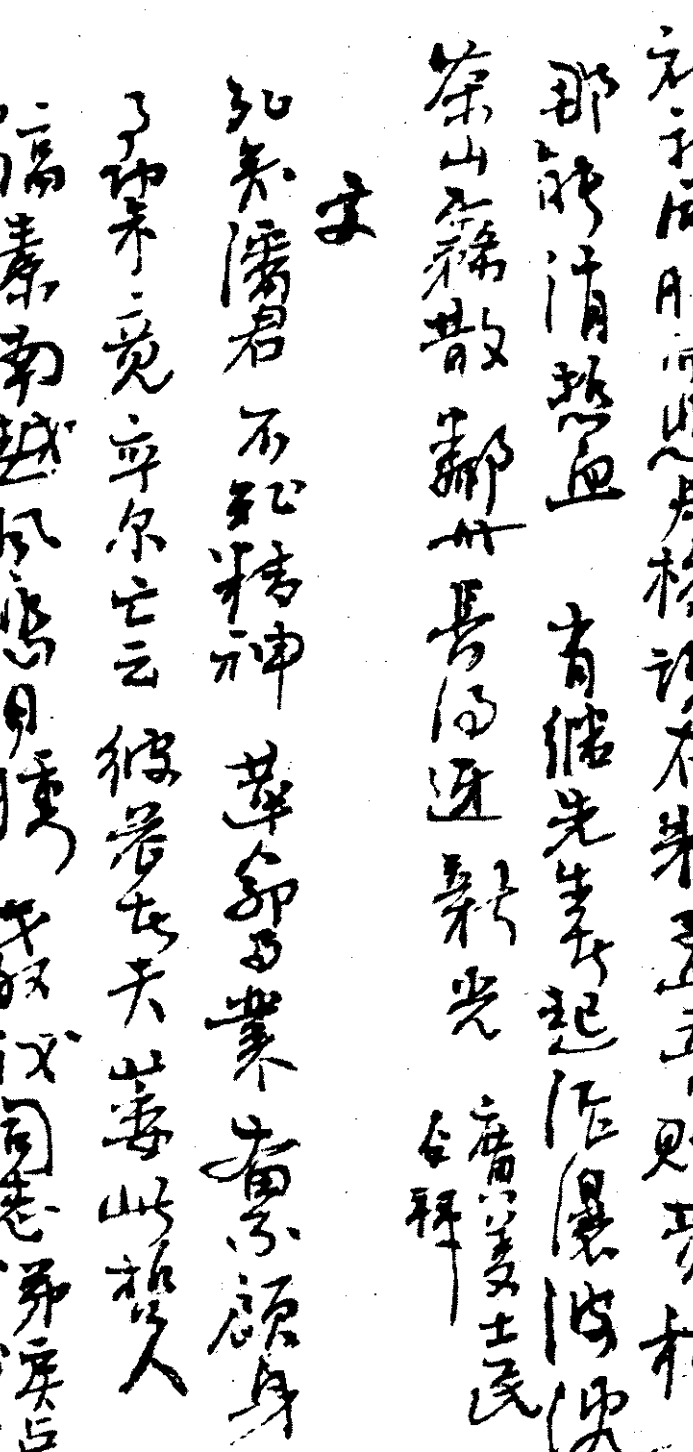


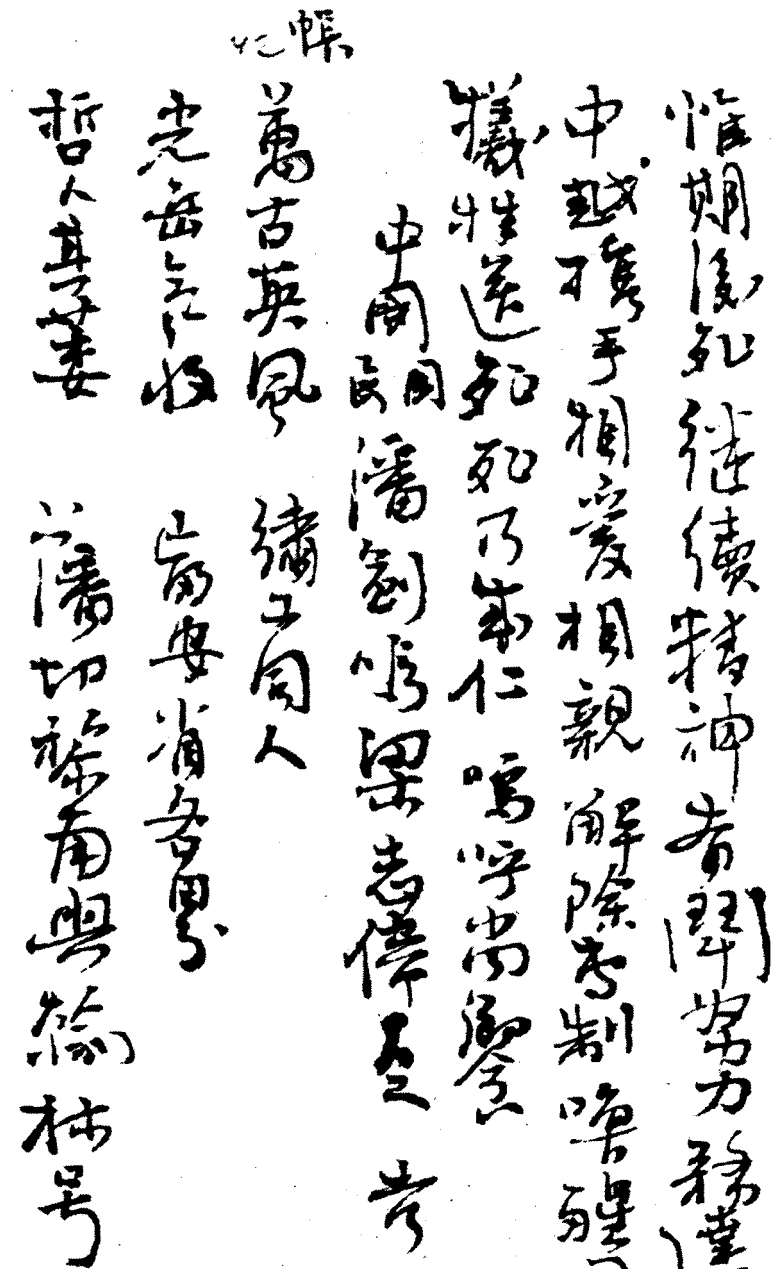


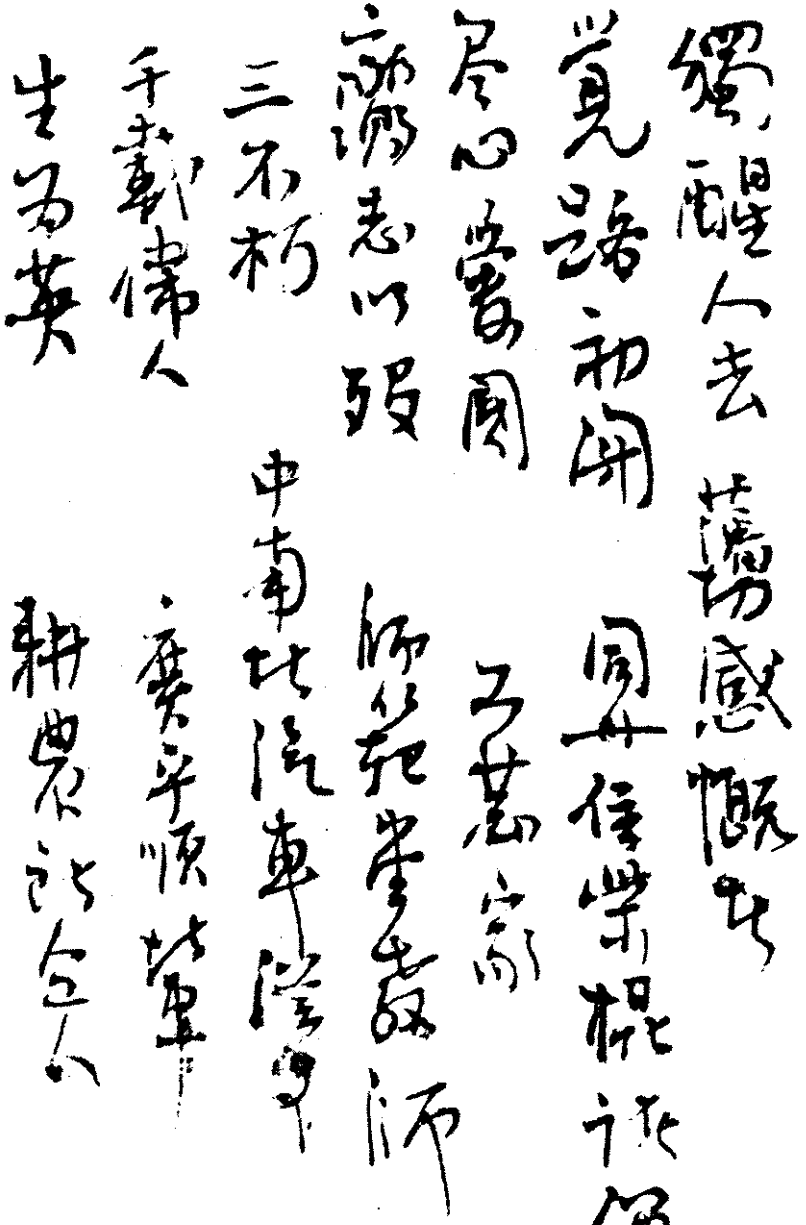


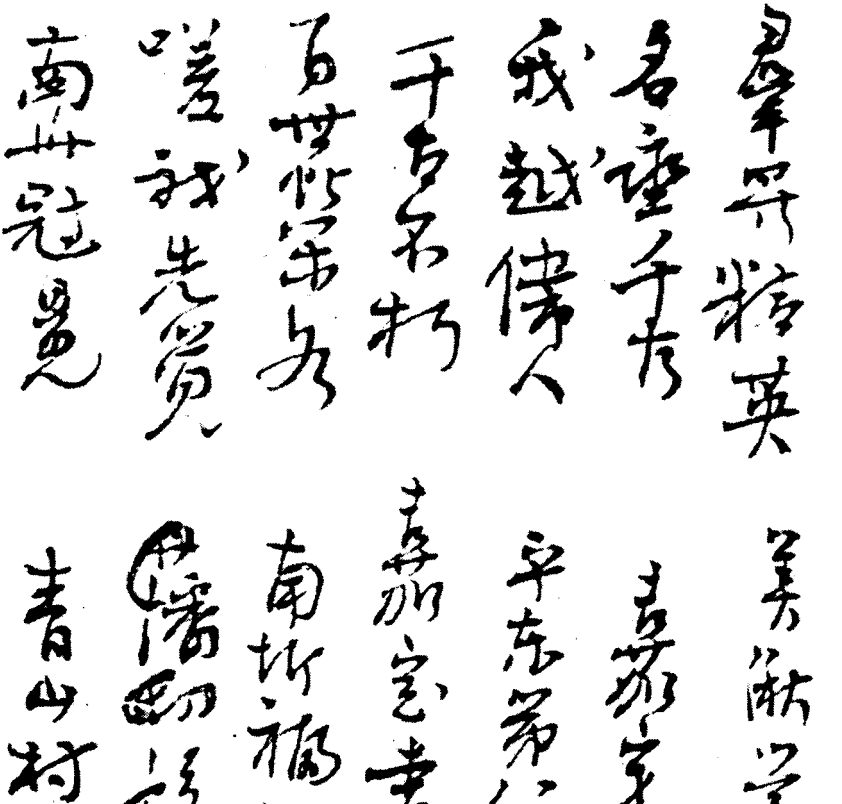


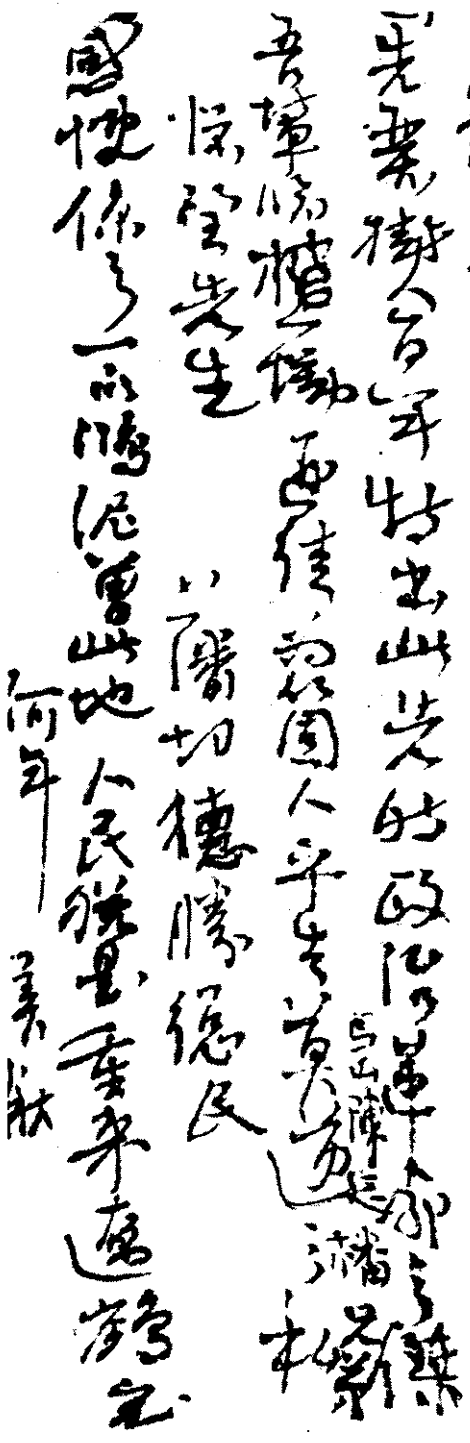


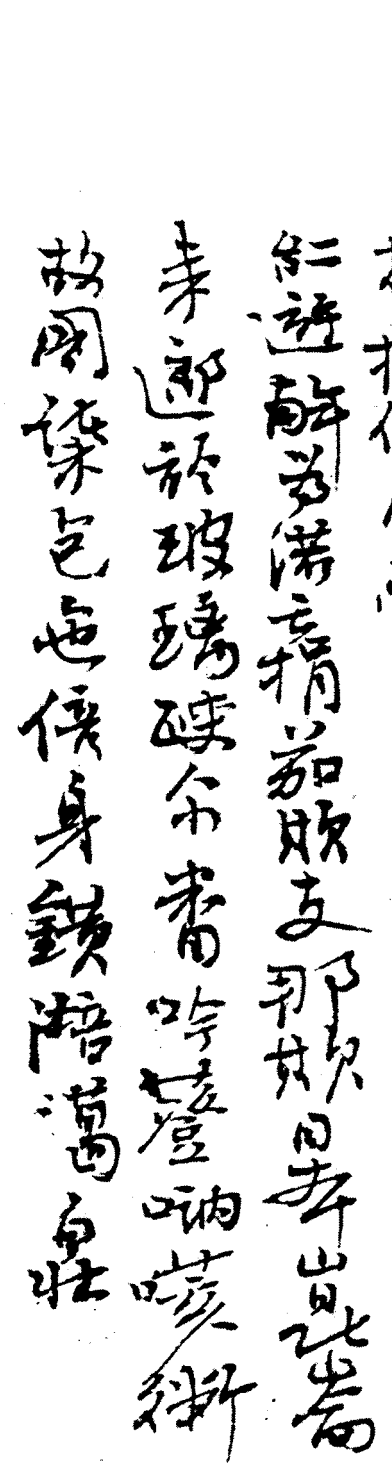


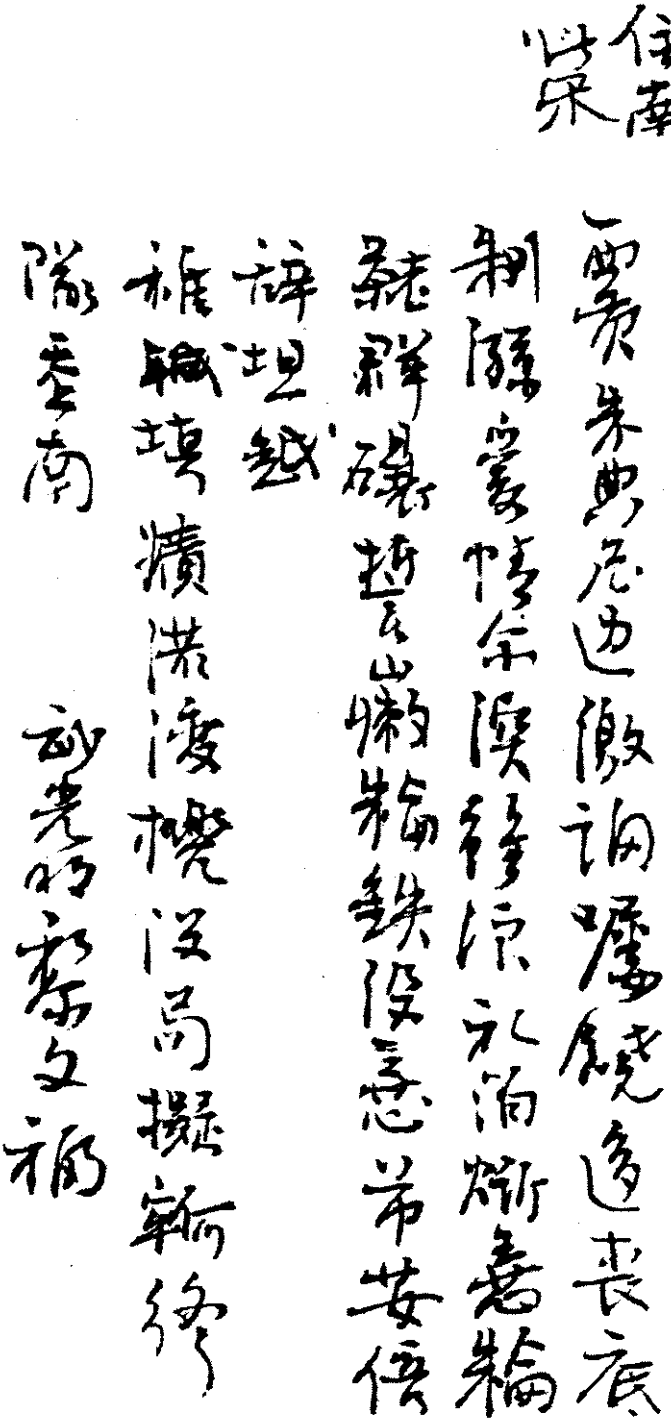


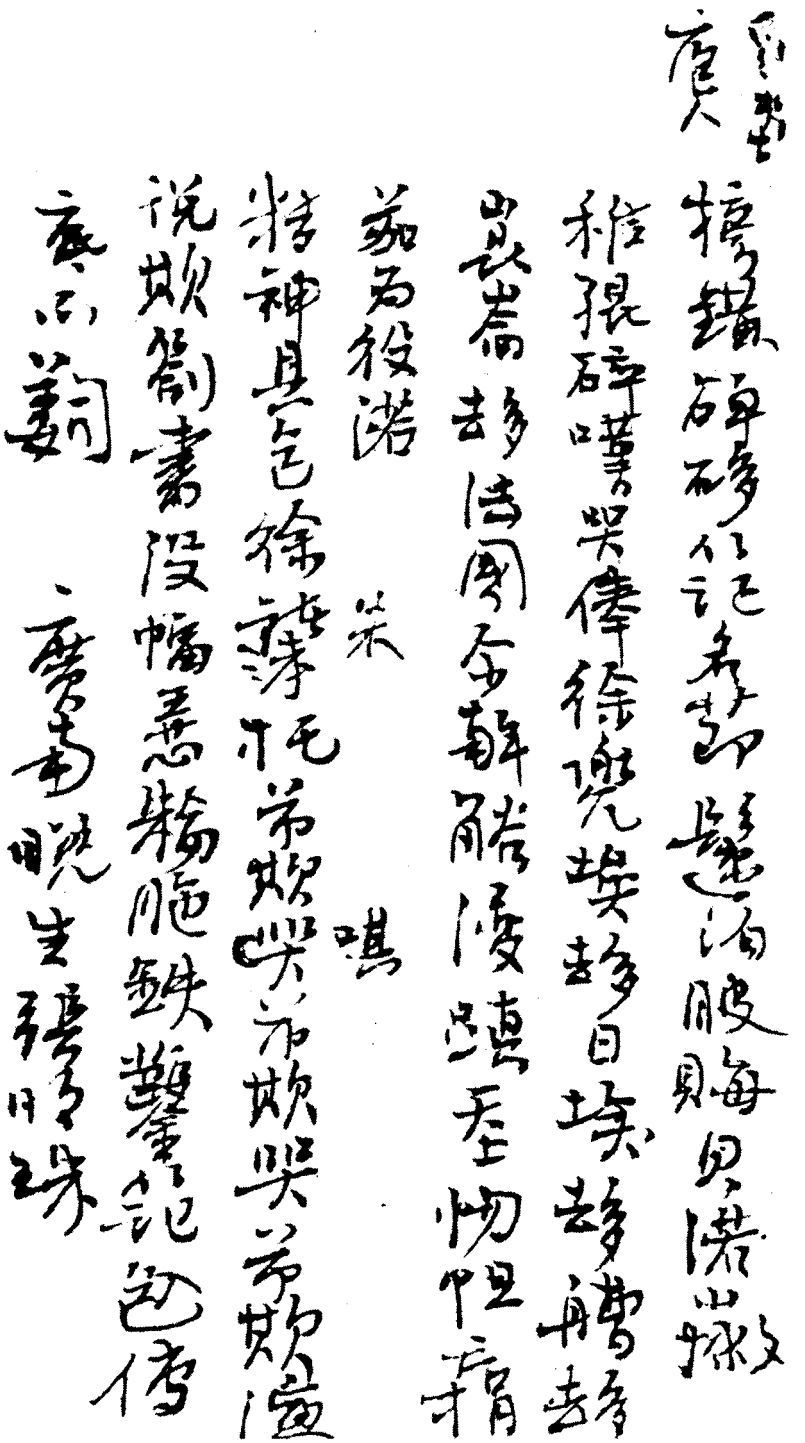












沒緬懷祠稷稷余得當國別包翁

得南洋港……

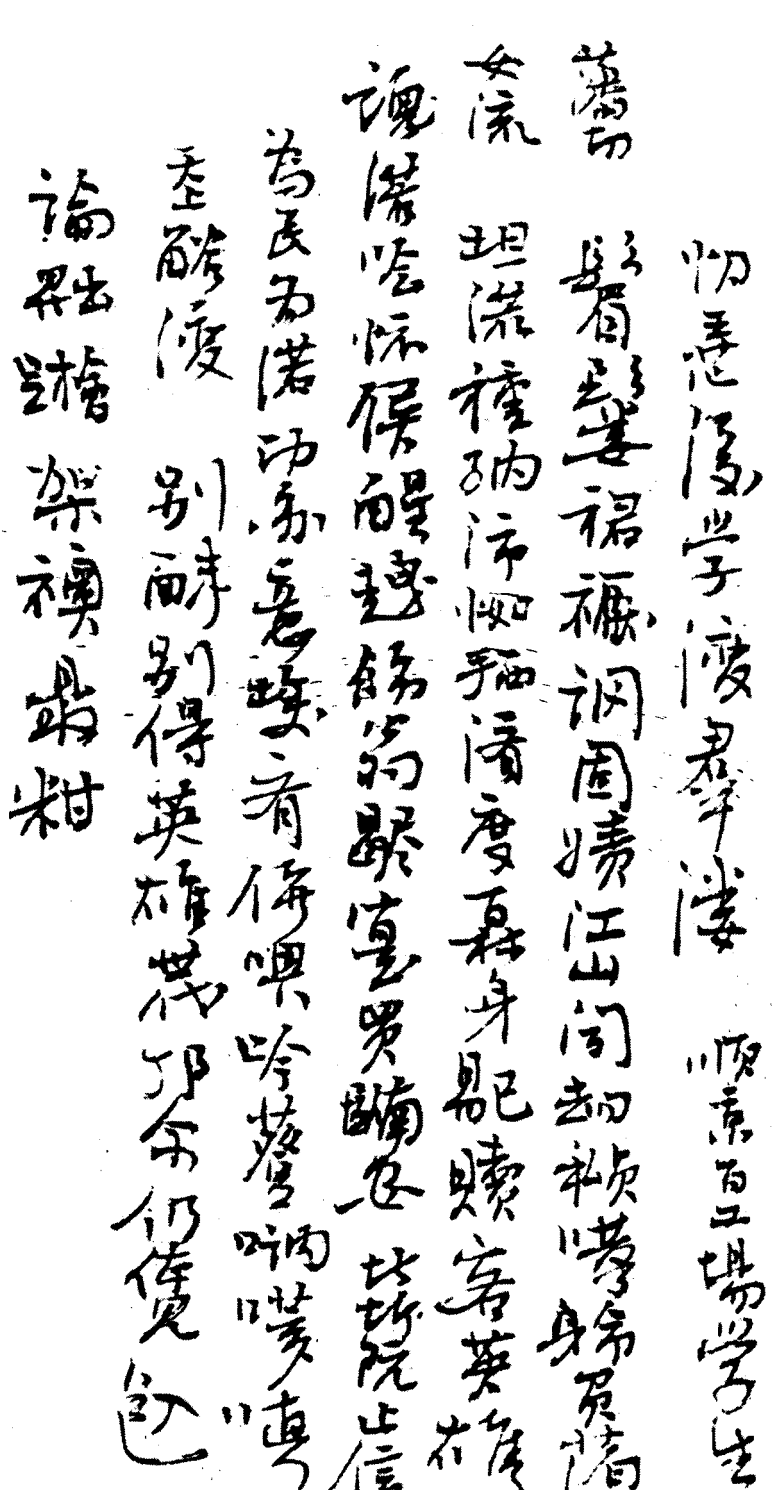
國落洲國物包廣洛船快得落旭汀區

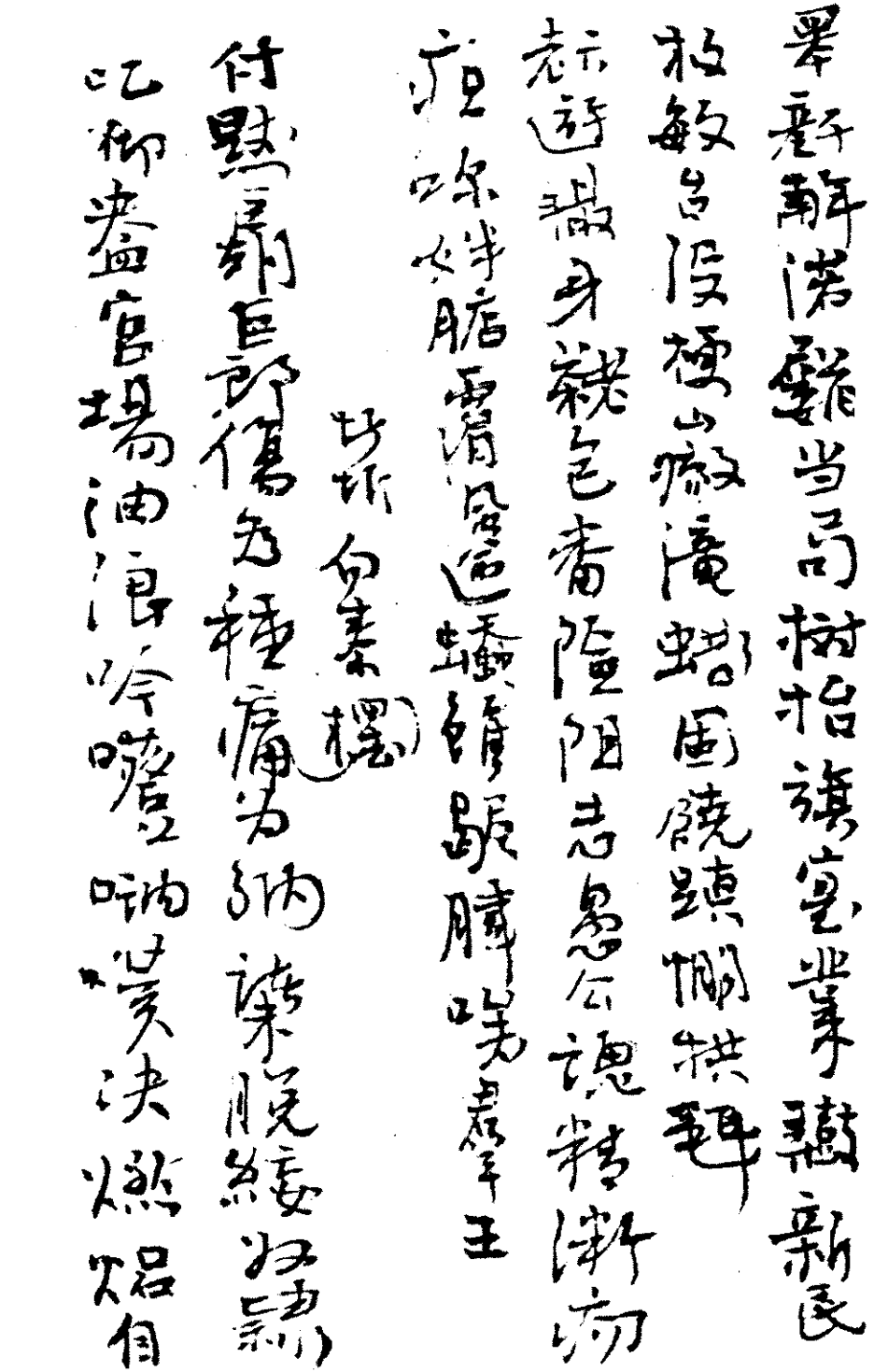
係物為傷落況去巴腸特財物

拿神潛事余幹解要國惡徐碌題寫西

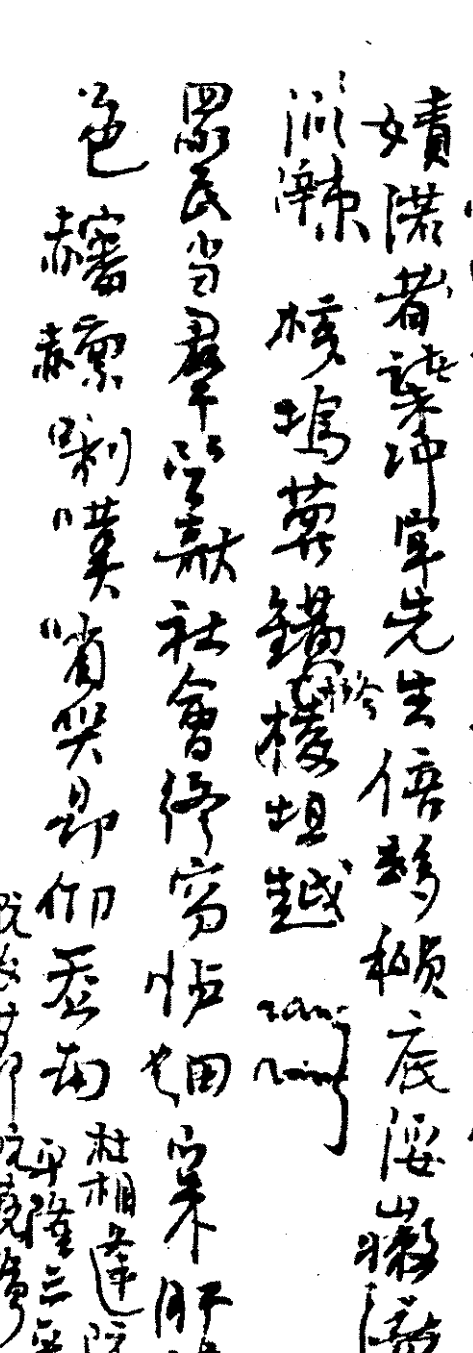
潘汀到碼先知去吹勞

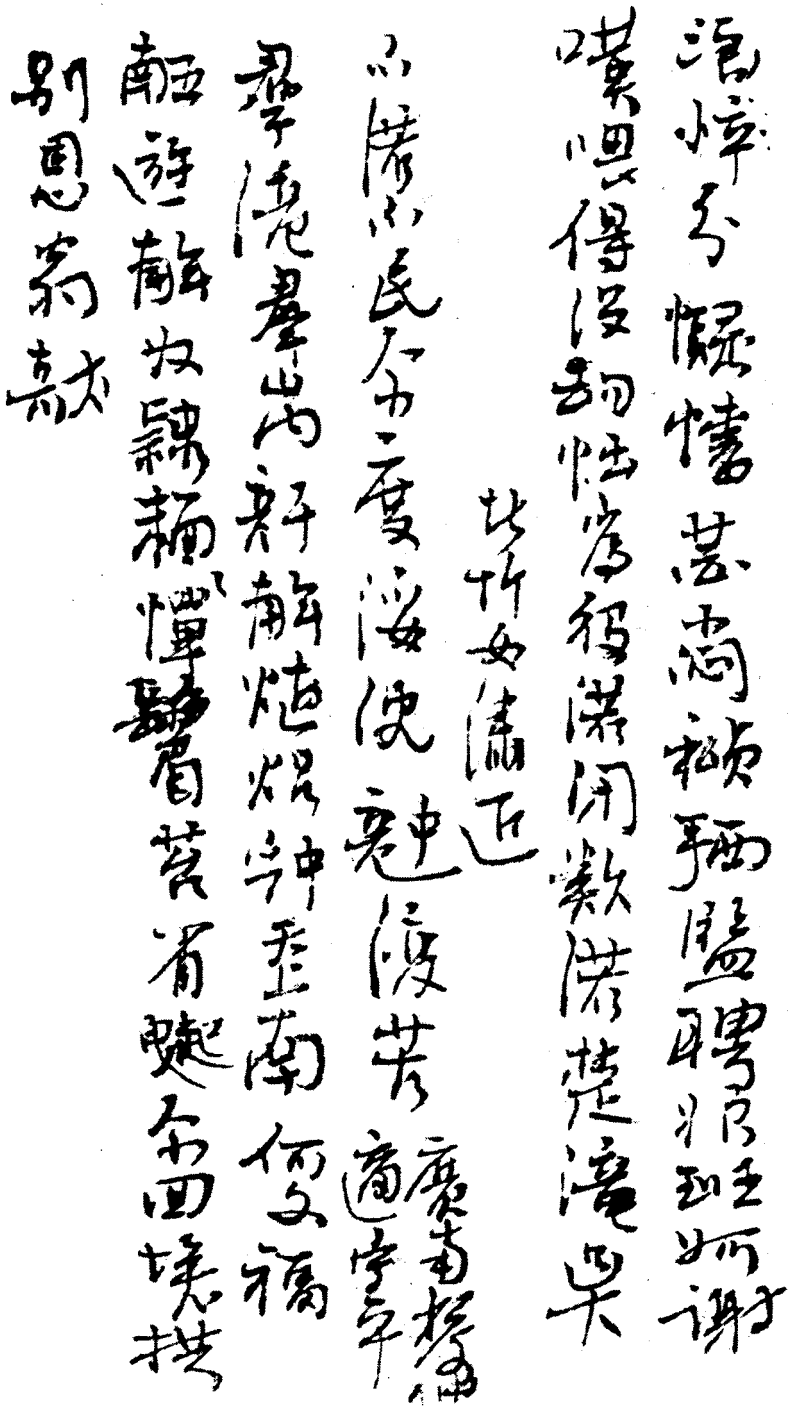
國家想它油得得拱堂易塊嗷哮落安汀片

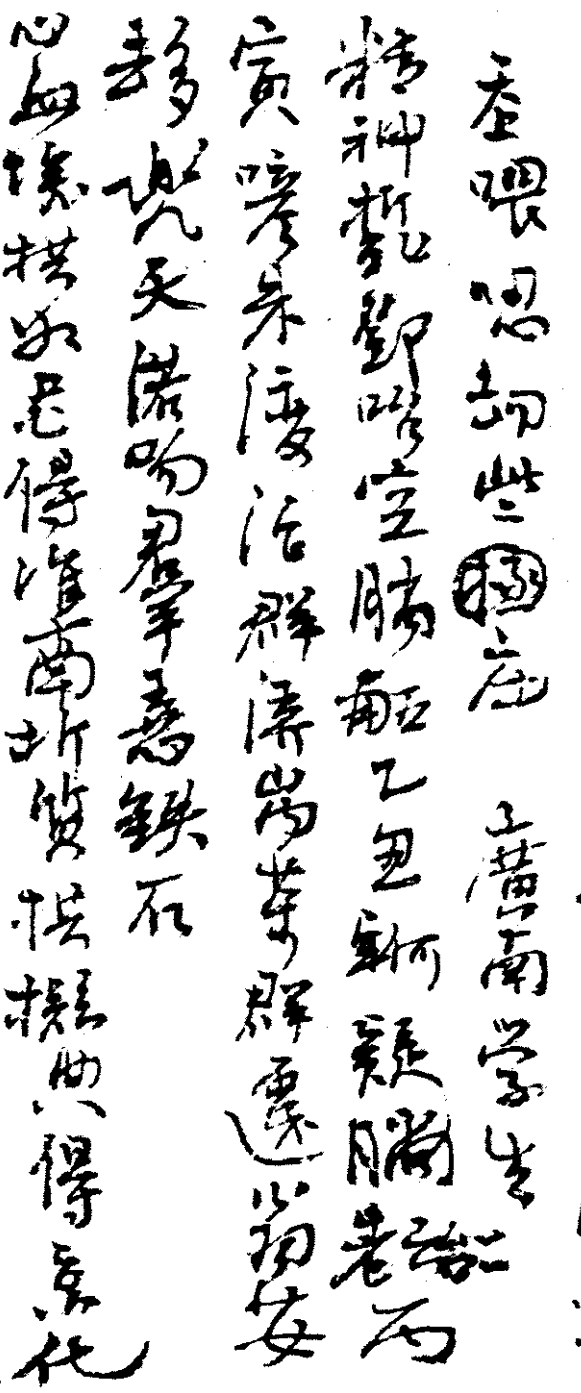


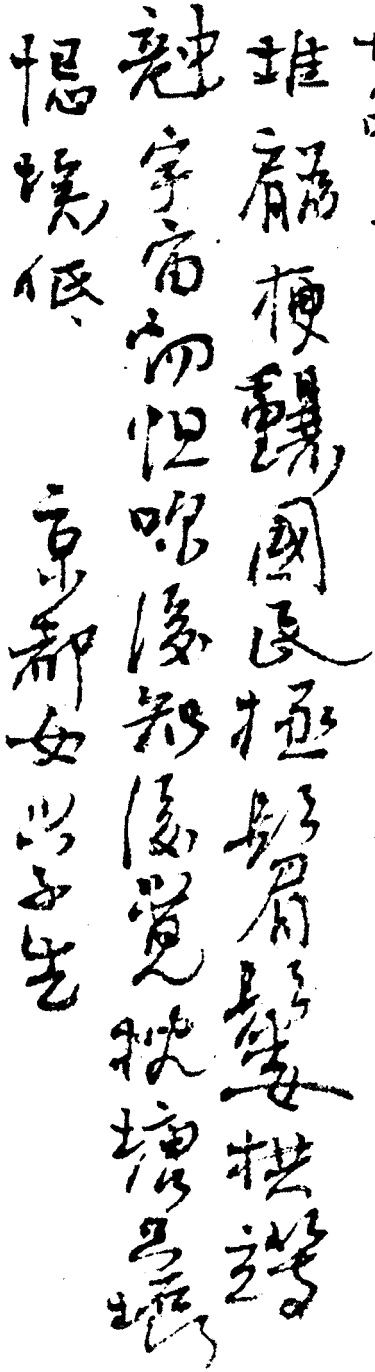


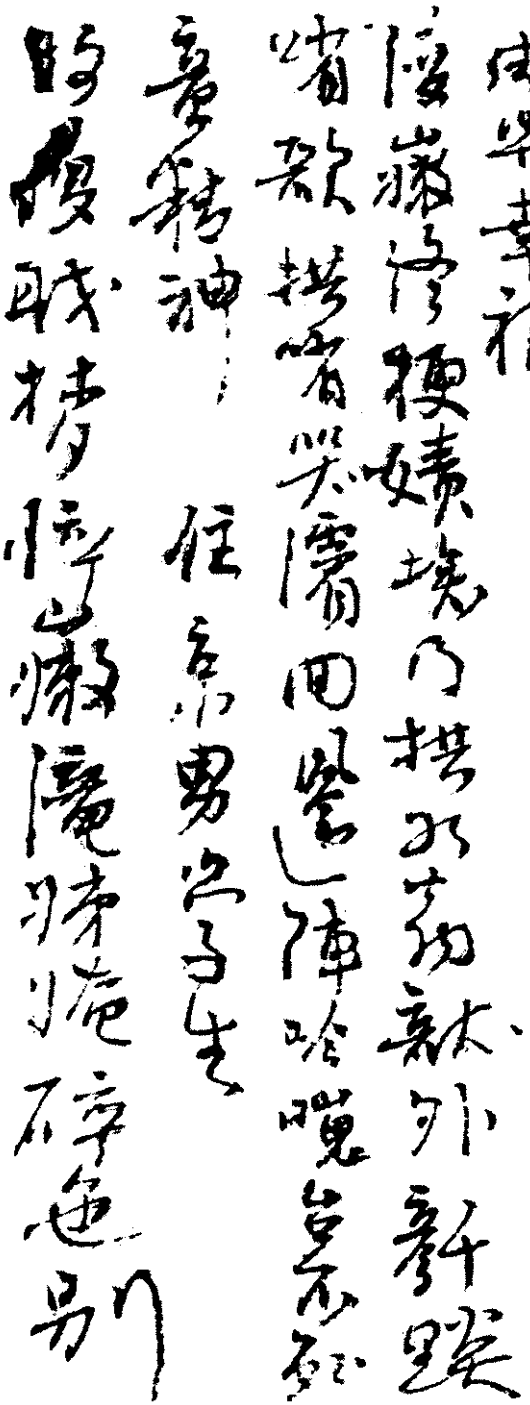
由煬我炉民主游余辭名志士燼委西燃燃
猱鴞召豬
滂胞義氣悼胎肝今胎睫底仆儀牲
敵太鼐上達聖祖國已罹離塌腸土立
鬱北幔亭制滂壇巧虐桁離迫攝魄
英雄櫬垣越渚慎滇池珥山嶽濃 佳南菜
余辭鉄砂沒憙為諾搖棚午洋區 阮文當

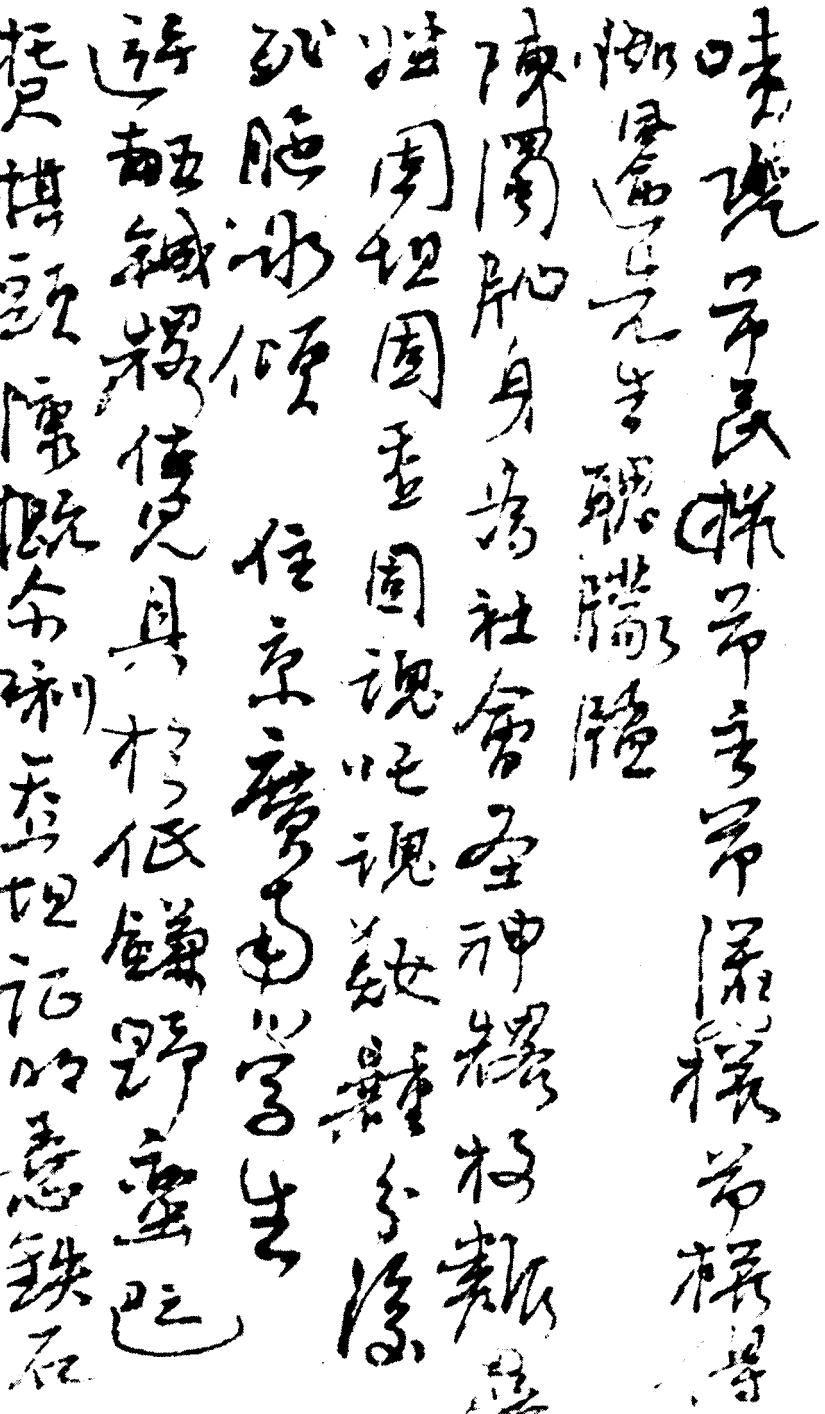


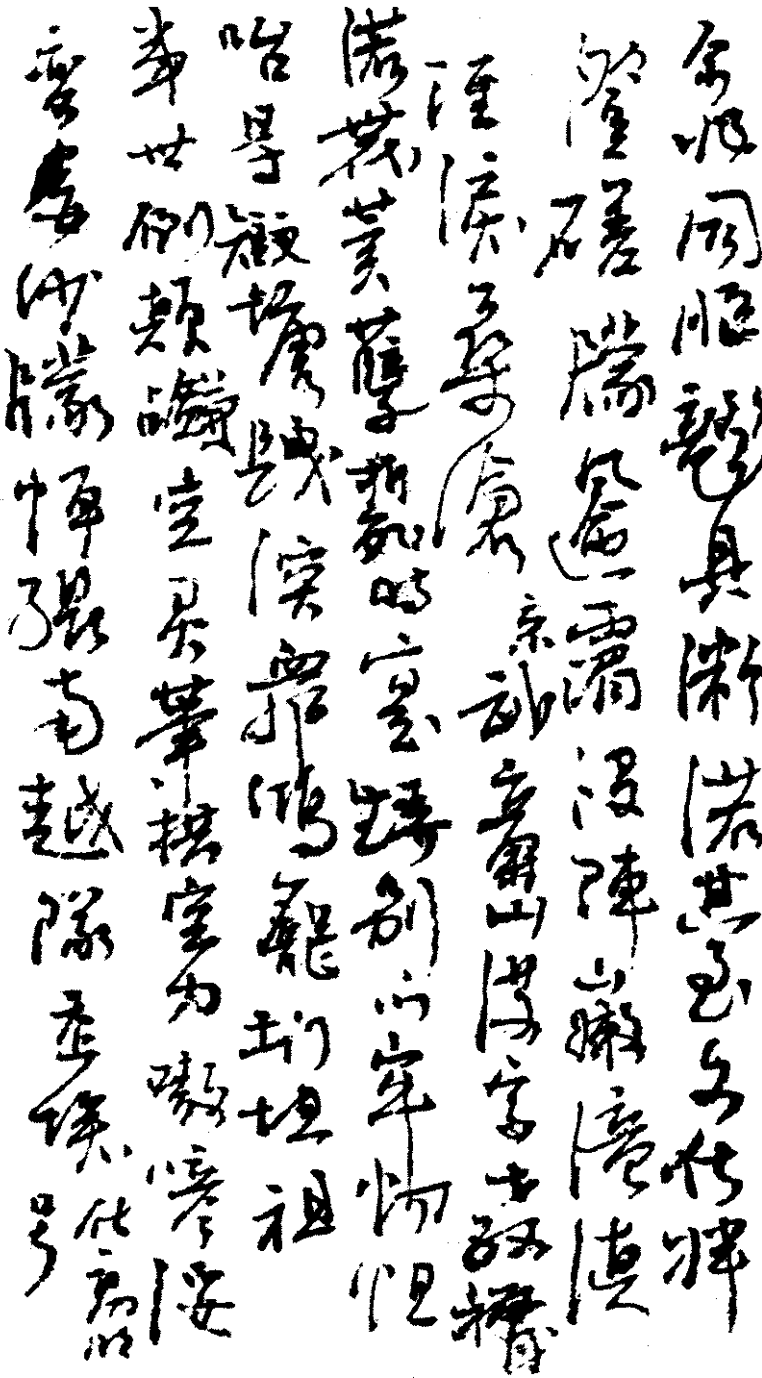


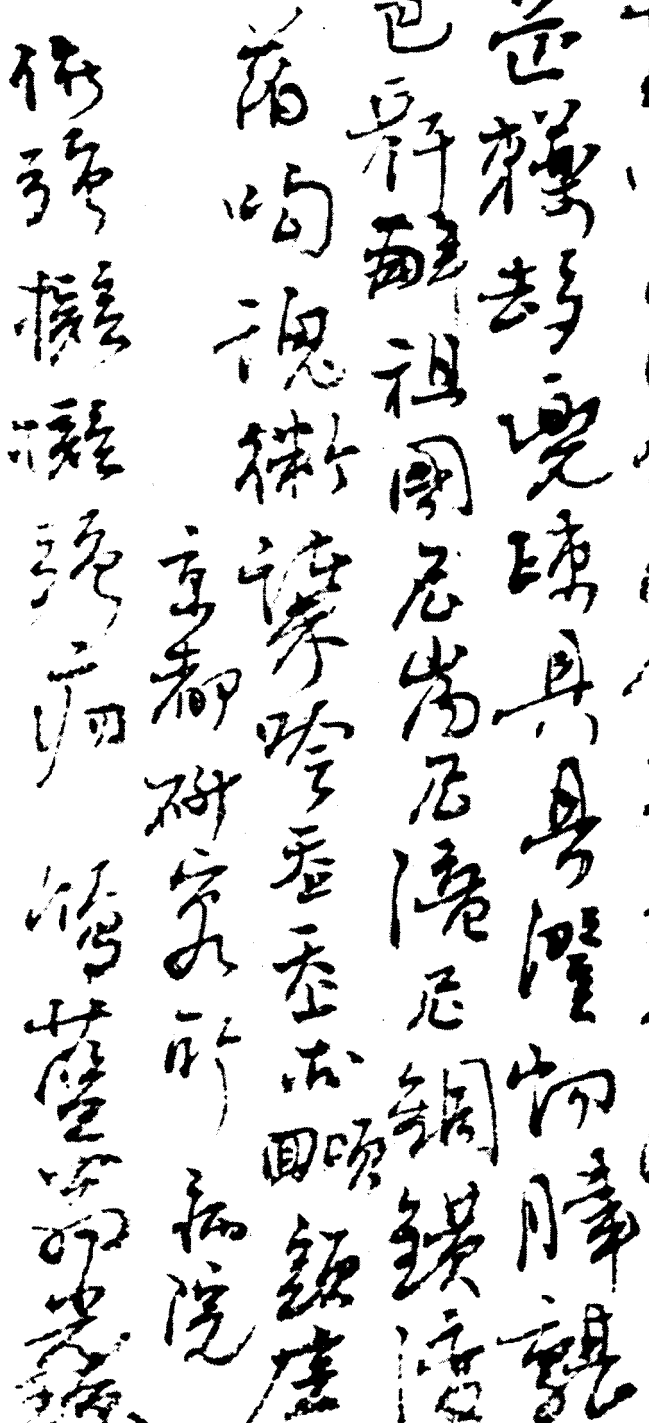


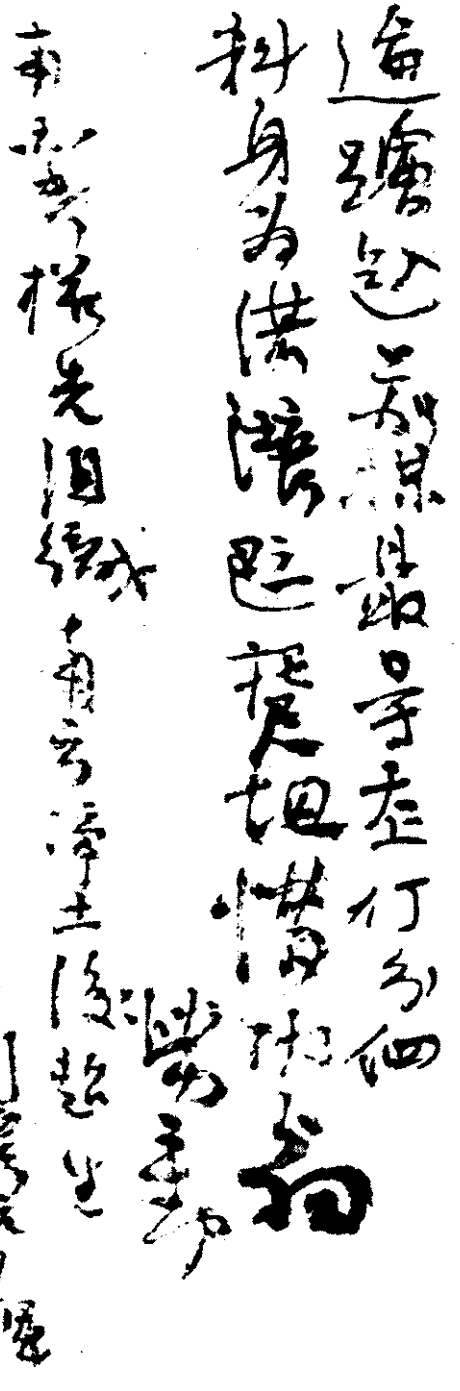


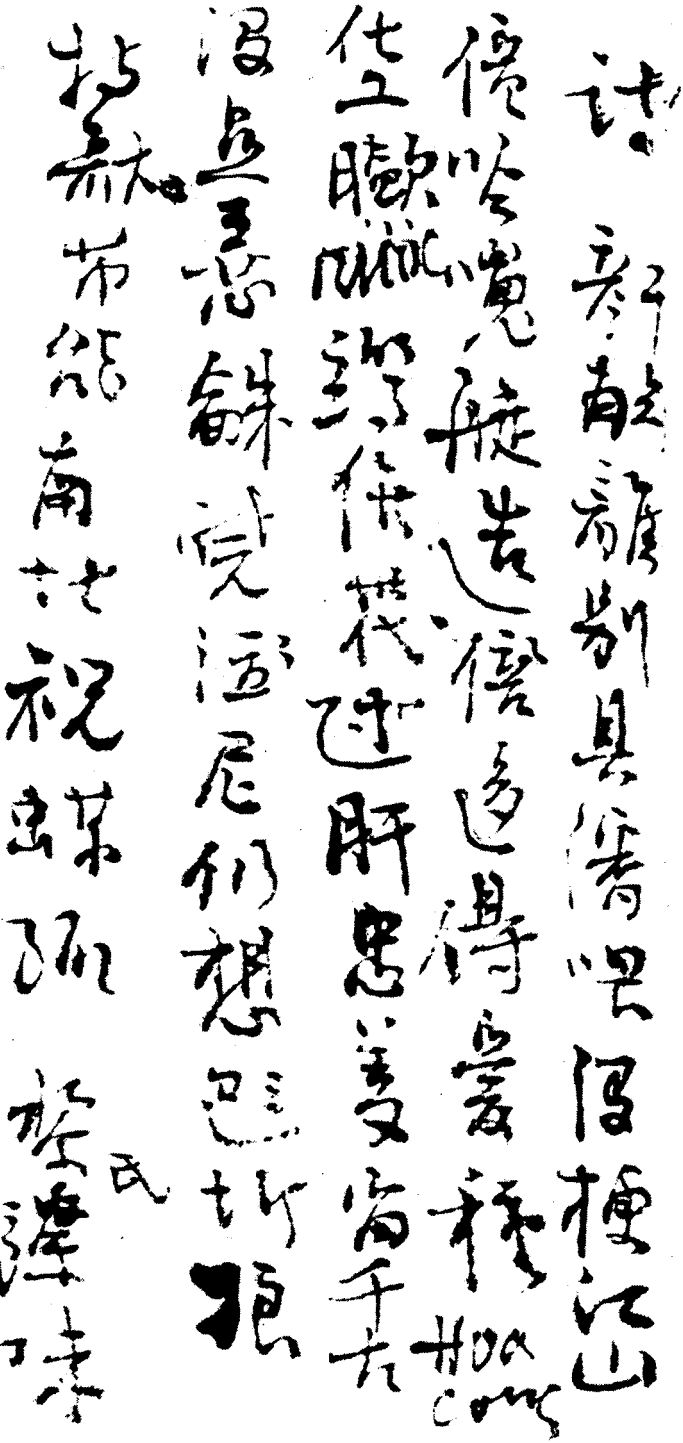


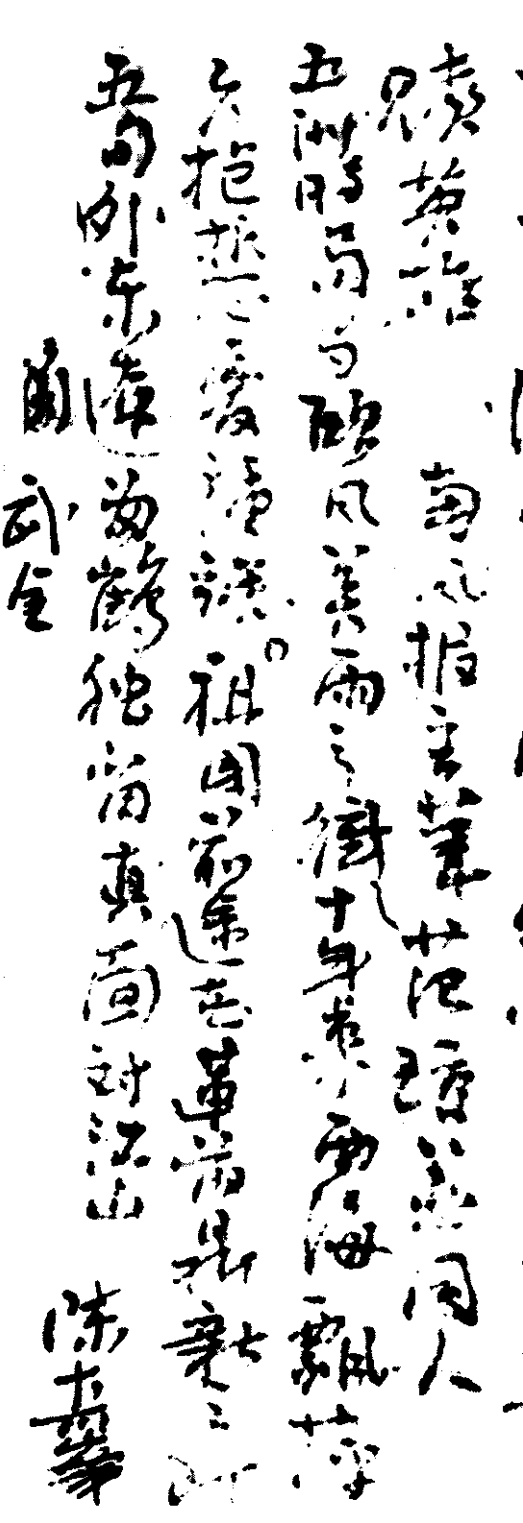


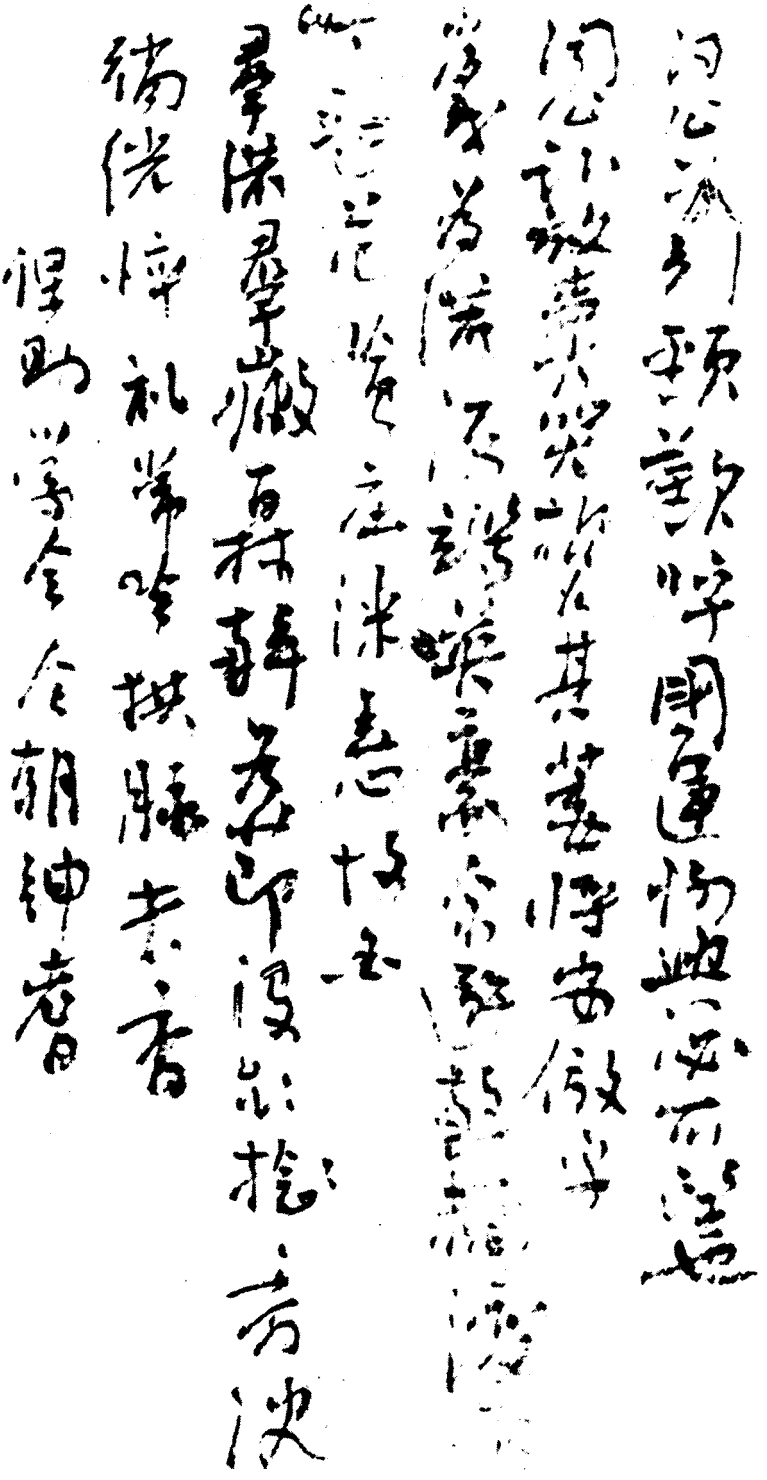


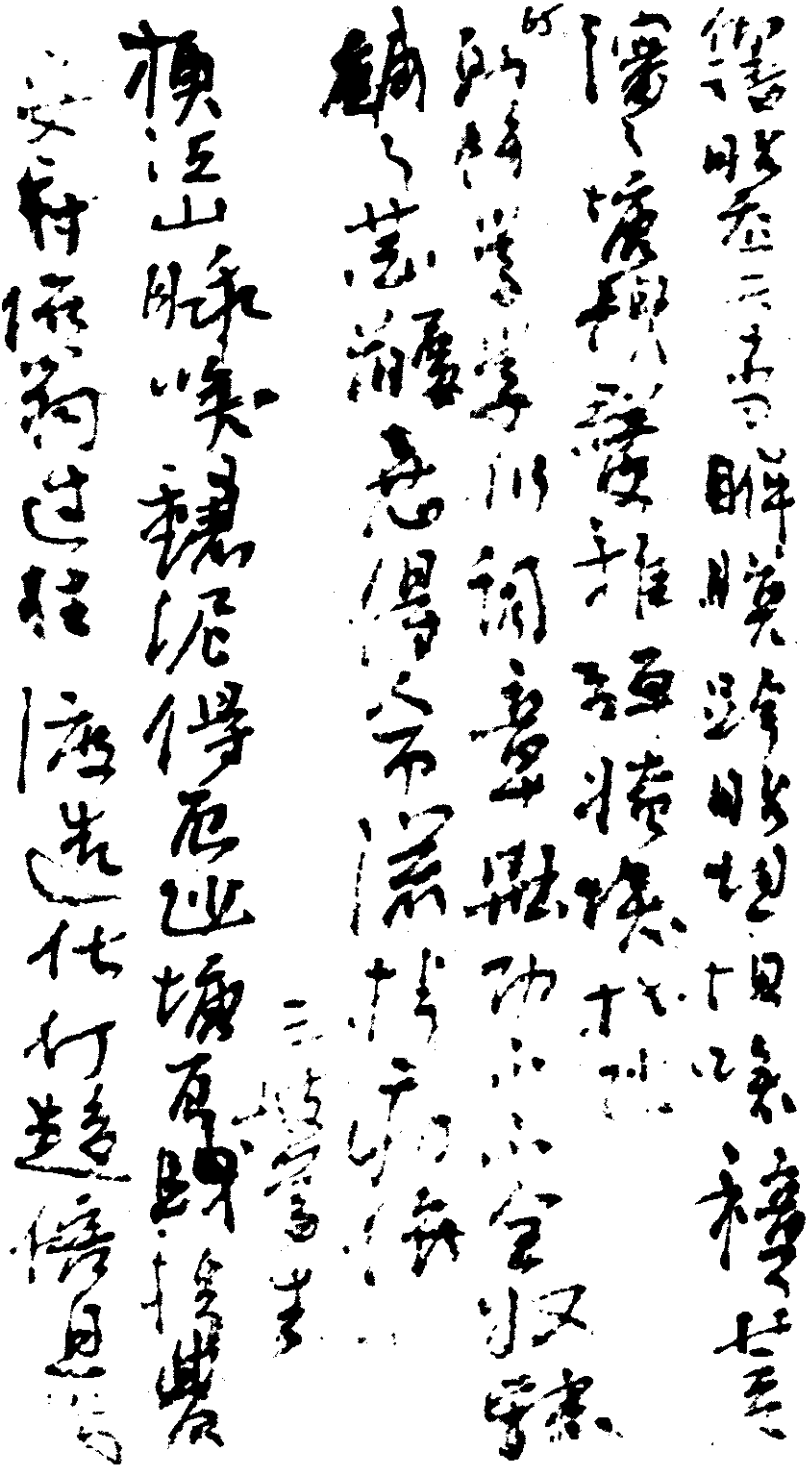


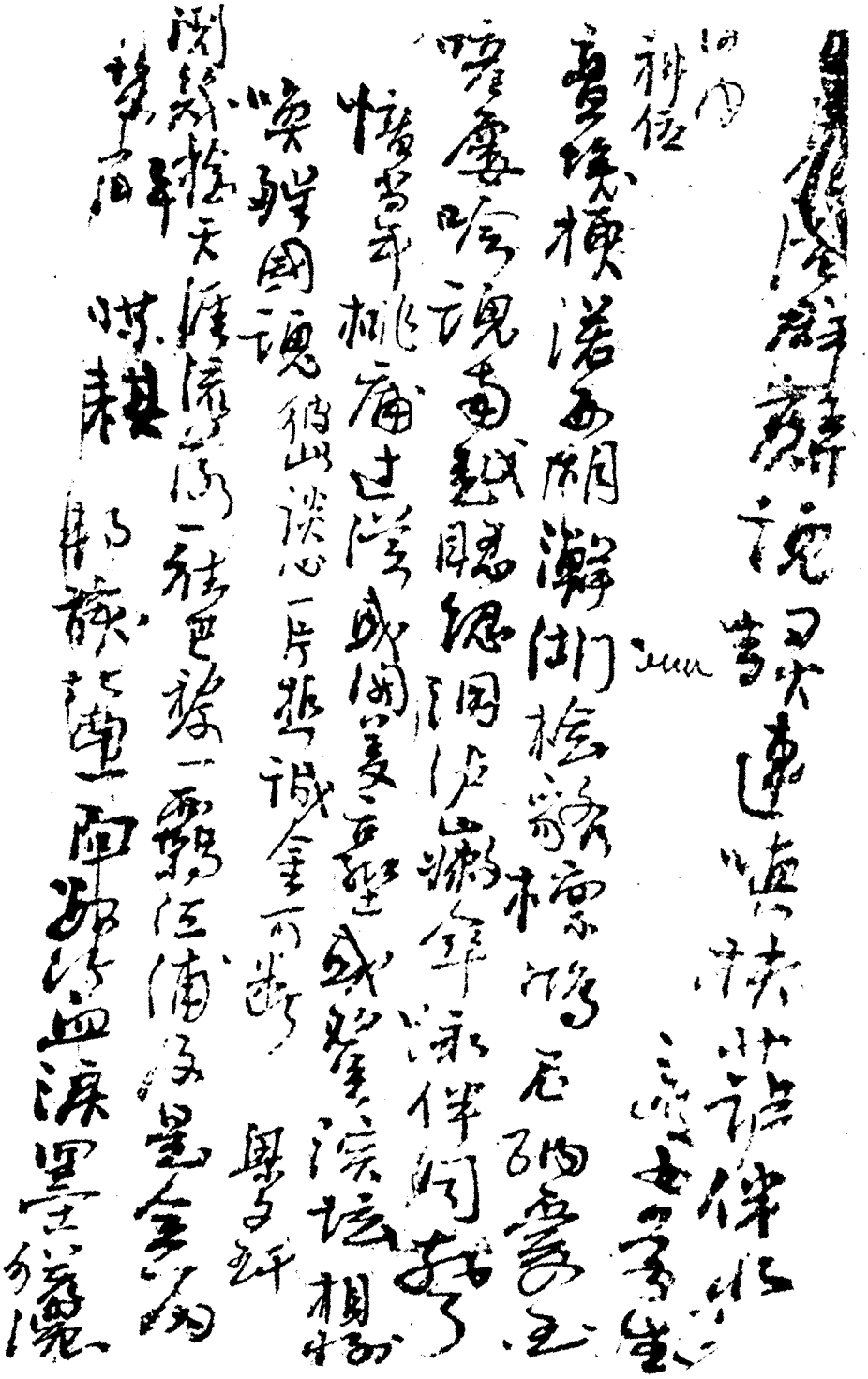












TÍNH CẬP NHẬT KỲ LẠ CỦA MỘT TƯ TƯỞNG LỚN

Có lẽ một trong những tiêu chí quan trọng để có thể nhận ra tầm cao lớn của một tư tưởng là xem xét độ bền lâu của nó trong thời gian.

Có những tư tưởng rất vang dội lúc khởi xướng, được tung hô ồn ào, nhưng rồi sau đó lại tàn lụi đi rất nhanh, chết yểu trong quên lãng, bặt vô âm tín, chẳng còn để lại dấu vết gì trong đời sống.

Có những tư tưởng khác có đời sống dài hơi hơn, là động lực của một giai đoạn lịch sử nhất định, gây ảnh hưởng trên một diện rộng đáng kể. Chúng là những khâu mắc trong dòng tiến hóa của tư tưởng xã hội. Khi đã làm xong vai trò của mình, chúng trao lại sứ mệnh đã hoàn thành cho những cái mới khác ra đời, thay nhau liên tục tạo nên động lực không ngừng của dòng chảy đời sống.

Song thỉnh thoảng cũng lại có điều kỳ lạ hơn: có những tư tưởng có sức bền lạ lùng trước thử thách của thời gian, nhà kiểm duyệt vô tư và khắc nghiệt. Nó vượt qua không phải năm mười năm, cũng không phải năm bảy chục năm, mà đi xuyên qua cả mấy thời đại, giữ nguyên giá trị; thậm chí như ngọc nguyên chất, càng chịu sự mài dũa của thời gian lại càng sáng; hoặc cũng có trường hợp đáng lạ hơn nữa: nó có thể chìm đi trong một thời gian, lắm khi khá dài, rồi đến một lúc nào đó lại bật sáng lên rực rỡ trong tình hình mới, trở nên hết sức "cập nhật", gần như là được khám phá lại và ngày càng bộc lộ tất cả tầm lớn và chiều sâu tưởng chừng vô tận của nó.

Rất có thể Phan Châu Trinh là một tác giả của những tư tưởng như vậy. Càng lùi xa, rõ ràng chúng ta càng thấy ông cao lớn hơn; và trong những ngày này, khi đang xử lý lắm khi khá lúng túng những câu hỏi nổi cộm trong *đời sống xã hội của mình, chúng ta bỗng thấy những tư tưởng của ông cứ* gần như là những câu trả lời hiện đại một cách lạ lùng cho chính những câu hỏi đó. Càng ngày chúng ta càng thấy ông quả thật là một hiện tượng lớn của

lịch sử Việt Nam cận và hiện đại, và chắc hẳn việc nghiên cứu về cuộc đời, sự nghiệp, tư tưởng của ông là một công việc còn phải được tiếp tục một cách nghiêm túc, lâu dài, đồng thời lại cũng là một công việc cấp thiết, bởi tính cập nhật lạ lùng của nó.

Như chúng ta đều biết, do những điều kiện lịch sử đặc thù, vào khoảng đầu thế kỷ XX, Quảng Nam đã là một trung tâm nóng bỏng của cộng cuộc tìm đường cứu nước vô cùng quẫn bách và thống thiết, sau những thất bại đau đớn của phong trào Cần vương (mà chính Quảng Nam cũng là một trong những trung tâm quan trọng nhất).

Phan Châu Trinh lớn lên và bước vào cuộc đời hoạt động trong chính tình hình đó. Ông ra Huế năm 1902, nhận làm một chức quan nhỏ trong bộ Lễ. Chắc chắn ông không hề có ý đeo đuổi con đường hoạn lộ. Ông ra Huế là muốn đến đúng giữa trung tâm văn hóa chính trị quan trọng nhất của đất nước hồi bấy giờ, nơi cũng đang có mặt những bậc đại trí của dân tộc, trong đó có cả nhà yêu nước vĩ đại Phan Bội Châu. Chính ở Huế, cùng các bạn đồng chí, ông đã được tiếp xúc với các "tân thư". Và trong các bậc đại trí được tiếp xúc với các tân thư thời bấy giờ, ông là người bị lay chuyển dữ dội nhất, sâu sắc nhất, đi đến quyết tâm thay đổi cơ bản và sắt đá nhất, đi đến một đường lối cứu nước mới mẻ triệt để và nhất quán nhất.

Học giả Hoàng Xuân Hãn đã nói về chuyển biến tư tưởng có ý nghĩa quyết định đó của Phan Châu Trinh như sau:

"Sau khi phong trào Cần vương bị đàn áp tan rã hoàn toàn, Phan Châu Trinh đã ***đi sâu nghiên cứu những nhược điểm cơ bản về văn hóa xã hội Việt Nam , cụ thấy rõ nguyên nhân sâu xa của sự thua kém về văn hóa xã hội của xã hội ta so với phương Tây đã đưa đến mất nước, bị đô hộ ngày càng khốc liệt***..." Phân tích này của Hoàng Xuân Hãn là hết sức quan trọng. Khác với tất cả các bậc thức giả, các nhà yêu nước lớn đương thời, Phan Châu Trinh là người đầu tiên đi tìm và tìm thấy nguyên nhân sâu xa "đã đưa đến mất nước và bị đô hộ ngày càng khốc liệt" không phải ở đâu khác mà là chính ở trong văn hóa, ở "những ***nhược điểm cơ bản về văn hóa xã hội*** của xã hội ta so với phương Tây". Đây là một chuyển biến có ý nghĩa cách mạng trong phương hướng tìm đường cứu nước - mà trước hết và quan trọng nhất là tìm đúng nguyên nhân mất nước và thất bại đau đớn của tất cả các phong trào cứu nước trước đó mặc dầu vô cùng anh dũng, lẫm liệt - một nhận thức có tính cách mạng và hết sức cơ bản không chỉ về con đường cứu nước, mà về lâu dài, cả ***về con đường phát triển của dân tộc.***

(Huỳnh Thúc Kháng, một trong hai người đồng chí tâm huyết nhất của

Phan Châu Trinh - cùng với Trần Quý Cáp - đã hiểu rất thấu đáo tầm mức và chiều sâu cơ bản này trong sự chuyển biến về tư tưởng và đường lối của Phan Châu Trinh, khi ông gọi Phan Châu Trinh là "nhà cách mạng đầu tiên của Việt Nam").

Phan Châu Trinh cho rằng sở dĩ chúng ta thua Pháp, mất nước, là vì ***chúng ta thua họ một thời đại***.

Suốt mấy nghìn năm lịch sử trước đó, trong tất cả các cuộc chống xâm lược của Trung Hoa, rất nhiều lần chúng ta đã phải ở trong những tình thế chênh lệch lực lượng rất hiểm nghèo mà bất lợi luôn nghiêng về phía ta. Song dầu có chênh lệch đến mấy về lực lượng, thì giữa chúng ta và họ vẫn là đồng đại. Đấy đều là những cuộc xâm lược và chống xâm lược trong nội bộ của chế độ phong kiến phương Đông. Lần này khác hẳn: chúng ta đối đầu với những lực lượng cao hơn hẳn chúng ta cả một thời đại. Sự thất bại là tất yếu.

Trước đó, Phạm Phú Thứ là một trong những người đầu tiên đã manh nha nhận ra vấn đề bức bách này: chúng ta lạc hậu quá xa so với đối phương về khoa học kỹ thuật. Và với tính cách đặc trưng của người Quảng, khi đã nhận ra chân lý thì quyết liệt tận tụy đến cùng với chân lý đã khám phá, ông là một nhà canh tân sớm nhất của nước ta, vừa là một nhà lý thuyết vừa là một nhà thực hành xuất sắc, một nhà cai trị tài ba toàn diện, thậm chí trong một chừng mực nhất định có thể coi là nhà khoa học thực nghiệm đầu tiên của Việt Nam. Tuy nhiên - và cũng không thể đòi hỏi nhiều hơn ở ông - dẫu sao tư duy của ông cũng chỉ mới dừng lại ở nhận thức phải ra sức học khoa học kỹ thuật phương Tây để có thể đuổi kịp họ, không bị đè bẹp bởi sức mạnh khoa học kỹ thuật của họ.

Phan Châu Trinh cũng suy nghĩ so sánh với phương Tây, nhưng sự so sánh của ông được đặt ở một tầm mức cao rộng hơn nhiều. Ông nhận ra sự lạc hậu về văn hóa cả một thời đại của chúng ta so với đối phương. Ông hiểu rằng đối mặt với phương Tây là chúng ta đối mặt với cả một thời đại khác về văn hóa, mới mẻ và tân tiến. Muốn cứu nước, phải khắc phục chính cái khoảng cách về thời đại đó, phải tự thay đổi dân tộc mình, đưa dân tộc vượt lên hẳn một thời đại mới, để từ đó, trong cuộc đối đầu, đọ sức với họ, giữa ta với họ là những đối thủ bình đẳng, ngang bằng nhau về thời đại. Đây là một bước tiến vĩ đại, một cuộc cách mạng trong tư duy. Về ý nghĩa, nó đưa công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc chính thức bước sang thời kỳ hiện đại. Nó chủ trương tạo nên ***một cơ sở văn hóa xã hội mới*** có ý nghĩa quyết định đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

Như vậy, không những so với chủ trương canh tân của Phạm Phú Thứ đây là một bước phát triển mới về chất, mà thậm chí so cả với Nguyễn Lộ Trạch, là người đã xướng lên tuyên ngôn nổi tiếng ***Thiên hạ đại thế luận***, coi việc canh tân không chỉ là vấn đề kỹ thuật mà là một học thuyết chính trị xã hội, thì chủ thuyết của bộ ba Quảng Nam gồm có Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng, mà Phan Châu Trinh là người đứng đầu, cũng có sự khác nhau về cơ bản. "Bởi vì với Nguyễn Lộ Trạch chỉ là chấp nhận một phương thức đổi mới, cải cách trên một xã hội cũ. Còn với Phan Châu Trinh là chấp nhận hoạt động cho một lý tưởng cách mạng, chính trị, xã hội, văn hóa để phục vụ cho Dân, đánh đổ ngai vàng của vua, đưa dân lên ngai vàng ấy trong xã hội mới"[1].

Hoàng Xuân Hãn đã tỏ ra rất sâu sắc khi gọi phong trào duy tân của Phan Châu Trinh là "***một cuộc cách mạng tân văn hóa***".

Phan Châu Trinh nêu ba nội dung cơ bản của phong trào duy tân: Dân trí, Dân khí, và Dân sinh. Ba nội dung đó gắn liền với nhau, nhưng như ta có thể thấy ngay trong cách sắp xếp vấn đề, chìa khóa là ***dân trí***. Ông cho dân trí là quyết định hàng đầu. "*Làm thế nào tạo được một số đồng chí* (để rồi từ đó tạo được trong toàn dân, điều mà quả thực ông đã làm được một cách tuyệt vời) *dám có cái nhìn đảo lộn ngai vàng, đảo lộn quí tộc, đảo lộn Khổng Mạnh, đảo lộn đặc quyền, đảo lộn phương thức sinh hoạt, phong tục tập quán vào một thời xã hội còn tối ngòm ngòm.*"[2]

Tức chìa khóa của ông là "khai dân trí" (mở mang dân trí) - ông là người có niềm tin khổng lồ vào tri thức của con người, con người có tri thức mới thì sẽ có thể làm nên tất cả, có thể lay trời chuyển đất.

Trong chỗ này có một điều cần chú ý: Phan Bội Châu cũng đã nói đến vấn đề dân trí. Trong ***Lưu cầu huyết lệ tân thư***, ông đề ra "những kế hoạch sẽ cứu cấp đồ tồn" là:

1. Mở trí khôn cho dân (khai dân trí)
2. Nhức nhối khí dân (chấn dân khí)
3. Vun trồng nhân tài (thực nhân tài).

Nhưng sự khác nhau lớn giữa hai vị họ Phan là về vai trò của nhân dân. Đúng như Nguyễn Văn Xuân nhận định: "Chính từ chủ trương nhân dân tham gia việc nước mà Phan Châu trinh luôn luôn không gặp và phản đối

---

[1] Nguyễn Văn Xuân - Phong trào duy tân - NXB. Đà Nẵng 1995 - Tr. 13.
[2] Nguyễn Văn Xuân - Sách đã dẫn - Tr. 33

chủ trương của Phan Bội Châu"[1].

Vậy quan niệm "con người có tri thức mới" đây đối với Phan Châu Trinh phải là ***nhân dân***, toàn dân có tri thức mới (chứ không phải một số ít "nhân tài", đương nhiên ông không hề coi thường vai trò của nhân tài).

Và "tri thức mới" đó trong quan niệm của ông là gì? Ông khẳng định rất quyết liệt: đó là hiểu biết về ***Dân quyền*** (ngày nay ta gọi là ***dân chủ***), người dân biết rằng mình có quyền, biết rõ các quyền của mình trong xã hội, trong cuộc sống, trên đất nước, trước thế giới. Theo cách nói ngày nay, có thể nói ông cho rằng điều cơ bản để tạo nên sức mạnh lay trời chuyển đất là ***dân chủ về thông tin*** ("Dân *biết*"), trao thông tin về những quyền của nhân dân cho chính nhân dân. Ông coi đó là nền tảng cơ bản, là cơ sở của độc lập tự chủ, của vận mệnh đất nước, của tiến bộ xã hội, của hạnh phúc nhân dân, là nội dung và ý nghĩa chủ yếu của độc lập dân tộc, và cũng là sức mạnh vô địch để khôi phục và giữ vững nền độc lập. Thậm chí ông còn cho rằng nếu có thoát khỏi tay ngoại bang, giành được độc lập, mà không có dân quyền, không có dân chủ, dân trí thấp, người dân không giác ngộ về quyền dân chủ của mình và sử dụng có hiệu quả quyền đó để làm chủ đất nước, xã hội, thì cũng là vô nghĩa, nhân dân không thể có hạnh phúc, đất nước không thể phát triển, và như vậy nền độc lập dân tộc cũng không thể vững chắc.

Do tư tưởng và chủ trương nhất quán đó mà phong trào duy tân của bộ ba Quảng Nam thực chất là một cuộc vận động cách mạng cơ bản và sâu sắc như ta đã thấy, lại chủ yếu là ***một cuộc vận động cải cánh giáo dục*** rộng lớn và thật kỳ lạ về nhiều mặt.

Quả thật, vào đầu thế kỷ XX, Quảng Nam đã là trung tâm của một cuộc cải cách giáo dục, thậm chí có thể gọi không sai là một cuộc cách mạng về giáo dục rộng lớn, sâu sắc, cơ bản, chưa từng có trước đó (và về sau này rất nhiều khi chính chúng ta ngày nay không còn theo kịp, đã đánh mất kinh nghiệm và truyền thống, đến mức đi chệch hướng...).

Kỳ lạ: - Cuộc cách mạng giáo dục đó được tiến hành ngay dưới một chế độ thực dân hết sức tàn bạo, khắc nghiệt, giữ được thế hợp pháp của nó một cách tuyệt vời;

- Khác với Đông Kinh nghĩa thục chủ yếu tập trung vào "giới tinh hoa" (élite) của xã hội, cuộc vận động giáo dục mới ở Quảng Nam, và sau đó lan ra khắp Trung Kỳ, ảnh hưởng lớn đến cả nước, chủ yếu nhằm vào

[1] Nguyễn Văn Xuân - Sđd - Tr. 52

quảng đại quần chúng, những tầng lớp lao khổ và tối tăm nhất của xã hội, và thấm sâu đến những hang cùng ngõ hẻm nhất của xứ sở, đánh thức dậy cả một xã hội; có đến cả gần trăm trường học ở khắp nông thôn Xứ Quảng, trong một chừng mực nào đó đã tạo nên cái mà ngày nay ta vẫn gọi và mong ước có được: "một xã hội học tập";

- Nội dung của nó mới mẻ và toàn diện đến mức ngày nay còn khiến chúng ta kinh ngạc: học văn, học toán, học "cách vật trí tri" (khoa học tự nhiên), học kỹ thuật (học làm nghề), học tiếng Pháp, tiếng Nhật, học kinh tế (học đi buôn), học đạo đức, học quản lý xã hội, học quân sự... Nội dung giáo dục mới đi đôi và trực tiếp đưa đến một lối sống mới, tân tiến trong toàn xã hội: cắt tóc ngắn, ăn mặc gọn gàng, đưa chữ quốc ngữ lên ngôi, tổ chức nhân dân tự quản xã hội. Thậm chí có nơi như ở làng Phú Lâm của Lê Cơ, tri thức đạt được trong giáo dục đã được đem ra thực thi ngay tại chỗ, nông thôn được tổ chức theo một lý thuyết xã hội mới, tân tiến một cách kỳ lạ so với thời bấy giờ... Đây thật sự là một cuộc cách mạng cả về tư duy về giáo dục, nguyên lý giáo dục, nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục, mục đích giáo dục, cách tạo ra con người mới, tổ chức xã hội mới.

Đặc biệt, công cuộc cải cách giáo dục này là một tuyên ngôn và một hành động dứt khoát, quyết liệt "đảo lộn ngai vàng, đảo lộn quí tộc, đảo lộn Khổng Mạnh, đảo lộn đặc quyền, đảo lộn phương thức sinh hoạt, phong tục tập quán" cũ, đảo lộn lối học từ chương lạc hậu kéo dài hàng nghìn năm, thiết lập một tư tưởng và một trào lưu giáo dục hết sức tân tiến: ***thực học***, học để phục vụ xã hội, học để làm nghề, học để đi buôn. Một nền giáo dục thật sự hiện đại, còn nguyên ý nghĩa thời sự nóng bỏng đối với chúng ta ngày nay, thậm chí, nếu chúng ta thật sự trung thực, thì phải đem đối chiếu với nền giáo dục đã có quá nhiều mặt tiêu cực của chúng ta hiện nay, và có sự "tự phê bình" nghiêm túc trước cha ông.

Và lịch sử phong trào duy tân được khởi xướng lên đầu tiên và được thực hiên một cách độc đáo như vậy ở Quảng Nam do bộ ba đặc sắc Quảng Nam đứng đầu là Phan Châu Trinh đã cho chúng ta được chứng kiến một hiện tượng kỳ vĩ: chỉ có một nhận thức về văn hóa thôi, chỉ một tư tưởng và một chủ trương bắt nguồn từ nhận thức ấy thôi, chỉ một cuộc vận động trông chừng hết sức ôn hòa, chỉ một công cuộc cải cách giáo dục thôi, ấy vậy mà nó tạo nên một sức mạnh khổng lồ, đưa đến cả một cuộc nổi dậy lay trời chuyển đất năm 1908, làm rung chuyển cả bộ máy cai trị của chế độ thực dân ở Đông Dương, chấn động đến tận bên chính quốc Pháp.

Ngày nay, sau gần 100 năm, nhìn lại, chúng ta vẫn còn kinh ngạc vì

tác động kỳ lạ của một tư tưởng như vậy. Và hẳn rất cần suy nghĩ nhiều hơn nữa, sâu hơn nữa về chính tư tưởng đó, về sức mạnh và chiều sâu của tư tưởng lớn đó.

Hẳn không phải ngẫu nhiên khi một học giả uyên thâm và tâm huyết như Hoàng Xuân Hãn nói rằng: "***Những tư tưởng của Phan Châu Trinh về cơ bản vẫn còn giá trị lớn đối với xã hội ta ngày nay***". Còn nhà sử học Daniel Héméry thì viết: "***Khuôn mặt vĩ đại của Phan Châu Trinh theo tôi là khuôn mặt đáng chú ý nhất trong lịch sử văn hóa và chính trị Việt Nam ở thế kỷ XX, bởi chính ông đã xác định một cách rành mạch, sáng rõ nhất những nan đề (les problématiques) đặt ra lâu dài mà các thế hệ người Việt Nam sẽ phải và mãi mãi còn phải đảm nhận***".[1]

Những "nan đề lâu dài mà người Việt Nam sẽ phải và mãi mãi còn phải đảm nhận lâu dài" là gì? Và đối với những nan đề đó "những tư tưởng của Phan Châu Trinh về cơ bản vẫn còn giá trị lớn" như thế nào?

Như chúng ta biết, lịch sử, do những éo le của nó, đã không đi theo con đường Phan Châu Trinh sáng suốt lựa chọn gần 100 năm trước. Nền độc lập dân tộc đã được giành lại không phải bằng một dân trí được nâng cao ngang tầm thời đại, mà bằng một cuộc đấu tranh lâu dài và khốc liệt mà kẻ thù đã buộc chúng ta phải tiến hành, và chúng ta đã tiến hành thành công vẻ vang. Đó là một trong những cuộc chiến tranh giải phóng vĩ đại và vinh quang nhất trong suốt lịch sử dân tộc.

Tuy nhiên, phải chăng mặt khác cũng không thể không nhận thấy rằng những vấn đề cơ bản nhất làm nền tảng cho nền độc lập tự chủ và sự phát triển của dân tộc mà Phan Châu Trinh đã nêu lên từ đầu thế kỷ XX, trong đó trung tâm là vấn đề Dân trí, nói theo cách nào đó, thì đến nay phần lớn vẫn còn nguyên đấy. Lịch sử đã khiến cho nó còn dở dang. Và rất có thể chính sự dở dang đó là một trong những nguyên nhân quan trọng nhất của những tình hình xã hội khó ổn định của chúng ta hiện nay. Đó là một nhiệm vụ, một món nợ, mà lịch sử còn để lại cho chúng ta hôm nay: nhiệm vụ xây dựng một xã hội dân chủ trên cơ sở một dân trí được nâng cao.

Chính trong ý nghĩa đó mà những tư tưởng của Phan Châu Trinh đến hôm nay bỗng mang một ý nghĩa cập nhật lạ lùng.

Ngay cả về mặt biện pháp chiến lược mà ông đã đề xướng và thực hiện một cách thành công tuyệt vời trong phong trào duy tân, biện pháp tiến hành

---

[1] Xem Lê Thị Kinh- ***Phan Châu Trinh qua những tài liệu mới***- t. II- NXB Đà Nẵng 2003.

một cuộc cải cách giáo dục sâu rộng, với tư tưởng cơ bản là ***thực học***, đối với chúng ta ngày nay dường như bỗng trở nên thời sự một cách lạ thường, khi nền giáo dục của chúng ta đang lâm vào sự xuống cấp toàn diện và nặng nề. Nếu chúng ta đủ dũng cảm và trung thực để nhìn nhận nền giáo dục của chúng ta hiện nay thì phải nhận rằng một trong những căn bệnh trầm kha nhất của nó, gây nên sự xuống cấp của chính nó và ảnh hưởng không nhỏ đến sự xuống cấp trong xã hội, - bệnh học giả dạy giả, chạy theo hư danh - cũng chính là căn bệnh mà Phan Châu Trinh đã quyết liệt đả kích và kiên quyết cải tạo, và đã cải tạo thành công, trong phong trào duy tân vĩ đại của ông, tạo nên một sức mạnh xã hội to lớn đến không ngờ.

Phan Châu Trinh đã bắt đầu bằng thực học để tạo nên sức mạnh của xã hội và quốc gia, để xây dựng một xã hội dân chủ trên cơ sở một dân trí được thật sự nâng cao.

Phải chăng bài học cơ bản ấy, cả con đường đi cụ thể ấy - con đường bắt đầu bằng một cuộc đột phá cách mạng về giáo dục, rất có thể có ý nghĩa thật sự thiết thực đối với chúng ta hôm nay.

Quảng Nam cách đây 100 năm đã đi đầu cả nước trong công cuộc cách mạng tân văn hóa - nói theo cách nói của Hoàng Xuân Hãn -, một cuộc đại cải cách giáo dục đem lại hiệu quả vô cùng to lớn.

Một điều gì tương tự như vậy có thể lại diễn ra hôm nay trên mảnh đất này chăng?

Có lẽ đó là một trong những điều gợi ý quan trọng nhất mà ký ức lịch sử về Phan Châu Trinh và phong trào duy tân đặc sắc của ông có thể làm thức dậy trong chúng ta hôm nay.

NGUYÊN NGỌC

(Tham luận tại Hội thảo Kỷ niệm130 năm ngày sinh Phan Châu Trinh, 2002)

PHAN CHÂU TRINH
MỘT TRĂM NĂM NHÌN LẠI

Phan Châu Trinh sinh năm 1872 và mất năm 1926. Như vậy , cuộc đời 54 năm của nhân vật lịch sử này gồm góc cuối thế kỷ XIX tiếp nối góc đầu thế kỷ XX, thời đoạn bản lề giữa hai thế kỷ, chứa đựng rất nhiều biến chuyển quan trọng trong xã hội nước ta cũng như các biến đổi chính trị liên quan đến phong trào giải phóng dân tộc ở Việt Nam.

Theo cách nhìn nhận của học giả Hoàng Xuân Hãn thì "*Đời hành động của Phan Châu Trinh gồm ba chặng : một là từ khi thôi quan cho đến khi bị đầy đi Côn Lôn (1905-1908), hai là được thả rồi kiều ngụ tại Pháp (1911-1925), ba là trở về Sài Gòn rồi mất (1925-1926)*". Như vậy, cuộc đời chính trị của Phan Châu Trinh khởi đầu cách nay vừa tròn 100 năm (1905-2005). Năm đó, Phan Châu Trinh đã 32 tuổi, vào độ tuổi "tam thập nhi lập" theo quan niệm cổ điển.

Cũng có thể nói thêm về một tuổi thơ không bình lặng của Phan Châu Trinh bởi bi kịch của đất nước cũng như gia đình. Lúc Phan 12 tuổi (1884), nước mất vì triều đình nhà Nguyễn ký với Pháp Hiệp ước Patenôtre. Năm 15 tuổi (1887), mất Cha bởi cái chết đầy ngờ vực giữa những người đồng chí cùng trong phong trào vũ trang của nghĩa hội Cần vương. Và tiếp đó là con đường hoạn lộ rộng mở sau các kỳ thi cho tới khi đỗ phó bảng vào năm 28 tuổi, cũng đúng vào năm đầu của thế kỷ XX (1900) . Tròn tuổi "tam thập nhi lập" (1902), Phan Châu Trinh vào Kinh, và cái Tết đầu tiên làm quan được ghi nhận trong một bài cảm tác có câu *"thân này thấy luỵ vì mấy đồng lương" (Kinh thành nguyên đán).*

Năm 1904, đến lượt hai bạn đồng chí là Trần Quý Cáp và Huỳnh Thúc Kháng đỗ đạt thì lại cũng là lúc cả 3 quyết chí từ bỏ quan trường để dấn thân...Đó cũng là năm Phan Bội Châu vào đến Huế và xứ Quảng cùng Tiểu La Nguyễn Thành để vận động hình thành "hội Duy Tân". Và năm 1905,

Phan Châu Trinh cùng hai bạn đồng chí của mình rời Kinh và xứ Quảng để Nam du khởi đầu "đời hành động"). Tại trường thi Bình Định, bộ ba Phan-Trần-Huỳnh đã dùng văn chương để tuyên ngôn chí hướng của mình. Phan làm bài thơ *"Chí thành thông thánh"* còn Trần và Huỳnh thì làm chung bài phú *"Lương Ngọc danh sơn"*, tất cả đều ký tên chung là Đào Mộng Giác. Đó là chí hướng đánh thức giới trẻ thoát khỏi cơn mộng mị cử nghiệp và nỗi sỉ nhục chịu sống dưới cường quyền. Đó cũng là lời than thở cho non sông đang lâm cơn bĩ cực "vong quốc nô"...Năm 1905 cũng là năm Phan Bội Châu khởi động cuộc "Đông du" theo gương nước Nhật. Năm 1905, thực sự là cái mốc lớn không chỉ đối với "đời hành động" của riêng Phan Châu Trinh mà là một cuộc chuyển mình đầy ý nghĩa của toàn bộ phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam mà hạt nhân tư tưởng của nó gói trọn vào hai chữ ***"Duy Tân"***...

"Đời hành động" của Phan Châu Trinh có thể kết thúc ở năm 1926, cách đây đã ngót 80 năm. Nhưng đời sống của những tư tưởng của Phan còn lâu dài hơn chính sự sống của thể xác. Bằng chứng đầu tiên là chính cái chết và đám tang của Phan Châu Trinh đã trở thành một sự kiện rất đậm nét trong pho lịch sử cận đại nói chung, lịch sử đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc nói riêng. *Đôi thủ Phan Bội Châu* (1925) *và Để tang Phân Châu Trinh* có thể coi là hai hiệu lệnh thúc đẩy một thế hệ thanh niên nhiệt huyết và ưu tú lên đường làm "quốc sự", trong đó có nhiều người sau này là nòng cốt của phong trào cộng sản. Đúng như lời đánh giá của Nguyễn Ái Quốc coi đám tang Phan Châu Trinh là điều chưa từng xảy ra.

Cũng giống như Phan Bội Châu, tên tuổi của Phan Châu Trinh cũng sớm trở thành những tấm gương tiêu biểu nhất của lòng ái quốc Việt Nam thời cận đại. Về căn bản nhân vật lịch sử Phan Châu Trinh vẫn được đặt trang trọng ở những vị trí hàng đầu của các phong trào yêu nước trước khi Đảng Cộng sản bước lên vũ đài chính trị như Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám,Phan Bội Châu... cùng Nguyễn Thái Học, Nguyễn An Ninh, v.v... Tuy nhiên, cũng từng có lúc, đặc biệt trong những thời kỳ đang hình thành đường lối cách mạng trong thời kỳ đầu của Đảng Cộng sản Đông Dương những tấm gương này cũng bị phủ mờ bởi chính phong khí trong cuộc đấu tranh chính trị khốc liệt cho mục tiêu giải phóng dân tộc cao cả. Đã có thời, trong con mắt của những tổ chức cách mạng, tên tuổi Phan Châu Trinh là cản lực cho một quan niệm về tinh thần cách mạng triệt để và đặt tư tưởng chính trị của Phan vào phạm trù tư sản đối ngược với nguyên lý thấm đậm tư tưởng bạo lực cách mạng và triệt để không khoan nhượng đối với chủ

nghĩa thực dân. Quan điểm đó cũng phản ánh vào một số quan điểm sử học khi phân tích và đánh giá các khuynh hướng trong phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam. "Chủ nghĩa cải lương", tư tưởng "bất bạo động", chủ trương "ỷ Pháp cầu tiến bộ"... được phê phán như một hạn chế to lớn, một ảo tưởng hay sự bất cập của Phan Châu Trinh đối với mục tiêu cách mạng giải phóng dân tộc do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Ở những mức độ khác nhau, sự đánh giá và phê phán này còn tồn tại trong một số công trình sử học, đặc biệt là trên sách giáo khoa cho đến trước công cuộc Đổi mới.

Cũng cần nói thêm rằng, có một cách tiếp cận nghiên cứu Phan Châu Trinh từ mối quan hệ với những nhân vật cùng thời, đặc biệt là trong một thời đoạn rất quan trọng là những năm sống tại Pháp (1911-1925), trong đó có mối quan hệ giữa Phan và Nguyễn Ái Quốc một thời gian dài chưa được (nói đúng hơn là chưa có điều kiện) nghiên cứu. Vì vậy những công trình nghiên cứu của giới sử học ở nước ngoài, đặc biệt là 2 công trình của bà Thu Trang Công Thị Nghĩa về Phan Châu Trinh và Nguyễn Ái Quốc thời gian sống và hoạt động tại Pháp có ý nghĩa như một cách đột phá vào cuối thập kỷ 70, nhưng một thời gian sau mới phổ biến ở trong nước.

Chính công cuộc Đổi mới, trong đó có Đổi mới tư duy đã khởi động cho những đổi mới tư duy lịch sử trong đó có nhu cầu nhìn nhận lại, đánh giá đúng về một số nhân vật, sự kiện và hiện tượng lịch sử. Trong xu thế đó, đáng ghi nhận cuộc Hội thảo do Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam phối hợp với ngành văn hoá tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng tổ chức tại Đà Nẵng năm 1992 nhân kỷ niệm 120 năm ngày sinh của Phan Châu Trinh. Cuộc hội thảo với sự có mặt đông đảo giới nghiên cứu cả nước, họp tại xứ Quảng quê hương Phan Châu Trinh với sự tham gia chủ trì của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Chủ tịch Danh dự của Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam đã gây một tiếng vang lớn, từng bước giải toả những quan niệm cũ đã tồn tại dai dẳng trong giới sử học từ lâu, trong đó phải nói tới cuộc thảo luận trên Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử của Viện Sử học Việt Nam từ thập kỷ 60.

Cuộc hội thảo này không chỉ khuôn lại trong sự đánh giá Phan Châu Trinh mà còn góp phần tạo ra một cái nhìn mới đối với nhiều nhân vật , sự kiện cũng như hiện tượng lịch sử có liên quan. Nó khởi động cho hàng loạt các cuộc hội thảo có liên quan đến những vấn đề lịch sử xứ Quảng trong *thời kỳ cận đại Việt Nam như về phong trào Duy Tân*, về các nhân vật có liên quan như Huỳnh Thúc Kháng, Nguyễn Thành, Trần Quý Cáp v.v... Và đặc biệt là những hoạt động sử học đầu thế kỷ XXI trong đó có hội thảo kỷ

niệm 130 năm ngày sinh của Phan Châu Trinh vào năm 2002 vừa qua. Cũng cần bổ sung vào việc khai thác các nguồn tư liệu mới bằng kết quả các chuyến đi khảo sát các cơ quan lưu trữ ở Pháp của bà Phan Thị Minh , cháu ngoại Phan Châu Trinh đã được Nhà xuất bản Đà Nẵng công bố trong 2 tập sách dày dặn cả ngàn trang... cùng với những công trình đã được xuất bản có nội dung nghiên cứu về cuộc đời và sự nghiệp, công bố các trước tác của Phan Châu Trinh gắn với tên tuổi của một đội ngũ các nhà nghiên cứu am hiểu như Nguyễn Văn Xuân, Huỳnh Lý, Nguyễn Văn Dương, Nguyễn Q. Thắng, Chương Thâu v.v... đã chín muồi cho việc tập đại thành các tác phẩm của Phan Châu Trinh .

Cách đây đã hơn một thập kỷ, ngay sau cuộc hội thảo kỷ niệm 120 năm năm sinh của Phan Châu Trinh tại Đà Nẵng, việc tổ chức biên soạn "Phan Châu Trinh toàn tập" đã được đặt ra. Đã có những bàn soạn đầu tiên giữa ngành văn hoá của Quảng Nam-Đà Nẵng với nhiều soạn giả chuẩn bị cho công việc này. Tuy vậy, vì nhiều lý do nên công việc chưa được triển khai ngay. Cho đến sau các cuộc hội thảo kỷ niệm Tiểu la Nguyễn Thành ở Quảng Nam và kỷ niệm 130 năm năm sinh Phan Châu Trinh ở Đà Nẵng, được sự chỉ đạo và khích lệ của lãnh đạo của cả hai tỉnh, Nhà xuất bản Đà Nẵng đã ráo riết đẩy mạnh việc thực hiện dự án này và đề nghị Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam ráo riết thực hiện. Sau nhiều phương án được đưa ra lựa chọn, Hội đã đề nghị PGS Chương Thâu đứng ra tổ chức bản thảo trên cơ sở tập đại thành những kết quả nghiên cứu và công bố tư liệu của nhiều thế hệ các nhà nghiên cứu và soạn giả, dịch giả, đồng thời bổ sung những tư liệu mới trong đó có công trình của bà Phan Thị Minh và một số học giả ở ngoài nước, để biên tập thành bộ sách "**Phan Châu Trinh toàn tập**" .

Tư tưởng chỉ đạo thực hiện bộ sách này của Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam là kế thừa kết quả nghiên cứu và công bố sử liệu của các thế hệ đi trước, tổ chức biên tập cho hoàn chỉnh, bổ sung những sử liệu mới trong khả năng cho phép ở thời điểm này và làm tốt nghiệp vụ biên tập, xuất bản để cho công trình tương xứng với mong muốn của thế hệ chúng ta qua đó tri ân đối với nhà yêu nước Phan Châu Trinh cũng như các thế hệ những nhân vật lịch sử có công trong sự nghiệp xây đắp nền văn hiến và truyền thống yêu nước của dân tộc ta. Bộ sách còn phải đạt được mục tiêu ra mắt vào dịp kỷ niệm 30 năm ngày Giải phóng thành phố Đà Nẵng (29-3) cũng gần kề với 79 năm kỷ niệm ngày mất của Phan Châu Trinh, để sớm cung cấp cho bạn đọc những sử liệu và cảm xúc lịch sử hướng tới dịp kỷ niệm 80 năm ngày mất của Phan Châu Trinh tổ chức vào năm 2006. Ra mắt cuốn sách này vào thời

điểm cả nước chuẩn bị kỷ niệm 60 năm ngày khai sinh nền Dân chủ Cộng hoà gắn liền với nền Độc lập Dân tộc còn mang ý nghĩa về một "chủ nghĩa dân tộc" tạo nên một động lực vĩ đại mà Nguyễn Ái Quốc đã phát biểu năm 1924 đã gắn kết tất cả các lực lượng yêu nước thành một sức mạnh vô địch được kế thừa và phát triển thắng lợi trong sự nghiệp giải phóng dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh mà thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 60 năm trước (1945), hoàn thành thống nhất đất nước 30 năm trước (1975) và chính công cuộc Đổi mới đang diễn ra là những bằng chứng.

Có thể nói từ công cuộc Duy Tân ở đầu thế kỷ XX cho đến công cuộc Đổi Mới ở đầu thế kỷ XXI này là thời gian của cả 100 năm phấn đấu không ngừng cũng là Duy tân - Đổi mới không ngừng của dân tộc ta.

Những người làm bộ sách này hy vọng công trình "**Phan Châu Trinh toàn tập**" này sẽ góp phần vào cuộc tiếp sức lịch sử ấy bằng những tấm gương và bài học của quá khứ. Chúng tôi tin rằng 100 năm nhìn lại chúng ta sẽ thấy những tư tưởng của Phan Châu Trinh và thế hệ Duy tân của thế kỷ trước gần gũi hơn đối với sự nghiệp Đổi mới của chúng ta.

Cũng vì cách đặt vấn đề như vậy mà chúng tôi cũng xin có lời trước rằng nếu bộ sách này còn có những điều thiếu sót , thì đó là do những hạn chế ngoài ý muốn và mong bạn đọc, đặc biệt là các nhà nghiên cứu đóng góp ý kiến, bổ sung tài liệu để những lần xuất bản sau ngày một hoàn hảo hơn.

DƯƠNG TRUNG QUỐC

Tổng thư ký Hội Sử học Việt Nam

BẢNG TRA CỨU TÊN RIÊNG

PHAN CHÂU TRINH TOÀN TẬP
TẬP I

A Chí	637
A Đẩu	638
Á Gia	510
A Quê Nã Độ (Aquinaldo)	338
Á Quỷ	641
Á Thích Phi	602, 606, 619
Aizu	394
Ái Hiền	9, 79
Alexandre	423
Alitabha Ghose	410
Alphonse XII	432
Amédée	432, 435
Anjou	429
An Lộc Sơn	156, 198
Arabi Pasha	397, 400
Aragông	46
Arênô I.u căngto	36
Augustin Iturbide	436
Ăng ghen	107
Ấm Bảy	189, 190
Ba Đốn	547
Badinguet	547
Bahadur	445
Ba Lễ	637
Ba Lưu Mân	515
Bá Nha	73

Bá Nhạc 190
Ba Ninh 525, 528
Bành Tổ 299
Bảo Đại 61
Bào Đinh 190
Bazaine 588
Berkeley 138
Bernard Shaw 442
Bỉ Đắc (Pierre b Grand) 345
Biện Võ 661
Bô (P.Beau) 18, 19, 96, 131, 136
Bonaparte 510
Bồ Tát 192, 253, 304
Boudarel (Georges) 136
Bùi Quang Chiêu 65, 66, 70
Bùi Quốc Đinh 122
Bustamenti 436
Bùi Văn Tiếng 130
Bửu Đảo 111

Cao Tiệm Ly 471
Cao Tôn 639
Cao Tiết 492, 495
Carnot 510
Carông 33, 318
Cao Sơn Chánh Chi 211
Castre 36
Câu Tiễn 372, 528, 588
Charles II 429
Châu Thơ Đồng 46
Chính Giới Câu 600
Christophe Colomb 428
Chu Đăng Sơn 80
Chung Kỳ 73

Chu Quang Trứ 98
Chức Nữ 598
Chương Thâu 4, 91, 136, 389
Colbert 495
Capus 135
Cornwaillis 433
Cốc Can Thành (Tani Kanjô) 395
Công Thúc 581
Cromwell 442
Cường Để 33, 218
Cyrus II 423
Da Tô (Jésus Christe) 455, 458
Dã Hàn 214
Di Sử Thị - Dũ Thức 57
Duy Minh (Văn Tân) 96
Dương Bá Trạc 66
Dương Châu 303
Dương Thạc 154, 155
Dương Trung Quốc 4, 124, 605
Daniel Héméry 136

Đa la đi ê (Daladier) 135
Đahuli (Dalhousie) 445
Đavit Ma (David G.Marr) 137
Đàm Nhữ Khiêm 403
Đạm Phương nữ sĩ 68
Đan Đức Lợi 109
Đào Hùng 132
Đào Mộng Giác 16
Đào Khảng 307
Đào Uyên Minh (Đào Tiềm) 173
Đào Văn Hội 61, 78
Đại Nguyên Quân *401*
Đặng Thai Mai 83, 338

Đặng Trần Thị Liên 65
Đặng Việt Thanh 107
Đậu Nghi 193
Đậu Xuân Mai 108
Dermos 442
Đề đốc Tuệ 23
Đề Thám 17
Điêden (R. Diesel) 353
Đặng Văn Bá 60
Điền Quang 581
Đinh Tiên Hoàng 33, 429
Đinh Văn Điền 99
Đinh Xuân Lâm 86, 102
Đỗ Bang 118
Đỗ Hòa Hới 102
Đỗ Mục 547
Đỗ Phủ 476
Đỗ Quang Hưng 91
Đỗ Quyên 472
Đỗ Thiếu Lăng 201, 202
Đỗ Vũ 198
Đông Các Lốt (Doncarlos) 430, 500
Đông Phương Sóc 194
Đồng Khánh 12
Đốn Gia La 499, 500, 553, 554, 561, 566, 576
Đôvedơ (Devèze) 49
Dufferin 445
Dupuis (Đuypuy) 11
Duploix 445
Đường Cao Tổ 193

Edgar Poe 419
Edouard III 442
Eiffel 197

Elisabeth 442
Elleborough 445
Emeson 419
Emilia Castelar 437, 438

Ferdinand VII 430
Ferdinand de Lesseps 603
Francois d' Assise 432, 434
Franklin D. 419, 508
Francbe Comté 429
Fukuzawa Yukichi 416

Gandhi 79, 91
Garibaldi (Gia Lý Ba Đich) 91, 554, 576
Garnier (Francis Garnier - Ngạc Nhe) 11
Gladstone 443
Guesde 133
Guerréro 436
Guadalupe Victoria 436
Gia Long 367

Hàm Nghi 12
Hàn Dũ 527
Hàn Tín 455
Hán Hoàn Đế 192
Hán Vũ Đế 193
Hạng Võ 627
Hào Lưu 661, 663, 664, 668, 669
Hậu Nghệ 196
Henri II 442
Hidalgo 436
Hideyoshi 458
Hoa Bằng 97
Hoa Thịnh Đốn (Washington) 338, 419, 437

Hòa Thông 511
Hoàn Vương 170, 171
Hoàng Châu Ký 100
Hoàng Diệu 12, 48, 84
Hoàng Hoa Thám 14, 17
Hoàng Ngọc Phách 213, 393
Hoàng Thanh Đạm 115
Hoàng Xuân Hãn 84, 131, 146
Hồ Chí Minh
(Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc): 7, 45, 46, 51, 120, 126, 218, 364, 408, 409, 410
Hồ Sĩ Vịnh 121
Hồ Song 55, 90
Hồ Thanh Hải 104
Hồ Xuân Hương 219
Hồng Liên 31, 32, 400, 401, 403, 412, 426, 430, 432, 438, 441, 453, 458, 462, 468, 469, 472, 473, 475, 477, 478, 479, 525, 531, 532, 540, 545, 561, 566, 572, 585, 586, 591, 593, 597, 598, 606, 607, 608, 609, 610, 611, 628, 629, 633, 634, 635, 636, 640, 641, 650
Hoàng Tú Toàn 404
Huỳnh Công Bá 111
Huỳnh Đình Điển 41
Huỳnh Lý 9, 47, 101, 166, 167, 184, 213, 214, 218, 340, 363, 393, 394, 407, 408, 409, 410, 411
Huỳnh Thúc Kháng (Huỳnh Hanh) 13, 14, 15, 16, 17, 18, 21, 22, 24, 26, 31, 41, 43, 47, 48, 49, 53, 56, 59, 71, 89, 90, 91, 92, 94, 100, 104, 111, 112, 113,

114, 115, 116, 117, 118, 119, 120, 121, 142, 153, 154, 174, 178, 179, 182, 214, 325, 387, 392
Hưng Đạo 60

Isabelle de Castille 428
Iwasaki 395

Javier Mind 436
Jefferson 508
Jolin 49
John Adams 508
Josselme 376
Jules Rous 133, 134

Khải Định 36, 37, 41, 131, 362, 364, 379
Khang Hữu Vi 96, 119
Khánh Hỷ 460, 461
Khổ Lạc 659, 667
Khổng Tử 58, 347, 397, 453, 455, 491, 526
Khuất Nguyên 77, 201
Khuyển Dưỡng Nghị (InuKai Tsuoshi) 396
Kim Ngọc Quân 396, 401, 404
Kim Trọng 193
Kinh Kha 471, 485, 536, 544, 581
Komatsu 158
Ký Phú 189
Kỷ Nhân 158

Lajos Kossuth 397, 400
La Fayette
(La Bính Đẩu - Phi Liệt Yết) 378,433,628
Lã Vọng 71
Lạc Long Quân 343

Lạn Tương Như	195
Lãnh Binh Điềm	23
Lão Tử	289, 593
Lâm Đốn	521
Lâm Quang Thự	80
Lê Ấm	9, 49, 142, 149, 184, 215, 218, 340, 341, 363, 392
Lê Cơ	22, 121
Lê Duẩn	44
Lê Duy Anh	105
Lê Khôi	310
Lênin	39, 45, 97, 117
Léopold de Hohenzolleru	431, 434
Lê Thị Đàm	184, 218, 319
Lê Thị Kinh (tức Phan Thị Minh)	4, 9, 10, 52, 57, 100, 133, 135
Lê Thị Chung	11
Lê Trí Viễn	87
Lê Văn Huân	40, 46
Lê Văn Siêu	9, 392, 393, 417
Lord Aucland	445
Lỗ Dương	307
Lỗ Địch	74
Louis XIV	420
Lục Vân Tiên	32, 198
Lư Thoa (Rousseau)	26, 74, 96, 206, 375
Lương Chí Minh	133
Lương Chí Vĩ	68
Lương Hồng	218
Lê Dư	62
Lê Cương Phụng	65
Lương Khải Siêu (Nhậm Công, Ẩm Băng Thất)	31, 63, 78, 96, 112, 119, 129, 132, 399, 402, 404, 405, 445, 672
Lương Khắc Ninh	56, 175, 176

Lương Trúc Đàm 54, 55
Lương Văn Can 61
Lưu A 633
Lưu Anh Rô 128
Lưu Bang 455
Lưu Hổ 447
Lưu Huệ 604
Lưu Ninh 521
Lưu Thạnh 622
Lưu Thần 422
Lý Bạch 544
Lý Bí 220
Lý Hồng Chương 404
Lý Uyên 193
Lý Thái Bạch 480

Ma Cẩm Long Hà 118
Ma Cô 192
Ma Hạc Lãnh (Mahaffy John Pentland) 423, 515
Marie Christine 430, 433, 444
Matine Canpos 430, 434
Mã Hòa Ly 638
Mã Nê (Mazzini) 74,
Mã Đôn Nhược Tổn 521
Mã Trường Thần Chư (Baba Tatsui) 396
Mác 40, 97, 127
Mai Đăng Đệ 68
Mạnh Tử 58, 138, 367
Mạt Quảng Thiết Trang (Suehiro Tetcho) 398
Mân Lê 634, 640
Mẫn Phi 401
Minh Mạng 156, 310
Minh Trị 96, 111, 129, 394, 395, 396, 398, 400, 403, 404, 411, 415

Mẫn Tử Khiên 295
Merlin 37
Miura Goei 397
Minamoto 458
Mohammed Tewfik 603
Morelos 436
Monet 134
Moutet 135
Montesquieu (Mạnh Đức Tư Cưu) 58, 74, 78, 96, 138, 375

Nakamura Tadayuki 415
Nã Thiên 523
Napoléon (Nã Phá Luân) 440, 510, 511, 547, 587, 589
Ngô Đức Kế 17, 60, 89, 94, 142, 145, 147, 150, 152, 156, 160, 162, 164, 166, 168, 170, 172, 173, 386, 387
Ngô Phù Sai 584
Ngô Văn Minh 121
Ngu Công 16, 35, 206, 210, 283
Ngũ Tử Tư 221
Nghiêm Lăng 79
Nghiêu Phu 200
Nguyên Ngọc 103, 137, 600
Nguyễn An Ninh 40, 63
Nguyễn Duy Hàn 29
Nguyễn Duy Hiệu 12, 13, 48
Nguyễn Dư Khánh (Khánh Ký) 41
Nguyễn Đình An 126
Nguyễn Đình Chiểu (Tú Chiểu) 25, 198, 202, 323
Nguyễn Đình Chú 89
Nguyễn Đình Hiến 13, 14, 142
Nguyễn Đình Thảng 125
Nguyễn Đức Tuấn 122
Nguyễn Hiến Lê 80

Nguyễn Huệ Chi 94
Nguyễn Huyền Linh 77
Nguyễn Hữu Trí 119
Nguyễn Khánh Toàn 44, 81
Nguyễn Khắc Đạm 113
Nguyễn Khắc Thuần 129
Nguyễn Minh Quang 37
Nguyễn Mộng Lý 64
Nguyễn Ngô Ngạc 181
Nguyễn Như Chuyên 68
Nguyễn Phan Quang 408
Nguyễn Phúc 128
Nguyễn Phước Tương 125
Nguyễn Quang Ân 86
Nguyễn Quang Trung Tiến 110
Nguyễn Q. Thắng 4, 9, 106, 107, 409
Nguyễn Quyền 388
Nguyễn Quý Anh 172, 190
Nguyễn Quý Long 181
Nguyễn Sinh Sắc (Nguyễn Sinh Huy) 53, 59
Nguyễn Thanh Nam 97
Nguyễn Thành (Tiểu La) 17, 80
Nguyễn Thân 12, 48
Nguyễn Thông 16, 172, 173, 190
Nguyễn Thượng Hiền 22, 89
Nguyễn Thừa Hỷ 116
Nguyễn Tịch 421
Nguyễn Tri Phương 11
Nguyễn Triệu 422
Nguyễn Trọng Lội 16, 55, 156, 162
Nguyễn Trường Tộ 43, 99, 11

Nguyễn Văn Dương 4, 9, 10, 30, 47, 92, 149, 162, 227, 342, 365, 409, 414,
Nguyễn Văn Đính 69, 77
Nguyễn Văn Hà 393
Nguyễn Văn Hồng 114
Nguyễn Văn Kiệm 88, 89
Nguyễn Văn Nhật 123
Nguyễn Văn Tận 117
Nguyễn Văn Thành 367
Nguyễn Văn Thuyên 367
Nguyễn Văn Vĩnh 362, 378
Nguyễn Văn Xuân 81
Nguyễn Xuân Hòa 112
Ngưu Lang 598
Nham Xưởng Đả (Gambetta Léon) 554, 586, 581
Nhan Hồi 526
Nhượng Tống 64
Ninh Lưu 488
Ninh Thích 200
Nữ Oa 366
Nựu Đốn (Newton) 515

Oai Sĩ Lưu 600
Osman Pasha 397
Outrey 135
Ông Ích Đường 48
Ông Ích Hoắc 48
Ông Ích Khiêm 12, 48

Palmer Woll 508
Parnell 400
Pascal Paoli 510
Pasquier 48
Pellerin 37

Perry	458,460
Pinto	458
Phạm Duy Tốn	362, 378
Phạm Lãi	372
Phạm Hồng Thái	40
Phạm Hồng Việt	103
Phạm Hy Tùng	62
Phạm Khanh (Đỉnh Thứ Liễn)	400, 401, 403, 404, 477, 480, 481, 485, 495, 533, 534, 535, 536, 537, 538, 553, 556, 568, 569, 570, 571, 572, 574, 577, 578, 583, 628, 629, 633
Phạm Phú Thứ	12, 48, 99
Phạm Quỳnh	37, 63, 76, 359, 375
Phạm Tăng	627
Phạm Thị Minh Chiến	124
Phạm Văn Đông	52
Phạm Xanh	116
Phan Bội Châu (Sào Nam)	15, 17, 18, 24, 30, 41, 44, 45, 46, 47, 52, 65, 73, 80, 81, 82, 83, 87, 89, 92, 93, 111, 112, 120, 125, 129, 133, 136, 138, 139, 142, 167, 385, 388, 389, 393, 406, 407, 416
Phan Châu Dật	24, 35, 46, 182, 318
Phan Đình Phùng	52
Phan Hồng Nga	325
Phan Kiếm Minh	68
Phan Khôi	61
Phan Thanh Giản	48, 322
Phan Thị Châu Lan	46
Phan Thị Châu Liên	9, 29, 47, 142
Phan Thúc Duyện	58
Phan Văn Bình	11, 12, 13

Phan Văn Hoàng 408
Phan Văn Trị 203, 218, 222
Phan Văn Trường 33, 36, 37, 39, 41, 43, 63, 117, 367, 408
Phát Vĩnh Hiếu 396, 404
Phi Liên 637
Philippe V 429
Phong Lôi (Serrano) 433, 434
Phong Xuyên Lương Bình (Toyokawa Ryôhei) 395
Phù Lan 490, 495, 498, 499, 508, 634
Phục Ba Mã Viện 555
Phương Hữu 403

Quách Cự Nghiệp 330
Quang Tự 96

Reynaud 59
Richard II 442
Robespièrre 510
Rôgiêchoenxky 16
Roux 31, 125

Sái Kinh 192
Sanshi (Tán Sĩ) 394, 395, 396, 397, 3983 399, 400, 401, 402, 403, 404, 405, 411, 412, 415,
Santo Anna 436
Sarraut 135
Shiba Gorô 395
Shiraishi Masaya 138
Socrate 455
Strongbow 442
Suchiro Tetcho 398, 403

Sư Oai 637
Sư Trực 460

Takêđa Noriyuki 402
Tà La Quỷ 653
Tani Kajnô 395, 397, 398, 401
Tạ Trọng Hiệp 394
Tản Đà 594
Tán Sĩ (Sài Tứ Lang) 32, 394, 400, 408, 411, 417, 456, 458, 468, 475, 480, 483, 485, 502, 531, 535, 538, 542, 561, 585, 593, 599, 610, 633, 634,
Tăng Bạt Hổ 87, 142, 167, 178
Tần Mục Công 190
Tần Thủy Hoàng 194, 272, 421, 471, 485, 488, 581,
Tây Thái Hậu 14
Tây Vương Mẫu 194
Thái Nhân Hòa 119
Thái tử Đan 485
Thanh Lê 108
Thạch Phương 130
Thẩm Thệ Hà 78
Thân Bao Tư 416
Thế Nguyên 62,63, 65, 67, 68
Thỉ Dã Long Khê (Yano Ryuei) 394
Thiệu Hồ Thần 280
Thiệu Ung 200
Thiếu Sơn 85
Thôi Hiệu 201
Thu Trang 9, 33, 93, 175, 176, 218, 409, 410
Thuấn (vua) *109,195, 265, 313, 328, 368*
Thủ khoa Huân 155

Thúc Lương Ngột 455
Thúc Tề 198
Thương Hiệt 245
Tixô (Tissot) 22
Tiêu Sử 190
Tinh Vệ 16, 35, 73, 200, 210, 214, 283, 472
Tô Cát Sĩ 634
Tố Hữu 53
Tống Ngọc 213
Tôn Quang Phiệt 9, 17, 82
Tôn Sanh 599
Tôn Thất Thuyết 12
Tôn Thọ Tường 26, 203, 204, 205, 206, 207, 322
Tokugawa 395, 396 458, 459, 460, 461, 463
Tôn Trung Sơn 91
Trang Tử 160, 190, 284, 286, 593,
Trác Văn Quân 194
Trần Quý Cáp (Thai Xuyên) 13, 14, 15, 16, 17, 47, 90, 142, 169, 178, 214, 325
Trần Đình Hường 113
Trần Đình Hượu 94
Trần Huy Liệu 40, 61, 106, 110
Trần Thanh Đạm 87
Trần Đình Phong 13
Trần Thiện 543
Trần Văn Dư 12, 13, 48
Trần Văn Giàu 83, 129
Trần Viết Ngạc 131
Triệu Trương Tử 206
Triệu Tử Lăng 421
Triều Dương 156, 313
Trịnh Lưu Sĩ 523

Trịnh Tụ	547
Trí Bá	206
Triệu Vân	578
Tống Duy Tân	52
Trịnh Tử	599
Trương Vương	57
Trương Định	25, 26, 198, 200
Trương Gia Mô	211
Trương Duy Hy	106
Trương Hữu Kỳ	110
Trương Lương	516
Trương Tuần	156,198
Trường Chinh	51
Trường Giang	96
Tùng Lâm Lê Cương Phụng	65
Tú Nghi	180
Tư Mã Thiên	201
Từ Thứ	196
Tự Đức	30, 43, 111, 368
Tương Như	194, 195, 197
U Lan	32, 33, 400, 401, 428, 430, 451, 456, 468, 471, 474, 475, 476, 477, 478, 479, 480, 488, 500, 513, 530, 533, 535, 541, 546, 552, 554, 555, 569, 570, 571, 573, 577, 582, 585, 593, 606, 607, 611, 627, 628, 629, 630,
Uyển Mỹ (Wilson?)	515
Uylixơ Lorisơ	37, 40, 120
Vasco de Grama	445
Văn Sơn (Văn Thiên Tường)	155, 156
Văn Tạo	99

Văn Vương 488
Victor Emmanuel 432, 434, 435, 436
Victo Hugo 43
Victoria (Nữ hoàng) 445
Viêm Đế 472
Viên Sùng Hoán 201, 202
Viên An 146, 147
Vĩnh Sính 93
Võ Hậu 639
Voltaire 58, 118
Võ Nguyên Giáp 53
Võ Oanh 164
Võ Văn (Van Vollenhover) 515
Võ Xuân Đàn 123
Vu Hựu 194, 195
Vũ Dương Ninh 90
Vũ Huy Phúc 115
Vũ Ngọc Khánh 104
Vũ Quang Thành 127
Vũ Vương 484
Vương Đình Quang 57
Vương Hồng Sển 61
Vương La 548, 591, 592
Vương Mẫu 639
Vương Ốc 207
Vương Phương Bình 192

Xuân Đài 48
Xuân Lan 193, 194
Xaro 362

Yanagida Iumi 402
Yano Ruykei 403
Y Đằng Bác Văn (Itô Hirobumi) 396, 397, 401

Y Lê 474
Yên Chi 547

Washington
(xem thêm: Hoa Thịnh Đốn ở vần H) 91, 338
Watt 511
Webster.D. 419

TẬP II

Ba Sóc 31
Bùi Kỷ 14, 27, 38
Cao Ngọc Lễ 149, 155, 176, 186, 203, 204, 205
Cường Để 8, 18, 28
Châu Thơ Đồng 172
Chương Thâu 6, 86, 129, 214, 258, 260, 272, 373
Dương Thạc 172, 185
Đặng Nguyên Cẩn 10, 118, 155, 172, 203, 204
Đặng Thai Mai 51, 63
Đặng Văn Bá 204
Điền Xá Ông 45
Đồng Khánh 336
Đỗ Quang Liên 214, 272
Đỗ Tịnh 204
Đội Phương 204
Hai Khai 98
Hàm Nghi 336
Hoàng Cao Khải 339
Hoàng Hữu Phương 27
Hoàng Hoa Thám - Đề Thám 9, 17, 158, 340
Hồ Sĩ Tạo 87

Huỳnh Lý 135
Huỳnh Quán 198
Huỳnh Thúc Kháng 10, 46, 50, 67, 76, 77, 81, 90, 93, 95, 117, 133, 146, 150, 151, 152, 154, 167, 168, 171, 172, 173, 174, 175, 178, 179, 180, 182, 198, 199, 204
Hương Lạp 204
Khải Định 18, 19, 20, 22, 34, 41
Khánh Ký 8, 31, 29
Khổng Mạnh 68, 72
Khuyển Dưỡng Nghị 47
Lê Ấm 101, 167, 192, 195, 197, 340
Lê Bá Trinh 10, 95, 98, 117, 147, 150, 151, 154, 171, 172, 173, 174, 175, 178, 182
Lê Cơ 66, 160, 161, 168, 172, 197, 198
Lê Khiết - Lê Tựu Khiết 172, 190, 200
Lê Thị Kỉnh - Thị Kỉnh 198
Lê Thị X - Lê Thị Mười 197, 198
Lê Văn Hoàng 214, 258
Lê Văn Huân 203, 204
Lê Văn Sao 31
Lê Văn Siêu 50
Lương Khắc Ninh 41
Lương Tam Kỳ 340
Lương Văn Can - Cử Can 14, 29, 207
Lưu Vĩnh Phước 340
Lý Hạ Lôi 204
Lý Nhương 98
Lý Tư 204
Mai Dị 172
Mai Sơn 84, 85
Ngô Đức Kế 10, 14, 38, 65, 79, 82, 118,

149, 155, 172, 186, 199, 203, 204
Ngô Huệ Liên 202
Nghiêm Xuân Quảng 86
Nguyễn Ái Quốc 8, 9, 26, 29, 30, 31, 33, 36, 37, 38
Nguyễn An Ninh 25, 40, 137
Nguyễn Bá Loan 172, 190, 200
Nguyễn Bá Trác 199
Nguyễn Cao Lân 98
Nguyễn Dĩnh 206
Nguyễn Duy Hàn 17
Nguyễn Duy Hiệu 189
Nguyễn Hàng Chi 204
Nguyễn Mai 199
Nguyễn Minh Quang 18, 20, 21, 22, 23
Nguyễn Quyền 207
Nguyễn Tán 195
Nguyễn Tử Trực 87
Nguyễn Thành 95, 146, 147, 150, 154, 171, 172, 173, 174, 175, 178, 182
Nguyễn Thân 200
Nguyễn Văn Cẩm 68, 74
Nguyễn Văn Dương 14, 16, 17, 206, 214, 258, 272
Nguyễn Văn Kiệm 5, 6, 42
Nguyễn Văn Vĩnh 69, 87
Nguyễn Văn Xuân 197
Phan Bội Châu - Sào Nam 9, 18, 38, 39, 42, 47, 60, 81, 82, 90, 146, 149, 150, 158, 172, 174, 175, 176, 184, 186, 187, 189, 204, 341, 343, 344
Phan Châu Dật 38, 349, 358, 359, 364, 366, 368
Phan Duyện - Phan Thúc Duyện 10, 95, 117, 146, 147, 150, 151, 154, 171, 172, 173, 174, 175, 178, 182, 195, 198
Phan Đình Liệu 214, 258

Phan Đình Phùng	149, 176, 186
Phan Hiếu Kính	20, 22
Phan Khôi	199
Phan Thị Minh - Lê Thị Kinh	6,10, 66, 69, 87, 89, 95, 96, 97, 98, 118, 119, 120, 121, 123, 127, 130, 137, 139, 157, 162, 209, 210, 331, 333, 334, 335, 349, 363, 365, 367, 368, 369, 371.
Phan Uyển	95
Phan Văn Khải - Phan Khải	160, 196, 198
Phan Văn Trường	8, 18, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 33, 36, 37, 38, 40, 137, 331
Phạm Hồng Thái	9
Phạm Ngọc Quát	155, 156, 159, 188, 191, 203, 204, 205
Phạm Quỳnh	199, 203
Tân Nam Tử	70
Tô Định	103, 104, 105, 106, 107, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116
Tô Thị	108
Tự Đức	15, 16, 17, 227, 228, 252, 307, 332, 334, 335, 343,
Tôn Vi	87
Tống Duy Tân	205
Thái Phiên	9
Thu Trang	8, 29, 345, 348
Trương Huy	101
Trương Trọng Luyện	101
Trưng Nữ Vương	99, 103, 104, 105, 114, 115, 116
Trưng Nhị	112, 114, 115
Trưng Trắc	103, 113, 114
Trần Đình Phát	203
Trần Đình Phiên	95, 96
Trần Đình Phong	95

Trần Cao Vân 9
Trần Hữu Duy 330
Trần Lê Luật 23
Trần Quí Cáp 10, 81, 87, 117, 156, 159, 172, 187, 188, 199, 202, 203, 204, 362
Trần Thai Xuyên 87
Trần Văn Khá 24, 25, 32
Trần Văn Thông 66
Trần X - Trần Hoành 197
Trịnh Khắc Lập 204
Thi Sách 103, 104, 105, 106, 107, 109, 110, 111, 112, 114
Võ Văn Toản 31
Vũ Ngọc Khánh 82

TẬP III

A Bội Trọng Ma Lã 12
An Dương Vương 16, 17
Albert Sarraut (Sarraut) 33, 34, 35, 36, 37, 43, 107, 115, 116, 117, 118, 122, 130, 132, 144, 158, 168, 172, 176, 180, 181, 187, 331, , 217, 220, 292, 293
Anh Đông 207
André 233, 234

Bình Nguyên A Bộ Quang Trung 13
Bố Linh 22
Bố Kha 22
Beau 33, 144, 160

Ban Siêu 44
Babut 88, 90, 92, 116, 117, 118, 120, 122, 181, 290, 293
Bùi Quang Chiêu 293, 300
Bùi Thế Mỹ 307
Bạch Thái Bưởi 307, 315, 333
Bùi Kỷ 311
Bà Lê Giũ Vị 312
Bảo Đại 316
Bác Hồ 18, 321, 322, 323, 324, 325, 326

Chu Noãn Vương 15
Cao Lỗ 16
Cao Biền 16
Chu Phù 18
Chu Công 22
Chế Củ 22
Chế Mân 26
Chiêu Quân 26
Càn Hải 28
Cung Định Vương 31
Chân Lạp 54, 60
Châtel 88, 90, 91
Châu Thơ Đồng 103
Châu Thượng Văn 103
Cao Văn Sến 125, 126, 128, 129
Capus 171, 292
Cường Để 289, 291
Clemenceau 224
Cognaq 307
Charles Gide 308
Cụ Tô 325, 326, 327, 329

Đại Điểu Khuê Giới 11
Dẫn Điền Lợi Chương 11, 13, 14
Đinh Tiên Hoàng 15, 18, 53, 59
Đặng Minh Khiêm 15
Đường Cao Vương 16
Đỗ Tuệ Độ 18
Dạ Trạch 18
Dạ Trạch Vương 18
Đào Thị 21
Đào Nương 21
Đông Bộ Đầu 24
Dã Tượng 25
Đỗ Thiên Thứ 28
Đặng Lộ 28
Đào Nguyên Phổ 72, 228, 289
Đề Thám 101, 127
Duy Tân 102, 105, 127, 292
Đoàn Hưng Tính 233
Đinh Công Tráng 287
Đỗ ĐăngTuyển 289
Đặng Nguyên Cẩn 289, 290
Dương Bá Trạc 303
Đoàn Như Khuê 307
Đặng Thai Mai 333

Edouard 33, 35, 36, 37, 38, 41
Edouard Daladier 219, 221, 308, 335

Francis Garnier 287

Gia Tôn 11
Giới Hiên 27
Guesde 115, 116, 117, 118, 120, 123, 132, 172

Gia Long 141, 186, 187, 251, 259, 276
Granier 204
Gia Định 278
Grandhi 292
Guillard 308
Guernet 308

Hồ Tông Thốc 15
Hùng Vương 15
Hung Nô 16, 26, 59
Hiến Đế 17, 154
Hoàng Cự Đà 24
Hoài Văn hầu Quốc Toản 25
Hưng Đạo Vương 25
Hồ Hàm Tử 25
Hứa Tông Đạo 26
Huyền Trân 26
Hiệu Khả 28
Hiến Từ 29
Hoàng Cao Khải 42, 44, 58
Hồ Lệ 76
Hoan Ái 80
Hàm Nghi 101, 287
Huỳnh Thúc Kháng 103, 284, 288, 289, 290, 294, 298, 307, 353, 354, 356
Huỳnh Hanh 288
Huỳnh Lý 104, 352
Hoàng Văn Lũng 124
Hồ Đắc Ứng 125
Henry Rivière 287
Hoàng Diệu 287, 298
Hồ Chí Minh 288, 290, 298, 317, 319, 320, 321, 325, 356
Hoàng Hoa Thám 289, 291

Huỳnh Đinh Điển 300, 343, 344, 345, 346
Hoàng Tăng Bí 303
Hương Ký 304
Hy Mã 320
Hoàng Xuân Hãn 326, 330, 333, 334
Hoàng Đức Thi 333
Hố Tá Bang 354

Josselme 201, 203, 204, 205
Jules Roux 290, 292, 308, 332, 352

Khang Hy 11
Khương Công Phụ 18
Khổng Tử 22, 137, 138, 139, 142, 258, 268, 276
Khánh Ký 33, 36, 105, 300, 326, 331
Khải Định 93, 95, 96, 97, 107, 115, 118, 120, 160, 162, 167, 186, 209, 210, 235, 293, 294
Klobukowski 220
Kỳ Xuyên 278

Lê Gia Tôn 11
Linh Nguyên Thiên hoàng 11
Lê Thái Tổ 14, 15, 19, 60
Lê Hy 14
Lê Văn Hưu 15
Lý Chiêu Hoàng 15
Lê Nhân Tông 15
Lê Thánh Tông 15, 259
Lê Tương Dực Đế 15
Lê Tung 15
Lý Ông Trọng 16
Lục Giả 17

Lý Thiện 17
Lý Cố 17
Lý Tiến 17
Lý Cầm 17
Lư Bao 18
Lưu Ngạn 18
Lư Tuần 18
Lưu Tống 18
Lâm Ấp 18
Lý Nam Đế 18, 23
Lý Bí 18
Lý Trác 18
Lê Đại Hành 19
Lý Giác 19, 20
Lê Ngoạ Triều 20
Liêu Thủ Tâm 20
Lý Thái Tổ 20, 21
Lê Phụng Hiểu 21
Lý Thái Tông 21, 22
Lan Đà Tinh 22
Lý Thánh Tông 22, 28
Lý Nhân Tông 22, 23
Lý Thường Kiệt 22, 59
Lý Nam Đế 23
Lý Thần Tông 23
Lê Cư Nhãn 29
Lê Bá Quát 30
Lý Nguyên Cát 30
Lê Quát 31
Lê Giốc 32
Lê Ôn Mật 32
Lê Văn Xao 33, 40
Lê Thái Tổ 62
Lư Thoa 99

Lý Ninh 101
Lê Thanh Cảng 124, 127, 131
Lê Ấm: 143, 145, 147, 148, 154, 155, 156, 233, 305, 308, 343, 345, 348
Lưu Cầu 265
Lê Văn Siêu 284
Lê Thị Chung 287, 349
Lê Thị Tỵ 288, 291
Lương Văn Can 289, 303, 354
Lê Đại 289
Lê Văn Huân 290, 294
Lê Quang Liêm 298
Lê Dư 303
Lê Thước 307
Lê Thị Vĩnh 313, 314
Lê Đình Lâm 314
Lý Thuỵ 319, 342, 356
Lê Thị Lộc 348
Lê Thị Kinh (Phan Thị Minh) 41, 45, 90, 91, 92, 98, 109, 110, 116, 120, 121, 133, 158, 164, 168, 175, 179, 187, 188, 193, 194, 196, 200, 206, 217, 218, 219, 220, 221, 222, 223, 227, 232, 234, 235, 283, 317, 319, 325, 327, 328, 329, 357, 348
Lê Bá Trinh 354
Lê Cơ 354, 355
Lê Khiết 354
Lê Xuân Lượng 355

Minh Công 16
Mã Viện 17
Mỵ Châu 17

Mị Ê 22
Mạc Đỉnh Chi 26, 62
Maurice Long 33, 36, 37, 95, 96, 118
Mạo Toại 44
Mét-xi-mi 49
Mạnh Đức Tư Cưu 99
Mã Khắc Tư 101
Moutet 106, 111, 112, 113, 201, 217, 218, 220, 221, 224, 225, 293, 308, 332, 335
Montesquieu 256
Mac Mahon 281
Millerand 281
Monguillot 283
Merlin 294
Maurice Violette 307

Ngô Sỹ Liên 11, 14, 15, 17
Nguyễn Hữu Độ 14
Ngoại Kỷ 15
Nhâm Diên 17
Nghĩa Hy 18
Như Thuận 19
Ngô Khuông Việt 20
Nùng Trí Cao 22
Nguyễn Dương 23
Nguyễn Thuyên 25
Nguyễn Sỹ Cố 26, 28
Nhật Duật 26, 28
Nguyễn Trung Ngạn 27
Ngưu Lượng 31
Nghệ Tông 31, 32
Nguyễn Mộng Hoa 32
Nguyễn Ái Quốc 33, 37, 40, 45, 99, 100, 105,

106, 107, 108, 109, 124, 125, 126, 127, 129, 131, 189, 190, 192, 193, 194, 195, 197, 288, 290, 292, 293, 294, 317, 318, 319, 320, 331, 332, 334, 335, 342, 355, 356
Nguyễn Đình Khánh 41
Nguyễn Văn Dương 49, 87, 282, 352,
Nguyễn Trứ 56
Nguyễn Quang Trung 60, 62
Nguyễn Văn Vĩnh 123, 124, 125, 126, 127, 190, 194, 307, 315
Nguyễn Văn Tạo 126
Nguyễn Văn Thành 141, 186, 276
Nguyễn Minh Quang 157, 159, 160, 161, 162, 163, 197
Nguyễn Duyên 183, 187
Nguyễn Thế Truyền 185, 187, 188, 193, 292
Nguyễn Văn Ái 195
Nguyễn Văn Thuận 204
Nguyễn An Ninh 221, 224, 227, 292, 293, 294, 307
Nguyễn Phan Long 232, 298
Nguyễn tử Vân 233, 234
Nguyễn Chĩnh 250
Nguyễn Huệ 250
Nguyễn Tri Phương 275, 287
Nguyễn Trường Tộ 275, 336
Nguyễn Thông 277, 278
Ngô Đức Kế 281, 288, 289, 230, 303, 307, 314, 333, 354
Nguyễn Lộ Trạch 287, 336
Nguyễn Quang Bích 287
Nguyễn Duy Hiệu 287, 288
Nguyễn Tất Thành 288, 290, 291, 292
Nguyễn Sinh Sắc 288

Nguyễn Sinh Huy 288
Nguyễn Đồng Hợi 289, 308, 343, 345
Nguyễn Thành 289, 290
Nguyễn Quý Anh 289
Nguyễn Như Chuyên 291
Nguyễn Tấn Dược 298
Nguyễn Huỳnh Điểu 298
Nguyễn Văn Thinh 298
Nguyễn Kim Đính 300
Nguyễn Quốc Tuý 303
Nguyễn Văn Tùng 304
Nguyễn Đình Ngân 307
Nguyễn Kinh Chi 307
Nghiêm Xuân Lãm 307, 315
Nguyễn Bá Trác 307
Nguyễn Thức Tự 309
Nguyễn Lương Bằng 317
Nguyễn Thị Bình 321, 347
Nguyễn Thị Châu Sa 321
Nguyễn Thị Thập 322
Ngô Đức Diễn 333
Ngô Đức Trì 333
Nguyễn Hải Thần 334
Nguyễn Hà Đông 347
Nguyễn Thị Châu Loan 347
Nguyễn Quyến 354
Nguyễn Trọng Lộc 354
Nguyễn Hiệt Chi 354

Ô Mã Nhi 59
Outrey 224

Phạm Công Trứ 14
Phạm Dương Mại 18

Phục Đăng Chi 18
Phòng Pháp Thặng 18
Phụng Hiểu 21
Phí Mạnh: 25
Phạm Ngũ Lão 29
Phạm Sư Mạnh 30
Phan Bội Châu 36, 49, 55, 58, 63, 64, 66, 67, 68, 71, 72, 73, 74, 75, 76, 77, 81, 82, 83, 85, 86, 102, 288, 289, 291, 294, 298, 305, 307, 308, 309, 310, 311, 333,
Paul Arnuox 41
Phan Văn Lương 300
Phạm Liệu 307
Pressence 308
Phan Khôi 316
Phạm Văn Đồng 325
Phan Văn Sỹ 338
Phan phu Tiên 15
Pháp Nhẫn 25, 57
Pasquier 91, 185, 283
Phan Văn Trường 100, 105, 106, 107, 124, 183, 188, 189, 194, 197, 214, 290, 291, 292, 294, 318, 326, 331, 334, 335
Phan Đình Phùng: 101, 287, 288
Phạm Quỳnh: 123, 124, 125, 126, 128, 190, 194, 210, 211, 293, 307
Phan Hiếu Kinh 157, 163, 164
Phan Hoàng Huyến 234
Phạm Ngọc Quát 257
Phan Văn Bình 287, 288, 349
Phạm Bành 287
Phạm Mẫn 288

Phan Châu Dật 288, 290, 292, 293, 308, 326, 349
Phan Thị Châu Liên 288, 308, 345, 347, 348, 350
Phan Thị Châu Lan 289, 308, 345
Phan Xích Long 291
Phạm Hồng Thái 294
Phạm Ngọc Thạch 321, 322
Phan Huy Lê 327
Phạm Phú Thứ 336
Phan Thanh Việt 338
Phan Văn Ấu 348
Phan Văn Cừ 349
Phan Thúc Duyện 354
Phan Thành Tài 354

Quang Thiệu 15
Quý Ly 32
Quang Trung: 61

Roux 106, 308

Sơn Điền Trường Chính 10
Sỹ Nhiếp 17
Sỹ Vương 17
Sầm Lâu 24
Sarraut
Sogny 283
Sào Nam 316

Thượng Giới Thị Trần Tiêu 5, 313
Trần Hữu Độ 9, 24
Trâu Diễn 12
Triệu Đà 12, 17
Trần Thái Tông 15, 23, 24
Triệu Vũ Đế 15

Thục An Dương Vương 16
Tần Thuỷ Hoàng 16, 51, 80
Tư Mã Cương 16
Triệu Xương 16
Tả Thị Xuân Thu 16
Trọng Thuỷ 17
Trưng Nữ Vương 17
Trương Lâm 17
Tích Quang 17
Trương Trọng 17
Triệu Ẩn 18
Tinh Thiều 18
Triệu Quang Phục 18
Tống Quách Quỳ 22
Triệu Việt Vương 23
Trần Thái Tông 23, 24
Tam Khôi 24
Trần Nhật Hiệu 24
Trần Thánh Tông 24, 26
Trần Uy Văn Vương 24
Trần Nhân Tông 24, 25, 28
Trần Quang Khải 25, 26
Trịnh Giác Mật 26
Trần Khánh Dư 26
Trần Anh Tông 26, 28, 29
Trần Quốc Tuấn 26, 59
Trần Cụ 26
Trịnh Thận Trọng 27
Trần Minh Tông 28, 29
Trần Nhật Duật 28
Trần Khắc Trung 28

Trần Hiếu Tông 28
Trần Dụ Tông 28
Trần Hữu Lượng 29
Trương Hán Siêu 29
Tĩnh Tuệ 29
Trâu Canh 29
Thiều Thốn 30
Trần Duệ Tông 32
Trần Phế Đế 32
Trần Công Niếu Bộ 32
Thanh Lương 57
Tôn Sỹ Nghị 59
Trần Quốc Tuấn 59
Trần Hưng Đạo 61
Trần Quý Cáp 64, 66, 74, 109, 257, 288, 279, 290
Thơ Đồng 103
Trần Đức 125
Trần Ngọc Thiện 125
Trần Hữu Trương 125
Trần Cao Vân 127, 290, 292, 354
Trần Văn Thông 187
Trần Văn Tường 187
Trần Lê Luật 195, 197, 199, 200
Tesensi 236
Trọng Dạng 240
Tự Đức 277, 278, 336
Tôn Thất Thuyết 287
Trần Dư 287
Trần Đình Phong 288
Thân Trọng Huề 288
Thái Phiên 292, 254, 255
Trần Văn Khá 294, 335
Trương Văn Công 298
Trần Văn Đôn 298

Trương Văn Bền 298
Trần Huy Liệu 300
Tôn Quang Phiệt 302, 333
Trần Vỹ 303
Trần Trọng Kim 307
Trần tuấn Khải 307, 314
Trần Đình Nam 307
Tố Hữu 317
Trần Phú 333
Trần Văn Cung 333
Trần Đình Phiên 354

Ulysse Leriche 134

Vũ Đức Vương 21
Võ Trọng Bình 275
Võ Công Tồn 298
Võ Liêm Sơn 307, 314
Vũ Kỳ 317, 318
Võ Nguyên Giáp 347
Vũ Quỳnh 15
Vương Mãng 17
Vũ Phương Trứ 63, 69
Vị Văn Định 124
Võ Hoàng Vũ 289
Victor Bosh 308

Xiêm 10, 34, 153, 261, 265, 267, 268, 274, 275
Xuyên Điền Cương 11
Xa-rô: 49
Xuân Thuỷ 323

Yết Kiêu 25
Yến 321, 322

MỤC LỤC

Lời nói đầu *05*

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TOÀN THƯ 07

Toàn văn mật báo của chỉ điểm Edouard 19-12-1919
Kính gửi Tân ấp tướng công Hoàng đại nhân

PHÁP VIỆT LIÊN HIỆP HẬU CHI TÂN VIỆT NAM 47
Tiểu dẫn
Thư gửi Nguyễn Ái Quốc 16-9-1920
Thư viết cho Toàn quyền Châtel xin về nước 6-1921
Phan Châu Trinh phúc thư Khâm sứ Pasquier 9-10-1921
Thư gửi Khâm sứ Tổng đại diện Đông Dương...
Hai bài báo viết về chuyến đi của Khải Định đến Pháp
Thư gửi Nguyễn Ái Quốc 18-2-1922
Phụ lục: Những suy nghĩ từ bức thư
của Phan Châu Trinh gửi anh Nguyễn
Thư gửi Phan Văn Trường 23-2-1922
Thư gửi Hạ nghị sĩ Moutet... 24-2-1922
Thư gửi Moutet đề nghị đăng bài báo thứ ba 4-3-1922
Thư gửi Moutet... 5-3-1922
Thư gửi Guesde từ chối hai điều kiện...
Thư gửi Bộ trưởng Bộ Thuộc địa 15-3-1922
Thư gửi Babut... 18-3-1922
Thư chuẩn bị sẵn để gửi các báo 26-3-1922
Đơn xin thôi việc gửi Guesde 6-4-1922
Thư gửi Ngài Hạ nghị sĩ 9-4-1922
Thư thứ hai xin gặp Sarraut 2-5-1922
Cuộc gặp gỡ giữa Phan Châu Trinh,

Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh 11-5-1922
Mật báo về cuộc gặp gỡ giữa Phan Châu Trinh...29-4-1922
Phụ lục:
Thử đi tìm một lập trường tranh đấu cho dân tộc Việt Nam
Thư gửi Sarraut 8-6-1922
Thư trả lời Ulysse 30-6-1922

THƯ THẤT ĐIỀU 135

Bài báo "Vì nhân quyền và văn minh,
một người An Nam bị xua đuổi..." 22-8-1922
Mật báo của Jolin về cuộc nói chuyện
tại Masseille 24-8-1922
Thư gửi báo *Le Populaire* 1-9-1922
Thư gửi Giám đốc báo *Humanité*
Mùa đông... muốn trở về quê 26-10-1922
Thư gửi GĐ báo *Humanité* (thư thứ 2) ngày 30-9-1922
Thư gửi A. Sarraut 19-12-1922
Cách cai trị bên An Nam: Một người tù nhân là cha
của dân An Nam...
Thư gửi một vị quan lớn sau ngày 23-12-1922
Thư gửi Phan Văn Trường 16-3-1923
Thư gửi Nguyễn Thế Truyền 10-4-1923
Thư gửi Phan Văn Trường 11-4-1923
Thư gửi Phan Văn Trường 14-4-1923
Thư gửi Nguyễn Văn Ái 13-8-1923
Việt Kiều diễn đàn 9-1923
Thư gửi Moutet 10-1923
Thư trả lời anh Đông 24-1-1925
Phát biểu tại cuộc họp 3-2-1925
Thư gửi Moutet 7-5-1925
Thư gửi Bộ trưởng Thuộc địa Daladier 7-5-1925
Bản tuyên bố quyền trở về nước gửi
Bộ Thuộc địa 13-5-1925
Thư gửi Moutet 13-5-1925
Thư cảm ơn Bộ Thuộc địa 20-5-1925

Thư gửi Bộ Thuộc địa trên tàu biển 2-6-1925
Phỏng vấn ông Phan Châu Trinh trên tàu Fontainebleau
Một cuộc trao đổi ý kiến với ông
Phan Châu Trinh 17-7-1925
Thư viết cho Sở Mật thám Sài Gòn 14-8-1925
Điện gửi Khâm sứ Trung Kỳ
Dịch bài Diễn thuyết của Tisensi
ĐẠO ĐỨC VÀ LUÂN LÝ ĐÔNG TÂY 19-11-1925 241
QUÂN TRỊ VÀ DÂN TRỊ CHỦ NGHĨA 27-11-1925 265
Phải có bản lĩnh đấu tranh
NIÊN BIỂU PHAN CHÂU TRINH 287
PHỤ LỤC 297
Phụ lục I - Phụ lục IX
PHẦN CHỮ HÁN 359
Đại Việt sử ký toàn thư
Tân ấp tướng công Hoàng đại nhân các hạ
Tướng công Hoàng đại nhân các hạ
Pháp Việt liên hiệp hậu chi Tân Việt Nam
Thất điều thư
Thiết sinh Sĩ Đông Dương hiện tình chi diễn thuyết
Phụ lục I: *Khấp* Việt Nam đại cách mạng gia
Phụ lục II: Điếu Phan Tây Hồ tiên sinh
Tính cập nhật kỳ lạ... *Nguyên Ngọc* *593*
Lời cuối sách... *Dương Trung Quốc* *601*
Bảng tra cứu tên riêng 607

PHAN CHÂU TRINH

Toàn tập

★

NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG

PHAN CHÂU TRINH

Toàn tập

★★

NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG

PHAN CHÂU TRINH

Toàn tập

★★★

NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG

CÔNG TY SÁCH Thời đại
THOIDAI BOOKS LTD
394 Nguyễn Thị Minh Khai, TPHCM- ĐT: 8344030
Fax: 8344029. E-mail: nhasachtre@yahoo.com